

**Lm. Lữ Y Đoan**  
(1613-1678)

***SẨM TRUYỀN CA***

**LỮ Y ĐOAN**  
**Linh mục Địa phận Đà Nẵng Trong**



**HỌC VIỆN CÔNG GIÁO và TỦ SÁCH NƯỚC MẪN**  
*liên kết thực hiện*

## **SẤM TRUYỀN CA**

**ẤN PHẨM ĐỐI CHIẾU ĐỂ PHỤC HỒI NGUYÊN BẢN**

**Ấn phẩm 020 dọn mừng 400 năm Văn học Công giáo Việt Nam**

*pdf dùng cho tọa đàm*

## Lời Giới Thiệu

Kính thưa Quý độc giả,

Năm 2020, nhân kỷ niệm 350 năm bộ sách *Sám Truyền Ca* bằng chữ Nôm (1670-2020) của Lữ Y Đoan, linh mục Địa phận Đàng Trong (1613-1678), Tủ sách Nước Mặn của Giáo phận Qui Nhơn đã giới thiệu một phần tác phẩm *Sám Truyền Ca* bằng Quốc ngữ, thực hiện lại theo ấn bản năm 2000 của Tập san Y Sĩ tại Canada. Nội dung được giới thiệu là quyển *Sáng Thế*, với tựa đề là *Tạo Đoan Kinh*, theo bản chép tay của nhà báo Paulus Tạo. Trong lời giới thiệu ấn phẩm này, tôi đã trình bày tác phẩm như một công trình “hội nhập văn hóa” đi trước thời đại của một linh mục Việt Nam, nhằm giới thiệu Thánh Kinh cho người Việt đương thời bằng chính chữ viết của họ (lúc ấy là chữ Nôm), với những nét văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Những ngày cuối năm 2022, Tủ sách Nước Mặn may mắn nhận được hai bản chép tay khác nhau: Bản của nhà báo Nguyễn Văn Nhạn tìm lại được tại Việt Nam và bản của nhà báo Paulus Tạo tìm lại được tại Canada. Hai tài liệu này hết sức quý để thực hiện một ấn bản đối chiếu bốn cột trọn 50 chương của quyển *Tạo Đoan Kinh*: cột nguyên bản Thánh Kinh, hai cột cho hai bản chép tay và cột thứ tư tìm định dạng bản Quốc ngữ đầu tiên năm 1820 do ông Phan Văn Cận chuyển ngữ. Tiếp đó là phần đối chiếu 21 chương của quyển *Lập Quốc Kinh*, với hai cột: nguyên bản Thánh Kinh và bản chép tay của Nguyễn Văn Nhạn.

Mục đích của ấn bản đối chiếu này là để tìm lại bản văn gần nhất với bản Quốc ngữ năm 1820 của ông Phan Văn Cận. Thực vậy, trải qua thời gian bản Quốc ngữ này đã được chép tay sao lại nhiều lần, không tránh khỏi đã có một số chỉnh sửa, sai sót, đang khi chính bản chép tay gốc đã bị thất lạc cho đến nay vẫn chưa tìm thấy. Chữ Nôm và Quốc ngữ đều là những ký tự giúp đọc tiếng Việt, viết khác nhau nhưng phát âm thì giống nhau. Tìm được khuôn mặt bản Quốc ngữ năm 1820 cũng có nghĩa là đã đọc được bản chữ Nôm trước năm 1820.

Việc phát hành ấn bản đối chiếu này nhằm lôi cuốn giới nghiên cứu chú ý tới một tác phẩm văn chương xuất sắc bằng thể thơ lục bát

của người Công giáo Việt Nam vào hậu bán thế kỷ XVII, trước thời đại chúng ta đang sống hơn 350 năm (1670-2023). Đang khi tiếp tục truy tìm nguyên bản bằng chữ Nôm của tác phẩm cũng như bản văn bằng Quốc ngữ đầu tiên của ông Phan Văn Cận, việc xác định được khuôn mặt gần nhất với bản Quốc ngữ đầu tiên đã là một tin vui. Đáng khác những chứng tích trong hai bản chép tay cho thấy những người làm công việc sao chép đều có cung cách hết sức trân trọng nguyên bản. Từ đó, ta có thể suy ra rằng độ chênh lệch giữa nguyên bản chữ Nôm 1670 và bản Quốc ngữ 1820 không đáng kể.

Việc tìm lại bản văn Quốc ngữ đầu tiên của *Sám Truyền Ca* cũng sẽ cho thấy mức độ phát triển và khả năng diễn tả trong sáng và đầy tính nghệ thuật của Quốc ngữ cách nay hơn 200 năm (1820-2023) và, hơn nữa, của chữ Nôm cách đây hơn 350 năm (1670-2023). Như thế, *Sám Truyền Ca* có thể được coi là một tác phẩm văn chương đáng liệt kê vào danh sách di sản văn học nghệ thuật Việt Nam và góp phần làm phong phú kho tàng văn học nước nhà.

Đối với người Công giáo, việc phát hành ấn bản đối chiếu này cũng cho thấy đây là một tác phẩm hay và có giá trị về phương diện đạo. Việc đối chiếu các bản chép tay cho thấy người xưa đã trân trọng tác phẩm này như thế nào, đến độ họ đã mang nó theo bên mình như một bảo vật trên đường trốn tránh cơn bách hại, đã sẵn sàng bỏ công sức để chép tay và truyền lại cho hậu thế, bất chấp thái độ chống đối của các thừa sai Tây phương. Các bản chép tay chứng tỏ một sự trân trọng rất lớn đối với từng câu từng chữ của tác phẩm. Hơn nữa, trong ấn bản đối chiếu này, không những các bản chép tay được đối chiếu với nhau, mà còn đối chiếu với bản văn Thánh Kinh nữa, qua đó các độc giả có thể thấy được sự trung thành của tác phẩm đối với Thánh Kinh.

Tác phẩm là niềm tự hào của giới học thức Công giáo, cách riêng là các linh mục và tu sĩ nam nữ. Tác phẩm cho thấy sự đóng góp hết sức quý báu của hàng linh mục Việt Nam vào công cuộc truyền giáo và hội nhập văn hóa của Giáo Hội tại Việt Nam. Lữ Y Đoan là một linh mục uyên bác cả về Hán học lẫn Tây học, cả về kiến thức Thánh Kinh lẫn học thuật phần đời. Ngài đã đóng góp biết bao tâm huyết lẫn sức lực để hoàn thành tác phẩm trong một hoàn cảnh thật khó khăn. Các linh mục và tu sĩ trẻ ngày nay nên coi ngài như một mẫu gương tuyệt vời trong việc rao giảng Tin mừng bằng con đường văn hóa và văn học, vốn được người Việt Nam quý trọng và yêu thích. Để được như vậy, cần phải trau dồi tiếng Việt và chú tâm nghiên cứu học thuật nước nhà, trong số đó có những kho tàng Hán Nôm rất đáng trân trọng.

Việc đối chiếu giữa các bản chép tay *Tạo Đoan Kinh* rồi ra cũng còn gợi lên sự đối chiếu giữa *Sám Truyền Ca* với *Truyện Kiều*. *Sám Truyền Ca* ra đời trước *Truyện Kiều* của thi hào Nguyễn Du đến 150 năm. Cả hai có thể có nhiều điểm tương đồng. Thi hào Nguyễn Du mượn một câu chuyện trong kho tàng văn học Trung Hoa để làm bối cảnh xây dựng *Truyện Kiều*, còn linh mục Lữ Y Đoan đã lấy câu chuyện Thánh Kinh để làm bối cảnh xây dựng *Sám Truyền Ca*. Cả linh mục Lữ Y Đoan và thi hào Nguyễn Du đều là những nhà uyên thâm Nho học, tác phẩm của hai vị đều phản ánh sâu đậm nét văn hóa này, tuy nhiên một vị nhìn từ lăng kính Phật giáo, một vị tiếp thu qua nhãn giới Kitô giáo. *Truyện Kiều* là chứng nhân thi ca đầu thế kỷ XIX, *Sám Truyền Ca* là chứng nhân của tiếng Việt cuối thế kỷ XVII. Khá nhiều chuyện lý thú.

Cuối cùng, việc ấn hành tác phẩm *Sám Truyền Ca* đối chiếu này cũng nhằm mục đích làm cho nhiều người có cơ hội biết đến giá trị của nó và tích cực tìm kiếm nguyên bản bằng chữ Nôm, bản chuyển ngữ đầu tiên bằng Quốc ngữ, cũng như những bản sao chép tay bằng Quốc ngữ còn lưu lạc đâu đó của phần sau quyển *Lập Quốc Kinh*, và của cả ba quyển tiếp theo của bộ sách *Sám Truyền Ca*.

Tôi xin trân trọng giới thiệu ấn phẩm đối chiếu này đến Quý độc giả gần xa, rất mong tác phẩm được nhiều người quan tâm đón nhận và giới thiệu cho những người quen biết, để càng có thêm nhiều người biết đến tác phẩm này và những giá trị của nó.

Tòa giám mục Qui Nhơn, ngày 05 tháng 8 năm 2023

**+Matthêô Nguyễn Văn Khôi**

Giám mục Giáo phận Qui Nhơn

Lưu ý Đoàn  
linh mục địa phận Đàng trong

# Sám-truyền ca

GENESIA  
Quyển I : Tạo đản kinh

Khải sáng cần khôn  
Đạo đản phu phụ.  
Đem dưỡng hỗ trợ.  
Sinh hôn trường tồn

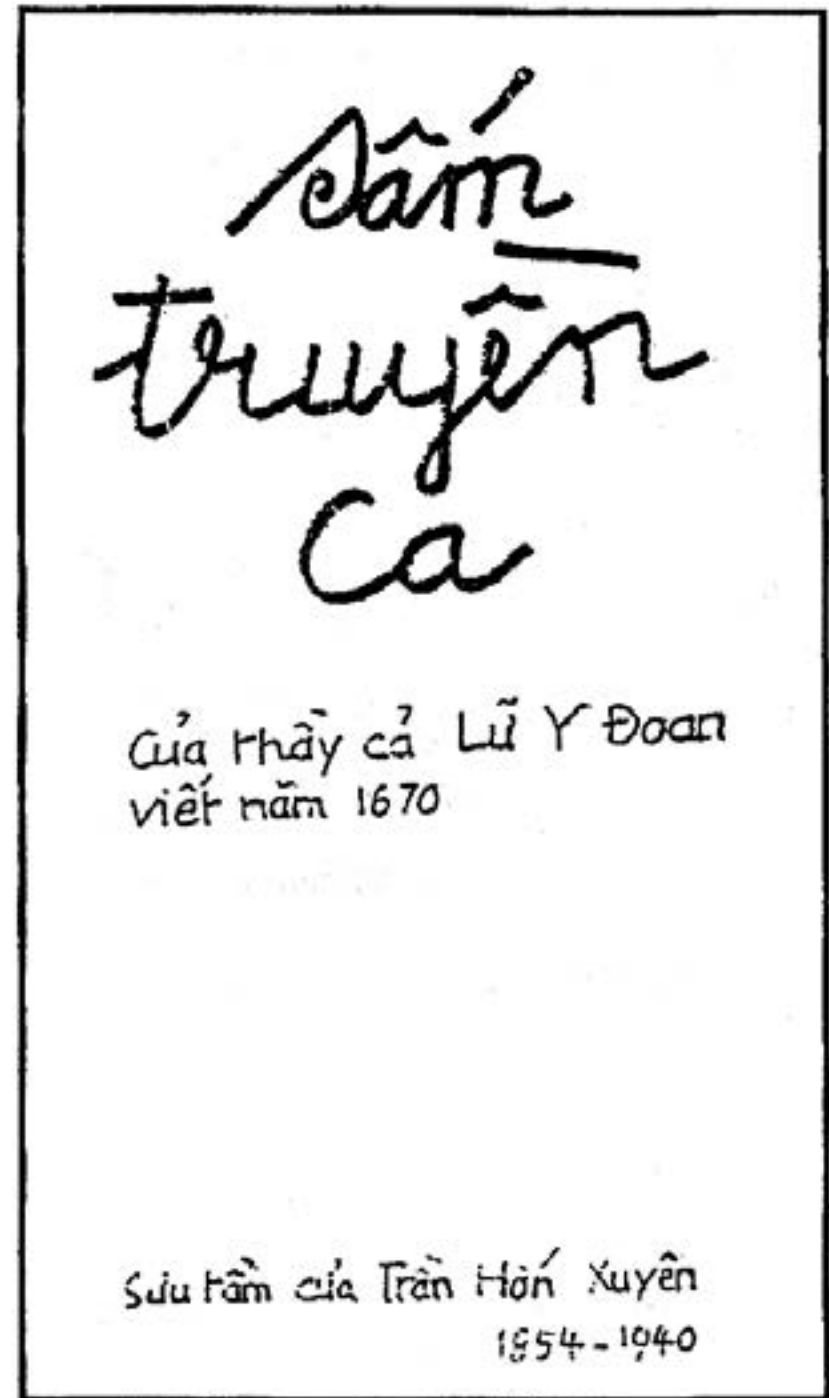
1670

Phụ bản I

Hình bìa *Sám Truyền Ca*  
do Paulus Tào thực hiện

Khổ 38.5 cm x 28.2 cm  
(Theo ấn bản *Sám Truyền Ca* - Canada 2000)

Phụ bản II  
Hình bìa *Sấm Truyền Ca*  
do Paulus Tạo phác họa  
dựa theo bản sưu tầm  
của Trần Hồn Xuyên  
Khổ 38.5 cm x 28.2 cm  
(Theo ấn bản *Sấm Truyền Ca* - Canada 2000)



Phụ bản III  
Hình bìa *Sám Truyền Ca*  
do Nguyễn Văn Nhuận thực hiện  
20 tháng 12 năm 1956  
Khổ 55.8 cm x 38.2 cm  
(Theo ấn bản *Sám Truyền Ca* - Canada 2000)



# SÁM TRUYỀN CA CỦA LỮ Y ĐOAN (1670)

Gs. Nguyễn Văn Trung

Năm 1993, Trường Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh ấn hành tập sách: *Về sách báo của tác giả Công giáo (thế kỷ XVII-XIX)<sup>a</sup>*, đưa tin đã tìm thấy mấy quyển sách quan trọng. Trong đó, đặc biệt quyển *Sám Truyền Ca* đã lôi cuốn được sự chú ý của nhiều người. Một số nhà nghiên cứu đã có bài phân tích và nhận định. Đây là trường thiên lục bát bằng chữ Nôm diễn thơ năm quyển đầu của *Kinh thánh Cựu ước*, do Lm. Lữ Y Đoan (1613-1678) hoàn thành vào khoảng năm 1670, được ông Phan Văn Cận chuyển sang chữ Quốc ngữ năm 1820. Ra đời cách hơn 350 năm, *Sám Truyền Ca* đã tỏa ra vẻ đẹp đáng kinh ngạc cả về văn chương, tư tưởng và đạo lý.

Để giúp quý độc giả có một cái nhìn tổng quát, xin giới thiệu bài viết của Gs. Nguyễn Văn Trung.

Lm. Trăng Thập Tự

Chúng tôi có trước mặt hai bản chép tay bằng quốc ngữ của Paulus Tào và Nguyễn Văn Nhạn do anh Hoàng Xuân Việt cho mượn nói là đã xin được hai nhà báo kể trên thuận trao lại cho anh.

## 1. MỘT VÀI GHI NHẬN VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

### A. XUẤT XỨ

#### a. BẢN PAULUS TÀO

Trang bìa chép “*SÁM TRUYỀN CA của thầy cả Lữ Y Đoan (viết năm 1670), sưu tầm của Trần Hón Xuyên (1854-1940)*”. Trang kể có đôi lời giới thiệu (10 dòng) của Paulus Tào, bị xé gần hết nên không rõ ngày chép, Saigon ngày 15-9 (mất) Paulus Tào, báo Nam Kỳ Địa Phận.

Trang sau chép: Lời tựa của Phan Văn Cận, người dịch bản Nôm ra Quốc ngữ từ 1816 đến 8-12-1820.<sup>b</sup>

#### **Lời tựa của Phan Văn Cận:**

“*Truyền rằng sách Sám Truyền Ca này là của thầy cả Lữ Y Đoan đặt ra năm 1670 viết bằng chữ Nôm.*”

*Thầy cả này đã trở lại đạo hồi nhỏ và đã làm thầy giảng giúp địa phận Đàng Trong, thầy rất tinh thông chữ Nho, thuộc nhiều Tứ thư;*

<sup>a</sup> <https://www.tapsanmucdong.net/2023/02/ve-sach-bao-cua-tac-gia-cong-giao-ky.html>; hoặc <https://www.van-thocongghiao.net/2023/02/sach-ve-sach-bao-cua-tac-gia-cong-giao.htm>

<sup>b</sup> Tiếp đây, Gs. Nguyễn Văn Trung ghi lại nguyên văn đầy đủ các lời tựa và nhận xét ở đầu bản Paulus Tào và lời nói đầu trong bản chép tay của ông Nguyễn Văn Nhạn. Chúng tôi sẽ không lặp lại các chứng từ này ở đầu phần đối chiếu, thay vào đó, xin đóng khung các tựa đề và in màu phần nội dung được Gs. Trung trích dẫn, để quý độc giả thấy rõ chỗ đứng và tầm quan trọng của chúng.

Ngũ kinh. Thầy làm sách này cho hàng văn Nho học để biết rõ đạo Chúa Giêsu.

Năm 1672, Đức Vít vô Lâm Biên Mộc phong chức thầy cả cho thầy, lúc ấy thầy trên 60 tuổi, một trật với thầy cả Mãn-hòe Bồn tại Cacham, Quảng Ngãi.

Sách này của thầy bị nhiều thầy cả Tây dang hỏi đó không ưng vì nó lai sách đạo Nho và đạo Phật, nhưng bồn đạo rất ưa và chép lại để đọc.

Sau đó cơn bắt đạo nổi lên, có mấy gia thất chạy vào miền Nam ẩn lánh, cho đến năm 1810, tại Cái Mơn được biết có sách này, nhưng ít người đọc được chữ Nôm. Đến năm 1816 nhiều thầy cả dạy tôi chịu khó viết ra chữ quốc ngữ, tôi vưng lời làm như vậy.

Nhờ chữ quốc ngữ nên bồn đạo chép theo được và ham đọc lắm. Có nhiều người biết Nho lấy làm hay, họ cũng xin chép để dành đọc”.

Tại Cái Mơn, ngày 8 tháng chạp tây, năm 1820

Simong Phan Văn Cận.

- Tiếp theo là **lời tựa của Trần Hón Xuyên:**

“*Trải qua cơn bắt đạo dữ dần đòi vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, việc giữ đạo ở miền Nam phải âm thầm, sách vở ảnh tượng đều được chôn giấu.*”

Đến năm 1870, có người đào được tại Cái Nhum (Chợ Lách, Vĩnh Long) một hầm vô chủ, có nhiều sách vở về đạo thánh, trong đó có *Sám Truyền Ca*, giấy đã mục nhiều, lúc ấy có ông Nguyễn Văn Thế chịu khó chép lại và truyền ra cho nhiều người biết.

Các linh mục Pháp thời đó không nhìn nhận là đúng với Kinh thánh của đạo, nên cấm bồn đạo đọc vì là sách dị đoan. Vì đó, *Sám Truyền Ca* bị mai một.

Năm 1908, tôi tình cờ gặp quyển sách này tại một nhà một bạn thân ở Cần Thơ. Đọc thấy lối viết của người xưa, theo cách cảm nghĩ của người Á đông, nhứt là thầy cả Lữ Y Đoan là một linh mục rất giỏi về Hán học, dĩ nhiên trong *Sám Truyền Ca* là sự dung hòa giữa nền văn hóa Đông Phương và Tây Phương.

Tôi không nhận xét về mặt hợp hay không hợp Kinh thánh, tôi mến phục lối thơ lục bát của người xưa và cách dùng chữ An Nam hồi đó, để lột hết ý nghĩa của Kinh thánh cho người An Nam dùng cách dễ dàng. Vì thế tôi đã xin chép lại để làm tài liệu quý giá, dành cho con cháu ngày



sau, được biết ông bà ngày xưa cũng đã đóng góp rất nhiều vào kho tàng quốc văn của dân tộc”.

Tại Cái Tắc, ngày 17 tháng năm tây năm 1910

Vêrô Trần Hớn Xuyên

- Sau cùng là **mấy nhận xét của Paulus Tào:**

Không rõ Simong Phan Văn Cận dựa theo tài liệu nào, đã viết:

“...Đức giám mục Lambert de la Motte (Lâm Biên Mộc) phong chức linh mục cho thầy giảng Louis Đoan (Lữ Y Đoan) một trật với Manuel Bồn vào năm 1672...”

Theo tài liệu quyển “Histoire de la Mission Cochinchine” của Adrien Launay, khoảng năm 1658-1823, các trang 197 đến 256 cho biết: “... Ngoài ba vị linh mục đầu tiên của Địa phận Đàng Trong, do Đức giám mục Lambert de la Motte phong chức tại chủng viện ở Siam (Xiêm la quốc) là linh mục Joseph Trang (1668), linh mục Lucas Bồn (gần cuối năm 1688) và linh mục Manuel Bồn (1672)... thì chỉ có linh mục Louis Đoan được phong chức tại đất nước An Nam trước nhứt ở Cacham (Kê chàm) Quảng Ngãi, nhằm ngày lễ sinh nhật Đức Mẹ năm 1676. Người đã lớn tuổi thông Nho học... và qua đời trong tháng sáu dương lịch năm 1678...”

Có thể Sám Truyền Ca được viết trong thời gian người làm thầy giảng đến cuối năm 1670 mới hoàn thành và phổ biến trong dân gian. Người viết bằng chữ Nôm, bản chính không ai biết, chỉ biết do bản của Simong Phan Văn Cận viết lại bằng chữ quốc ngữ năm 1820 tại Cái Mơn (Bến Tre).

Khoảng đầu thế kỷ XX, nhà in Công giáo lập tại Tân Định (Saigon) nhiều người muốn xuất bản các tác phẩm có đạo thời xưa, như các thứ văn và tuồng... nhưng Sám Truyền Ca vì viết theo lối cảm nghĩ diễn tả theo văn hóa Á đông mà người An Nam quen dùng trong văn chương nên không được các linh mục Lang sa thuộc Mission étrangère de Paris chấp thuận.

Lúc đó, linh mục Phao lô Qui cố gắng sửa chữa, nhưng vấp phải nhiều từ ngữ quá xưa và danh từ riêng về tên người, tên xứ, tên núi, tên sông đã ghi âm theo cách An Nam rất khó thay đổi cho xuôi, thành thử phải đình trệ mãi. Linh mục Giuse Trần Hiếu Lễ cũng sưu tầm nhưng không được đầy đủ lắm.

Phần tôi, nhờ bản sưu tầm của ông Phêrô Trần Hớn Xuyên đã chép trực tiếp bản của Simong Phan Văn Cận và được người cháu của linh

mục Phao-lô Qui ở Mỹ Tho giúp tôi một số tài liệu về Sám Truyền Ca, do linh mục sưu tầm và sửa chữa lại một phần”.

Paulus Tào

(Tuần báo Nam Kỳ Địa Phận)

Trang bìa:

Lữ Y Đoan

Linh mục địa phận Đàng Trong

Sám Truyền Ca

Genesis

Quyển I Tào Đoạn Kinh

Khai sáng càn khôn

Tào đoan phụ phụ

Âm dương hỗ trợ

sinh hóa trường tồn

1670

Bản chép của Paulus Tào gồm 185 trang, các chú thích là của Paulus Tào như chính ông đã xác nhận.

## b. BẢN NGUYỄN VĂN NHẬN

**Mấy lời nói đầu do ông Nhận ghi:**

“Theo truyền khẩu, bản Sám Truyền Ca này do linh mục Louis Đoan (thầy cả Lữ Y Đoan) viết ra lối năm 1670.

Ngài là nhà thông Hán học, gia nhập đạo Công giáo lúc thiếu thời và tình nguyện làm thầy giảng buổi sơ khai Công giáo ở Đàng Trong. Ngài viết nhiều tập thơ về giáo lý, giúp bản đạo dễ bề học hỏi. Trong số đó, có bản Sám Truyền Ca rất công phu, ngài viết theo thể thơ lục bát là loại văn chương bình dân thời đó.

Ngài đúc kết ngắn gọn theo cảm nghĩ và hiểu biết của dân tộc Á đông, vì thế người ta nhận thấy bản Sám Truyền Ca là một hòa đồng văn hóa Á đông và Kitô giáo... Hạng văn nho thời đó mền phục và thích đọc tác phẩm này, cũng có một số người trí thức đã xin theo Công giáo.

Lúc già trên 60 tuổi, nhận thấy tài đức và lòng nhiệt thành nên Đức Vít vô Lâm biên Mộc (đức cha Lambert de la Motte), giám mục địa phận Đàng Trong, đã phong chức linh mục cho ngài, tại Ke cham (Cacham) thuộc vùng Quảng Ngãi năm 1676.

Bốn Sám Truyền Ca của ngài đã bị các linh mục ngoại quốc thời đó chống đối, viện lẽ đã pha trộn nhiều tư tưởng ngoại giáo. Dầu sao cũng có người gìn giữ và khi chạy nạn cơn bắt đạo thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) ra lệnh cấm đạo Công giáo rất ngặt năm 1701, họ đã mang theo vào đất Đồng Nai.

Sống len lỏi với thổ dân, tìm nơi hoang địa, hợp nhau khai phá đất đai lập nghiệp sinh sống, theo cái thế da beo: Việt đông thổ rút, Việt rút thổ đông. chịu đựng biết bao gian khổ cực để sống và giữ đạo một cách âm thầm.

Đến năm 1757, chúa Nguyễn Phúc Khoát hoàn toàn làm chủ vùng Thủy Chân Lạp (miền lục tỉnh) và phân khu hành chánh. Bấy giờ nhiều làng mạc người Việt kê khai lên bản đồ đất nước, đồng thời các vùng Công giáo cũng ra mặt như Cái Mơn, Cái Nhum, Mặt Bắc, Bãi Giồng... là những vùng đa số là Công giáo.

Bốn Sám Truyền Ca còn được tìm thấy ở Cái Nhum, Cái Mơn thuộc Long Hồ Dinh (hiện nay, 1956, thuộc tỉnh Bến Tre). Có người viết ra chữ quốc ngữ từ bốn gốc chữ Nôm, và đã được chuyển tay nhau chép lại và phổ biến rất hạn chế, vì lẽ quá dài và ít người có đủ khả năng về văn hóa giữa thời Hán, Nôm và chữ quốc ngữ đang tranh giành chỗ đứng dưới chế độ Pháp thuộc tại Nam kỳ.

Bốn Sám Truyền Ca này được chép lại nhờ linh mục Phao-lô Qui (địa phận Saigon) cho mượn.

Lúc nhà in Công giáo của địa phận Saigon mới thành lập tại nhà thờ Tân Định (Saigon), nhiều giáo hữu và linh mục nhiệt tâm muốn xuất bản tác phẩm này. Nhưng qua nhiều lần thảo luận không đi đến kết quả, vì hai lý do:

Vì chi phí quá nặng đối với nhà in còn nghèo, số vốn xuất bản không được đức giám mục sở tại trợ cấp. Kế đó, do ý kiến các linh mục Pháp không đồng ý, vì e bản dịch Sám Truyền Ca không lột hết ý nghĩa của Kinh thánh bản Vulgata.

Khoảng năm 1920-1930, tại Saigon có nhiều báo chí Công giáo do giáo dân đảm trách, như nhật báo Công giáo Đồng Thịnh của Đoàn Kim Hường, tuần báo Công giáo Tiến Hành của Đoàn Công Chánh, tuần báo Dân Nam của Tô Đức Thế, tuần báo Dân Hiệp của Nguyễn Cang Thường... và tuần báo Nam Kỳ Địa Phận là tờ liên lạc thông tin của Tòa Giám Mục Saigon do linh mục lãnh đạo, đã xuất bản từ đầu thế kỷ XX. Trong thời gian này, theo lời Paulus Tào, ký giả Công giáo đang giúp tuần báo Nam Kỳ Địa Phận (Nhà thờ Tân Định Saigon) thì ông Trần Hớn

Xuyên (họ đạo Cái Mơn Bến Tre) đã giao tận tay ông bốn Sám Truyền Ca và yêu cầu xuất bản hoặc đăng tải từng phần trên báo chí Công giáo, nếu có thể được.

Bốn Sám Truyền Ca này không khác với bốn của linh mục Phao-lô Qui bao nhiêu, mà Paulus Tào hiện có, do con cháu của linh mục tại Mỹ Tho giao lại. Bốn của linh mục Phao-lô Qui thì có đánh số câu như Kinh thánh, còn của ông Trần Hớn Xuyên không có.

Bốn của linh mục Phao-lô Qui, được Paulus Tào chuyển lại cho báo Công giáo Tiến Hành, sau đó chuyển về báo Dân Hiệp. Nhưng rồi, vì nhiều lý do, nhất là lý do tác phẩm quá lớn, gồm năm quyển đầu của bộ Kinh thánh Cựu ước, hơn nữa, tác phẩm bị chê là không còn hợp thời: thời tân văn tiến triển mạnh đẩy lùi thời văn về vào quá khứ. Do đó, bốn Sám Truyền Ca bị xếp vào tủ tài liệu của báo chí. Năm 1947, Nguyễn Cang Thường về giúp tạp chí Tông Đồ, thì mang theo một mớ văn liệu, trong đó có bốn Sám Truyền Ca.

Năm 1950, báo Tông Đồ dời trụ sở từ số 6, đại lộ Luro đến số 1, đường Frères Guillaumont, thì các văn liệu cũng được chở theo, xếp vào các kệ sách báo.

Thời cuộc biến chuyển mau lẹ, chiến tranh nổi lên khắp nước người ta chỉ còn lo sống với chết là vấn đề quan trọng hàng ngày, mọi việc khác xếp lại tất cả.

Năm 1952, nhà báo Tông Đồ bị bão làm sập đổ, văn liệu hư hại hơn phân nửa. bốn Sám Truyền Ca hư hỏng hoàn toàn ba quyển sau vì bị nước ngập và mối xông phá, chỉ còn hai quyển đầu là Genesis và Exodus. Quyển Exodus bị mối tàn phá phân nửa.

Sau phong trào di cư 1954, nhà báo Tông Đồ cất lại vào địa thế nhất định, phía sau thà thờ Chợ Đũi (1 Bùi Chu, quận 2, Saigon), thì các văn liệu còn lại chút ít tập trung về đó. Năm 1956, thấy bốn Sám Truyền Ca này bị hư hao nhiều tôi cố gắng chép lại, để kho văn liệu Công giáo sau này khỏi thiếu một tài liệu quý giá của người xưa".

Saigon, ngày 15-10-1956

Thaddoeus Nguyễn Văn Nhạn

Báo Tông Đồ Saigon

Bản Nguyễn Văn Nhạn gồm 238 trang, chép quyển I: Tào Đuan Kinh và một phần quyển hai: Lập Quốc Kinh (Exodus) từ 171-237, và ông Nguyễn Văn Nhạn than thở:

“... Rất tiếc, chép lại tới đây thì không còn thế nào mò ra được nữa, vì hơn phân nửa quyển Lập quốc kinh (exodus) bị nằm dưới nước thấm ướt và mối đã gặm nát cùng số phận với ba quyển sau là Lévitique, Les Nombres và Le Deutéronome, mà tôi không mò ra tên bằng tiếng Việt thời xưa, mà thầy cả Lữ Y Đoan địa phận Đàng Trong đã đặt ra.

Còn bao nhiêu thì ráng chép bấy nhiêu, để con cháu sau này nhớ lại công phu các kinh mục thờ sơ khai Công giáo Đàng Trong đã cố gắng xây đắp hội thánh Việt Nam bằng trí óc với máu đào, trải qua biết bao giai đoạn khó khăn,

Nguyện xin Chúa Giêsu Kitô, Đức Mẹ Maria, Thánh cả Guise và các thánh tông đồ, các thánh tử đạo, các thánh tu hành phù hộ cách riêng Hàng giáo phẩm Việt Nam cũng như các linh mục toàn quốc”.

Chép xong ngày 20-12-1956  
Thadoeus Nguyễn Văn Nhạn  
Báo Tông Đồ Saigon

## B. NHẬN XÉT

1. Chưa tìm ra bản gốc bằng chữ Nôm.

2. Những bản quốc ngữ của Phan Văn Cận, Trần Hớn xuyên, Phao-lô Qui hiện nay cũng thất lạc. Chỉ có hai bản chép tay của Paulus Tào và Nguyễn Văn Nhạn. Ông Nhạn cho biết Lữ Y Đoan đã dịch 5 quyển của Kinh thánh nhưng đã bị hư hại, chỉ chép được một quyển và một phần của Exodus.

3. Tìm hiểu về tác giả, chúng tôi thấy có vài tài liệu gốc chứng tỏ tác giả có thực:

Tuần báo *Nam Kỳ Địa Phận* trong bài “Đức giám mục tiên khởi ở miền Nam” khởi đăng từ số 19/12/1929 đến số 11/9/1930, trang 511 thấy ghi “Nơi Đức cha (De La Motte) đi viếng sau hết là tỉnh Quảng Ngãi, ở đó người ta tuyên chức cho thầy Louis Đoan là kẻ giảng cụ phúc thông minh đức hạnh. Cha mới này về vinh quy tại Kẻ Chàm bốn quán mình trong nhà người em, có đủ mặt giáo nhơn năm bảy người trực hội hi hỷ linh đình”.

*Nam Kỳ Địa Phận* không ghi dựa vào đâu mà chép như trên.

*Les Origines du clergé Vietnamien* của linh mục Nguyễn Hữu Trọng, tin tại Saigon 1950, luận án tiến sĩ Thần học, có hai chỗ nhắc tới Louis Đoan và cho biết xuất xứ trích dẫn:

“Trước khi trở lại Xiêm, Lambert de la Motte tuyên chức cho linh mục thứ tư ở Đàng Trong là Louis Đoan đã được Courtel in chuẩn bị cho việc truyền chức” (trang 181-182)

“Lễ truyền chức duy nhất ở Đàng Trong thời kỳ này là của Louis Đoan, linh mục thứ tư ở Đàng Trong... Khi đi thăm viếng Quảng Ngãi về, Lambert de la Motte đã truyền chức linh mục cho Louis Đoan “một trong những thầy giảng lâu năm nhất và là nhà nho lớn tuổi hơn cả của xứ này”. Louis Đoan làm lễ mở tay ở Cacham, ngày lễ sinh nhật Đức Mẹ ở nhà người em út” được trang hoàng rực rỡ với sự có mặt của khoảng 500 giáo hữu thuộc thành phần ưu tú của tỉnh” như Courtaulin đã ghi lại. Tuy nhiên ông không sống lâu và qua đời hai năm sau, vào tháng sáu năm 1678 vì là nạn nhân của nước độc” (trang 220).

Linh mục Nguyễn Hữu Trọng đã dựa vào:

- Launay. *La Cochinchine*, trang 179,187,191.

- Courtaulin à Lambert de la Motte, 1767, Arch. M-E. vol. 734, p. 176.

- Relation de Courtaulin, Arch. M-E. vol. 734, p. 305, vol. 735, p. 151.

Như vậy, người viết bài cho Nam Kỳ Địa Phận có lẽ cũng dựa vào mấy tài liệu kể trên.

Những tài liệu này cho biết có thầy cả Lữ Y Đoan, một trong bốn linh mục đầu tiên ở Đàng Trong, được truyền chức tại Việt Nam, còn ba người kia: Joseph Trang, Lucas Bền, Manuel Bồn được truyền chức ở Xiêm. Ông chịu chức linh mục năm 1676 và mất năm 1678. Nếu được đọc những tài liệu gốc của Hội thừa sai có lẽ sẽ biết thêm chi tiết về Louis Đoan, đặc biệt về bộ *Sám Truyền Ca*, ghi là soạn năm 1670.

Những tài liệu gốc (hồ sơ lưu trữ của Hội thừa sai Paris) không rõ có cho biết về “Lữ Y Đoan là tác giả *Sám Truyền Ca*” hoặc về thái độ phê phán của các thừa sai đối với *Sám Truyền Ca*. Luận án của linh mục Trọng chỉ cho biết thái độ của các thừa sai đương thời đối với bốn linh mục đầu tiên ở Đàng Trong là không hài lòng, nhưng không nêu rõ cụ thể về điểm nào (tư cách hoặc tư tưởng). Một trong các thừa sai, Courtaulin, cha chính địa phận đã có những phê phán gay gắt trong một thư gửi cho Đức cha Giám mục Lambert de la Motte: “Tôi cầu xin Thiên Chúa soi sáng cho Đức cha trong việc truyền chức các linh mục ở Đàng Trong, vì khi thấy do kinh nghiệm những người đã được truyền chức, tôi thấy run sợ về điều sau này chúng ta sẽ không có những linh mục tương tự hoặc tệ hại”. (Courtaulin à Lambert de la Motte, tr. 198, *Les Origines...* tr. 223).

Có nhận giả thuyết cho rằng các thừa sai phê phán hoặc cấm đọc *Sấm Truyền Ca*, nhưng sách vẫn lưu truyền, được giáo dân hay người ngoài Công giáo ưa thích đọc, mặc dầu thái độ phê phán, cấm đoán của thừa sai, mới hiểu tại sao linh mục Phaolô Qui, nổi tiếng về thông thái đã nghĩ đến việc sửa chữa lại bản của Lữ Y Đoan cho hợp với “chính thống” hơn về nội dung và dịch tên riêng theo phiên âm... để có thể in và phổ biến công khai *Sấm Truyền Ca*. Linh mục Qui đã nhận xét *Sấm Truyền Ca* ra sao? Paulus Tào và Nguyễn Văn Nhận, cả hai người đều được bản chữa của linh mục, đã trích lại mấy nhận xét của linh mục như sau:

#### **- Bản Paulus Tào:**

1. Thầy cả Lữ Y Đoan dựa theo Kinh thánh khá chặt chẽ trừ những câu về tên riêng của dòng dõi các tổ phụ thì viết đại khái theo điểm chính.

2. Những câu không phù hợp dân tộc An Nam, thì trình bày theo sự kiện thần thoại mà người Á đông quen dùng, chẳng hạn như ông Lót và hai đứa con gái của mình...

3. Về tên riêng, không rõ chữ Nôm xưa viết thế nào, chỉ theo bản của Phan Văn Cận (1820) và tôi đã chữa lại theo lối phiên âm của linh mục Lang sa quen dùng tại Saigon hiện nay (1885).

#### **- Bản Nguyễn Văn Nhận:**

“Khi đánh số câu theo Kinh thánh Cựu ước, linh mục Phaolô Qui có nói... Tôi có ý theo dõi *Sấm Truyền Ca*, để tìm hiểu ý chính của tác giả, là dựa sát kinh thánh diễn lại việc làm của Thiên Chúa trong thế gian; còn phần ghi gia phả các con cái ông No E (Nhữ Y) thì tác giả chỉ nêu nhân vật và thành phố có tên tuổi trong lịch sử, đồng thời theo cảm nghĩ của người An Nam thời đó, vạch rõ hai trào lưu nòng cốt là Đạo và Đồi đang song hành trong cuộc sống loài người. Tác giả viết cho người An Nam đọc, không phải viết cho dân Giudêu (Do Thái).

## **2. NHỮNG VẤN ĐỀ HỘI NHẬP VĂN HÓA**

*Sấm Truyền Ca* cho thấy hồi đầu truyền giáo, Nho học và chữ Nho, chữ Nôm đã được người Công giáo vận dụng thế nào. Ngay cả thời kỳ đầu Pháp thuộc ở Nam Kỳ, chúng tôi ngạc nhiên khám phá ra các sách báo Đạo cũng vẫn thấm nhuần Nho học. Chẳng hạn tờ *Nam Kỳ Địa Phận* cho thấy không những Nho học đã được giới thiệu một cách trực tiếp qua các bản văn, câu chữ Nho, mà còn chi phối về tinh thần trong các bài luận thuyết, truyện ngắn, truyện dài. thật thích thú khi thấy ngay cả truyện Tàu cũng được Kitô hóa hấp dẫn như truyện *Gioan Ngô Kim*

*Thạch*. Những dữ kiện này bắt buộc chúng tôi phải bỏ luận điểm mà chúng tôi đã đưa ra: chính sách dùng quốc ngữ, thủ tiêu nho học, chữ nho để cô lập người Công giáo với cộng đồng dân tộc về văn hóa, đồng thời cũng bắt buộc bác bỏ luôn cả thiên kiến cho rằng miền Nam ít có truyền thống văn hóa dựa trên Nho học. Về điểm này chúng tôi cũng có khá nhiều dữ kiện chứng minh Nho học thấm nhuần sâu đậm trong lòng người ở vùng đất mới như thế nào (căn cứ vào những tác phẩm bằng quốc ngữ của thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong công trình nghiên cứu mang tên “*Hồ sơ về lục châu học, dựa vào tài liệu văn sử bằng quốc ngữ xuất bản ở miền Nam (1865-1930) nghiên cứu liên ngành tìm hiểu con người ở vùng đất mới*” (bản thảo 1.000 trang, chưa xuất bản).

Nếu so sánh bản *Sấm Truyền Ca* của Lữ Y Đoan với bản của Tổng Viết Toại, *Phúc Âm Ca*, nhà in Thánh Tâm Huế 1955, sẽ thấy sự cách biệt một trời một vực về mặt Việt hóa, và trình độ nghệ thuật, mặc dầu bản của thế kỷ XX được giám mục địa phận đề tựa và thư khen xã giao của Tòa Thánh, nhưng hình như ít ai biết đến.

Sự kiện trên cho thấy trí thức Công giáo ngày nay trong đó có chúng tôi, có thể có học vị chuyên môn am hiểu Thần học, kinh thánh theo Tây Phương, nhưng lại ít vốn am hiểu văn hóa Việt Nam dựa trên nho học so với các bậc cha anh đi trước: Lữ Y Đoan, Phan Văn Cận, Trần Hớn Xuyên, Phaolô Qui, Paulus Tào, Thaddoeus Nguyễn Văn Nhận.

Để giới thiệu *Sấm Truyền Ca* như một nỗ lực Việt hóa Đạo Thiên Chúa ở thuở ban đầu (bằng cả hai nền văn học bác học dựa trên Nho học và văn hóa dân gian, dựa trên lối diễn tả bằng văn vần lục bát). Chúng tôi chỉ xin nêu ra một số ghi nhận về từ và trích dẫn những chú thích của hai nhà báo Paulus Tào và Nguyễn Văn Nhận.

#### **Dịch tên riêng:**

Tên riêng, nhất là tên người, muốn có vẻ Việt Nam thường được chọn đặt trong tinh thần chú ý đến những quy luật phối thanh phối vận, từ đẹp, thanh, có ý nghĩa, giá trị nào đó. Như vậy dịch theo phiên âm không thể đáp ứng những đòi hỏi trên. Thầy cả Lữ Y Đoan đã chọn cách dịch có nghĩa cho có vẻ Việt Nam. Lối dịch này có thể không trung thực trong trường hợp tên riêng, không có nghĩa, mà gán cho có nghĩa, hoặc có nghĩa mà gán cho nó một nghĩa khác...

Chẳng hạn:

#### **Tên người:**

*Adam* dịch là: A dương có nghĩa nhập vào cõi dương tức là cõi hữu hình – gốc bản chữ Nôm... đọc trại ra là A-dong hay A-dang.

*Eve* : Y-ba.  
*Cain* : Khả-ân  
*Abel* : An-biên  
*Noe* : Nhữ-yên  
*Dina* : Thùy-nga  
*Lea* : Lê-anh  
*Laban* : Lã-bàng  
*Chérubin*: Cơ-biên  
*Esau* : Ân-giao  
*Jacob* : Gia-cước

**Tên đất, tên vật:**

*Canaan* : Trà-nam  
*Armenia* : Am-nha  
*Haram* : Hà-lâm  
*Sichem* : Sĩ-kiêm  
*Jordan* (sông) : Dự-giang  
*Đan* : Đan-thành  
*Salem* : Sa-liêm  
*Babel* (tháp): Bá-biện (bản Paulus Tạo), Hồn-lầu (bản Nguyễn Văn Nhạn).

**Từ còn dùng:**

Bá hộ, lão bộc, gia trang, gia nhân, gia thất, điểm tâm, cà nhắc, chính sách kinh tài, luật giang hồ, quốc gia, nam kha một giắc, xích thằng đã xe, biến cố, quốc giáo, lộ trình, chiến trường, quan san, tham mưu, xà ngẫu, chè chén, đồng bào, toàn dân, phân quyền, phân công, lãnh đạo, dân sinh, dân tộc, tuyên ngôn, giáo chủ, giải phóng, xã hội, phóng thích, cảnh cáo, quốc khánh, phá sản, đàm phán, ý đồ, yêu cầu, (bể xiềng) nô lệ, (xây nền) tự do, hồ sơ, hành lý, kế hoạch, hoan nghênh, thất nhân tâm.

**Từ cổ:**

Từ dùng thời ấy, bây giờ không còn dùng:

*Chòi mời*: tò mò, tọc mạch

trong câu:

*Đáp rằng: Sao lại chòi mời chi danh* (c. 2052).<sup>a</sup>

Kiết nhựt (LQK 1525).

Từ ngữ dùng thô sơ, bây giờ vẫn còn thấy trong các sách kinh, sách đạo cũ, nên *có thể làm cho hiểu lầm* là tiếng nhà đạo, mà thực ra kinh sách truyện đạo chỉ dùng tiếng của ngôn ngữ đương thời:

*Cả và*: tất cả, trong câu: “Cả và thiên hạ nhờ đây phước lành.” (c. 826).

**Những kiểu nói trở thành thành ngữ**, hoặc thuần túy Nôm, hoặc Hán Việt, đối hay không đối trong câu bốn chữ:

Đèo heo hút gió	(1648)
Cơm ăn áo mặc	(2789)
Rẽ đàn tan ghé	(1908)
Chén thù chén tạc	(1976)
Tôi trai tớ gái	(1802)
Đẹp mặt nở mày	(1263)
Gần đất xa trời	(2309)
Bá láp bá xàm	(2375)
Tiền trao cháo múc	(2430)
Ăn ngon mặc ấm	(2582)
Tình ngay lý gian	(3085)
Gây thù chuốc oán	(3462)
Mạnh ăn yếu chết	(286)
Đồng không mộng quạnh	(LQK 1220)
Sơn lam chướng khí	(LQK 1431)
Miệng lưỡi Tô Tần	(LQK 261)
Tùy cơ ứng biến	(LQK 278)
Nghìn thu an nghĩ	(1174)
Thiên thời địa lợi	(1258)
Lương duyên tiền định	(1276)
Xích thằng đã xe	(1276)
Tam đa ngũ phúc	(1308)
Thượng lộ bình an	(1307)
Thống nhất san hà	(2353)
Khẩu xà tâm phật	(3486)
Hào hoa phong nhã	(3498)
Tế thể kinh bang	(455)
Tiền hô hậu ủng	(2777)
Cứu nhân độ thế	(2782)
Mưu sự tại nhân	(3137)
Dẫn thủy nhập điền	(3361)
Thế thái nhân tình	(2683)
Tâm đầu ý hiệp	(LQK 1370)

<sup>a</sup> Gs. Nguyễn Văn Trung trích theo số trang của bản chép tay, TSNM đổi lại theo số của dòng thơ để dễ tra cứu.

**- Dịch (thích nghi) phong tục (dân gian) hằng ngày:**

Mấy khay trầu hảo, mấy bình trà thơm (3014)

Ruộng vườn sự sãi thì chừa (3353)

Tới đây đồng đảo ma chay khác thường (3550)

*Chú thích của Paulus Tào: Người xưa mượn danh từ này để chỉ việc cúng tế linh đình theo phong tục người An Nam đối với kẻ chết. thật ra đám tang của Gia cớ (Jacob) có thể theo tang lễ long trọng của dân Ai Cập xưa.*

Đoạn chào thiếu nữ, lệ hòa chứa chan (1674)

*Chú thích (Ct): Lm. Phao-lô Qui (1885) đã sửa lại: đoạn hôn thiếu nữ tuy sát nghĩa thánh kinh, nhưng hợp phong tục An Nam, nên xin theo bản cũ để nghe hơn.*

Hái về cho mẹ nhãn lồng chín thơm. (1760)

*Ct: Thầy cả Lữ Y Đoan có dụng ý dùng chữ nhãn lồng một loại dây bò, trái ăn ngon có dược tính làm làm cho ngủ ngon và trợ tim... để gọi chữ Mandagoras (một loại ngải mê làm bùa yểm) trong kinh thánh.*

Giúp cho sen muống một nhà (2165)

Tớ xin đạm bạc hầu ngài bữa cơm (802)

Khách thăm cầm đĩa dùng qua (807)

Khóc la mặc khóc, họ ngồi ăn cơm (2418)

*Ct: người xưa đã An Nam hóa bữa ăn, như dọn cơm, cầm đĩa... Thật ra, thời thượng cổ các giống dân ở vùng này ăn uống như thế nào không biết rõ. (Paulus Tào).*

*Cầm đĩa, tác giả viết cho người An Nam đọc, nên trình bày theo phong tục sinh sống của dân tộc mình, hầu cho giới bình dân dễ thông cảm. (Nguyễn Văn Nhuận).*

Vua ban đại tự vàng son (2781, Nguyễn Văn Nhuận)

*Ct: Tác giả theo thói triều đình An Nam, khi vua ban tặng công đức vị quan nào hay bá hộ nào, thì người đó tùy tiện làm khuôn biển tô chọn chữ vua ban cho đó sơn son thiếp vàng treo giữa nhà.*

**- Dùng điển tích:**

Chiến quốc, xuân thu

Chiêu binh, mãi mã, cung tên

Đòi nơi chiến quốc, khắp miền xuân thu (458)

*Ct: Chiến quốc Xuân thu, hai thời kỳ của sử Trung Hoa dùng ghi lại các sắc tộc giành quyền sống, chém giết lẫn nhau, ưu thắng liệt bại, một cách ghê gớm vô nhân đạo. Tác giả mượn điển tả cảnh tàn sát của các dân thượng cổ. (Nguyễn Văn Nhuận)*

*Các giống dân luôn tranh bá đồ vương, không khác nào thời chiến quốc, thời xuân thu ở Trung Quốc ngày xưa (Paulus Tào, tr. 3 ? )*

Hỗn lầu:

Hỗn lầu danh gọi về sau

Kể từ việc ấy. ngũ châu người trần (489-490, Nguyễn Văn Nhuận)

*Ct: Lầu đài hỗn độn hay là cái tháp hỗn xược kiêu căng. Tác giả dịch nghĩa La ngữ chữ Babel (tháp Babel). Lm. Phao-lô Qui dùng chữ Babên thế vào chữ hỗn lầu. Chữ hỗn lầu tác giả dùng không có nghĩa cái tháp hỗn xược kiêu căng, nhưng mượn nghĩa câu sách xưa: "... cổ kim vị tất hồ thiên lực, duy hữu nhân gian hữu độn lầu". (Xưa nay chưa chắc là đã có một thế lực bằng trên trời, trong cõi loài người chỉ có những lầu đài đầy dẫy những lộn xộn, hỗn độn).*

Ngôi cửu trùng:

Ấn-long đã chọn một nơi

Cho dân tụ lại đón ngôi Cửu trùng (LQK 1241-1242)

Đồng bào giận dữ chi tôi

Đó là thử thách đến ngôi chín tầng (LQK 1315-1316)

Trong câu 2 sách dịch Nôm để giữ vần điệu.

*Ct: nơi vua ở, thâm nghiêm qua chín lớp cửa mới đến được. (x. Tầm Nguyên Tự Điển – Bửu Kế, XB. Nam Cường, Saigon, tr. 101)*

**- Sử dụng những câu chữ Nho**

**Bản Paulus Tào:**

- Hữu tam bất hiếu, gọi chồng thờ than (714)

*Ct: Theo câu nói: "Bất hiếu hữu tam vô hậu chi đại."*

- Đây rồi, giai ngẫu thiên thành (1223)

*Ct: Do câu nói: ... giai ngẫu tự thiên thành – lương duyên do túc đế.*

- Chúc nàng thượng lộ bình an

Tam đa ngũ phúc rõ ràng tông môn (1307-1308)

Ct: Lời chúc của người xưa: đa tử, đa tôn, đa phú quý. Tam đa nhập trạch đa gia đa. Ngũ phúc: lời chúc của người xưa: phúc, lộc, thọ, khương, minh: ngũ phúc lâm môn phúc thêm phúc (bản Nguyễn Văn Nhạn, tr. 70, cũng chú thích tương tự)

- Bẩm bà: “thiên hạ ngũ thường  
Tôn ti đẳng cấp mới hơn thú cầm  
Chữ rằng: vạn ác chi dân  
Hoàng thiên hữu nhãn, thiên tâm gặp lành (2587-2590)

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn:**

- Nhứt tâm hành đạo theo đàng lễ nhân (828)

Ct: Câu này phù hợp với ý nghĩa một câu trong Nho giáo:

“Thường bả nhứt tâm hành chính đạo, mẫn thân ngũ đức lập chân tâm (mỗi ngày một lòng làm theo chính đạo (đạo của trời) suốt đời sống theo ngũ đức (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín) để xây dựng một tấm lòng ngay thật).

- Đúng như lời đã đặt ra,  
Đạo cao năm chục, bỏ qua tức thì (841-842)

Ct: Có câu: đạo cao long hổ phục, đức trọng quỷ thần kinh.

- Hằng-sa hiểu rõ thiệt hư  
Tử sinh hữu mạng, sinh cư có trời (1051-1052)

Ct: Tác giả lấy ý một câu trong Nho giáo: ... tử sinh hữu mạng âm dương lập, bản phú do thiên đạo đức căn (sống chết có mạng tùy theo nhị khí âm dương tác thành, giàu nghèo do trời tùy theo cái gốc đạo đức mà ra).

- Nàng cầu thượng đế khoan nhơn  
Bổng nghe cảm ứng khuyên lơn mấy lời (1373-1374)

Ct: Tác giả dùng chữ của Lão Tử, có huyền đồng mới có cảm ứng. Nếu không tin tưởng ở Trời thì làm sao thấu hiểu lẽ huyền vi.

**Theo tinh thần, tư tưởng Nho giáo, Á đông** (Tử vi, Kinh dịch, võ nghệ, thần thoại)

### **Bản Paulus Tạo:**

Không gian phát động mở màn  
Thủy hành *nhị khí* rành rành dưới trên  
Trên thì danh gọi cao thiên  
Chiều đi mai đến tiếp liên *chu kỳ*

Thổ phân thủy lập *biên thủy*  
Thổ là đại lục, thủy là đại dương  
Lịnh ban hành mộc tự cường  
Ngân hoa vạn thảo ứng tường phát sanh (021-028)

Ct: Nhị khí: Thanh khí và trọc khí; thanh khí nhẹ thì bay lên cao như sương như mây, trọc khí nặng thì đọng lại dưới thấp như nước, bùn sinh.

Chu kỳ: do câu: “thiên địa tuần hườn, châu nhi phục thi”, chỉ một thời gian dài từ khởi điểm đến cao điểm, rồi từ cao điểm trở về khởi điểm. Khởi phát bắt từ âm cực, tức vô hình đến dương cực, tức hữu hình. Thầy cả Lữ Y Đoan dùng chữ chu kỳ để cho rõ chữ “có buổi chiều (từ âm xuất) và buổi mai (từ dương hiện) là một chu kỳ”. (... *vespere et mane*) đã dùng trong Kinh thánh.

Biên thủy: phân cương giới giữa nước và đất. Ngày xưa có câu hát: lưỡng hành thủy thổ qua phân, Thủy lai thổ yểm, đất trảm nước dưng... nói lên trật tự ngăn nắp ở đời, không ai xâm phạm ai.

Hành mộc: một trong ngũ hành, chỉ về tất cả cây cối, thảo mộc rong rêu.

- Tự căn hành hỏa chuyển vắn (033)

Ct: hành hỏa: một trong ngũ hành, chỉ về tất cả những gì tự mình phát ra điện lực, quang lực, nhiệt lực, khí lực, động lực.

Khôn ngoan nắm vững đại đồng  
Tam thiên vũ trụ vô cùng hòa sanh (063-064)

Ct: Lm. Phao-lô Qui (1885) đã sửa lại:

“Chúc lành tất cả kỳ công  
Cùng là thanh hóa người trong trọn lành”,

để cho sát nghĩa Kinh thánh, tránh chữ “Đại đồng tam thiên vũ trụ” là danh từ Nho giáo, Phật giáo mà các linh mục Pháp thời xưa hay đem ra bắt bẻ Sám Truyền Ca của thầy cả Lữ Y Đoan.

- Âm từ dương xuất nữ thời do nam (106)

Ct: do câu nói xưa: “... dương thịnh âm khai, lưỡng nghi tương hợp, càn khôn chi xuất, vạn vật đồng lai”.

- Thấy cơn tàn phá hải hùng  
Tiểu thành Lộc bỏ chạy cùng hai con  
Chui vào hang đá trên non  
Buồn thì uống rượu quên cơn kinh hoàng (923-926)

<sup>30</sup> Đêm nằm mộng thấy giàu sang  
 Được vua kêu gả một nàng mỹ nhân  
 Vu sơn đùa cợt gió trắng  
 Sáng ra uống rượu tâm can đỡ sầu  
 Mộng về lại thấy đêm sau  
<sup>35</sup> Có nàng công chúa đến hầu một bên  
 Hết lời ân ái trao duyên  
 Mây mưa chốc đã bên thềm trắng lên  
 Giọt mình thấy cảm buồn thêm  
 Thành xưa cao lớn hóa miền hoang vu. (927-936)

*Ct: từ câu 30 đến 35, người xưa viết theo lối thần thoại mà người Á đông quen dùng trong văn chương. Nhiều người dựa theo đây lên án tác giả đã viết sai Kinh thánh. Xét ra đây là loại sách giới thiệu Kinh thánh hơn là để ghen cứu, học hỏi.*

- Ôn trên che chở việc đâu cũng lành (2004)

*Ct: Gia cước vừa theo sự khôn ngoan sắp xếp công việc của mình vừa cầu xin thiên Chúa phù hộ, không tự đắc hoặc đánh liều. Đúng như tinh thần người Á đông xưa có câu: “Phối thiên hành sự, như thử thành công” (cùng với trời mà làm việc như thế là thành công).*

- Thiên hành như thử, người đời phải theo (3572)

*Ct: Trời làm như vậy, người cải được nào, thiên cổ nam đào phải tri thiên mạng, đừng đem lòng oán mà phải khổ thân (bài về cổ):*

- Tích xưa cho thấy vấn đề  
 Sự đời sự đạo đi về với nhau  
 Đời thì danh lợi xô xao  
 Đạo thì trầm lặng để cầu ý hay  
 Thế gian phải có một ngày  
 Hầu coi thắng lợi về tay ông trời. (3601-3606)

*Ct: Người xưa nhìn vào kinh thánh theo quan niệm “mưu sự tại nhân và thành sự tại thiên” nên đã hạ bút kết luận quyển “Tạo đoạn kinh” (genesis) một câu như thế.*

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn:**

- Đặt nền phu phụ đoạn hành  
 Mở màn đã thấy dữ lành chống nhau. (225-226)

*Ct: đoạn hành, mới đầu nhân loại do câu: tạo đoạn hò phu phụ. Lm. Qui đánh số đoạn 5 này, cốt ý để theo dõi Kinh thánh Cựu ước, thật ra ý tác giả theo quan niệm Á đông vạch rõ hai con đường lành dữ song hành.*

- Lộc trời vì đó giảm phần  
 Cho nên ám họa tung hoành dương gian. (287-288)

*Ct: Câu này do quan niệm đạo lý thời cổ: dương gian cường thú tính, âm họa thịnh tại ương. Vì đó mà các linh mục ngoại quốc thời tác giả cho là Sám Truyền Ca bị ngoại giáo hóa.*

- Bời đời phản bội lẽ ngay  
 Muôn loài cầm thú mang tai số phần. (387-388)

*Ct: Trong dân gian thời đó, cũng có câu tương tự: “thú cầm số mạng tùy nhân lập, họa phúc giai do nghiệp báo lai”. Lm. Phao-lô Qui xưa có phê bình Sám Truyền Ca không hoàn toàn là một bản dịch, mà là tác phẩm dựa vào Kinh thánh sáng tác theo ý tác giả.*

- Nhân gian ngạo nghễ thiên đường  
 Trời rằng: Hiệp nhứt vi cường, đại công. (483-484)

*Ct: Tác giả mượn ý ở câu sách xưa: “Hiệp lực vi cường, đại công nhứt trí” (góp sức chung lại thì tạo ra sức mạnh, sự việc to lớn là nhờ một lòng một ý với nhau)*

- Thế là: nhứt hữu cửu vô  
 Thế nhân bỏ cuộc, trở cờ chống nhau. (487-488)

*Ct: Tác giả mượn ý ở câu sách xưa: “Nhứt hữu cửu vô thiên hạ tận, đa ngôn thiếu dụng nghiệp vương tàn” (một người có chín người không thì cuộc đời bé mọn, nói nhiều mà làm ít thì nghiệp vua chúa (chính quyền chế độ) cũng tiêu tàn.*

- Xuân-lài buồn việc không con  
 Hữu tam bất hiếu, gọi chồng thờ than. (713-714)

*Ct: Tác giả mượn ý một câu trong xã hội Á đông: Bất hiếu hữu tam, vô hậu chi đại (tội bất hiếu có ba, mà tội không sinh con nói dối là nặng nhất).*

- Có người đạo nghĩa trung cương  
 Thì trời tha phạt cả thành yên vui. (861-862)

*Ct: Cuộc đối thoại giữa Khách thân và ông Bá lâm là vấn đề tôn trọng kẻ lành, như câu tục ngữ thời đó: “...vạn ác thú viết vô, nhất thiện nhân viết hữu” (Muôn kẻ sống như thú vật kẻ như không, mà một người sống lành là quý báu vậy). Trong xã hội An Nam thời đó cũng có câu: Một làm quan cả làng cũng đỡ, một giàu có cả họ cũng vui.*

- Lệ-anh với mối tình đầu,  
 Nhưng về hào tử gặp sao thai thần. (1727-1728)



Ct: Tác giả mượn danh từ khoa tử vi, sao Thai thần, chỉ người thành về hào tử, có kiết tinh phù hộ. Sách phong thần của Trung Hoa gọi sao Thai thần vốn là tướng Cơ Phúc Lễ. Vì cách dùng chữ theo văn học Á đông, nên các linh mục ngoại quốc thời đó chống tác giả.

Paulus Tào cũng chú thích: Theo khoa Tử vi, sao Thai thần chiếu vào cung tử thì hào con rất đông, mau con.

- Trời cho hào tử, hào tài  
Lưỡng hào đại phát, đã sai tôi về. (1993-1994)

Ct: Tác giả dùng từ theo Kinh Dịch, vì thế nhà Nho xưa khâm phục, cho rằng tác giả dựa kinh thánh cựu ước mà viết ra theo trình độ hiểu biết và hòa đồng tư tưởng hai bên.

- Lệ làng điếm huyết cho xong  
Gia-cước té xuống nhưng không chịu hòa. (2041-2042)

Ct: Từ của môn võ nghệ, đánh vào chỗ nghiêm đối thủ, Gia cước bị điếm huyết nên xeo đuôi đi cà nhắc.

- Một ngày vào tiết hoa khai  
Phan-vương hạ lệnh giam hai cận thần (2631-2632)

Ct: Tiết hoa khai, mùa trở hoa tức mùa xuân, do câu hát cổ: "...Hoa khai hồ mãn địa, tri xuân giả thế nhân" (thấy hoa trở khắp nơi, người ta biết mùa xuân tới).

- Không cần thế lực đao gươm  
Chỉ cần nhẫn nại tay không cũng thành (LQK 229-230)

Ct: Theo quan niệm Á đông:... Hữu chí kinh quyền nhẫn, bất chiến tự nhiên thành.

- Áo quần cung cấp gái trai  
Đó là cái thế vắn xây luật trời. (LQK 233-234)

Ct: Sách Đạo Đức Kinh của Lão Tử có câu: ... Cao tất hạ, đa tất thiếu.

- Yết-dân qua biển ráo chân  
Giếp quân xa mã rầm rầm đuổi theo. (LQK 1087-1088)

Ct: Tác giả viết theo lối hành quân Á đông, có bọn quân sư thông dịch kinh dịch, tìm hiểu hiện tượng nước biển rẽ hai: một bên như vách thành và một bên chảy cạn là nhằm giờ sao Giác mọc giao (là con sấu) chiếu thẳng cặp giao long (là con rồng) nên xuất quân. Tác giả muốn nói cái dị đoan chống với sự thật.

- Chiêm tinh, bói toán:

Nhìn ra trời đã hừng đông  
Vua bèn triệu tập hội đồng bói khoa  
Những nhà thuật số: huyền gia  
Chiêm tinh đoán mộng cả và Giếp-tô,  
Nhà vua thuật lại mộng cơ  
Yêu cầu đoán giải căn do tượng điềm  
Tung ra dịch tượng, quẻ kiền  
Lục hào, thái ất, cửa huyền, đạo gia (2701-2708)

Ct: Bản Nguyễn Văn Nhận, chép: Cửa hào thay vì Lục hào theo bản Paulus Tào cả hai người đều không chú thích: điều đáng lưu ý ở đây là Thầy cả Lữ Y Đoan đã dùng những khái niệm của Á đông để trình bày khoa chiêm tinh, bói toán của Thượng cổ Ai Cập Trnug Đông.

- Theo tinh thần phong cách Việt Nam (ca dao, tục ngữ, vãn, vè, câu hát).

**Bản Paulus Tào:**

- Vui trong cảnh xế vợ chồng  
Đặt tên l-giác cầu mong đắc thành. (1007-1008)

Ct: Xưa có câu hát:... vợ chồng già mà sinh con muộn, của trời cho lo hưởng là vừa.

- Sa-ra đã có lời bàn  
Thì nghe theo đó cho an cửa nhà. (1029-1030)

Ct: Có câu nói xưa: "Người ta thời tính nước liều, biết đâu cái rủi có nhiều cái may" nói lên bàn tay của trời ở đây cũng có, luôn luôn thực hiện song song với công việc loài người. Đời trước cũng có câu na ná trường hợp này: "Nhân sự bày ra cái đại, thiên cơ sửa lại thành khôn". Đời làm vô lý, nhưng trời làm có ý nghĩa hay.

- A-ga hiểu rõ thiệt hư  
Tử sinh hữu mạng, sinh cư có trời. (1051-1052)

Ct: Xưa có câu ca dao: "Hỡi ai không biết số trời, nếu ai không có làm người được không?" Ở đây thấy có định mạng, nhưng định mạng không phải vô ý thức, mà do đức độ của Abraham tác thành trong định mạng của Ismael.

- Đến vùng kiêu ngụ Ra-ham  
Hai bên gặp gỡ luận bàn sống chung. (1061-1062)

Ct: Có câu tục ngữ:...”Tách bước gặp đường cùng – đi chung thì được sống”. Ý nghĩa sống chung của người xưa là như thế. Nhưng trong trường hợp này, Mã-liệt, Phàn-cơ thấy thế lực của Abraham quá mạnh (vì có trời làm hậu thuẫn) nên họ sợ bị đè bẹp. vì đó họ đến xin lập hòa, với ý “dĩ dục hườn cầu mưu, chờ cho địch yếu mới thủ đem ra...”

- Cộng thêm ba chục con lừa  
Giao cho đầy tớ dắt đưa từng bày... (2023-2024)

Ct: cách thức Gia-cước nghĩ ra không khác nào tâm lý chung của người đời. Ngày xưa An-Nam có câu:

Tị hiềm mặc kệ, cao lễ dễ thưa  
Từ nhà dò đến triều vua  
Đa kim ngân phá luật lệ.

(Nhà dò hay là dò làng là trụ sở của hương chức làng họp nhau).

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn:**

- Cao xanh đại lượng hằng soi  
Thuận thiên thức giả, xây đời hanh thông. (401-402)

Ct: Cao xanh, từ văn chương thời xưa, tác giả dùng chỉ Thiên chúa, cho tác phẩm văn vần đỡ nặng nề và nghèo chữ. Các linh mục ngoại quốc thời đó chê thầy cả Lữ Y Đoan hiểu biết Thiên chúa rất mơ hồ vì thiếu thần học.

- Qua mùa xuân ấy thọ thai  
Hằng-sa lên mặt, Xuân-lài ghen tương. (721-722)

Ct: Câu hát xưa trong dân gian, nhứt là đồng quê An Nam: “... Cay co không phải trái cà, ghen tương là thói đờn bà xưa nay.

- Ích-manh, Y-giác trong nhà  
Một cha khác mẹ thuận hòa anh em.  
Xuân hoa có dạ hờn ghen  
Xúi chồng “hãy đuổi kẻ phiến về sau  
Ích manh thừa kế làm sao  
Vì là mẹ nó nàng hầu mà thôi”. (1017-1021)

Ct: Trong dân gian xưa có câu hát: “Nhỏ mọn như bụng đàn bà, lúc xuân cay ớt, lúc già chua chanh.

- Đến vùng Kiêu ngụ Bá-lâm  
Hai bên gặp gỡ luận bàn sống chung. (1061-1062)

Ct: Tác giả dùng chữ “sống chung” ở đây là chữ tóm tắt một thành ngữ An Nam đã có lâu đời: “Canh tiều ngư mục trăm đường sống, - Quyền lợi tương đồng một ý chung”.

- Nhờ ơn phúc đức tông đường  
Ông bà đạo nghĩa cháu con sang giàu. (1355-1356)

Ct: Trong xã hội An Nam cũng có câu: Ông bà kiếp trước khéo tu,  
- Cho nên con cháu võng dù hiên ngang.

- La-cương hận quá trách chồng  
Mang danh gái độc không con thế này. (1735-1736)

Ct: Tục ngữ An Nam: Cây độc không trái, gái độc không con.

- Ỡ quyền, bóc lột bắt công,  
Trước chia sớt của bồ đồng công lao. (1861-1862)

Ct: Trong dân gian ở An Nam xưa có câu hát: “Lường thẳng, tráo đầu, cướp công, - Trước sau trời cũng bồ đồng phân minh”. Lại có câu: “Ai ơi chớ khá tranh giành, - làm ác gặp rủi, làm lành gặp may”.

### **3. VĂN CHƯƠNG MANG TÍNH CHẤT VIỆT NAM**

Xét về phương diện văn chương, rất nhiều câu thơ tả tình tả cảnh của *Sám Truyền Ca* cho thấy một bút pháp quen thuộc gần gũi thường gặp trong các tác phẩm Nôm nổi tiếng vào thời kỳ đó, chẳng hạn:

Buồn trông vật đổi sao dời  
Dư-đạc vợ chết, lẻ loi tháng ngày (2491-2492)

hay:

Canh gà vừa gáy hừng đông  
Nàng về sống cảnh góa chồng như xưa. (2511-2512)

hay những câu thơ có đối chữ:

Bấy lâu Gia-cước âm thầm  
Mong chim chấp cánh, ước cảnh liền cây (1693-1694)

- Bạn bè mừng chúc rể dâu  
Hoa xuân thắm nhụy, vườn đào mặn duyên. (1709-1710)

Và sau cùng, tả cảnh biệt ly, bằng những hình ảnh thật quy ước, rất quen thuộc... theo lối văn xưa.

Tạ từ vó ngựa lên đường  
Sương mai phủ kín dặm ngàn đôi bên. (1981-1982)

Trích một vài câu đây đó, chưa đủ cho người đọc cảm nhận tính cách quen thuộc gần gũi của tập thơ Nôm này, về phong cách, phong cảnh cũng như về cốt truyện, nội dung những sự việc được mô tả. Chúng tôi xin trích dẫn một đoạn tả việc đính hôn kết tóc xe duyên dựa trên quan niệm tin vào duyên số trời định, cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, người con gái ưng thuận lấy chồng trước khi biết mặt chồng. Tinh thần, quan niệm, tâm trạng, bút pháp của đoạn văn đều thấy một cảm nhận rất quen thuộc gần gũi mặc dầu nó là truyện xảy ra ở thời thượng cổ, bên Trung đông, chỉ có một vài chi tiết xa lạ mà tác giả không thể thay thế được là lạc đà, cừu chiên... nhưng dù sao cũng sẽ quen thuộc với những tuyệt, lê... mặc dầu ít ai thấy được tận mắt những sự vật đó không có ở Việt Nam.

Chúng tôi trích một đoạn chương 24, kể lại việc Tổ phụ Abraham ủy nhiệm cho người lão bộc trung tín về quê nhà tìm người con gái xứng đáng để gả cho con là Isaac.

(Tiếp theo là trích đoạn các câu 1175-1260).

Đường trần kẻ lại người qua (1175)  
Tháng ngày chất nặng tuổi già Bá-lâm...

....

Kể từ dấn bước phong trần,  
Thiên thời, địa lợi, nhân tâm có thừa.  
Cuộc đời dầu gặp gió mưa,  
Bàn tay Thượng đế giúp chưa lâm nạn. (1260)

(Trích từ *VẤN ĐỀ CÔNG GIÁO ĐẶT CHO DÂN TỘC*. 1988)

## TÌM PHỤC HỒI BẢN QUỐC NGŨ 1820 CỦA SÁM TRUYỀN CA

Lm. Trăng Thập Tự

Bài viết của Gs. Nguyễn Văn Trung đã cho thấy tổng quát về tác phẩm *Sám Truyền Ca* của Lm. Lữ Y Đoan thế kỷ XVII, với giá trị văn chương và hoàn cảnh éo le của việc truyền bản và tiếp nhận tác phẩm ấy.

Tiếp nối câu chuyện, bài này xin đóng góp thêm đôi điều về quá trình tìm lại được báu vật, rồi xác định lại trục chính trong quá trình truyền bản của tác phẩm, để từ đó, về sự trung thành và sáng tạo của những người có trách nhiệm trước kia, VÀ thực hiện ấn phẩm đối chiếu nhằm tìm lại bản văn gần nhất với bản quốc ngữ đầu tiên, năm 1820.

### NHẬN ĐƯỢC TỪ BA TRĂM NĂM

Tác phẩm *Sám Truyền Ca* của Lm. Lữ Y Đoan được cho là hoàn thành vào năm 1670 bằng chữ Nôm, rồi năm 1820 đã được ông Phan Văn Cận chuyển sang chữ quốc ngữ. Cả hai bản chưa hề được in, chỉ truyền bản bằng chép tay, qua thời cấm cách tưởng đã bị mai một. Năm 1870 người ta tìm được một bản quốc ngữ và lại bắt đầu chép ra. Giữa thế kỷ XX, một vài nhà báo chuẩn bị bản thảo để in, các tài liệu này để tại tòa soạn báo *Tông đồ*, không may, cơn bão 1952 làm sập tòa báo, tài liệu *Sám Truyền Ca* bị hư hỏng, chỉ còn cứu vãn được quyển I và hơn một nửa quyển II, tức là 1/3 nội dung của trọn bộ năm quyển. Những năm 1960-1970 hầu như không còn ai biết đến bộ *Sám Truyền Ca*.

Thế rồi một thời gian sau năm 1975, hơn 300 năm kể từ ngày tác phẩm được hoàn thành, bỗng một hôm học giả Hoàng Xuân Việt được trao tặng hai bản chép tay của tác phẩm này, một do gia đình nhà báo Paulus Tạo (báo *Nam kỳ Địa phận*) gồm trọn quyển I (*Tạo Đoan Kinh*, tức sách *Sáng Thế*), một do gia đình nhà báo Nguyễn Văn Nhạn (báo *Tông Đồ*) gồm trọn 50 chương của quyển I và 21 chương (trong số 40 chương) của quyển II (*Lập Quốc Kinh*, tức *Xuất Hành*).

Khoảng năm 1990, cụ Hoàng Xuân Việt giao cho Gs. Nguyễn Văn Trung. Vị này đem photocopy gửi đến một số nhà nghiên cứu. Tới năm 1993, *Sám Truyền Ca* được các tác giả Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Nhã, Trần Thái Đĩnh và Trần Thanh Đạm bàn đến trong tài liệu tham khảo của Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Tp. HCM, tựa đề "VỀ SÁCH BÁO CỦA TÁC GIẢ CÔNG GIÁO (Thế kỷ XVII-XIX)".<sup>a</sup>

<sup>a</sup> Sđd, tr. 53-74

## LẠI MẮT RỒI LẠI TÌM THẤY

Năm 2000 *Tập san Y sĩ* tại Canada ấn hành quyển *Sám Truyền Ca* theo bản chép tay của Paulus Tào, tức là trọn quyển I (*Tào đoan kinh*). Ở trong nước, ít ai biết đến ấn bản này. Giữa năm 2020, nhóm Tủ sách Nước Mặn của Giáo phận Qui Nhơn may mắn tìm được một bản photocopy tại thư viện Học viện Đa Minh ở Gò Vấp rồi một bản khác tại Thư viện dòng nữ Đa Minh Bùi Chu, và thực hiện ấn bản kỷ niệm 350 năm *Sám Truyền Ca*. Ước mong có được hai bản chép tay do Gs. Trung chụp lại để có thể thực hiện một ấn bản thuận lợi cho việc nghiên cứu, chúng tôi đã hỏi tìm tất cả những người và những nơi liên quan nhưng tưởng chừng vô vọng. Ngay tại tư gia Gs. Nguyễn Văn Trung ở Canada cũng không còn, vì bản của Giáo sư đã giao cho *Tập san Y sĩ* và những người lo việc xuất bản hồi 20 năm trước nay đều đã khuất.

Bất ngờ, cuối năm 2022, chỉ trong một tuần, gia đình Gs Trần Thái Đình ở Quận Bình Thạnh tìm lại được một bản sao Nguyễn Văn Nhạn và nhà nghiên cứu Nguyễn Vy Khanh tại Canada tìm lại được một bản sao Paulus Tào. Cả hai bản mới tìm thấy đã được chia sẻ cho Tủ sách Nước Mặn của Giáo phận Qui Nhơn và chúng tôi đã đưa lên mạng Internet dưới dạng PDF tại trang *Văn Thơ Công Giáo* mong sẽ có nhiều người tiếp tục công việc mà một số nhà nghiên cứu đã khởi sự trước và sau năm 2000.

Trong số các nghiên cứu ấy, tại phần kết bài cảm tưởng về *Sám Truyền Ca*, cố Gs. Trần Thanh Đạm viết:

“Căn cứ vào các chỉ dẫn trong các bản sao chép của thế kỷ XIX và XX, ta cũng có thể đoán định một cách tương đối có căn cứ để tin rằng: văn bản đầu tiên của *Sám Truyền Ca*, là tác phẩm của thế kỷ XVII, sau đó đã trải qua nhiều lần tu cải của mấy thế kỷ tiếp theo để có hình thái ngày nay. Tuy vậy, nó cũng không phải hoàn toàn biến dạng mà vẫn còn lưu giữ ít nhiều thậm chí khá nhiều những nét đặc sắc trong khuôn mặt đầu tiên của nó. Các nhà văn bản học hẳn còn nhiều việc phải làm để có thể xác định và phân định trong văn bản hiện tồn phần nào là phần của thế kỷ XVII, thời gian sáng tác đầu tiên của tác phẩm, phần nào là phần của các nhà nhuận sắc, cải biên các đời sau. Tuy nhiên, điều không thể phủ nhận là *Sám Truyền Ca* là một tác phẩm thuộc di sản văn chương cổ điển của dân tộc, cần được tôn trọng giữ gìn, nghiên cứu, phát huy.”<sup>a</sup>

Để thực hiện điều Gs. Trần Thanh Đạm gọi là văn bản học, trước khi trình bày ấn bản đối chiếu 4 cột, chúng tôi xin được giới thiệu;

- Qua trình truyền bản và tiếp nhận *Sám Truyền Ca*,
- Tính trung thành và sáng tạo trong quá trình ấy.

## LỊCH SỬ TRUYỀN BẢN VÀ TIẾP NHẬN SÁM TRUYỀN CA CỦA LỮ Y ĐOAN

*Sám Truyền Ca* nguyên bản bằng chữ Nôm, được sao chép bằng chữ Nôm. Sau 150 năm, vào năm 1820 có thêm bản chữ Quốc ngữ của Phan Văn Cận, từ đó, bản Quốc ngữ được sao chép nhiều hơn bản chữ Nôm.

Xin được rà lại dọc theo thời gian, tất cả những văn bản được nhắc tới nơi các chứng từ trong hai bản chép tay của Paulus Tào và Nguyễn Văn Nhạn. Những bản có thể xem là cột mốc trên trục chính sẽ được đóng khung.

### Nguyên bản chữ Nôm của Lm. Lữ Y Đoan

Theo tài liệu quyển “*Histoire de la Mission Cochinchine*” của Adrien Launay, khoảng năm 1658-1823, các trang 197 đến 256 cho biết: “... Ngoài ba vị linh mục đầu tiên của Địa phận Đàng Trong, do Đức giám mục Lambert de la Motte phong chức tại chủng viện ở Siam (Xiêm la quốc) là linh mục Joseph Trang (1668), linh mục Lucas Bền (gần cuối năm 1688) và linh mục Manuel Bồn (1672)... thì chỉ có linh mục Louis Đoan được phong chức tại đất nước An Nam trước nhất ở Cacham (Kẻ chàm) Quảng Ngãi, nhằm ngày lễ sinh nhật Đức Mẹ năm 1676. Người đã lớn tuổi thông Nho học... và qua đời trong tháng sáu dương lịch năm 1678...”

Có thể *Sám Truyền Ca* được viết trong thời gian người làm thầy giảng đến cuối năm 1670 mới hoàn thành và phổ biến trong dân gian. Người viết bằng chữ Nôm, bản chính không ai biết, chỉ biết do bản của Simong Phan Văn Cận viết lại bằng chữ quốc ngữ năm 1820 tại Cái Mơn (Bến Tre).<sup>a</sup>

“Theo truyền khẩu, bản *Sám Truyền Ca* này do linh mục Louis Đoan (thầy cả Lữ Y Đoan) viết ra lời năm 1670.

Ngài là nhà thông Hán học, gia nhập đạo Công giáo lúc thiếu thời và tình nguyện làm thầy giảng buổi sơ khai Công giáo ở Đàng Trong. Ngài viết nhiều tập thơ về giáo lý, giúp bản đạo dễ bề học hỏi. Trong số đó, có bản *Sám Truyền Ca* rất công phu, ngài viết theo thể thơ lục bát là loại văn chương bình dân thời đó.

Ngài đúc kết ngắn gọn theo cảm nghĩ và hiểu biết của dân tộc Á đông, vì thế người ta nhận thấy bản *Sám Truyền Ca* là một hòa đồng

<sup>a</sup> Sđd, tr. 68

<sup>a</sup> Trích mấy nhận xét của Paulus Tào, tr.

văn hóa Á đông và Kitô giáo... Hạng văn nho thời đó mến phục và thích đọc tác phẩm này, cũng có một số người trí thức đã xin theo Công giáo.<sup>a</sup>

### **Bản Nôm 1810**

Sau đó cơn bắt đạo nổi lên, có mấy gia thất chạy vào miền Nam ẩn lánh, cho đến năm 1810, tại Cái Mơn được biết có sách này, nhưng ít người đọc được chữ Nôm.

### **Bản Quốc ngữ gốc - Phan Văn Cận 1820**

Đến năm 1816 nhiều thầy cả dạy tôi chịu khó viết ra chữ quốc ngữ, tôi vưng lời làm như vậy.

Nhờ chữ quốc ngữ nên bọn đạo chép theo được và ham đọc lắm. Có nhiều người biết Nho lấy làm hay, họ cũng xin chép để dành đọc”.<sup>b</sup>

Việc phiên chuyển sang chữ Quốc ngữ hoàn tất ngày 08/12/1820.

### **Bản Quốc ngữ Cái Nhum được Nguyễn Văn Thế chép lại 1870**

Đến năm 1870, có người đào được tại Cái Nhum (Chợ Lách, Vĩnh Long) một hầm vô chủ, có nhiều sách vở về đạo thánh, trong đó có Sám Truyền Ca, giấy đã mục nhiều, lúc ấy có ông Nguyễn Văn Thế chịu khó chép lại và truyền ra cho nhiều người biết.

Các linh mục Pháp thời đó không nhìn nhận là đúng với Kinh thánh của đạo, nên cấm bọn đạo đọc vì là sách dị đoan. Vì đó, Sám Truyền Ca bị mai một.<sup>c</sup>

Ấn bản đối chiếu 2023 của Tủ sách Nước Mặn sẽ cố gắng tìm lại bản Nguyễn Văn Thế (D1).

### **Bản Nôm Cái Nhum ?? → Quốc ngữ ??**

(a) Bản Sám Truyền Ca còn được tìm thấy ở Cái Nhum, Cái Mơn thuộc Long Hồ Dinh (hiện nay, 1956, thuộc tỉnh Bến Tre).

(b) Có người viết ra chữ quốc ngữ từ bản gốc chữ Nôm, và đã được chuyển tay nhau chép lại và phổ biến rất hạn chế, vì lẽ quá dài và ít người có đủ khả năng về văn hóa giữa thời Hán, Nôm và chữ quốc ngữ đang tranh giành chỗ đứng dưới chế độ Pháp thuộc tại Nam kỳ.<sup>d</sup>

Thông tin (a) ở đây không ghi mốc thời gian. Rất có thể nó cũng nói về Bản Quốc ngữ Cái Nhum 1870 trên đây nhưng hai cụm từ “**còn được tìm thấy**” và “**Có người viết ra chữ quốc ngữ**” khiến thông tin bị nhiễu, gây hiểu lầm là tìm được một bản chữ Nôm.

<sup>a</sup> Lời tựa của ông Phan Văn Cận.

<sup>b</sup> Lời tựa của ông Phan Văn Cận

<sup>c</sup> Lời tựa của Trần Hớn Xuyên.

<sup>d</sup> Lời nói đầu của ông Nguyễn Văn Nhạn.

Thông tin (b) muốn nói về bản Nguyễn Văn Thế nhưng vì bị nhiễu như vừa nói, nó khiến người nghe tưởng rằng có một bản Quốc ngữ 2.

Ngoài ghi chú của Nguyễn Văn Nhạn không có dấu vết nào khác về một bản Nôm Cái Nhum và bản Quốc ngữ 2.

### **Bản Quốc ngữ tiền thân Phao-lô Qui (Bản cũ 1)**

Đây là bản đã chép lại từ bản Nguyễn Văn Thế có lời tựa của Phan Văn Cận, và gọi là “bản cũ”, tức là bản cha Phao-lô Qui dùng để cập nhật thành “bản mới”.

### **Bản Phao-lô Qui**

Theo chú thích tại câu thơ 005 bản Paulus Tào, Cha Phao-lô Qui cập nhật 1885. Đây là “bản mới” đã biến bản trước nó thành “bản cũ”.

Đặc điểm của bản này là: - Cài số câu Kinh thánh lên dòng thơ, chỉnh sửa một số tên riêng quen thuộc cho gần với dạng la-tinh của bản Kinh thánh *Vulgata*.

“Đánh số từng câu là công khó của linh mục Phao-lô Qui, năm 1885, để tìm hiểu việc soạn ra Sám Truyền Ca của Thầy cả Lữ Y Đoan xưa, là mô phỏng hay là dựa sát theo Kinh thánh”.<sup>a</sup>

Lúc đó, linh mục Phao-lô Qui cố gắng sửa chữa, nhưng vấp phải nhiều từ ngữ quá xưa và danh từ riêng về tên người, tên xứ, tên núi, tên sông đã ghi âm theo cách An Nam rất khó thay đổi cho xuôi, thành thử phải đình trệ mãi. Linh mục Giuse Trần Hiếu Lễ cũng sưu tầm nhưng không được đầy đủ lắm.<sup>b</sup>

### **Bản Trần Hiếu Lễ**

Bản này chỉ xuất hiện nơi cưc chú bản Paulus Tào tại các câu 005, 017, 233 và 245.

Có hai vị đón nhận việc sửa tên của cha Phao-lô Qui: Lm. Trần Hiếu Lễ và Paulus Tào. Tuy nhiên dấu vết cuối bản Paulus Tào cho thấy việc cha Phao-lô Qui sửa tên riêng có lẽ chưa hoàn tất.<sup>c</sup>

### **Bản Trần Hớn Xuyên (1910)**

Trong lời tựa ngày 17-5-1910, ông Trần Hớn Xuyên (1854-1940) kể:

Năm 1908, tôi tình cờ gặp quyển sách này tại một nhà một bạn thân ở Cần Thơ. Đọc thấy lối viết của người xưa, theo cách cảm nghĩ

<sup>a</sup> Cưc chú bản Paulus Tào, tại câu thơ 005.

<sup>b</sup> Cuối bản nhận xét của Paulus Tào.

<sup>c</sup> Ở cuối Tào Đoan Kinh bản Paulus Tào, một số tên riêng đã thay đổi trước vẫn chưa sửa: Raham/Bá-lâm (câu 3209-3583), Ấp-lâm: (551), Si-mông/Sử-mông (2294), Lót/Lộc-công Lộc công (câu 866-946), Trà-lê/Trà-liên (2299). Có vẻ như công việc sửa lại tên riêng bị bỏ dở, không tiếp tục...

của người Á đông, nhứt là thầy cả Lữ Y Đoan là một linh mục rất giỏi về Hán học, dĩ nhiên trong Sám Truyền Ca là sự dung hòa giữa nền văn hóa Đông Phương và Tây Phương.

Tôi không nhận xét về mặt hợp hay không hợp Kinh thánh, tôi mền phục lối thơ lục bát của người xưa và cách dùng chữ An Nam hồi đó, để lột hết ý nghĩa của Kinh thánh cho người An Nam dùng cách dễ dàng. Vì thế tôi đã xin chép lại để làm tài liệu quý giá, dành cho con cháu ngày sau, được biết ông bà ngày xưa cũng đã đóng góp rất nhiều vào kho tàng quốc văn của dân tộc”.<sup>a</sup>

### **Bản Paulus Tào**

Theo Gs. Nguyễn Văn Trung, trang bìa bản Paulus Tào ghi: “SÁM TRUYỀN CA của thầy cả Lữ Y Đoan (viết năm 1670), sưu tầm của Trần Hớn Xuyên (1854-1940)”.<sup>b</sup>

Ông Paulus Tào có cả hồ sơ Phao-lô Qui (bản cũ, bản mới và những ghi chú khác) và bản Trần Hớn Xuyên:

Khoảng năm 1920-1930, tại Saigon có nhiều báo chí Công giáo do giáo dân đảm trách,... Trong thời gian này, theo lời Paulus Tào, ký giả Công giáo đang giúp tuần báo Nam Kỳ Địa Phận (Nhà thờ Tân Định Saigon) thì ông Trần Hớn Xuyên (họ đạo Cái Mơn Bến Tre) đã giao tận tay ông bản Sám Truyền Ca và yêu cầu xuất bản hoặc đăng tải từng phần trên báo chí công giáo, nếu có thể được.<sup>c</sup>

Bản Sám Truyền Ca này không khác với bản của linh mục Phao-lô Qui bao nhiêu, mà Paulus Tào hiện có, do con cháu của linh mục tại Mỹ Tho giao lại. Bản của linh mục Phao-lô Qui thì có đánh số câu như Kinh thánh, còn của ông Trần Hớn Xuyên không có.

- Paulus Tào cho biết:

Phần tôi, nhờ bản sưu tầm của ông Phêrô Trần Hớn Xuyên đã chép trực tiếp bản của Simong Phan Văn Cận và được người cháu của linh mục Phao-lô Qui ở Mỹ Tho giúp tôi một số tài liệu về Sám Truyền Ca, do linh mục sưu tầm và sửa chữa lại một phần”.<sup>d</sup>

Theo Gs Trung cho biết ngoài bìa bản Paulus Tào có ghi... (chép theo Trần Hớn Xuyên) Tuy nhiên.... Bản Trần Hớn Xuyên không đánh số câu Kinh thánh.

<sup>a</sup> Lời tựa của Trần Hớn Xuyên.

<sup>b</sup> Bản ông Nguyễn Vy Khanh chuyển cho Tủ sách Nước Mặn bị mất trang bìa này.

<sup>c</sup> Lời nói đầu của Nguyễn Văn Nhạn.

<sup>d</sup> Lời tựa của Paulus Tào.

- Tiệc nuôi những chỗ bị sửa đổi, ghi chú cặn kẽ

- Ở “tiết mục” (mục lục) bản chép tay này còn giữ được tựa đề các chung sách, mỗi tựa đề gồm 2 câu thơ 4 chữ theo kiểu truyền tàu.

Khoảng năm 1920-1930, tại Saigon có nhiều báo chí Công giáo do giáo dân đảm trách, như nhứt báo Công giáo Đồng Thịnh của Đoàn Kim Hưởng, tuần báo Công giáo Tiến Hành của Đoàn Công Chánh, tuần báo Dân Nam của Tô Đức Thế, tuần báo Dân Hiệp của Nguyễn Cang Thường...<sup>a</sup>

- 01-3-1945 tuần báo Nam kỳ Địa phận ra số cuối cùng. Paulus Tào đã cao niên, chuyển hồ Sám Truyền Ca cho đồng nghiệp trẻ:

Bản của linh mục Phao-lô Qui, được Paulus Tào chuyển lại cho báo Công giáo Tiến Hành, sau đó chuyển về báo Dân Hiệp.

Năm 1947, Nguyễn Cang Thường về giúp tạp chí Tông Đồ, thì mang theo một mớ văn liệu, trong đó có bản Sám Truyền Ca.<sup>b</sup>

- Bản thảo của Paulus Tào là tài sản riêng, được giữ tại gia đình, không bị ảnh hưởng bão lụt 1952.

Ta không rõ Paulus Tào đã chuẩn bị bản thảo Sám Truyền Ca được tới đâu.

### **Bản Nguyễn Cang Thường**

Hồ sơ Phao-lô Qui được Paulus Tào chuyển lại cho báo Công giáo Tiến Hành, sau đó chuyển về báo Dân Hiệp. Nhưng rồi, vì nhiều lý do, nhứt là lý do tác phẩm quá lớn, gồm năm quyển đầu của bộ Kinh thánh Cựu ước, hơn nữa, tác phẩm bị chê là không còn hợp thời: thời tản văn tiến triển mạnh đẩy lùi thời văn về vào quá khứ. Do đó, bản Sám Truyền Ca bị xếp vào tủ tài liệu của báo chí.

Ông Nguyễn Cang Thường là chủ báo Dân Hiệp đã tiếp nhận hồ sơ Sám Truyền Ca từ báo Công Giáo Tiến Hành.

Năm 1947, Nguyễn Cang Thường về giúp tạp chí Tông Đồ, thì mang theo một mớ văn liệu, trong đó có bản Sám Truyền Ca.

Không chỉ là mớ văn liệu hay hồ sơ Sám Truyền Ca nhưng là “Bản Sám Truyền Ca”, tức là bản Nguyễn Văn Thường, tiền thân của bản Nguyễn Văn Nhạn. Trong mớ văn liệu ông Thường mang theo, ngoài hồ sơ tiếp nhận từ báo Công Giáo Tiến Hành, có lẽ còn có một tài liệu khác, có thể gọi là Bản cũ 2, như sẽ nói dưới đây.

<sup>a</sup> Lời nói đầu của Nguyễn Văn Nhạn.

<sup>b</sup> Lời nói đầu của Nguyễn Văn Nhạn.

Năm 1952, tòa soạn báo Tông Đồ bị sập vì bão lụt. Phần ông Nguyễn Văn Nhạn cứu vãn được sau bão lụt, gồm trọn 50 chương Tạo Đao Kinh và 21 chương Lập Quốc Kinh. Đây là bản Nguyễn Cang Thường. Bản này:

- có toàn bộ tên riêng theo hệ thống Lữ Y Đao chưa cập nhật theo cha Phaolô Qui,

- vốn không có số câu Kinh thánh. Theo chú thích ở St 1,1 (câu thơ 009), việc ghi số câu Kinh thánh là do một ai đó đã thêm vào .

- Tuy nhiên nó **không phải là bản Trần Hớn Xuyên** vì ở câu 024 có cước chú một dị bản trích từ Trần Hớn Xuyên.

Nó **có phải là Bản cũ** mà cha Phaolô Qui đã căn cứ để chép thành bản cập nhật vừa có số câu Kinh thánh vừa có những thay đổi về tên riêng chẳng? Bình thường thì không phải, bởi lẽ:

- Nó không có các câu thơ tựa đề.

- Nó không có 6 câu kết cuối Tạo Đao Kinh như trong bản Paulus Tạo.

- Nó cũng không có lời tựa của ông Phan Văn Cận như trong bản Paulus Tạo.

- Cũng không có “tiết mục” (mục lục) như trong bản Paulus Tạo.

Như vậy, có thể kết luận là ông Thường đã dùng **một “Bản cũ 2”**, khác với **Bản cũ 1** cha Phaolô Qui đã dùng.

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn 1956**

- Chép từ phần còn lại của bản Nguyễn Cang Thường, gồm trọn 50 chương *Tạo Đao Kinh* và 21 chương *Lập Quốc Kinh*.

- Ông Nhạn đã miệt mài chép trong hai tháng, có lẽ không kịp tham gia một chỉnh sửa nào.

- Có một lời nói đầu ghi tổng quát trình bày về tác giả, tác phẩm và lịch sử lưu truyền bộ *Sám Truyền Ca*.

Kết luận 1: Hai bản cũ có văn bản giống nhau

Hai bản cũ ở một số chỗ có hai dạng tên riêng Việt hóa.<sup>a</sup>

Đừng kể tên riêng, các câu thơ của hai bản Nguyễn Văn Nhạn và Paulus Tạo (trong ấn bản này là cột B và C) giống nhau đáng kinh ngạc, trùng khít có đến 90 %. Rọi đèn lên các cước chú của Nguyễn Văn Nhạn và Paulus Tạo, ta có thể nói cả hai ông cũng như những vị sao chép đều có một ý thức trân trọng cao độ đối với một tác phẩm liên quan đến Lời Chúa, do đó luôn cố gắng tối đa để sao chép đúng?

<sup>a</sup> Xem “Bảng đối chiếu tên người và tên đất” cuối sách, những cước chú “bản cũ”

### **Kết luận 2: Chọn bản Nguyễn Văn Nhạn**

Thật ra, việc ông Nguyễn Cang Thường dùng cùng một bản cũ với cha Phaolô Qui hay một bản khác chỉ là một chuyện bên lề, không ảnh hưởng gì tới điểm chính đang bàn. Hậu thân của bản Nguyễn Cang Thường, tức là bản ông Nguyễn Văn Nhạn đã chép lại cho ta mới quan trọng. Câu hỏi then chốt là: Bản Nguyễn Văn Nhạn và bản Paulus Tạo, bên nào gần với gốc xưa hơn?

Những mổ xẻ trên đây không qua khỏi điểm thực tế chính yếu:

- Với sự thay đổi cách hệ thống một số tên riêng và biến đổi những câu liên quan, Bản Phaolô Qui (1885) và bản Paulus Tạo (#1930) mang tính cải biên;

- Còn bản Nguyễn Cang Thường và bản Nguyễn Văn Nhạn vẫn giữ vững hệ thống tên riêng cũ nên có tính bảo tồn.

Nói ngắn gọn, do chưa bị sửa đổi các tên riêng, bản ông Nhạn vẫn gần với bản 1820 của Phan Văn Cận hơn bản Paulus Tạo đã chịu sự điều chỉnh của Lm. Phaolô Qui.

Lm. Lữ Y Đao và ông Phan Văn Cận đều là người Đảng Trong. Họ phát âm tiếng Việt theo cách của Đảng Trong. Đảng khi bản Nguyễn Văn Nhạn luôn dùng “tới”, bản Paulus Tạo lại chuyển thành “đến”.<sup>a</sup> Tiêu tiết này cũng cho thấy bản Nguyễn Văn Nhạn gần bản gốc 1820 hơn.

Do đó, khi thực hiện ấn bản đối chiếu, chúng tôi đã dùng bản Nguyễn Văn Nhạn làm trục chính để phục hồi bản gốc.

## **XÁC ĐỊNH TRỤC CHÍNH TRUYỀN BẢN SÁM TRUYỀN CA**

1. NGUYÊN BẢN CHỮ NÔM CỦA LỮ Y ĐOAN 1670

2. BẢN PHAN VĂN CẬN 1820

3. BẢN NGUYỄN VĂN THẾ 1870

Ax. Bản cũ	Bx. Bản cũ khác
A4. PHAO-LỒ QUI 1885	B4. NGUYỄN CANG THƯỜNG 1947
A5. PAULUS TẠO #1940	B5. NGUYỄN VĂN NHẠN 1956

<sup>a</sup> Tương tự, đờn bà → đàn bà (953); thiết → thật (1193), bèn → liền (887, 1409), kiết → cát (1531), tánh danh → tính danh (2045), khưng → khăng (2086)

## TÍNH TRUNG THÀNH VÀ SÁNG TẠO TRONG QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC, TRUYỀN BẢN VÀ TIẾP NHẬN SÁM TRUYỀN CA

Trên quá trình này, ta thấy lặp lại một kinh nghiệm có từ lâu đời trong Giáo hội Công giáo là trung thành và sáng tạo, sáng tạo nhưng phải trung thành với định hướng ban đầu.

Để tìm lại bộ mặt ban đầu của Sám Truyền Ca, ta cần xác định được hướng sáng tác của tác giả và trên quá trình truyền bản, những người liên quan đã sáng tạo thêm những gì.

### A. Từ bản thân bộ Sám Truyền Ca

Chính tác giả Lữ Y Đoan đã cho bản trường thi của ông tiến thoãn thoát theo nhịp lục bát như một đoàn tàu lướt nhanh trên hai thanh đường sắt trung thành và sáng tạo. Hơn hai trăm năm sau (1885), Lm. Phao-lô Qui đã nhận định rằng Lữ Y Đoan phóng tác nhưng rất trung thành với Kinh thánh, và chứng minh điều đó bằng cách cài đặt lên bản trường thi đầy đủ những số câu của Kinh thánh.<sup>a</sup> Độc giả có thể xác nhận điều ấy với Lm. Phao-lô Qui bằng cách đối chiếu số thứ tự các câu Kinh thánh ở cột A được cài trên các câu thơ của cột B và cột C.

Nét sáng tạo thứ nhất của Lữ Y Đoan là đặt tên cho bộ sách 5 quyển đầu của Cựu ước là 5 quyển *kinh*, khởi đầu là *Tạo Đoan Kinh*, rồi *Lập Quốc Kinh*. Ông Nguyễn Văn Nhạn cho biết: “*Rất tiếc, chép lại tới đây thì không còn thể nào mò ra được nữa, vì hơn phân nửa quyển Lập quốc kinh (exodus) bị nằm dưới nước thấm ướt và mối đã gặm nát cùng số phận với ba quyển sau là Lévitique, Les Nombres và Le Deutéronome, mà tôi không mò ra tên bằng tiếng Việt thời xưa, mà thấy cả Lữ Y Đoan địa phận Đàng Trong đã đặt ra. Dù vậy, ta biết chắc rằng tên của ba quyển ấy đều được tác giả đặt với chữ kinh ở cuối. Lữ Y Đoan muốn gọi cho độc giả liên tưởng tới ngữ kinh của Nho giáo (Kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Xuân Thu) và nhận ra đây những sách kinh điển nền tảng của tôn giáo mạc khải, như ngữ kinh là nền tảng của Nho giáo. Ta có thể suy đoán không lầm rằng, tiếp sau Sám Truyền Ca, Lữ Y Đoan còn sưu mang một bộ trường thi khác gồm bốn tập, và gọi là tứ thư, tương đương với tứ thư của Nho giáo (Đại học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử), tức là bốn sách Tin mừng mở đầu phần Tân ước của Kinh thánh. Ở nửa sau thế kỷ XX, khi phiên dịch trọn bộ Kinh thánh, Lm. Nguyễn Thế Thuấn cũng đã dùng những thuật ngữ ấy.*

Sáng tạo thứ hai của Lữ Y Đoan là hệ thống tên người và tên đất trong *Kinh thánh* được Việt hóa rất tuyệt vời. Năm 1885 cha Phao-lô

<sup>a</sup> Xem chú thích tại câu thơ 005 và 932, cột C.

Qui đã cất công điều chỉnh lại để tác phẩm có một hệ thống phiên âm tên riêng gần với dạng la-tinh. Tuy nhiên thiết tưởng vấn đề không nằm ở đó. Chắc hẳn một số nhà truyền giáo nước ngoài đủ uyên thâm để nhận ra loạt tên riêng Việt hóa của cha Lữ Y Đoan phong phú, ý nhị và sâu sắc vượt xa cách phiên âm đã dùng cho kinh sách Công giáo Trung quốc.<sup>a</sup> Một số vị có thể cũng biết rằng các tên riêng trong kinh sách Phật giáo bằng tiếng Pali và Sanskrit đều đã được chuyển sang dạng đơn âm cho thuận với tiếng Hoa và tiếng Việt.

Sáng tạo thứ ba và là điều đã khiến *Sám Truyền Ca* bị long đong không được xuất bản là việc vận dụng triết học phương Đông, cụ thể là kinh Dịch, để dẫn dắt tâm hồn người Việt vào thế giới Kinh thánh. Lữ Y Đoan không làm khác hơn điều trước kia Thánh Âu-tinh và Thánh Tô-ma đã làm khi vận dụng triết học Platon và Aristoteles của Hy Lạp. Không may cho Lữ Y Đoan là ông đã đi trước mọi người hơn ba trăm năm. Nếu ông sống sau Công đồng Vaticanô II (1962-1965) có lẽ ông sẽ thành một vị thánh tiến sĩ của Giáo hội Việt Nam.

Qua *Sám Truyền Ca*, ta thán phục tài văn chương, kiến thức uyên bác và tầm nhìn mục vụ của Lm. Lữ Y Đoan. Ông đã thành công về mặt hội nhập văn hóa, vận dụng nhiều khái niệm Đông phương để diễn tả thông điệp ơn cứu rỗi cách sâu sắc, gần gũi với cái nhìn của người Việt, dễ đi vào lòng người. Ta lấy làm tiếc vì các nhà truyền giáo nước ngoài đã không cho phép in tác phẩm này. Tuy nhiên sự dè dặt có vẻ quá đáng của các vị rất đáng cho chúng ta suy nghĩ và hẳn không ra ngoài sự quan phòng của Thiên Chúa. Sự việc ở đây phần nào tương tự quá trình vấn đề thờ cúng tổ tiên trong lịch sử truyền giáo tại Việt Nam.

Cha Phao-lô Qui cũng đã chỉnh sửa một vài từ có vấn đề về nội dung nhưng chắc hẳn không đủ thuyết phục những nhà truyền giáo bận tâm truyền đạt một giáo lý thật chính xác. Theo chúng tôi thấy, điều các nhà truyền giáo e ngại sâu xa nơi *Sám Truyền Ca* có lẽ là một số vận dụng các khái niệm triết học phương Đông trong đó có nguy cơ dẫn tới thái độ hòa đồng tôn giáo, khiế thông điệp mạc khải siêu nhiên bị giản lược thành một tôn giáo tự nhiên của suy tư nhân loại. Nguyên tắc loại suy đức tin (analogy of faith) dạy rằng các chân lý mạc khải kết thành một hệ thống vững chắc, liên quan chặt chẽ với nhau; nếu một thành phần bị phủ nhận, toàn bộ sẽ sụp đổ. Cụ thể ở đây là các khái niệm của Kinh Dịch mà cha Lữ Y Đoan vận dụng, có nguy cơ tạo hiệu ứng rút dây động rừng, khiến cách hiểu giáo lý của người tín hữu bị lệch lạc, và rồi

<sup>a</sup> Trong bảng đối chiếu danh từ riêng cuối sách này, có một cột chữ Hán và phiên âm trích từ bản Kinh thánh tiếng Trung hiện dùng, thử đem đối chiếu với những sáng tạo ngắn gọn, êm tai, giàu hình ảnh và ý nghĩa của cha Lữ Y Đoan, độc giả sẽ thấy rõ.



đức tin và lòng trông cậy của họ cũng lệch hướng. Ngay cả ngày nay, khi nghĩ tới việc cập nhật cho Sám Truyền Ca một phiên bản mục vụ, dùng cho đại chúng Dân Chúa, chúng tôi thấy vấn nạn đang nói vẫn còn rất đáng bận tâm. Sám Truyền Ca là một tác phẩm văn chương tuyệt vời để giới thiệu Kinh thánh, nhưng nếu dùng để đào tạo đức tin thì có lẽ còn phải cân nhắc.

### **B. Những người tiếp nối**

Lời nói đầu và ba lời tựa nơi hai bản chép tay<sup>a</sup> cho thấy những người tha thiết bảo tồn tác phẩm *Sám Truyền Ca* cũng canh cánh bên lòng hai chữ trung thành và sáng tạo.

Câu thơ 731 của *Tạo Doan Kinh* trong nguyên bản của Lữ Y Doan là: “Một vì tiên hiện hời nàng”, đã được Phan Văn Cận sửa thành “Một thiên thần” và chú thích: “Tôi sửa lại để nghe có đạo Chúa một chút”. Cũng thế, tại câu 1617, “Chư tiên lên xuống rạng ngời”, cha Phao-lô Qui đã sửa lại là “thiên nhân”. Những chỗ các vị thấy cần sửa, đều được các vị ghi chú rõ ràng.

Về tên người và tên đất, có ai đó đã sửa lại nơi một bản cũ một số từ của Lữ Y Doan, nói đúng hơn là đã đề xuất một từ khác, cũng theo hướng của Lữ Y Doan: mượn âm, gửi nghĩa, êm tai, giàu hình ảnh và ý nghĩa. Ví dụ:

Câu thơ 489, tên tháp Ba-ben có hai dạng Việt hóa: Hồn-lầu và Bá-biền, mỗi bên đều có cái sâu sắc riêng, ta không rõ chính Lữ Y Doan đã dùng chữ nào.

Một số tên riêng khác cũng có hai từ Việt hóa cùng hay ngang ngửa nhau: Ông-phát/Yêu-phát (085), Cơ-biê/Cát-biên (155), Khả-ân/Càn-dinh (160), Nhữ-yên/Nhữ-y (259), Cang/Càn-pha (263), Ân-lâm/Ấp-lâm (511,517), Xuân-hoa/Sa-lâm/Sa-lan (772,3516), Mô-áp/Mông-á (940), Am-môn/Hoành-môn (942,945), Y-đông/Đỗ-công (1406), Yên-đăng/Yên-đông (1990), Trà-lê/Trà-liên (1721/2299),...

Hai bộ tên riêng song song ấy khiến ta nghĩ tới hai phiên bản chữ Nôm khác nhau. Ai đã thực hiện việc điều chỉnh, ta không biết được. Cần lưu ý là vị chép lại đã ghi chú cả sự khác biệt tên riêng và sự khác biệt một số từ khác, tổng số những khác biệt được ghi nhận không nhiều. Nói chung, những câu thơ của đôi bên đa số đều trùng khít nhau. Tới năm 1885, Lm. Phao-lô Qui đã sửa đổi một số tên riêng cho gần với dạng la-tinh của bản *Kinh thánh Vulgata*, kéo theo sự sửa đổi một ít câu thơ cho hợp vần trên dưới. Nhà báo Paulus Tạo đã tỉ mỉ ghi chú

<sup>a</sup> Mời xem bản văn trong bài trước đây của Gs. Nguyễn Văn Trung

có thể là hầu hết những chỉnh sửa của cha Phao-lô Qui cả về tên riêng cũng như những ý niệm và quan điểm giáo lý. Những ghi chú của ông Tạo cho thấy ông luôn quan tâm để sao chép thật chính xác. Nơi những dòng cước chú của ấn bản đối chiếu, sẽ có in màu đà một số chữ để độc giả dễ nhận ra những chỗ sửa đổi ấy.

Tuy nhiên nhà báo Nguyễn Cang Thường (và sau đó Nguyễn Văn Nhạn chép lại) vẫn giữ nguyên dạng Việt hóa trước, không sửa theo Lm. Phao-lô Qui. Chọn lựa này khiến cho bản Nguyễn Văn Nhạn được đánh giá là gần với bản Quốc ngữ năm 1820 hơn bản kia.

### **ẤN BẢN ĐỐI CHIẾU BỐN CỘT**

Bốn cột A, B, C, D gồm trọn 50 chương *Tạo Doan Kinh* (Sáng Thế). Phần 21 chương *Lập Quốc Kinh* tiếp sau chỉ có hai cột A và B. Dưới đây là vài lưu ý về từng cột.

#### **Cột A**

Cột A sẽ giới thiệu đến độc giả toàn văn quyền *Sáng thế*, nội dung mà Lm Lữ Y Doan đã căn cứ để chuyển thành bản văn lục bát tiếng Việt. Bản văn sách *Sáng thế* ở đây trích từ ấn bản Kinh thánh trọn bộ của Nhóm phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Quyền *Sáng thế* có 50 chương, các câu trong mỗi chương được đánh số thứ tự theo quy định chung của các ấn bản *Kinh thánh*. Năm 1885, Lm. Phao-lô Qui ghi lên bản văn *Sám Truyền Ca* số thứ tự tương ứng với các câu trong sách *Kinh thánh* để chứng minh rằng công trình của Lữ Y Doan sát với *Kinh thánh*. Đối chiếu cột A với cột B và cột C, độc giả sẽ thấy điều đó.

#### **Cột B**

Cột B là bản Nguyễn Văn Nhạn, sao chép năm 1956, gồm phần được cứu vãn sau bão lụt 1952.

Bản này do Nguyễn Cang Thường chép từ *một bản cũ khác với bản cũ của Phao-lô Qui*,

Ông Thường tham khảo bản Phao-lô Qui, ghi số câu Kinh thánh theo bản này.

- Những chi tiết khác tham khảo bản Phao-lô Qui được in **màu đà**.<sup>a</sup>
- Cũng dựa theo Phao-lô Qui, đã bỏ các câu thơ chủ đề của mỗi chương.
- Không có 6 câu kết (3601-3606).
- Giữ nguyên bộ tên riêng Việt hóa cũ cho nên gần với bản 1820 của Phan Văn Cận hơn bản Lm. Phao-lô Qui.

<sup>a</sup> Cước chú ở các câu 009, 167 và 168, 246, 259, 264, 388, 409, 472, 489, 529, 551, 558, 595, 716, 771, 775, 1381, 1383, 1406, 1617, 2557, và Lập Quốc kinh 1029, 1030

## Cột C

Cột C là bản Paulus Tào, chép theo bản Trần Hớn Xuyên.

- Tham khảo và ghi số câu Kinh thánh theo bản Phao-lô Qui.

- Dựa theo bản Phao-lô Qui, cập nhật hóa một số tên người và tên đất cho gần với dạng la-tinh. Sự thay đổi các tên riêng này khiến cho một ít câu thơ phải thay đổi để thuận vẫn với các câu ở trên và ở dưới.

- Bỏ hai câu thơ tựa đề đầu mỗi chương, nhưng rất may các tựa đề này tại mục lục cuối sách vẫn còn nguyên.

- Một số chỗ được ông Paulus Tào ghi rõ là bản cũ/bản cũ. Theo ghi chú C 490 và mấy chỗ khác, bản cũ tức là bản đã được Lm. Phao-lô Qui dùng để sửa. Trong ấn bản đối chiếu này, những cước chú ghi rõ bản cũ/bản cũ được in **màu đỏ**.

- Tất cả những từ trong bản văn cột C khác với bản văn cột B đều được **in đậm** để độc giả tiện đối chiếu.

- Lm. Phao-lô Qui đã gạch bỏ các câu thơ chủ đề theo lối truyện tàu ở đầu mỗi chương sách. Rất may tại mục lục của bản Trần Hớn Xuyên vẫn còn ghi các câu thơ này.

- Những chênh lệch giữa bản B và bản C về chính tả hỏi/ngã, c/t hoặc n/ng ở cuối, được đánh dấu bằng gạch dưới.

## Cột D

Cột này đề nghị một bản văn có thể coi là gần nhất với bản Quốc ngữ 1820 của Phan Văn Cận.

Bỏ việc ghi số câu theo Kinh thánh. Thay vào đó, đánh số các câu thơ theo thứ tự từ 001 đến cuối.

Phục hồi các câu thơ chủ đề ở đầu mỗi chương sách.

Dựa theo các chú thích để phục hồi một số câu từ hoặc ghi chú thành dị bản. Những câu từ được sửa khác với cột B đều được **tô đậm**.

Các từ ngữ phát âm theo tiếng Việt của Đàng Trong vẫn giữ nguyên. Một số từ sai chính tả hỏi/ngã, c/t hoặc n/ng ở cuối, được sửa lại cho đúng và đánh dấu bằng gạch dưới.

## LỜI KẾT

Kết thúc bản trình bày, xin được chia sẻ một điều có thể khá bất ngờ với nhiều người: Một trong những mục đích Tủ sách Nước Mặn nhắm đến khi thực hiện ấn phẩm đối chiếu này là để thông báo phần đã

cứu văn được của bộ *Sám Truyền Ca*, đồng thời gửi đi lời mời gọi, ước mong mọi người cùng tích cực góp phần tìm kiếm, cách riêng là trong tủ sách những gia đình Công giáo cổ kính, nếu ở đâu còn may mắn giữ được bản chép tay toàn bộ hay một phần tác phẩm *Sám Truyền Ca*, xin vui lòng nhắn tin về Tủ sách Nước Mặn. Chúng tôi ước mong được tiếp tay với chủ nhân của tài liệu để công bố nhằm bảo toàn di sản của người xưa. Chân thành cảm tạ.

*Tp. Quy Nhơn, 24-5-2023*

Lm. Trăng Thập Tự,

Phụ trách Tủ sách Nước Mặn, Giáo phận Quy Nhơn

## NHỮNG CHỈ DẪN ĐỂ TRUY TÌM

### phần còn lại của SÁM TRUYỀN CA

Bản Sám truyền ca của Nguyễn Văn Nhuận gồm 238 trang, chép quyển I: Tạo Đao Kinh và một phần quyển hai, đến câu thơ thứ 1636 của Lập quốc kinh, tương ứng với câu 35 của chương 21 sách Xuất hành thì ngưng, với lời than thở của ông Nhuận:

“... Rất tiếc, chép lại tới đây thì không còn thể nào mò ra được nữa, vì hơn phân nửa quyển Lập quốc kinh (exodus) bị nằm dưới nước thấm ướt và mối đã gặm nát cùng số phận với ba quyển sau là Lévitique, Les Nombres và Le Deutéronome, mà tôi không mò ra tên bằng tiếng Việt thời xưa, mà thầy cả Lữ Y Doan địa phận Đàng Trong đã đặt ra.

Mãi tới nay chúng ta chưa tìm lại được tựa đề của ba quyển bị mất. Chỉ riêng một chi tiết ấy đủ cho thấy việc đi tìm những phần còn lại của Sám truyền ca quả là hết sức khó.

Để khỏi nản lòng những độc gia tha thiết muốn chung tay góp sức kiếm tìm, chúng tôi xin nêu vài gợi ý.

Tác phẩm đang tìm thuộc hàng tài liệu cổ, có thể tồn tại ở dạng chữ Quốc ngữ hay chữ Nôm, cả nơi giới Công giáo và ngoài Công giáo từ nam Trung bộ đến Nam bộ.

### TÀI LIỆU CỔ

Tìm những tài liệu cổ: chép tay, ở dạng chữ Quốc ngữ hay chữ Nôm.

### CHỮ QUỐC NGỮ

- Tài liệu này là trường thiên lục bát, những bài thơ dài, xen kẽ một câu sáu chữ, một câu tám chữ.

- May mắn nhất là gặp được tài liệu ghi rõ tựa đề: **SÁM TRUYỀN CA**

- Tài liệu này có năm tập, nếu thiếu tựa đề chung, ta dò tìm theo tựa đề mỗi tập.

- Các tựa đề riêng mỗi tập đều có chữ “kinh” ở cuối.

- Hai tập đầu đã biết có tên là *Tạo đao kinh* và *Lập quốc kinh*

- Tập thứ ba có thể có tên là: *Lễ vị kinh/ Phụng thiên kinh/ Tư tế kinh/*

*Tế tự kinh* (27 chương). Nó mở đầu bằng lễ tế toàn thiêu: *Chúa gọi ông Mao-tôn, và từ Lều Hội Ngộ, Người bảo ông: "Hãy nói với con cái Yết-linh..."*

- Tập thứ tư có thể có tên là: *Trường dân kinh, Dân số kinh, Quốc dân kinh* (36 chương), mở đầu bằng chuyện kiểm tra dân số: *Từ sa mạc Son-nam, năm thứ hai sau khi rời đất Giép...*

- Tập thứ năm có thể có tên là: *Thứ luật kinh/ Đệ nhị kinh/ Phục luật kinh/ hoặc Đoạn tục kinh* (34 chương), mở đầu bằng chuyện ông Mao-tôn nói với dân Yết-linh bên bờ sông Giu-đong.

Trong thực tế, dựa trên hai tựa sách còn giữ được, hầu chắc tác giả Lữ Y Doan đã có những sáng tạo rất bất ngờ và lý thú cho tựa đề ba quyển còn lại của Ngũ kinh, khác hẳn những gợi ý nôm na của chúng tôi.

### CHỮ NÔM

Các chứng từ cho biết tác phẩm này trình bày giáo lý đạo Chúa theo triết học và văn hóa phương Đông nên được nhiều bà con lương dân yêu thích và chép lại từ thuở còn lưu truyền bản chữ Nôm. Do đó, lắm khi có thể nó đã và đang được những vị giàu tinh thần hiểu cổ bảo tồn nơi các chùa, miếu.

Chắc hẳn nhiều anh chị em Công giáo có dịp quen biết, thăm viếng các bậc cao tăng, trưởng bối tại các chùa, miếu. Rất mong anh chị em quan tâm giới thiệu ấn phẩm đối chiếu này để nhờ các vị tìm kiếm giúp.

Mong rằng trong vòng quý bạn trẻ đang đọc những trang này sẽ có những người yêu thích Hán Nôm và một hôm nào đó có thể tình cờ tìm thấy những trang Sám truyền ca trên một tủ lưu trữ những văn bản cổ, có những ký tự như:

讖傳歌, *Sám truyền ca*

造端經, *Tạo đao kinh*

立國經, *Lập quốc kinh*

呂伊端, *Lữ Y Doan,*

Và diễn biến tiếp theo của cuộc kiếm tìm sẽ tuyệt vời biết mấy!

### MỜI MỌI NGƯỜI CÙNG GIÚP TÌM KIẾM

Học viện Công giáo và Tủ sách Nước Mặn ước mong được quý Cha sở, Cha phó, Ban chức việc, Nữ tu, Chứng sinh, Giáo lý viên và mọi người chung sức tìm kiếm dấu vết của *Sám truyền ca*.

Rất mong các bậc cao tăng, trưởng bối tại các chùa, miếu, nếu có duyên gặp được cổ thư này, xin nhắn tin giúp một lời, chúng tôi sẽ tìm đến thưởng lãm và thỉnh một bản sao.

Các nhà nghiên cứu và những vị có duyên với Hán Nôm có thể đã gặp thấy đâu đó những dấu vết của *Sấm truyền ca*, xin vui lòng chỉ giáo.

#### **ĐỊA CHỈ NHẬN THÔNG TIN**

Xin dùng điện thoại chụp ngay mấy trang đầu và gửi email hoặc Zalo về:

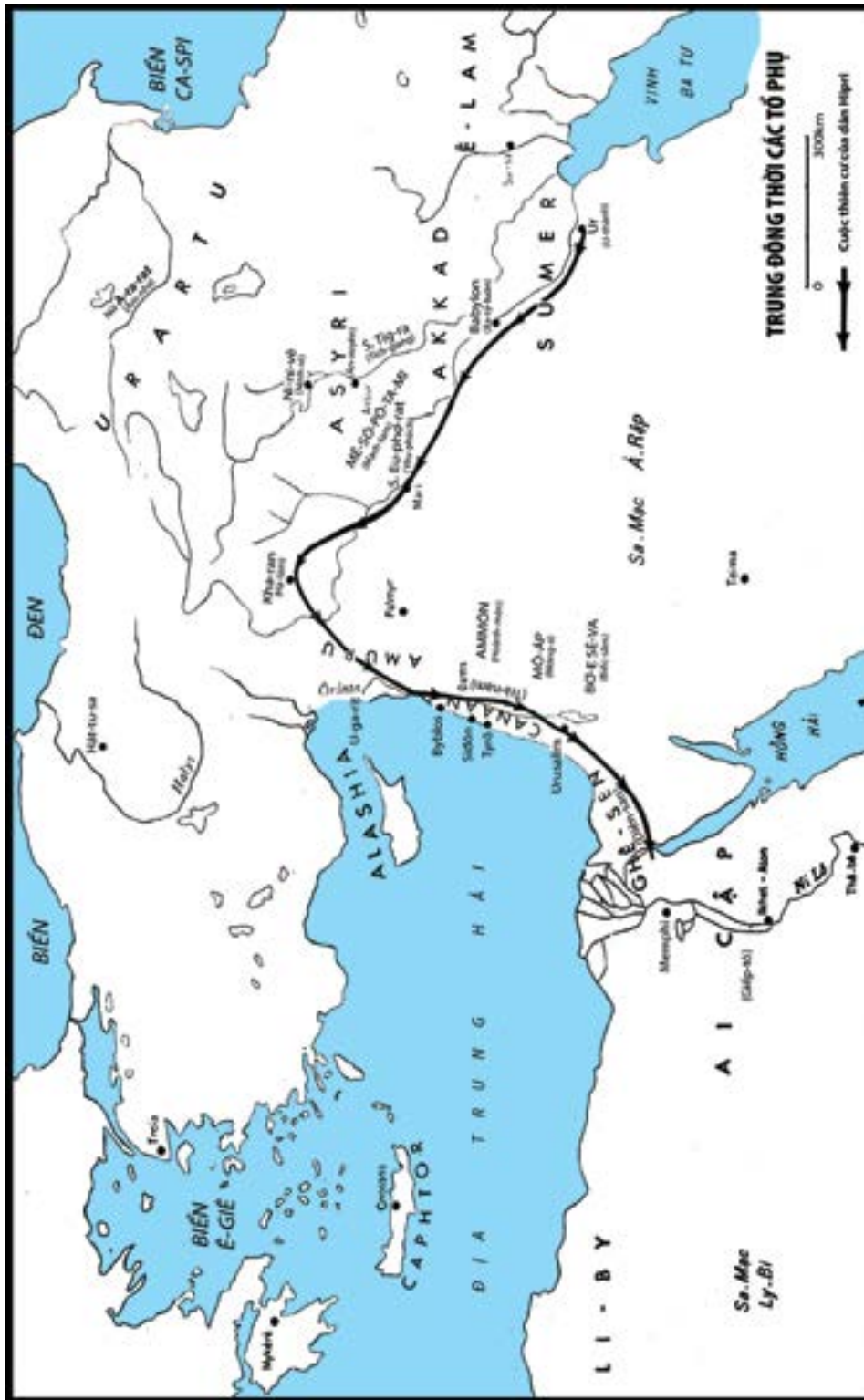
hocvienconggiao@gmail.com, Sđt: 0938-905-015, 0967-257-483,

hoặc:

tinmunggiesu@gmail.com, Sđt: 0935-424-449.

Chân thành cảm tạ.

## **SẤM TRUYỀN CA**



## QUYỂN I TẠO ĐOẠN KINH

ẤN PHẨM ĐỐI CHIẾU ĐỂ PHỤC HỒI BẢN QUỐC NGỮ 1820

SẤM TRUYỀN CA  
ẤN PHẨM ĐỐI CHIẾU ĐỂ PHỤC HỒI BẢN QUỐC NGỮ 1820

Quyển I  
TẠO ĐOAN KINH

SÁCH SÁNG THỂ BẢN DỊCH CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ
A

TẠO ĐOAN KINH Bản Nguyễn Văn Nhận
B

VÀO ĐỀ

Ngày ngày trước mắt chúng sinh, <sup>001</sup>  
Chữ đời, chữ đạo phân minh đôi đường.  
Xưa nay trong kiếp vô thường,  
Thấy điều vắn cẩu mà thương hơn phạm.  
Loài người từ thuở A-dang, <sup>a 005</sup>  
Đua nhau xây dựng “mộng ham làm trời”.  
Một pho cổ sấm ra đời,  
Chứng minh vạn đại những lời do Thiên,

<sup>a</sup> A-dang hoặc A-dong, do chữ a-dương là nhập vào cõi dương gian. Danh từ này dùng âm dịch chữ A-dang (Adam), tên người đầu tiên trong Kinh thánh Cựu ước.

TẠO ĐOAN KINH Bản Paulus TẠO
C

VÀO ĐỀ

Ngày ngày trước mắt chúng sinh, <sup>001</sup>  
Chữ đời chữ đạo phân minh đôi đường<sup>a</sup>  
Xưa nay trong kiếp vô thường,  
Thấy điều vắn cẩu mà thương nhân phạm.  
Loài người từ thuở A-đam <sup>b, 005</sup>  
Đua nhau xây dựng mộng ham làm trời.  
Một pho Kinh thánh ra đời,  
Chứng minh vạn đại những lời <sup>c</sup> do Thiên.

<sup>a</sup> Chúa Cứu thế đã phán: “Của Thiên Chúa trả cho Thiên Chúa, của Xê-da trả cho Xê-da. Ngày xưa có câu hát: *Nói đạo là việc của Trời, Nói đời là việc của người làm ra*. Vậy đời và đạo có mặt với nhau trong cuộc sống, nhưng vẫn riêng biệt nhau.

<sup>b</sup> Loài người từ con người thứ nhất xuất hiện trên mặt đất.  
<sup>\*A-đam</sup>: Theo lời linh mục Giuse Trần Hiếu Lễ thì chữ A-đam do linh mục Phao-lô Qui đổi ra thay chữ cũ (bản xưa) là A-dang. A-dang gốc chữ Nôm viết là A-dương (có nghĩa: nhập vào cõi dương, tức là cõi có hình) do đó đọc trại ra A-dong hay A-dang.

<sup>c</sup> Đánh số từng câu là công khó của linh mục Phao-lô Qui, năm 1885, để tìm hiểu việc soạn ra Sấm Truyền Ca của Thấy cả Lữ Y Đoàn xưa, là mô phỏng hay là dựa sát theo Kinh thánh.

Linh mục Qui có mấy nhận xét

a) Thấy cả Lữ Y Đoàn dựa theo Kinh thánh khá chặt chẽ, trừ những câu về tên riêng của dòng dõi các tổ phụ thì viết đại khái theo điểm chính.

b) Những câu không phù hợp dân tộc tính An nam thì trình bày theo sự kiện thần thoại mà người Á đông quen dùng, chẳng hạn như ông Lót và hai con gái của mình ...

c) Về tên riêng, không rõ chữ Nôm xưa viết thế nào, chỉ theo bốn của Phan Văn Cận (1820) và tôi đã chữa lại theo lối phiên âm của các linh mục Pháp quen dùng tại Sài Gòn hiện nay (1885).

<sup>c</sup> *Những lời thiên lý* tức là Đạo của Trời.

TẠO ĐOAN KINH Bản phục chế đề nghị
D

VÀO ĐỀ

Ngày ngày trước mắt chúng sinh, <sup>001</sup>  
Chữ đời, chữ đạo phân minh đôi đường.  
Xưa nay trong kiếp vô thường,  
Thấy điều vắn cẩu mà thương hơn phạm.  
Loài người từ thuở A-dang, <sup>a 005</sup>  
Đua nhau xây dựng “mộng ham làm trời”.  
Một pho cổ sấm ra đời,  
Chứng minh vạn đại những lời do Thiên,

<sup>a</sup> A-dang gốc chữ Nôm viết là A-dương (có nghĩa: nhập vào cõi dương, tức là cõi có hình) do đó đọc trại ra A-dong hay A-dang.

<sup>1</sup> Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất.<sup>a</sup>

<sup>2</sup> Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước.

<sup>3</sup> Thiên Chúa phán: “Phải có ánh sáng.” Liền có ánh sáng. <sup>4</sup> Thiên Chúa thấy rằng ánh sáng tốt đẹp. Thiên Chúa phân rẽ ánh sáng và bóng tối. <sup>5</sup> Thiên Chúa gọi ánh sáng là “ngày”, bóng tối là “đêm”. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ nhất.

<sup>6</sup> Thiên Chúa phán: “Phải có một cái vòm ở giữa khối nước, để phân rẽ nước với nước.” <sup>7</sup> Thiên Chúa làm ra cái vòm đó và phân rẽ nước phía dưới vòm với nước phía trên. Liền có như vậy. <sup>8</sup> Thiên Chúa gọi vòm đó là “trời”. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ hai.

<sup>9</sup> Thiên Chúa phán: “Nước phía dưới trời phải tụ lại một nơi, để chỗ

<sup>a</sup> Bài thơ này kết cấu rất công phu: Ngoài nhập đề (câu 1,1) và kết luận (2,1-4), thân bài chia thành 2 phần, 3 ngày đầu tương ứng với 3 ngày cuối. Ngày I (ánh sáng) tương ứng với ngày IV (mặt trời, mặt trăng, các vì sao). Ngày II (nước và bầu trời) tương ứng với ngày V (cá và chim). Ngày III (đất liền và cỏ cây) tương ứng với ngày IV (thú vật và loài người). Bài thơ này không nhằm dạy khoa học nhưng dạy giáo lý về việc Thiên Chúa dựng nên trời đất và con người. Thiên Chúa đã dựng nên mọi sự, không có gì mà không do Thiên Chúa dựng nên. Thiên Chúa sáng tạo cách đầy quyền năng, bằng lời của Ngài. Mọi thụ tạo Thiên Chúa dựng nên đều tốt đẹp. Con người là thụ tạo cao quý hơn mọi vật hữu hình khác và có trách nhiệm làm chủ công trình sáng tạo của Chúa.

<sup>1</sup> Hằng sinh Thượng-đế đại quyền,<sup>a</sup>

Tự không sáng tạo, phán truyền hồng khai:

<sup>2</sup> Càn khôn bỗng chúc phôi thai, 011

Hư hư hàn vũ, dày dày u minh.

Thánh-thần sinh hoá vận trình,

<sup>3</sup> Đột nhiên quang ánh lộ hình khắp nơi.

<sup>4</sup> Ngự khen trong sáng tuyệt vời, 015

Liền phân lưỡng vực muôn đời đối nhau:

<sup>5</sup> Gọi ngày, dương khí lâu lâu,

Gọi đêm, âm khí phủ bao mịt mờ.

Hoàng hôn chuyển tiếp minh sơ,

Chu kỳ thứ nhất, thiên cơ ứng hành.

<sup>a</sup> Đánh số câu theo Kinh thánh Cựu ước do linh mục Phao-lô Qui.

<sup>1</sup> Hằng sinh Thượng đế<sup>a</sup> đại quyền<sup>b</sup>,

Tự không<sup>c</sup> sáng tạo phán truyền hồng khai:

Càn khôn bỗng chúc phôi thai 011

<sup>2</sup> Hư hư hàn vũ<sup>d</sup>, dày dày u minh.

Thánh thần sinh hóa vận trình,

<sup>3</sup> Đột nhiên quang ánh lộ hình khắp nơi.

<sup>4</sup> Ban khen trong sáng tuyệt vời 015

Liền phân lưỡng vực<sup>e</sup> muôn đời đối nhau:

<sup>5</sup> Gọi ngày, dương khí lâu lâu,<sup>f</sup>

Gọi đêm, âm khí phủ bao mịt mờ,

Hoàng hôn chuyển tiếp minh sơ,<sup>g</sup>

Chu kỳ<sup>h</sup> thứ nhất, thiên cơ ứng hành.

<sup>a</sup> Thượng đế: Ngày xưa dùng chữ này chỉ về Thiên Chúa, Đức Chúa Trời tự hữu hằng có đời đời.

<sup>b</sup> Đại quyền: Phép tắc vô cùng, quyền oai khôn sánh.

<sup>c</sup> Tự không: Bởi không dựng nên mọi sự cho có.

<sup>d</sup> Hàn vũ: Mưa lạnh, diễn tả trạng thái sơ khai vũ trụ còn hỗn độn, lạnh lẽo u minh dày đặc, nửa thực nửa hư.

<sup>e</sup> Lưỡng vực: Hai lãnh vực khác biệt nhau.

<sup>f</sup> Theo bản sớ tâm Sám Truyền Ca của Linh mục Giuse Trần Hiếu Lễ, cha sở họ đạo Cái Mây (Mỹ Tho) năm 1920, từ câu 5-8 như sau:

5 Dương cơ, ngày rạng khai mào  
Âm cơ còn lại đặt vào phần đêm

Hai cơ trao đổi triển miên  
Chiều, mai bổ túc đầu tiên chu kỳ.

6 Thủy phân thượng hạ đồng nghi,  
7 Hạo khung tạo lập biên thủy phân minh,

Không gian hảo hiệp thời trình,  
8 Hóa công thấy ứng gọi danh là trời,

Chuyển vận tự lực nơi nơi,  
Chiều mai sung mãn thứ hai chu kỳ.

<sup>g</sup> Minh sơ: sự sáng sơ khởi, tức là rạng đông, buổi mai.

<sup>h</sup> Chu kỳ: do câu: “Thiên địa tuần hoàn, châu nhi phục chí”, chỉ một thời gian dài từ khởi điểm đến cao điểm,

KHAI SÁNG CÀN KHÔN  
TÁC THÀNH VŨ TRỤ<sup>a</sup>

Hằng sinh Thượng-đế đại quyền,

Tự không sáng tạo, phán truyền hồng khai:

Càn khôn bỗng chúc phôi thai, 011

Hư hư hàn vũ, dày dày u minh.

Thánh-thần sinh hoá vận trình,

Đột nhiên quang ánh lộ hình khắp nơi.

Ngự khen trong sáng tuyệt vời, 015

Liền phân lưỡng vực muôn đời đối nhau:

Gọi ngày, dương khí lâu lâu,

Gọi đêm, âm khí phủ bao mịt mờ.

Hoàng hôn chuyển tiếp minh sơ,

Chu kỳ thứ nhất, thiên cơ ứng hành.

<sup>a</sup> Tiêu đề các chương lấy từ mục lục bản Paulus Tào (cột C, trang...)

**Bản văn Kinh thánh**

cạn lộ ra.” Liền có như vậy. <sup>10</sup> Thiên Chúa gọi chỗ cạn là “đất”, khối nước tụ lại là “biển”. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp.

<sup>11</sup> Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh thảo mộc xanh tươi, cỏ mang hạt giống, và cây trên mặt đất có trái, ra trái tùy theo loại, trong có hạt giống.” Liền có như vậy. <sup>12</sup> Đất trở sinh thảo mộc, cỏ mang hạt giống tùy theo loại, và cây ra trái, trong trái có hạt giống tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. <sup>13</sup> Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ ba.

<sup>14</sup> Thiên Chúa phán: “Phải có những vàng sáng trên vòm trời, để phân rẽ ngày với đêm, để làm dấu chỉ xác định các đại lễ, ngày và năm. <sup>15</sup> Đó sẽ là những vàng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất.” Liền có như vậy. <sup>16</sup> Thiên Chúa làm ra hai vàng sáng lớn: vàng sáng lớn hơn để điều khiển ngày, vàng sáng nhỏ hơn để điều khiển đêm; Người cũng làm ra các ngôi sao.

<sup>17</sup> Thiên Chúa đặt các vàng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất, <sup>18</sup> để điều khiển ngày và đêm, và để phân rẽ ánh sáng với bóng tối. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. <sup>19</sup> Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ tư.

<sup>20</sup> Thiên Chúa phán: “Nước phải sinh ra đầy dẫy những sinh vật lúc nhúc, và loài chim phải bay lượn trên mặt đất, dưới vòm trời.”

<sup>21</sup> Thiên Chúa sáng tạo các thủy quái khổng lồ, cùng mọi sinh vật vẫy vùng lúc nhúc dưới nước tùy theo loại, và mọi giống chim bay tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. <sup>22</sup> Thiên Chúa chúc phúc cho chúng rằng: “Hãy sinh sôi nảy

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>6</sup> Không gian phát động mở màn, 021

<sup>7</sup> Thủy hành nhị khí đành rành dưới trên.

<sup>8</sup> Trên thì danh gọi “cao thiên”,

Chiều đi mai đến tiếp liên chu kỳ.<sup>a</sup>

<sup>9</sup> Thổ phân, thủy lập biên thủy, 025

<sup>10</sup> Thổ là đại lục, thủy thì đại dương.

<sup>11</sup> Lịnh ban hành mộc tự cường,

<sup>12</sup> Ngàn hoa vạn thảo ứng tường phát sanh.

<sup>13</sup> Tạo trình đạt mức tốt lành,

Chu kỳ chiều sáng giai tầng thứ ba.

<sup>14</sup> Hành tinh đặt khắp bao la, 031

Kết thành vũ trụ, dung hoà thời gian.

<sup>15</sup> Tự căn hành hoả chuyển vắn,

<sup>16</sup> Trên trời dưới đất đầy tràn nhiệt quang.

<sup>17</sup> Nhựt qua, nguyệt lại chu toàn, 035

<sup>18</sup> Ngày đêm hướng dẫn, tháng, năm đều đồng.

<sup>19</sup> Tinh vi thoả mãn hoài mong,

Chu kỳ thứ bốn, chiều hôm lại ngày.

<sup>a</sup> Theo bốn sớ tám của Trần Hón Xuyên, từ câu 5 đến câu 8 như sau:

Dương cơ, ngày rạng khai mào  
Âm cơ còn lại đặt vào phần đêm,  
Hai cơ trao đổi triển miên,  
Chiều, mai bố túc, đầu tiên chu kỳ.  
“Thủy phân thượng hạ đồng nghi,  
Hạo khung tạo lập, biên thủy phân minh  
Không gian hảo hiệp thời trình.  
Hoả công thấy ứng, gọi tên là “Trời”  
Chuyển vắn tự lực nơi nơi.  
Chiều, mai sung mãn thứ hai chu kỳ.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>6</sup> Không gian phát động mở màn,

<sup>7</sup> Thủy hành nhị khí<sup>a</sup> đành rành dưới trên.

<sup>8</sup> Trên thì danh gọi cao thiên

Chiều đi mai đến tiếp liên chu kỳ

<sup>9</sup> Thổ phân, thủy lập biên thủy:<sup>b</sup> 025

<sup>10</sup> Thổ là đại lục, thủy thì đại dương,

<sup>11</sup> Lịnh ban hành mộc tự cường,<sup>c</sup>

<sup>12</sup> Ngàn hoa vạn thảo ứng tường phát sanh.

<sup>13</sup> Tạo trình<sup>d</sup> đạt mức tốt lành,

Chu kỳ chiều sáng giai tầng thứ ba.

<sup>14</sup> Hành tinh đặt khắp bao la, 031

Kết thành vũ trụ dung hòa thời gian.

Tự căn hành hỏa<sup>e</sup> chuyển vắn

<sup>15</sup> Trên trời dưới đất đầy tràn nhiệt quang

<sup>16</sup> Nhựt qua nguyệt lại<sup>f</sup> chu toàn 035

<sup>18</sup> Ngày đêm hướng dẫn tháng năm đều đồng

<sup>19</sup> Tinh vi thoả mãn hoài mong,

Chu kỳ thứ bốn, chiều hôm lại ngày.

rồi từ cao điểm trở về khởi điểm. Khởi điểm bắt đầu từ âm cực, tức vô hình, đến dương cực, tức hữu hình; Thấy cả Lữ Y Đaoan dùng chữ “chu kỳ” để cho rõ nghĩa chữ “có buổi chiếu” (từ âm xuất) và buổi mai (đến dương hiện) là một ngày (là một chu kỳ) (... vespere et mane ...) đã dùng trong Kinh thánh.  
<sup>a</sup> Nhị khí: Thanh khí và trọc khí. Thanh khí nhẹ thì bay lên cao như sương, như mây; trọc khí nặng thì đọng lại dưới thấp như nước, như bùn sinh.  
<sup>b</sup> Phân cương giới giữa đất và nước. Ngày xưa có câu hát: *Lưỡng hành: thủy thổ, qua phân. Thủy lai thổ yếm, đất tràn nước đứng ...* nói lên trật tự ngăn nắp ở đời, không ai xâm phạm ai.  
<sup>c</sup> Hành mộc: một hành trong ngũ hành, chỉ về tất cả cây cối thảo mộc rong rêu ...  
<sup>d</sup> Tạo trình: chương trình hay lịch trình sáng tạo.  
<sup>e</sup> Hành hỏa: Một hành trong ngũ hành, chỉ về tất cả những gì tự mình phát ra điện lực, quang lực, nhiệt lực, khí lực, động lực ...

**Bản phục chế đề nghị**

Không gian phát động mở màn, 021

Thủy hành nhị khí đành rành dưới trên.

Trên thì danh gọi “cao thiên”,

Chiều đi mai đến tiếp liên chu kỳ.<sup>a</sup>

Thổ phân, thủy lập biên thủy, 025

Thổ là đại lục, thủy thì đại dương.

Lịnh ban hành mộc tự cường,

Ngàn hoa vạn thảo ứng tường phát sanh.

Tạo trình đạt mức tốt lành,

Chu kỳ chiều sáng giai tầng thứ ba.

Hành tinh đặt khắp bao la 031

Kết thành vũ trụ, dung hoà thời gian.

Tự căn hành hoả chuyển vắn,

Trên trời dưới đất đầy tràn nhiệt quang.

Nhựt qua, nguyệt lại chu toàn, 035

Ngày đêm hướng dẫn, tháng, năm đều đồng.

Tinh vi thoả mãn hoài mong,

Chu kỳ thứ bốn, chiều hôm lại ngày.

<sup>a</sup> Dị bản các câu 17-24:

Dương cơ, ngày rạng khai mào  
Âm cơ còn lại đặt vào phần đêm,  
Hai cơ trao đổi triển miên,  
Chiều, mai bố túc, đầu tiên chu kỳ.  
“Thủy phân thượng hạ đồng nghi,  
Hạo khung tạo lập, biên thủy phân minh  
Không gian hảo hiệp thời trình.  
Hoả công thấy ứng, gọi tên là “Trời”  
Chuyển vắn tự lực nơi nơi.  
Chiều, mai sung mãn thứ hai chu kỳ.



### Bản văn Kinh thánh

nở thật nhiều, cho đầy biển; và chim phải sinh sản cho nhiều trên mặt đất.”<sup>23</sup> Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ năm.

<sup>24</sup> Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh ra các sinh vật tùy theo loại: gia súc, loài bò sát và dã thú tùy theo loại.” Liền có như vậy.<sup>25</sup> Thiên Chúa làm ra dã thú tùy theo loại, gia súc tùy theo loại và loài bò sát dưới đất tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp.

<sup>26</sup> Thiên Chúa phán: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất.”

<sup>27</sup> Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ.

<sup>28</sup> Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất.”<sup>29</sup> Thiên Chúa phán: “Đây Ta ban cho các người mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các người.<sup>30</sup> Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất mà có sinh khí, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực. Liền có như vậy.”

<sup>31</sup> Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp! Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>20</sup> Dựng nên đủ loại chim bay,

<sup>21</sup> Kinh, nghệ, sử, vược, các loài thủy sinh.

Xinh thay, vạn trạng thiên hình, 041

<sup>22</sup> Truyền cho sinh sản nghìn nghìn tầng gia.

<sup>23</sup> Chu kỳ chiều đến sáng ra,

Hoàn thành nhi tiến kể là thứ năm.

<sup>24</sup> Mọi loài thú vật hiện thân, 045

Trùng trùng điệp điệp, sơn lâm đồng bằng.

<sup>25</sup> Thú to, thú nhỏ, lan tràn,

Sắc thanh phong phú, tài năng dồi dào.

<sup>26</sup> Đất trời vạn vật đủ màu,

Phải làm nên vật tài cao điều hành.

Chiếu theo thần ảnh tác thành, 051

Tinh hoa đúc kết hoá sanh “con người”.

<sup>27</sup> Một nam, một nữ chào đời,

<sup>28</sup> Truyền sinh miêu duệ khắp nơi địa cầu.

<sup>29</sup> Chủ nhân vạn vật quờn trao. 055

<sup>30</sup> Thú, cầm, ngư, thảo gồm thâu xử dùng.

<sup>31</sup> Buổi chiều, buổi sáng cuối cùng,

Chu kỳ thứ sáu cáo chung tạo-trình.

### Bản Paulus Tọa

<sup>20</sup> Dựng lên đủ loại chim bay,

<sup>21</sup> Kinh, nghệ, sử, **vược**, các loài thủy sinh.<sup>a</sup>

**Đẹp** thay, vạn trạng, thiên hình 041

<sup>22</sup> Truyền cho sinh sản, nghìn nghìn tầng gia.

<sup>23</sup> Chu kỳ chiều đến sáng ra

Hoàn thành nhi tiến kể là thứ năm.

<sup>24</sup> Mọi loài thú vật hiện thân, 045

Trùng trùng điệp điệp sơn lâm đồng bằng.

<sup>25</sup> Thú to, thú nhỏ<sup>b</sup> lan tràn,

Sắc thanh phong phú, tài năng dồi dào.

<sup>26</sup> Đất trời vạn vật đủ màu,

Phải làm **một loại** tài cao điều hành.<sup>c</sup>

Chiếu theo **siêu ảnh**<sup>d</sup> tác thành, 051

Tinh hoa đúc kết hóa sanh con người.

<sup>27</sup> Một nam, một nữ chào đời,

<sup>28</sup> Truyền sinh miêu duệ, **đầy** nơi địa cầu

<sup>29</sup> Chủ nhân vạn vật **quyền** trao 055

<sup>30</sup> Thú, cầm, ngư, thảo, gồm thâu xử dùng.

<sup>31</sup> Buổi chiều, buổi sáng cuối cùng, Chu kỳ

Thứ sáu cáo chung **chương** trình.

<sup>a</sup> Thủy sinh: Các loài sống trong nước, thủy tộc.

<sup>b</sup> Thú to thú nhỏ: các loài động vật, các giống côn trùng khắp cả và mặt đất.

<sup>c</sup> Thiên Chúa muốn dựng nên một loài cao đẳng để quản trị tất cả sinh vật nơi cõi hữu hình.

<sup>d</sup> Siêu ảnh: Hình ảnh cao siêu, tức là hình ảnh Thiên Chúa.

### Bản phục chế đề nghị

Dựng nên đủ loại chim bay,

Kinh, nghệ, sử, vược, các loài thủy sinh.

Xinh thay, vạn trạng thiên hình, 041

Truyền cho sinh sản nghìn nghìn tầng gia.

Chu kỳ chiều đến sáng ra,

Hoàn thành nhi tiến kể là thứ năm.

Mọi loài thú vật hiện thân, 045

Trùng trùng điệp điệp, sơn lâm đồng bằng.

Thú to, thú nhỏ, lan tràn,

Sắc thanh phong phú, tài năng dồi dào.

Đất trời vạn vật đủ màu,

Phải làm nên vật tài cao điều hành.

Chiếu theo thần ảnh tác thành, 051

Tinh hoa đúc kết hoá sanh “con người”.

Một nam, một nữ chào đời,

Truyền sinh miêu duệ khắp nơi địa cầu.

Chủ nhân vạn vật quờn trao. 055

Thú, cầm, ngư, thảo gồm thâu xử dùng.

Buổi chiều, buổi sáng cuối cùng,

Chu kỳ thứ sáu cáo chung tạo-trình.

<sup>1</sup> Thế là trời đất cùng với mọi thành phần đã hoàn tất.

<sup>2</sup> Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã hoàn thành công việc Người làm. Khi làm xong mọi công việc của Người, ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi.

<sup>3</sup> Thiên Chúa ban phúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hoá ngày đó, vì ngày đó Người đã nghỉ, ngưng làm mọi công việc sáng tạo của Người.

<sup>4</sup> Đó là gốc tích trời đất khi được sáng tạo. Ngày Đức Chúa là Thiên Chúa làm ra đất và trời, <sup>5</sup> chưa có bụi cây ngoài đồng nào trên mặt đất, chưa có đám cỏ ngoài đồng nào mọc lên, vì Đức Chúa là Thiên Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai. <sup>6</sup> Nhưng có một dòng nước từ đất trào lên và tưới khắp mặt đất.

<sup>7</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật. <sup>8</sup> Rồi Đức Chúa là Thiên Chúa trồng một vườn cây ở Ê-đen, về phía đông, và đặt vào đó con người do chính mình nặn ra.

<sup>9</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp, ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác. <sup>10</sup> Một

<sup>1</sup> Cơ trời sinh hoá, hoá sinh,

Ngũ hành thiên địa tiến hành yên xuôi.

<sup>2</sup> Chu kỳ thứ bảy nghỉ ngơi, 061

<sup>3</sup> Hoạch đồ sáng tạo đất trời đã xong.

Chúc lành tất cả kỳ công,

Cùng là thánh hoá ngoài trong trọn lành.

<sup>4</sup> Kể ra đại cuộc tạo thành 065

Một tay Thượng-đế quyền năng kiện toàn.

<sup>5</sup> Trước đây thời tiết chưa phân,

Giọt mưa chưa có, đồng bằng chưa ai.

<sup>6</sup> Nước dung tưới thấm đất đai,

<sup>7</sup> Tay trời nhồi đất nắn ngay xác người.

Thông cho sức sống tuyệt vời, 071

Nên một "con người trí tuệ cao xa".

<sup>8</sup> Một vùng địa thế nguy nga,

Bốn mùa khí hậu ôn hoà, phía đông.

Đặt người làm chủ nhân ông, 075

<sup>9</sup> Kỳ hoa dị thảo, hương lồng tinh sương.

<sup>1</sup> Cơ trời<sup>a</sup> sinh hóa hóa sinh,

Ngũ hành thiên địa tiến **trình** yên xuôi.

<sup>2</sup> Chu kỳ thứ bảy nghỉ ngơi 061

<sup>3</sup> Hoạch đồ sáng tạo đất trời đã xong.<sup>b</sup>

Chúc lành tất cả kỳ công

Cùng là thánh hóa ngoài trong trọn lành.

<sup>4</sup> Kể ra đại cuộc tạo thành,<sup>c</sup> 065

Một tay Thượng đế<sup>d</sup> quyền năng kiện toàn.

<sup>5</sup> Trước đây thời tiết chưa phân,

Giọt mưa chưa có, đồng bằng chưa ai

<sup>6</sup> Nước dung tưới thấm đất đai,

<sup>7</sup> Tay Trời nhồi đất nắn ngay xác người

Thông cho sức sống tuyệt vời,<sup>e</sup> 071

Nên một con người trí tuệ cao xa.

<sup>8</sup> Một vùng địa thế nguy nga,

Bốn mùa khí hậu ôn hòa phía đông.

Đặt người làm chủ nhân ông, 075

<sup>9</sup> Kỳ hoa dị thảo hương lồng tinh sương,

<sup>a</sup> Cơ trời: Guồng máy tạo hóa tuần tự nhi tiến.

<sup>b</sup> Theo bốn cũ câu 3 đoạn II viết:

Hoạch đồ sáng tạo đất trời đã xong  
Khôn ngoan nắm vững đại đồng  
Tam thiên vũ trụ vô cùng hóa sanh.

Linh mục **Phao-lô Qui** (1885) đã sửa lại cho sát nghĩa Kinh thánh, để tránh chữ "đại đồng, tam thiên vũ trụ" là danh từ Nho giáo và Phật giáo mà các linh mục Pháp thời xưa hay đem ra bắt bẻ Sấm Truyền Ca của thầy cả Lữ-y Đoan.

<sup>c</sup> Đại cuộc tạo thành: Công việc vĩ đại là tạo thiên lập địa và bảo tồn bền vững.

<sup>d</sup> Theo người xưa tin tưởng vào Đấng tối cao, thời đó quen gọi là Thượng đế (hạng văn nho) và ông Trời hay là Trời (hạng bình dân).

<sup>e</sup> Sức sống tuyệt vời: Thiên Chúa ban cho một linh hồn vạn năng trời xa vạn vật tất cả.

**PHÁT ĐOAN PHU PHỤ  
LẬP CẢNH Ê-ĐEN**

Cơ trời sinh hoá, hoá sinh,

Ngũ hành thiên địa tiến hành yên xuôi.

Chu kỳ thứ bảy nghỉ ngơi, 061

Hoạch đồ sáng tạo đất trời đã xong.

**Khôn ngoan nắm vững đại đồng**

**Tam thiên vũ trụ vô cùng hóa sanh.<sup>a</sup>**

Kể ra đại cuộc tạo thành 065

Một tay Thượng-đế quyền năng kiện toàn.

Trước đây thời tiết chưa phân,

Giọt mưa chưa có, đồng bằng chưa ai.

Nước dung tưới thấm đất đai,

Tay trời nhồi đất nắn ngay xác người.

Thông cho sức sống tuyệt vời, 071

Nên một "con người trí tuệ cao xa".

Một vùng địa thế nguy nga,

Bốn mùa khí hậu ôn hoà, phía đông.

Đặt người làm chủ nhân ông, 075

Kỳ hoa dị thảo, hương lồng tinh sương.

<sup>a</sup> Xem cước chú C.062.

### Bản văn Kinh thánh

con sông từ Ê-đen chảy ra tưới khu vườn, và từ đó chia thành bốn nhánh.<sup>11</sup> Tên nhánh thứ nhất là Pi-sôn, nó bao quanh tất cả đất Kha-vi-la là nơi có vàng;<sup>12</sup> vàng ở đất này tốt, tại đó có nhũ hương và đá ngọc.<sup>13</sup> Tên nhánh thứ hai là Ghi-khôn; nhánh này bao quanh tất cả đất Cút.<sup>14</sup> Tên nhánh thứ ba là Tích-ra; nhánh này chảy ở phía đông Át-sua. Còn nhánh thứ bốn là Êu-phơ-rát.<sup>15</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa đem con người đặt vào vườn Ê-đen, để cày cấy và canh giữ đất đai.<sup>16</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa truyền lệnh cho con người rằng: “Hết mọi trái cây trong vườn, người cứ ăn; <sup>17</sup> nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết.”<sup>a</sup>

<sup>18</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó.”<sup>19</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế.

<sup>20</sup> Con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú,

<sup>a</sup> Cây bị cấm này mang tên là “cây cho biết điều thiện điều ác”, “cây biết lành dữ”. Thiên Chúa cấm con người động đến cây này, có nghĩa là con người không được tùy tiện tự định lấy điều gì tốt điều gì xấu, nhưng phải vâng theo ý Thiên Chúa. “Ăn trái cấm” có nghĩa là từ chối vâng phục Thiên Chúa, giành quyền tự quyết định: Điều gì mình thích thì cho là tốt, điều gì mình không thích thì cho là xấu.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

Diêm đà đại thọ giữa vườn,

Tràng sinh<sup>a</sup> là một, song-tường<sup>b</sup> là hai.

<sup>10</sup> Xuyên qua giòng nước tràn đầy,

Chia ra bốn nhánh bao vây khu vườn:

<sup>11</sup> Phi-sôn<sup>c</sup> tư nhuận Hào-lương<sup>d</sup>, 081

<sup>12</sup> Nơi nhiều mã não, nhũ hương, vàng ròng.

<sup>13</sup> Di-khang<sup>e</sup> tư nhuận Cự-sôn,<sup>f</sup>

<sup>14</sup> Tích-giang<sup>g</sup> uốn khúc-quanh vùng Ân-xuyên.<sup>h</sup>

Giòng sông Yêu-phách<sup>i</sup> triển miên, 085

<sup>15</sup> Lạc-viên<sup>j</sup> tư nhuận khắp miền phi nhiều.

Người vừa canh tác đủ điều,

Vừa là bảo quản, tạo nhiều mỹ quan.

<sup>16</sup> Các loài cây trái được ăn,

<sup>17</sup> Song-tường quả ấy, lịnh ngăn: chớ dùng.

Ngày nào người dám bắt trung, 091

Dĩ nhiên cái chết chẳng dung mạng người.

<sup>18</sup> Độc thân, nếp sống thiệt thòi,

Phải cho người bạn xây đời thêm tươi.

<sup>a</sup> Tràng-sinh: cây trường sinh bắt từ nơi vườn địa đàng.

<sup>b</sup> Song-tường: cây tường tri thiện ác, cây biết lành biết dữ.

<sup>c</sup> Phi-sôn, âm dịch chữ Phison (la-ngữ) tên một nhánh sông chảy quanh vườn địa đàng.

<sup>d</sup> Hào-lương, âm dịch chữ Hevilath (la-ngữ) tên một vùng đất phi nhiều có nhiều nguồn tài sản vàng ngọc.

<sup>e</sup> Di-khang, âm dịch la ngữ Gehon, tên một nhánh sông tư nhuận vườn địa đàng.

<sup>f</sup> Cự-sôn, âm dịch la ngữ Kousch, vùng đất Aethiopia, giáp ranh vườn địa đàng.

<sup>g</sup> Tích-giang: sông Tigre.

<sup>h</sup> Ân-xuyên: vùng đất Assyria.

<sup>i</sup> Yêu-Phách: sông Euphrate chảy quanh vườn địa đàng.

<sup>j</sup> Lạc viên: vườn Eden, vườn địa đàng, vườn vui vẻ.

### Bản Paulus Tọa

Diêm đà đại thọ giữa vườn,

Trường sinh<sup>a</sup> là một, song-tường<sup>b</sup> là hai

<sup>10</sup> Xuyên qua giòng nước tràn đầy

Chia ra bốn nhánh bao vây khu vườn.<sup>c</sup>

<sup>11</sup> Phi-sôn<sup>d</sup> tư nhuận Hào-lương,<sup>e</sup> 081

Nơi nhiều mã não, nhũ hương, vàng ròng.

<sup>12</sup> Di-khang<sup>f</sup> tư nhuận Cự-sôn,<sup>g</sup>

<sup>13</sup> Tích-giang<sup>h</sup> uốn khúc quanh vùng Ân-xuyên<sup>i</sup>

<sup>14</sup> Giòng sông O-phách<sup>j</sup> triển miên, 085

Ê-đen<sup>k</sup> tư nhuận khắp miền phi nhiều.

<sup>15</sup> Người vừa canh tác đủ điều,

Vừa là bảo quản, tạo nhiều mỹ quan.

<sup>16</sup> Các loài cây trái được ăn,

<sup>17</sup> Song-tường quả ấy,<sup>l</sup> lịnh ngăn chớ dùng.

Ngày nào người dám bắt trung, 091

Dĩ nhiên cái chết chẳng dung mạng người.

<sup>18</sup> Độc thân kiếp sống thiệt thòi,<sup>m</sup>

Phải cho người bạn xây đời thêm tươi.

<sup>a</sup> Trường sinh: cây có trái ăn sống mãi, trường thọ bất tử, cũng gọi cây hằng sống.

<sup>b</sup> Song tường: cây biết lành biết dữ, biết hai mặt phải trái, hư thực, thị phi, có nghĩa bóng là cây khôn sáng, tự do.

<sup>c</sup> Bốn cũ viết:

Trong trong nước ngọt hồng khai  
Bốn giòng hội tụ bao vây khu vườn.

<sup>d</sup> Phi-sôn: sông Phison.

<sup>e</sup> Hào-lương: vùng đất Hévilath.

<sup>f</sup> Di-khang: sông Géhon.

<sup>g</sup> Cự-sôn: vùng đất Cousch.

<sup>h</sup> Tích-giang: sông Tigris.

<sup>i</sup> Ân-xuyên: vùng đất Assyrios.

<sup>j</sup> O-phách: sông Euphrate (bản cũ: Ưông-phát).

<sup>k</sup> Ê-đen: vườn địa đàng vui vẻ. Theo bốn xưa viết là Yên-đan.

Câu 14 bốn cũ viết:

Trường giang Ưông-phát triển miên,  
Yên-đan tư nhuận khắp miền phi nhiều.

Linh mục Phao-lô Qui [1885] đã sửa lại là O-phách theo âm La-ngữ Euphrate và Ê-đen theo chữ Eden.

<sup>l</sup> Thiên Chúa cấm ăn trái cây biết lành biết dữ (cây song tường).

<sup>m</sup> Đời sống cô độc không hợp với đức hiếu sinh của Đấng Tạo-hóa; vì ngay từ thuở dựng nên vạn vật thì Thượng đế đã chủ trương “...tất cả sinh vật phải gia tăng đầy tràn mặt đất...”

### Bản phục chế đề nghị

Diêm đà đại thọ giữa vườn,

Tràng sinh là một, song-tường là hai.

Xuyên qua dòng nước tràn đầy,<sup>a</sup>

Chia ra bốn nhánh bao vây khu vườn:

Phi-sôn tư nhuận Hào-lương, 081

Nơi nhiều mã não, nhũ hương, vàng ròng.

Di-khang tư nhuận Cự-sôn,

Tích-giang uốn khúc-quanh vùng Ân-xuyên.

Dòng sông Yêu-phách triển miên, 085

Lạc-viên tư nhuận khắp miền phi nhiều.

Người vừa canh tác đủ điều,

Vừa là bảo quản, tạo nhiều mỹ quan.

Các loài cây trái được ăn,

Song-tường quả ấy, lịnh ngăn: chớ dùng.

Ngày nào người dám bắt trung, 091

Dĩ nhiên cái chết chẳng dung mạng người.

Độc thân, nếp sống thiệt thòi,

Phải cho người bạn xây đời thêm tươi.

a Dị bản:

Trong trong nước ngọt hồng khai  
Bốn giòng hội tụ bao vây khu vườn.

**Bản văn Kinh thánh**

nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng.<sup>21</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương sườn của con người ra, và lấp thịt thể vào.<sup>22</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người.<sup>23</sup> Con người nói: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi! Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra.”<sup>24</sup> Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt.<sup>25</sup> Con người và vợ mình, cả hai đều trần trụi mà không xấu hổ trước mặt nhau.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>19</sup> Thú, cầm, Trời dạy tới lui, 095  
A-dong quan sát để rồi cho tên.  
<sup>20</sup> Gắm trong sinh vật đã quen,  
Không loài nào đáng hàn huyên tâm đồng.  
<sup>21</sup> Ngày kia, người ngã giấc nồng,  
<sup>22</sup> Tay trời rút lấy xương sườn, A-dong.  
Tạo nên một gái má hồng, 101  
A-dong thức dậy thấy lòng nôn nao:  
<sup>23</sup> Thịt xương này chẳng bởi đâu,  
Nhưng được nặn nhào bởi thịt xương tôi.  
Thì đây diễn biến luật trời, 105  
Âm từ dương xuất, nữ thời do nam.  
<sup>24</sup> Nên đờn ông bỏ song thân,  
Kết duyên với vợ đồng sàng, đồng quan.  
<sup>25</sup> Bấy giờ đời sống khoả thân,  
Đôi uyên ương ấy thanh nhàn vô tư.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>19</sup> Thú cầm Trời dạy tới lui, 095  
A-dong<sup>a</sup> quan sát để rồi cho tên.<sup>b</sup>  
<sup>20</sup> Gắm trong sinh vật đã quen,  
Không loài nào đáng hàn huyên tâm đồng.  
<sup>21</sup> Ngày kia người ngã giấc nồng  
Tay trời rút lấy xương sườn A-dong,  
<sup>22</sup> Tạo nên một gái má hồng, 101  
A-dong thức **giác** thấy lòng nôn nao:  
<sup>23</sup> Thịt xương này chẳng bởi đâu,  
Nhưng được nặn nhào bởi thịt xương tôi.  
Thì đây diễn biến luật trời 105  
Âm từ dương xuất<sup>c</sup> nữ thời do nam,  
<sup>21</sup> Nên **đàn** ông bỏ song thân  
Kết duyên với vợ đồng sàng, đồng quan<sup>d</sup>  
<sup>23</sup> Bấy giờ đời sống khoả thân,  
Đôi uyên ương ấy thanh nhàn vô tư.

**Bản phục chế đề nghị**

Thú, cầm, Trời dạy tới lui, 095  
A-dong quan sát để rồi cho tên.  
Gắm trong sinh vật đã quen,  
Không loài nào đáng hàn huyên tâm đồng.  
Ngày kia, người ngã giấc nồng,  
Tay trời rút lấy xương sườn, A-dong.  
Tạo nên một gái má hồng, 101  
A-dong thức dậy thấy lòng nôn nao:  
Thịt xương này chẳng bởi đâu,  
Nhưng được nặn nhào bởi thịt xương tôi.  
Thì đây diễn biến luật trời, 105  
Âm từ dương xuất, nữ thời do nam.  
Nên đờn ông bỏ song thân,  
Kết duyên với vợ đồng sàng, đồng quan.  
Bấy giờ đời sống khoả thân,  
Đôi uyên ương ấy thanh nhàn vô tư.

<sup>a</sup> A-dong: Adamus, người đầu tiên được dựng nên bởi đất. A-dong theo bản cũ là A-dương (nhập thể vào cõi dương, cõi hữu hình) về sau đọc trại ra A-dong, hoặc A-dang. Linh mục Phao-lô Qui sửa lại là A-đam.

<sup>b</sup> Cho tên: đặt tên cho mỗi thú vật.

<sup>c</sup> Do câu nói xưa: “...Dương thịnh âm khai,  
Lưỡng nghi tương hợp,  
Càn khôn chi xuất,  
Vạn vật đồng lai...”

<sup>d</sup> Do câu nói: sống đồng tịch đồng sàng, chết đồng quan đồng quách.

<sup>1</sup> Rắn là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật ngoài đồng, mà Đức Chúa là Thiên Chúa đã làm ra. Nó nói với người đàn bà: “Có thật Thiên Chúa bảo: ‘Các người không được ăn hết mọi trái cây trong vườn không?’” <sup>2</sup> Người đàn bà nói với con rắn: “Trái các cây trong vườn, thì chúng tôi được ăn. <sup>3</sup> Còn trái trên cây ở giữa vườn, Thiên Chúa đã bảo: ‘Các người không được ăn, không được động tới, kẻo phải chết.’” <sup>4</sup> Rắn nói với người đàn bà: “Chẳng chết chóc gì đâu! <sup>5</sup> Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác.” <sup>6</sup> Người đàn bà thấy trái cây đó ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn. <sup>7</sup> Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng: họ mới kết lá vả làm khổ che thân. <sup>8</sup> Nghe thấy tiếng Đức Chúa là Thiên Chúa đi dạo trong vườn lúc gió thổi trong ngày, con người và vợ mình trốn vào giữa cây cối trong vườn, để khỏi giáp mặt Đức Chúa là Thiên Chúa. <sup>9</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa gọi con người và hỏi: “Người ở đâu?” <sup>10</sup> Con người thưa: “Con nghe thấy tiếng Ngài trong vườn, con sợ hãi vì con trần

<sup>a</sup> Cây biết lành biết dữ, cây trái cấm

<sup>1</sup> Cũng như các vật sinh cư, 111  
 Có con rắn quái giao du mạn đàm.  
<sup>2</sup> Hỏi: sao các trái cấm ăn?  
 Đáp: ăn được hết, <sup>3</sup> chỉ ngăn song-tường.<sup>a</sup>  
 Nếu ăn mang họa tử vong, 115  
<sup>4</sup> Rằng: không phải vậy! <sup>5</sup> Trời phòng ai ăn,  
 Sẽ nên minh triết như thần,  
 Rõ điều thiện ác, sánh bằng Trời cao.  
<sup>6</sup> Nghe qua thấy trái tươi màu,  
 Nữ nhơn bèn hái, ăn vào khá ngon.  
 Lại đem mời gã đờn ông, 121  
<sup>7</sup> Ăn xong, tự thẹn trần truồng cả hai.  
 Vội vàng che đỡ lá cây,  
<sup>8</sup> Xa nghe Thượng-đế chiều nay viếng vườn.  
 Chui vào bụi rậm ẩn nường, 125  
<sup>9</sup> Bỗng nghe tiếng gọi: A-dong đâu rồi?  
<sup>10</sup> Lay Trời, hổ thẹn hai tôi,  
 Tắm thân tòi tệ hết lời phân bua.

<sup>1</sup> Cũng như các vật sinh cư, 111  
 Có loài rắn quái <sup>a</sup> giao du mạn đàm.  
<sup>2</sup> Hỏi: sao các trái cấm ăn?  
 Đáp: ăn được hết, <sup>3</sup> chỉ ngăn song-tường.<sup>b</sup>  
 Nếu ăn mang họa tử vong. 115  
<sup>4</sup> Rằng: không phải vậy! <sup>5</sup> Trời phòng ai ăn  
 Sẽ nên minh triết như thần,  
 Rõ điều thiện ác, sánh bằng trời cao.<sup>c</sup>  
<sup>6</sup> Nghe qua, thấy trái tươi màu,  
 Nữ **nhân** bèn hái, ăn vào khá ngon.  
 Lại đem mời gã đờn ông,<sup>d</sup> 121  
<sup>7</sup> **Đột nhiên** tự thẹn trần truồng cả hai.  
 Vội vàng che đỡ lá cây,  
<sup>8</sup> Xa nghe Thượng đế chiều nay viếng vườn  
 Chui vào bụi rậm ẩn nường. 125  
<sup>9</sup> Bỗng nghe tiếng gọi: A-dong đâu rồi?  
<sup>10</sup> Lay Trời, hổ thẹn hai tôi,  
 Tắm thân tòi tệ hết lời phân bua.

<sup>a</sup> Rắn quái: Ma quỷ lấy hình con rắn để cám dỗ người nữ.

<sup>b</sup> Chỉ cấm ăn trái cây biết lành biết dữ (cây song tường).

<sup>c</sup> Ma quỷ phỉnh gạt: ăn trái song tường thì sẽ bằng Thiên Chúa.

<sup>d</sup> Cảnh ăn trái cấm do đàn bà quyến rũ, An-nam xưa có câu mỉa mai:

“... Mới nghe ai cũng tưởng chàng;  
 Hỏi ra thì rõ tại nàng rủ rê”

### TỘI NHẬP THẾ GIAN GÂY NÊN CƠ CỤC

Cũng như các vật sinh cư, 111  
 Có con rắn quái giao du mạn đàm.  
 Hỏi: sao các trái cấm ăn?  
 Đáp: ăn được hết, chỉ ngăn song-tường.  
 Nếu ăn mang họa tử vong, 115  
 Rằng: không phải vậy. Trời phòng ai ăn,  
 Sẽ nên minh triết như thần,  
 Rõ điều thiện ác, sánh bằng Trời cao.  
 Nghe qua thấy trái tươi màu,  
 Nữ nhơn bèn hái, ăn vào khá ngon.  
 Lại đem mời gã đờn ông, 121  
 Ăn xong, tự thẹn trần truồng cả hai.  
 Vội vàng che đỡ lá cây,  
 Xa nghe Thượng-đế chiều nay viếng vườn.  
 Chui vào bụi rậm ẩn nường, 125  
 Bỗng nghe tiếng gọi: A-dong đâu rồi?  
 Lay Trời, hổ thẹn hai tôi,  
 Tắm thân tòi tệ hết lời phân bua.

**Bản văn Kinh thánh**

truồng, nên con lẩn trốn.”<sup>11</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa hỏi: “Ai đã cho người biết là người trần truồng? Có phải người đã ăn trái cây mà Ta đã cấm người ăn không?”<sup>12</sup> Con người thưa: “Người đàn bà Ngài cho ở với con, đã cho con trái cây ấy, nên con ăn.”<sup>13</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa hỏi người đàn bà: “Người đã làm gì thế?” Người đàn bà thưa: “Con rắn đã lừa dối con, nên con ăn.”<sup>14</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa phán với con rắn: “Mi đã làm điều đó, nên mi đáng bị nguyền rủa nhất trong mọi loài súc vật và mọi loài dã thú. Mi phải bò bằng bụng, phải ăn bụi đất mọi ngày trong đời mi.  
<sup>15</sup> Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó.”  
<sup>16</sup> Với người đàn bà, Chúa phán: “Ta sẽ làm cho người phải cực nhọc thật nhiều khi thai nghén; người sẽ phải cực nhọc lúc sinh con. Người sẽ thêm muốn chồng người, và nó sẽ thống trị người.”  
<sup>17</sup> Với con người, Chúa phán: “Vì người đã nghe lời vợ và ăn trái cây mà Ta đã truyền cho người rằng: ‘Người đừng ăn nó’, nên đất đai bị nguyền rủa vì người; người sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra.  
<sup>18</sup> Đất đai sẽ trở sinh gai góc cho người, người sẽ ăn cỏ ngoài đồng.  
<sup>19</sup> Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>11</sup> “Nói ra thì cũng bằng thừa,  
 Không ăn trái cấm, ai đưa cảnh này?”  
<sup>12</sup> Tại nàng, Thượng-đế đem đây 131  
<sup>13</sup> “Sao nàng làm vậy?” ... “Rắn bày cho tôi”.  
<sup>14</sup> “Rắn kia ăn đất suốt đời,  
 Phải bò trệt bụng, chịu lời đấng cay.  
<sup>15</sup> Mối thù thâm nhọc từ đây, 135  
 Giữa mi, người nữ kéo dài bất di.  
 Chính nàng đập nát đầu mi,  
 Còn mi giãy giữa, miệng thì cạp chon”.  
<sup>16</sup> “Nàng kia, đau đớn càng hơn,  
 Mỗi khi thai sản, phục luôn quyền chồng”  
<sup>17</sup> Sau thì tuyên án A-dong. 141  
 Bởi nghe lời vợ bắt trung lệnh Trời.  
<sup>18</sup> Đất sinh gai góc khắp nơi,  
 Cơ hàn, bệnh lão, suốt đời cực thân.  
<sup>19</sup> Đổ mồ hôi mới có ăn, 145  
 Và khi chết đoạn, xác hoàn bụi tro.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>11</sup> Nói ra thì cũng bằng thừa,  
 Không ăn trái cấm, ai đưa cảnh này?  
<sup>12</sup> Tại người mà Chúa trao đây! 131  
<sup>13</sup> “Sao nàng làm vậy?” - “Rắn bày cho tôi.”  
<sup>14</sup> “Rắn kia, ăn đất suốt đời,<sup>a</sup>  
 Phải bò trệt bụng, chịu lời đấng cay.  
<sup>15</sup> Mối thù thâm nhọc từ đây, 135  
 Giữa mi, người nữ kéo dài bất di.  
 Chính nàng đập nát đầu mi  
 Còn mi giãy giữa, miệng thì cạp chon”.  
<sup>16</sup> “Nàng kia, đau đớn càng hơn,  
 Mỗi khi thai sản, phục luôn quyền chồng.”<sup>b</sup>  
<sup>17</sup> Sau thì tuyên án A-dong: 141  
 “Bởi nghe lời vợ, bắt trung lệnh trời.  
<sup>18</sup> Đất sinh gai góc khắp nơi,  
 Cơ hàn bệnh lão suốt đời cực thân.  
<sup>19</sup> Đổ mồ hôi mới có ăn,<sup>c</sup> 145  
 Và khi chết đoạn, xác hoàn bụi tro”.

**Bản phục chế đề nghị**

“Nói ra thì cũng bằng thừa,  
 Không ăn trái cấm, ai đưa cảnh này?”  
 Tại nàng, Thượng-đế đem đây 131  
 “Sao nàng làm vậy?” ... “Rắn bày cho tôi”.  
 “Rắn kia ăn đất suốt đời,  
 Phải bò trệt bụng, chịu lời đấng cay.  
 Mối thù thâm nhọc từ đây, 135  
 Giữa mi, người nữ kéo dài bất di.  
 Chính nàng đập nát đầu mi,  
 Còn mi giãy giữa, miệng thì cạp chon”.  
 “Nàng kia, đau đớn càng hơn,  
 Mỗi khi thai sản, phục luôn quyền chồng”  
 Sau thì tuyên án A-dong. 141  
 Bởi nghe lời vợ bắt trung lệnh Trời.  
 Đất sinh gai góc khắp nơi,  
 Cơ hàn, bệnh lão, suốt đời cực thân.  
 Đổ mồ hôi mới có ăn, 145  
 Và khi chết đoạn, xác hoàn bụi tro.

<sup>a</sup> Thiên Chúa tuyên án phạt con rắn (loài ma quỷ).  
<sup>b</sup> Án phạt người nữ cả đời phải tùng phục quyền chồng (Xuất giá tòng phu).  
<sup>c</sup> Do câu nói:  
 Đổ mồ hôi, sôi nước mắt,  
 Lưng gánh nặng, trán hứng mưa,  
 Đổi cơm trong đất, đổi dưa trong bùn.

### Bản văn Kinh thánh

với đất, vì từ đất, người đã được lấy ra. Người là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất.”

<sup>20</sup> Con người đặt tên cho vợ là E-và, vì bà là mẹ của chúng sinh.

<sup>21</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa làm cho con người và vợ con người những chiếc áo bằng da và mặc cho họ. <sup>22</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa nói: “Này con người đã trở thành như một kẻ trong chúng ta, biết điều thiện điều ác. Bây giờ, đừng để nó giơ tay hái cả trái cây trường sinh mà ăn và được sống mãi.”

<sup>23</sup> Đức Chúa là Thiên Chúa đuổi con người ra khỏi vườn Ê-đen để cày cấy đất đai, từ đó con người đã được lấy ra. <sup>24</sup> Người trục xuất con người, và ở phía đông vườn Ê-đen, Người đặt các thần hộ giá với lưỡi gươm sáng loé, để canh giữ đường đến cây trường sinh.

## 4

<sup>1</sup> Con người ăn ở với E-và, vợ mình. Bà thụ thai và sinh ra Ca-in. Bà nói: “Nhờ Đức Chúa, tôi đã được một người.” <sup>2</sup> Bà lại sinh ra A-ben, em ông. A-ben làm nghề chăn chiên, còn Ca-in làm nghề cày cấy đất đai. <sup>3</sup> Sau một thời gian, Ca-in lấy hoa màu của đất đai làm lễ vật dâng lên Đức Chúa.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>20</sup> A-dong chừ đặt tên cho,

Y-ba,<sup>a</sup> có nghĩa “căn do loài người”.

<sup>21</sup> Trời làm da thú một đôi,

Cho hai người mặc, <sup>22</sup> mở lời nghiêm minh:

“A-dong rày đặt thần linh, **151**

Sợ người ăn trái tràng-sinh sống hoàì.”

<sup>23</sup> Lịnh Trời truyền đuổi cả hai,

Ra miền hoang dã bừa cày kiếm ăn.

<sup>24</sup> Cát-biên,<sup>b</sup> một vị thiên thần, **155**

Tay cầm gươm lửa chặn đàng vắng lai.

Địa-đàng<sup>c</sup> đóng chặt từ đây,

Cây tràng-sinh chẳng còn ai tới gần,

## 4

<sup>1</sup> Náu nương bông đá che tranh,  
Càn-dinh<sup>d</sup> trưởng tử vừa sanh ở đời.

<sup>a</sup> Y-ba, âm dịch la ngữ Heva, tên người đờn bà đầu tiên trong Kinh-thánh, linh mục Phao-lô Qui đã đổi lại là E-và

<sup>b</sup> Cát-biên, âm dịch la ngữ Cherubim (Kê-ru-bim).

<sup>c</sup> Địa-đàng, vườn địa đàng

<sup>d</sup> Càn-dinh, âm dịch la ngữ Cain (Ca-in)

### Bản Paulus Tọa

<sup>20</sup> A-dong nay đặt tên cho

E-và,<sup>a</sup> có nghĩa “căn do loài người”

<sup>21</sup> Trời làm da thú một đôi,

Cho hai người mặc, <sup>22</sup> mở lời nghiêm minh:

A-dong rày đặt thần linh, **151**

Sợ người hái trái trường sinh, sống hoàì.

<sup>23</sup> Lịnh Trời truyền đuổi cả hai

Ra miền hoang dã bừa cày kiếm ăn.

<sup>24</sup> Kê-ru-bim,<sup>b</sup> vị thiên thần **155**

Tay cầm gươm lửa chặn đàng vắng lai.

Cửa vườn đóng chặt từ đây,

Cây trường sinh chẳng còn ai đến gần.

## 4

<sup>1</sup> Náu nương bông đá che tranh,  
Ca-in<sup>c</sup> trưởng tử vừa sanh ở đời.

<sup>a</sup> E-và: Heva, Eva, tên người nữ đầu tiên, có nghĩa là nhân sinh chi mẫu. **Bốn cũ viết I-ba hoặc Y-oa.**

Theo bốn cũ câu 20 đoạn III như sau:

A-dong nay đặt tên cho

Y-oa, có nghĩa “căn do loài người.”

(Chữ Y-Oa không rõ người xưa viết chữ Nôm như thế nào, mà thấy Phan Văn Cận ghi hai cách: Y-oa và I-ba.)

<sup>b</sup> Câu 24, bốn cũ viết:

Cơ-biên vạn lực chi thần,

Cơ-biên dịch âm chữ Cherubim, linh mục Phao-lô Qui đã sửa lại Kê-ru-bim (1885).

<sup>c</sup> Ca-in: bốn cũ viết Khả ân.

### Bản phục chế đề nghị

A-dong chừ đặt tên cho,

Y-ba, có nghĩa “căn do loài người”<sup>a</sup>.

Trời làm da thú một đôi,

Cho hai người mặc, mở lời nghiêm minh:

“A-dong rày đặt thần linh, **151**

Sợ người ăn trái tràng-sinh sống hoàì.”

Lịnh Trời truyền đuổi cả hai,

Ra miền hoang dã bừa cày kiếm ăn.

Cát-biên, một vị thiên thần,<sup>b</sup> **155**

Tay cầm gươm lửa chặn đàng vắng lai.

Địa-đàng đóng chặt từ đây,

Cây tràng-sinh chẳng còn ai tới gần,

## 4

### MỞ MÀN CUỘC SỐNG HUYNH ĐỆ TƯƠNG TÀN

Náu nương bông đá che tranh,  
Càn-dinh trưởng tử vừa sanh ở đời.

a Dị bản: A-dong nay đặt tên cho

Y-oa, có nghĩa “căn do loài người.”

b Dị bản: Cơ-biên vạn lực chi thần,

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>4</sup> A-ben cũng dâng những con đầu lòng của bảy chiên cùng với mỡ của chúng. Đức Chúa đoái nhìn đến A-ben và lễ vật của ông, <sup>5</sup> nhưng Ca-in và lễ vật của ông thì Người không đoái nhìn. Ca-in giận lắm, sa sầm nét mặt. <sup>6</sup> Đức Chúa phán với Ca-in: “Tại sao ngươi giận dữ? Tại sao ngươi sa sầm nét mặt? <sup>7</sup> Nếu ngươi hành động tốt, có phải là ngươi sẽ ngẩng mặt lên không? Nếu ngươi hành động không tốt, thì tội lỗi đang nằm phục ở cửa, nó thêm muốn ngươi; nhưng ngươi phải chế ngự nó.” <sup>8</sup> Ca-in nói với em là A-ben: “Chúng mình ra ngoài đồng đi!” Và khi hai người đang ở ngoài đồng thì Ca-in xông đến giết A-ben, em mình. <sup>9</sup> Đức Chúa phán với Ca-in: “A-ben em ngươi đâu rồi?” Ca-in thưa: “Con không biết. Con là người giữ em con hay sao?” <sup>10</sup> Đức Chúa phán: “Ngươi đã làm gì vậy? Từ dưới đất, tiếng máu của em ngươi đang kêu lên Ta! <sup>11</sup> Giờ đây ngươi bị nguyền rủa bởi chính đất đã từng há miệng hút lấy máu em ngươi, do tay ngươi đổ ra. <sup>12</sup> Ngươi có canh tác đất đai, nó cũng không còn cho ngươi hoa màu của nó nữa. Ngươi sẽ lang thang phiêu

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Y-ba nở một nụ cười: 161  
 Thậm cảm ơn Trời ban một đứa con.  
 Mấy năm nuôi dưỡng vuông tròn,  
<sup>2</sup> An-biên<sup>a</sup> đưa kế theo chơn chào đời.  
<sup>3</sup> Trưởng thành hai gã chọn nơi: 165  
 Anh thời trồng tía, em thời chăn nuôi.  
 Càn-dinh,<sup>b</sup> hoa trái tế Trời,  
<sup>4</sup> An-biên,<sup>d</sup> chiên béo hiệp lời tri ân.  
 Hoàng-thiên bắt phụ thiện tâm,  
<sup>5</sup> Nhưng Càn-dinh lễ, chẳng màng mây may.  
 Lòng chàng bất mãn việc này, 171  
<sup>6</sup> Trời khuyên “chớ khá đặng cay oán thù,  
<sup>7</sup> Làm lành được thưởng phước dư,  
 Làm dữ bị phạt, liệu cư xử rành”.  
<sup>8</sup> Ngày kia, hấn rử em mình, 175  
 Cùng đi dạo cảnh, hấn đành giết em.  
<sup>9</sup> Tiếng Trời: “sao giết An-biên?”  
 Hấn rằng: “Không biết, há phiền đến ai”.  
<sup>10</sup> Máu em ngươi thấu đến tai,  
<sup>11</sup> Máu oan nhuộm đất, đất này đuổi ngươi.  
 Dầu cho vun xới hết hơi, 181  
<sup>12</sup> Đất không đơm trái, cằn còi càng thêm.

<sup>a</sup> An-biên, âm dịch la ngữ Abel (A-biên)

<sup>b-d</sup> Bốn sấm truyền ca của linh mục **Phao-lô Qui**, đều đổi lại là Ca-in và A-bên

**Bản Paulus Tọa**

E-và nở một nụ cười, 161  
 Thậm cảm ơn Trời ban một đứa con.  
 Mấy năm nuôi dưỡng vuông tròn,  
<sup>2</sup> A-bên<sup>a</sup> đưa kế theo chơn chào đời.  
 Trưởng thành hai gã chọn nơi, 165  
 Anh thời trồng tía, em thời chăn nuôi.  
<sup>3</sup> Ca-in, hoa trái tế Trời,  
<sup>4</sup> A-bên, chiên béo hiệp lời tri ân.  
 Hoàng thiên bắt phụ thiện tâm,  
<sup>5</sup> Còn Ca-in lễ chẳng màng mây may.  
 Lòng chàng bất mãn việc này, 171  
<sup>6</sup> Trời khuyên chớ khá đặng cay oán thù.  
<sup>7</sup> Làm lành được thưởng phước dư  
 Làm dữ bị phạt, liệu cư xử rành.  
<sup>8</sup> Ngày kia, hấn rử em mình, 175  
 Cùng đi dạo cảnh, hấn đành giết em.  
<sup>9</sup> Tiếng trời: Sao giết A-bên?  
 Hấn rằng: không biết, há phiền đến ai.  
<sup>10</sup> Máu em ngươi thấu đến tai,  
<sup>11</sup> Máu oan nhuộm đất, đất này đuổi ngươi,  
 Dầu cho vun xới hết hơi 181  
<sup>12</sup> Đất không đơm quả, cằn còi càng thêm.

<sup>a</sup> A-bên: Abel, bản cũ viết An-biên.

Bản cũ viết câu 3, 4, 5, 6 như sau:

3Khả Ân hoa trái tế Trời,  
 Nhưng lòng trí vẫn rạc rời xa xăm  
 4An Biên chiên béo hiền dâng,  
 Cầu Trời thương xót, muôn phần tạ ân  
 Hoàng thiên bắt phụ thiện tâm  
 5Khả Ân cảm thấy ghe lẩn chua cay  
 Lòng chàng, bất mãn việc này  
 “Trời khuyên chớ khá dang tay oán thù.

**Bản phục chế đề nghị**

Y-ba nở một nụ cười: 161  
 Thậm cảm ơn Trời ban một đứa con.  
 Mấy năm nuôi dưỡng vuông tròn,  
 An-biên đưa kế theo chơn chào đời.  
 Trưởng thành hai gã chọn nơi: 165  
 Anh thời trồng tía, em thời chăn nuôi.  
 Càn-dinh, hoa trái tế Trời,<sup>a</sup>  
 An-biên, chiên béo hiệp lời tri ân.  
 Hoàng-thiên bắt phụ thiện tâm,  
 Nhưng Càn-dinh lễ, chẳng màng mây may.  
 Lòng chàng bất mãn việc này, 171  
 Trời khuyên “chớ khá đặng cay oán thù,  
 Làm lành được thưởng phước dư,  
 Làm dữ bị phạt, liệu cư xử rành”.  
 Ngày kia, hấn rử em mình, 175  
 Cùng đi dạo cảnh, hấn đành giết em.  
 Tiếng Trời: “sao giết An-biên?”  
 Hấn rằng: “Không biết, há phiền đến ai”.  
 Máu em ngươi thấu đến tai,  
 Máu oan nhuộm đất, đất này đuổi ngươi.  
 Dầu cho vun xới hết hơi, 181  
 Đất không đơm trái, cằn còi càng thêm.

<sup>a</sup> Dị bản của các câu 167-172:

3Khả Ân hoa trái tế Trời,  
 Nhưng lòng trí vẫn rạc rời xa xăm  
 4An Biên chiên béo hiền dâng,  
 Cầu Trời thương xót, muôn phần tạ ân  
 Hoàng thiên bắt phụ thiện tâm  
 5Khả Ân cảm thấy ghe lẩn chua cay  
 Lòng chàng, bất mãn việc này  
 “Trời khuyên chớ khá dang tay oán thù.



### Bản văn Kinh thánh

bạt trên mặt đất.”<sup>13</sup> Ca-in thưa với Đức Chúa: “Hình phạt dành cho con quá nặng không thể mang nổi.<sup>14</sup> Đây, hôm nay Ngài xua đuổi con khỏi mặt đất. Con sẽ phải trốn tránh để khỏi gặp mặt Ngài, sẽ phải lang thang phiêu bạt trên mặt đất, và bất cứ ai gặp con sẽ giết con.”<sup>15</sup> Đức Chúa phán với ông: “Không đâu! Bất cứ ai giết Ca-in sẽ bị trả thù gấp bảy.” Đức Chúa ghi dấu trên Ca-in, để bất cứ ai gặp ông khỏi giết ông.<sup>16</sup> Ông Ca-in đi xa khuất mặt Đức Chúa và ở tại xứ Nốt, về phía đông Ê-đen.

<sup>17</sup> Ông Ca-in ăn ở với vợ. Bà thụ thai và sinh ra Kha-nốc. Ông xây một thành, và lấy tên con mình là Kha-nốc mà đặt cho thành ấy.<sup>18</sup> Kha-nốc sinh I-rát; I-rát sinh Mơ-khu-gia-ên; Mơ-khu-gia-ên sinh Mơ-thu-sa-ên; Mơ-thu-sa-ên sinh La-méc.<sup>19</sup> La-méc lấy hai vợ, một bà tên là A-đa, bà thứ hai tên là Xi-la.<sup>20</sup> Bà A-đa sinh Gia-van; ông này là ông tổ các người ở lều và nuôi súc vật.<sup>21</sup> Em ông này tên là Giu-van; ông này là ông tổ các người chơi đàn thổi sáo.<sup>22</sup> Còn bà Xi-la thì sinh Tu-van Ca-in; ông này là ông tổ các người thợ rèn đồng và sắt. Em gái Tu-van Ca-in

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Ra thân trời nổi bập bênh,  
Đất không dung chứa, khắp miền lang thang.”  
<sup>13</sup> “Tội tôi trầm trọng vô ngần, 185  
Vô phương khả đảo, khôn nản mạng tôi.  
<sup>14</sup> Từ đây phiêu dạt đòi nơi,  
Máu oan vắn vít, người người không tha”.  
<sup>15</sup> “Trời xoay tâm địa người ta,  
Nhìn mi gớm ghiếc hơn là giết mi.  
Nếu ai táo bạo hành vi, 191  
Giết mi, bị phạt gấp đi bảy lần”.  
<sup>16</sup> Đó là dấu hiệu Trời ban  
Càn-dinh thui thủi dậm ngàn hướng đông.  
<sup>17</sup> Càn-dinh, ngày tháng chấp chồng 195  
Sinh ra Hy-lộc<sup>a</sup> thấy lòng hứng vui.  
Xây thành, đắp lũy, dựng đời,  
Lấy tên con gọi “vùng trời khai hoang”.  
<sup>18</sup> Nói nhau con cháu đầy đàn.  
<sup>19</sup> Số này, La-mạc:<sup>b</sup> một chàng đa thê.  
<sup>20</sup> Sinh ra lăm kê tài nghề, 201  
Gia-bên:<sup>c</sup> du mục nhiều bè qui mô.  
<sup>21</sup> Dụ-bàng:<sup>d</sup> thi tổ xương thơ.  
Chế ra nhạc khí: sáo ru, đờn kèn.

<sup>a</sup> Hy-lộc, la-ngữ Henoch, con đầu lòng của Càn-dinh.  
<sup>b</sup> La-mạc, la-ngữ Lamech, thi tổ chế độ đa thê. Câu 18 trong Kinh thánh Cựu ước kể ra nhiều tên con cháu, nhưng tác giả tã gọn lại theo cách Á-đông.  
<sup>c</sup> Gia-biên, la-ngữ Jabel, tác giả nêu tên những người quan trọng.  
<sup>d</sup> Dụ-bàng, la-ngữ Jubal.

### Bản Paulus Tọa

Ra thân trời nổi bập bênh,  
Đất không dung chứa, khắp miền lang thang.  
<sup>13</sup> Tội tôi trầm trọng vô ngần, 185  
Vô phương khả đảo, khôn nản mạng tôi.  
<sup>14</sup> Từ đây phiêu dạt đòi nơi,  
Máu oan vắn vít, người người không tha.  
<sup>15</sup> Trời xoay tâm địa người ta:<sup>a</sup>  
Nhìn mi gớm ghiếc hơn là giết mi.  
Nếu ai táo bạo hành vi, 191  
Giết mi, bị phạt gấp đi bảy lần.<sup>b</sup>  
<sup>16</sup> Đó là dấu hiệu riêng ban,  
Ca-in thui thủi dậm ngàn phía đông.  
<sup>17</sup> Ca-in, năm tháng chấp chồng, 195  
Sinh ra Ê-nóc<sup>c</sup> thấy lòng hứng vui.  
Xây thành, đắp lũy, dựng đời,  
Lấy tên con gọi “vùng trời khai hoang”.  
<sup>18</sup> Nói nhau con cháu đầy đàn,  
<sup>19</sup> Số này, La-mạc<sup>d</sup> một chàng đa thê.  
<sup>20</sup> Sinh ra lăm kê tài nghề: 201  
Gia-bên:<sup>e</sup> du mục nhiều bè qui mô;  
<sup>21</sup> Dụ-bàng:<sup>f</sup> thi tổ xương thơ,  
Chế ra nhạc khí: sáo ru, đờn kèn.

<sup>a</sup> Thiên Chúa khiến nhân tâm ghê tởm kẻ sát nhân hơn là oán ghét, thấy đầu chịt đố.  
<sup>b</sup> Câu nói của người An-Nam xưa cũng có nghĩa tương tự: “...Thứ người độc ác sát nhân, lột da bảy lớp đội hờn cho kham...” Theo quan niệm xưa, kẻ tàn bạo bất nhân, phải sống khổ, rày đây mai đó, để đền tội, bằng cách chịu người đời chê rẻ khinh khi...  
<sup>c</sup> Ê-nóc: Enoch, (bốn cũ I-năm.)  
<sup>d</sup> La-mạc: Lamech.  
<sup>e</sup> Gia-bên: Jabel (bản cũ: Gia-biên).  
<sup>f</sup> Dụ-bàng: Jubal.

### Bản phục chế đề nghị

Ra thân trời nổi bập bênh,  
Đất không dung chứa, khắp miền lang thang.”  
“Tội tôi trầm trọng vô ngần, 185  
Vô phương khả đảo, khôn nản mạng tôi.  
Từ đây phiêu dạt đòi nơi,  
Máu oan vắn vít, người người không tha”.  
“Trời xoay tâm địa người ta,  
Nhìn mi gớm ghiếc hơn là giết mi.  
Nếu ai táo bạo hành vi, 191  
Giết mi, bị phạt gấp đi bảy lần”.  
Đó là dấu hiệu Trời ban  
Càn-dinh thui thủi dậm ngàn hướng đông.  
Càn-dinh, ngày tháng chấp chồng, 195  
Sinh ra Hy-lộc thấy lòng hứng vui.  
Xây thành, đắp lũy, dựng đời,  
Lấy tên con gọi “vùng trời khai hoang”.  
Nói nhau con cháu đầy đàn.  
Số này, La-mạc: một chàng đa thê.  
Sinh ra lăm kê tài nghề, 201  
Gia-bên: du mục nhiều bè qui mô.  
Dụ-bàng: thi tổ xương thơ.  
Chế ra nhạc khí: sáo ru, đờn kèn.

**Bản văn Kinh thánh**

là Na-a-ma.

<sup>23</sup> Ông La-méc nói với các bà vợ: “A-đã và Xi-la, hãy nghe tiếng ta! Thê thiếp của La-méc, hãy lắng tai nghe lời ta! Vì một vết thương, ta đã giết một người, vì một chút sây sát, ta đã giết một đứa trẻ.

<sup>24</sup> Ca-in sẽ được báo thù gấp bảy, nhưng La-méc thì gấp bảy mươi bảy!”

<sup>25</sup> Ông A-đam lại ăn ở với vợ. Bà sinh một con trai và đặt tên là Sét; bà nói: “Thiên Chúa đã sắp đặt cho tôi một dòng dõi khác thay cho A-ben, vì Ca-in đã giết nó.” <sup>26</sup> Ông Sét cũng sinh được một con trai và đặt tên là E-nốt. Bảy giờ, người ta bắt đầu kêu cầu danh Đức Chúa.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>22</sup> Từ-canh: <sup>a</sup> tổ mộc, tổ rèn, 205

Mở thời kim khí, dựng nền võ công.

Nương-mai <sup>b</sup> mỹ nghệ phần son,

Làm cho thành phố ngày phồn thịnh hơn.

<sup>23</sup> Tự hào, La-mạc đại ngôn:

“Tay này hạ sát “người hùng hai tên”

Chỉ vì chúng dám ngông nghênh, 211

<sup>24</sup> Nếu Càn-dinh được bảy phen báo thù.

Thì này, La-mạc có dư,

Bảy mươi bảy lượt, mới cừ, mới ngon.”

<sup>25</sup> Nhắc qua, tổ lão A-dong, 215

Sinh thêm nam tử thay dòng An-biên.

Hết lòng cảm ngợi Hoàng-thiên,

Đặt tên Sĩ-thượng, <sup>c</sup> dạ hiển trí minh.

<sup>26</sup> Về sau, Sĩ lập gia-đình,

Sinh ra Ý-nữ <sup>d</sup> trung thành đạo ngay.

Phượng thờ Thượng-đế hàng ngày, 221

Nêu cao tín ngưỡng giữa loài phàm gian.

<sup>a</sup> Từ-canh, là ngữ Tubalcain.

<sup>b</sup> Nương-mai, là ngữ Noemah, tên người phụ nữ đầu tiên mở ngành kỹ nghệ thanh lâu, đón khách các vùng qua lại buôn bán.

<sup>c</sup> Sĩ-thượng, là ngữ Seth, có khi gọi tắt là Sĩ, bốn Sấm truyền ca của linh mục Phao-lô Qui gọi là Sét.

<sup>d</sup> Ý-nữ, là ngữ Enos.

Đoạn thứ 5, tác giả không trình bày gia phả con cháu của Adong (A-dang), mà chỉ nêu những tên chính đi theo hai hướng : đạo và đời, trong thiên hạ.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>22</sup> Từ-canh: <sup>a</sup> tổ mộc, tổ rèn, 205

Mở thời kim khí, dựng nền võ công.

Nương-mai: <sup>b</sup> mỹ nghệ phần son

Làm cho thành phố ngày phồn thịnh hơn.

<sup>23</sup> Tự hào, La-mạc đại ngôn:

Tay này hạ sát “người hùng” hai tên.

Chỉ vì chúng dám ngông nghênh, 211

<sup>24</sup> Nếu **Ca-in** được bảy phen báo thù.

Thì này La-mạc có dư,

Bảy mươi bảy lượt mới cừ mới ngon.

<sup>25</sup> Nhắc qua tổ lão A-dong 215

Sinh thêm nam tử thay dòng **A-bên**,

Hết lòng cảm **nghĩa** Hoàng thiên

Đặt tên là **Sét** <sup>c</sup> dạ hiển trí minh.

<sup>26</sup> Về sau **Sét** lập gia đình,

Sinh ra Ý-nữ <sup>d</sup> trung thành đạo ngay

Phượng thờ Thượng đế hàng ngày, 221

Nêu cao tín ngưỡng giữa loài **thé nhân**.

<sup>a</sup>Từ-canh: Tubalcain.

<sup>b</sup> Nương-mai: Noëma.

<sup>c</sup> Bản cũ viết:

Đặt tên Sĩ-thức, dạ hiển trí minh.

Về sau linh mục Phao-lô Qui đổi lại là Sét theo La ngữ Seth

<sup>d</sup> Ý-nữ: Enosh. \* Câu 26, bốn cũ viết:

Lớn lên, tạo lập gia đình.

**Bản phục chế đề nghị**

Từ-canh: tổ mộc, tổ rèn, 205

Mở thời kim khí, dựng nền võ công.

Nương-mai: mỹ nghệ phần son,

Làm cho thành phố ngày phồn thịnh hơn.

Tự hào, La-mạc đại ngôn:

“Tay này hạ sát “người hùng hai tên”

Chỉ vì chúng dám ngông nghênh, 211

Nếu Càn-dinh được bảy phen báo thù.

Thì này, La-mạc có dư,

Bảy mươi bảy lượt, mới cừ, mới ngon.”

Nhắc qua, tổ lão A-dong, 215

Sinh thêm nam tử thay dòng An-biên.

Hết lòng cảm ngợi<sup>a</sup> Hoàng-thiên,

Đặt tên Sĩ-thượng, dạ hiển trí minh.<sup>b</sup>

Về sau, Sĩ lập gia-đình,

Sinh ra Ý-nữ trung thành đạo ngay.

Phượng thờ Thượng-đế hàng ngày, 221

Nêu cao tín ngưỡng giữa loài phàm gian.

<sup>a</sup> Ngợi: Nghĩa (TSNM)

<sup>b</sup> Dị bản câu 218:

Đặt tên Sĩ-thức, dạ hiển trí minh.

<sup>1</sup> Đây là gia phả ông A-đam: Ngày Thiên Chúa sáng tạo con người, Chúa làm ra con người giống như Thiên Chúa. <sup>2</sup> Chúa sáng tạo con người có nam có nữ, Chúa ban phúc lành cho họ và đặt tên cho họ là “người”, ngày họ được sáng tạo. <sup>3</sup> Khi ông A-đam được một trăm ba mươi tuổi, thì ông sinh ra một người con trai giống như ông, theo hình ảnh ông, và đặt tên là Sét. <sup>4</sup> Sau khi sinh ông Sét, ông A-đam sống tám trăm năm và sinh ra con trai con gái. <sup>5</sup> Tổng cộng ông A-đam sống được chín trăm ba mươi năm, rồi qua đời. <sup>6</sup> Khi ông Sét được một trăm lẻ năm tuổi, thì sinh ra E-nốt. <sup>7</sup> Sau khi sinh E-nốt, ông Sét sống tám trăm lẻ bảy năm và sinh ra con trai con gái. <sup>8</sup> Tổng cộng ông Sét sống được chín trăm mười hai năm, rồi qua đời. <sup>9</sup> Khi ông E-nốt được chín mươi tuổi, thì sinh ra Kê-nan. <sup>10</sup> Sau khi sinh Kê-nan, ông E-nốt sống tám trăm mười lăm năm và sinh ra con trai con gái. <sup>11</sup> Tổng cộng ông E-nốt sống được chín trăm lẻ năm năm, rồi qua đời. <sup>12</sup> Khi ông Kê-nan được bảy mươi tuổi, thì sinh ra Ma-ha-lan-ên. <sup>13</sup> Sau khi sinh Ma-ha-lan-ên, ông Kê-nan sống tám trăm bốn mươi năm và sinh ra con trai con gái. <sup>14</sup> Tổng cộng ông Kê-nan sống

<sup>1</sup> Đạo, đời hai ngã tương tranh,  
Bắt nguồn từ thuở A-dang tạo thành

<sup>2</sup> Đặt nền phu phụ đoàn hành,<sup>a</sup> 225

Mở màn đã thấy: dữ, lành, chống nhau.

Càn-dinh: đời đã khai mào,  
An-biên: đạo khởi, đoạn đầu đau thương.

<sup>3</sup> Tiếp theo, Sĩ-thượng mở đường,  
<sup>4</sup> Tu thân vi bản, chủ trương ôn hoà.

<sup>5</sup> Nêu cao hiếu thảo mẹ cha, 231

<sup>6</sup> Tới thời Ý-nữ, tề gia kiện toàn.  
<sup>7</sup> Trước lo trong nghĩa tào khang,

<sup>8</sup> Làm ăn cần kiệm nuôi đàn cháu con.

<sup>9</sup> Kha-lâm<sup>b</sup> tiếp nối vuông tròn, 235

<sup>10</sup> Trên thờ phượng Chúa, dưới thương yêu người.

<sup>11</sup> Vạch cho miêu duệ thức thời.

Lòng thương giải cứu khắp nơi bởi Trời.

<sup>a</sup> Đoàn-hành, mỗi đầu nhưn loại, do câu: tạo đoàn hồ phu phụ, linh mục Phao-hổ Qui đánh số đoạn 5 này, cốt ý để theo dõi Kinh thánh Cựu ước, thật ra ý tác giả theo quan niệm Á-Đông vạch rõ hai con đường lành, dữ song hành.

<sup>b</sup> Kha-lâm, là ngữ Cainam

<sup>1</sup> Đạo đời hai ngã tương tranh,<sup>a</sup>  
Bắt nguồn từ thuở A-đam tạo thành.

<sup>2</sup> Đặt nền phu phụ đoàn hành,<sup>b</sup> 225

Mở màn đã thấy dữ lành chống nhau.

Cai-in: đời đã khai mào  
A-bên: đạo khởi đoạn đầu đau thương.

<sup>3</sup> Tiếp theo là Sét khuếch trương,  
<sup>4</sup> Tu thân vi bản, chủ trương ôn hòa.

<sup>5</sup> Nêu cao hiếu thảo mẹ cha, 231

<sup>6</sup> Tiếp theo Ý-nữ,<sup>c</sup> tề gia kiện toàn.  
<sup>7</sup> Trước lo trong nghĩa tào khang<sup>d</sup>

<sup>8</sup> Làm ăn cần kiệm nuôi đàn cháu con.

<sup>9</sup> Cai-nan<sup>e</sup> tiếp nối vuông tròn 235

<sup>10</sup> Trên thờ phượng Chúa, dưới thương mỗi người.

<sup>11</sup> Vạch cho miêu duệ thức thời:<sup>f</sup>

Lòng thương giải cứu khắp nơi bởi Trời<sup>g</sup>

<sup>a</sup> Đoạn V: Kinh thánh ghi tên họ con cháu của Adong dẫn đến đời Noe (Nhũ-yên); còn ở đây, thấy cả Lũ Ý Đuan kể những tên chính và phụ họa đường lối đạo đức vào các nhân vật, để phân biệt con cháu của Cain (Khả ân) thì chạy theo đường lối của đời (Đoạn IV).

<sup>b</sup> Đoàn hành, mỗi đầu nhân loại, do câu: tạo đoàn hồ phu phụ. Linh mục Phao-lô Qui đánh số đoạn V này, cốt ý để theo dõi Kinh thánh Cựu ước, thật ra ý tác giả theo quan niệm Á-Đông, vạch rõ hai con đường lành, dữ song hành.

<sup>c</sup> Ý-nữ: Enosh, con trai của Sét.

<sup>d</sup> Trong bản của Linh mục Trần Hiếu Lễ câu này ghi: “Trước theo phu phụ vi cang..”

<sup>e</sup> Cai-nan: Kénan, con trai của Ý-nữ.

<sup>f</sup> Thức thời: Hiểu rõ thời cơ, tức là thánh ý Thượng đế.

<sup>g</sup> Chỉ có Thượng đế mới cứu được nhân loại trầm luân.

## NÒI GIỒNG A-DONG TRẦN LAN MẶT ĐẤT

Đạo, đời hai ngã tương tranh,  
Bắt nguồn từ thuở A-dang tạo thành

Đặt nền phu phụ đoàn hành, 225

Mở màn đã thấy: dữ, lành, chống nhau.

Càn-dinh: đời đã khai mào,  
An-biên: đạo khởi, đoạn đầu đau thương.

Tiếp theo, Sĩ-thượng mở đường,  
Tu thân vi bản, chủ trương ôn hoà.

Nêu cao hiếu thảo mẹ cha, 231

Tới thời Ý-nữ, tề gia kiện toàn.  
Trước lo trong nghĩa tào khang,<sup>a</sup>

Làm ăn cần kiệm nuôi đàn cháu con.

Kha-lâm tiếp nối vuông tròn, 235

Trên thờ phượng Chúa, dưới thương yêu người.

Vạch cho miêu duệ thức thời.

Lòng thương giải cứu khắp nơi bởi Trời.

<sup>a</sup> Dị bản: “Trước theo phu phụ vi cang..” (cuộc chú C 233).

### Bản văn Kinh thánh

được chín trăm mười năm, rồi qua đời.

<sup>15</sup> Khi ông Ma-ha-lan-ên được sáu mươi lăm tuổi, thì sinh ra Gie-rét.

<sup>16</sup> Sau khi sinh Gie-rét, ông Ma-ha-lan-ên sống tám trăm ba mươi năm và sinh ra con trai con gái. <sup>17</sup> Tổng cộng ông Ma-ha-lan-ên sống được tám trăm chín mươi lăm năm, rồi qua đời.

<sup>18</sup> Khi ông Gie-rét được một trăm sáu mươi hai tuổi, thì sinh ra Kha-nốc. <sup>19</sup> Sau khi sinh Kha-nốc, ông Gie-rét sống tám trăm năm và sinh ra con trai con gái. <sup>20</sup> Tổng cộng ông Gie-rét sống được chín trăm sáu mươi hai năm, rồi qua đời.

<sup>21</sup> Khi ông Kha-nốc được sáu mươi lăm tuổi, thì sinh ra Mơ-thu-se-lác.

<sup>22</sup> Sau khi sinh Mơ-thu-se-lác, ông Kha-nốc đi với Thiên Chúa ba trăm năm và sinh ra con trai con gái. <sup>23</sup> Tổng cộng ông Kha-nốc sống được ba trăm sáu mươi lăm năm. <sup>24</sup> Sau khi đi với Thiên Chúa, ông không còn nữa, vì Thiên Chúa đã đem ông đi.

<sup>25</sup> Khi ông Mơ-thu-se-lác được một trăm tám mươi bảy tuổi, thì sinh ra La-méc. <sup>26</sup> Sau khi sinh La-méc, ông Mơ-thu-se-lác sống bảy trăm tám mươi hai năm và sinh ra con trai con gái. <sup>27</sup> Tổng cộng ông Mơ-thu-se-lác sống được chín trăm sáu mươi chín năm, rồi qua đời.

<sup>28</sup> Khi ông La-méc sống được một trăm tám mươi hai tuổi, thì sinh ra một người con trai. <sup>29</sup> Ông đặt tên cho con là Nô-ê; ông nói: “Khi tay

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>12</sup> Mạch-liên <sup>a</sup> nói dối hẳn hoi,

<sup>13</sup> Lập nền trị quốc, trau dồi lễ nghi.

<sup>14</sup> Dạy dân hiểu rõ thị phi, 241

<sup>15</sup> Tiếp theo, Gia-liệt <sup>b</sup> duy trì thành tâm.

<sup>16</sup> Trong thì minh đức tân dân,

<sup>17</sup> Ngoài thì ngũ đức, tam cương thực hành.

<sup>18</sup> Đến thời Hải-lập <sup>c</sup> đại nhân, 245

<sup>19</sup> Dạy trừ dục vọng, giảm phần tự do. <sup>d</sup>

<sup>20</sup> Mưu cầu hằng bữa ám no,

Tránh danh phú hộ, xa kho phú hào.

<sup>21</sup> Mã-thu-san <sup>e</sup> chống binh đao,

Lấy điều công lý cùng nhau luận bàn.

<sup>22</sup> Noi gương Hải-lập phụ thân, 251

<sup>23</sup> Hướng về Thượng-đế là bàn chỉ nam.

<sup>24</sup> Cho nên Hải-lập đặc ân,

Ra đi theo Chúa, cõi trần bất tin.

<sup>25</sup> Con dòng, Lâm-mịch <sup>f</sup> đình ninh; 255

<sup>26</sup> Đạo Trời là gốc, nhân sinh phải tòng.

<sup>27</sup> Mã-thu-san thọ, nhứt ông,

Chín trăm sáu chín vào vòng tử qui,

<sup>a</sup> Mạch-liên, la ngữ Malabel

<sup>b</sup> Gia-liệt, la ngữ Jared

<sup>c</sup> Hải-lập, la-ngữ Henoch, tác giả tránh sự trùng tên với Hy-lộc.

<sup>d</sup> Tự do, linh mục Phao-lô Qui thế cho chữ cổ là nhân nhơ (nhờn nhờ)

<sup>e</sup> Mã-thu-san, la ngữ Mathusalem.

<sup>f</sup> Lâm-mịch, la-ngữ Lamech, tác giả tránh sự trùng tên với La-mạc

### Bản Paulus Tọa

<sup>12</sup> Mạch-liên <sup>a</sup> tiếp nói hẳn hoi,

<sup>13</sup> Lập nền trị quốc, trau dồi lễ nghi.

<sup>14</sup> Dạy dân hiểu rõ thị phi, 241

<sup>15</sup> Tiếp theo Gia-liệt, <sup>b</sup> duy trì thành tâm.

<sup>16</sup> Trong thì minh đức tân dân,

<sup>17</sup> Ngoài thì ngũ đức, tam cương thực hành.

<sup>18</sup> Đến thời Hy-lộc <sup>c</sup> đại nhân, 245

<sup>19</sup> Dạy trừ dục vọng, giảm phần tự do. <sup>d</sup>

<sup>20</sup> Mưu cầu hằng bữa ám no,

Tránh danh phú hộ, xa kho phú hào.

<sup>21</sup> Mã-thu-san <sup>e</sup> chống binh đao,

Lấy điều công lý cùng nhau luận bàn.

<sup>22</sup> Noi gương Hy-lộc phụ thân 251

<sup>23</sup> Hướng về Thượng-đế là bàn chỉ nam.

<sup>24</sup> Cho nên Hy-lộc đặc ân

Ra đi theo Chúa cõi trần bất tin.

<sup>25</sup> Đến thời La-mạc <sup>f</sup> đình ninh; 255

<sup>26</sup> Đạo Trời là gốc nhân sinh phải tòng.

<sup>27</sup> Mã-thu-san thọ nhứt ông

Chín trăm sáu chín vào vòng tử qui.

<sup>a</sup> Mạch-liên: Mahaléel, con trai của Cai-nan.

<sup>b</sup> Gia-liệt: Jared, con trai của Mạch-liên.

<sup>c</sup> Hy-lộc: Hénoch, con trai của Gia-liệt.

<sup>d</sup> Tự do: do một câu nói ngày xưa: *Tự thân mưu cơ sự, do ngã độc ứng hành*: Tự nơi mình bày ra mưu sự, do thân mình, một mình mình đứng ra hành động, khác chữ tự do thời nay.

<sup>e</sup> Mã-thu-san: Mathusalem, con trai Hê-nốc.

<sup>f</sup> La-mạc: Lamech, con trai của Mathusalem.

### Bản phục chế đề nghị

Mạch-liên nói dối hẳn hoi,

Lập nền trị quốc, trau dồi lễ nghi.

Dạy dân hiểu rõ thị phi, 241

Tiếp theo, Gia-liệt duy trì thành tâm.

Trong thì minh đức tân dân,

Ngoài thì ngũ đức, tam cương thực hành.

Đến thời Hải-lập đại nhân, 245

Dạy trừ dục vọng, giảm phần nhờn nhờn.

Mưu cầu hằng bữa ám no,

Tránh danh phú hộ, xa kho phú hào.

Mã-thu-san chống binh đao,

Lấy điều công lý cùng nhau luận bàn.

Noi gương Hải-lập phụ thân, 251

Hướng về Thượng-đế là bàn chỉ nam.

Cho nên Hải-lập đặc ân,

Ra đi theo Chúa, cõi trần bất tin.

Con dòng, Lâm-mịch đình ninh; 255

Đạo Trời là gốc, nhân sinh phải tòng.

Mã-thu-san thọ, nhứt ông,

Chín trăm sáu chín vào vòng tử qui,

### Bản văn Kinh thánh

chúng ta phải làm lụng cực nhọc, thì trẻ này sẽ đem lại cho chúng ta niềm an ủi phát xuất từ đất đai Đức Chúa đã nguyện rủa.”<sup>30</sup> Sau khi sinh ông Nô-ê, ông La-méc sống năm trăm chín mươi lăm năm và sinh ra con trai con gái.<sup>31</sup> Tổng cộng ông La-méc sống được bảy trăm bảy mươi bảy năm, rồi qua đời.

<sup>32</sup> Khi ông Nô-ê được năm trăm tuổi, thì sinh ra Sêm, Kham và Gia-phết.

6

<sup>1</sup> Vậy khi loài người bắt đầu thêm đông trên mặt đất, và sinh ra những con gái,<sup>2</sup> thì các con trai Thiên Chúa thấy con gái loài người xinh đẹp; những cô họ ưng ý thì họ lấy làm vợ.<sup>3</sup> Đức Chúa phán: “Thần khí của Ta sẽ không ở lại mãi mãi trong con người, vì con người chỉ là xác phàm, tuổi đời của nó sẽ là một trăm hai mươi năm.”<sup>4</sup> Có những người khổng lồ trên mặt đất vào thời bấy giờ và cả sau đó nữa, khi các con trai Thiên Chúa đi lại với con gái loài người, và các cô này sinh cho họ những người con. Đó là những anh hùng thuở xưa, những người có tên tuổi.

<sup>5</sup> Đức Chúa thấy rằng sự gian ác

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>8</sup> *Lâm-mịch* khi có *Nhữ-y*,<sup>a</sup>

<sup>29</sup> *Rằng: nguồn an ủi cho nghề canh nông.*

*Vì xưa do tội tổ tông, 261*

*Đất đai Chúa phạt nhọc công việc làm.*

<sup>30</sup> *Nhữ-y* thân phụ *Sâm*,<sup>b</sup> *Cang*,<sup>c</sup>

<sup>31</sup> *Cùng là Gia-Phật*<sup>d</sup> *siêng chăm luật trời.*

*Lược qua gia phả loài người, 265*

*Đem đạo vào đời khác tộc Càn-dinh.*

6

<sup>1</sup> *Mười lăm thế kỷ mưu sinh*<sup>e</sup>,

*Càn-dinh, Sĩ-thượng lập thành dân đông.*

*Đời thì vật chất thịnh cường.*

*Đạo thì trầm lặng theo đường tâm linh.*

*Đời thì gái sắc bọ hình 271*

<sup>2</sup> *Đạo thì trai tráng làm tình đắm say.*

<sup>a</sup> *Nhữ-y*, la ngữ Noe. Linh mục *Phao-lô Qui* dùng chữ No-e.

<sup>b</sup> *Sâm*, la ngữ Sem. Có nơi tác giả dùng chữ *Sâm-mệnh*.

<sup>c</sup> *Cang*, la ngữ Cham. Có nơi tác giả dùng chữ *Cang-mộc*.

<sup>d</sup> *Gia-phật*, la ngữ Japheth, linh mục *Phao-lô Qui* dùng ba tên: *Sem*, *Cam* và *Gia-Phết*.

<sup>e</sup> Đoạn 6, tác giả theo quan niệm Á-đông, dựa theo Kinh thánh Cựu ước diễn tả sa đọa của loài người làm nghệt mất phần đạo đức.

### Bản Paulus Tọa

<sup>28</sup> *La-mạch*<sup>a</sup> khi có *No-e*<sup>b</sup>

<sup>29</sup> *Rằng: nguồn an ủi cho nghề canh nông,*

*Vì xưa do tội tổ tông 261*

*Đất đai Chúa phạt nhọc công việc làm.*

<sup>30</sup> *No-e* thân phụ *Sem*,<sup>c</sup> *Cam*,<sup>d</sup>

<sup>31</sup> *Cùng là Gia-phết*<sup>e</sup> *siêng chăm luật trời.*<sup>f</sup>

*Lược qua gia phả loài người, 265*

*Sống đạo giữa đời khác tộc Ca-in.*

6

<sup>1</sup> *Mười lăm thế kỷ mưu sinh*,<sup>g</sup>

*Ca-in và Sét lập thành dân đông.*

*Đời thì vật chất thịnh cường*

*Đạo thì trầm lặng theo đường tâm linh.*

*Đời thì gái sắc bọ hình, 271*

<sup>2</sup> *Khiến cho trai tráng làm tình đắm say.*<sup>h</sup>

<sup>a</sup> Bản cũ viết câu 28 như sau:

*La-mạch* vừa đẹp mộng hòe,

*Nhữ-yên* an ủi cho nghề ruộng nương

Linh mục *Phao-lô Qui* (1885) đã sửa lại.

<sup>b</sup> *No-e*: bản cũ gọi *Nhữ-yên*.

<sup>c</sup> *Sem*: bản cũ gọi *Siêu-mộc*, *Sem*.

<sup>d</sup> *Cam*: bản cũ gọi *Càn-pha*, *Cham*.

<sup>e</sup> *Gia-phết*: bản cũ gọi *Gia-phần*, *Japhet*.

<sup>f</sup> Bản cũ, câu 30-31 như sau:

*Nhữ-yên*, nam tử hữu tam

*Càn-pha*, *Siêu-mộc*, *Gia-phần* tốt tươi.

<sup>g</sup> Tính từ A-dong, Ca-in, Ê-noc ... cho đến Lamech, Noe, một thời gian dài lối 1.500 năm.

<sup>h</sup> Nói sự sa đọa của loài người xuống quá thấp, từ nhân tính sụt xuống thú tính (thực tính và dục tính) cách trầm trọng.

### Bản phục chế đề nghị

*Lâm-mịch* khi có *Nhữ-y*,<sup>a</sup>

*Rằng: nguồn an ủi cho nghề canh nông.*

*Vì xưa do tội tổ tông, 261*

*Đất đai Chúa phạt nhọc công việc làm.*

*Nhữ-y* thân phụ *Sâm*, *Cang*,<sup>b</sup>

*Cùng là Gia-Phật* *siêng chăm luật trời.*

*Lược qua gia phả loài người, 265*

*Đem đạo vào đời khác tộc Càn-dinh.*

6

### ĐẠO TÂM ĐÃ MẮT NHÂN DỤC NÃO THIÊN

*Mười lăm thế kỷ mưu sinh*,

*Càn-dinh, Sĩ-thượng lập thành dân đông.*

*Đời thì vật chất thịnh cường.*

*Đạo thì trầm lặng theo đường tâm linh.*

*Đời thì gái sắc bọ hình 271*

*Đạo thì trai tráng làm tình đắm say.*

<sup>a</sup> *Dị bản* câu 259-260:

*La-mạch* vừa đẹp mộng hòe,

*Nhữ-yên* an ủi cho nghề ruộng nương

<sup>b</sup> *Dị bản* câu 263-264:

*Nhữ-yên*, nam tử hữu tam

*Càn-pha*, *Siêu-mộc*, *Gia-phần* tốt tươi.

### **Bản văn Kinh thánh**

của con người quả là nhiều trên mặt đất, và lòng nó chỉ toan tính những ý định xấu suốt ngày. <sup>6</sup> Đức Chúa hối hận vì đã làm ra con người trên mặt đất, và Người buồn rầu trong lòng. <sup>7</sup> Đức Chúa phán: “Ta sẽ xoá bỏ khỏi mặt đất con người mà Ta đã sáng tạo, từ con người cho đến gia súc, giống vật bò dưới đất và chim trời, vì Ta hối hận đã làm ra chúng.” <sup>8</sup> Nhưng ông Nô-ê được đẹp lòng Đức Chúa.

<sup>9</sup> Đây là gia đình ông Nô-ê: Ông Nô-ê là người công chính, hoàn hảo giữa những người đồng thời, và ông đi với Thiên Chúa. <sup>10</sup> Ông Nô-ê sinh ba con trai là Sêm, Kham và Gia-phét. <sup>11</sup> Đất đã ra hư hỏng trước nhan Thiên Chúa và đầy bạo lực. <sup>12</sup> Thiên Chúa nhìn đất và thấy nó đã ra hư hỏng, vì mọi xác phàm đã theo nếp sống hư hỏng trên mặt đất.

<sup>13</sup> Thiên Chúa phán với ông Nô-ê: “Ta đã quyết định giờ tận số của mọi xác phàm, vì tại chúng mà đất đầy bạo lực: này Ta sắp tiêu diệt chúng cùng với đất. <sup>14</sup> Người hãy làm cho mình một chiếc tàu bằng gỗ bách. Người sẽ làm tàu có những ngăn và lấy nhựa đen mà trám cả trong lẫn ngoài. <sup>15</sup> Người sẽ làm tàu thế này: chiều dài một trăm năm mươi thước, chiều rộng hai mươi lăm thước, chiều cao mười lăm thước. <sup>16</sup> Người sẽ làm

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

*Diễn ra cuộc sống họa tai,*

*Đua giàu trộm cướp, đấu tài chém đâm.*

*Làm cho lòng đạo sút dần, 275*

*Thánh thần Thượng-đế xa lần nhân gian.*

*Khiến nên tuổi thọ cũng tàn,*

*Sánh ra hơn kém trăm năm là cùng.*

<sup>3</sup> *Cao trào thế tục mở tung,*

*Danh hơn nổi tiếng anh hùng cao tay.*

<sup>4</sup> *Có nhiều tộc chủng to thầy, 281*

*Loạn hôn, sắc dục, tiền tài, giết nhau.*

<sup>5</sup> *Lập đoàn phản bội Trời cao,*

*Tôn thờ thần tượng, đủ màu dâm ô.*

*Giết nhau chiếm đoạt cõi bờ, 285*

*Mạnh ăn yếu chết, nước cờ lợi danh.*

<sup>6</sup> *Lộc trời vì đó giảm phần,*

*Cho nên âm họa tung hoành dương gian <sup>a</sup>.*

<sup>7</sup> *Loài người, vạn vật thú, cầm,*

*Không cần tu chính mà cần hủy tan.*

<sup>a</sup> Câu này do quan niệm đạo lý cổ thời: Dương gian cương thú tính, âm họa thịnh tai ương. Vì đó, mà các linh mục ngoại quốc thời tác giả cho là bốn sấm truyền ca bị ngoại giáo hoá.

### **Bản Paulus Tọa**

*Diễn ra cuộc sống họa tai,*

*Đua giàu trộm cướp, đấu tài chém đâm.*

<sup>3</sup> *Làm cho lòng đạo sút dần, 275*

*Thánh thần Thượng đế xa lần nhân gian.*

*Khiến nên tuổi thọ cũng tàn,*

*Sánh ra hơn kém trăm năm là cùng.*

<sup>4</sup> *Cao trào thế tục mở tung,*

*Danh nhân nổi tiếng, anh hùng cao tay.<sup>a</sup>*

*Có nhiều độc chủng to thầy,<sup>b</sup> 281*

*Loạn hôn,<sup>c</sup> sắc dục, tiền tài, giết nhau.*

<sup>5</sup> *Lập đoàn phản bội Trời cao,*

*Tôn thờ thần tượng đủ màu dâm ô.*

*Giết nhau chiếm đoạt cõi bờ, 285*

*Mạnh ăn yếu chết, nước cờ lợi danh.*

<sup>6</sup> *Lộc trời<sup>d</sup> vì đó giảm phần,*

*Cho nên âm họa<sup>e</sup> tung hoành dương gian.*

<sup>7</sup> *Loài người, vạn vật, thú cầm,*

*Không cần tu chính mà cần hủy tan.<sup>f</sup>*

<sup>a</sup> Xây dựng danh tiếng bằng vàng bạc của cải và gươm dao chém giết.

<sup>b</sup> Người có thân hình to lớn, người khổng lồ.

<sup>c</sup> Loạn hôn: không có luật lệ gì về hôn nhân, sống ô tạp về phái tính.

<sup>d</sup> Lộc trời: Phước lộc do công đức của người vì thiện chí thực hiện, nên được Thiên Chúa phù trợ ban thưởng.

<sup>e</sup> Âm họa: tai họa từ cõi âm, do loài ma quỷ đưa đến bởi tội ác của người tác động.

<sup>f</sup> Không thể sửa lại vì đã hư nát, cần hủy bỏ để lập lại thế giới mới.

### **Bản phục chế đề nghị**

*Diễn ra cuộc sống họa tai,*

*Đua giàu trộm cướp, đấu tài chém đâm.*

*Làm cho lòng đạo sút dần, 275*

*Thánh thần Thượng-đế xa lần nhân gian.*

*Khiến nên tuổi thọ cũng tàn,*

*Sánh ra hơn kém trăm năm là cùng.*

*Cao trào thế tục mở tung,*

*Danh hơn nổi tiếng anh hùng cao tay.*

*Có nhiều tộc chủng to thầy, 281*

*Loạn hôn, sắc dục, tiền tài, giết nhau.*

*Lập đoàn phản bội Trời cao,*

*Tôn thờ thần tượng, đủ màu dâm ô.*

*Giết nhau chiếm đoạt cõi bờ, 285*

*Mạnh ăn yếu chết, nước cờ lợi danh.*

*Lộc trời vì đó giảm phần,*

*Cho nên âm họa tung hoành dương gian.*

*Loài người, vạn vật thú, cầm,*

*Không cần tu chính mà cần hủy tan.*

**Bản văn Kinh thánh**

một cái mui che tàu, và đặt mui cách phía trên tàu nửa thước. Cửa tàu, người sẽ đặt ở bên hông; người sẽ làm tầng dưới, tầng giữa rồi tầng trên. <sup>17</sup> Phần Ta, Ta sắp cho hồng thủy, nghĩa là nước lụt, xuống trên đất, để tiêu diệt mọi xác phàm có sinh khí dưới gầm trời; mọi loài trên mặt đất sẽ tắt thở. <sup>18</sup> Nhưng Ta sẽ lập giao ước của Ta với người; người hãy vào tàu, người cùng với các con trai người, vợ người và vợ của các con trai người. <sup>19</sup> Trong mọi sinh vật, mọi xác phàm, người sẽ đưa vào tàu mỗi loại một đôi, để giữ cho chúng sống với người; phải có một con đực và một con cái. <sup>20</sup> Trong mỗi loại chim, mỗi loại gia súc, mỗi loại vật bò dưới đất, mỗi loại một đôi sẽ đến với người, để người giữ cho chúng sống. <sup>21</sup> Phần người, hãy lấy mọi thứ ăn được và tích trữ cho mình; đó sẽ là lương thực của người và của chúng.” <sup>22</sup> Ông Nô-ê đã làm như vậy; ông làm đúng như Thiên Chúa đã truyền cho ông.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>8</sup> Đòi làm đòi chịu đã đành. 291  
Nhữ-y công chính được phần ưu tiên.  
<sup>9</sup> Theo đường Thượng-đế trung kiên  
Dám đem đạo lý chiếu trên cuộc đời.  
<sup>10</sup> Thế nên gia đạo của người, 295  
Sâm, Cang, Gia-phật được Trời buông tha.  
<sup>11</sup> Thế gian nhục dục xấu xa,  
Không còn nhân phẩm, đã ra hư hèn.  
<sup>12</sup> Mọi loài xác thịt đua chen,  
Dâm loạn, đổ máu, đến phiên hạ màn.  
<sup>13</sup> Trời giao kế hoạch sẵn sàng, 301  
Nhữ-y tuân lệnh thi hành trước sau.  
<sup>14</sup> Chọn cây đóng một chiếc tàu,  
<sup>15</sup> Ba tầng cao rộng, cửa vào lối ngắn.  
<sup>16</sup> Dưới thì chắc chắn đàng hoàng, 305  
Trên thì thước tắc cân phân hậu tiền.  
<sup>17</sup> Vì con hồng thủy thao thiên,  
Các dân hủy diệt, các miền tiêu tan.  
<sup>18</sup> “Phần người thì được an toàn,  
Sẽ cùng gia đạo hành trang lên tàu.  
<sup>19</sup> Về phần sinh vật cho vào, 311  
Tùng đôi, từng cặp trước sau tùy loài:  
<sup>20</sup> Loài bò, loài chạy, loài bay ...  
<sup>21</sup> Cỏ rom, lương thực đủ đầy hộ thân.”  
Nhữ-y bá mạng tuân hành, 315  
Siêng năng chu đáo, khó khăn không rời.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>8</sup> Đòi làm đòi chịu đã đành, 291  
No-e công chính được phần ưu tiên.  
<sup>9</sup> Theo đường Thượng đế trung kiên,  
Dám đem đạo lý chiếu trên cuộc đời.  
<sup>10</sup> Thế nên gia đạo của người,<sup>a</sup> 295  
Sem, Cam, Gia-phét được Trời buông tha.  
<sup>11</sup> Trần gian nhục dục xấu xa,  
<sup>12</sup> Không còn nhân phẩm đã ra hư hèn.  
<sup>13</sup> Mọi loài xác thịt đua chen,  
Lợi quyền, tửu sắc, đến phiên hạ màn.  
<sup>14</sup> Trời giao kế hoạch sẵn sàng, 301  
No-e tuân lệnh thi hành trước sau.  
Chọn cây đóng một chiếc tàu,  
<sup>15</sup> Ba tầng cao rộng, cửa vào, lối ngắn.  
Dưới thì đà lót dọc ngang, 305  
<sup>16</sup> Trên thì thước tắc cân phân hậu tiền.  
<sup>17</sup> Vì con hồng thủy thao thiên,<sup>b</sup>  
Các dân hủy diệt, các miền nát tan  
<sup>18</sup> Phần người sẽ được an toàn,  
Hiệp cùng gia đạo hành trang lên tàu.  
<sup>19</sup> Về phần sinh vật cho vào, 311  
Tùng đôi, từng cặp trước sau tùy loài:  
<sup>20</sup> Loài bò, loài chạy, loài bay ...  
<sup>21</sup> Cỏ rom, lương thực đủ đầy hộ thân.  
<sup>22</sup> No-e bá mạng tuân hành, 315  
Siêng năng nỗ lực, khó khăn không rời.

<sup>a</sup> Bốn câu 10 viết như sau:  
Thế nên gia đạo của người,  
Cùng ba nam tử được Trời buông tha.  
<sup>b</sup> Lụt ngập toàn diện.

**Bản phục chế đề nghị**

Đòi làm đòi chịu đã đành. 291  
Nhữ-y công chính được phần ưu tiên.  
Theo đường Thượng-đế trung kiên  
Dám đem đạo lý chiếu trên cuộc đời.  
Thế nên gia đạo của người,<sup>a</sup> 295  
Cùng ba nam tử được Trời buông tha.  
Thế gian nhục dục xấu xa,  
Không còn nhân phẩm, đã ra hư hèn.  
Mọi loài xác thịt đua chen,  
Dâm loạn, đổ máu, đến phiên hạ màn.  
Trời giao kế hoạch sẵn sàng, 301  
Nhữ-y tuân lệnh thi hành trước sau.  
Chọn cây đóng một chiếc tàu,  
Ba tầng cao rộng, cửa vào lối ngắn.  
Dưới thì chắc chắn đàng hoàng 305  
Trên thì thước tắc cân phân hậu tiền.  
Vì con hồng thủy thao thiên,  
Các dân hủy diệt, các miền tiêu tan.  
“Phần người thì được an toàn,  
Sẽ cùng gia đạo hành trang lên tàu.  
Về phần sinh vật cho vào, 311  
Tùng đôi, từng cặp trước sau tùy loài:  
Loài bò, loài chạy, loài bay ...  
Cỏ rom, lương thực đủ đầy hộ thân.”  
Nhữ-y bá mạng tuân hành, 315  
Siêng năng chu đáo, khó khăn không rời.

<sup>a</sup> Dị bản câu 295-296:  
Thế nên gia đạo của người,  
Sâm, Cang, Gia-phật được Trời buông tha.

<sup>1</sup> Đức Chúa phán bảo ông Nô-ê: "Người hãy vào tàu, người và cả nhà người, vì Ta chỉ thấy người là người công chính trước nhan Ta trong thế hệ này. <sup>2</sup> Trong mọi loài vật thanh sạch, người sẽ lấy bảy đôi, con đực và con cái, còn trong các loài vật không thanh sạch, thì một đôi, con đực và con cái, <sup>3</sup> trong các loài chim trời cũng lấy bảy đôi, trống và mái, để giữ giống trên khắp mặt đất. <sup>4</sup> Vì bảy ngày nữa Ta sẽ đổ mưa xuống đất trong vòng bốn mươi ngày bốn mươi đêm, và Ta sẽ xoá bỏ khỏi mặt đất mọi loài Ta đã làm ra." <sup>5</sup> Ông Nô-ê làm đúng như Đức Chúa đã truyền. <sup>6</sup> Ông Nô-ê được sáu trăm tuổi khi hồng thủy, nghĩa là nước lụt, xảy đến trên mặt đất. <sup>7</sup> Để tránh nước hồng thủy, ông Nô-ê vào tàu cùng với các con trai ông, vợ ông và vợ của các con trai ông. <sup>8</sup> Trong các loài vật thanh sạch và các loài vật không thanh sạch, trong các loài chim và mọi loài vật bò dưới đất, <sup>9</sup> cứ từng đôi, đực và cái, đến với ông Nô-ê mà vào tàu, như Thiên Chúa đã truyền cho ông Nô-ê. <sup>10</sup> Bảy ngày sau, nước hồng thủy tràn trên mặt đất. <sup>11</sup> Năm sáu trăm đời ông Nô-ê, tháng hai, ngày mười bảy tháng ấy, vào ngày đó, tất cả các mạch nước của vực thẳm vĩ đại bật tung, các cổng trời mở toang. <sup>12</sup>

<sup>1</sup> Từng làm sáng tỏ đạo trời,  
Khi lâm biến cố có Người chở che.  
Như trong trường hợp Nhữ-y.  
Đại họa đến kề, gia đạo an vui.  
<sup>2</sup> Chim trời vật sạch bảy đôi, 321  
<sup>3</sup> Thủy đều bảo vệ giống nòi mai sau.  
<sup>4</sup> Một tuần chuẩn bị qua mau,  
Khắp trời vãn vũ bắt đầu đổ mưa.  
<sup>5</sup> Thọ sinh các loại không chừa, 325  
Bốn mươi ngày chắn nước vừa non cao  
<sup>6</sup> Hoàn toàn nhiệm vụ phú giao,  
Nhữ-tộc <sup>a</sup> vào tàu, tuổi được sáu trăm.  
<sup>7</sup> Bên ngoài sóng gió tung hoành,  
Thạnh cường hành thủy, ngập tràn núi non.  
<sup>8</sup> Nhữ-y, sinh vật bên trong, 331  
<sup>9</sup> Cửa tàu đóng chặt, bình bồng mà yên.  
<sup>10</sup> Một tuần lũ lụt dung lên,  
Cả và mặt đất đã chìm dưới sâu.

<sup>a</sup> Nhữ-tộc, dòng dõi ông Nhữ-y gồm ba con trai: Sâm, Cang, Gia-phật và ba nàng dâu.

<sup>1</sup> Từng làm sáng tỏ đạo trời,  
Khi lâm biến cố có Người chở che.  
Như trong trường hợp No-e,  
Đại họa đến kề, gia đạo an vui.<sup>a</sup>  
<sup>2</sup> Chim trời vật sạch bảy đôi, 321  
<sup>3</sup> Thủy đều bảo vệ giống nòi mai sau.  
<sup>4</sup> Một tuần chuẩn bị qua mau  
Khắp trời vãn vũ bắt đầu đổ mưa.  
**Thọ sinh chết hết không chừa** <sup>b</sup> 325  
Bốn mươi ngày <sup>c</sup> chắn nước vừa non cao.  
<sup>5</sup> Hoàn toàn nhiệm vụ **phó** giao,  
<sup>6</sup> **No-e** vào tàu tuổi được sáu trăm.  
<sup>7</sup> Bên ngoài sóng gió tung hoành  
Thạnh cường hành thủy **chảy** tràn núi non.  
<sup>8</sup> **No-e**, sinh vật bên trong, 331  
<sup>9</sup> Cửa tàu đóng chặt, **bệnh** bồng **vãn** yên.  
<sup>10</sup> Một tuần lũ lụt dung lên  
Cả và mặt đất đã chìm dưới sâu.

<sup>a</sup> Câu 1, bản cũ viết:

Từng làm sáng tỏ đạo Trời,  
Khi lâm biến cố có Người chở che  
Nhữ-yên thành tín mọi bề,  
Đại họa đến kề, gia đạo an vui.

<sup>b</sup> Thọ sinh: Các loài được Đấng Tạo hóa sinh dựng.

<sup>c</sup> Nước mưa tuôn xuống luôn luôn 40 ngày đêm.

## HỒNG THỦY THAO THIÊN MUÔN LOÀI HỦY DIỆT

Từng làm sáng tỏ đạo Trời,  
Khi lâm biến cố có Người chở che  
**Nhữ-y thành tín mọi bề,<sup>a</sup>**  
Đại họa đến kề, gia đạo an vui.  
Chim trời vật sạch bảy đôi, 321  
Thủy đều bảo vệ giống nòi mai sau.  
Một tuần chuẩn bị qua mau,  
Khắp trời vãn vũ bắt đầu đổ mưa.  
Thọ sinh các loại không chừa, 325  
Bốn mươi ngày chắn nước vừa non cao  
Hoàn toàn nhiệm vụ phú giao,  
Nhữ-tộc vào tàu, tuổi được sáu trăm.  
Bên ngoài sóng gió tung hoành,  
Thạnh cường hành thủy, ngập tràn núi non.  
Nhữ-y, sinh vật bên trong, 331  
Cửa tàu đóng chặt, bình bồng mà yên.  
Một tuần lũ lụt dung lên,  
Cả và mặt đất đã chìm dưới sâu.

<sup>a</sup> Dị bản câu 319:

Như trong trường hợp Nhữ Y



### Bản văn Kinh thánh

Mưa đổ xuống đất bốn mươi ngày bốn mươi đêm.

<sup>13</sup> Chính ngày đó, ông Nô-ê vào tàu với các con trai ông là Sêm, Kham, Gia-phét, cùng với họ có vợ ông và ba người vợ của các con trai ông, <sup>14</sup> cũng như mọi loài vật, mọi loài gia súc, mọi loài vật bò dưới đất, mọi loài chim chóc, mọi vật có cánh. <sup>15</sup> Chúng đến với ông Nô-ê trên tàu, cứ từng đôi một, thuộc mọi xác phàm có sinh khí. <sup>16</sup> Chúng đi vào, một đực một cái thuộc mọi xác phàm; chúng đi vào, theo như Thiên Chúa đã truyền cho ông Nô-ê. Rồi Đức Chúa đóng cửa lại sau khi ông vào.

<sup>17</sup> Cơn hồng thủy kéo dài bốn mươi ngày trên mặt đất. Nước tăng thêm và nâng tàu lên, khiến tàu ở cao hơn mặt đất. <sup>18</sup> Nước dâng và tăng thêm nhiều trên mặt đất, và tàu lênh đênh trên mặt nước.

<sup>19</sup> Nước dâng lên ngày càng nhiều trên mặt đất, và mọi núi cao khắp nơi dưới gầm trời đều bị phủ lấp.

<sup>20</sup> Nước dâng lên cao hơn núi bảy thước khiến núi bị phủ lấp. <sup>21</sup> Mọi xác phàm di động trên mặt đất đều tắt thở: chim chóc, gia súc, thú vật, mọi vật lúc nhúc trên mặt đất, và mọi người. <sup>22</sup> Mọi loài có sinh khí trong lỗ mũi, mọi loài ở trên cạn đều chết hết. <sup>23</sup> Đức Chúa xoá bỏ mọi loài có trên mặt đất, từ con người cho đến gia súc, giống vật bò dưới đất và chim trời; chúng bị xoá bỏ khỏi mặt đất, chỉ còn lại ông Nô-ê và những gì ở trong tàu với ông. <sup>24</sup> Nước dâng lên trên mặt đất suốt một trăm năm mươi ngày.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>11</sup> Nhiều luồng nước cuộn ào ào, 335

Thành trì, nhà cửa lật nhào cuốn đi.

Lệnh bênh các thứ tử thi,

Sóng cuồng đưa tới biên thủy xa xăm.

Côn trùng, tẩu thú, phi cầm,

Loài người bất cứ nữ, nam, trẻ, già.

Đến loài thảo mộc, cỏ hoa, 341

Cơ đồ sản nghiệp người ta dựng gầy.

Núi non hùng vĩ trời mây,

Chẳng gì tồn tại, lụt nầy diệt tan.

Bể dâu, dâu bể kinh hoàng,<sup>a</sup> 345

Riêng tàu vẫn được bình an từ đầu,

Nước cao, tàu cũng lên cao,

Đùng đùng sóng gió chẳng nao núng gì,

Linh tinh, mặt nước xanh rì,

Tĩnh hơn năm tháng từ khi thủy nàn.

<sup>a</sup> Tác giả diễn tả một biến cố tiêu diệt toàn diện trái đất hơn là bản dịch Kinh thánh Cựu ước.

### Bản Paulus Tọa

<sup>\*11</sup> Nhiều luồng nước cuộn ào ào, 335

<sup>12</sup> Thành trì, nhà cửa lật nhào cuốn đi.

<sup>13</sup> Lệnh bênh các thứ tử thi,

<sup>14</sup> Sóng cuồng đưa đến biên thủy xa xăm.<sup>a</sup>

<sup>15</sup> Côn trùng, tẩu thú, phi cầm,

<sup>16</sup> Loài người bất cứ nữ nam trẻ già.

<sup>17</sup> Đến loài thảo mộc **bông** hoa, 341

<sup>18</sup> Cơ đồ sản nghiệp người ta dựng gầy,

<sup>19</sup> Núi non hùng vĩ trời mây,

<sup>20</sup> Chẳng gì tồn tại, lụt nầy **phá** tan.

<sup>21</sup> Bể dâu, dâu bể kinh hoàng,<sup>b</sup> 345

<sup>22</sup> Riêng tàu vẫn được bình an từ đầu.

Nước cao, tàu cũng lên cao,

<sup>23</sup> Đùng đùng sóng gió chẳng nao núng gì.

**Linh đĩnh** mặt nước xanh rì,

<sup>24</sup> Tĩnh hơn năm tháng từ khi thủy nàn.

<sup>a</sup> Xác người, xác thú vật trôi giạt đến phương trời vô định.

<sup>b</sup> Trận lụt nầy đã thay đổi toàn diện mặt đất, nơi làng mạc thành quách dân cư thì trở nên sông biển mênh mông và ngược lại, chỗ sông biển trở nên đất cạn.

### Bản phục chế đề nghị

Nhiều luồng nước cuộn ào ào, 335

Thành trì, nhà cửa lật nhào cuốn đi.

Lệnh bênh các thứ tử thi,

Sóng cuồng đưa tới biên thủy xa xăm.

Côn trùng, tẩu thú, phi cầm,

Loài người bất cứ nữ, nam, trẻ, già.

Đến loài thảo mộc, cỏ hoa, 341

Cơ đồ sản nghiệp người ta dựng gầy.

Núi non hùng vĩ trời mây,

Chẳng gì tồn tại, lụt nầy diệt tan.

Bể dâu, dâu bể kinh hoàng, 345

Riêng tàu vẫn được bình an từ đầu,

Nước cao, tàu cũng lên cao,

Đùng đùng sóng gió chẳng nao núng gì,

Linh tinh, mặt nước xanh rì,

Tĩnh hơn năm tháng từ khi thủy nàn.

<sup>1</sup> Thiên Chúa nhớ đến ông Nô-ê, mọi thú vật và mọi gia súc ở trong tàu với ông. Thiên Chúa cho gió thổi ngang qua đất, và nước hạ xuống. <sup>2</sup> Các mạch nước của vực thẳm và các cống trời đóng lại; trời tạnh mưa. <sup>3</sup> Nước từ từ rút khỏi mặt đất; hết một trăm năm mươi ngày thì nước xuống. <sup>4</sup> Vào tháng bảy, ngày mười bảy tháng ấy, tàu đậu lại trên vùng núi A-ra-rát. <sup>5</sup> Nước tiếp tục xuống cho đến tháng mười; và ngày mồng một tháng mười, các đỉnh núi xuất hiện. <sup>6</sup> Hết bốn mươi ngày, ông Nô-ê mở cửa sổ ông đã làm trên tàu, <sup>7</sup> và ông thả con quạ ra. Nó bay ra, lượn đi lượn lại cho đến khi nước khô trên mặt đất. <sup>8</sup> Rồi từ trong tàu ông lại thả con bồ câu, để xem nước đã giảm trên mặt đất chưa. <sup>9</sup> Nhưng con bồ câu không tìm được chỗ đậu chân, nên trở về tàu với ông, vì còn nước trên khắp mặt đất. Ông bèn giơ tay bắt lấy nó mà đưa vào trong tàu với ông. <sup>10</sup> Ông đợi thêm bảy ngày, rồi thả con bồ câu ra khỏi tàu một lần nữa. <sup>11</sup> Vào buổi chiều, con bồ câu trở về với ông, và kìa trong mỏ nó có một nhánh lá ô-liu tươi! Ông Nô-ê biết là nước đã giảm trên mặt đất. <sup>12</sup> Ông lại đợi thêm bảy ngày, rồi thả con bồ câu ra, nhưng nó không trở về với ông nữa.

<sup>1</sup> Lịnh trời khiến gió phía nam, 351  
Rùng rùng thổi tới, mây tan tan dần.  
<sup>3</sup> Những giòng nước cũng hạ dần,  
<sup>4</sup> Hăm bảy tháng bảy tàu đang mất đà,  
Cạn trên dãy núi Am-nha <sup>a</sup>, 355  
<sup>5</sup> Tháng mười nước xuống bày ra sườn đồi.  
Đếm ngày đã được bốn mươi,  
Nhữ-y thả quạ thử coi tình hình,  
Quạ đi từ đó biệt tin,  
Bồ câu thả tiếp, không tìm được chi,  
Bay đi rồi lại bay về, 361  
Đáp bên cửa sổ, Nhữ-y bắt vào.  
<sup>10</sup> Thả ra, qua bảy ngày sau,  
<sup>11</sup> Chiều về, tha được cây dầu ô-liu <sup>b</sup>.  
Nhữ-y biết nước rút nhiều, 365  
Nhưng chờ tuần nữa, cạn đều khắp nơi.  
Bồ câu cũng thả ra coi,  
Phen này thảng cảnh, vui chơi phương nào.  
<sup>13</sup> Tháng giêng, trở mái trên tàu,  
Nhìn ra bốn phía một màu ráo khô.

<sup>a</sup> Am-nha, la-ngữ Armenia, địa danh vùng cao nguyên gần Nga-la-tu hiện nay (Arménie russe).

<sup>b</sup> Ô-liu, la-ngữ Oliva, tên loài cây lớn có chất dầu thông dụng, thổ sản vùng Trung-đông

<sup>1</sup> Lịnh trời khiến gió phía nam, 351  
<sup>2</sup> Rùng rùng thổi đến mây tan, tan dần.  
<sup>3</sup> Những giòng nước cũng hạ **lần**,  
<sup>4</sup> Hăm bảy tháng bảy tàu đang mất đà.  
Cạn trên dãy núi Am-nha <sup>a</sup> 355  
<sup>5</sup> Tháng mười nước xuống bày ra sườn đồi.  
<sup>6</sup> Đếm ngày đã được bốn mươi,  
**No-e** thả quạ thử coi tình hình.  
<sup>7</sup> Quạ đi từ đó biệt tin,  
<sup>8</sup> Bồ câu thả tiếp không tìm được chi.  
<sup>9</sup> Bay đi rồi lại bay về, 361  
Đáp bên cửa sổ **No-e** bắt vào.<sup>b</sup>  
<sup>10</sup> Thả ra, qua bảy ngày sau,  
<sup>11</sup> Chiều về tha **tượng** cây dầu ô-liu.  
<sup>12</sup> **No-e** biết nước rút nhiều, 365  
**Chờ thêm tuần nữa, cạn đều khắp nơi.**  
Bồ câu cũng thả ra coi,  
Phen này **thảng cảnh** vui chơi phương nào.  
<sup>13</sup> Tháng giêng trở mái trên tàu,  
Nhìn ra bốn phía một màu ráo khô.

<sup>a</sup> Am-nha: núi vùng Armenia.

<sup>b</sup> Câu 9, bản cũ viết:

Bay đi rồi lại bay về  
Nhữ-yên mở cửa, vuốt ve đem vào.

## NO-E KHỎI CHẾT THÀNH LẬP TẾ ĐÀN

Lịnh trời khiến gió phía nam, 351  
Rùng rùng thổi tới, mây tan tan dần.  
Những dòng nước cũng hạ dần,  
Hăm bảy tháng bảy tàu đang mất đà,  
Cạn trên dãy núi Am-nha, 355  
Tháng mười nước xuống bày ra sườn đồi.  
Đếm ngày đã được bốn mươi,  
Nhữ-y thả quạ thử coi tình hình,  
Quạ đi từ đó biệt tin,  
Bồ câu thả tiếp, không tìm được chi,  
Bay đi rồi lại bay về, 361  
**Nhữ-y mở cửa, vuốt ve đem vào.** <sup>a</sup>  
Thả ra, qua bảy ngày sau,  
Chiều về, tha được cây dầu ô-liu.  
Nhữ-y biết nước rút nhiều, 365  
Nhưng chờ tuần nữa, cạn đều khắp nơi.  
Bồ câu cũng thả ra coi,  
Phen này thảng cảnh, vui chơi phương nào.  
Tháng giêng, trở mái trên tàu,  
Nhìn ra bốn phía một màu ráo khô.

<sup>a</sup> Dị bản câu 362:

Đáp bên cửa sổ, Nhữ-y bắt vào.

### Bản văn Kinh thánh

<sup>13</sup> Năm sáu trăm lẻ một đời ông Nô-ê, tháng giêng, ngày mồng một tháng ấy, nước đã khô ráo trên mặt đất. Ông Nô-ê dỡ mái tàu ra và thấy mặt đất đã khô ráo.

<sup>14</sup> Tháng hai, ngày hai mươi bảy tháng ấy, đất đã khô.

<sup>15</sup> Thiên Chúa phán với ông Nô-ê rằng: <sup>16</sup> “Người hãy ra khỏi tàu cùng với vợ người, các con trai người và vợ của các con trai người. <sup>17</sup> Mọi loài vật ở với người, tất cả những gì là xác phàm: chim chóc, gia súc, mọi giống vật bò dưới đất, người hãy đưa chúng ra với người; chúng phải lúc nhúc trên mặt đất, phải sinh sôi nảy nở thật nhiều trên mặt đất.” <sup>18</sup> Ông Nô-ê ra khỏi tàu cùng với các con trai ông, vợ ông và vợ của các con trai ông. <sup>19</sup> Mọi loài vật, mọi gia súc, mọi chim chóc, mọi vật bò dưới đất ra khỏi tàu, theo từng giống.

<sup>20</sup> Ông Nô-ê dựng một bàn thờ để kính Đức Chúa. Ông đã lấy một số trong các gia súc thanh sạch và các loài chim thanh sạch mà dâng làm lễ toàn thiêu trên bàn thờ. <sup>21</sup> Đức Chúa ngửi mùi thơm ngon, và Đức Chúa tự nhủ: “Ta sẽ không bao giờ nguyên rủa đất đai vì con người nữa. Lòng con người toan tính điều xấu từ khi còn trẻ, nhưng Ta sẽ không bao giờ còn sát hại mọi sinh vật như Ta đã làm!

<sup>22</sup> Bao lâu đất này còn, thì mùa gieo mùa gặt, trời lạnh và trời nóng, tiết hạ và tiết đông, ban ngày và ban đêm, sẽ không ngừng đổi.”

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>14</sup> Tháng hai, hăm bảy, bảy giờ, 371

Đất đai bùng sống, cõi bờ phục hưng.

<sup>15</sup> Kể ra biển cỏ đã ngừng,

<sup>16</sup> Nhữ-y thừa lệnh chín từng truyền qua.

<sup>17</sup> Khai tàu, sinh vật thả ra, 375

Loài nào thú nầy âu ca thoát nạn.

Chim trời tung cánh bốn phang,

Thú rừng, súc vật hân hoan đắc thời.

<sup>18</sup> Nhữ-y, gia đạo các người,

<sup>19</sup> Cùng nhau làm lại cuộc đời tốt hơn.

<sup>20</sup> Nhữ-y hiệp với ba con, 381

Đặt bàn hương án đáp ơn danh Trời,

Toàn thiêu lễ tế rạng ngời,

<sup>21</sup> Nhậm lòng, Thượng-đế phán lời ủi an:

“Từ đây đối với thế gian, 385

Không vì nhân loại, tan hoang thế nầy.

Bởi đời phản bội lẽ ngay,

Muôn loài cầm thú mang tai số phần.<sup>a</sup>

<sup>22</sup> Không còn tái diễn khốn nạn,

Địa cầu còn đó, ngũ hành còn đây,

Tứ thời bát tiết vẫn xây, 391

Mùa màng cây gặt, đêm ngày luân phiên.”

<sup>a</sup> Trong dân gian thời đó, cũng có câu tương tự: “Thú cầm số mạng tùy nhân lập, Hoạ phúc giải do nghiệp báo lai.” Linh mục Phao-lô Qui xưa có phê bình Sám truyền ca nầy không hoàn toàn là bản dịch bèn là tác phẩm dựa Kinh thánh sáng tác theo ý tác giả!

### Bản Paulus Tọa

<sup>14</sup> Tháng hai hăm bảy, bảy giờ, 371

Đất đai vui sống, cõi bờ phục hưng.

<sup>15</sup> Kể ra biển cỏ đã ngừng,

<sup>16</sup> No-e thừa lệnh chín từng truyền qua.

<sup>17</sup> Khai tàu, sinh vật thả ra, 375

Loài nào thú nầy âu ca thoát nạn.

Chim trời tung cánh bốn phang,

Thú rừng, súc vật hân hoan đắc thời.

<sup>18</sup> No-e, gia đạo các người,

<sup>19</sup> Cùng nhau làm lại cuộc đời tốt hơn.

<sup>20</sup> No-e hiệp với ba con, 381

Dựng bàn hương án đáp ơn danh Trời.<sup>a</sup>

Toàn thiêu lễ tế rạng ngời,

<sup>21</sup> Nhậm lòng, Thượng đế phán lời ủi an:

“Từ đây đối với dương gian, 385

Không vì nhân loại tan hoang thế nầy.

Bởi đời phản bội lẽ ngay

Muôn loài cầm thú mang tai số phần.<sup>b</sup>

<sup>22</sup> Không còn tái diễn khốn nạn,

Địa cầu còn đó, ngũ hành còn đây.

Tứ thời bát tiết vẫn xây, 391

Mùa màng cây gặt, đêm ngày luân phiên.”

<sup>a</sup> Dựng bàn thờ, giết sinh vật theo thói tục tổ tiên, dùng lửa đốt hết dựng lên Thiên Chúa, để tỏ lòng biết ơn Người đã cứu mình và cả gia đình qua khỏi một đại nạn kinh khủng.

<sup>b</sup> Vì tội lỗi loài người mà cầm thú thảo mộc bị vạ lây. Rày Thiên Chúa cam kết không còn xảy ra như vậy nữa.

### Bản phục chế đề nghị

Tháng hai, hăm bảy, bảy giờ, 371

Đất đai bùng sống, cõi bờ phục hưng.

Kể ra biển cỏ đã ngừng,

Nhữ-y thừa lệnh chín từng truyền qua.

Khai tàu, sinh vật thả ra, 375

Loài nào thú nầy âu ca thoát nạn.

Chim trời tung cánh bốn phang,

Thú rừng, súc vật hân hoan đắc thời.

Nhữ-y, gia đạo các người,

Cùng nhau làm lại cuộc đời tốt hơn.

Nhữ-y hiệp với ba con, 381

Đặt bàn hương án đáp ơn danh Trời,

Toàn thiêu lễ tế rạng ngời,

Nhậm lòng, Thượng-đế phán lời ủi an:

“Từ đây đối với thế gian, 385

Không vì nhân loại, tan hoang thế nầy.

Bởi đời phản bội lẽ ngay,

Muôn loài cầm thú mang tai số phần.

Không còn tái diễn khốn nạn,

Địa cầu còn đó, ngũ hành còn đây,

Tứ thời bát tiết vẫn xây, 391

Mùa màng cây gặt, đêm ngày luân phiên.”

<sup>1</sup> Thiên Chúa ban phúc lành cho ông Nô-ê và các con ông, và Người phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất. <sup>2</sup> Mọi dã thú, mọi chim trời, mọi giống vật bò dưới đất, và mọi cá biển sẽ phải kính hãi khiếp sợ các ngươi: chúng được trao vào tay các ngươi. <sup>3</sup> Mọi loài di động và có sự sống sẽ là lương thực cho các ngươi; Ta ban cho các ngươi tất cả những thứ đó, cũng như đã ban cỏ xanh tươi. <sup>4</sup> Tuy nhiên các ngươi không được ăn thịt với mạng sống của nó, tức là máu. <sup>5</sup> Nhưng Ta sẽ đòi mỗi con vật phải đền nợ máu các ngươi, tức là mạng sống của các ngươi; Ta sẽ đòi con người phải đền nợ máu, Ta sẽ đòi mỗi người phải đền mạng sống của người anh em mình. <sup>6</sup> Ai đổ máu con người, thì máu nó sẽ bị con người đổ ra, vì Thiên Chúa đã làm ra con người theo hình ảnh Thiên Chúa. <sup>7</sup> Về phần các ngươi, hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, hãy lan tràn và nảy nở thật nhiều trên mặt đất.” <sup>8</sup> Thiên Chúa phán với ông Nô-ê và các con ông đang ở với ông rằng: <sup>9</sup> “Đây Ta lập giao ước của Ta với các ngươi, với dòng dõi các ngươi sau này, <sup>10</sup> và tất cả mọi sinh vật ở với các ngươi: chim chóc, gia súc, dã thú ở với các ngươi, nghĩa là mọi vật ở trong tàu đi ra, kể cả dã thú. <sup>11</sup> Ta lập giao ước của Ta với các ngươi: mọi xác phàm sẽ không còn bị nước hồng thủy huỷ diệt, và

<sup>1</sup> “Đã từng vạn sự do Thiên,  
Vây thì gầy dựng, khắp miền xương minh.  
<sup>2</sup> Thú, cầm, thủy tộc nép mình, <sup>395</sup>  
Con người vẫn được tự tình sinh nhai.  
<sup>3</sup> Đến loài rau đậu cỏ cây,  
<sup>4</sup> Ngoại trừ huyết vật, nương tay chớ dùng.  
<sup>5</sup> Máu, đền nợ máu không dung,  
<sup>6</sup> Nhứt là sinh mạng cùng chung giống nòi.  
<sup>7</sup> Cao-xanh <sup>b</sup> đại lượng hằng soi. <sup>401</sup>  
Thuận thiên thức giả, xây đời hanh thông”.  
<sup>8</sup> Biết chẳng cái lẽ tồn, vong,  
Thì đây giao ước Trời cùng Nhữ-y:  
<sup>9</sup> “Ngươi và miêu duệ vung nghe, <sup>405</sup>  
<sup>10</sup> Từ nay, thủy lạo chẳng hề bạo xung.  
<sup>11</sup> Kể luôn sinh vật sống chung,  
Nhờ ngươi, chúng được khoan dung sinh tồn.  
<sup>12</sup> Trên mây xuất hiện cầu-vồng <sup>c</sup>,  
<sup>13</sup> Đó là ấn tín lòng nhơn của Trời.

<sup>a</sup> Câu 2 và 3 nói lên việc Thiên Chúa cho phép con người: có quyền sử dụng các loài tôm cá, chim trời, súc vật, rau đậu. Chúng nó phải nép mình theo khuôn khổ của loài người. Xưa có câu: Nhân sinh tự lực, vật tự cảnh trình (Người sống tự sức lực làm ..., còn sinh vật phải tùy hoàn cảnh, từng người)

<sup>b</sup> Cao-Xanh, từ văn chương thời xưa, tác giả dùng chỉ Thiên-Chúa, cho tác phẩm văn vần đỡ nặng nề và nghèo chữ. Các linh mục ngoại quốc thời đó chê thấy cả Lữ-y Đuan hiểu biết Thiên Chúa cách mơ hồ vì thiếu thần-học

<sup>c</sup> Chữ Cầu-vồng: thấy trong bốn của linh mục Phao-lô Qui có dấu gạch sửa lại là mống tròn. Không rõ tác giả xưa dùng chữ nào.

<sup>1</sup> Đã từng **quyền lực** do Thiên,  
Vây thì **tái lập** khắp miền xương minh.  
<sup>2</sup> Thú cầm, thủy tộc nép mình, <sup>395</sup>  
Con người vẫn được tự tình sinh nhai,<sup>a</sup>  
<sup>3</sup> Đến loài rau đậu cỏ cây,  
<sup>4</sup> Ngoại trừ huyết vật nương tay chớ dùng.<sup>b</sup>  
<sup>5</sup> Máu đền nợ máu không dung,  
<sup>6</sup> Nhứt là sinh mạng cùng chung giống nòi.  
<sup>7</sup> Cao xanh đại lượng hằng soi. <sup>401</sup>  
Thuận thiên trí giả, xây đời hanh thông.  
<sup>8</sup> Biết chẳng cái lẽ tồn vong,  
Thì đây giao ước Trời cùng **No-e**.<sup>c</sup>  
<sup>9</sup> Ngươi và miêu duệ vung nghe, <sup>405</sup>  
<sup>10</sup> Từ đây thủy lạo chẳng hề bạo xung.  
<sup>11</sup> Kể luôn sinh vật sống chung,  
Nhờ ngươi chúng được khoan dung sinh tồn.  
<sup>12</sup> Trên mây xuất hiện cầu vồng,  
Đó là ấn tín lòng nhơn của Trời.

<sup>a</sup> Loài người được dùng sinh vật, cỏ cây để nuôi sống mình.

<sup>b</sup> Luật xưa cấm ăn máu huyết, vì đó là gốc sự sống (Lv 17,14)

<sup>c</sup> Câu thứ 8 theo bản cũ viết:

Biết chẳng cái lẽ tồn vong,  
Nhữ-yên được Đáng Chí nhân giao thê.

## THƯỢNG ĐẾ GIAO HÒA CAM, KHA BẤT HIỂU

“Đã từng vạn sự do Thiên,  
Vây thì gầy dựng, khắp miền xương minh.  
Thú, cầm, thủy tộc nép mình, <sup>395</sup>  
Con người vẫn được tự tình sinh nhai.  
Đến loài rau đậu cỏ cây,  
Ngoại trừ huyết vật, nương tay chớ dùng.  
Máu đền nợ máu không dung,  
Nhứt là sinh mạng cùng chung giống nòi.  
Cao-xanh đại lượng hằng soi. <sup>401</sup>  
Thuận thiên thức giả, xây đời hanh thông”.  
Biết chẳng cái lẽ tồn, vong,  
**Nhữ-y được Đáng Chí nhân giao thê**.<sup>a</sup>  
“Ngươi và miêu duệ vung nghe, <sup>405</sup>  
Từ nay, thủy lạo chẳng hề bạo xung.  
Kể luôn sinh vật sống chung,  
Nhờ ngươi, chúng được khoan dung sinh tồn.  
Trên mây xuất hiện cầu-vồng <sup>b</sup>,  
Đó là ấn tín lòng nhơn của Trời.

<sup>a</sup> **Dị bản** câu 404:

Thì đây giao ước Trời cùng Nhữ-y:

<sup>b</sup> Linh mục Phao-lô Qui sửa lại là mống tròn, ăn vẫn hơn với cầu trên và cầu dưới, nhưng cần giữ lại chữ chưa sửa : Cầu vồng.

### Bản văn Kinh thánh

cũng sẽ không còn có hồng thủy để tàn phá mặt đất nữa.”

<sup>12</sup> Thiên Chúa phán: “Đây là dấu hiệu giao ước Ta đặt giữa Ta với các người, và với mọi sinh vật ở với các người, cho đến muôn thế hệ mai sau: <sup>13</sup> Ta gác cây cung của Ta lên mây, và đó sẽ là dấu hiệu giao ước giữa Ta với cõi đất. <sup>14</sup> Khi Ta cho mây kéo đến trên mặt đất và cây cung xuất hiện trong mây, <sup>15</sup> Ta sẽ nhớ lại giao ước giữa Ta với các người, và với mọi sinh vật, nghĩa là với mọi xác phàm; và nước sẽ không còn trở thành hồng thủy để tiêu diệt mọi xác phàm nữa. <sup>16</sup> Cây cung sẽ ở trong mây. Ta sẽ nhìn nó để nhớ lại giao ước vĩnh cửu giữa Thiên Chúa với mọi sinh vật, nghĩa là với mọi xác phàm ở trên mặt đất.”

<sup>17</sup> Thiên Chúa phán với ông Nô-ê: “Đó là dấu của giao ước Ta đã lập giữa Ta với mọi xác phàm ở trên mặt đất.”

<sup>18</sup> Các con trai ông Nô-ê ra khỏi tàu là: Sêm, Kham và Gia-phết; ông Kham là cha của ông Ca-na-an. <sup>19</sup> Ba ông này là con trai ông Nô-ê, và con cháu họ phân tán ra khắp mặt đất.

<sup>20</sup> Ông Nô-ê làm nghề nông, ông là người thứ nhất trồng nho. <sup>21</sup> Ông uống rượu say và nằm trần truồng giữa lều. <sup>22</sup> Ông Kham, cha ông Ca-na-an, thấy chỗ kín của cha mình và báo cho hai anh ở ngoài biết. <sup>23</sup> Ông Sêm và ông Gia-phết lấy cái áo choàng, cả hai đặt áo lên vai mình, rồi đi giật lùi mà che chỗ kín của cha. Mặt họ quay về phía sau, nên họ không trông thấy chỗ kín của cha. <sup>24</sup> Khi tỉnh rượu, ông Nô-ê hay biết điều mà đứa con nhỏ nhất

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>14</sup> Từ nay cho đến muôn đời, 411

<sup>15</sup> Người và muôn vật mọi nơi yên hàn.

<sup>16</sup> Mỗi khi mỏng mọc mây ngàn,

<sup>17</sup> Nhớ lời cam kết,<sup>a</sup> dưới trần yên tâm”.

<sup>18</sup> Lập đời: Gia-phật, Sâm, Cang, 415

<sup>19</sup> Trở nên tở phụ các dân hoàn cầu.

<sup>20</sup> Nhữ-y vỡ đất, bắt đầu,

Trông nho, khắp rượu, uống vào lờ say.

<sup>21</sup> Ngủ vui, vượt cả áo ngoài,

<sup>22</sup> Cang-mộc<sup>b</sup> thấy vậy, gọi hai anh cười.

<sup>23</sup> Sâm-mệnh<sup>c</sup>, Gia-Phật<sup>c</sup> đi lùi, 421

Tới nơi phủ áo lên người Nhữ-y

<sup>24</sup> Tỉnh men, có sự đã nghe,

Gọi Cang “bất hiếu, ngắm đe nặng lời:

<sup>25</sup> “Là dòng vô phúc trên đời, 425

Đáng làm nô lệ hai người anh, em,

<sup>a</sup> Không còn nạn lụt toàn diện thế giới, chứ từng địa phương vẫn còn.

<sup>b</sup> Cang-mộc, Sâm-mệnh, Gia-phật, tên ba người con của Nhữ-y, trong văn vần tác giả tùy chỗ dùng đủ chữ hoặc dùng một. Linh mục Phao-lô Qui vẫn dùng: Sem, Cam và Gia-phết.

<sup>c</sup> Vùng đất phía tây địa cầu, theo quan niệm cổ thời tức là lục địa Âu-la-ba (Áu-Châu). Tác giả xưa theo trình độ hiểu biết địa lý thời đó, gọi hướng đông là hướng của Phật (Tây phương Phật), nên âm dịch tên ông Japheth là Gia-Phật.

### Bản Paulus Tạc

<sup>14</sup> Từ nay cho đến muôn đời 411

<sup>15</sup> Người và muôn vật mọi nơi yên hàn

<sup>16</sup> Mỗi khi mỏng mọc mây ngàn

<sup>17</sup> Nhớ lời cam kết, dưới trần yên tâm.

<sup>18</sup> Lập đời: Gia-phết, Sem, Cam,<sup>a</sup> 415

<sup>19</sup> Trở nên thi tặc các dân hoàn cầu<sup>b</sup>

<sup>20</sup> No-e vỡ đất bắt đầu,

Trông nho, khắp rượu, uống vào lờ say,

<sup>21</sup> Ngủ vui, vượt cả áo ngoài,

<sup>22</sup> Cam nhìn thấy vậy, gọi hai anh cười.

<sup>23</sup> Sem cùng Gia-phết đi lùi, 421

Đến nơi phủ áo lên người No-e.

<sup>24</sup> Tỉnh men có sự đã nghe,

Gọi Cam bất hiếu, ngắm đe nặng lời.

<sup>25</sup> Là dòng vô phúc trên đời, 425

Đáng làm nô lệ hai người anh em.

<sup>a</sup> Bản cũ viết từ câu 18 đến 28 như sau:

<sup>18</sup> Càn-pha, Siêu-mộc, Gia-phần,

<sup>19</sup> Trở nên thi tặc các dân hoàn cầu,

<sup>20</sup> Nhữ-yên vỡ đất bắt đầu,

Trông nho khắp rượu, uống vào lờ say,

<sup>21</sup> Ngủ vui, vượt cả áo ngoài,

<sup>22</sup> Càn-pha thấy vậy, gọi hai anh cười

<sup>23</sup> Gia-phần, Siêu-mộc đi lùi,

Đến nơi phủ áo lên người Nhữ-yên

<sup>24</sup> Nghe tường, khi đã tỉnh men:

“Càn-pha bất hiếu “giảng khuyên nặng lời:

<sup>25</sup> Là dòng vô phúc trên đời,

Đáng làm nô lệ hai người anh em,

<sup>26</sup> Chúa của Siêu-mộc uy quyền,

Gia-phần cuộc sống càng thêm hưng thời,

<sup>27</sup> Nương quyền huynh trưởng an vui.

Càn-pha phục dịch suốt đời xót thân.

Nhữ-yên tuổi hạc cao dần,

<sup>28</sup> Chín trăm năm chục lia trần bình yên.

<sup>b</sup> Theo truyền thuyết, dòng dõi của Sem, qua nhiều thế hệ, nhiều biến cố đã trở thành những dân tộc ở phương Đông; dòng dõi Gia-phết ở phương Tây, và dòng dõi của Cam thì sinh sống ở phương Nam.

### Bản phục chế đề nghị

Từ nay cho đến muôn đời, 411

Người và muôn vật mọi nơi yên hàn.

Mỗi khi mỏng mọc mây ngàn,

Nhớ lời cam kết, dưới trần yên tâm”.

Lập đời: Gia-phật, Sâm, Cang, 415

Trở nên tở phụ các dân hoàn cầu.

Nhữ-y vỡ đất, bắt đầu,

Trông nho, khắp rượu, uống vào lờ say.

Ngủ vui vượt cả áo ngoài.

Cang-mộc thấy vậy, gọi hai anh cười.

Sâm-mệnh, Gia-phật đi lùi, 421

Tới nơi phủ áo lên người Nhữ-y

Tỉnh men, có sự đã nghe,

Gọi Cang “bất hiếu, ngắm đe nặng lời:

“Là dòng vô phúc trên đời, 425

Đáng làm nô lệ hai người anh, em,

### Bản văn Kinh thánh

của ông đã làm đối với ông; <sup>25</sup> ông liền nói: “Ca-na-an đáng bị nguyên rủa! Nó phải là đầy tớ các đầy tớ của các anh em nó!”

<sup>26</sup> Rồi ông nói: “Chúc tụng Đức Chúa, là Thiên Chúa của Sêm; Ca-na-an phải là đầy tớ nó!”

<sup>27</sup> Xin Thiên Chúa mở rộng Gia-phét, nó hãy ở trong lều của Sêm, và Ca-na-an phải là đầy tớ nó!”

<sup>28</sup> Sau hồng thủy, ông Nô-ê sống được ba trăm năm mươi năm.

<sup>29</sup> Tổng cộng ông Nô-ê sống được chín trăm năm mươi năm, rồi ông qua đời.

## 10

<sup>1</sup> Đây là gia đình các con trai ông Nô-ê là Sêm, Kham và Gia-phét; sau hồng thủy, họ đã sinh được những người con.

<sup>2</sup> Con của ông Gia-phét là: Gô-me, Ma-gốc, Mê-đi, Gia-van, Tu-van, Me-séc, Ti-rát. <sup>3</sup> Con của ông Gô-me là: Át-cơ-nát, Ri-phát, Tô-gác-ma. <sup>4</sup> Con của ông Gia-van là: Ê-li-sa, Tác-sít, Kít-tim, Đô-đa-nim.

<sup>5</sup> Con cháu họ đã phân tán thành các dân tộc trên các đảo. Mỗi người có đất riêng tùy theo tiếng nói, dòng họ và dân tộc của mình.

<sup>6</sup> Con của ông Kham là: Cút, Mít-ra-gim, Pút, Ca-na-an. <sup>7</sup> Con của

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>26</sup> Tung hô Thượng-đế của Sêm.

Cầu cho Gia-phật càng thêm hưng thời,

<sup>27</sup> Nương quờn huynh trưởng an vui,

Còn Cang “phục dịch suốt đời nhọc thân”.

Nhữ-y tuổi hạc cao dần, 431

<sup>28</sup> Chín trăm năm chục lia trần bằng yên,

## 10

<sup>1</sup> Trên đà phát triển thiên nhiên,

Cây tăng rừng rú, thú thêm bầy đoàn.

<sup>2</sup> Cháu con Gia-phật lan tràn 435

<sup>3</sup> Đoàn phương sinh kế mở đàng di dân.

<sup>4</sup> Tộc thì khai thác đồng bằng,

<sup>5</sup> Tộc thì chiếm đảo giữa làn đại dương.

<sup>6</sup> Dòng Cang tiến xuống Nam-phương <sup>a</sup>

<sup>7</sup> Trạch môn ngũ phúc, gia đường tam đa.

<sup>8</sup> Nổi danh, Niên-lộc <sup>b</sup> hào hoa, 441

Anh hùng cái thế, <sup>9</sup> còn là thợ săn.

<sup>a</sup> Nam phương là đại lục Phi-Lợi-Già (Phi-Châu).

<sup>b</sup> Niên-lộc, là ngữ Nemrod, vị anh hùng xuất chúng thời cổ, mở mang đất nước cai trị thiên hạ.

### Bản Paulus Tọa

<sup>26</sup> Tung hô Thượng đế của Sem,

Cầu cho Gia-phét càng thêm hưng thời,

<sup>27</sup> Nương quyền huynh trưởng an vui,

Còn Cam phục dịch suốt đời xót thân.

No-e tuổi hạc cao dần, 431

<sup>28</sup> Chín trăm năm chục lia trần bình yên.

## 10

<sup>1</sup> Theo đà phát triển thiên nhiên, <sup>a</sup>

Cây tăng rừng rú, thú tăng bầy đoàn,

<sup>2</sup> Cháu con Gia-phét lan tràn, 435

<sup>3</sup> Đoàn phương sinh kế, mở đàng di dân;

<sup>4</sup> Tộc thì khai thác đồng bằng;

<sup>5</sup> Tộc thì chiếm đảo giữa làn đại dương.

<sup>6</sup> Dòng Cam tiến hướng Nam phương,

<sup>7</sup> Trạch môn ngũ phúc, gia đường tam đa.

<sup>8</sup> Nổi danh, Nem-rốt tài ba, <sup>b</sup> 441

Anh hùng cái thế, <sup>9</sup> còn là thợ săn.

<sup>a</sup> Đoạn X, thấy cả Lữ Y Đoàn chỉ ghi những danh nhân nổi tiếng và diễn tả cuộc sống các dân tộc thời xưa, chỗ theo đời, nơi theo đạo.

<sup>b</sup> Nem-rốt: Bản cũ viết Niêm-lộc, linh mục Phao-lô Quỳ âm lại La ngữ Nemrod.

### Bản phục chế đề nghị

Tung hô Thượng-đế của Sêm.

Cầu cho Gia-phật càng thêm hưng thời,

Nương quờn<sup>a</sup> huynh trưởng an vui,

Còn Cang “phục dịch suốt đời nhọc thân”.

Nhữ-y tuổi hạc cao dần, 431

Chín trăm năm chục lia trần bằng yên,

## 10

### BA DÒNG NHÂN LOẠI TÂM, TRÍ, DỤC, KHAI

Trên đà phát triển thiên nhiên,

Cây tăng rừng rú, thú thêm bầy đoàn.

Cháu con Gia-phật lan tràn 435

Đoàn phương sinh kế mở đàng di dân.

Tộc thì khai thác đồng bằng,

Tộc thì chiếm đảo giữa làn đại dương.

Dòng Cang tiến xuống Nam-phương

Trạch môn ngũ phúc, gia đường tam đa.

Nổi danh, Niên-lộc hào hoa, 441

Anh hùng cái thế, còn là thợ săn.

<sup>a</sup> Quờn: quyền (TSNM)

### Bản văn Kinh thánh

ông Cút là: Xơ-va, Kha-vi-la, Xáp-ta, Ra-ơ-ma, Xáp-tơ-kha. Con của ông Ra-ơ-ma là: Sơ-va, Đơ-đan.

<sup>8</sup> Ông Cút sinh ra ông Nim-rốt; ông này là người anh hùng đầu tiên trên mặt đất. <sup>9</sup> Ông là thợ săn dũng cảm trước mặt Đức Chúa. Vì thế có câu: “Như Nim-rốt, thợ săn anh hùng trước mặt Đức Chúa.”

<sup>10</sup> Khởi điểm vương quốc ông là Ba-ben, E-réc, Ác-cát, Can-nê, trong đất Sin-a. <sup>11</sup> Từ đất ấy, ông rời đến Át-sua và xây các thành Ni-ni-vê, Rơ-khơ-vốt, Ia, Ca-lác, <sup>12</sup> và Re-xen, giữa Ni-ni-vê và Ca-lác, thành phố lớn. <sup>13</sup> Mít-ra-gim sinh ra các người ở Lút, A-nam, Lơ-háp, Náp-tu-khin, <sup>14</sup> Pát-rốt, Cát-lúc và Cáp-to; từ dân này mới có dân Phi-li-tinh.

<sup>15</sup> Ca-na-an sinh ra Xi-đôn, là con đầu lòng, rồi sinh Khết, <sup>16</sup> người Gio-ru-út, E-mô-ri, Ghia-ga-si, <sup>17</sup> Khi-vi, Ác-ki, Xi-ni, <sup>18</sup> Ác-vát, Xơ-ma-ri, Kha-mát; sau đó các dòng họ người Ca-na-an phân tán đi. <sup>19</sup> Biên giới của người Ca-na-an đi từ Xi-đôn, về phía Gơ-ra thì đến tận Ga-da, về phía Xơ-đôm, Gô-mô-ra, Át-ma và Xơ-vô-gim thì đến Le-sa.

<sup>20</sup> Đó là các con ông Kham, theo dòng họ, tiếng nói, theo đất nước, dân tộc của họ.

<sup>21</sup> Cả ông Sêm cũng sinh được những người con, ông là ông tổ của mọi người con của ông Ê-ve

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Tay cung, tay kiếm ai bằng,

Dường như Thượng-đế thêm phần điểm son.

<sup>10</sup> Dựng thành phố Bá-qui-long, <sup>a</sup> 445

Cùng nhiều lũy lớn trên đường triển khai.

<sup>11</sup> Lại còn đánh chiếm đất đai,

<sup>12</sup> Xây đồn đắp lũy, dựng gày Ninh-vi.<sup>b</sup>

<sup>13</sup> Ngoài ra, đồng đảo tộc chi,

Nhỏ thì bộ lạc, <sup>c</sup> lớn thì quốc gia.

<sup>14</sup> Có dân Phiên-lich <sup>d</sup> tài ba, 451

<sup>15</sup> Một dãy sơn hà trên đất Trà-nam <sup>e</sup>

<sup>16</sup> Chia ra đủ thứ sắc dân,

Tùy theo dòng tộc, tùy phần đất đai.

<sup>17</sup> Kinh bang tế thế kỳ tài, 455

<sup>18</sup> Dựng lên làng mạc, đắp xây chủ quyền.

<sup>19</sup> Chiêu binh, mãi mã, cung tên,

<sup>20</sup> Đòi nơi chiến quốc, khắp miền xuân thu.<sup>f</sup>

Gây ra cái thế hận thù.

Động cơ thúc đẩy hư phù lợi danh.

<sup>a</sup> Bá-qui-long, la ngữ Babilon, thủ đô của vương quyền Niêm-lộc. Tác giả âm dịch chữ này lấy ý một câu ở sách địa-lý Á-đông: “... Phước địa qui long tụ, Bá vương vận hội khai”.

<sup>b</sup> Ninh-vi, la ngữ Ninive.

<sup>c</sup> Còn rất nhiều thành trì khác, tác giả chỉ ghi vài thành tượng trưng

<sup>d</sup> Phiên lịch, la-ngữ Philistini, một dân tộc hung bạo ở Trung-đông thời cổ. Có chỗ viết Phiên-tinh.

<sup>e</sup> Trà-Nam, la ngữ Chanaan, vùng đất phì nhiêu của nhiều sắc dân thời cổ

<sup>f</sup> Chiến quốc Xuân thu, hai thời kỳ của sử Trung-Hoa dùng ghi lại các sắc tộc giành quyền sống chém giết lẫn nhau, ưu thắng liệt bại, một cách ghê gớm, vô nhân đạo. Tác giả mượn điển tả cảnh tàn sát của các dân Thượng cổ.

### Bản Paulus Tọa

Tay cung, tay kiếm ai bằng,

Dường như Thượng đế thêm phần điểm son.

<sup>10</sup> Dựng thành lũy Ba-bi-lon <sup>a</sup> 445

Cùng nhiều thành khác trên đường triển khai,

<sup>11</sup> Lại còn đánh chiếm đất đai,

<sup>12</sup> Xây đồn đắp lũy, dựng gày Ninh-vi.<sup>b</sup>

<sup>13</sup> Ngoài ra còn lắm tộc chi,

Thiểu vi bộ lạc, đông thì quốc gia.

<sup>14</sup> Có dân Phiên lịch <sup>c</sup> hào hoa, 451

<sup>15</sup> Một dãy sơn hà của tộc Ca-nan,<sup>d</sup>

<sup>16</sup> Chia ra đủ thứ sắc dân,

Tùy theo dòng tộc, tùy phần đất đai.

<sup>17</sup> Kinh bang tế thế kỳ tài, 455

<sup>18</sup> Lập nên thành lũy, đắp xây chủ quyền,

<sup>19</sup> Chiêu binh, mãi mã, cung tên,

<sup>20</sup> Đòi nơi chiến quốc, khắp miền xuân thu.<sup>e</sup>

Gây ra cái thế hận thù,

Động cơ thúc đẩy hư phù lợi danh.

<sup>a</sup> Babilon: Bản cũ viết Ba-tý-luân, thành phố Babilon danh tiếng, giàu sang nhất thời xưa.

<sup>b</sup> Ninh-vi: thành phố Ninive.

<sup>c</sup> Phiên lịch: Philistin, một dân hiếu chiến thời xưa.

<sup>d</sup> Ca-nan: Chanaan, vùng đất phì nhiêu. Theo bốn cũ viết là Trà-nam. Linh mục Phao-lô Qui viết là “Ca-na-an theo các linh mục Pháp (1885). Về sau, thấy bản linh mục Trần Hiếu Lễ viết Ca-nan.”

<sup>e</sup> Các giống dân luôn luôn tranh bá đồ vương, không khác gì thời chiến quốc, thời Xuân Thu ở Trung quốc ngày xưa.

### Bản phục chế đề nghị

Tay cung, tay kiếm ai bằng,

Dường như Thượng-đế thêm phần điểm son.

<sup>10</sup> Dựng thành phố Bá-qui-long, <sup>a</sup> 445

Cùng nhiều lũy lớn trên đường triển khai.

<sup>11</sup> Lại còn đánh chiếm đất đai,

<sup>12</sup> Xây đồn đắp lũy, dựng gày Ninh-vi.

<sup>13</sup> Ngoài ra, đồng đảo tộc chi,

Nhỏ thì bộ lạc, lớn thì quốc gia.

<sup>14</sup> Có dân Phiên-lich tài ba, 451

<sup>15</sup> Một dãy sơn hà trên đất Trà-nam

<sup>16</sup> Chia ra đủ thứ sắc dân,

Tùy theo dòng tộc, tùy phần đất đai.

<sup>17</sup> Kinh bang tế thế kỳ tài, 455

<sup>18</sup> Dựng lên làng mạc, đắp xây chủ quyền.

<sup>19</sup> Chiêu binh, mãi mã, cung tên,

<sup>20</sup> Đòi nơi chiến quốc, khắp miền xuân thu.

Gây ra cái thế hận thù.

Động cơ thúc đẩy hư phù lợi danh.

<sup>a</sup> Dị bản Ba-tý-luân (xem cước chú C 445)

### Bản văn Kinh thánh

và là anh cả của ông Gia-phét.

<sup>22</sup> Con của ông Sêm là: Ê-lam, Át-sua, Ác-pác-sát, Lút, A-ram.

<sup>23</sup> Con của ông A-ram là Út, Khun, Ghe-the, Ma-sơ.

<sup>24</sup> Ác-pác-sát sinh Se-lác, Se-lác sinh Ê-ve. <sup>25</sup> Ê-ve sinh được hai con trai; người thứ nhất tên là Pe-léc, vì thời ông đất được phân chia, người em tên là Gióc-tan. <sup>26</sup> Gióc-tan sinh An-mô-đát, Se-lép, Kha-xa-ma-vét, Gie-rác, <sup>27</sup> Ha-đô-ram, U-dan, Đích-la, <sup>28</sup> Ô-van, A-vi-ma-ên, Sơ-va, <sup>29</sup> Ô-phia, Kha-vi-la, Giô-váp. Tất cả những người đó là con ông Gióc-tan. <sup>30</sup> Vùng họ ở trải rộng từ Mê-sa cho đến Xơ-pha, ngọn núi phía đông. <sup>31</sup> Đó là các con ông Sêm, theo dòng họ, tiếng nói, theo đất nước, dân tộc của họ. <sup>32</sup> Đó là các dòng họ của con cái ông Nô-ê, theo gia đình, theo dân tộc của họ. Con cháu họ đã phân tán thành các dân tộc trên mặt đất, sau hồng thủy.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

Phân Sâm, miêu duệ thanh hành, 461

Sinh cơ lập nghiệp tung tràn Chấn-phương.<sup>a</sup>

<sup>23</sup> Dựng đời đặt nặng nghĩa nhơn,

<sup>24</sup> Tránh xa bá nghiệp, chọn đường thiên cơ.

<sup>25</sup> Khai hoang mở rộng cõi bờ, 465

<sup>26</sup> Mạng trời làm gốc, phước đồ lương tri.

<sup>27</sup> Cũng còn bạng duật tương tri,

<sup>28</sup> Chỉ vì dục vọng, chỉ vì tham sân.

<sup>29</sup> Tuy nhiên, cũng có giống dân,

<sup>30</sup> Đề cao thiên lý, bảo toàn tâm linh.

<sup>31</sup> Qua bao thế kỷ kinh dinh, 471

<sup>32</sup> Dòng Sâm còn giữ đức tin với Trời.<sup>b</sup>

### Bản Paulus Tọa

<sup>21</sup> Phân Sem, miêu duệ thanh hành,<sup>a</sup> 461

<sup>22</sup> Sinh cơ lập nghiệp tung tràn hướng đông.

<sup>23</sup> Dựng đời đặt nặng nghĩa nhơn,

<sup>24</sup> Tránh xa bá nghiệp, chọn đường thiên cơ.

<sup>25</sup> Khai hoang mở rộng cõi bờ, 465

<sup>26</sup> Mạng trời làm gốc, cực đồ lương tri

<sup>27</sup> Cũng còn bạng duật tương tri<sup>b</sup>

Chỉ vì dục vọng, chỉ vì tham sân.

<sup>29</sup> Tuy nhiên cũng có giống dân,

<sup>30</sup> Đề cao tâm lý, bảo toàn tâm linh.

<sup>31</sup> Qua bao thế kỷ kinh dinh, 471

<sup>32</sup> Dòng Sem còn giữ đức tin với Trời.<sup>c</sup>

### Bản phục chế đề nghị

Phân Sâm, miêu duệ thanh hành, 461

Sinh cơ lập nghiệp tung tràn Chấn-phương.

Dựng đời đặt nặng nghĩa nhơn,

Tránh xa bá nghiệp, chọn đường thiên cơ.

Khai hoang mở rộng cõi bờ, 465

Mạng trời làm gốc, phước đồ lương tri.

Cũng còn bạng duật tương tri,

Chỉ vì dục vọng, chỉ vì tham sân.

Tuy nhiên, cũng có giống dân,

Đề cao thiên lý, bảo toàn tâm linh.

Qua bao thế kỷ kinh dinh, 471

Dòng Sâm còn giữ đức tin với Trời.

<sup>a</sup> Chấn-Phương, vùng đất hướng đông (Á-tế á, Á-châu).

<sup>b</sup> Khi đánh số câu theo Kinh thánh Cựu ước, linh mục Phao-lô Qui có nói: ... Tôi có ý theo dõi Sấm truyền ca, để tìm hiểu ý chính của tác giả, là dựa sát Kinh thánh diễn lại việc làm của Thiên Chúa trong thế gian; còn phần ghi gia phả các con cái ông No-e (Nhữ-y) thì tác giả chỉ nêu nhân vật và thành phố có tên tuổi trong lịch sử, đồng thời theo cảm nghĩ của người An-nam thời đó, vạch rõ hai trào lưu nông cốt là đạo và đời đang song hành trong cuộc sống loài người. Tác giả viết cho người An-Nam đọc, không phải viết cho dân Gia-dêu (Do thái).

<sup>a</sup> Câu 21 bản cũ viết: Cháu con Siêu-mộc thanh hành.

<sup>b</sup> Các giống dân lúc nào cũng vì danh lợi nên tìm cách đánh giết nhau luôn, như chuyện con ngao con cò.

<sup>c</sup> Dòng dõi của Sem cũng có những chi tộc trung thành với Thượng đế, trải qua các thời đại, các biến cố hoặc về địa lý.



<sup>1</sup> Thuở ấy, mọi người đều nói một thứ tiếng và dùng những từ như nhau. <sup>2</sup> Trong khi di chuyển ở phía đông, họ tìm thấy một đồng bằng ở đất Sin-a và định cư tại đó. <sup>3</sup> Họ bảo nhau: “Nào! Ta đúc gạch và lầy lữa mà nung!” Họ dùng gạch thay vì đá và lầy nhựa đen làm hồ. <sup>4</sup> Họ nói: “Nào! Ta hãy xây cho mình một thành phố và một tháp có đỉnh cao chọc trời. Ta phải làm cho danh ta lẫy lừng, để khỏi bị phân tán trên khắp mặt đất.”

<sup>5</sup> Đức Chúa xuống xem thành và tháp con cái loài người đang xây. <sup>6</sup> Đức Chúa phán: “Đây, tất cả chúng nó họp thành một dân, nói một thứ tiếng. Chúng mới khởi công mà đã như thế thì từ nay, chẳng có gì chúng định làm mà không làm được. <sup>7</sup> Nào! Ta xuống và làm cho tiếng nói của chúng phải xáo trộn, khiến chúng không ai hiểu ai nữa.”

<sup>8</sup> Thế là Đức Chúa phân tán họ từ chỗ đó ra khắp nơi trên mặt đất, và họ phải thôi không xây thành phố nữa. <sup>9</sup> Bởi vậy, người ta đặt tên cho thành ấy là Ba-ben, vì tại đó, Đức Chúa đã làm xáo trộn tiếng nói của mọi người trên mặt đất, và cũng từ chỗ đó, Đức Chúa đã phân tán họ ra khắp nơi trên mặt đất. <sup>10</sup> Đây là gia đình ông Sêm: Khi ông Sêm được một trăm tuổi, thì ông sinh ra Ác-pác-sát, hai năm sau hồng thủy. <sup>11</sup> Sau khi sinh Ác-pác-sát,

<sup>1</sup> Và chẳng ngôn ngữ cổ thời,  
 Những điều cảm nghĩ, nói lời như nhau.  
<sup>2</sup> Phía đông nhiều tộc vùng cao, 475  
 Dân đông đất chật, hoa màu cũng voi.  
<sup>3</sup> Định cư đất mới kịp thời,  
 Bàn nhau xây tháp, để đời hậu lai.  
<sup>4</sup> Góp nhau vật liệu đủ đầy,  
 Công trình kiến tạo mỗi ngày rộng, cao.  
 Quyết xây tháp dựng thiên tào 481  
 Nêu cao nhân lực, Trời nào dám đương.  
<sup>5</sup> Nhân gian ngạo nghe thiên đường,  
<sup>6</sup> Trời rằng: hiệp nhứt vi cường, đại công. <sup>a</sup>  
<sup>7</sup> Phải cho ngôn ngữ bất đồng, 485  
 Mỗi chi một ngã là xong ý đồ.  
<sup>8</sup> Thế là: Nhứt hữu cửu vô, <sup>b</sup>  
 Thế nhân bỏ cuộc, trở cờ chống nhau.  
<sup>9</sup> Hồn-lâu <sup>c</sup> danh gọi, về sau,  
 Kể từ việc ấy, ngũ châu người tràn.

<sup>a</sup> Tác giả mượn ý ở câu sách xưa: “Hiệp lực vi cường, đại công nhứt trí...” (Góp sức chung lại thì tạo ra sức mạnh, sự việc to lớn là nhờ một lòng một ý với nhau).

<sup>b</sup> Giới nho học xưa có câu: “...Nhứt hữu cửu vô thiên hạ tận, đa ngôn thiếu dụng nghiệp vương tàm...” (Một người có, chín người không thì cuộc đời bề mạt, nói nhiều mà làm ít thì sự nghiệp vua chúa (chính quyền, chế độ) cũng điều tàn).

<sup>c</sup> Hồn-lâu, lâu đài hỗn độn hay là cái tháp hỗn xược kiêu căng. Tác giả dịch nghĩa la-ngữ chữ Babel (tháp Babel). Linh mục **Phao-lô Qui** dùng chữ Ba-bên thế vào chữ Hồn-lâu. Chữ Hồn-lâu tác giả dùng không có nghĩa là cái tháp hỗn xược Kiêu căng, nhưng mượn nghĩa câu sách xưa: “... Cổ kim vị tất tể thiên lực, dụng hữu nhân gian hỗn độn lâu.” (Xưa nay chưa chắc là đã có một thế lực bằng trên trời, trong cõi loài người chỉ có những lâu đài đầy rẫy những lộn xộn, hỗn độn),

<sup>1</sup> Và chẳng, ngôn ngữ cổ thời,  
 Những điều cảm nghĩ, nói lời như nhau. <sup>a</sup>  
<sup>2</sup> Phía đông nhiều tộc vùng cao, 475  
 Dân đông, đất chật, hoa màu cũng voi,  
 Định cư đất mới kịp thời,  
<sup>3</sup> Bàn nhau xây tháp để đời hậu lai.  
 Góp nhau vật liệu đủ đầy,  
<sup>4</sup> Công trình, kiến trúc, mỗi ngày rộng cao.  
 Vươn lên tháp dựng thiên tào, <sup>b</sup> 481  
 Muôn đời danh tiếng, trăng sao phải nhường.  
<sup>5</sup> Nhân gian ngạo nghe thiên đường,  
<sup>6</sup> Trời rằng: Hiệp nhứt vi cường, đại công. <sup>c</sup>  
<sup>7</sup> Phải cho ngôn ngữ bất đồng, 485  
 Mỗi chi một ngã là xong ý đồ.  
<sup>8</sup> Thế là nhứt hữu cửu vô <sup>d</sup>  
 Nhân gian bỏ cuộc, trở cờ chống nhau.  
<sup>9</sup> Ba-bên <sup>e</sup> danh gọi, về sau  
 Kể từ việc ấy, ngũ châu người tràn. <sup>f</sup>

<sup>a</sup> Nhân loại thoát đầu đồng một ngôn ngữ.

<sup>b</sup> Muốn xây cái tháp tới mây trên trời phòng tránh lụt, vì muốn khoa trương nhân lực và không tin lời hứa Thượng Đế mỗi khi thấy móng mọc trên không.

<sup>c</sup> Do câu nói xưa: *Đại công chung lực, hiệp nhứt vi cường*: Việc lớn thì phải góp sức, hợp lại (đoàn kết) thì hùng mạnh.

<sup>d</sup> Do câu nói xưa: *Nhứt hữu cửu vô, bán đồ nhi phế*: Một người nói có, chín người nói không, thì nửa đường bỏ việc.

<sup>e</sup> Ba-bên: Babel có nghĩa là lộn xộn, rối loạn. Bản cũ viết: Bá-bien.

<sup>f</sup> Theo bốn cũ câu 9 như sau:

*Lưu danh Bá-bien về sau,*

Linh mục **Phao-lô Qui** đã sửa lại là Ba-bên, theo la ngữ Babel (1885).

## BÁ-BIỆN THÁP CAO BẤT ĐỒNG NGÔN NGỮ

Và chẳng ngôn ngữ cổ thời,  
 Những điều cảm nghĩ, nói lời như nhau.  
 Phía đông nhiều tộc vùng cao, 475  
 Dân đông đất chật, hoa màu cũng voi.  
 Định cư đất mới kịp thời,  
 Bàn nhau xây tháp, để đời hậu lai.  
 Góp nhau vật liệu đủ đầy,  
 Công trình kiến tạo mỗi ngày rộng, cao.  
 Quyết xây tháp dựng thiên tào 481  
 Nêu cao nhân lực, Trời nào dám đương.  
 Nhân gian ngạo nghe thiên đường,  
 Trời rằng: hiệp nhứt vi cường, đại công.  
 Phải cho ngôn ngữ bất đồng, 485  
 Mỗi chi một ngã là xong ý đồ.  
 Thế là: Nhứt hữu cửu vô,  
 Thế nhân bỏ cuộc, trở cờ chống nhau.  
 Lưu danh Bá-bien <sup>a</sup> về sau,  
 Kể từ việc ấy, ngũ châu người tràn.

<sup>a</sup> Theo cước chú câu 489 cột C; Dị bản : *Hồn-lâu danh gọi về sau*.

**Bản văn Kinh thánh**

ông Sêm sống năm trăm năm và sinh ra con trai con gái.

<sup>12</sup> Khi ông Ác-pác-sát được ba mươi lăm tuổi, thì sinh ra Se-lác. <sup>13</sup> Sau khi sinh Se-lác, ông Ác-pác-sát sống bốn trăm lẻ ba năm và sinh ra con trai con gái.

<sup>14</sup> Khi ông Se-lác được ba mươi tuổi, thì sinh ra Ê-ve. <sup>15</sup> Sau khi sinh ra Ê-ve, ông Se-lác sống bốn trăm lẻ ba năm và sinh ra con trai con gái.

<sup>16</sup> Khi ông Ê-ve được ba mươi bốn tuổi, thì sinh ra Pe-léc. <sup>17</sup> Sau khi sinh Pe-léc, ông Ê-ve sống bốn trăm ba mươi năm và sinh ra con trai con gái.

<sup>18</sup> Khi ông Pe-léc được ba mươi tuổi, thì sinh ra Rơ-u. <sup>19</sup> Sau khi sinh Rơ-u, ông Pe-léc sống hai trăm lẻ chín năm và sinh ra con trai con gái.

<sup>20</sup> Khi ông Rơ-u được ba mươi hai tuổi, thì sinh Xơ-rúc. <sup>21</sup> Sau khi sinh Xơ-rúc, ông Rơ-u sống hai trăm lẻ bảy năm và sinh ra con trai con gái.

<sup>22</sup> Khi ông Xơ-rúc được ba mươi tuổi, thì sinh ra Na-kho. <sup>23</sup> Sau khi sinh Na-kho, ông Xơ-rúc sống hai trăm năm và sinh ra con trai con gái.

<sup>24</sup> Khi ông Na-kho được hai mươi chín tuổi, thì sinh ra Te-ra. <sup>25</sup> Sau khi sinh Te-ra, ông Na-kho sống một trăm mười chín năm và sinh ra con trai con gái. <sup>26</sup> Khi ông Te-ra được bảy mươi tuổi, thì sinh ra Áp-ram, Na-kho và Ha-ran.

<sup>27</sup> Đây là gia đình ông Te-ra: Ông Te-ra sinh ra Áp-ram, Na-kho và

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Đời thi đa số các dân, 491

Đạo thì thiếu số, cán cân lệch thường.

<sup>10</sup> Săm, sau trận lụt tang thương,

<sup>11</sup> Sinh ra An-phát<sup>a</sup>, dạy con đàng lành.

Mặc ai chác lợi mua danh, 495

An-phát lòng thành với Đấng chí-tôn,

<sup>12</sup> Sa-lê<sup>b</sup> nói dối tông môn.

<sup>13</sup> Duy trì chữ hiếu, bảo tồn chữ trung.

<sup>14</sup> Hiền-bằng<sup>c</sup> rõ việc cát hung,

<sup>15</sup> Điều do quyền phép quan phòng tối cao.

<sup>16</sup> Đến đời Phan-linh<sup>d</sup> mở đầu, 501

<sup>17</sup> Con đường ngũ đức theo sau tri hành.

<sup>18</sup> Lễ-ưng<sup>e</sup> cố gắng tập tành,

<sup>19</sup> Dung hoà đời sống, lợi danh đặt ngoài.

<sup>20</sup> Tiếp theo, Sa-duật<sup>f</sup> tỏ bày, 505

<sup>21</sup> Nội tâm giữ vững, lễ ngay duy trì.

<sup>22</sup> Nha-khôi<sup>g</sup> vạch rõ thị phi,

<sup>23</sup> Ý trời, đi ngược họa thì đa mang.

<sup>a</sup> An-phát, la ngữ Arphaxad, con trai đầu lòng của Săm.  
<sup>b</sup> Sa-lê, la ngữ Sale, cháu nội của Săm.  
<sup>c</sup> Hiền-bằng, la ngữ Heber, chắt nội của Săm. Tác giả đã âm dịch tên riêng theo cách An-nam, để câu văn được xuôi dễ đọc, dễ nhớ.  
<sup>d</sup> Phan-linh, la ngữ Phaleg, con của Hiền-bằng.  
<sup>e</sup> Lễ-ưng, la ngữ Reu, con của Phan-linh.  
<sup>f</sup> Sa-duật, la ngữ Sarug, con của Lê-ưng.  
<sup>g</sup> Nha-khôi, la ngữ Nachor, con của Sa-duật.

**Bản Paulus Tọa**

Đời thi đa số các dân, 491

Đạo thì thiếu số, cán cân lệch thường.

<sup>10</sup> Sem sau trận lụt tang thương,

<sup>11</sup> Sinh ra A-phác<sup>a</sup>, dạy con đàng lành.

Mặc ai chác lợi mua danh, 495

A-phác lòng thành với Đấng Chí tôn.

<sup>12</sup> Sa-liên<sup>b</sup> nói dối tông môn,

<sup>13</sup> Duy trì chữ hiếu, bảo tồn chữ trung.

<sup>14</sup> Hi-bân<sup>c</sup> rõ việc cát hung,

<sup>15</sup> Điều do quyền phép quan phòng tối cao.

<sup>16</sup> Đến đời Phan-liệt<sup>d</sup> mở đầu, 501

<sup>17</sup> Con đường ngũ đức theo sau tri hành.<sup>e</sup>

<sup>18</sup> Lễ-ưng<sup>f</sup> cố gắng tập tành,

<sup>19</sup> Dung hòa đời sống, lợi danh đặt ngoài.

<sup>20</sup> Tiếp theo, Sa-duật<sup>g</sup> tỏ bày, 505

<sup>21</sup> Nội tâm giữ vững, lễ ngay duy trì.

<sup>22</sup> Na-khôi<sup>h</sup> vạch rõ thị phi,

<sup>23</sup> Ý Trời đi ngược, họa thì đa mang.

<sup>a</sup> A-phác: Arpakshad, con đầu lòng của Sem.  
<sup>b</sup> Sa-liên: Saleg, con trai của A-phác.  
<sup>c</sup> Hi-bân: Heber, con trai của Sa-liên.  
<sup>d</sup> Phan-liệt: Phaleg, con trai của Hi-bân.  
<sup>e</sup> Tri hành: Thấu hiểu đường lối Thượng đế và nghiêm chỉnh thi hành đúng.  
<sup>f</sup> Lễ-ưng: Reu, là con trai của Phan-liệt (Phaleg)  
<sup>g</sup> Sa-duật: Sarug con trai của Lê-ưng (Reu).  
<sup>h</sup> Na-khôi: Nachor, con trai của Sa-duật (Sarug).

**Bản phục chế đề nghị**

Đời thi đa số các dân, 491

Đạo thì thiếu số, cán cân lệch thường.

Săm, sau trận lụt tang thương,

Sinh ra An-phát, dạy con đàng lành.

Mặc ai chác lợi mua danh, 495

An-phát lòng thành với Đấng chí-tôn,

Sa-lê nói dối tông môn.

Duy trì chữ hiếu, bảo tồn chữ trung.

Hiền-bằng rõ việc cát hung,

Điều do quyền phép quan phòng tối cao.

Đến đời Phan-linh mở đầu, 501

Con đường ngũ đức theo sau tri hành.

Lễ-ưng cố gắng tập tành,

Dung hoà đời sống, lợi danh đặt ngoài.

Tiếp theo, Sa-duật tỏ bày, 505

Nội tâm giữ vững, lễ ngay duy trì.

Nha-khôi<sup>a</sup> vạch rõ thị phi,

Ý Trời, đi ngược họa thì đa mang.

<sup>a</sup> Xem cột A, St 11,22, Xơ-rúc (Sa-duật) sinh Na-kho (Nha-khôi). Tới St 11,24, Na-kho sinh Te-ra (Thành-lê). Tới St 11,26 Te-ra (Thành-lê) sinh Áp-ram (Án-lâm), Na-kho (Nā-khôi) và Ha-ran là cha của Lót (Lộc-công) ở câu 517. Để phân biệt hai nhân vật cùng tên là Na-kho, Lữ Y Đoan chuyển tên ông nội của An-lâm là Nha-khôi và em của Án-lâm là Nā-khôi, sẽ gặp lại ở câu 1136 (Chú thích của TSNM).

### Bản văn Kinh thánh

Ha-ran. Ha-ran sinh ra Lót. <sup>28</sup> Ha-ran chết trước mặt cha mình là Te-ra, tại thành Ua của người Can-đê, quê hương ông. <sup>29</sup> Ông Áp-ram và ông Na-kho lấy vợ; vợ ông Áp-ram tên là Xa-rai, vợ ông Na-kho tên là Min-ca, con gái ông Ha-ran; ông này là cha của bà Min-ca và bà Gít-ca. <sup>30</sup> Bà Xa-rai hiếm hoi, không có con.

<sup>31</sup> Ông Te-ra đem theo con trai là Áp-ram, cháu nội là Lót, con ông Ha-ran, con dâu là Xa-rai, vợ ông Áp-ram, con của ông; họ cùng với ông ra khỏi Ua của người Can-đê, để đi tới đất Ca-na-an. Họ đến Kha-ran và ở lại đó.

<sup>32</sup> Ông Te-ra sống được hai trăm lẻ năm năm, rồi qua đời tại Kha-ran.

## 12

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Áp-ram: “Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha người, mà đi tới đất Ta sẽ chỉ cho người. <sup>2</sup> Ta sẽ làm cho người thành một dân lớn, sẽ chúc phúc cho người. Ta sẽ cho tên tuổi người được lẫy lừng, và người sẽ là một mối phúc lành.

<sup>3</sup> Ta sẽ chúc phúc cho những ai chúc phúc cho người;

Ai nhục mạ người, Ta sẽ nguyền rủa.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>24</sup> Thành-lê <sup>a</sup> nhận định giàu sang,

<sup>25</sup> Cửa cải, bạc vàng, tất cả do Thiên.

<sup>26</sup> Ân-lâm <sup>b</sup> là bực tiên hiền, 511

Trăm ban vạn sự hưởng lên lễ trời.

<sup>27</sup> Xây ra, thái độ chống đời.

<sup>28</sup> U-Thành <sup>c</sup> ảnh hưởng suy đồi Canh-đê.

<sup>29</sup> Dời cư, tổ phụ Thành-lê, 515

<sup>30</sup> Gia đình con cháu đi về Hà-lân.<sup>d</sup>

<sup>31</sup> Ân-lâm với Lộc <sup>e</sup> đồng hành,

<sup>32</sup> Liêm trinh nếp sống, trung thành đức tin.

## 12

<sup>1</sup> Ân-lâm tự lực cánh sinh,

Hà-lân cư trú nổi danh phú hào.

Một hôm có tiếng Trời cao: 521

“Quê hương hãy bỏ, đi vào miền xa.

<sup>a</sup> Thành-lê, là ngữ Thale, con của Na-khôi

<sup>b</sup> Ân-lâm, là ngữ Abram hay là Abraham, con của Thành-lê;

<sup>c</sup> U-thành, là ngữ thành phố Ur trong xứ Canh-đê (Chaldeoem)

<sup>d</sup> Hà-lân, là ngữ Haran, nơi gia đình Thanh-lê tới định cư lập nghiệp.

<sup>e</sup> Lộc hay Lộc-công, là ngữ Loth, cháu Ân-lâm.

### Bản Paulus Tạc

<sup>24</sup> Thanh-lê <sup>a</sup> nhận định giàu sang,

<sup>25</sup> Cửa cải bạc vàng tất cả do Thiên.

<sup>26</sup> Áp-lâm là bực tiên hiền, 511

Trăm bang vạn sự hưởng lên lễ trời.

<sup>27</sup> Xây ra thái độ chống đời,<sup>b</sup>

<sup>28</sup> U-thành <sup>c</sup> ảnh hưởng suy đồi **Canh-đê**.

<sup>29</sup> Dời cư, tổ phụ **Thanh-lê** 515

<sup>30</sup> Gia đình con cháu đi về **Hà-lâm**<sup>d</sup>

<sup>31</sup> **Áp-ram** <sup>e</sup> và Lộc <sup>f</sup> đồng hành,

<sup>32</sup> **Nêu cao** lễ sống trung thành đức tin.

## 12

**Áp-ram** tự lực cánh sinh,

**Hà-lâm** cư trú nổi danh phú hào.

<sup>1</sup> Một hôm có tiếng Trời cao: 521

Quê hương hãy bỏ đi vào miền xa,

<sup>a</sup> Thanh-lê: Tharé, con trai của Na-khôi.

<sup>b</sup> Vì thấy đời sống dân bản xứ quá sa đọa, nên Thanh-lê đem gia đình đi nơi khác.

<sup>c</sup> U-thành: thành Ur của dân Canh-đê (Chaldée).

<sup>d</sup> Hà-lâm: Haran, nơi Thanh-lê đem con là Abram và cháu là Loth (Lộc-công) đến lập nghiệp và đã qua đời tại đây.

<sup>e</sup> Áp-ram: Bản chữ nôm viết là Áp-lâm, linh mục **Phao-lô Qui** năm 1885 đổi lại là Áp-ram, dựa theo La-ngữ Abram.

<sup>f</sup> Lộc: **Bản chữ nôm** viết Lộc-công, hay Lộc, sau đổi lại là ông Lót hoặc Lót (1885).

### Bản phục chế đề nghị

Thành-lê nhận định giàu sang,

Cửa cải, bạc vàng, tất cả do Thiên.

Ân-lâm là bực tiên hiền, 511

Trăm ban vạn sự hưởng lên lễ trời.

Xây ra, thái độ chống đời.

U-thành ảnh hưởng suy đồi Canh-đê.

Dời cư, tổ phụ Thành-lê, 515

Gia đình con cháu đi về Hà-lân.

Ân-lâm <sup>a</sup> với Lộc đồng hành,

Liêm trinh nếp sống, trung thành đức tin.

## 12

### ÁN-LÂM THIÊN TRIỆU GIÉP-ĐỊA TẠM CƯ

Ân-lâm tự lực cánh sinh,

Hà-lân cư trú nổi danh phú hào.

Một hôm có tiếng Trời cao: 521

“Quê hương hãy bỏ, đi vào miền xa.

<sup>a</sup> **Dị bản:** Áp-lâm (cước chú câu 517 cột C).

### **Bản văn Kinh thánh**

Nhờ người, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc.”

<sup>4</sup> Ông Áp-ram ra đi, như Đức Chúa đã phán với ông. Ông Áp-ram được bảy mươi lăm tuổi khi ông rời Kha-ran. <sup>5</sup> Ông Áp-ram đem theo vợ là bà Xa-rai, cháu là ông Lót, và mọi tài sản họ đã gầy dựng được, cùng với gia nhân họ đã có tại Kha-ran. Họ ra đi về phía đất Ca-na-an và đã tới đất đó.

<sup>6</sup> Ông Áp-ram đi qua đất ấy, đến nơi gọi là Si-khem, đến cây Sồi Mô-re. Thời bấy giờ, người Ca-na-an đang ở trong đất ấy. <sup>7</sup> Đức Chúa hiện ra với ông Áp-ram và phán: “Ta sẽ ban đất này cho dòng dõi người.” Tại đây ông dựng một bàn thờ để kính Đức Chúa, Đấng đã hiện ra với ông. <sup>8</sup> Từ chỗ ấy, ông sang miền núi, ở phía đông Bết Ên. Ông cắm lều giữa Bết Ên ở phía tây và Ai ở phía đông. Tại đây ông dựng một bàn thờ để kính Đức Chúa và ông kêu cầu danh Đức Chúa. <sup>9</sup> Rồi ông đi từ chặng nọ qua chặng kia đến miền Ne-ghep.

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>2</sup> Là nơi thiên định sơn hà,

Dung thân miêu duệ, quốc gia vinh cường.

<sup>3</sup> Thuận người, Trời sẽ ban ơn, 525

Nghịch người, Trời giáng tai ương, kẻ nào.

Nhờ người, thiên hạ phước cao.”

<sup>4</sup> Ân-lâm vưng lệnh, vó câu lên đàn.

<sup>5</sup> Xuân-lài,<sup>a</sup> người vợ đảm đang,

Với Lộc là cháu, cả đoàn gia nhân.

Lạc đà súc vật hằng ngàn, 531

Chở theo sản nghiệp, Trà-nam lộ trình.

Hà-lâm bao thuở quê mình,

Vì tin Thượng-đế dứt tình ra đi.

<sup>6</sup> Sĩ-kiên<sup>b</sup> vừa đến biên thủy, 535

Một vùng thung lũng tứ vi đượm màu.

Trà-nam, nước mạnh dân giàu,

<sup>7</sup> Hoàng thiên xuất hiện: “Đây, trao xứ này.

Cho đàn con cháu tương lai.”

Ân-lâm bái tạ, dựng ngay tế đàn.

<sup>a</sup> Xuân-lài, La-ngữ Sarai, em chú bác ruột với Ân-lâm, về sau ông này cưới làm vợ, linh mục Phao-lô Qui đổi chữ Áp-ram và Sa-rai thay cho chữ Ân-lâm và Xuân Lài.  
<sup>b</sup> Sĩ-Kiên, la ngữ Sicheim, một miền phì nhiêu sung túc, thời đó cũng có tên Mambré, có thuộc quyền thống trị Trà-nam (đân Chanaan).

### **Bản Paulus Tọa**

<sup>2</sup> Là nơi thiên định san hà,

Dung thân miêu duệ, quốc gia vinh cường.

<sup>3</sup> Thuận người, Trời sẽ ban ơn, 525

Nghịch người, Trời giáng tai ương kẻ nào.

Nhờ người thiên hạ phước cao,

<sup>4</sup> Áp-ram vưng lệnh, vó câu lên đàn.

<sup>5</sup> Sa-rai,<sup>a</sup> người vợ đảm đang,

Với Lộc là cháu, cả đoàn gia nhân.

Lạc đà, súc vật hằng ngàn, 531

Chở theo sản nghiệp, Trà-nam lộ trình.

Hà-lâm bao thuở quê mình,

Vì tin **lời Chúa** dứt tình ra đi.

<sup>6</sup> Sĩ-kiêm,<sup>b</sup> vừa đến biên thủy, 535

Một vùng thung lũng tứ vi đượm màu,

Trà-nam: nước mạnh dân giàu,

<sup>7</sup> Hoàng thiên xuất hiện: “Đây, trao xứ này

Cho đàn con cháu tương lai.

**Áp-ram** bái tạ, dựng ngay tế đàn.

<sup>a</sup> Sa-rai: bản cũ viết Sa-lan.

<sup>b</sup> Sĩ-kiêm: Sicheim, một vùng đất màu mỡ phì nhiêu, dân cư đồng đúc, cũng gọi là Mạc-linh (Mambré).

### **Bản phục chế đề nghị**

Là nơi thiên định sơn hà,

Dung thân miêu duệ, quốc gia vinh cường.

Thuận người, Trời sẽ ban ơn, 525

Nghịch người, Trời giáng tai ương, kẻ nào.

Nhờ người, thiên hạ phước cao.”

Ân-lâm vưng lệnh, vó câu lên đàn.

Xuân-lài,<sup>a</sup> người vợ đảm đang,

Với Lộc là cháu, cả đoàn gia nhân.

Lạc đà súc vật hằng ngàn, 531

Chở theo sản nghiệp, Trà-nam lộ trình.

Hà-lâm bao thuở quê mình,

Vì tin Thượng-đế dứt tình ra đi.

Sĩ-kiên vừa đến biên thủy, 535

Một vùng thung lũng tứ vi đượm màu.

Trà-nam, nước mạnh dân giàu,

Hoàng thiên xuất hiện: “Đây, trao xứ này.

Cho đàn con cháu tương lai.”

Ân-lâm bái tạ, dựng ngay tế đàn.

<sup>a</sup> **Dị bản:** Sa-lan (cước chú câu 529 cột C).

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>10</sup> Một nạn đói xảy ra trong xứ ấy, và ông Áp-ram xuống trú ngụ ở Ai-cập, vì nạn đói hoành hành trong xứ. <sup>11</sup> Vậy khi gần vào Ai-cập, ông nói với vợ là bà Xa-rai: “Bà coi, tôi biết bà là một người phụ nữ có nhan sắc. <sup>12</sup> Khi người Ai-cập thấy bà, họ sẽ nói: “Vợ hẳn đấy!”, họ sẽ giết tôi và để cho bà sống. <sup>13</sup> Vậy xin bà cứ nói bà là em tôi, để vì bà, người ta xử tốt với tôi, và nhờ bà, tôi được sống.” <sup>14</sup> Khi ông Áp-ram đến Ai-cập, người Ai-cập thấy vợ ông rất xinh đẹp. <sup>15</sup> Quan lại của Pha-ra-ô thấy bà thì ca tụng bà trước mặt Pha-ra-ô, và bà bị đưa vào đền Pha-ra-ô. <sup>16</sup> Vì bà, người ta xử tốt với ông Áp-ram; ông được chiên, dê, bò, lừa, tôi trai tớ gái, lừa cái, lạc đà. <sup>17</sup> Tại vì bà Xa-rai, vợ ông Áp-ram, Đức Chúa giáng những tai ương lớn xuống Pha-ra-ô và gia đình vua. <sup>18</sup> Pha-ra-ô bèn cho gọi ông Áp-ram đến và nói: “Người làm gì ta thế? Tại sao người đã không khai với ta rằng: nàng là vợ người? <sup>19</sup> Tại

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>8</sup> Qua đèo, cắm trại nghỉ chân, 541  
Bửu-tiên <sup>a</sup> hương chấn, Hải-thành <sup>b</sup> hương tây.  
Lập đàn tạ lễ nơi đây,  
Tôn danh Thượng-đế rộng tay chúc lành.  
<sup>9</sup> Về sau, nam tiến dần dần. 545  
Chọn nơi nước ngọt, đồng bằng phì nhiêu.  
<sup>10</sup> Mấy năm phát triển đồng đều,  
Bổng đâu hạn hán ngặt nghèo xảy ra.  
Nhân dân đói kém xót xa,  
Án-lâm cũng phải theo đà di cư.  
Lên đàng sang xứ Giép-tô, <sup>c</sup> 551  
<sup>11</sup> Lúc vào biên giới, ngại cho vợ mình.  
Nàng là thiếu phụ đẹp xinh,  
<sup>12</sup> Sợ dân bản xứ động tình cướp duyên.  
<sup>13</sup> Khuyên nàng tự nhận là em, 555  
Rủi ro cũng được sống yên phận chồng.  
<sup>14</sup> Y lời dự đoán đề phòng,  
<sup>15</sup> Phan-vương <sup>d</sup> hạ lệnh: đền rồng tiến cung.

<sup>a</sup> Bửu-tiên hay Bửu-tăng, là ngữ Bethel, một thị trấn của dân Trà-nam, đất đai màu mỡ sung túc.  
<sup>b</sup> Hải-thành, là ngữ Hai, một thành phố cư dân đông đảo thời đó.  
<sup>c</sup> Giép-tô, là ngữ Aegyptus, một vương quốc giàu có hùng mạnh ở phương nam (Phi-châu). Theo linh-mục Phao-lô Qui, tác giả Sấm-truyền ca gọi là *Ai-diên-tu* hay là *Diên-tu*, linh mục sửa lại là Ê-giép-tô hay Giép-tô hoặc nước Giép. Hiện nay (1956) gọi là Ai-cập. Đất nước này có liên quan nhiều với Kinh thánh thời Cựu-ước cũng như Tân-ước.  
<sup>d</sup> Phan-vương, là ngữ Pharaon, tước hiệu chung gọi các triều vua nước Giép (Ai-cập) cũng như hoàng đế hoặc

**Bản Paulus Tọa**

<sup>8</sup> Qua đèo, cắm trại nghỉ chân 541  
Bửu-tiên <sup>a</sup> hương chấn, Hải thành <sup>b</sup> hương tây  
Lập đàn tạ lễ nơi đây,  
Tôn danh Thượng đế rộng tay chúc lành.  
<sup>9</sup> Về sau nam tiến dần dần, 545  
Chọn nơi nước ngọt, đồng bằng phì nhiêu.  
<sup>10</sup> Mấy năm phát triển đồng đều,  
Bổng đâu hạn hán ngặt nghèo xảy ra.  
Nhân dân đói kém xót xa,  
Áp-ram cũng phải theo đà di cư.  
Lên đàng sang xứ Giép-tô, <sup>c</sup> 551  
<sup>11</sup> Lúc vào biên giới ngại cho vợ mình.  
Nàng là thiếu phụ đẹp xinh,  
<sup>12</sup> Sợ dân bản xứ động tình cướp duyên.  
<sup>13</sup> Khuyên nàng tự nhận là em, 555  
Rủi ro cũng được sống yên phận chồng.  
<sup>14</sup> Y lời dự đoán đề phòng,  
<sup>15</sup> Pha-rao <sup>d</sup> xuống lệnh đền rồng tiến cung. <sup>e</sup>

<sup>a</sup> Bửu-tiên: Béthel.  
<sup>b</sup> Hải thành: thành Hai.  
<sup>c</sup> Giép-tô: Aegyptus, tức là Ê-giép-tô. Người xưa thường dùng nhiều cách như: nước Giép, Giép-địa, hoặc Ê-giép hay là Giép-tô. Ngày nay gọi là Ai-cập (Egypte).  
<sup>d</sup> Pha-rao: Pharaon, có nghĩa như quốc vương, nhà vua, hoàng thượng, hoàng đế.  
<sup>e</sup> Cho người bắt Sa-lan (Sarai) vợ Áp-lâm (Abraham) đưa vào cung.

**Bản phục chế đề nghị**

Qua đèo, cắm trại nghỉ chân, 541  
Bửu-tiên hương chấn, Hải-thành hương tây.  
Lập đàn tạ lễ nơi đây,  
Tôn danh Thượng-đế rộng tay chúc lành.  
Về sau, nam tiến dần dần. 545  
Chọn nơi nước ngọt, đồng bằng phì nhiêu.  
Mấy năm phát triển đồng đều,  
Bổng đâu hạn hán ngặt nghèo xảy ra.  
Nhân dân đói kém xót xa,  
Án-lâm cũng phải theo đà di cư.  
Lên đàng sang xứ Giép-tô, <sup>a</sup> 551  
Lúc vào biên giới, ngại cho vợ mình.  
Nàng là thiếu phụ đẹp xinh,  
Sợ dân bản xứ động tình cướp duyên.  
Khuyên nàng tự nhận là em, 555  
Rủi ro cũng được sống yên phận chồng.  
Y lời dự đoán đề phòng,  
Phan-vương hạ lệnh: đền rồng tiến cung.

<sup>a</sup> **Dị bản:** *Diên-tu*, xem cước chú B 551

### Bản văn Kinh thánh

sao người lại nói với ta: ‘Nàng là em tôi’, khiến ta đã lấy nàng làm vợ? Bây giờ, vợ người đấy, hãy nhận lấy và đi đi!’<sup>20</sup> Pha-ra-ô ra lệnh cho người của vua tổng ông Áp-ram đi, cùng với vợ ông và tất cả những gì ông có.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>16</sup> *Án-lâm nhờ đó, thung dung.*

*Được nhiều hậu đãi ở vùng đế đô.*

<sup>17</sup> *Lịnh Trời can thiệp Giép-tô, 561*

*Có nhiều biến cố đổ xô vào đền.*

*Vua quan kinh khủng chẳng yên,*

*Tam cung lục viện ngựa nghiêng toi bời.*

<sup>18</sup> *“Phan-vương cấp lệnh cho mời, 565*

*Án-lâm bệ kiến với lời thiết tha”.*

<sup>19</sup> *“Vợ người, sao chẳng nói ra,*

*Để trăm mang tiếng nài hoa vợ người.*

*Bây giờ câu chuyện cho xuôi,*

*Vậy xin trả lại, người rời khỏi đây”.*

<sup>20</sup> *Lại truyền văn võ tiếp tay, 571*

*Tổng đưa tất cả ra ngoài biên cương.*

## 13

<sup>1</sup> Ông Áp-ram từ Ai-cập lên miền Ne-ghep, cùng với vợ và tất cả những gì ông có; ông Lót cũng đi với ông. <sup>2</sup> Ông Áp-ram rất giàu, ông có nhiều súc vật và vàng bạc. <sup>3</sup> Ông đi từng chặng từ miền Ne-ghep đến Bết Ên, đến nơi lần trước ông đã cắm lều giữa Bết Ên và Ai. <sup>4</sup> Ở nơi có bàn thờ ông đã làm trước kia, ông Áp-ram kêu cầu

đức vua ... Linh mục Phao-lô Qui đã sửa lại, gọi là Pha-rao, thay chữ tác giả quen dùng là Phan -vương, hay Phan-trào.

### Bản Paulus Tọa

<sup>16</sup> *Áp-ram nhờ đó thung dung,*

*Được nhiều hậu đãi ở vùng đế đô.*

<sup>17</sup> *Lịnh trời can thiệp Giép-tô, 561*

*Có nhiều biến cố đổ xô vào đền.*

*Vua quan kinh khủng chẳng yên,*

*Tam cung lục viện ngựa nghiêng toi bời<sup>a</sup>*

<sup>18</sup> *Pha-rao cấp lệnh cho mời, 565*

*Áp-ram bệ kiến với lời thiết tha:*

*Vợ người sao chẳng nói ra,*

*Để trăm mang tiếng nài hoa vợ người,*

*Bây giờ chuyện đã lỡ rồi,*

*Vậy xin hòn trả, khuyên rời khỏi đây.*

<sup>19</sup> *Lại truyền văn võ tiếp tay, 571*

*Tiến đưa tất cả ra ngoài biên cương.*

## 13

<sup>1</sup> *Trải qua muôn dặm đường trường,*

*Áp-ram và Lót quê hương lần về.*

<sup>a</sup> Trong hoàng cung từ ngày Sa-lan (Sarai) bước vào thì xảy ra nhiều sự kinh dị, nhưng Kinh thánh không ghi rõ Pha-rao bị phạt thế nào. Theo bài về xưa diễn tả ngày cùng của Trụ vương: “...*Thời hư quý lộng, vô số hôn oan, kéo đến khóc than, đòi vua đến mạng, triều thần tán loạn, chánh hậu thứ phi, lẫn khóc như ri, vua run lập cập...*” Có thể cả nhà vua Pha-rao cũng khủng khiếp như thế?...

### Bản phục chế đề nghị

*Án-lâm nhờ đó, thung dung.*

*Được nhiều hậu đãi ở vùng đế đô.*

*Lịnh Trời can thiệp Giép-tô, 561*

*Có nhiều biến cố đổ xô vào đền.*

*Vua quan kinh khủng chẳng yên,*

*Tam cung lục viện ngựa nghiêng toi bời.*

*“Phan-vương cấp lệnh cho mời, 565*

*Án-lâm bệ kiến với lời thiết tha”.*

*“Vợ người, sao chẳng nói ra,*

*Để trăm mang tiếng nài hoa vợ người.*

*Bây giờ câu chuyện cho xuôi,*

*Vậy xin trả lại, người rời khỏi đây”.*

*Lại truyền văn võ tiếp tay, 571*

*Tổng đưa tất cả ra ngoài biên cương.*

## 13

### ĐỊA LỢI BẮT HÒA LỘC-CÔNG TÁCH BƯỚC

*Trải qua muôn dặm đường trường,*

*Án-lâm và Lộc quê hương lần về,*

**Bản văn Kinh thánh**

danh Đức Chúa.

<sup>5</sup> Ông Lót, người cùng đi với ông Áp-ram, cũng có chiên bò và những chiếc lều. <sup>6</sup> Đất ấy không đủ chỗ cho họ ở chung: họ có quá nhiều tài sản nên không thể ở chung với nhau được. <sup>7</sup> Một cuộc tranh chấp xảy ra giữa những người chăn súc vật của ông Áp-ram và những người chăn súc vật của ông Lót. Thời bấy giờ người Ca-na-an và người Pơ-rít-di đang ở trong miền ấy. <sup>8</sup> Ông Áp-ram bảo ông Lót: “Sao cho đừng có chuyện tranh chấp giữa bác và cháu, giữa người chăn súc vật của bác và người chăn súc vật của cháu. Vì chúng ta là anh em họ hàng với nhau! <sup>9</sup> Tất cả xứ chẳng ở trước mặt cháu đó sao? Cháu hãy xa bác đi. Nếu cháu đi về bên trái thì bác sẽ đi về bên phải; nếu cháu đi về bên phải thì bác sẽ đi về bên trái.” <sup>10</sup> Ông Lót ngước mắt lên và nhìn cả Vùng sông Gio-đan: chỗ nào cũng có nước. Trước khi Đức Chúa tiêu diệt thành Xơ-đôm và thành Gô-mô-ra, thì vùng đó, cho đến tận Xô-a, giống như vườn của Đức Chúa, giống như đất Ai-cập. <sup>11</sup> Ông Lót chọn cho mình cả Vùng sông Gio-đan và đi về hướng đông. Thế là họ xa nhau. <sup>12</sup> Ông Áp-ram ở đất Ca-na-an, còn ông Lót ở trong các thành Vùng sông Gio-đan, và di chuyển lều đến tận

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>2</sup> Bạc vàng, sản nghiệp phủ phê, 575

Những bầy súc vật tràn trề đồng xanh.

<sup>3</sup> Cuối cùng về đến Bửu-tăng,

Là nơi ngày trước trú chân sinh tồn.

<sup>4</sup> Theo mùa, tế lễ tạ ơn,

Khẩn cầu Thượng-đế giúp con khôn cùng.

<sup>5</sup> Lần hồi, đất chật người đông, 581

<sup>6</sup> Gia nhon của Lộc giành đồng chăn nuôi.

Nghịch nhau, cảm thấy không vui,

<sup>7</sup> Mất tình bác, cháu, người đời còn chê.

<sup>8</sup> Ân-lâm muốn vẹn mọi bề, 585

Mời Lộc là cháu, vấn đề đặt ra:

“Chớ nên để sự bất hoà,

Vậy cháu nhìn thẳng bao la cánh đồng,

“Chọn tây thì bác qua đông,

Hoặc là ngược lại, bác nhường cháu luôn.

Xa nhau, cốt nhục tuy buồn, 591

Nhưng hoà vi quý, cháu đừng ngại xa.”

<sup>10</sup> Lộc ham thung lũng cỏ hoa,

Bên kia sông lớn, phù sa cánh đồng.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>2</sup> Bạc vàng, sản nghiệp phủ phê, 575

Những bầy súc vật tràn trề **som xuyên**.

<sup>3</sup> Cuối cùng về đến **Bửu-tiên**,

Là nơi ngày trước **tam yên** sinh tồn.

<sup>4</sup> Theo mùa, tế lễ tạ ơn,

Khẩn cầu Thượng đế giúp con khôn cùng.

<sup>5</sup> Lần hồi đất chật người đông, 581

<sup>6</sup> Gia nhân của Lót giành đồng chăn nuôi.

Nghịch nhau cảm thấy không vui,

<sup>7</sup> Mất tình bác cháu, người đời còn chê.

<sup>8</sup> **Áp-ram** muốn vẹn mọi bề, 585

Mời **Lót** là cháu, vấn đề đặt ra:

Chớ nên để sự bất hoà,

Vậy cháu nhìn thẳng bao la cánh đồng,

<sup>9</sup> Chọn tây, thì bác qua đông,

Hoặc là ngược lại, bác nhường cháu luôn.

Xa nhau cốt nhục tuy buồn, 591

Nhưng hoà vi quý, cháu đừng ngại xa.”

<sup>10</sup> **Lót** ham thung lũng cỏ hoa,

Bên kia sông lớn, phù sa cánh đồng.

**Bản phục chế đề nghị**

Bạc vàng, sản nghiệp phủ phê, 575

Những bầy súc vật tràn trề đồng xanh.

Cuối cùng về đến Bửu-tăng,<sup>a</sup>

Là nơi ngày trước trú chân sinh tồn.

Theo mùa, tế lễ tạ ơn,

Khẩn cầu Thượng-đế giúp con khôn cùng.

Lần hồi, đất chật người đông, 581

Gia nhon của Lộc giành đồng chăn nuôi.

Nghịch nhau, cảm thấy không vui,

Mất tình bác cháu, người đời còn chê.

Ân-lâm muốn vẹn mọi bề, 585

Mời Lộc là cháu, vấn đề đặt ra:

“Chớ nên để sự bất hoà,

Vậy cháu nhìn thẳng bao la cánh đồng,

“Chọn tây thì bác qua đông,

Hoặc là ngược lại, bác nhường cháu luôn.

Xa nhau, cốt nhục tuy buồn, 591

Nhưng hoà vi quý, cháu đừng ngại xa.”

Lộc ham thung lũng cỏ hoa,

Bên kia sông lớn, phù sa cánh đồng.

<sup>a</sup> Ở các câu khác là Bửu-tiên: 542, 1638, 1866, 2249

**Bản văn Kinh thánh**

Xơ-đôm. <sup>13</sup> Người Xơ-đôm xấu xa và mắc tội nặng đối với Đức Chúa. <sup>14</sup> Đức Chúa phán với ông Áp-ram sau khi ông Lót xa ông: “Ngước mắt lên, từ chỗ ngươi đang đứng, hãy nhìn về phía bắc, phía nam, phía đông, phía tây, <sup>15</sup> vì tất cả miền đất ngươi đang thấy đó, Ta sẽ ban cho ngươi và cho dòng dõi ngươi mãi mãi. <sup>16</sup> Ta sẽ làm cho dòng dõi ngươi nhiều như bụi trên mặt đất; nếu người ta đếm được bụi trên mặt đất, thì mới đếm được dòng dõi ngươi!<sup>17</sup> Đứng lên! Hãy đi ngang dọc khắp miền đất này, vì Ta sẽ ban nó cho ngươi.” <sup>18</sup> Ông di chuyển lều và đến ở cụm sỏi Mam-rê, tại Khép-rôn. Tại đây, ông dựng một bàn thờ để kính Đức Chúa.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>11</sup> Thế là Lót vượt Giu-dong, <sup>a</sup> 595  
<sup>12</sup> Định cư vùng đất Sô-đông <sup>b</sup> hào hùng.  
<sup>13</sup> Toàn dân chống Đấng Cứu-trùng.  
Ấn-lâm vẫn ngụ trong vùng Trà-nam.  
<sup>14</sup> Lần kia, Trời hiện phán rằng:  
<sup>15</sup> “Ấn-lâm hãy ngắm đồng bằng núi sông,  
Bốn bề nam bắc, tây đông. 601  
Cho ngươi tất cả cùng dòng dõi ngươi.  
<sup>16</sup> Và cho miêu duệ sinh sôi,  
Nhiều như bụi cát, không người đếm xong.  
<sup>17</sup> Hãy đi quan sát ngoài trong, 605  
Để tường diện tích một vùng Trời ban.”  
<sup>18</sup> Ấn-lâm sau đó dời sang,  
Mãn-kê <sup>c</sup> lập nghiệp, trong làng Hiệp-long <sup>d</sup>  
Lập bàn thờ Chúa chí công,  
Đức tin sáng tỏ giữa lòng nhân gian.

<sup>a</sup> Giu-dong, la ngữ Jordanum. Bốn xưa, chữ nôm viết cách nào mà có người đọc là Dư-giang, Nhu-dong, Lưu-dung... linh mục Phao-lô Qui sửa lại Giu-dong.  
<sup>b</sup> Sô-đông, la ngữ Sodoma, một thành phố phồn thịnh, đông dân giàu có.  
<sup>c</sup> Mãn-kê, la ngữ Mambre, một thung lũng rộng lớn chạy dài tới thị xã Hiệp-long.  
<sup>d</sup> Hiệp-long, la ngữ Hebron, một thị xã danh tiếng về đất địa phì nhiêu. Theo các nhà chú giải Kinh-thánh ở Tây-Phương xưa, cho vùng Hiệp-Long là nơi có mộ mã Adam, Abraham, Isaac, và Jacob.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>11</sup> Thế là Lót vượt Giu-dong, <sup>a</sup> 595  
<sup>12</sup> Định cư trong xứ Sô-đông <sup>b</sup> hào hùng,  
<sup>13</sup> Là dân chống Đấng cứu trùng.  
Áp-ram vẫn ở trong vùng Trà-nam  
<sup>14</sup> Ngày kia Trời hiện phán rằng:  
<sup>15</sup> Áp-ram hãy ngắm đồng bằng núi sông,  
Bốn bề nam bắc, tây đông, 601  
Cho ngươi tất cả cùng dòng dõi ngươi.  
<sup>16</sup> Và cho miêu duệ sinh sôi,  
Nhiều như bụi đất không người đếm xong.  
<sup>17</sup> Hãy đi quan sát ngoài trong, 605  
Để tường diện tích một vùng Trời ban.  
<sup>18</sup> Áp-ram từ ấy dời sang,  
Mạc-linh <sup>c</sup> lập nghiệp trong làng Hữu-phong <sup>d</sup>  
Lập bàn thờ Chúa Chí-công,  
Đức tin sáng tỏ giữa lòng nhân gian.

<sup>a</sup> Giu-dong: Sông Jordan (Jourdain). Theo bản của Trần Hớn Xuyên ghi là Dư giang; dưới có chú thích: xưa Phan Văn Cận viết “Dư-dong” và âm thêm chữ “Dư-giang”. Về sau linh mục Phao-lô Qui (1885) viết lại “Giu-dong”.  
<sup>b</sup> Bản cũ viết Sô-đông, linh mục Phao-lô Qui đã sửa lại Sô-đôm, theo La ngữ Sodoma.  
<sup>c</sup> Mạc-linh: thung lũng Mambré.  
<sup>d</sup> Hữu-phong: làng Hébron.

**Bản phục chế đề nghị**

Thế là Lót vượt Giu-dong, 595  
Định cư vùng đất Sô-đông hào hùng.  
Toàn dân chống Đấng Cứu-trùng.  
Ấn-lâm vẫn ngụ trong vùng Trà-nam.  
Lần kia, Trời hiện phán rằng:  
“Ấn-lâm hãy ngắm đồng bằng núi sông.  
Bốn bề nam bắc, tây đông. 601  
Cho ngươi tất cả cùng dòng dõi ngươi.  
Và cho miêu duệ sinh sôi,  
Nhiều như bụi cát, không người đếm xong.  
Hãy đi quan sát ngoài trong, 605  
Để tường diện tích một vùng Trời ban.”  
Ấn-lâm sau đó dời sang,  
Mãn-kê lập nghiệp, trong làng Hiệp-long  
Lập bàn thờ Chúa chí công,  
Đức tin sáng tỏ giữa lòng nhân gian.



<sup>1</sup> Thời Am-ra-phen làm vua Sin-a, A-ri-ốc làm vua En-la-xa, Cơ-đo-la-ô-me làm vua Ê-lam và Tít-an làm vua Gô-gim, <sup>2</sup> các vua này đánh nhau với Be-ra vua Xơ-đôm, Bia-sa vua Gô-mô-ra, Sin-áp vua Át-ma, Sem-ê-ve vua Xơ-vô-gim, và vua thành Be-la, tức là thành Xô-a.

<sup>3</sup> Tất cả các vua vừa nói tập trung về thung lũng Xít-đim, tức là Biển Muối. <sup>4</sup> Trong vòng mười hai năm, họ đã làm tội vua Cơ-đo-la-ô-me, nhưng đến năm thứ mười ba thì họ nổi loạn. <sup>5</sup> Năm thứ mười bốn, vua Cơ-đo-la-ô-me đến, cùng với các vua về phe ông. Họ đánh bại người Ra-pha tại Át-ta-rốt Các-na-gim, người Du-dim tại Ham, người Ê-mim tại Sa-vê Kia-gia-tha-gim <sup>6</sup> và người Khô-ri ở vùng núi của họ tại Xê-ia, đến tận En Pa-ran, gần sa mạc. <sup>7</sup> Rồi họ quay lại, đến Ên Mít-pát, tức là Ca-đê, và tàn phá toàn thể lãnh thổ người A-ma-lếch và cả người E-mô-ri lập cư ở Khát-xôn Ta-ma. <sup>8</sup> Bảy giờ vua Xơ-đôm, vua Gô-mô-ra, vua Át-ma, vua Xơ-vô-gim và vua Be-la, tức là Xô-a, tiến ra và dàn trận tại thung lũng Xít-đim chống lại các vua kia: <sup>9</sup> Cơ-đo-la-ô-me vua Ê-lam, Tít-an vua

<sup>1</sup> Chuyện đời là chuyện chiến tranh, 611  
Cá lớn, cá bé giựt giành miếng ăn,  
Tứ vương các tộc ngang tàng,  
Liên minh bạo lực hung hăng oai quyền.  
<sup>2</sup> Ngũ bá <sup>a</sup> bị hiếp, kết liên, 615  
<sup>3</sup> Kéo ra Sinh-việt, <sup>b</sup> trận tiền phản công.  
<sup>4</sup> Tứ vương các tộc thanh trừng,  
Những chư hầu trước thoát vòng bang giao.  
<sup>5</sup> Bỏ qua triều cống từ lâu,  
Tứ vương đồng lực đánh đầu cũng thành.  
<sup>6</sup> Chư hầu tháo chạy tan tành. 621  
Tứ vương thừa thắng tung hoành can qua.  
<sup>7</sup> Chiếm vùng Mã-liệt <sup>c</sup> chẳng tha,  
<sup>8</sup> Ngũ bá bị hiếp giàn ra đối đầu.  
Đánh nhau mấy trận xà ngẫu, 625  
<sup>9</sup> Ngũ bá tan rã, chạy nhào quân binh.  
<sup>10</sup> Tứ vương <sup>d</sup> sẵn trốn sát sinh.  
<sup>11</sup> Sô-đông chiếm đóng, hạ thành Gò-mô. <sup>e</sup>

<sup>a</sup> Ngũ bá, năm vua chư hầu cai trị các tiểu quốc thời đó, như Bara (vua cai trị Sô-đông - Sodoma), Bersa (cai trị Gò-mô - Gomorrhe), Adama, Semeber và vua thành Bala (Segor).

<sup>b</sup> Sinh-việt, la-ngữ Silvestra, một thung lũng rộng.

<sup>c</sup> Mã-liệt hay A-mã-liệt, la ngữ Amalech, một giống dân háo chiến.

<sup>d</sup> Tứ vương, bốn vua cai trị nước lớn thời đó, như Amraphel, Arioch, Chodorlahomor và Thadal, vì quyền lợi, tứ vương ngũ bá thanh toán nhau.

<sup>e</sup> Gò-mô hay là Gò-mâu, la ngữ Gomorrhe, một thành phố liên minh với Sô-đông nơi ông Lộc, cháu của Ân-lâm cư ngụ.

<sup>1</sup> Chuyện đời là chuyện chiến tranh, 611  
Cá lớn, cá bé giựt giành miếng ăn.  
Bốn vua bộ lạc ngang tàng,  
Liên minh võ lực hung hăng oai quyền.  
<sup>2</sup> Năm vua bị hiếp kết liên, 615  
<sup>3</sup> Kéo ra Sinh-việt <sup>a</sup> trận tiền phản công.  
<sup>4</sup> Bốn vua bộ lạc thanh trừng,  
Những chư hầu trước thoát vòng bang giao.  
<sup>5</sup> Bỏ qua triều cống từ lâu,  
Bốn vua đồng lực đánh đầu cũng thành.  
<sup>6</sup> Chư hầu tháo chạy tan tành 621  
Bốn vua thừa thắng tung hoành can qua.  
<sup>7</sup> A-ma-lộc <sup>b</sup> cũng chẳng tha,  
Năm vua bị hiếp giàn ra đối đầu.  
<sup>8</sup> Đánh nhau mấy trận xà ngẫu, 625  
<sup>9</sup> Năm vua tan rã chạy nhào quân binh.  
<sup>10</sup> Bốn vua sẵn trốn sát sinh  
<sup>11</sup> Sô-đông <sup>c</sup> chiếm đóng hạ thành Gò-mô, <sup>d</sup>

<sup>a</sup> Sinh-việt: thung lũng Silvestrem, nơi có nhiều cây cối rậm rạp.

<sup>b</sup> A-ma-lộc: dân xứ Amalécites.

<sup>c</sup> Theo bản cũ, câu 12 đoạn XIII (Định cư trong xứ Sô-đông hào hùng). Linh mục Phao-lô Qui sửa lại là Sô-đôm.

<sup>d</sup> Gò-mô: thành Gomorrhes.

## ÁN-LÂM CỨU CHÁU MINH-ĐIỆP CHÚC LÀNH

Chuyện đời là chuyện chiến tranh, 611  
Cá lớn, cá bé giựt giành miếng ăn,  
Tứ vương các tộc ngang tàng,  
Liên minh bạo lực hung hăng oai quyền.  
Ngũ bá bị hiếp, kết liên, 615  
Kéo ra Sinh-việt, trận tiền phản công.  
Tứ vương các tộc thanh trừng,  
Những chư hầu trước thoát vòng bang giao.  
Bỏ qua triều cống từ lâu.  
Tứ vương đồng lực đánh đầu cũng thành.  
Chư hầu tháo chạy tan tành. 621  
Tứ vương thừa thắng tung hoành can qua.  
Chiếm vùng Mã-liệt chẳng tha,  
Ngũ bá bị hiếp giàn ra đối đầu.  
Đánh nhau mấy trận xà ngẫu, 625  
Ngũ bá tan rã, chạy nhào quân binh.  
Tứ vương sẵn trốn sát sinh.  
Sô-đông chiếm đóng, hạ thành Gò-mô.

### **Bản văn Kinh thánh**

Gô-gim, Am-ra-phen vua Sin-a và A-ri-ốc vua En-la-xa, bốn vua chống lại năm vua. <sup>10</sup> Thung lũng Xít-đim đầy những giếng nhựa đen; trong khi chạy trốn vua Xơ-đôm và vua Gô-mô-ra rơi xuống đó, những người còn lại thì trốn lên núi. <sup>11</sup> Những kẻ thắng trận chiếm đoạt tất cả tài sản của Xơ-đôm và Gô-mô-ra, cũng như tất cả lương thực của họ, rồi đi.

<sup>12</sup> Họ bắt ông Lót, cháu ông Áp-ram, cùng với tài sản của ông, rồi đi; bấy giờ ông Lót đang ở Xơ-đôm. <sup>13</sup> Một người thoát được đến báo tin cho ông Áp-ram, người Híp-ri, bấy giờ đang ở cụm sỏi của ông Mam-rê, người E-mô-ri, anh em của ông Ét-côn và ông A-ne; họ là đồng minh của ông Áp-ram.

<sup>14</sup> Khi nghe tin người anh em họ hàng của mình bị bắt, ông Áp-ram liền huy động những người đã được tập luyện, là các tôi tớ sinh ra trong nhà ông, đến ba trăm mười tám người, và đuổi theo đến tận Đan. <sup>15</sup> Ông và các tôi tớ của ông chia nhau ra tấn công họ vào ban đêm, đánh bại họ và đuổi theo đến tận Khô-va ở phía bắc Đa-mát. <sup>16</sup> Ông đưa tất cả tài sản về; ông đưa cả ông Lót, người anh em họ hàng của ông, và tài sản của ông ấy về, cũng như các phụ nữ và dân chúng.

<sup>17</sup> Sau khi đánh bại vua Cơ-đo-la-

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>12</sup> Oan thay, sản nghiệp cơ đồ,

Cả gia đình Lót bị vồ lùa đi.

<sup>13</sup> Có người sống sót cáo tri, **631**

Án-lâm hiểu rõ đại nguy tình hình.

<sup>14</sup> Gom nhau non bốn trăm đĩnh,

Kết thân <sup>a</sup> ba vị đồng minh lên đàng.

Tấn công khu vực Đan-thành <sup>b</sup>, **635**

Giặc say chiến thắng, loạn hàng tứ tung.

<sup>15</sup> Án-lâm, đem lại hỗn công,

Tứ vương chiến bại, hoảng hồn thoát thân.

<sup>16</sup> Thu hồi tài sản nhơn dân,

Cùng là của Lót, khai hoàn rút quân.

<sup>17</sup> Chiến công oanh liệt Án-lâm, **641**

Tứ vương háo chiến điều tàn giang sơn.

Nghe tin, vua xứ Sô-đông,

Thân hành đón tiếp, tỏ lòng tri ân.

<sup>18</sup> Có vua Minh-điệp <sup>c</sup> thời danh, **645**

Cũng là giáo chủ dân thành Sa-liêm.

Hằng ngày cúng tế Thượng-thiên,

Người đem rượu, bánh, dựng lên chúc mừng:

<sup>a</sup> Kết thân ba vị, là Án-lâm và hai bá hộ thế lực là Escol và Aner, cả ba cùng cư ngụ tại vùng Mân-Khê (Mambre)

<sup>b</sup> Đan-thành, là ngữ Đan cũng gọi Lais hay là Lesem.

<sup>c</sup> Minh-điệp, là-ngữ Melchisedech, vừa là vua, vừa là giáo chủ xứ Sa-liêm (Salem) hằng ngày ông dùng Bánh và Rượu tế lễ Đức Chúa Trời.

### **Bản Paulus Tọa**

<sup>12</sup> Oan thay, sản nghiệp cơ đồ,

Cả gia đình Lót bị vồ đem đi.

<sup>13</sup> Có người sống sót cáo tri **631**

Áp-ram hiểu rõ đại nguy tình hình.

<sup>14</sup> Triệu tập non bốn trăm đĩnh,

Kết thân ba vị đồng minh <sup>a</sup> lên đàng.

Tấn công khu vực Đan-thành, <sup>b</sup> **635**

Giặc say chiến thắng, loạn hàng tứ tung.

<sup>15</sup> Áp-ram đem lại hỗn công,

Bốn vua chiến bại, hoảng hồn thoát thân.

<sup>16</sup> Thu hồi tài sản **nhân** dân,

Cùng là của Lót, khai hoàn rút quân.

<sup>17</sup> Chiến công oanh liệt **Áp-ram** **641**

Bốn vua háo **thắng** điều tàn giang sơn.

Nghe tin, vua xứ Sô-đông

Thân hành đón tiếp tỏ lòng tri ân.

<sup>18</sup> Có vua Minh-điệp <sup>c</sup> thời danh, **645**

Cũng là giáo chủ dân thành Sa-liêm <sup>d</sup>

Hằng ngày cúng tế Hoàng thiên,

Người đem rượu, bánh dựng lên chúc mừng:

<sup>a</sup> Abram cùng với Escol và Aner đồng ở một vùng Mambre (Mạc-linh) phối hợp đình tráng kéo ra đánh bọn xâm lăng.

<sup>b</sup> Đan thành: thành phố Đan.

<sup>c</sup> Minh-điệp: Melchisedech.

<sup>d</sup> Sa-liêm: xứ Salem.

### **Bản phục chế đề nghị**

Oan thay, sản nghiệp cơ đồ,

Cả gia đình Lót bị vồ lùa đi.

Có người sống sót cáo tri, **631**

Án-lâm hiểu rõ đại nguy tình hình.

Gom nhau non bốn trăm đĩnh,

Kết thân ba vị đồng minh lên đàng.

Tấn công khu vực Đan-thành, **635**

Giặc say chiến thắng, loạn hàng tứ tung.

Án-lâm, đem lại hỗn công,

Tứ vương chiến bại, hoảng hồn thoát thân.

Thu hồi tài sản nhơn dân,

Cùng là của Lót, khai hoàn rút quân.

Chiến công oanh liệt Án-lâm, **641**

Tứ vương háo chiến điều tàn giang sơn.

Nghe tin, vua xứ Sô-đông,

Thân hành đón tiếp, tỏ lòng tri ân.

Có vua Minh-điệp thời danh, **645**

Cũng là giáo chủ dân thành Sa-liêm.

Hằng ngày cúng tế Thượng-thiên,

Người đem rượu, bánh, dựng lên chúc mừng:

### **Bản văn Kinh thánh**

ô-me và các vua cùng phe, ông Áp-ram trở về. Bây giờ vua thành Xơ-đôm ra đón ông tại thung lũng Sa-vê, tức là thung lũng Nhà Vua.

<sup>18</sup> Ông Men-ki-xê-đê, vua thành Sa-lem, mang bánh và rượu ra; ông là tư tế của Thiên Chúa Tối Cao. <sup>19</sup> Ông chúc phúc cho ông Áp-ram và nói:

“Xin Thiên Chúa Tối Cao, Đấng dựng nên trời đất, chúc phúc cho Áp-ram! <sup>20</sup> Chúc tụng Thiên Chúa Tối Cao, Đấng đã trao vào tay ông những thù địch của ông!”

Rồi ông Áp-ram biếu ông Men-ki-xê-đê một phần mười tất cả chiến lợi phẩm.

<sup>21</sup> Vua Xơ-đôm nói với ông Áp-ram: “Người, thì xin ông cho lại tôi; còn tài sản, ông cứ lấy.” <sup>22</sup> Ông Áp-ram nói với vua Xơ-đôm: “Tôi xin giơ tay lên Đức Chúa, Thiên Chúa Tối Cao, Đấng dựng nên trời đất, mà thề: <sup>23</sup> “Dù một sợi chỉ, dù một quai dép, bất cứ cái gì của ông, tôi cũng không lấy. Ông sẽ không có thể nói: “Tôi đã làm giàu cho ông Áp-ram.” <sup>24</sup> Tôi không lấy gì cả, chỉ trừ những gì các người trai tráng của tôi đã ăn. Còn những người đã đi với tôi, là A-ne, Ét-côn và Mam-rê, họ sẽ lấy phần của họ.”

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>19</sup> “Tung hô Thượng-đế chín từng,

Giúp Ân-lâm được lấy lòng danh thom.

<sup>20</sup> Tung hô Thượng-đế uy hùng, 651

Nạp trao cường khẩu vào vòng tay ông.”

Ân-lâm tạ lễ tâm đồng:

“Một phần mười của kính dựng làm quà.”

<sup>21</sup> Vua Sô-đông cũng thốt ra: 655

“Tiên sinh nhận của, còn ta xin người”.

<sup>22</sup> Rằng, thề trước mặt Chúa trời:

<sup>23</sup> “Của vua, vua lấy, của tôi, tôi dùng,

Dầu cho một sợi chỉ lông.

Tôi không đụng tới, để phòng một câu:

<sup>24</sup> Nhờ vua, tôi được sang giàu; 661

Trừ những vật nào đỉnh tráng đã ăn.

Cùng của những vị góp phần.

Liên minh quân đội đánh tan giặc thù.

### **Bản Paulus Tọa**

<sup>19</sup> Tung hô Thượng đế chín từng,

Giúp **Áp-ram** được lấy lòng danh thom.

<sup>20</sup> Tung hô Thượng đế uy hùng, 651

Nạp trao **quân địch** vào vòng tay ông.

**Áp-ram** tạ lễ tâm đồng;

Một phần mười của kính dựng làm quà.

<sup>21</sup> Vua Sô-đông cũng thốt ra: 655

“Tiên sinh nhận của, còn ta xin người.”

<sup>22</sup> Rằng: thề trước mặt Chúa Trời,

<sup>23</sup> Của vua vua lấy, của tôi tôi dùng.

Dầu cho một sợi chỉ lông;<sup>a</sup>

Tôi không đụng tới để phòng một câu:

<sup>24</sup> Nhờ vua tôi **đặng** sang giàu, 661

Trừ những vật nào đỉnh tráng đã ăn,

Cùng của **ba** vị<sup>b</sup> góp phần,

Liên minh quân đội đánh tan giặc thù.

### **Bản phục chế đề nghị**

“Tung hô Thượng-đế chín từng,

Giúp Ân-lâm được lấy lòng danh thom.

Tung hô Thượng-đế uy hùng, 651

Nạp trao cường khẩu vào vòng tay ông.”

Ân-lâm tạ lễ tâm đồng:

“Một phần mười của kính dựng làm quà.”

Vua Sô-đông cũng thốt ra: 655

“Tiên sinh nhận của, còn ta xin người”.

Rằng, thề trước mặt Chúa Trời:

“Của vua, vua lấy, của tôi, tôi dùng,

Dầu cho một sợi chỉ lông.

Tôi không đụng tới, để phòng một câu:

Nhờ vua, tôi được sang giàu; 661

Trừ những vật nào đỉnh tráng đã ăn.

Cùng của những vị góp phần.

Liên minh quân đội đánh tan giặc thù.

<sup>a</sup> Dầu cho một máy may về vật gì thuộc của vua Sô-đông, Abram không muốn động tới.

<sup>b</sup> Ba vị: Amer, Escol và Membré (Mạc-linh).

<sup>1</sup> Sau các việc đó, có lời Đức Chúa phán với ông Áp-ram trong một thị kiến rằng: “Hỡi Áp-ram, đừng sợ, Ta là khiên che thuẫn đỡ cho ngươi; phần thưởng của ngươi sẽ rất lớn.” <sup>2</sup> Ông Áp-ram thưa: “Lạy Đức Chúa là Chúa Thượng, Chúa sẽ ban cho con cái gì? Con ra đi mà không con cái, và người thừa tự gia đình con là Ê-li-e-de, một người Đa-mát.” <sup>3</sup> Ông Áp-ram thưa: “Chúa coi, Chúa không ban cho con một dòng dõi, và một gia nhân của con sẽ thừa kế con.” <sup>4</sup> Và đây có lời Đức Chúa phán với ông rằng: “Kẻ đó sẽ không thừa kế ngươi, nhưng một kẻ do chính ngươi sinh ra mới thừa kế ngươi.” <sup>5</sup> Rồi Người đưa ông ra ngoài và phán: “Hãy ngước mắt lên trời, và thử đếm các vì sao, xem có đếm nổi không.” Người lại phán: “Dòng dõi ngươi sẽ như thế đó!” <sup>6</sup> Ông tin Đức Chúa, và vì thế, Đức Chúa kể ông là người công chính. <sup>7</sup> Người phán với ông: “Ta là Đức Chúa, Đấng đã đưa ngươi ra khỏi thành Ua của người Can-đê, để ban cho ngươi đất này làm sở hữu.” <sup>8</sup> Ông thưa: “Lạy Đức Chúa, làm sao mà biết là con sẽ được đất này làm sở hữu?” <sup>9</sup> Người phán với ông: “Đi kiếm cho Ta một con bò cái ba tuổi, một con dê cái ba tuổi, một con cừu đực ba tuổi, một

<sup>1</sup> Trời quang, gió vẹt, mây mù, 665  
 Ân-lâm càng rõ phù du cuộc đời.  
 Đêm kia, trong mộng nghe Trời:  
 “Yên tâm chớ sợ, mạng ngươi vững vàng.  
 Tay trời bảo trợ mười phần.”

<sup>2</sup> Muông tâu: “Tớ được Trời ban những gì,  
 Tớ vô thừa tự, ích chi, 671  
<sup>3</sup> Rồi đây sản nghiệp sẽ di tộc ngoài.”  
<sup>4</sup> Trời rằng: “há có nghĩ sai,  
 Con ngươi kế nghiệp, không ai xen vào.  
<sup>5</sup> Nhìn lên và hãy đếm sao, 675  
 Dòng người đông đảo ngày sau khác nào.”  
<sup>6</sup> Ân-lâm thành tín cúi đầu.  
 Thế nên Trời chọn ông vào chính-nhân  
<sup>7</sup> Lại nghe: “này đất Trời ban,  
 Vì ngươi đã bỏ mộ phần tổ tiên.”  
<sup>8</sup> Lạy Trời, tớ chẳng thực quyền, 681  
 Cách nào chiếm được khắp miền này đây?”  
<sup>9</sup> Rằng: “tam sinh lẽ hãy bày,  
 Bò, dê, chiên đực thêm hai phi cầm.”

<sup>1</sup> Trời quang, gió vẹt mây mù, 665  
 Áp-ram càng rõ phù du cuộc đời.  
 Đêm kia, trong mộng nghe Trời:  
 Yên tâm chớ sợ, mạng ngươi vững vàng.  
 Tay trời bảo trợ mười phần.

<sup>2</sup> Muôn tâu: “Tớ được Trời ban những gì,  
 Tớ vô thừa tự,<sup>a</sup> ích chi, 671  
<sup>3</sup> Rồi đây sản nghiệp sẽ di tộc ngoài.”<sup>b</sup>  
<sup>4</sup> Trời rằng: “há có nghĩ sai,  
 Con ngươi kế nghiệp không ai xen vào.  
<sup>5</sup> Nhìn lên và hãy đếm sao, 675  
 Dòng người đông đảo ngày sau khác nào.”  
<sup>6</sup> Áp-ram thành tín cúi đầu,  
 Thế nên Trời để ông vào chính nhân.<sup>c</sup>  
<sup>7</sup> Lại nghe: “Này đất trời ban,  
 Vì ngươi đã bỏ mộ phần tổ tiên.”  
<sup>8</sup> “Lạy Trời, tớ chẳng thực quyền,<sup>d</sup> 681  
 Cách nào chiếm được khắp miền này đây?”  
<sup>9</sup> “Rằng: “Tam sinh lẽ hãy bày,  
 Bò dê, chiên đực cùng hai phi cầm.”

<sup>a</sup> Không có con.

<sup>b</sup> Sản nghiệp sẽ về tay người khác tộc (ngoài dòng họ).

<sup>c</sup> Mặc dầu biết mình không con, nhưng vẫn tin lời Thiên Chúa phán hứa, tin cách thành thật, không cần lý luận để mà tin; vì đó Thiên Chúa nhìn nhận ông là bực chính nhân, người lành trung trực.

<sup>d</sup> Chẳng có quân đội hùng mạnh làm sao chiếm được một xứ rộng lớn đông dân?

## DÂN TRONG CÁC DÂN TAY TRỜI THÀNH LẬP

Trời quang, gió vẹt, mây mù, 665  
 Ân-lâm càng rõ phù du cuộc đời.  
 Đêm kia, trong mộng nghe Trời:  
 “Yên tâm chớ sợ, mạng ngươi vững vàng.  
 Tay trời bảo trợ mười phần.”

Muôn tâu: “Tớ được Trời ban những gì,  
 Tớ vô thừa tự, ích chi, 671  
 Rồi đây sản nghiệp sẽ di tộc ngoài.”  
 Trời rằng: “há có nghĩ sai,  
 Con ngươi kế nghiệp, không ai xen vào.  
 Nhìn lên và hãy đếm sao, 675  
 Dòng người đông đảo ngày sau khác nào.  
 Ân-lâm thành tín cúi đầu.  
 Thế nên Trời chọn ông vào chính-nhân  
 Lại nghe: “này đất Trời ban,  
 Vì ngươi đã bỏ mộ phần tổ tiên.”  
 Lạy Trời, tớ chẳng thực quyền, 681  
 Cách nào chiếm được khắp miền này đây?”  
 Rằng: “tam sinh lẽ hãy bày,  
 Bò, dê, chiên đực thêm hai phi cầm.”

**Bản văn Kinh thánh**

chim gáy và một bồ câu non.”<sup>10</sup> Ông kiếm cho Người tất cả những con vật ấy, xẻ đôi ra, và đặt nửa này đối diện với nửa kia; còn chim thì ông không xẻ.<sup>11</sup> Mãnh cầm sà xuống trên các con vật bị giết, nhưng ông Áp-ram đuổi chúng đi.<sup>12</sup> Lúc mặt trời gần lặn, thì một giấc ngủ mê ập xuống trên ông Áp-ram; một nỗi kinh hoàng, một bóng tối dày đặc bỗng ập xuống trên ông.<sup>13</sup> Người phán với ông: “Người phải biết rằng: dòng dõi người sẽ trú ngụ trong một đất không phải của chúng. Chúng sẽ làm tôi người ta và người ta sẽ hành hạ chúng bốn trăm năm.<sup>14</sup> Nhưng Ta sẽ xét xử dân tộc chúng phải làm tôi, và sau đó chúng sẽ ra đi với nhiều tài sản.<sup>15</sup> Còn người sẽ về với cha ông người bình an, và sẽ được chôn cất sau khi hưởng tuổi già hạnh phúc.<sup>16</sup> Đến đời thứ bốn, chúng sẽ trở về đây, vì sự gian ác của người E-mô-ri chưa đủ mức.”<sup>17</sup> Khi mặt trời đã lặn và màn đêm bao phủ, thì bỗng có một lò nghi ngút khói và một ngọn đuốc cháy rực đi qua giữa các con vật đã bị xẻ đôi.<sup>18</sup> Hôm đó, Đức Chúa lập giao ước với ông Áp-ram như sau: “Ta ban cho dòng dõi người đất này, từ sông Ai-cập đến Sông Cả, tức sông Êu-phơ-rát,<sup>19</sup> đất của những người Kê-ni, Cơ-nát, Cát-môn,<sup>20</sup> Khét, Pơ-rít-di, Ra-pha,<sup>21</sup> E-mô-ri, Ca-na-an, Ghia-ga-si và Giơ-vút.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>10</sup> **Án-lâm** vung lệnh thực hành, 685  
 Xẻ đôi ba thú xếp thành hai bên.  
 Phi cầm hai xác để nguyên,  
<sup>11</sup> “Điều hâu khát máu, bay tìm đến ăn.  
 Án-lâm đập đuổi chúng tan,  
<sup>12</sup> Chiều tà, giấc ngủ mê man nhập vào.  
<sup>13</sup> Án-lâm nghe tiếng Trời cao: 691  
 “Cho người biết trước việc sau thế này.  
 Một thời dòng dõi bỏ đây,  
 Tha phương cầu thực, bị đầy đọa thân.  
 Tính ra cũng bốn trăm năm, 695  
<sup>14</sup> Nhưng Trời sẽ phạt nước dân bạo quyền.  
 Và đem dòng dõi khỏi miền,  
 Mang theo vàng bạc, của tiền thậm đa.  
<sup>15</sup> Phần người an hưởng tuổi già,  
 Chết yên phần mộ, sống hòa tử tôn.  
<sup>16</sup> Nay dân bản xứ A-muôn 701  
 Tội chưa đủ số, hãy còn nương tay.  
 Dòng người đời bốn sau này,  
 Trời cho tất cả về đây nắm quyền.  
<sup>17</sup> Đêm về bốn phía tối đen, 705  
 Một luồng lửa đỏ bỗng nhiên cháy bùng,  
 Cháy luôn xác vật đã dung,  
 Đó là Thượng-đế kết cùng <sup>a</sup> Án-lâm,  
<sup>18</sup> Đây là ranh giới Trời ban,  
<sup>19</sup> Khởi từ Ê-giêp chạy sang đến vùng  
<sup>20</sup> Có sông Yêu-phách là cùng. 711  
 Hiện mười tộc chủng <sup>b</sup> đang chung sống còn.

<sup>a</sup> Kết cùng, Thượng-đế giao kết lời hứa cùng Án-lâm theo thủ tục huyết thệ của các dân thời cổ.  
<sup>b</sup> Những sắc tộc hay những bộ lạc lớn nhỏ, là Cinoeos, Cenezoeos, Cedmonoeos, Hethoeos, Pheresoeos, Ra-phaim, Chananoeos (Trà-nam) Gergesoeos, Jebusoeos và Ammorrhoeos (A-muôn).

**Bản Paulus Tọa**

<sup>10</sup> **Áp-ram** vung lệnh thực hành, 685  
 Xẻ đôi ba thú xếp thành đôi bên,  
 Phi cầm hai xác để nguyên,  
<sup>11</sup> Điều hâu khát máu bay tìm đến ăn.  
 Áp-ram đập đuổi chúng tan,  
<sup>12</sup> Chiều tà, giấc ngủ mê man nhập vào.  
<sup>13</sup> **Áp-ram** nghe tiếng Trời cao: 691  
 Cho người biết trước ngày sau thế này,  
 Một thời dòng dõi bỏ đây,  
 Tha phương cầu thực, bị đầy đọa thân.<sup>a</sup>  
 Tính ra cũng bốn trăm năm, 695  
<sup>14</sup> Nhưng Trời sẽ phạt nước dân bạo quyền.  
 Và đem dòng dõi khỏi miền,  
 Mang theo vàng bạc của tiền thậm đa.  
<sup>15</sup> Phần người an hưởng tuổi già  
 Chết yên phần mộ, sống hòa tử tôn.  
<sup>16</sup> Nay dân bản xứ **A-muôn**,<sup>b</sup> 701  
 Tội chưa đủ số, hãy còn nương tay.  
 Dòng người đời bốn sau này,  
 Trời cho tất cả về đây **chiếm** quyền.  
<sup>17</sup> **Mặt trời vừa lặn tối** đen, 705  
 Một luồng lửa đỏ bỗng nhiên cháy bùng,  
 Cháy luôn xác vật đã dung,  
 Đó là Thượng đế kết cùng **Áp-ram**.<sup>c</sup>  
<sup>18</sup> Đây là ranh giới Trời ban,  
<sup>19</sup> Khởi từ Ê-giêp chạy sang đến vùng  
<sup>20</sup> Có sông **Ơ-phách** <sup>d</sup> là cùng, <sup>e</sup> 711  
<sup>21</sup> **Hiện mười tộc chủng đang chung sống còn.**

<sup>a</sup> Tiết lộ tương lai về con cháu của ông, tức là Jacob di tản sang xứ Ai-cập (St. XVI)  
<sup>b</sup> A-muôn: dân Amorrhés hiện đang sống, chưa tới ngày bị diệt vong theo số mạng đã tiên định.  
<sup>c</sup> Thiên Chúa lập giao ước với Abram theo nghi thức “ăn thề” của người thời đó.  
<sup>d</sup> Ơ-phách: sông Euphrate, bản cũ gọi là Uông-phát: Có sông Uông-phát là cùng.  
<sup>e</sup> Là cùng: là chấm dứt, đến biên giới.

**Bản phục chế đề nghị**

Án-lâm vung lệnh thực hành, 685  
 Xẻ đôi ba thú xếp thành hai bên.  
 Phi cầm hai xác để nguyên,  
 “Điều hâu khát máu, bay tìm đến ăn.  
 Án-lâm đập đuổi chúng tan,  
 Chiều tà, giấc ngủ mê man nhập vào.  
 Án-lâm nghe tiếng Trời cao: 691  
 “Cho người biết trước việc sau thế này.  
 Một thời dòng dõi bỏ đây,  
 Tha phương cầu thực, bị đầy đọa thân.  
 Tính ra cũng bốn trăm năm, 695  
 Nhưng Trời sẽ phạt nước dân bạo quyền.  
 Và đem dòng dõi khỏi miền,  
 Mang theo vàng bạc, của tiền thậm đa.  
 Phần người an hưởng tuổi già,  
 Chết yên phần mộ, sống hòa tử tôn.  
 Nay dân bản xứ A-muôn 701  
 Tội chưa đủ số, hãy còn nương tay.  
 Dòng người đời bốn sau này,  
 Trời cho tất cả về đây nắm quyền.  
 Đêm về bốn phía tối đen, 705  
 Một luồng lửa đỏ bỗng nhiên cháy bùng,  
 Cháy luôn xác vật đã dung,  
 Đó là Thượng-đế kết cùng Án-lâm,  
 Đây là ranh giới Trời ban,  
 Khởi từ Ê-giêp chạy sang đến vùng  
 Có sông Yêu-phách<sup>a</sup> là cùng. 711  
 Hiện mười tộc chủng đang chung sống còn.

<sup>a</sup> Dị bản: Uông-phát.

<sup>1</sup> Bà Xa-rai, vợ ông Áp-ram, đã không sinh được cho ông một người con nào. Bà có một người nữ tỳ Ai-cập, tên là Ha-ga. <sup>2</sup> Bà Xa-rai nói với ông Áp-ram: “Ông coi: Đức Chúa đã không cho phép tôi sinh con. Vậy xin ông đi lại với nữ tỳ của tôi; may ra nhờ nó mà tôi sẽ có con.” Ông Áp-ram nghe lời bà Xa-rai.

<sup>3</sup> Mười năm sau khi ông Áp-ram lập nghiệp tại đất Ca-na-an, bà Xa-rai, vợ ông, đem nữ tỳ của bà là Ha-ga, người Ai-cập, hiến cho ông Áp-ram, chồng bà, để nàng làm vợ ông. <sup>4</sup> Ông đi lại với Ha-ga và nàng có thai. Khi thấy mình có thai, thì nàng coi khinh bà chủ. <sup>5</sup> Bà Xa-rai nói với ông Áp-ram: “Tôi bị sỉ nhục là tại ông đấy! Chính tôi đã đặt nữ tỳ của tôi vào lòng ông. Thế mà từ khi nó thấy mình có thai, nó coi khinh tôi. Xin Đức Chúa phân xử giữa ông và tôi.” <sup>6</sup> Ông Áp-ram nói với bà Xa-rai: “Nữ tỳ của bà ở trong tay bà đấy; đối với nó, cái gì tốt cho bà thì bà cứ làm!” Bà Xa-rai hành hạ Ha-ga khiến nàng phải trốn bà.

<sup>7</sup> Sứ thần của Đức Chúa gặp thấy nàng gần một suối nước trong sa mạc, suối ở trên đường đi Sua. <sup>8</sup>

<sup>1</sup> *Xuân-lài buồn việc không con,*  
*Hữu tam bất hiếu,<sup>a</sup> gọi chồng thở than:*

<sup>2</sup> “*Phần thiếp son sẽ cũng đành,* 715  
*Xin đưa tớ gái là nàng Hằng-sa,*  
<sup>3</sup> *Gốc dân Ê-giêp giúp ta,*  
*Để làm hầu thiếp may ra nối dòng.”*

<sup>4</sup> *Án-lâm nghe vợ, tâm đồng,*  
*Hằng-sa<sup>b</sup> chấp nói duyên hồng, cầu may.*

*Qua mùa xuân ấy, thọ thai,* 721  
*Hằng-sa lên mặt, Xuân-lài ghen tương<sup>c</sup>.*

<sup>5</sup> *Một hôm, tâm sự với chồng,*  
*“Tinh đời đen bạc cái vòng thiếp, thê.”*

*Rằng: “nàng vợ cả liệu bề,* 725  
*Cho hầu thiếp biết thị phi ở đời.*

<sup>6</sup> *Xuân-lài nhiều lúc nặng lời,*  
*Hằng-sa tủi phận, tách rời ra đi.*

<sup>a</sup> Tác giả mượn ý một câu trong xã hội Á-đông: *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* (Tội bất hiếu có ba, mà tội không sinh con nối dõi là nặng nhất).

<sup>b</sup> Hằng-sa, là nữ Hagar hay Agar, một đầy tớ gái gốc người Ai-cập. Linh mục **Phao lô Qui** sửa lại là A-ga

<sup>c</sup> Câu hát ngày xưa trong dân gian, nhưt là ở đồng quê An-Nam: “... *Cay co không phải trái cá, ghen tương là thói đờn bà xưa nay.*”

<sup>1</sup> **Sa-rai** buồn việc không con.  
*Hữu tam bất hiếu<sup>a</sup>, gọi chồng thở than.*

<sup>2</sup> **Phần tôi** son sẽ cũng đành 715  
*Xin đưa tớ gái là nàng **A-ga**,<sup>b</sup>*  
<sup>3</sup> *Gốc dân Ê-giêp giúp ta,*  
*Để làm hầu thiếp may ra nối dòng.*

<sup>4</sup> **Áp-ram** nghe vợ tâm đồng,  
**A-ga** chấp nói duyên hồng, cầu may.  
*Qua mùa xuân ấy, thọ thai,* 721  
**A-ga** lên mặt, **Sa-rai** đau lòng.

<sup>5</sup> *Một hôm, tâm sự với chồng,*  
*Tinh đời đen bạc, cái vòng thiếp thê.*

*Rằng: “Nàng vợ cả liệu bề,* 725  
*Cho hầu thiếp biết thị phi ở đời.”*

<sup>6</sup> **Sa-rai** nhiều lúc nặng lời,  
**A-ga** tủi phận, tách rời ra đi.

<sup>a</sup> Theo câu nói: “*bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*”.

<sup>b</sup> A-ga: Hagar. Bản xưa viết: “A-da”. **Phan Văn Cận** ghi lại A-ga cho dễ nghe hơn là A-da.

## BÔN CHÔN HÀO TỬ XUẤT HIỆN ỨC-MIỀN

*Xuân-lài buồn việc không con,*  
*Hữu tam bất hiếu, gọi chồng thở than:*

“*Phần thiếp son sẽ cũng đành,* 715  
*Xin đưa tớ gái là nàng Hằng-sa,*  
*Gốc dân Ê-giêp giúp ta,*  
*Để làm hầu thiếp may ra nối dòng.”*

*Án-lâm nghe vợ, tâm đồng,*  
*Hằng-sa chấp nói duyên hồng, cầu may.*

*Qua mùa xuân ấy, thọ thai,* 721  
*Hằng-sa lên mặt, Xuân-lài ghen tương.*

*Một hôm, tâm sự với chồng,*  
*“Tinh đời đen bạc cái vòng thiếp, thê.”*

*Rằng: “nàng vợ cả liệu bề,* 725  
*Cho hầu thiếp biết thị phi ở đời.*

*Xuân-lài nhiều lúc nặng lời,*  
*Hằng-sa tủi phận, tách rời ra đi.*

### Bản văn Kinh thánh

Người hỏi: “Ha-ga, nữ tỳ của Xa-rai, người từ đâu đến và đi đâu?” Nàng đáp: “Con đang trốn bà Xa-rai, chủ con.”<sup>9</sup> Sứ thần của Đức Chúa bảo nàng: “Cứ về với bà chủ người, và chịu lụy bà ấy.”<sup>10</sup> Sứ thần của Đức Chúa nói với nàng: “Ta sẽ làm cho dòng dõi người ra thật nhiều đến mức không thể đếm được vì quá đông.”<sup>11</sup> Sứ thần của Đức Chúa nói với nàng: “Này đây người đang có thai, sắp sinh hạ con trai và sẽ đặt tên là Ít-ma-ên, vì Đức Chúa đã nghe thấu nỗi khổ của người.”<sup>12</sup> Con người đó đúng là một con lừa hoang, nó giơ tay chống mọi người, mọi người giơ tay chống nó, nó sẽ luôn đối đầu với tất cả anh em nó.”<sup>13</sup> Nàng gọi tên Đức Chúa, Đấng phán với nàng, là: “Ngài là Thiên Chúa, Đấng thấy tôi”, vì nàng nói: “Phải chăng nơi đây tôi đã nhìn thấy, sau khi Người nhìn thấy tôi?”<sup>14</sup> Vì vậy người ta gọi giếng đó là giếng La-khai Rô-i. Giếng ấy ở giữa Ca-đê và Be-rét.<sup>15</sup> Ha-ga sinh cho ông Áp-ram một con trai; ông đặt tên cho đứa con mà Ha-ga đã sinh cho ông là Ít-ma-ên.<sup>16</sup> Ông Áp-ram được tám mươi sáu tuổi khi Ha-ga sinh Ít-ma-ên cho ông.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Hướng về hoang địa Xuyên-lê,<sup>a</sup>  
<sup>7</sup> Đọc đường một mỗi ngồi kể suối xanh.  
<sup>8</sup> Thiên-thần xuất hiện hỏi nàng: 731  
 “Đi đâu thơ thần, rừng hoang xé tà?”  
 Rằng: “tôi lánh mặt chủ nhà”.  
<sup>9</sup> Khuyên nàng trở lại, dĩ hoà vi tiên.  
 Trời cao thấu rõ ưu phiền, 735  
<sup>10</sup> Sau này con cháu đông ken sao trời.  
<sup>11</sup> Về dĩ, khi trẻ chào đời,  
 Ích-manh<sup>b</sup> tên đặt, <sup>12</sup> nó thời hoang tâm.  
 Đồng bào nó cũng hung hăng,  
 Cuộc đời thuận nghịch, ngang tàng phiêu lưu.  
<sup>13</sup> Hằng-sa tạ Đấng hộ phù, 741  
 Chẳng chê bỏ kẻ đơn cô lạc loài.  
<sup>14</sup> Thiên-phù,<sup>c</sup> nàng gọi suối này,  
 Chảy ngang Ba-rách,<sup>d</sup> bọc ngoài Cam-đê.<sup>e</sup>  
<sup>15</sup> Nhà xưa, nàng lại trở về, 745  
 Trở sinh nam tử, danh đề “Ích-manh”.  
<sup>16</sup> Nhìn qua đứa trẻ sơ sanh,  
 Tám mươi sáu tuổi, Án-lâm toại lòng.

<sup>a</sup> Xuyên lê, là ngữ Sur, vùng đất hoang có con đường đi tới Sa mạc, có nơi, viết là Xuyên, tùy câu văn.  
<sup>b</sup> Ích-manh, là ngữ Ismael.  
<sup>c</sup> Thiên-phù, ơn trời phù hộ, Hằng-sa gọi cái suối mà nàng gặp thiên thần là suối Thiên-phù.  
<sup>d</sup> Ba-rách, là ngữ Barad.  
<sup>e</sup> Camđê, là ngữ Cades, có chỗ viết Cam-đức.

### Bản Paulus Tạ

Hướng về vùng đất Su-rê  
<sup>7</sup> Đọc đường mỗi một ngồi kể suối xanh.  
<sup>8</sup> Thiên thần xuất hiện hỏi nàng: <sup>a</sup> 731  
 Đi đâu thơ thần, rừng hoang xé tà?  
 Rằng: tôi lánh mặt chủ nhà.  
<sup>9</sup> Khuyên nàng trở lại, dĩ hoà vi tiên.  
 Trời cao thấu rõ ưu phiền, 735  
<sup>10</sup> Sau này con cháu đông ken sao trời.  
<sup>11</sup> Về dĩ, khi trẻ chào đời,  
 Ích-manh<sup>b</sup> tên đặt, <sup>12</sup> nó thời hoang tâm.  
 Đồng bào nó cũng hung hăng,  
 Cuộc đời thuận nghịch, ngang tàng phiêu lưu.  
<sup>13</sup> A-ga tạ Đấng hộ phù, 741  
 Chẳng chê bỏ kẻ đơn cô lạc loài.  
<sup>14</sup> Thiên phù<sup>c</sup>, nàng gọi suối này,  
 Chảy ngang Ba-rách, bọc ngoài Ca-đê<sup>d</sup>.  
<sup>15</sup> Nhà xưa, nàng lại trở về, 745  
 Trở sinh nam tử danh đề Ích-manh.  
 Nhìn qua đứa bé sơ sanh,  
 Tám mươi sáu tuổi, Áp-ram toại lòng.<sup>e</sup>

<sup>a</sup> Câu này theo bản cũ, thấy cả Lữ-y Đoan đã viết: Một vì tiên hiện hỏi nàng. Phan Văn Cận có chú thích: “...tôi sửa lại, nghe có đạo Chúa một chút...”  
<sup>b</sup> Ích-manh: Ismael. Bản cũ viết Ưc-miên, Linh mục Phao-lô Qui đã sửa lại. Trong bản cũ câu 11 như sau:  
 Hãy về khi trẻ ra đời  
 Ưc-miên tên gọi, nét người nghinh ngang.  
<sup>c</sup> Thiên phù: A-gar đặt tên cho con suối nước được trời hộ mạng. Suối nước nằm giữa Ba-rách (Barad) và Ca-đê (Cades).  
<sup>d</sup> Câu này bản cũ viết: Chảy ngang Ba-lạc phía ngoài Cao-đê.  
<sup>e</sup> Bản cũ câu 15 viết:  
 Nhà xưa nàng lại trở về,  
 Trở sinh nam tử danh đề Ưc-miên.  
 Áp-lâm thấy giảm ưu phiền,  
 Tám mươi sáu tuổi cũng yên ủi lòng.

### Bản phục chế đề nghị

Hướng về hoang địa Xuyên-lê,  
 Đọc đường một mỗi ngồi kể suối xanh.  
 Một vì tiên<sup>a</sup> hiện hỏi nàng: 731  
 “Đi đâu thơ thần, rừng hoang xé tà?”  
 Rằng: “tôi lánh mặt chủ nhà”.  
 Khuyên nàng trở lại, dĩ hoà vi tiên.  
 Trời cao thấu rõ ưu phiền, 735  
 Sau này con cháu đông ken sao trời.  
 Hãy về khi trẻ ra đời<sup>b</sup>  
 Ưc-miên tên gọi, nét người nghinh ngang.  
 Đồng bào nó cũng hung hăng,  
 Cuộc đời thuận nghịch, ngang tàng phiêu lưu.  
 Hằng-sa tạ Đấng hộ phù, 741  
 Chẳng chê bỏ kẻ đơn cô lạc loài.  
 Thiên-phù, nàng gọi suối này,  
 Chảy ngang Ba-lạc phía ngoài Cao-đê.<sup>c</sup>  
 Nhà xưa, nàng lại trở về, 745  
 Trở sinh nam tử danh đề Ưc-miên.  
 Án-lâm thấy giảm ưu phiền,  
 Tám mươi sáu tuổi cũng yên ủi lòng.<sup>d</sup>

<sup>a</sup> Xem cước chú B 731.  
<sup>b</sup> Xem cước chú C 737.  
<sup>c</sup> Xem cước chú C 744.  
<sup>d</sup> Xem cước chú C 748.

<sup>1</sup> Khi ông Áp-ram được chín mươi chín tuổi, Đức Chúa hiện ra với ông và phán: “Ta là Thiên Chúa Toàn Năng. Người hãy bước đi trước mặt Ta và hãy sống hoàn hảo. <sup>2</sup> Ta sẽ đặt giao ước của Ta giữa Ta với người, và Ta sẽ cho người trở nên đông, thật đông.” <sup>3</sup> Ông Áp-ram cúi rạp xuống. Thiên Chúa phán với ông rằng: <sup>4</sup> “Phần Ta, đây là giao ước của Ta với người: người sẽ làm cha của vô số dân tộc. <sup>5</sup> Người ta sẽ không còn gọi tên người là Áp-ram nữa, nhưng là Áp-ra-ham, vì Ta đặt người làm cha của vô số dân tộc. <sup>6</sup> Ta sẽ cho người sinh ra nhiều, thật nhiều: Ta sẽ làm cho người thành những dân tộc, và vua chúa sẽ phát xuất từ người. <sup>7</sup> Ta sẽ lập giao ước của Ta giữa Ta với người và với dòng dõi người sau này, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Đây sẽ là giao ước vĩnh cửu, do đó Ta sẽ là Thiên Chúa của người và của dòng dõi người sau này. <sup>8</sup> Ta sẽ ban cho người và dòng dõi người sau này miền đất người đang trú ngụ, tức là tất cả đất Ca-na-an, làm sở hữu vĩnh viễn; và Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng.” <sup>9</sup> Thiên Chúa phán với ông Áp-ra-ham: “Phần người, hãy giữ giao ước của Ta, người và dòng dõi

<sup>1</sup> Bốn thu sau đó, Thiên-công  
<sup>2</sup> Hiện ra nhắc lại, đoạn đường sơ giao.  
Với lời khuyến khích đạo cao, 751  
<sup>3</sup> Án-lâm bái mạng, ghi vào tâm can:  
<sup>4</sup> Trở nên thi tổ các dân,  
<sup>5</sup> Án-lâm nhứt tộc đổi thành Bá-lâm.  
Do người xuất hiện ngai vàng quân vương.  
<sup>6</sup> Nhiều dân thế giới đấng đàn, 755  
<sup>7</sup> Trải bao thời đại sinh tồn,  
Trời là Thượng-đế của dòng dõi người.  
<sup>8</sup> Đất người hiện đắp xây đời,  
Cho quyền chiếm hữu vùng Trời Trà-nam.  
Nói nhau thế hệ muôn năm, 761  
Thành tâm chớ khá bội ân phước Trời.  
<sup>9</sup> Chứng minh thành tín của người,  
<sup>10</sup> Cùng là miêu duệ nghìn đời phải tuân;

<sup>1</sup> Mười thu sau đó, Thiên công <sup>a</sup>  
<sup>2</sup> Hiện ra nhắc lại đoạn đường sơ giao,  
Với lời khuyến khích đạo cao, 751  
<sup>3</sup> Áp-ram bái mạng, ghi vào tâm can:  
<sup>4</sup> “Trở nên thi tổ các dân,  
<sup>5</sup> Áp-ram nhứt tộc đổi thành Ra-ham. <sup>b</sup>  
<sup>6</sup> Nhiều dân thế giới đấng đàn, 755  
Do người xuất hiện ngai vàng quân vương.  
<sup>7</sup> Trải bao thời đại sinh tồn,  
Trời là Thượng đế của dòng dõi người.  
<sup>8</sup> Đất người hiện đắp xây đời,  
Cho quyền chiếm hữu vùng trời Trà-nam.<sup>c</sup>  
Nói nhau thế hệ nghìn năm, 761  
Thành tâm chớ khá bội ân phước trời.  
<sup>9</sup> Chứng minh thành tín của người,  
<sup>10</sup> Cùng là miêu duệ nghìn đời phải tuân.

<sup>a</sup> Thiên công: Ông Trời.

<sup>b</sup> Ra-ham: Bản chữ Nôm viết Bá-lâm (Áp-lâm được đổi danh là Áp-bá-lâm). Linh mục Phao-lô Qui (năm 1885) sửa lại là A-ba-ra-ham (Ra-ham) do La ngữ Abram đổi danh Abraham. Bản cũ viết: Ấp-lâm nhứt tộc đổi thành Bá-lâm (thủy tổ một dân tộc trở thành thủy tổ nhiều dân tộc).

<sup>c</sup> Trà-nam: Chanaan, xứ Ca-na-an.

LẬP PHÉP CẮT BÌ  
CÂY KHÔ MỘC NẤM

Bốn thu sau đó, Thiên-công  
Hiện ra nhắc lại, đoạn đường sơ giao.  
Với lời khuyến khích đạo cao, 751  
Án-lâm bái mạng, ghi vào tâm can:  
Trở nên thi tổ các dân,  
Án-lâm <sup>a</sup> nhứt tộc đổi thành Bá-lâm.  
Nhiều dân thế giới đấng đàn, 755  
Do người xuất hiện ngai vàng quân vương.  
Trải bao thời đại sinh tồn,  
Trời là Thượng-đế của dòng dõi người.  
Đất người hiện đắp xây đời,  
Cho quyền chiếm hữu vùng trời Trà-nam.  
Nói nhau thế hệ muôn năm, 761  
Thành tâm chớ khá bội ân phước Trời.  
Chứng minh thành tín của người,  
Cùng là miêu duệ nghìn đời phải tuân;

<sup>a</sup> Dị bản: Ấp-lâm, cước chú C 754.



**Bản văn Kinh thánh**

người sau này, từ thế hệ này qua thế hệ khác. <sup>10</sup> Đây là giao ước của Ta mà các người phải giữ, giao ước giữa Ta với các người, với dòng dõi người sau này: mọi đàn ông con trai của các người sẽ phải chịu cắt bì. <sup>11</sup> Các người phải chịu cắt bì nơi bao quy đầu: đó sẽ là dấu hiệu giao ước giữa Ta với các người. <sup>12</sup> Sinh được tám ngày, mọi con trai của các người sẽ phải chịu cắt bì, từ thế hệ này qua thế hệ khác, kể cả nô lệ sinh trong nhà, hay nô lệ các người dùng bạc mà mua của bất cứ người ngoại bang nào không thuộc dòng dõi các người. <sup>13</sup> Buộc phải cắt bì nô lệ sinh trong nhà cũng như nô lệ mua bằng bạc. Giao ước của Ta ghi dấu trong xác thịt các người, sẽ thành giao ước vĩnh cửu. <sup>14</sup> Kể không được cắt bì, người đàn ông con trai không được cắt bì nơi bao quy đầu, sẽ bị khai trừ khỏi dòng họ: nó đã phá vỡ giao ước của Ta.”

<sup>15</sup> Thiên Chúa phán với ông Áp-ra-ham: “Xa-rai, vợ người, người không được gọi tên là Xa-rai nữa, nhưng tên nó sẽ là Xa-ra. <sup>16</sup> Ta sẽ chúc phúc cho nó, Ta còn cho nó sinh cho người một con trai. Ta sẽ chúc phúc cho nó, nó sẽ trở thành những dân tộc; vua chúa các dân sẽ phát xuất từ nó. <sup>17</sup> Ông Áp-ra-ham cúi rạp xuống; ông cười và nghĩ bụng: “Đàn ông trăm tuổi mà có con được sao? Còn bà Xa-ra đã chín mươi tuổi mà sinh đẻ được sao?” <sup>18</sup> Ông Áp-ra-ham thưa với Thiên Chúa: “Ước chi Ít-ma-

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>11</sup> Cắt bì tất cả nam nhân, 765

Kẻ ăn người ở, ngoại dân trong nhà.

<sup>12</sup> Tám ngày sinh hạ, đem ra,

<sup>13</sup> Cắt trong xác thịt chút da qui đầu.

<sup>14</sup> Nam nào không giữ kết giao,

Kẻ là bội ước trước sau chẳng nhìn

<sup>15</sup> Xuân-lài<sup>a</sup> phải đổi tục danh, 771

Xuân-hoa tên mới: mẹ sanh tộc đoàn.

<sup>16</sup> Sẽ sinh ra một trưởng nam,

Trở nên trụ cột các dân khắp miền.

<sup>17</sup> Bá-lâm<sup>b</sup> quá đổi ngạc nhiên, 775

Vợ chồng trăm tuổi hảo huyền sinh con?

<sup>18</sup> Ích-manh, mong nó vuông tròn.

<sup>19</sup> Nhưng Trời khẳng định: “chính lòng Xuân-hoa.

Cho người một trẻ tài ba,

Đặt tên Y-giác, chan hoà muôn ân.

Ích-manh, Trời cũng đỡ đàn, 781

Sinh ra thập nhị tướng quân can cường.

<sup>a</sup> Thiên-chúa đổi tên Xuân-lài (la nữ Sarai) ra Xuân hoa (Sara). Linh mục Phao-lô Qui dùng chữ Sa-rai và Sa-ra thay cho chữ tác giả đã dùng.

<sup>b</sup> Đoạn 17 câu 5, Thiên Chúa cũng đổi tên Án-Lâm (Abram) ra Bá Lâm (Abraham). Linh mục Phao-lô Qui dùng chữ Áp-ram (Án-lâm) và Ra-ham hay A-ra-ham (Bá-lâm).

**Bản Paulus Tọa**

<sup>11</sup> Cắt bì tất cả nam nhân, 765

Kẻ ăn người ở, ngoại dân trong nhà.

<sup>12</sup> Tám ngày sinh hạ, đem ra,

<sup>13</sup> Cắt trong xác thịt chút da qui đầu.

<sup>14</sup> Nam nào không giữ kết giao

Kẻ là bội ước trước sau chẳng nhìn.

<sup>15</sup> Sa-rai phải đổi tục danh, 771

Sa-ra<sup>a</sup> tên mới: mẹ sanh tộc đoàn.

<sup>16</sup> Sẽ sinh ra một trưởng nam,

Trở nên trụ cột các dân khắp miền.

<sup>17</sup> Ra-ham quá sức ngạc nhiên, 775

Vợ chồng trăm tuổi hảo huyền sinh con?

<sup>18</sup> Ích-manh mong nó vuông tròn,

<sup>19</sup> Nhưng Trời khẳng định: chính lòng Sa-ra,

Cho người một trẻ tài ba,

Đặt tên I-giác, chan hoà muôn ân.

<sup>20</sup> Ích-manh, Trời cũng đỡ đàn, 781

Sinh ra thập nhị tướng quân hùng cường.

<sup>a</sup> Sara: bản cũ viết Sa-lâm.

Câu 15 như sau:

Sa-lan phải đổi tục danh,  
Sa-lâm tên mới: mẹ sanh tộc đoàn.

**Bản phục chế đề nghị**

Cắt bì tất cả nam nhân, 765

Kẻ ăn người ở, ngoại dân trong nhà.

Tám ngày sinh hạ, đem ra,

Cắt trong xác thịt chút da qui đầu.

Nam nào không giữ kết giao,

Kẻ là bội ước trước sau chẳng nhìn

Xuân-lài phải đổi tục danh,<sup>a</sup> 771

Xuân-hoa tên mới: mẹ sanh tộc đoàn.

Sẽ sinh ra một trưởng nam,

Trở nên trụ cột các dân khắp miền.

Bá-lâm quá đổi ngạc nhiên, 775

Vợ chồng trăm tuổi hảo huyền sinh con?

Ức-miên, mong nó vuông tròn.

Nhưng Trời khẳng định: “chính lòng Xuân-hoa.

Cho người một trẻ tài ba,

Đặt tên Y-giác, chan hoà muôn ân.

Ức-miên, Trời cũng đỡ đàn, 781

Sinh ra thập nhị tướng quân can cường.

<sup>a</sup> Dự bản:

Sa-lan phải đổi tục danh,  
Sa-lâm tên mới: mẹ sanh tộc đoàn.

### Bản văn Kinh thánh

ên được sống trước nhan Ngài!”<sup>19</sup> Nhưng Thiên Chúa phán: “Không đâu! Chính Xa-ra, vợ người, sắp sinh cho người một con trai, và người sẽ đặt tên cho nó là I-xa-ác. Ta sẽ lập giao ước của Ta với nó; đây sẽ là giao ước vĩnh cửu cho dòng dõi nó sau này.”<sup>20</sup> Còn về Ít-ma-ên, Ta nghe lời người xin: Này Ta chúc phúc cho nó, Ta sẽ cho nó sinh sôi nảy nở ra nhiều, thật nhiều. Nó sẽ sinh ra mười hai đầu mục, Ta sẽ làm cho nó thành một dân tộc lớn.<sup>21</sup> Nhưng giao ước của Ta thì Ta lập với I-xa-ác, đưa con mà Xa-ra sẽ sinh cho người vào độ này sang năm.”<sup>22</sup> Sau khi phán với ông Áp-ra-ham, Thiên Chúa từ giã ông mà đi lên.<sup>23</sup> Ông Áp-ra-ham dẫn Ít-ma-ên con ông, mọi nô lệ sinh trong nhà ông và nô lệ mua bằng bạc, mọi đàn ông con trai trong số người nhà của ông, đem đi cắt bì nơi bao quy đầu của họ trong chính ngày ấy, như Thiên Chúa đã phán với ông.<sup>24</sup> Ông Áp-ra-ham được chín mươi chín tuổi khi chịu cắt bì nơi bao quy đầu.<sup>25</sup> Ít-ma-ên, con ông, được mười ba tuổi khi chịu cắt bì nơi bao quy đầu.<sup>26</sup> Trong chính ngày ấy, ông Áp-ra-ham và Ít-ma-ên, con ông, chịu cắt bì;<sup>27</sup> mọi người nhà của ông, những nô lệ sinh trong nhà hoặc nô lệ ông dùng bạc mà mua của người ngoại bang, đều chịu cắt bì với ông.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>21</sup> Dân đông, đất rộng biên cương,  
Còn phần Y-giác<sup>a</sup> chính tông sau này,  
Trời còn kế hoạch tương lai, 785  
Sẽ cùng với nó một ngày kết giao.”  
<sup>22</sup> Dứt lời, Thượng-đế thẳng cao,  
<sup>23</sup> Bá-lâm sau đó trở vào gia trang.  
Đem ra tất cả nam nhân,  
Chẳng phân sắc tộc, chẳng phân trẻ già.  
<sup>24</sup> Bá-lâm, chín chín<sup>b</sup> đồng hoà 791  
<sup>25</sup> Ích-manh tuổi độ mười ba nhập đoàn.  
Lịnh Trời ai cũng phải tuân,  
<sup>26</sup> Chứng minh ý chí trung thành quyền cao.  
<sup>27</sup> Cắt-bì kẻ trước, người sau. 795  
Người dung thành tín, Trời trao lòng lành.

<sup>a</sup> Y-giác, là nữ Isaac, tên đứa con duy nhất do Xuân-hoa (Sara) sinh ra.

<sup>b</sup> Lúc ấy Bá-lâm thọ chín mươi chín tuổi

### Bản Paulus Tọa

<sup>21</sup> Dân đông, đất rộng biên cương,<sup>a</sup>  
Còn phần I-giác chính tông sau này.  
Trời còn kế hoạch tương lai, 785  
Sẽ cùng với nó một ngày kết giao.”  
<sup>22</sup> Dứt lời, Thượng đế thẳng cao,  
<sup>23</sup> Ra-ham sau đó trở vào gia trang.  
Đem ra tất cả nam nhân,  
Chẳng phân sắc tộc, chẳng phân trẻ già.  
<sup>24</sup> Ra-ham chín chín đồng hòa, 791  
<sup>25</sup> Ích-manh tuổi độ mười ba nhập đoàn.  
Lịnh trời ai cũng phải tuân,  
<sup>26</sup> Chứng minh ý chí trung thành Trời cao.  
<sup>27</sup> Cắt bì<sup>b</sup> kẻ trước người sau, 795  
Người dung thành tín, Trời trao lòng lành.

<sup>a</sup> Theo cổ sử, con cháu Ismael là dân tộc Ả-rập, gồm nhiều bộ lạc khác nhau, sống du mục và thích chém giết, đã lập đạo Islam (Hồi giáo) luôn luôn chống dân Giu-dêu (Do thái) con cháu của I-giác.

<sup>b</sup> Cắt bì, nghi thức đặc biệt Thiên Chúa dạy thực hiện để minh chứng một dòng dõi (một dân tộc) được chọn riêng, thi hành chương trình của Người nơi cõi trần gian giữa lòng nhân loại.

### Bản phục chế đề nghị

Dân đông, đất rộng biên cương,  
Còn phần Y-giác chính tông sau này,  
Trời còn kế hoạch tương lai, 785  
Sẽ cùng với nó một ngày kết giao.”  
Dứt lời, Thượng-đế thẳng cao,  
Bá-lâm sau đó trở vào gia trang.  
Đem ra tất cả nam nhân,  
Chẳng phân sắc tộc, chẳng phân trẻ già.  
Bá-lâm, chín chín đồng hoà 791  
Ích-miên tuổi độ mười ba nhập đoàn.  
Lịnh Trời ai cũng phải tuân,  
Chứng minh ý chí trung thành quyền cao.  
Cắt bì kẻ trước, người sau. 795  
Người dung thành tín, Trời trao lòng lành.

<sup>1</sup> Đức Chúa hiện ra với ông Áp-ra-ham tại cụm sỏi Mam-rê, khi ông đang ngồi ở cửa lều, vào lúc nóng nực nhất trong ngày. <sup>2</sup> Ông ngược mắt lên thì thấy có ba người đứng gần ông. Vừa thấy, ông liền từ cửa lều chạy ra đón khách, sụp xuống đất lạy <sup>3</sup> và nói: “Thưa Ngài, nếu tôi được đẹp lòng Ngài, thì xin Ngài đừng đi qua mà không ghé thăm tôi tớ Ngài. <sup>4</sup> Để tôi cho lấy chút nước, mời các ngài rửa chân rồi nằm nghỉ dưới gốc cây. <sup>5</sup> Tôi xin đi lấy ít bánh, để các ngài dùng cho chắc dạ, trước khi tiếp tục đi, vì các ngài đã ghé thăm tôi tớ các ngài đây!” Khách trả lời: “Xin cứ làm như ông vừa nói!” <sup>6</sup> Ông Áp-ra-ham vội vã vào lều tìm bà Xa-ra mà bảo: “Bà mau mau lấy ba thúng tinh bột mà nhồi, rồi làm bánh.” <sup>7</sup> Ông chạy lại đàn vật, bắt một con bê mềm và ngon, giao cho người đầy tớ, và anh này vội vã làm thịt. <sup>8</sup> Ông lấy sữa chua, sữa tươi và thịt bê đã làm, mà đãi khách; rồi ông đứng hầu dưới gốc cây, đang khi khách dùng bữa. <sup>9</sup> Khách nói với ông: “Bà Xa-ra vợ ông đâu?” Ông đáp: “Thưa nhà tôi ở trong lều.” <sup>10</sup> Người nói: “Sang năm, tôi sẽ trở lại thăm ông, và khi đó bà Xa-ra vợ ông sẽ có một con

<sup>1</sup> Một ngày, mùa hạ nắng hanh.  
<sup>2</sup> Bá-lâm nhìn thấy Ba thần <sup>a</sup> đi qua  
 Vội vàng chào đón thiết tha:  
<sup>3</sup> “Quý Ngài chiếu cố thứ tha kẻ này,  
<sup>4</sup> Tàng cao nghỉ mát tạm đây, **801**  
<sup>5</sup> Tớ xin đạm bạc hầu Ngài bữa cơm.”  
 Khách thần <sup>b</sup> vui vẻ dùng chon.  
<sup>6</sup> Bá-lâm <sup>c</sup> liền gọi gia nhor cỗ bàn.  
<sup>7</sup> Xuân-hoa nướng bánh hạnh nhân. **805**  
<sup>8</sup> Thịt chiên nhiều món, quay, hầm, dọn ra.  
<sup>9</sup> Khách-thần cầm dũa <sup>d</sup> dùng qua,  
 Hỏi thăm chủ trại: “Vợ nhà thế nào?”  
 Đáp rằng: “Vợ tớ <sup>e</sup> phía sau.”  
<sup>10</sup> Khách rằng: “Năm tới cũng vào khoảng đây.

<sup>a</sup> Ba thần, ba vị cốt cách tiên thánh, phương phi: quờn phép trên diện mạo, khiến Bá-lâm nhận biết là người của Thiên Chúa, là sứ thần đại diện Thiên Chúa.

<sup>b</sup> Khách thần, người khách từ cõi thần tiên đến, không phải khách phàm.

<sup>c</sup> Bá-lâm xếp đặt, tôi tớ trong nhà lo dọn dẹp cỗ bàn tiem tất hầu đãi quý khách.

<sup>d</sup> Cầm dũa, tác giả viết cho người An-Nam đọc, nên trình bày theo phong tục sinh sống của dân tộc mình, hầu cho giới bình dân dễ thông cảm.

<sup>e</sup> Chữ tớ, dùng trong *Sấm truyền ca* là tiếng khiêm xưng, khi đối thoại với kẻ lớn, kẻ mình là hạng tôi tớ nhỏ hèn. Không có nghĩa như chữ tớ của nhà nho quen dùng trong thi ca.

<sup>1</sup> Một ngày mùa hạ nắng hanh,  
<sup>2</sup> Ra-ham nhìn thấy ba Thần đi qua.  
<sup>3</sup> Vội vàng chào đón thiết tha,  
 Mong ngài chiếu cố thứ tha kẻ này.  
<sup>4</sup> Tàng cao nghỉ mát tạm đây, **801**  
<sup>5</sup> Tớ xin đạm bạc hầu ngài bữa cơm.  
 Khách thần <sup>a</sup> vui vẻ dùng chon,  
<sup>6</sup> Ra-ham liền gọi gia nhor cỗ bàn.  
<sup>7</sup> Sa-ra nướng bánh hạnh nhân, **805**  
<sup>8</sup> Thịt chiên nhiều món, quay, hầm dọn ra.  
<sup>9</sup> Khách thần cầm dũa <sup>b</sup> dùng qua,  
 Hỏi thăm chủ trại: “Vợ nhà thế nào?”  
 Đáp rằng: “Vợ tớ phía sau.”  
<sup>10</sup> Khách rằng: “Năm tới cũng vào khoảng đây,

<sup>a</sup> Khách thần: khách quý từ cõi trời đến, cũng gọi “khách trời”, phân biệt khách trần là người cũng ở cõi phàm trần.

<sup>b</sup> Người xưa đã An-nam hóa bữa ăn, như dọn cơm cầm dũa. Thật ra, thời thượng cổ những giống dân ở vùng này ăn uống như thế nào, không biết rõ.

THIÊN CƠ TIẾT LỘ,  
 HÒA DIỆT SÔ-ĐÔNG

Một ngày, mùa hạ nắng hanh.  
 Bá-lâm nhìn thấy Ba Thần đi qua  
 Vội vàng chào đón thiết tha:  
 “Quý Ngài chiếu cố thứ tha kẻ này,  
 Tàng cao nghỉ mát tạm đây **801**  
 Tớ xin đạm bạc hầu Ngài bữa cơm.”  
 Khách thần vui vẻ dùng chon.  
 Bá-lâm liền gọi gia nhor cỗ bàn.  
 Xuân-hoa nướng bánh hạnh nhân. **805**  
 Thịt chiên nhiều món, quay, hầm, dọn ra.  
 Khách-thần cầm dũa dùng qua,  
 Hỏi thăm chủ trại: “Vợ nhà thế nào?”  
 Đáp rằng: “Vợ tớ phía sau.”  
 Khách rằng: “Năm tới cũng vào khoảng đây.

**Bản văn Kinh thánh**

traị.” Bà Xa-ra bấy giờ đang nghe ở cửa lều, phía sau. <sup>11</sup> Ông Áp-ra-ham và bà Xa-ra đã già nua tuổi tác, và bà Xa-ra không còn điều thường xảy đến cho đàn bà. <sup>12</sup> Bà Xa-ra cười thầm tự bảo: “Mình đã cần cỗi rồi, còn hưởng được vui thú nữa sao? Ông nhà mình lại là một ông lão!” <sup>13</sup> Đức Chúa phán với ông Áp-ra-ham: “Tại sao Xa-ra lại cười và nói: ‘Có thật tôi già thế này mà còn sinh đẻ được chăng?’ <sup>14</sup> Nào có điều gì kỳ diệu vượt sức Đức Chúa? Vào độ này sang năm, Ta sẽ trở lại thăm ngươi, và Xa-ra sẽ có một con trai.” <sup>15</sup> Bà Xa-ra chối và nói: “Con đâu có cười!” Vì bà sợ. Nhưng Người bảo: “Có, ngươi đã cười!”

<sup>16</sup> Từ nơi đó ba người kia đứng dậy và nhìn xuống phía Xơ-đôm. Ông Áp-ra-ham cùng đi để tiễn khách. <sup>17</sup> Đức Chúa phán: “Ta có nên giấu Áp-ra-ham điều Ta sắp làm chăng? <sup>18</sup> Áp-ra-ham sẽ trở thành một dân tộc lớn mạnh và mọi dân tộc sẽ được chúc phúc nhờ nó. <sup>19</sup> Thật vậy, Ta đã chọn nó, để nó truyền cho con cái nó và gia tộc nó sau này phải giữ đường lối của Đức Chúa mà thực hiện điều công minh chính trực; như thế Đức Chúa sẽ làm cho Áp-ra-ham điều Người đã phán về nó.” <sup>20</sup> Đức Chúa phán: “Tiếng kêu trách Xơ-đôm và Gô-mô-ra thật quá lớn!

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Chủ nhà sẽ có con trai.” 811

Xuân-hoa nghe được bỗng quay mặt cười.

<sup>11</sup> Nghĩ thầm mình đã già rồi,

<sup>12</sup> Còn đâu cái chuyện vui đời tử tôn.

<sup>13</sup> Khách rằng: “... Già há chẳng con, 815

<sup>14</sup> Vội quyền Thượng-đế đâu còn khó khăn.

Đừng cười, ... năm tới sang thăm,  
Nhà này vui vẻ được thằng bé trai.”

<sup>15</sup> Xuân-hoa: “chẳng dám cười Ngài,  
Dám xin hỉ xả trí ngây người đời.

<sup>16</sup> Khách thần sau đó đã rời, 821

Lộ trình nhắm hướng vùng trời Sô-đông.

Bá-lâm hiểu khách tiễn chơn,

<sup>17</sup> Khách rằng: “... Không lẽ giấu ông việc này.

<sup>18</sup> Vì ông: dân lớn tương lai, 825

Cả và thiên hạ nhờ đây phước lành.

<sup>19</sup> Vì ông cư xử công bằng,

Nhút tâm hành đạo theo đường lễ, nhân. <sup>a</sup>

Trời cao phán hứa bao lần,  
Sẽ cho ứng nghiệm dưới trần không sai.

<sup>a</sup> Câu này phù hợp với ý nghĩa một câu trong Nho giáo: “...Thường bả nhứt tâm hành chính đạo, mãn thân ngũ đức lập chân tâm” (mỗi ngày một lòng làm theo đạo chính (Đạo của Trời) suốt đời sống theo ngũ đức (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) để xây dựng một tâm lòng ngay thật)

**Bản Paulus Tào**

Chủ nhà sẽ có con trai.” 811

Sa-ra nghe được bỗng quay mặt cười.

<sup>11</sup> Nghĩ thầm mình đã già rồi,

<sup>12</sup> Còn đâu cái chuyện vui đời tử tôn.

<sup>13</sup> Khách rằng: “Già há chẳng con, 815

<sup>14</sup> Vội quờn Thượng đế đâu còn khó khăn.

Đừng cười, năm tới sang thăm,  
Nhà này vui vẻ được thằng bé trai.”

<sup>15</sup> Sa-ra: “Đâu dám cười ngài,  
Cúi xin hỉ xả, trí ngây người đời.”

<sup>16</sup> Khách thần sau đó đã rời, 821

Lộ trình nhắm hướng vùng trời Sô-đông.

Ra-ham hiểu khách tiễn chơn.

<sup>17</sup> Khách rằng: “Không lẽ giấu ông việc này,

<sup>18</sup> Vì ông, dân lớn tương lai 825

Cả và thiên hạ nhờ đây phước lành.

<sup>19</sup> Vì ông cư xử công bằng

Nhút tâm hành đạo theo đường lễ nhân,  
Trời cao phán hứa bao lần,  
Sẽ cho ứng nghiệm dưới trần không sai.”

**Bản phục chế đề nghị**

Chủ nhà sẽ có con trai.” 811

Xuân-hoa nghe được bỗng quay mặt cười.

Nghĩ thầm mình đã già rồi,

Còn đâu cái chuyện vui đời tử tôn.

Khách rằng: “... Già há chẳng con, 815

Vội quyền Thượng-đế đâu còn khó khăn.

Đừng cười, ... năm tới sang thăm,  
Nhà này vui vẻ được thằng bé trai.”

Xuân-hoa: “chẳng dám cười Ngài,  
Dám xin hỉ xả trí ngây người đời.

Khách thần sau đó đã rời, 821

Lộ trình nhắm hướng vùng trời Sô-đông.

Bá-lâm hiểu khách tiễn chơn,

Khách rằng: “... Không lẽ giấu ông việc này.

Vì ông: dân lớn tương lai, 825

Cả và thiên hạ nhờ đây phước lành.

Vì ông cư xử công bằng,

Nhút tâm hành đạo theo đường lễ, nhân.

Trời cao phán hứa bao lần,  
Sẽ cho ứng nghiệm dưới trần không sai.

**Bản văn Kinh thánh**

Tội lỗi của chúng quá nặng nề!<sup>21</sup> Ta phải xuống xem thật sự chúng có làm như tiếng kêu trách đã thấu đến Ta không. Có hay không, Ta sẽ biết.”

<sup>22</sup> Hai người kia bỏ nơi đó mà đi về phía Xơ-đôm, nhưng Đức Chúa còn đứng lại với ông Áp-ra-ham.

<sup>23</sup> Ông lại gần và thưa: “Chẳng lẽ Ngài tiêu diệt người lành một trật với kẻ dữ sao? <sup>24</sup> Giả như trong thành có năm mươi người lành, chẳng lẽ Ngài tiêu diệt họ thật sao? Chẳng lẽ Ngài không dung thứ cho thành đó, vì năm mươi người lành trong đó sao? <sup>25</sup> Ngài làm như vậy, chắc không được đâu! Giết chết người lành một trật với kẻ dữ, coi người lành cũng như kẻ dữ, chắc không được đâu! Đáng xét xử cả trần gian lại không xét xử công minh sao?” <sup>26</sup> Đức Chúa đáp: “Nếu Ta tìm được trong thành Xơ-đôm năm mươi người lành, thì vì họ, Ta sẽ dung thứ cho tất cả thành đó.”

<sup>27</sup> Ông Áp-ra-ham lại nói: “Mặc dầu con chỉ là thân tro bụi, con cũng xin mạn phép thưa với Chúa: <sup>28</sup> Giả như trong số năm mươi người lành lại thiếu mất năm, vì năm người đó, Ngài sẽ phá huỷ cả thành sao?” Chúa đáp: “Không! Ta sẽ không phá huỷ, nếu Ta tìm được bốn mươi lăm người.” <sup>29</sup> Ông lại thưa một lần nữa: “Giả như trong thành tìm được bốn mươi

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>20</sup> Sô-đôm thành phố vui say, 831

Trà đình, tửu quán, gái trai dâm loạn.

<sup>21</sup> Mây may nhân tính không còn,

Đến giờ xét đoán thiệt hơn thế nào.”

<sup>22</sup> Khách thần vừa dứt mấy câu, 835

Bá-lâm cung kính đặt mau vấn đề:

<sup>23</sup> “Người lành, kẻ dữ chung kẻ,

Một phen tiêu diệt, nã nê xiết bao!

<sup>24</sup> Nếu thành, năm chục đạo cao <sup>a</sup>,

<sup>25</sup> Há Trời chẳng có lòng nào buông tha?”

<sup>26</sup> “Đúng như lời đã đặt ra, 841

Đạo cao năm chục, bỏ qua tức thì.”

<sup>27</sup> Nếu như chẳng đủ số ni,

<sup>28</sup> Bốn lăm xét được, duy trì lệnh chẳng?

“Giả như, tốt được bốn lăm, 845

Trời tha dân sự bình an sống còn.”

<sup>29</sup> “Vĩ bằng có bốn chục tron,

Tru di lệnh ấy có ngừng được không?”

“Bốn mươi, Trời cũng đủ lòng,

Vì là đức trọng, phép công phải nhường.”

<sup>a</sup> Có câu: Đạo cao long hổ phục, đức trọng qui thân kinh.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>20</sup> Sô-đôm thành phố vui say, 831

Trà đình, tửu quán, gái trai dâm loạn.

<sup>21</sup> Mây may nhân tính không còn,

Đến giờ xét đoán thiệt hơn thế nào.

<sup>22</sup> Khách thần vừa dứt mấy câu 835

**Ra-ham bước đến đặt mau vấn đề.<sup>a</sup>**

<sup>23</sup> “Kẻ lành, người dữ chung kẻ,

Một phen tiêu diệt nã nê xiết bao!

<sup>24</sup> Nếu thành, năm chục đạo cao,

<sup>25</sup> Há Trời chẳng có lòng nào buông tha?”

<sup>26</sup> “Đúng như lời đã đặt ra, 841

Đạo cao năm chục, bỏ qua tức thì.”

<sup>27</sup> “Nếu như chẳng được số ni,

<sup>28</sup> Bốn lăm xét được duy trì lệnh chẳng?

**Như thành, lành được bốn lăm, 845**

Trời tha **tất cả** bình an sống còn.”

<sup>29</sup> “**Giả như** có bốn chục tron,

Tru di lệnh ấy có ngừng được không?”

“Bốn mươi, Trời cũng đủ lòng,

Vì là đức trọng, phép công phải nhường.”

<sup>a</sup> Sự thối mắc của Abraham về kẻ lành người dữ bị chung một số phận, thì lòng nhân lành và phép công thẳng của Thiên Chúa sẽ giải quyết cách nào cho hợp lý. Và Khách thần đã giải đáp rành mạch.

**Bản phục chế đề nghị**

Sô-đôm thành phố vui say, 831

Trà đình, tửu quán, gái trai dâm loạn.

Mây may nhân tính không còn,

Đến giờ xét đoán thiệt hơn thế nào.”

<sup>22</sup> Khách thần vừa dứt mấy câu, 835

Bá-lâm cung kính đặt mau vấn đề:

“Người lành, kẻ dữ chung kẻ,

Một phen tiêu diệt, nã nê xiết bao!

Nếu thành, năm chục đạo cao,

Há Trời chẳng có lòng nào buông tha?”

“Đúng như lời đã đặt ra, 841

Đạo cao năm chục, bỏ qua tức thì.”

Nếu như chẳng đủ số ni,

Bốn lăm xét được, duy trì lệnh chẳng?

“Giả như, tốt được bốn lăm, 845

Trời tha dân sự bình an sống còn.”

“Vĩ bằng có bốn chục tron,

Tru di lệnh ấy có ngừng được không?”

“Bốn mươi, Trời cũng đủ lòng,

Vì là đức trọng, phép công phải nhường.”

### Bản văn Kinh thánh

người thì sao?” Chúa đáp: “Vì bốn mươi người đó, Ta sẽ không làm.”

<sup>30</sup> Ông nói: “Xin Chúa đừng giận, cho con nói tiếp: Giả như ở đó có ba mươi người thì sao?” Chúa đáp: “Nếu Ta tìm được ba mươi người, Ta sẽ không làm.” <sup>31</sup> Ông nói: Con xin mạn phép thưa với Chúa: “Giả như tìm được hai mươi người thì sao?” Chúa đáp: “Vì hai mươi người đó, Ta sẽ không phá hủy.”

<sup>32</sup> Ông nói: “Xin Chúa đừng giận, cho con nói một lần nữa thôi: Giả như tìm được mười người thì sao?” Chúa đáp: “Vì mười người đó, Ta sẽ không phá hủy Xơ-đôm.”

<sup>33</sup> Sau khi phán với ông Áp-ra-ham, Đức Chúa đi, còn ông Áp-ra-ham thì trở về nhà.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>30</sup> Nếu có ba chục thiện nhơn, 851

Thì là số phận Sô-đông thế nào?”

“Ba mươi người đạo đức sâu,

Lòng trời quang đại, lẽ đâu phụ phàng.”

<sup>31</sup> Nếu còn hai chục người lành. 855

Trời cao có thể thi hành phép công?”

“Hai mươi biết trọng ngôi nhơn,

Dĩ nhiên kéo được lòng thương của Trời.”

<sup>32</sup> Một lời hỏi chót của tôi:

Nếu chỉ mười người, có được tha chăng?”

“Có mười đạo nghĩa trung can, 861

Thì Trời tha phạt cả thành yên vui.”<sup>a</sup>

<sup>33</sup> Mấy câu thảo luận qua rồi,

Bá-lâm về trại, Khách trời biến đi.

## 19

<sup>1</sup> Hai sứ thần đến thành Xơ-đôm vào buổi chiều; ông Lót lúc ấy đang ngồi ở cửa thành Xơ-đôm. Vừa thấy các ngài, ông Lót đứng lên ra đón các ngài và cúi sấp mặt xuống đất. <sup>2</sup> Ông nói: “Thưa các ngài, kính xin các ngài ghé lại nhà tôi tớ các ngài đây để nghỉ đêm và rửa chân, rồi sớm mai các ngài tiếp tục đi đường.” Họ đáp: “Không! Chúng tôi sẽ nghỉ

<sup>a</sup> Cuộc đối thoại giữa Khách thần và ông Bá-lâm là vấn đề tôn trọng kẻ lành, như câu tục ngữ thời đó: “... Vạn ác thú viết vô, nhứt thiện nhơn viết hữu” (Muôn kẻ sống như thú vật kẻ như không, một người sống lành là quý báu vậy). Trong xã hội An-Nam thời đó cũng có câu: *Một làm quan cả làng cũng đờ, một giàu có cả họ cũng vui*.

### Bản Paulus Tọa

<sup>30</sup> “Nếu có ba chục thiện nhơn, 851

Thì là số phận Sô-đông thế nào?

“Ba mươi người đạo đức sâu,

Lòng Trời quang đại, lẽ đâu phụ phàng.

<sup>31</sup> “Nếu còn hai chục người lành, 855

Trời cao có thể thi hành phép công?”

“Hai mươi biết trọng ngôi nhơn,

Dĩ nhiên kéo được lòng thương của Trời.”

<sup>32</sup> Một lời hỏi chót của tôi:

“Nếu chỉ mười người có được tha chăng?”

“Có mười đạo nghĩa trung can, 861

Thì Trời tha phạt cả thành yên vui.

<sup>33</sup> Mấy câu thảo luận qua rồi,<sup>a</sup>

Ra-ham về trại, Khách trời biến đi.

## 19

<sup>1</sup> Hoàng hôn vừa phủ thành trì, 865

Lộc-công<sup>b</sup> nhìn thấy hai vì nam nhân.

<sup>2</sup> Vội vàng thủ lễ ân cần:

Xin mời quý khách quá chân vào nhà.

<sup>a</sup> Abrabam đã được giải đáp đầy đủ, nhận thấy rõ một kẻ lành cũng cứu được cả xóm khỏi nạn tai.

<sup>b</sup> Lộc-công: ông Lót (Loth)

### Bản phục chế đề nghị

Nếu có ba chục thiện nhơn, 851

Thì là số phận Sô-đông thế nào?”

“Ba mươi người đạo đức sâu,

Lòng Trời quang đại, lẽ đâu phụ phàng.”

Nếu còn hai chục người lành. 855

Trời cao có thể thi hành phép công?”

“Hai mươi biết trọng ngôi nhơn,

Dĩ nhiên kéo được lòng thương của Trời.”

Một lời hỏi chót của tôi:

Nếu chỉ mười người, có được tha chăng?”

“Có mười đạo nghĩa trung can, 861

Thì Trời tha phạt cả thành yên vui.”

Mấy câu thảo luận qua rồi,

Bá-lâm về trại, Khách trời biến đi.

## 19

### LỬA CHÁY DÂM THÀNH GỐC HAI DÂN TỘC

Hoàng hôn vừa phủ thành trì, 865

Lộc-công nhìn thấy hai vì nam nhân.

Bước ra thủ lễ ân cần:

“Xin mời quý khách quá chân vào nhà,

**Bản văn Kinh thánh**

đêm ngoài đường phố.”<sup>3</sup> Nhưng ông nài nỉ các ngài mãi nên các ngài ghé lại và vào nhà ông. Ông làm tiệc đãi các ngài, nướng bánh không men, và các ngài đã dùng bữa.<sup>4</sup> Các ngài chưa đi nằm thì dân trong thành, tức là người Xơ-đôm, bao vây nhà, từ trẻ đến già, toàn dân không trừ ai.<sup>5</sup> Chúng gọi ông Lót và bảo: “Những người vào nhà ông đêm nay đâu rồi? Hãy đưa họ ra cho chúng tôi chơi.”

<sup>6</sup> Ông Lót ra trước cửa gặp chúng, đóng cửa lại sau lưng,<sup>7</sup> rồi nói: “Thưa anh em, tôi van anh em đừng làm bậy.<sup>8</sup> Đây tôi có hai đứa con gái chưa ăn ở với đàn ông, tôi sẽ đưa chúng ra cho anh em; anh em muốn làm gì chúng thì làm, nhưng còn hai người này, xin anh em đừng làm gì họ, vì họ đã vào trọ dưới mái nhà tôi.”<sup>9</sup> Chúng đáp: “Xê ra! Tên này là một ngoại kiều đến đây trú ngụ mà lại đòi xét xử à! Chúng tao sẽ làm dữ với mày hơn là với những tên kia!” Họ xô mạnh ông Lót và xông vào để phá cửa.<sup>10</sup> Nhưng hai người khách đưa tay kéo ông Lót vào nhà với mình, rồi đóng cửa lại.<sup>11</sup> Còn những người đứng ngoài cửa, thì các ngài làm cho chúng ra mù, từ người nhỏ nhất đến người lớn nhất, khiến chúng không sao tìm ra cửa.

<sup>12</sup> Hai người khách nói với ông Lót: “Ông còn ai ở đây nữa không? Con rể, con trai, con gái, và tất cả những gì ông có trong thành, hãy đưa ra khỏi nơi này.”<sup>13</sup> Chúng tôi sắp phá huỷ nơi này, vì tiếng

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

*Nghỉ ngơi, mới nói đường xa”*

Khách rằng: “ ngoài phố nghỉ qua đêm này”.

<sup>3</sup> Nhưng Lộc thành thật van nài. 871

Khách bèn đổi ý theo ngay Lộc vào.

*Bữa cơm thịnh soạn, bung hầu,*

*Cảm thông, chủ khách trong bầu thân yêu.*

<sup>4</sup> Canh hai, nghe có tiếng kêu, 875

Đàn ông đông đảo nói nhiều dâm ngôn:

<sup>5</sup> Có hai vị khách chiều hôm,

*Mời ra có chuyện, biết khôn liệu hồn.*

<sup>6</sup> Lộc-công<sup>a</sup> lời lẽ ôn tồn:

<sup>7</sup> Phô ông miễn thứ, khách còn đi xa,

<sup>8</sup> Nếu cần đến chuyện trăng hoa, 881

*Tôi cho hai gái để mà giúp vui.”*

<sup>9</sup> Bọn kia xài xể tôi bời:

*“Nào quân kiều ngụ, mở lời dạy ai.*

*Coi chừng kéo chết uống thầy.” 885*

*Chúng bèn xông tới, cung tay bạo hành.*

<sup>10</sup> Khách bèn kéo Lộc vào nhanh,

<sup>11</sup> Còn làm cho chúng quáng manh như gà.

*Quơ tay mò cửa vào nhà,*

*Nhưng rồi lạc hướng, thế là chúng tan.*

<sup>a</sup> Lộc-công, là ông Lộc hay Lộc.

**Bản Paulus Tạc**

*Nghỉ ngơi, mai nói<sup>a</sup> đường xa,*

Khách rằng: ngoài phố **tạm** qua đêm này.

<sup>3</sup> **Lộc-công** thành thật van nài, 871

Khách bèn đổi ý theo ngay **chủ** vào.

*Bữa cơm thịnh soạn bung hầu,*

*Cảm thông chủ khách trong bầu<sup>b</sup> thân yêu.*

<sup>4</sup> Canh hai nghe có tiếng kêu, 875

Đàn ông đông đảo nói nhiều dâm ngôn.

<sup>5</sup> Có hai vị khách chiều hôm,

*Mời ra có chuyện, biết khôn liệu hồn.*

<sup>6</sup> Lộc-công lời lẽ ôn tồn:

<sup>7</sup> Phô ông miễn thứ, khách còn đi xa.

<sup>8</sup> Nếu cần đến chuyện trăng hoa, 881

*Tôi cho hai gái để mà giúp vui.<sup>c</sup>*

<sup>9</sup> Bọn kia xài xể tôi bời:

*Nào quân kiều ngụ mở lời dạy ai.*

*Coi chừng kéo chết uống thầy 885*

*Chúng bèn xông **đến vung** tay bạo hành.*

<sup>10</sup> Khách **liền** kéo Lộc<sup>d</sup> vào nhanh,

<sup>11</sup> Còn làm cho chúng quáng manh như gà.

*Quơ tay mò cửa vào nhà,*

*Nhưng rồi lạc hướng, thế là chúng tan.*

<sup>a</sup> Mai nói: ngày mai còn tiếp tục đi xa.

<sup>b</sup> Bầu không khí thân mật, hiểu biết nhau.

<sup>c</sup> Lòng hiếu khách của ông Loth nặng hơn tình phụ tử.

<sup>d</sup> Lộc: ông Loth (ông Lót, Lộc-công).

**Bản phục chế đề nghị**

*Nghỉ ngơi, mới nói đường xa”*

Khách rằng: “ ngoài phố nghỉ qua đêm này”.

Nhưng Lộc thành thật van nài. 871

Khách bèn đổi ý theo ngay Lộc vào.

*Bữa cơm thịnh soạn, bung hầu,*

*Cảm thông, chủ khách trong bầu thân yêu.*

Canh hai, nghe có tiếng kêu, 875

Đàn ông đông đảo nói nhiều dâm ngôn:

<sup>5</sup> Có hai vị khách chiều hôm,

*Mời ra có chuyện, biết khôn liệu hồn.*

<sup>6</sup> Lộc-công lời lẽ ôn tồn:

<sup>7</sup> Phô ông miễn thứ, khách còn đi xa,

<sup>8</sup> Nếu cần đến chuyện trăng hoa, 881

*Tôi cho hai gái để mà giúp vui.”*

<sup>9</sup> Bọn kia xài xể tôi bời:

*“Nào quân kiều ngụ, mở lời dạy ai.*

*Coi chừng kéo chết uống thầy.” 885*

*Chúng bèn xông tới, cung tay bạo hành.*

<sup>10</sup> Khách bèn kéo Lộc vào nhanh,

<sup>11</sup> Còn làm cho chúng quáng manh như gà.

*Quơ tay mò cửa vào nhà,*

*Nhưng rồi lạc hướng, thế là chúng tan.*

### Bản văn Kinh thánh

kêu trách dân thành quá lớn trước nhan Đức Chúa, và Đức Chúa đã sai chúng tôi đến huỷ diệt chúng.”

<sup>14</sup> Ông Lót đi ra nói với các con rể, tức là những người sắp cưới các con gái ông: “Đứng lên! Ra khỏi nơi đây, vì Đức Chúa sắp phá huỷ thành này.” Nhưng các con rể ông cho là ông nói đùa.

<sup>15</sup> Khi hừng đông ló rạng, các sứ thần giục ông Lót rằng: “Đứng lên! Đưa vợ và hai con gái ông đang ở đây đi đi, kéo ông phải chết lây khi thành bị phạt.” <sup>16</sup> Ông còn đang chần chừ thì hai người khách nắm lấy tay ông, tay vợ ông và tay hai người con gái ông, vì Đức Chúa muốn cứu ông; các ngài đưa ông ra và để bên ngoài thành.

<sup>17</sup> Khi đưa ông ra ngoài rồi, một vị nói: “Ông hãy trốn đi để cứu mạng sống mình! Đừng ngoái lại đằng sau, đừng dừng lại chỗ nào cả trong cả Vùng. Hãy trốn lên núi kéo bị chết lây.” <sup>18</sup> Ông Lót nói với hai người khách: “Thưa ngài, xin miễn cho!” <sup>19</sup> Nay, tôi tớ ngài đây đã được đẹp lòng ngài, và ngài đã tỏ lòng thương lớn lao của ngài đối với tôi khi để cho tôi sống. Nhưng tôi không trốn lên núi được đâu, tai ương sẽ đuổi kịp, và tôi chết mất! <sup>20</sup> Kia, có một thành khá gần, có thể trốn vào đấy được, thành ấy lại nhỏ. Xin cho tôi trốn vào đó -thành đó nhỏ mà- để tôi được sống.” <sup>21</sup> Người nói với ông: “Được, vì nể ông một lần nữa, tôi sẽ không phá đổ thành mà ông nói. <sup>22</sup> Ông hãy mau trốn vào đó, vì

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>12</sup> Khách bảo Lộc gọi thân nhân, 891

<sup>13</sup> Hiệp nhau di tản vì thành hoả thiêu.

<sup>14</sup> Lộc cho rể biết mọi điều,

Chúng cười nhạc phụ bày nhiều dị đoan.

Thành trì bền vững muôn năm, 895

Lễ đâu có chuyện điêu tàn ngổn ngang.

<sup>15</sup> Tiếng gà vừa mới gáy tan,

Khách gọi: Lộc, vợ, hai nàng tiểu thơ.

Giục đi, nhưng họ chần chờ,

<sup>16</sup> Khách lời tất cả: “...nguy cơ tới rồi,

<sup>17</sup> Thẳng đường lên núi cho xuôi, 901

Đừng quay nhìn lại, chết tươi khôn nản.”

<sup>18</sup> Lộc rằng: “... <sup>19</sup> miền núi gian truân,

<sup>20</sup> Dám xin tá túc tiểu thành gần đây.”

<sup>21</sup> Được rồi, tất cả đi ngay, 905

Lộc xin, Trời cũng nương tay tiểu thành.<sup>a</sup>

<sup>22</sup> Cả nhà hối hả rộn hành,

<sup>23</sup> Nắng cao, Lộc đã đặt chân vào thành.

<sup>24</sup> Tức thì, mưa lửa diêm sanh,

Khắp miền châu thổ tan tành ra tro.

<sup>25</sup> Sô-đông và cả Gô-mô, 911

Dân cư, dinh thự như lò diệm sơn.

<sup>26</sup> Vợ Lộc ngoái cổ lại dòm,

Trở thành tượng muối, chồng con rụng rời.

### Bản Paulus Tọa

<sup>12</sup> Khách bảo Lộc gọi thân nhân, 891

<sup>13</sup> Hợp nhau di tản vì thành hỏa thiêu.

<sup>14</sup> Lộc cho rể biết mọi điều,

Chúng cười bố vợ bày nhiều dị đoan.

Thành trì bền vững muôn năm, 895

Lễ đâu có chuyện điêu tàn ngổn ngang.<sup>a</sup>

<sup>15</sup> Tiếng gà vừa mới gáy tan,

Khách gọi: Lộc, vợ, hai nàng tiểu thơ.

Giục đi, nhưng họ chần chờ,

<sup>16</sup> Khách lời tất cả: nguy cơ đến rồi.

<sup>17</sup> Thẳng đường lên núi cho xuôi, 901

Đừng quay nhìn lại chết tươi khôn nản.

<sup>18</sup> Lộc rằng: <sup>19</sup> Miền núi gian truân,

<sup>20</sup> Dám xin tá túc tiểu thành <sup>b</sup> gần đây.

<sup>21</sup> Được rồi, tất cả đi ngay, 905

Lộc xin, Trời cũng nương tay cho thành.

<sup>22</sup> Cả nhà hối hả rộn hành,

<sup>23</sup> Nắng cao, Lộc đã đặt chân vào thành.<sup>c</sup>

<sup>24</sup> Tức thì mưa lửa diêm sanh,

Khắp miền châu thổ tan tành ra tro.

<sup>25</sup> Sô-đông và cả Gô-mô,<sup>d</sup> 911

Dân cư, dinh thự như lò diệm sơn.

<sup>a</sup> Không ai có thể tin được, vì thành phố đang vững chắc, chính quyền đang hùng mạnh, dân cư đang sung túc, vui chơi, và lại bên ngoài không có giặc, thì sao xảy ra nạn cháy thành.

<sup>b</sup> Một thành phố nhỏ lân cận Sô-đông, tức là thành Segor.

<sup>c</sup> Chạy vào thành phố nhỏ gần đó.

<sup>d</sup> Sô-đông: Sodoma, Gô-mô: Gomorrhe.

### Bản phục chế đề nghị

Khách bảo Lộc gọi thân nhân, 891

Hiệp nhau di tản vì thành hoả thiêu.

Lộc cho rể biết mọi điều,

Chúng cười nhạc phụ bày nhiều dị đoan.

Thành trì bền vững muôn năm, 895

Lễ đâu có chuyện điêu tàn ngổn ngang.

Tiếng gà vừa mới gáy tan,

Khách gọi: Lộc, vợ, hai nàng tiểu thơ.

Giục đi, nhưng họ chần chờ,

Khách lời tất cả: “...nguy cơ tới rồi,

<sup>17</sup> Thẳng đường lên núi cho xuôi, 901

Đừng quay nhìn lại, chết tươi khôn nản.”

Lộc rằng: “... miền núi gian truân,

Dám xin tá túc tiểu thành gần đây.”

<sup>21</sup> Được rồi, tất cả đi ngay, 905

Lộc xin, Trời cũng nương tay tiểu thành.

Cả nhà hối hả rộn hành,

Nắng cao, Lộc đã đặt chân vào thành.

Tức thì, mưa lửa diêm sanh,

Khắp miền châu thổ tan tành ra tro.

Sô-đông và cả Gô-mô, 911

Dân cư, dinh thự như lò diệm sơn.



### Bản văn Kinh thánh

tôi không thể làm gì trước khi ông vào đó.” Bởi vậy, người ta đặt tên cho thành ấy là Xô-a.<sup>23</sup> Khi mặt trời mọc lên trên mặt đất thì ông Lót vào Xô-a.<sup>24</sup> Đức Chúa làm mưa diêm sinh và lửa từ Đức Chúa, từ trời, xuống Xơ-đôm và Gô-mô-ra.<sup>25</sup> Người phá đổ các thành ấy và cả Vùng, cùng với toàn thể dân cư các thành ấy và cây cỏ trên đất.<sup>26</sup> Bà vợ ông Lót ngoái lại đằng sau và hoá thành cột muối.<sup>27</sup> Sáng hôm sau ông Áp-ra-ham dậy sớm, đến chỗ ông đã đứng trước mặt Đức Chúa.<sup>28</sup> Ông nhìn xuống phía Xơ-đôm, Gô-mô-ra và cả Vùng, ông thấy khói từ đất bốc lên như khói một lò lửa!<sup>29</sup> Như vậy, khi Thiên Chúa phá huỷ các thành trong cả Vùng, Thiên Chúa đã nhớ đến ông Áp-ra-ham và đã cứu ông Lót khỏi cuộc tàn phá, khi Người phá đổ các thành nơi ông Lót ở.<sup>30</sup> Ông Lót bỏ Xô-a, lên ở trên núi cùng với hai con gái ông, vì ông sợ không dám ở Xô-a. Ông ở trong một cái hang cùng với hai con gái.<sup>31</sup> Cô chị bảo cô em: “Cha đã già; trong miền lại không có người đàn ông nào để đến với chúng mình theo thói thường trong thiên hạ.<sup>32</sup> Nào! Chúng mình hãy cho cha uống rượu và nằm với cha; như thế, chúng mình sẽ bảo tồn dòng giống cho cha.”<sup>33</sup> Đêm ấy, các cô cho cha mình uống rượu, rồi cô chị đến nằm với cha, mà ông không hay biết khi nào cô nằm, khi nào cô dậy.<sup>34</sup> Hôm sau, cô chị bảo cô

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>27</sup> Bá-Lâm vừa rụng chơn trời, 915  
Đứng nhìn về phía núi đồi Sô-đông.  
<sup>28</sup> Bùng lên khói lửa đỏ lòm,  
Lần lần ngùn ngụt khắp vùng Gô-mô.  
<sup>29</sup> Khác nào lò lửa quá to.  
Đốt miền sẫm uất ra tro điều tàn.  
Vi Trời cảm nghĩa Bá-lâm, 921  
Nên gia đình Lót thoát phần đại hung.  
<sup>30</sup> Thấy con tàn phá hãi hùng,  
Tiểu-thành Lót bỏ, chạy cùng hai con.  
Chui vào bọng đá trên non, 925  
<sup>31</sup> Buồn thì uống rượu quên cơn kinh hoàng.  
Đêm nằm mộng thấy giàu sang,<sup>a</sup>  
<sup>32</sup> Được vua kêu gả một nàng mỹ nhân.  
<sup>33</sup> Vu sơn đùa cợt gió trắng,  
Sáng ra, uống rượu tâm can đỡ sầu.  
<sup>34</sup> Mộng về lại thấy, đêm sau, 931  
<sup>35</sup> Có nàng công chúa tới hầu một bên,  
Hết lời ân ái, trao duyên,  
Mây mưa chốc đã trắng lên bên thêm.  
Giặt mình, thấy cảnh buồn thêm, 935  
Thành xưa phồn thịnh hoá miền hoang vu.

<sup>a</sup> Từ câu 31 đến câu 38, tác giả theo cách người Á-đông quen dùng trong văn chương, khi thuật lại những sự thật phũ phàng, thì dùng cách nói bóng dáng cho nhẹ nhàng dễ đọc.

### Bản Paulus Tọa

<sup>26</sup> Vợ Lót ngoái cổ lại dòm,  
Trở thành tượng muối, chồng con rụng rời!  
<sup>27</sup> Ra-ham vừa rụng chơn trời, 915  
Đứng nhìn về phía núi đồi Sô-đông,  
<sup>28</sup> Bùng lên khói lửa đỏ lòm,  
Dần dần ngùn ngụt khắp vùng Gô-mô  
<sup>29</sup> Khác nào lò lửa quá to  
Đất miền sẫm uất ra tro điều tàn.  
Vi Trời cảm nghĩa Ra-ham, 921  
Nên gia đình Lót thoát phần đại hung.  
<sup>30</sup> Thấy con tàn phá hãi hùng,  
Tiểu thành Lót bỏ chạy cùng hai con,<sup>a</sup>  
Chui vào hang đá trên non, 925  
<sup>31</sup> Buồn thì uống rượu quên cơn kinh hoàng.  
Đêm nằm mộng thấy giàu sang.  
<sup>32</sup> Được vua kêu gả một nàng mỹ nhân.  
<sup>33</sup> Vu sơn đùa cợt gió trắng,  
Sáng ra uống rượu tâm can đỡ sầu.  
<sup>34</sup> Mộng về lại thấy đêm sau, 931  
<sup>35</sup> Có nàng công chúa đến hầu một bên.<sup>b</sup>  
Hết lời ân ái trao duyên,  
Mây mưa chốc đã trắng lên bên thêm.

<sup>a</sup> Vì thấy đại nạn dữ dần, Loth và hai đứa con gái kinh khiếp quá, sợ thành phố nhỏ mình đang ẩn lánh bị vạ lây, nên kéo nhau lên núi trốn.

<sup>b</sup> Từ câu 30 đến câu 35, người xưa viết theo lối thần thoại mà người Á-đông quen dùng trong văn chương. Nhiều người dựa theo đây lên án tác giả đã viết sai Kinh thánh. Xét ra, đây là loại sách giới thiệu Kinh thánh hơn là để nghiên cứu học hỏi.

### Bản phục chế đề nghị

Vợ Lót ngoái cổ lại dòm,  
Trở thành tượng muối, chồng con rụng rời.  
Bá-Lâm vừa rụng chơn trời, 915  
Đứng nhìn về phía núi đồi Sô-đông.  
Bùng lên khói lửa đỏ lòm,  
Lần lần ngùn ngụt khắp vùng Gô-mô.  
Khác nào lò lửa quá to.  
Đốt miền sẫm uất ra tro điều tàn.  
Vi Trời cảm nghĩa Bá-lâm, 921  
Nên gia đình Lót thoát phần đại hung.  
Thấy con tàn phá hãi hùng,  
Tiểu-thành Lót bỏ, chạy cùng hai con.  
Chui vào bọng đá trên non, 925  
Buồn thì uống rượu quên cơn kinh hoàng.  
Đêm nằm mộng thấy giàu sang,  
Được vua kêu gả một nàng mỹ nhân.  
Vu sơn đùa cợt gió trắng,  
Sáng ra, uống rượu tâm can đỡ sầu.  
Mộng về lại thấy, đêm sau, 931  
Có nàng công chúa tới hầu một bên,  
Hết lời ân ái, trao duyên,  
Mây mưa chốc đã trắng lên bên thêm.<sup>a</sup>

<sup>a</sup> Có lẽ bị chép sai, đảo lại như đây mới thuận văn. (TSNM)

### Bản văn Kinh thánh

em: “Đấy, đêm qua chị đã nằm với cha. Đêm nay nữa, chúng mình lại cho cha uống rượu, rồi em đến nằm với cha; như thế, chúng mình sẽ bảo tồn dòng giống cho cha.”<sup>35</sup> Đêm ấy nữa, hai cô lại cho cha uống rượu, rồi cô em đứng dậy đến nằm với cha, mà ông không hay biết khi nào cô nằm, khi nào cô dậy.<sup>36</sup> Thế là hai cô con gái ông Lót đã có thai với cha mình.<sup>37</sup> Cô chị sinh một con trai và đặt tên là Mô-áp; đó là ông tổ người Mô-áp ngày nay.<sup>38</sup> Cô em cũng sinh một con trai và đặt tên là Ben Am-mi; đó là ông tổ người Am-mon ngày nay.

20

<sup>1</sup> Ông Áp-ra-ham rời chỗ đó, đến miền Ne-ghep. Ông ở giữa Can-đê và Sua, rồi ông trú ngụ tại Gơ-ra.  
<sup>2</sup> Ông Áp-ra-ham nói về bà Xa-ra, vợ ông: “Nàng là em tôi”, và A-vi-me-léc, vua Gơ-ra, đã sai người đến bắt bà Xa-ra.<sup>3</sup> Nhưng ban đêm Thiên Chúa đến báo mộng cho vua A-vi-me-léc rằng: “Này người sắp phải chết vì người đàn bà mà người đã bắt, bởi người ấy có chồng.”<sup>4</sup> Vua A-vi-me-léc đã

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>36</sup> *Lần hồi xuống núi sinh cư,  
Hai cô con gái cần cù làm ăn.*  
<sup>37</sup> *Chị thì sinh một trưởng nam,  
Đặt tên Mô-áp,<sup>a</sup> nhận làm tông cha.*  
<sup>38</sup> *Em thì một trật khai hoa, 941  
Cũng một nam tử gọi là Am-môn?*  
*Cả-hai, Lộc nhận làm con,  
Sau là thi tổ hai dòng dân đồng:  
Dân Mô-áp, dân Am-môn, 945  
Sinh cư lập nghiệp quanh vùng Trà-nam.*

20

<sup>1</sup> *Bá-lâm lúc chuyển mạn nam,  
Giữa Xuyên<sup>b</sup> Cam-đức<sup>c</sup> thuộc phần Diên-la<sup>d</sup>*  
<sup>2</sup> *Có vua Bành-lạc<sup>e</sup> hào hoa,  
Nghe đồn thiếu phụ Xuân-hoa chưa chồng.*  
<sup>a</sup> Nguồn gốc của hai bộ lạc đồng đảo do Mô-áp (la ngữ Moab) là dân Moabita; và do Am-môn (la ngữ Ammon) là giống dân Ammonita. Tác giả phác qua sự kiện, không nói rõ hành vi hai con gái của Lộc-công như Kinh-thánh.  
<sup>b</sup> Xuyên (la ngữ Sur) có khi tác giả viết là Xuyên-lê, như đoạn 16 câu 6, tùy theo câu văn.  
<sup>c</sup> Cam-đức (la ngữ Cades). Có khi tác giả viết Cam-đê cho xuôi câu văn, như đoạn 16 câu 14.  
<sup>d</sup> Diên-la (la ngữ Gerare) vùng đất rộng lớn phía nam xứ Trà-nam, có tiểu vương cai trị.  
<sup>e</sup> Bành-lạc, la ngữ Abimelech, tiểu vương xứ Diên-la (Gerare). Đoạn này nhắc lại lúc Bá-lâm (Abraham) còn tạm cư tại vùng này, cắm trại giữa Xuyên-lê (Sur) và miền Cam-đức (Cades, Cam-đê).

162

### Bản Paulus Tọa

*Giặt mình thấy cảnh buồn thêm, 935  
Thành xưa cao lớn hóa miền hoang vu.*  
<sup>36</sup> *Lần lần xuống núi sinh cư,  
Hai cô con gái cần cù làm ăn.*  
<sup>37</sup> *Chị thì sinh một trưởng nam  
Đặt tên Mô-áp,<sup>a</sup> nhận làm tông cha.<sup>b</sup>*  
<sup>38</sup> *Em thì một trật khai hoa, 941  
Cũng sinh nam tử gọi là Am-môn.<sup>c</sup>*  
*Cả hai, Lộc nhận làm con,  
Về sau thi tổ hai dòng dân đồng.  
Dân Mô-áp, dân Am-môn, 945  
Sinh cư lập nghiệp khắp vùng Ca-nan.*

20

<sup>1</sup> *Ra-ham di chuyển mạn nam,  
Cao-đê<sup>d</sup>, Xuyên-địa<sup>e</sup> thuộc phần Diên-la<sup>f</sup>.*  
<sup>2</sup> *Có vua Mã-liệt<sup>g</sup> hào hoa,  
Nghe đồn thiếu phụ Sa-ra chưa chồng.*  
<sup>a</sup> Mô-áp: Moab. **Bản cũ gọi là Mông-á:**  
*Chị thì sinh một trưởng nam;  
Đặt tên Mông-á, nhận làm tông cha.*  
<sup>b</sup> Lấy họ của cha, tức là ông Loth.  
<sup>c</sup> Am-môn: Ammon, **bản cũ gọi là Hoành-môn:**  
*Em thì một trật khai hoa,  
Cũng sinh nam tử gọi là Hoành-môn.*  
<sup>d</sup> Cao-đê: Vùng đất Cadès.  
<sup>e</sup> Xuyên-địa: Đất Sur.  
<sup>f</sup> Diên-la: Vương-quốc Gerare.  
<sup>g</sup> Mã-liệt: Vua Abimelech trị xứ Gérare.

### Bản phục chế đề nghị

*Giặt mình, thấy cảnh buồn thêm, 935  
Thành xưa phồn thịnh hoá miền hoang vu.*  
*Lần hồi xuống núi sinh cư,  
Hai cô con gái cần cù làm ăn.*  
*Chị thì sinh một trưởng nam,  
Đặt tên Mông-á,<sup>a</sup> nhận làm tông cha.*  
*Em thì một trật khai hoa, 941  
Cũng sinh nam tử gọi là Hoành-môn?<sup>b</sup>*  
*Cả-hai, Lộc nhận làm con,  
Sau là thi tổ hai dòng dân đồng:  
Dân Mông-á, dân Hoành-môn 945  
Sinh cư lập nghiệp quanh vùng Trà-nam.*

20

**BẠO QUYỀN MÃ-LIỆT  
LÒNG ĐẠO BÁ-LÂM**  
*Bá-lâm lúc chuyển mạn nam,  
Giữa Xuyên, Cam-đức thuộc phần Diên-la  
Có vua Bành-lạc hào hoa,  
Nghe đồn thiếu phụ Xuân-hoa chưa chồng.*

<sup>a</sup> Xem cước chú C 940.  
<sup>b</sup> Xem cước chú C 942.

163

**Bản văn Kinh thánh**

không gần gũi bà ấy, vua thưa: “Lạy Chúa, một dân công chính mà Ngài cũng giết sao? <sup>5</sup> Ông ấy đã chẳng bảo tôi rằng: ‘Nàng là em tôi’ đó sao? Và ngay cả bà ấy cũng đã nói rằng: ‘Ông ấy là anh tôi.’ Tôi đã làm điều đó với tấm lòng thuần khiết và bàn tay vô tội.” <sup>6</sup> Thiên Chúa báo mộng cho vua rằng: “Ta cũng biết là người đã làm điều đó với tấm lòng thuần khiết, và cũng chính Ta đã ngăn cản người khỏi mắc tội đối với Ta. Vì thế, Ta đã không để cho người động đến người ấy. <sup>7</sup> Bây giờ hãy trả vợ của người ấy về, vì người ấy là một ngôn sứ: người ấy sẽ cầu nguyện cho người và người sẽ được sống. Còn nếu người không trả về, thì hãy biết rằng chắc chắn người phải chết, người cũng như mọi kẻ thuộc về người.” <sup>8</sup> Sáng hôm sau, vua A-vi-me-léc dậy sớm, gọi tất cả các đầy tớ đến và thuật lại cho họ nghe tất cả những điều ấy; những người này sợ lắm! <sup>9</sup> Vua A-vi-me-léc cho gọi ông Áp-ra-ham đến và nói với ông: “Ông đã làm gì chúng tôi thế? Tôi mắc tội gì đối với ông, mà ông lại

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

*Bá-lâm, em gái của ông, 951*

*Nên cho lệnh bắt để phòng thêm hoa.*

*Làm vua chỉ biết đờn bà,*

<sup>3</sup> *Trong đêm nằm mộng, hiện ra vị thần:*

*“Hôn quân chớ khá tới gần, 955*

*Đờn bà người bắt, khôn nản cho người.*

*Thiếu phụ đã có chồng rồi*

*Hậu hôn cưỡng ép, luật trời tru di.”*

<sup>4</sup> *“Lạy Trời, mở lượng từ bi,*

*Nỡ nào huỷ diệt dân ni cho đành,*

*Bá-lâm tự nhận là anh, 961*

<sup>5</sup> *Xung em, chính miệng của nàng nói ra,*

*Tôi không ép liễu nài hoa,*

*Chưa chồng thì cưới, người ta thường làm.”*

<sup>6</sup> *Trời rằng: “... tình, lý, không gian, 965*

*Nên cho người biết kéo mang tiếng đời.*

<sup>7</sup> *Vợ ai đem trả cho người,*

*Bằng không, gia tộc của người điêu tàn.*

*Bá-lâm là bực hiền nhân,*

*Để ông cầu khẩn giải nạn cho người.”*

*Nửa đêm, <sup>8</sup> Bành-lạc cho đòi, 971*

*Hoạn quan các cấp, thuật lời chiêm bao.*

**Bản Paulus Tạc**

**Ra-ham** em gái của ông, 951

*Nên ra lệnh bắt cho phòng thêm hoa.*

*Làm vua chỉ biết đờn bà,*

<sup>3</sup> *Trong đêm nằm mộng, hiện ra vị thần:*

*“Hôn quân chớ khá đến gần 955*

*Đàn bà người bắt, khôn nản cho người.*

*Thiếu phụ đã có chồng rồi,*

*Hậu hôn cưỡng ép, luật trời tru di.”*

<sup>4</sup> *“Lạy Trời, mở lượng từ bi*

*Nỡ nào huỷ diệt dân ni cho đành.*

**Ra-ham** tự nhận là anh, 961

<sup>5</sup> *Xung em chính miệng của nàng nói ra.*

*Tôi không ép liễu nài hoa*

*Chưa chồng thì cưới người ta thường làm.”*

<sup>6</sup> *Trời rằng: tình, lý không gian <sup>a</sup>, 965*

*Nên cho người biết kéo mang tiếng đời.*

<sup>7</sup> *Vợ ai đem trả cho người.*

*Bằng không gia tộc của người điêu tàn.*

**Ra-ham** là bực hiền nhân,

*Để ông cầu khẩn giải nạn cho người.*

**Bản phục chế đề nghị**

*Bá-lâm, em gái của ông, 951*

*Nên cho lệnh bắt để phòng thêm hoa.*

*Làm vua chỉ biết đờn bà,*

*Trong đêm nằm mộng, hiện ra vị thần:*

*“Hôn quân chớ khá tới gần 955*

*Đờn bà người bắt, khôn nản cho người.*

*Thiếu phụ đã có chồng rồi*

*Hậu hôn cưỡng ép, luật trời tru di.”*

*“Lạy Trời, mở lượng từ bi,*

*Nỡ nào huỷ diệt dân ni cho đành,*

*Bá-lâm tự nhận là anh, 961*

*Xung em, chính miệng của nàng nói ra,*

*Tôi không ép liễu nài hoa,*

*Chưa chồng thì cưới, người ta thường làm.”*

*Trời rằng: “... tình, lý, không gian, 965*

*Nên cho người biết kéo mang tiếng đời.*

*Vợ ai đem trả cho người,*

*Bằng không, gia tộc của người điêu tàn.*

*Bá-lâm là bực hiền nhân,*

*Để ông cầu khẩn giải nạn cho người.”*

<sup>a</sup> Vua Mã-liệt tuy có tình có lý, nhưng thiếu sự dò xét, điều tra cẩn thận, xử sự cách nóng nảy, nên mới có sự can thiệp của Đấng hàng phù hộ Abraham.

**Bản văn Kinh thánh**

làm cho tôi và nước tôi phải vương vào một tội lớn như thế? Ông đã làm cho tôi những điều không nên làm!”<sup>10</sup> Vua A-vi-me-léc nói với ông Áp-ra-ham: “Ông nhắm mục đích gì khi làm điều ấy?”<sup>11</sup> Ông Áp-ra-ham trả lời: “Tôi nghĩ bụng: ‘Ở nơi này người ta chẳng kính sợ gì Thiên Chúa, và vì vợ tôi họ sẽ giết tôi.’”<sup>12</sup> Và lại, nàng đúng là em gái tôi, con cùng cha khác mẹ, và nàng đã trở thành vợ tôi.<sup>13</sup> Khi Thiên Chúa bắt tôi đi lang thang xa nhà cha tôi, thì tôi đã bảo nàng: “Xin bà làm cho tôi ơn này là bắt cứ nơi nào chúng ta đến, bà cứ nói: ‘Ông ấy là anh tôi.’”<sup>14</sup> Vua A-vi-me-léc lấy chiên bò, tôi trai tở gái tặng ông Áp-ra-ham và trả lại cho ông bà Xa-ra, vợ ông.<sup>15</sup> Vua A-vi-me-léc nói với ông Áp-ra-ham: “Này đất của tôi ở trước mặt ông; ông muốn ở đâu tùy thích.”<sup>16</sup> Rồi vua nói với bà Xa-ra: “Đây tôi cho anh bà một ngàn đồng tiền bạc. Đối với bà, đó sẽ là bức màn che mắt mọi người ở với bà, và bà sẽ được hoàn toàn minh oan.”<sup>17</sup> Ông Áp-ra-ham cầu nguyện với Thiên Chúa và Thiên

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Mọi người khiếp sợ đồng tâu:  
 “Chiếu theo thiên lệnh phải mau thi hành.”  
<sup>9</sup> Lại cho người thỉnh Bá-lâm, 975  
 Trách rằng: “... sao nỡ hại dân xứ này.  
<sup>10</sup> Tại sao ông chẳng nói ngay,  
 Phu thê đạo trọng, trăm đây công bằng.”  
<sup>11</sup> Tâu vua, tôi vẫn ngờ rằng:  
 Ở đây vô đạo bất tuân luật trời.  
 Tắm thân kiêu ngạo như tôi; 981  
 Dám nào oán ghét, bày lời nói ngoa.  
 Nơi đâu biết trọng chính tà,  
 Thì điều chân thật mới là đáng nêu.  
<sup>12</sup> Và chẳng, tôi chẳng đặt điều, 985  
 Vợ tôi họ máu gần nhiều với tôi.  
 Anh em chú bác<sup>a</sup> mà thôi,  
 Trong tình chăn gối, ngoài thời anh em.  
<sup>13</sup> Tha phương cầu thực nhiều miền,  
 Đến đâu cũng giữ một niềm đệ huynh.”  
<sup>14</sup> Bành-lạc nghe rõ sự tình: 991  
 “Vợ đâu chồng đó, gia đình hợp nhau.  
<sup>15</sup> Đất này tùy thích ở đâu,  
 Thì xin tự tiện, lấy câu dĩ hoà.”

<sup>a</sup> Theo gia phả, đoạn 11 câu 24, ông Thành-lê (Thale sinh ra Aram, Abram (An-lâm) Bá-lâm và Nā-khôi, và Xuân-hoa (Sara) kêu Thale là bác. Có thể Bá-lâm và Xuân hoa là anh em chú bác.

**Bản Paulus Tọa**

Nửa đêm<sup>8</sup> **Mã-liệt** cho đòi, 971  
 Hoạn quan các cấp thuật lời chiêm bao.  
 Mọi người khiếp sợ đồng tâu:  
 “Chiếu theo thiên lệnh<sup>a</sup> phải mau thi hành.  
<sup>9</sup> Lại cho người thỉnh **Ra-ham**, 975  
 Trách rằng sao nỡ hại dân xứ này,  
 Tại sao ông chẳng nói ngay,  
 Phu thê đạo trọng, ở đây công bằng?”  
<sup>11</sup> “Tâu vua, tôi vẫn ngờ rằng:  
 Ở đây vô đạo bất tuân **lệnh** Trời.  
 Tắm thân kiêu ngạo như tôi, 981  
 Dám nào oán ghét, bày lời nói ngoa.  
 Nơi đâu biết trọng chính tà,  
 Thì điều chân thật mới là đáng nêu<sup>b</sup>  
<sup>12</sup> Và chẳng, tôi chẳng đặt điều, 985  
 Vợ tôi, họ máu gần nhiều với tôi,  
**Một cha khác mẹ** mà thôi,  
 Trong tình chăn gối, ngoài thời anh em.  
<sup>13</sup> Tha phương cầu thực nhiều miền,  
 Đến đâu cũng giữ một niềm đệ huynh.”  
<sup>14</sup> **Mã liệt** nghe rõ sự tình: 991  
 Vợ đâu chồng đó gia đình hợp nhau.

<sup>a</sup> Mọi người đều xác nhận sự can thiệp này là do Trời, nên bất cứ giá nào cũng phải y lệnh.

<sup>b</sup> Abraham nói có lý: Xã hội nào phân biệt chính tà thì ở đó chân lý mới được tôn trọng; ngoài ra, sự thật đâu có rõ ràng đến đâu, người ta cũng chẳng tôn trọng. Họ chỉ biết tàn bạo, vô lực là hơn cả.

**Bản phục chế đề nghị**

Nửa đêm, Bành-lạc cho đòi, 971  
 Hoạn quan các cấp, thuật lời chiêm bao.  
 Mọi người khiếp sợ đồng tâu:  
 “Chiếu theo thiên lệnh phải mau thi hành.”  
 Lại cho người thỉnh Bá-lâm, 975  
 Trách rằng: “... sao nỡ hại dân xứ này.  
 Tại sao ông chẳng nói ngay,  
 Phu thê đạo trọng, trăm đây công bằng.”  
 Tâu vua, tôi vẫn ngờ rằng:  
 Ở đây vô đạo bất tuân luật Trời.  
 Tắm thân kiêu ngạo như tôi; 981  
 Dám nào oán ghét, bày lời nói ngoa.  
 Nơi đâu biết trọng chính tà,  
 Thì điều chân thật mới là đáng nêu.  
 Và chẳng, tôi chẳng đặt điều, 985  
 Vợ tôi họ máu gần nhiều với tôi.  
 Anh em chú bác mà thôi,  
 Trong tình chăn gối, ngoài thời anh em.  
 Tha phương cầu thực nhiều miền,  
 Đến đâu cũng giữ một niềm đệ huynh.”  
 Bành-lạc nghe rõ sự tình: 991  
 “Vợ đâu chồng đó, gia đình hợp nhau.

**Bản văn Kinh thánh**

Chúa chữa lành vua A-vi-me-léc, vợ vua và các nữ tỳ của vua, cho họ có thể sinh con,<sup>18</sup> bởi trước đây Đức Chúa đã làm cho mọi phụ nữ trong gia đình vua A-vi-me-léc không sinh đẻ được, vì chuyện bà Xa-ra, vợ ông Áp-ra-ham.

**21**

<sup>1</sup> Đức Chúa viếng thăm bà Xa-ra như Người đã phán, và Người đã làm cho bà như Người đã hứa. <sup>2</sup> Bà Xa-ra có thai và sinh cho ông Áp-ra-ham một con trai khi ông đã già, vào thời kỳ Thiên Chúa đã hứa. <sup>3</sup> Ông Áp-ra-ham đặt tên cho đứa con sinh ra cho ông là I-xa-ác, đứa con mà bà Xa-ra sinh ra cho ông. <sup>4</sup> Ông Áp-ra-ham cắt bì cho I-xa-ác, con ông, lúc nó được tám ngày, như Thiên Chúa

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

*Bá-lâm, súc vật trao qua, 995*  
Gọi là giúp vốn trên đà sinh nhai.  
<sup>16</sup> *Xuân-hoa, ngàn bạc trao tay,*  
Gọi là che mắt việc này thông qua.  
<sup>17</sup> *Kẻ từ Bành-lạc gây ra,*  
Cái điều ngang trái, cả nhà mang tai.  
<sup>18</sup> *Trời cho tuyệt tự lâu dài, 1001*  
*Bá-lâm cầu khẩn vạ này được tha.*

**21**

<sup>1</sup> *Mấy mùa xuân đã trôi qua,*  
*Những điều Trời hứa cho nhà Bá-lâm<sup>a</sup>*  
<sup>2</sup> *Thì nay tới lúc thực hành, 1005*  
<sup>3</sup> *Xuân-hoa sinh một trẻ nam nổi dòng.*  
*Vui trong cảnh xế vợ chồng,*  
*Đặt tên Y-giác, cầu mong đắc thành.*

<sup>a</sup> Án-lâm (Abram) sau Trời đổi tên Bá-lâm (Abraham).

**Bản Paulus Tọa**

<sup>15</sup> *Đất này tùy thích ở đâu,*  
*Thì xin tự tiện, lấy câu dĩ hòa.*  
**Ra-ham, súc vật trao qua<sup>a</sup> 995**  
*Gọi là giúp vốn, trên đà sinh nhai.*  
<sup>16</sup> **Sa-ra, ngàn bạc trao tay,<sup>b</sup>**  
*Gọi là che mắt, việc này thông qua.*  
<sup>17</sup> *Kẻ từ Mã-liệt gây ra*  
*Cái điều ngang trái<sup>c</sup> cả nhà mang tai.*  
<sup>18</sup> *Trời cho tuyệt tự lâu dài, 1001*  
**Ra-ham cầu khẩn vạ này được tha.**

**21**

<sup>1</sup> *Mấy mùa xuân đã trải qua,*  
*Những điều Trời hứa cho nhà Ra-ham,*  
<sup>2</sup> *Thì nay đến lúc thực hành, 1005*  
<sup>3</sup> **Sa-ra sinh một trẻ nam nổi dòng.**  
*Vui trong cảnh xế vợ chồng<sup>d</sup>.*  
*Đặt tên I-giác, cầu mong đắc thành.*

<sup>a</sup> Vua Mã-liệt tặng cho Abraham một số chiến cừu cho êm việc.

<sup>b</sup> Mã-liệt tặng cho Sa-ra một số tiền để lờ mắt kẻ khác, tỏ ra mình là quân tử biết điều.

<sup>c</sup> Ngang ngược và trái lẽ là đoạt vợ kẻ khác.

<sup>d</sup> Xưa có câu hát: “...Vợ chồng già mà sinh con muộn, Của trời cho lo hưởng là vừa.”

**Bản phục chế đề nghị**

*Đất này tùy thích ở đâu,*  
*Thì xin tự tiện, lấy câu dĩ hoà.”*  
*Bá-lâm, súc vật trao qua, 995*  
*Gọi là giúp vốn trên đà sinh nhai.*  
*Xuân-hoa, ngàn bạc trao tay,*  
*Gọi là che mắt việc này thông qua.*  
*Kẻ từ Bành-lạc gây ra,*  
*Cái điều ngang trái, cả nhà mang tai.*  
*Trời cho tuyệt tự lâu dài, 1001*  
*Bá-lâm cầu khẩn vạ này được tha.*

**21**

**XUA ĐUÔI ỨC-MIÊN  
TIỆC MỪNG I-GIÁC**  
*Mấy mùa xuân đã trôi qua,*  
*Những điều Trời hứa cho nhà Bá-lâm.*  
*Thì nay tới lúc thực hành, 1005*  
*Xuân-hoa sinh một trẻ nam nổi dòng.*  
*Vui trong cảnh xế vợ chồng,*  
*Đặt tên Y-giác, cầu mong đắc thành.*

**Bản văn Kinh thánh**

đã truyền cho ông.<sup>5</sup> Ông Áp-ra-ham được một trăm tuổi khi sinh được người con là I-xa-ác.<sup>6</sup> Bà Xa-ra nói:

“Thiên Chúa đã làm cho tôi cười; tất cả những ai nghe biết sẽ cười tôi.”

<sup>7</sup> Bà còn nói: “Ai dám báo trước cho ông Áp-ra-ham rằng Xa-ra sẽ cho con bú? Thế mà tôi đã sinh cho ông một con trai, khi ông đã về già!”

<sup>8</sup> Đứa trẻ lớn lên và cai sữa. Ông Áp-ra-ham làm tiệc lớn ngày I-xa-ác cai sữa.<sup>9</sup> Bà Xa-ra thấy đứa con mà Ha-ga, người Ai-cập, đã sinh ra cho ông Áp-ra-ham, đang cười giỡn,<sup>10</sup> liền nói với ông Áp-ra-ham: “Ông hãy đuổi hai mẹ con đứa nữ tỳ này đi, vì con trai đứa nữ tỳ không được thừa kế cùng với I-xa-ác, con trai tôi.”<sup>11</sup> Ông Áp-ra-ham rất bực mình vì lời ấy, bởi đó là con ông.<sup>12</sup> Nhưng Thiên Chúa phán với ông Áp-ra-ham: “Đừng bực mình vì chuyện đứa trẻ và người nữ tỳ của người. Tất cả những gì Xa-ra nói với người, cứ nghe, bởi vì chính nhờ I-xa-

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>4</sup> *Cắt bì, bát nhật cử hành,*

<sup>5</sup> *Bá-lâm vừa chẵn một trăm tuổi đầu.*

<sup>6</sup> *Xuân-hoa<sup>a</sup> cảm nghĩa thiên mầu. 1011*

*Một niềm vui lớn phủ bao khắp vùng.*

<sup>7</sup> *Nào ai son sẻ lạnh lòng,*

*Già nua mà đã sinh con cho chồng.*

<sup>8</sup> *Tam niên nhũ bộ, ấm bông, 1015*

*Tới ngày dứt sữa, tiệc mừng dọn ra.*

<sup>9</sup> *Ích-manh, Y-giác trong nhà,*

*Một cha khác mẹ, thuận hoà anh em.*

<sup>10</sup> *“Xuân-hoa có dạ hờn ghen,*

*Xúi chồng “hãy đuổi kéo phiền về sau.*

*Ích-manh thừa kế làm sao, 1021*

*Vì là mẹ nó nàng hầu mà thôi<sup>b</sup>.”*

<sup>11</sup> *Bá-lâm nghe nói rụng rời.*

<sup>12</sup> *Nhưng sau được rõ ý Trời cân phân:*

*“Y-giác chính thức được phần, 1025*

*Tông đường nói dối Bá-lâm muôn đời.*

<sup>13</sup> *Ích-manh cũng được phước Trời,*

*Trở nên dân tộc đặc thời vinh quang.*

*Xuân hoa đã có lời bàn,*

*Thì nghe theo đó cho an cửa nhà.<sup>a</sup>*

<sup>a</sup> Xuân-lài (Sarai) Sau Trời đổi tên Xuân-hoa (Sara)

<sup>b</sup> Trong dân gian xưa có câu hát: “...Nhỏ mọn như bụng đờn bà. Lúc xuân cay ớt, lúc già chua chanh”.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>4</sup> *Cắt bì, bát nhật cử hành,*

<sup>5</sup> *Ra-ham vừa chẵn một trăm tuổi đầu.*

<sup>6</sup> *Sa-ra cảm nghĩa thiên mầu, 1011*

*Một niềm vui lớn phủ bao khắp vùng.*

<sup>7</sup> *Nào ai son sẻ lạnh lòng,*

*Già nua mà đã sinh con cho chồng.*

<sup>8</sup> *Tam niên nhũ bộ ấm bông, 1015*

*Tới ngày dứt sữa, tiệc mừng dọn ra.*

<sup>9</sup> *Ích-manh, I-giác trong nhà,*

*Một cha khác mẹ thuận hoà anh em.*

<sup>10</sup> *Sa-ra đem dạ hờn ghen,*

*Bảo chồng hãy đuổi, kéo phiền về sau.*

*Ích-manh thừa kế làm sao, 1021*

*Vì là mẹ nó nàng hầu mà thôi.*

<sup>11</sup> *Ra-ham nghe nói rụng rời,*

<sup>12</sup> *Nhưng sau được rõ ý Trời cân phân:*

*I-giác chính thức được phần, 1025*

*Tông đường nói dối Ra-ham muôn đời.*

<sup>13</sup> *Ích-manh cũng được phước trời,*

*Trở nên dân tộc đặc thời vinh quang.*

*Sa-ra đã có lời bàn,*

*Thì nghe theo đó cho an cửa nhà.<sup>a</sup>*

<sup>a</sup> Có câu nói xưa: “Người ta thì tính nước liều, Biết đâu cái rui có nhiều cái may”. Nói lên bàn tay của Trời ở đâu cũng có, luôn luôn thực hiện song song với công việc loài người. Đời trước cũng có câu na ná trường hợp này:

**Bản phục chế đề nghị**

*Cắt bì, bát nhật cử hành,*

*Bá-lâm vừa chẵn một trăm tuổi đầu.*

*Xuân-hoa cảm nghĩa thiên mầu. 1011*

*Một niềm vui lớn phủ bao khắp vùng.*

*Nào ai son sẻ lạnh lòng,*

*Già nua mà đã sinh con cho chồng.*

*Tam niên nhũ bộ, ấm bông, 1015*

*Tới ngày dứt sữa, tiệc mừng dọn ra.*

*Ức-miên, Y-giác trong nhà,*

*Một cha khác mẹ, thuận hoà anh em.*

*“Xuân-hoa có dạ hờn ghen,*

*Xúi chồng “hãy đuổi kéo phiền về sau.*

*Ức-miên thừa kế làm sao, 1021*

*Vì là mẹ nó nàng hầu mà thôi.”*

*Bá-lâm nghe nói rụng rời.*

*Nhưng sau được rõ ý Trời cân phân:*

*“Y-giác chính thức được phần, 1025*

*Tông đường nói dối Bá-lâm muôn đời.*

*Ức-miên cũng được phước Trời,*

*Trở nên dân tộc đặc thời vinh quang.*

*Xuân hoa đã có lời bàn,*

*Thì nghe theo đó cho an cửa nhà.”*

**Bản văn Kinh thánh**

ác mà người sẽ có một dòng dõi mang tên người. <sup>13</sup> Còn con trai của người nữ tỳ, Ta cũng sẽ làm cho nó thành một dân tộc lớn, vì nó là dòng dõi người.” <sup>14</sup> Sáng hôm sau, ông Áp-ra-ham dậy sớm, lấy bánh và một bầu da đựng nước đưa cho Ha-ga. Ông đặt đứa bé lên vai nàng và bắt nàng phải đi. Nàng đi lang thang trong sa mạc Bơ-e Se-va. <sup>15</sup> Khi nước trong bầu da đã cạn, nàng vắt đứa bé dưới một bụi cây, <sup>16</sup> rồi đi ngồi đối diện, cách xa khoảng tầm cung bắn. Nàng nói: “Sao cho tôi đừng nhìn thấy đứa bé chết!” Nàng ngồi đối diện và bật tiếng khóc. <sup>17</sup> Thiên Chúa nghe thấy tiếng đứa trẻ và từ trời sứ thần Thiên Chúa gọi Ha-ga và nói: “Sao thế, Ha-ga? Đừng sợ, vì Thiên Chúa đã nghe thấy tiếng đứa trẻ, ở chỗ nó nằm. <sup>18</sup> Đứng lên! Đỡ đứa trẻ dậy và ôm nó trong tay, vì Ta sẽ làm cho nó thành một dân tộc lớn.” <sup>19</sup> Thiên Chúa mở mắt cho nàng, và nàng thấy một giếng nước. Nàng đi đổ nước đầy bầu da, rồi cho đứa trẻ uống. <sup>20</sup> Thiên Chúa ở với đứa trẻ,

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>14</sup> Canh năm còn rộn tiếng gà, 1031

Bá-lâm đã gọi Hằng-sa khuyên rằng:

“Hãy tìm xứ khác làm ăn,  
Đem con đi với ừi an lúc buồn.

Đây bánh và nước, lên đường, 1035

Hằng-sa nhận lấy, mẹ con khởi hành,

<sup>15</sup> Mấy ngày rừng núi lạnh quanh,

Của ăn đã cạn, phải đành chết thôi.

Dỗ con ngủ dưới triền đồi,

Hằng-sa lên trốn đi ngồi nơi xa.

<sup>16</sup> Nặng tình mẫu tử chan hoà, 1041

Thà rằng khuất mặt hơn là thấy con.

Đói ăn kêu khóc, chết mòn,

Trời ơi, có thấu đoạn trường này chẳng!

<sup>17</sup> Bỗng nghe có tiếng ừi an: 1045

<sup>18</sup> “Hằng-sa cố gắng bảo toàn trẻ thơ.

Một tay lối lạc giang hồ,

Vì là định mạng, thiên cơ sau này.

Tung hoành dững tướng đó đây,

Lập nên nghiệp bá trí tài có dư”.

Hằng sa hiểu rõ thiệt hư, 1051

<sup>19</sup> Tử sinh hữu mạng, sinh cư có trời”.<sup>a</sup>

<sup>a</sup>Tác giả lấy ý một câu trong Nho giáo: “... Tử sinh hữu mạng âm dương lập, Bản phú do thiên đạo đức căn” (Sống chết có mạng tùy theo nhị khổ âm dương tác

**Bản Paulus Tạc**

<sup>14</sup> Canh năm còn rộn tiếng gà, 1031

Ra-ham đã gọi A-ga khuyên rằng:

Hãy tìm xứ khác làm ăn

Đem con đi với ừi an lúc buồn,

Đây bánh và nước lên đường, 1035

A-ga nhận lấy, mẹ con khởi hành.

<sup>15</sup> Mấy ngày rừng núi lạnh quanh,

Của ăn đã cạn, phải đành chết thôi.

Dỗ con ngủ dưới triền đồi,

A-ga lên trốn đi ngồi nơi xa.

<sup>16</sup> Nặng tình mẫu tử chan hoà, 1041

Thà rằng khuất mặt hơn là thấy con,

Đói ăn kêu khóc chết mòn:

Trời ơi có thấu đoạn trường này chẳng.

<sup>17</sup> Bỗng nghe có tiếng ừi an 1045

A-ga cố gắng bảo toàn trẻ thơ.

Một tay lối lạc giang hồ,

Vì là định mạng, thiên cơ sau này.

<sup>18</sup> Tung hoành dững tướng đó đây,

Lập nên nghiệp bá trí tài có dư.

A-ga hiểu rõ thiệt hư, 1051

<sup>19</sup> Tử sinh hữu mạng, sinh cư có Trời<sup>a</sup>

<sup>a</sup>.. Nhân sự bày ra cái đại, Thiên cơ sửa lại thành khôn”.  
Đời làm vô lý, nhưng Trời làm có ý nghĩa hay.  
<sup>a</sup>Xưa có câu ca dao: “Hỏi ai không có số trời, Nếu ai không có, làm người được không?” Ở đây, thấy có định mạng, nhưng định mạng không phải vô ý thức, mà do đức độ của Abraham tác thành trong định mạng Ích-manh.

**Bản phục chế đề nghị**

Canh năm còn rộn tiếng gà, 1031

Bá-lâm đã gọi Hằng-sa khuyên rằng:

“Hãy tìm xứ khác làm ăn,

Đem con đi với ừi an lúc buồn.

Đây bánh và nước, lên đường, 1035

Hằng-sa nhận lấy, mẹ con khởi hành,

Mấy ngày rừng núi lạnh quanh,

Của ăn đã cạn, phải đành chết thôi.

Dỗ con ngủ dưới triền đồi,

Hằng-sa lên trốn đi ngồi nơi xa.

<sup>16</sup> Nặng tình mẫu tử chan hoà, 1041

Thà rằng khuất mặt hơn là thấy con.

Đói ăn kêu khóc, chết mòn,

Trời ơi, có thấu đoạn trường này chẳng!

<sup>17</sup> Bỗng nghe có tiếng ừi an: 1045

“Hằng-sa cố gắng bảo toàn trẻ thơ.

Một tay lối lạc giang hồ,

Vì là định mạng, thiên cơ sau này.

Tung hoành dững tướng đó đây,

Lập nên nghiệp bá trí tài có dư”.

Hằng-sa hiểu rõ thiệt hư, 1051

Tử sinh hữu mạng, sinh cư có trời”.

### **Bản văn Kinh thánh**

nó lớn lên, sống trong sa mạc, và trở thành người bán cung. <sup>21</sup> Nó sống trong sa mạc Pa-ran, và mẹ nó cưới cho nó một cô vợ người đất Ai-cập.

<sup>22</sup> Thời ấy, vua A-vi-me-léc cùng với ông Pi-khôn, tướng chỉ huy quân đội của vua, đến nói với ông Áp-ra-ham: “Thiên Chúa ở với ông trong tất cả những gì ông làm. <sup>23</sup> Vậy bây giờ ông hãy lấy Thiên Chúa mà thề tại đây với tôi là ông sẽ không lừa dối tôi và con cái cháu chắt tôi; tôi đã lấy tình mà đối xử với ông thế nào, thì ông cũng phải đối xử với tôi và với đất ông đang trú ngụ như vậy.”

<sup>24</sup> Ông Áp-ra-ham nói: “Tôi xin thề.”

<sup>25</sup> Ông Áp-ra-ham trách vua A-vi-me-léc về chuyện giéng nước mà những đầy tớ vua A-vi-me-léc đã chiếm đoạt. <sup>26</sup> Vua A-vi-me-léc nói: “Tôi không biết ai đã làm điều đó. Chính ông đã không thông báo cho tôi; và chính tôi mãi tới hôm nay cũng chẳng nghe biết gì.” <sup>27</sup> Ông Áp-ra-ham lấy chiên bò biếu vua A-vi-me-léc, và cả hai lập một giao ước. <sup>28</sup> Ông Áp-ra-ham tách riêng

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Mẹ con tìm đến một nơi,

Trái ngon, suối ngọt tạm thời yên thân.

<sup>20</sup> Ích-manh thêm tuổi, thêm gan. 1055

Một tay thiện xạ, rừng xanh anh hùng.

<sup>21</sup> Pha-lăng <sup>a</sup> cư ngụ, sau cùng,

Ích-manh cưới vợ, con dòng Giép-tô.

<sup>22</sup> Thuở ấy có tướng Phàn-cơ,

Cùng vua Bành-lạc rời đô vi hành.

Đến vùng kiều ngụ Bá-lâm, 1061

Hai bên gặp gỡ luận bàn sống chung.<sup>b</sup>

<sup>23</sup> Rằng: “... Trời quyền lực giúp ông,

Trăm ban vạn sự, ngoài trong phú cường.

Chúng ta giao hảo đôi đường, 1065

Không ai xâm lấn ruộng vườn của ai.

Nếu ông chấp nhận việc này,

Nhơn danh Thượng-đế quờn oai, tuyên thề.”

<sup>24</sup> Bá-lâm đồng ý vấn đề;

“Nhưng còn mấy việc thuộc về dân vua.

thành. Giàu nghèo do Trời tùy theo cái gốc đạo đức mà ra).

<sup>a</sup> Pha-lăng, là ngữ Pharan, nơi có sa mạc gần đó.

<sup>b</sup> Tác giả dùng chữ “sống chung” ở đây, là chữ tóm tắt một thành ngữ An-nam đã có lâu đời... “*Canh tiêu ngư mục trăm đường sống, Quyền lợi tương đồng một ý chung.*”

### **Bản Paulus Tạc**

Mẹ con tìm đến một nơi,

Trái ngon, suối ngọt tạm thời yên thân.

<sup>20</sup> Ích-manh thêm tuổi, thêm gan, 1055

Một tay thiện xạ, rừng xanh anh hùng.

<sup>21</sup> Pha-lăng <sup>a</sup> cư ngụ sau cùng,

Ích-manh cưới vợ, con dòng Giép-tô.

<sup>22</sup> Thuở ấy có tướng Phàn-cơ <sup>b</sup>,

Cùng vua Mã-liệt rời đô vi hành.

Đến vùng kiều ngụ Ra-ham, 1061

Hai bên gặp gỡ luận bàn sống chung <sup>c</sup>.

<sup>23</sup> Rằng: Trời quyền lực giúp ông,

Trăm ban vạn sự ngoài trong phú cường.

Chúng ta giao hảo đôi đường, 1065

Không ai xâm lấn ruộng vườn của ai.

<sup>24</sup> Nếu ông chấp nhận việc này,

Nhơn danh Thượng-đế quờn oai, tuyên thề.

Ra-ham đồng ý vấn đề,

Nhưng còn mấy việc thuộc về dân vua.

<sup>a</sup> Pha-lăng: vùng sa mạc Pharan,

<sup>b</sup> Phàn-cơ: Phicol, võ tướng của vua Mã-liệt.

<sup>c</sup> Có câu tục ngữ: “*Tách bước gặp đường cùng, Đi chung thì được sống.*” Ý nghĩa sống chung của người xưa là như thế. Nhưng trong trường hợp này, Mã-liệt, Phàn-cơ thấy thế lực Abraham quá mạnh, (vì có Trời làm hậu thuẫn), nên họ sợ bị đè bẹp; vì đó họ đến xin lập hòa, với “*ý đồ đục hũn cấu mưu, chờ cho địch yếu mỗi thù đem ra ...*”

### **Bản phục chế đề nghị**

Mẹ con tìm đến một nơi,

Trái ngon, suối ngọt tạm thời yên thân.

Ức-miên thêm tuổi, thêm gan. 1055

Một tay thiện xạ, rừng xanh anh hùng.

Pha-lăng cư ngụ, sau cùng,

Ức-miên cưới vợ, con dòng Giép-tô.

Thuở ấy có tướng Phàn-cơ,

Cùng vua Bành-lạc rời đô vi hành.

Đến vùng kiều ngụ Bá-lâm, 1061

Hai bên gặp gỡ luận bàn sống chung.

Rằng: “... Trời quyền lực giúp ông,

Trăm ban vạn sự, ngoài trong phú cường.

Chúng ta giao hảo đôi đường, 1065

Không ai xâm lấn ruộng vườn của ai.

Nếu ông chấp nhận việc này,

Nhơn danh Thượng-đế quờn oai, tuyên thề.”

Bá-lâm đồng ý vấn đề;

“Nhưng còn mấy việc thuộc về dân vua.



**Bản văn Kinh thánh**

bảy con chiên cái còn non trong đàn ra. <sup>29</sup> Vua A-vi-me-léc nói với ông Áp-ra-ham: “Bảy con chiên cái còn non ông tách riêng ra đó là để làm gì?” <sup>30</sup> Ông trả lời: “Bảy chiên cái còn non ấy, xin ông nhận từ tay tôi; đó sẽ là bằng chứng tỏ ra chính tôi đã đào cái giếng ấy.” <sup>31</sup> Bởi vậy, người ta gọi nơi ấy là Bơ-e Se-va, vì tại đó hai người đã thề.

<sup>32</sup> Họ đã lập giao ước tại Bơ-e Se-va, rồi vua A-vi-me-léc đứng dậy cùng với ông Pi-khôn, người chỉ huy quân đội của vua, và trở về đất người Phi-li-tinh. <sup>33</sup> Ông Áp-ra-ham trồng một cây liễu bách tại Bơ-e Se-va, ở đó ông kêu cầu danh Đức Chúa, Thiên Chúa vĩnh cửu. <sup>34</sup> Ông Áp-ra-ham trú ngụ lâu dài trong đất người Phi-li-tinh.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>25</sup> Ý đồng, cả lũ theo hùa, 1071  
Chiếm một cái giếng bốn mùa của tôi.”  
<sup>26</sup> Bành-lạc tiếc sự đã rồi,  
Mà không hay biết, sẽ bồi hoàn cho.  
<sup>27</sup> Bá-lâm tặng số chiên bò, 1075  
Hai bên kết ước cùng lo thực hành. <sup>a</sup>  
<sup>28</sup> Lại còn biểu bảy chiên xinh,  
<sup>29</sup> Bành-lạc thắc mắc: “... tình hình nghĩa sao?”  
<sup>30</sup> “Xin vua hiểu rõ đuôi đầu,  
Chúng minh rằng giếng tôi đào trước đây.”  
<sup>31</sup> Về sau tục gọi nơi này: 1081  
Biéc-sâm <sup>b</sup>, có nghĩa cả hai đã thề.  
<sup>32</sup> Chỉ vì cái giếng năm kia.  
Hai bên giao ước, tránh bề giết nhau.  
<sup>33</sup> Phàn-cơ, Bành-lạc lai trào, 1085  
Bá-lâm vùng đó, về sau lập vườn.  
Vun trồng cây trái, hoa thơm,  
Kính danh Thượng-đế ban ơn thẳng bình.  
<sup>34</sup> Lâu năm ở Bá-lạc-đình, <sup>c</sup>  
Việc đòi phát đạt, đức tin vững vàng.

<sup>a</sup> Câu 22 đoạn 21, tướng Phàn-cơ (la ngữ Phicol) là viên chỉ huy quân lực của tiểu vương Bành-lạc, họ đến cùng Bá-lâm để giao kết nhau vấn đề sống chung.  
<sup>b</sup> Biéc-sâm (la ngữ Bersabee) là cái giếng mà hai bên đã giao kết thuận hoà nhau. Về sau, trở thành địa danh vùng đất này.  
<sup>c</sup> Bá-lạc-đình (la ngữ Palestinum), một miền rộng lớn do giống dân Phiên lịch (Philistin) thống trị.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>25</sup> Ý đồng, cả lũ theo hùa, 1071  
Chiếm một giếng ngọt bốn mùa của tôi.  
<sup>26</sup> Mã-liệt tiếc sự đã rồi.  
Mà không hay biết, sẽ bồi hoàn cho.  
<sup>27</sup> Ra-ham tặng số chiên bò, 1075  
Hai bên kết ước cùng lo thực hành.  
<sup>28</sup> Lại còn biểu bảy chiên xinh,  
<sup>29</sup> Mã-liệt thắc mắc, tình hình nghĩa sao?  
<sup>30</sup> Xin vua hiểu rõ đuôi đầu,  
Chúng minh rằng giếng tôi đào trước đây.  
<sup>31</sup> Về sau tục gọi nơi này: 1081  
Biéc-sâm <sup>a</sup>, có nghĩa cả hai ăn thề,  
<sup>32</sup> Chỉ vì cái giếng năm kia,  
Hai bên giao ước, tránh bề giết nhau.  
<sup>33</sup> Phàn cơ, Mã-liệt lai trào, 1085  
Ra-ham vùng đó về sau lập vườn.  
Vun trồng đại mộc dước <sup>b</sup> thơm,  
Kính danh Thượng đế ban ơn thẳng bình;  
<sup>34</sup> Lâu năm ở Bá-lạc-đình, <sup>c</sup>  
Việc đòi phát đạt, đức tin vững vàng.

<sup>a</sup> Biéc-sâm: Bersabée, có nghĩa là giếng thề, vì họ đã thề tôn trọng quyền lợi nhau, tại nơi giếng này.  
<sup>b</sup> Mộc dước: một loài cây trồng dùng làm thuốc hay để cúng tế.  
<sup>c</sup> Bá-lạc-đình: vùng đất Palestine, đất của dân Phiên lịch (Philistins) đang sinh sống lập nghiệp.

**Bản phục chế đề nghị**

Ý đồng, cả lũ theo hùa, 1071  
Chiếm một cái giếng bốn mùa của tôi.”  
Bành-lạc tiếc sự đã rồi,  
Mà không hay biết, sẽ bồi hoàn cho.  
Bá-lâm tặng số chiên bò, 1075  
Hai bên kết ước cùng lo thực hành.  
Lại còn biểu bảy chiên xinh,  
Bành-lạc thắc mắc: “... tình hình nghĩa sao?”  
“Xin vua hiểu rõ đuôi đầu,  
Chúng minh rằng giếng tôi đào trước đây.”  
Về sau tục gọi nơi này: 1081  
Biéc-sâm, có nghĩa cả hai đã thề.  
Chỉ vì cái giếng năm kia.  
Hai bên giao ước, tránh bề giết nhau.  
Phàn-cơ, Bành-lạc lai trào, 1085  
Bá-lâm vùng đó, về sau lập vườn.  
Vun trồng cây trái, hoa thơm,  
Kính danh Thượng-đế ban ơn thẳng bình.  
Lâu năm ở Bá-lạc-đình,  
Việc đòi phát đạt, đức tin vững vàng.

<sup>1</sup> Sau các việc đó, Thiên Chúa thử lòng ông Áp-ra-ham. Người gọi ông: “Áp-ra-ham!” Ông thưa: “Dạ, con đây!” <sup>2</sup> Người phán: “Hãy đem con của ngươi, đưa con một yêu dấu của ngươi là I-xa-ác, hãy đi đến xứ Mô-ri-gia mà dâng nó làm lễ toàn thiêu ở đây, trên một ngọn núi Ta sẽ chỉ cho.”

<sup>3</sup> Sáng hôm sau, ông Áp-ra-ham dậy sớm, thắng lừa, đem theo hai đày tớ và con ông là I-xa-ác, ông bỏ củi dùng để đốt lễ toàn thiêu, rồi lên đường đi tới nơi Thiên Chúa bảo. <sup>4</sup> Sang ngày thứ ba, ông Áp-ra-ham ngược mắt lên, thấy nơi đó ở đằng xa. <sup>5</sup> Ông Áp-ra-ham bảo đày tớ: “Các anh ở lại đây với con lừa, còn cha con tôi đi lên tận đằng kia; chúng tôi làm việc thờ phượng, rồi sẽ trở lại với các anh.”

<sup>6</sup> Ông Áp-ra-ham lấy củi dùng để đốt lễ toàn thiêu đặt lên vai I-xa-ác, con ông. Ông cầm lừa và dao trong tay, rồi cả hai cùng đi. <sup>7</sup> I-xa-ác thưa với cha là ông Áp-ra-ham: “Cha!” <sup>8</sup> Ông Áp-ra-ham đáp: “Cha đây con!” Cậu nói: “Có lừa, có củi đây, còn chiên để làm lễ toàn thiêu đâu?” Ông Áp-ra-ham đáp: “Chiên làm lễ toàn thiêu, chính Thiên Chúa sẽ liệu, con ạ.” Rồi cả hai cùng đi.

<sup>1</sup> Đã bao xuân héo, thu tàn, 1091  
Ngày kia nghe gọi: “...Bá-lâm đâu nào?”  
<sup>2</sup> Tớ đây, bái vọng Trời cao”  
Rằng: “... đem Y-giác, đưa vào thiên-san.<sup>a</sup>  
Sát sinh, hoà tế trên giàn, 1095  
Tới nơi sẽ rõ lập đàn chỗ nao.”  
<sup>3</sup> Đang đêm, chuẩn bị trước sau,  
Củi thiêu, lương thực chất cao lưng lừa.  
Gia nhor hai đừa cùng đừa,  
Bá-lâm, Y-giác, cũng thừa hành đi.  
<sup>4</sup> Ba ngày trải bước sơn khê, 1101  
Gần nơi chỉ định bốn bề vắng tanh.  
<sup>5</sup> Bá-lâm căn dặn gia nhân:  
“Chờ đây cho tới khi hành sự xong.”  
<sup>6</sup> Đoạn thì tay lừa, tay gươm, 1105  
Y-giác vác củi thẳng xông lên đồi.  
<sup>7</sup> Đang đi, Y-giác mở lời:  
“Củi, lừa sẵn rồi, tế vật ở đâu?”

<sup>a</sup> Thiên-san, có nghĩa là núi của Trời, là ngữ gọi là Terra visionis”, một nơi trong dãy núi Mosiah. Theo truyền khẩu là nơi ông A-dong và hai con ông Cường-dịch (Cain) và An-biên (Abel) lập bàn tế lễ khi xưa.

<sup>1</sup> Đã bao xuân héo, thu tàn, 1091  
Ngày kia nghe gọi: **Ra-ham** đâu nào?  
<sup>2</sup> **Tôi** đây, bái vọng Trời cao.  
Rằng: đem I-giác đưa vào Thiên-san.<sup>a</sup>  
Sát **san**h, hòa tế trên giàn, 1095  
Đến nơi sẽ rõ lập đàn chỗ nao.  
<sup>3</sup> Đang đêm chuẩn bị trước sau,  
Củi thiêu, lương thực chất cao lưng lừa.  
Gia nhor hai đừa cùng đừa,  
**Ra-ham**, I-giác cũng thừa hành đi.  
<sup>4</sup> Ba ngày trải bước sơn khê, 1101  
Gần nơi chỉ định bốn bề vắng tanh.  
<sup>5</sup> **Ra-ham** căn dặn gia nhân:  
“Chờ đây cho **đến** khi hành sự xong.”  
<sup>6</sup> Đoạn thì tay lừa, tay gươm, 1105  
I-giác vác củi thẳng xông lên đồi.  
<sup>7</sup> Đang đi, I-giác mở lời:  
**Lừa củi sẵn rồi, vật tế ở đâu?** <sup>b</sup>

<sup>a</sup> Thiên-san: núi Moriah, núi của Trời. Theo dân Giu-đeu tin nơi đó là chỗ A-dong thi tế, đã tế Trời trước nhứt.

<sup>b</sup> Lòng tin của Abraham đúng là thiết thực. Tin không cần có lý luận, không cần dựa theo tình cảm. Tin vì Thiên Chúa quyền năng, không phải tin vì lợi ích của mình.

## ĐEM CON HIẾN TẾ DÒNG DỜI NẢ-KHÔI

Đã bao xuân héo, thu tàn, 1091  
Ngày kia nghe gọi: “...Bá-lâm đâu nào?”  
Tớ đây, bái vọng Trời cao”  
Rằng: “... đem Y-giác, đưa vào Thiên-san.  
Sát sinh, hoà tế trên giàn, 1095  
Tới nơi sẽ rõ lập đàn chỗ nao.”  
Đang đêm, chuẩn bị trước sau,  
Củi thiêu, lương thực chất cao lưng lừa.  
Gia nhor hai đừa cùng đừa,  
Bá-lâm, Y-giác, cũng thừa hành đi.  
Ba ngày trải bước sơn khê, 1101  
Gần nơi chỉ định bốn bề vắng tanh.  
Bá-lâm căn dặn gia nhân:  
“Chờ đây cho tới khi hành sự xong.”  
Đoạn thì tay lừa, tay gươm, 1105  
Y-giác vác củi thẳng xông lên đồi.  
Đang đi, Y-giác mở lời:  
“Củi, lừa sẵn rồi, tế vật ở đâu?”

### Bản văn Kinh thánh

<sup>9</sup> Tới nơi Thiên Chúa đã chỉ, ông Áp-ra-ham dựng bàn thờ tại đó, xếp củi lên, trói I-xa-ác con ông lại, và đặt lên bàn thờ, trên đồng củi. <sup>10</sup> Rồi ông Áp-ra-ham đưa tay ra cầm lấy dao để sát tế con mình. <sup>11</sup> Nhưng sứ thần của Đức Chúa từ trời gọi ông: “Áp-ra-ham! Áp-ra-ham!” Ông thưa: “Dạ, con đây!” <sup>12</sup> Người nói: “Đừng giơ tay hại đứa trẻ, đừng làm gì nó! Bây giờ Ta biết người là kẻ kính sợ Thiên Chúa: đối với Ta, con của người, con một của người, người cũng chẳng tiếc!” <sup>13</sup> Ông Áp-ra-ham ngước mắt lên nhìn, thì thấy phía sau có con cừu đực bị mắc sừng trong bụi cây. Ông Áp-ra-ham liền đi bắt con cừu ấy mà dâng làm lễ toàn thiêu thay cho con mình. <sup>14</sup> Ông Áp-ra-ham đặt tên cho nơi này là “Đức Chúa sẽ liệu.” Bởi đó, bây giờ có câu: “Trên núi Đức Chúa sẽ liệu.” <sup>15</sup> Sứ thần của Đức Chúa từ trời gọi ông Áp-ra-ham một lần nữa <sup>16</sup> và nói: “Đây là sấm ngôn của Đức Chúa, Ta lấy chính danh Ta mà thề: bởi vì người đã làm điều đó, đã không tiếc con của người, con một của người, <sup>17</sup> nên Ta sẽ thi ân giáng phúc cho người, sẽ làm cho dòng dõi người nên đông, nên nhiều như sao trên bầu trời, như cát ngoài bãi biển. Dòng dõi người sẽ chiếm được thành trì của địch. <sup>18</sup> Mọi dân tộc trên mặt đất sẽ cầu chúc cho nhau được phúc như

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>8</sup> Rằng: “... con chó khá lo âu,  
Thượng-đế sẽ liệu vật nào hi sinh.’  
Cả hai lẳng lẳng hành trình, 1111  
<sup>9</sup> Tới nơi chỉ định, dựng lên tế đàn.  
Bắt Y-giác, trói tay chân,  
Đặt lên đồng củi, <sup>10</sup> Bá-lâm gươm cầm.  
<sup>11</sup> Bỗng nghe có tiếng cản ngăn: 1115  
<sup>12</sup> “Hãy ngừng tay lại, lòng thành của người,  
Chúng mình đã thấu tới Trời,  
Hi sinh con một trong đời không hai.  
<sup>13</sup> Bá-lâm thấy giữa buổi gai,  
Có con dê đực lay quay vương sừng.  
Ông liền bắt nó trói chun. 1121  
Thế mạng Y-giác, giết dung tế Trời.  
<sup>14</sup> Chỗ này danh gọi muôn đời,  
Tin trung chi địa, ngọn đồi kiến thiên.<sup>a</sup>  
<sup>15</sup> Lại nghe thần khẩu nói lên: 1125  
Bá-lâm đại tín vi tiên trên đời.  
<sup>16</sup> Luôn luôn tuân giữ lệnh trời,  
<sup>17</sup> Cho nên Thượng-đế ban lời khải ân.

<sup>a</sup>Theo la ngữ “... In monte Dominus videbit (nơi hòn núi Thiên Chúa đã chứng kiến). Tác giả dựa vào câu giáo lý thời sơ khai, công giáo Đàng-trong, về lời cha tế sống con, như sau: “Tế sinh Y-giác, phụ tử đoạn cương, Tín trung chi địa, kiến thánh chi sơn...”

### Bản Paulus Tọa

<sup>8</sup> Rằng: Con chó khá lo âu,  
Trời cao sẽ liệu vật nào hy sinh.  
Cả hai lẳng lẳng hành trình, 1111  
<sup>9</sup> Đến nơi chỉ định dựng lên tế đàn.  
Bắt I-giác trói tay chân,  
Đặt lên đồng củi, <sup>10</sup> **Ra-ham** gươm cầm<sup>a</sup>.  
<sup>11</sup> Bỗng nghe có tiếng can ngăn: 1115  
<sup>12</sup> Hãy dừng tay lại, lòng thành của người,  
Chúng mình đã thấu đến Trời.  
Hy sinh con một, **trên** đời không hai.  
<sup>13</sup> **Ra-ham** thấy giữa bụi gai,  
Có con dê đực lay quay vương sừng.  
Ông liền bắt nó trói chun, 1121  
Thế mạng I-giác, giết dung tế Trời.  
<sup>14</sup> Chỗ này danh gọi muôn đời  
“Tin trung chi địa, ngọn đồi kiến thiên”<sup>b</sup>  
<sup>15</sup> Lại nghe thần khẩu nói lên: 1125  
**Ra-ham** đại tín vi tiên<sup>c</sup> ở đời.  
<sup>16</sup> Luôn luôn tuân giữ lệnh trời,  
Cho nên Thượng đế ban lời khải ân.<sup>d</sup>

<sup>a</sup>Câu tục ngữ: “... Hùm dữ chẳng ăn thịt con”, mà ở đây, thái độ của Abraham quả là hi hữu, chỉ vì vàng lời Chúa trên tất cả tình phụ tử và lòng ích kỷ của con người.

<sup>b</sup>Nơi bày tỏ lòng thành tín cho Trời ngó thấy.

<sup>c</sup>Lấy sự tin tưởng làm to lớn, làm trước nhứt mọi sự ở đời.

<sup>d</sup>Ban lời lành, chúc lành.

### Bản phục chế đề nghị

Rằng: “... con chó khá lo âu,  
Thượng-đế sẽ liệu vật nào hi sinh.’  
Cả hai lẳng lẳng hành trình, 1111  
Tới nơi chỉ định, dựng lên tế đàn.  
Bắt Y-giác, trói tay chân,  
Đặt lên đồng củi, Bá-lâm gươm cầm.  
Bỗng nghe có tiếng cản ngăn: 1115  
“Hãy ngừng tay lại, lòng thành của người,  
Chúng mình đã thấu tới Trời,  
Hi sinh con một trong đời không hai.  
Bá-lâm thấy giữa bụi gai,  
Có con dê đực lay hoay vương sừng.  
Ông liền bắt nó trói chun. 1121  
Thế mạng Y-giác, giết dung tế Trời.  
Chỗ này danh gọi muôn đời,  
Tin trung chi địa, ngọn đồi kiến thiên.  
Lại nghe thần khẩu nói lên: 1125  
Bá-lâm đại tín vi tiên trên đời.  
Luôn luôn tuân giữ lệnh trời,  
Cho nên Thượng-đế ban lời khải ân.

### Bản văn Kinh thánh

dòng dõi người, chính bởi vì người đã vâng lời Ta.”

<sup>19</sup> Ông Áp-ra-ham trở lại với các đầy tớ của ông; họ đứng dậy và cùng nhau đi đến Bơ-e Se-va. Ông Áp-ra-ham sống ở Bơ-e Se-va.

<sup>20</sup> Sau các việc đó, người ta báo cho ông Áp-ra-ham rằng: “Này cả bà Min-ca cũng đã sinh cho ông Na-kho, em ông, những người con trai, đó là: <sup>21</sup> Út, con cả, Bút, con thứ, Cơ-mu-ên, cha của A-ram, <sup>22</sup> Ke-xét, Kha-dô, Pin-đát, Gít-láp, Bơ-thu-ên.” <sup>23</sup> Ông Bơ-thu-ên sinh bà Rê-bê-ca. Đó là tám người bà Min-ca đã sinh cho ông Na-kho, em ông Áp-ra-ham. <sup>24</sup> Vợ lẽ của ông Na-kho tên là Rưu-ma, cũng sinh con là Te-vác, Ga-kham, Ta-khát và Ma-a-kha.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Tương lai miêu duệ đại dân,

Đông như cát biển, nhiều ngang sao trời.

Uy quyền vô địch trên đời, 1131

<sup>18</sup> Các dân thiên hạ muôn đời nhờ đây.”

<sup>19</sup> Mặt trời vừa xuống non đồi,

Tốp người họp lại vui say đường về.

<sup>20</sup> Bá-lâm nghe biết miền quê, 1135

Nã-khôi<sup>a</sup> em ruột, bọn bề tử tôn.

<sup>21</sup> Vợ lớn sinh được tám con,

Vợ nhỏ bốn gã, mẹ tròn con vuông.

<sup>22</sup> Số này thì có Bô-tuân,<sup>d</sup>

Sinh ra Lan-bạch sánh dường thiên hương.

<sup>23</sup> Lớn lên mỗi gã một phương, 1141

<sup>24</sup> Lập nên dân tộc hùng cường Xy-lang<sup>b</sup>

<sup>a</sup> Nã-khôi (la ngữ Nachor) em ruột Bá-lâm, ông này có 12 người con. Trong số này có Bô-tuân (Bathuel) cha đẻ nàng Lan-Bạch (Rebecca) và Camuel là thi tổ dân tộc lớn Xy-lang (Syria).

### Bản Paulus Tọa

Tương lai miêu duệ đại dân,

Đông như cát biển nhiều ngang sao trời.<sup>a</sup>

Uy quyền vô địch hơn người. 1131

<sup>17</sup> Các dân thiên hạ muôn đời nhờ đây.

<sup>18</sup> Mặt trời vừa ngã non đồi,

Đoàn người họp lại vui say đường về.

<sup>20</sup> Ra-ham nghe biết miền quê,<sup>b</sup> 1135

Nã-khôi<sup>c</sup> em ruột, bọn bề tử tôn.

<sup>21</sup> Vợ lớn sinh được tám con,

Vợ nhỏ bốn gã, mẹ tròn con vuông.

<sup>22</sup> Số này thì có Bô-tuân,<sup>d</sup>

Sinh ra Lan-bạch<sup>e</sup> sánh dường thiên hương.

<sup>23</sup> Lớn lên, mỗi gã một phương, 1141

<sup>24</sup> Lập nên dân tộc hùng cường A-ram<sup>f</sup>.

<sup>a</sup> Một dân tộc lớn, đông đúc như cát dưới biển, như sao trên trời.

<sup>b</sup> Miền quê, tức là vùng đất Hà-lâm (Haran) nơi thân phụ Abraham đưa cả gia đình đến lập nghiệp (St 11,27-29). Sau Abraham theo tiếng gọi của Thiên Chúa đã bỏ đây ra đi về miền Trà-nam (Chanaan).

<sup>c</sup> Nã-khôi: Nachor, em ruột Abraham vẫn ở lại Hà-lâm sinh sống.

<sup>d</sup> Bô-tuân: Bathuel, một trong bảy con của Nã-khôi (Nachor).

<sup>e</sup> Lan-bạch: Rebecca, con gái của Bô-tuân, cháu nội của Nã-khôi. Về sau Lan-bạch kết duyên với I-giác, con của Abraham (St 24,50-67).

<sup>f</sup> Theo cổ sử thì con cái Nã-khôi là thi tổ dân A-ram (Araméen).

### Bản phục chế đề nghị

Tương lai miêu duệ đại dân,

Đông như cát biển, nhiều ngang sao trời.

Uy quyền vô địch trên đời, 1131

Các dân thiên hạ muôn đời nhờ đây.”

Mặt trời vừa xuống non đồi,

Tốp người họp lại vui say đường về.

Bá-lâm nghe biết miền quê, 1135

Nã-khôi em ruột, bọn bề tử tôn.

Vợ lớn sinh được tám con,

Vợ nhỏ bốn gã, mẹ tròn con vuông.

Số này thì có Bô-tuân,

Sinh ra Lan-bạch sánh dường thiên hương.

Lớn lên mỗi gã một phương, 1141

Lập nên dân tộc hùng cường Xy-lang.

<sup>1</sup> Bà Xa-ra sống được một trăm hai mươi bảy tuổi: đó là những năm bà Xa-ra đã sống. <sup>2</sup> Bà Xa-ra qua đời tại Kia-giát Ác-ba, tức là Khép-rôn, trong đất Ca-na-an. Ông Áp-ra-ham đến làm lễ chôn cất bà và than khóc bà.

<sup>3</sup> Ông đứng dậy, để người chết đó và nói với con cái ông Khét rằng:

<sup>4</sup> “Tôi là ngoại kiều và là người khách ở giữa các ông. Xin các ông nhượng cho tôi một miếng đất riêng làm phần mộ ở giữa các ông, để tôi đem người chết của tôi đi chôn.” <sup>5</sup> Đáp lời ông Áp-ra-ham, con cái ông Khét nói rằng:

<sup>6</sup> “Thưa ngài, xin nghe chúng tôi nói. Ngài là một vị đầu mục của Thiên Chúa ở giữa chúng tôi, xin cứ chôn người chết của ngài trong ngôi mộ tốt nhất của chúng tôi. Không ai trong chúng tôi sẽ từ chối không cho ngài chôn người chết của ngài trong mộ của chúng tôi đâu!” <sup>7</sup> Ông Áp-ra-ham đứng lên, sụp xuống lạy dân trong đất ấy, tức là con cái ông Khét, <sup>8</sup> và nói với họ rằng:

“Nếu quả thật các ông đồng ý cho tôi đem người chết của tôi đi chôn, thì xin nghe tôi nói và can thiệp với ông Ép-rôn, con ông Xô-kha cho tôi, <sup>9</sup> để ông ấy nhượng cho tôi cái hang Mác-pê-la của ông, ở đầu cánh đồng của ông. Xin ông ấy nhượng lại cho tôi theo đúng giá, để tôi có một miếng đất riêng làm phần mộ ở giữa các ông.” <sup>10</sup> Ông Ép-rôn, người Khét, bấy giờ

<sup>1</sup> Gió thu hiu hắt lá vàng,

Xuân-hoa đã chết tại thành An-buông. <sup>a</sup>

<sup>2</sup> Một trăm hăm bảy thọ trường, 1145

Bá-lâm mến tiếc, gia nhon tăng sầu.

<sup>3</sup> Ông xin tộc trưởng Hạc-châu: <sup>b</sup>

<sup>4</sup> “Tôi, dân kiều ngụ bấy lâu vùng này,

Giúp tôi miếng đất ở đây,

Để làm phần mộ, ơn này ghi tâm.”

<sup>5</sup> Họ rằng: “Cụ bậc chân nhân, 1151

<sup>6</sup> Là người Thượng-đế bảo toàn cách riêng.

Mộ phần có sẵn trong miền,

Trọn quyền lựa chọn, khỏi phiền tới ai.”

<sup>7</sup> Bá-lâm đáp lại: “Quý ngài, 1155

<sup>8</sup> Hảo tâm dường ấy, lão đây niệm lòng.

<sup>9</sup> Nói giùm chủ đất Diệp-tôn, <sup>c</sup>

Nhường tôi mộ địa, tiền nong đền bồi.”

<sup>a</sup> An-buông, là ngữ Arbee, Thị trấn sầm uất ở vùng Hiệp-long (Hebron) thuộc đất Trà-Nam (Chanaan)

<sup>b</sup> Hạc-Châu, là ngữ Heth, một dòng họ đồng đảo ở vùng này.

<sup>c</sup> Diệp-tôn, là ngữ Ephron, gia đình quý phái giàu có.

<sup>1</sup> Gió thu hiu hắt lá vàng,

Sa-ra đã chết tại thành An-buông. <sup>a</sup>

<sup>2</sup> Một trăm hăm bảy hưởng dương, 1145

Ra-ham mến tiếc, gia nhon tang sầu.

<sup>3</sup> Ông xin tộc trưởng Hạc-châu: <sup>b</sup>

<sup>4</sup> Tôi dân kiều ngụ bấy lâu vùng này,

“Giúp tôi miếng đất ở đây,

Để làm phần mộ, ơn này ghi tâm.”

<sup>5</sup> Họ rằng: “Ông bậc chân nhân, 1151

<sup>6</sup> Là người Thượng đế bảo toàn cách riêng.

Mộ phần có sẵn trong miền,

Vậy ông tùy chọn, khỏi phiền đến ai.”

<sup>7</sup> Ra-ham đáp lại: “Quý ngài, 1155

<sup>8</sup> Hảo tâm dường ấy, tôi đây niệm lòng.

<sup>9</sup> Nói giùm bá hộ Hiệp-long: <sup>c</sup>

Nhường tôi mộ địa, tiền nong đền bồi.”

<sup>a</sup> An-buông: thành Arbée trong vùng đất Hữu-phong (Hébron) nơi thung lũng Mạc-linh (Mambré) đất Trà-nam (Chanaan) nơi Abraham đã cư ngụ (St 13,18).

<sup>b</sup> Hạc-châu: bộ lạc Heth.

<sup>c</sup> Hiệp-long: tức là Ephron, người giàu có ở vùng này, được dân tình kiêng nể.

## XUÂN-HOA QUA ĐỜI BÁ-LÂM DỰNG MỘ

Gió thu hiu hắt lá vàng,

Xuân-hoa đã chết tại thành An-buông.

Một trăm hăm bảy thọ trường, 1145

Bá-lâm mến tiếc, gia nhon tang sầu.

Ông xin tộc trưởng Hạc-châu:

“Tôi, dân kiều ngụ bấy lâu vùng này,

Giúp tôi miếng đất ở đây,

Để làm phần mộ, ơn này ghi tâm.”

Họ rằng: “Cụ bậc chân nhân, 1151

Là người Thượng-đế bảo toàn cách riêng.

Mộ phần có sẵn trong miền.

Trọn quyền lựa chọn, khỏi phiền tới ai.”

Bá-lâm đáp lại: “Quý ngài, 1155

Hảo tâm dường ấy, lão đây niệm lòng.

Nói giùm chủ đất Diệp-tôn,

Nhường tôi mộ địa, tiền nong đền bồi.”

### **Bản văn Kinh thánh**

đang ngồi giữa con cái ông Khét, trả lời cho ông Áp-ra-ham, có con cái ông Khét, tức là tất cả những người đến họp ở cửa thành ông ấy, đều nghe; ông nói: <sup>11</sup> “Không, thưa ngài, xin nghe tôi nói: cánh đồng ấy, tôi xin tặng ngài; cái hang ở đó, tôi cũng xin tặng ngài. Trước mặt con cái dân tôi, tôi xin tặng ngài; ngài cứ chôn người chết của ngài.”

<sup>12</sup> Ông Áp-ra-ham sụp xuống lạy dân trong đất ấy <sup>13</sup> và nói với ông Ép-rôn, có dân trong xứ nghe thấy: “Xin ông vui lòng nghe tôi nói: tôi trả ông giá tiền cánh đồng, xin ông nhận lấy cho tôi, để tôi chôn người chết của tôi ở đó.” <sup>14</sup> Ông Ép-rôn trả lời ông Áp-ra-ham rằng: <sup>15</sup> “Thưa ngài, xin nghe tôi nói: một thửa đất giá bốn ký bạc, giữa tôi và ngài có là gì đâu? Người chết của ngài, xin ngài cứ chôn!” <sup>16</sup> Ông Áp-ra-ham nghe ông Ép-rôn; ông Áp-ra-ham cân cho ông Ép-rôn số bạc mà con cái ông Khét đã nghe thấy ông này nói, là bốn ký bạc đang lưu hành trong giới con buôn.

<sup>17</sup> Thế là cánh đồng của ông Ép-rôn tại Mác-pê-la, đối diện với Mam-rê, cánh đồng và cái hang ở đó, mọi cây cối trong cánh đồng, đã trở thành <sup>18</sup> sở hữu của ông Áp-ra-ham, có con cái ông Khét, tức là mọi kẻ đến họp ở cửa thành ông ấy, chứng kiến. <sup>19</sup> Sau đó, ông Áp-ra-ham chôn bà Xa-ra, vợ ông, trong hang của cánh đồng Mác-pê-la, đối diện với Mam-rê, tức là Khép-rôn, tại đất Ca-na-an.

<sup>20</sup> Thế là cánh đồng của con cái ông Khét, và cái hang ở đó đã trở thành miếng đất riêng của ông Áp-ra-ham để làm phần mộ.

### **Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>10</sup> Diệp-tôn giữa đám đông người,

Rằng: “...tôi với bác đừng lời bán buôn.

<sup>11</sup> Sẵn đây, đất mộ tặng không, 1161

Nhơn tình mới quý, của hòng bao nhiêu.”

<sup>12</sup> Bá-lâm: “... ông tốt bụng nhiều,

<sup>13</sup> Nhưng tiền phải trả là điều tôi van.”

<sup>14</sup> Diệp-tôn: “... mảnh đất mộ phần,, 1165

<sup>15</sup> Bốn trăm đồng bạc sao bằng tương thân.”

<sup>16</sup> Bá-lâm: “... ngoài việc nghĩa nhân,

Còn về tiền bạc công bằng mới an.”

Nói xong chồng đủ bốn trăm,

Đông người chứng kiến, dân làng Hạc-châu.

<sup>17</sup> Đất này có cội cây cao, 1171

<sup>18</sup> Có đôi hang đá, hoa màu chung quanh.

<sup>19</sup> Bá-lâm làm chủ đàn hình.

<sup>20</sup> Nghìn thu an nghỉ, mộ phần Xuân-hoa.

### **Bản Paulus Tọa**

<sup>10</sup> Hiệp-long giữa đám đông người,

Rằng: “Tôi với bác đừng lời bán buôn.

<sup>11</sup> Sẵn đây đất mộ tặng không, 1161

Nhơn tình mới quý, của hòng bao nhiêu.”

<sup>12</sup> Ra-ham: “Ông tốt bụng nhiều,

<sup>13</sup> Nhưng tiền phải trả là điều tôi van.”

<sup>14</sup> Hiệp-long: “Mảnh đất mộ phần,, 1165

<sup>15</sup> Bốn trăm đồng bạc sao bằng tương thân.”

<sup>16</sup> Ra-ham: “Ngoài việc nghĩa nhân,

Còn về tiền bạc công bằng mới an.”

Nói xong chồng đủ bốn trăm,<sup>a</sup>

Đông người chứng kiến, dân làng Hạc-châu.

<sup>17</sup> Đất này có cội cây cao, 1171

<sup>18</sup> Có đôi hang đá, hoa màu chung quanh.

<sup>19</sup> Ra-ham làm chủ đàn hình,

<sup>20</sup> Nghìn thu an nghỉ mộ phần Sa-ra.<sup>b</sup>

### **Bản phục chế đề nghị**

Diệp-tôn giữa đám đông người,

Rằng: “...tôi với bác đừng lời bán buôn.

Sẵn đây, đất mộ tặng không, 1161

Nhơn tình mới quý, của hòng bao nhiêu.”

Bá-lâm: “... ông tốt bụng nhiều,

Nhưng tiền phải trả là điều tôi van.”

Diệp-tôn: “... mảnh đất mộ phần,, 1165

Bốn trăm đồng bạc sao bằng tương thân.”

Bá-lâm: “... ngoài việc nghĩa nhân,

Còn về tiền bạc công bằng mới an.”

Nói xong chồng đủ bốn trăm,

Đông người chứng kiến, dân làng Hạc-châu.

Đất này có cội cây cao, 1171

Có đôi hang đá, hoa màu chung quanh.

Bá-lâm làm chủ đàn hình.

Nghìn thu an nghỉ, mộ phần Xuân-hoa.

<sup>a</sup> Abraham không muốn nhờ ai, có tiền thì cứ mua sông phẳng, về sau con cháu hai bên không xảy ra tranh chấp khó lòng.

<sup>b</sup> Nơi này đã trở nên nghĩa trang vĩnh viễn của dòng dõi Abraham, nơi đây đã an táng các tổ phụ: Abraham, Isaac và Jacob (Bá-lâm, I-giác và Gia-cuốc...) Xin xem đoạn 49 câu 30-32. (St 49,30-32)

<sup>1</sup> Ông Áp-ra-ham đã già nua tuổi tác, và Đức Chúa đã chúc phúc cho ông Áp-ra-ham trong mọi sự. <sup>2</sup> Ông Áp-ra-ham bảo người lão bộc sống lâu năm nhất trong nhà ông, và cũng là người quản lý mọi tài sản của ông: “Chú hãy đặt tay dưới đùi tôi, <sup>3</sup> và tôi xin chú nhân danh Đức Chúa là Chúa trời đất, mà thề rằng chú sẽ không cưới cho con trai tôi một người vợ trong số con gái xứ Ca-na-an, nơi tôi đang sống. <sup>4</sup> Nhưng chú sẽ về quê tôi, đến với họ hàng tôi, mà cưới vợ cho con tôi là I-xa-ác.” <sup>5</sup> Người lão bộc thưa với ông: “Có thể người đàn bà ấy không chịu đi theo tôi về đất này; vậy tôi có phải đưa cậu con trai ông về đất mà từ đó ông đã ra đi không?” <sup>6</sup> Ông Áp-ra-ham bảo người ấy: “Coi chừng, đừng có đưa con trai tôi về đó! <sup>7</sup> Đức Chúa là Chúa Trời, Đấng đã đưa tôi ra khỏi nhà cha tôi, khỏi quê hương tôi, Đấng đã phán với tôi và thề với tôi rằng: “Ta sẽ ban cho dòng dõi người đất này”, chính Người sẽ sai sứ thần Người đi trước mặt chú, để từ nơi đó chú cưới vợ về cho con tôi. <sup>8</sup> Nếu người đàn bà không chịu đi theo chú, thì chú không còn buộc phải giữ lời thề với tôi nữa. Nhưng dù sao, cũng đừng đưa con tôi về

<sup>1</sup> Đường trần kẻ lại người qua, 1175  
Tháng ngày chất nặng tuổi già Bá-lâm.  
Sống trong lộc thường Trời ban,  
Người xa mền phục, kẻ gần kính tôn.  
<sup>2</sup> Và chẳng, Y-Giác thành non,  
Bèn kêu lão-bộc tận trung <sup>a</sup>, dặn dò:  
<sup>3</sup> “Nay bề gia thất phải lo, 1181  
Thề cùng Thượng-đế, giúp cho rở ràng.  
Chẳng hề cưới gái Trà-nam,  
Nơi mình cư ngụ, <sup>4</sup> hãy sang quê nhà.  
Tìm trong thân tộc của ta, 1185  
Một trang thiếu nữ nét na, đạo dòng.”  
<sup>5</sup> Rằng: “... nàng, nếu chẳng theo chồng,  
Thì đem Y-giác về cùng được chẳng?”  
<sup>6</sup> “Đừng đem nó tới quê nàng,  
<sup>7</sup> Vì chung Thượng-đế đã ban xứ này,  
Nên ta lia tổ tới đây, 1191  
Vậy Trời lo liệu dịp may cho mình.  
<sup>8</sup> Dầu sao cũng phải thiệt tình,  
Không đem Y-giác dâng trình nơi đâu”

<sup>a</sup> Người đầy tớ trung thành giúp chủ suốt đời, nay cũng đã già, có tên là Eliezer, tác giả gọi lão-bộc (người tớ già).

<sup>1</sup> Đường trần kẻ lại người qua, 1175  
Tháng ngày chất nặng tuổi già Ra-ham  
Sống trong lộc thường Trời ban,  
Người xa mền phục, kẻ gần kính tôn,  
<sup>2</sup> Và chẳng, I-giác thành non,  
Bèn kêu lão bộc <sup>a</sup> tận trung, dặn dò:  
<sup>3</sup> “Nay bề gia thất phải lo, 1181  
Thề cùng Thượng đế giúp cho rở ràng,  
Chẳng hề cưới gái Trà-nam,  
Nơi mình cư ngụ, <sup>4</sup> hãy sang quê nhà,  
Tìm trong thân tộc của ta, 1185  
Một trang thiếu nữ nét na, đạo dòng.”  
<sup>5</sup> Rằng: “Nàng nếu chẳng theo chồng,  
Thì đem I-giác về cùng được chẳng?”  
<sup>6</sup> “Đừng đem nó tới quê nàng,  
<sup>7</sup> Vì chung Thượng đế đã ban xứ này,  
Nên ta lia tổ đến đây, 1191  
Vậy Trời lo liệu dịp may cho mình.  
<sup>8</sup> Dầu sao cũng phải thật tình,  
Không đem I-giác dâng trình nơi đâu.”

<sup>a</sup> Lão bộc: người tôi tớ trung tín giúp chủ nhà đến tuổi già, được tín nhiệm phụ thác mọi việc quan trọng trong nhà.

## NHỜ TAY LÃO BỘC LAN-BẠCH HỢP DUYÊN

Đường trần kẻ lại người qua, 1175  
Tháng ngày chất nặng tuổi già Bá-lâm.  
Sống trong lộc thường Trời ban,  
Người xa mền phục, kẻ gần kính tôn.  
Và chẳng, Y-Giác thành non,  
Bèn kêu lão-bộc tận trung, dặn dò:  
“Nay bề gia thất phải lo, 1181  
Thề cùng Thượng-đế, giúp cho rở ràng.  
Chẳng hề cưới gái Trà-nam,  
Nơi mình cư ngụ, hãy sang quê nhà.  
Tìm trong thân tộc của ta, 1185  
Một trang thiếu nữ nét na, đạo dòng.”  
Rằng: “... nàng, nếu chẳng theo chồng,  
Thì đem Y-giác về cùng được chẳng?”  
“Đừng đem nó tới quê nàng,  
Vì chung Thượng-đế đã ban xứ này,  
Nên ta lia tổ tới đây, 1191  
Vậy Trời lo liệu dịp may cho mình.  
Dầu sao cũng phải thiệt tình,  
Không đem Y-giác dâng trình nơi đâu”

**Bản văn Kinh thánh**

đó.”<sup>9</sup> Người lão bộc đặt tay dưới đùi ông Áp-ra-ham, chủ mình, và thề với ông điều ấy.

<sup>10</sup> Người lão bộc lấy mười con lạc đà trong số lạc đà của chủ và ra đi. Ông lên đường đi về miền A-ram Na-ha-ra-gim, về thành của ông Na-kho, đem theo tất cả những gì quý nhất của chủ. <sup>11</sup> Ông cho lạc đà nằm phục ở ngoài thành, gần giếng nước, vào buổi chiều lúc đàn bà con gái ra múc nước. <sup>12</sup> Ông khấn: “Lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của ông Áp-ra-ham, chủ con, xin cho con hôm nay gặp được may mắn, và xin tỏ tình thương đối với ông Áp-ra-ham, chủ con. <sup>13</sup> Đây con đứng gần suối nước, con gái của người trong thành đang ra múc nước. <sup>14</sup> Cô nào con nói: “Cô làm ơn nghiêng vò cho tôi uống”, mà cô ấy trả lời: “Xin mời ông, con sẽ cho cả lạc đà của ông uống nữa”, thì đó là người Chúa đã xé duyên cho tôi tớ Chúa là I-xa-ác; cứ đó, con sẽ biết rằng Chúa đã tỏ tình thương đối với chủ con.”

<sup>15</sup> Ông chưa khấn xong, thì này cô Rê-bê-ca vai mang vò đi ra; cô là con gái ông Bơ-thu-ên, ông này là con trai bà Min-ca, vợ ông Na-kho; ông Na-kho là em ông Áp-ra-ham.

<sup>16</sup> Cô gái nhan sắc tuyệt vời; cô còn trinh, chưa người đàn ông nào ăn ở với cô. Cô xuống suối, múc đầy nước, rồi đi lên. <sup>17</sup> Người lão bộc chạy lại đón cô và nói: “Cô làm ơn cho tôi uống chút nước trong

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>9</sup> Nghe qua, lão-bộc cúi đầu, 1195

Quyết theo lời chủ, trước sau chu toàn.

<sup>10</sup> Mấy ngày xếp đặt hành trang,

Lạc đà một chục, gia nhân tùy tùng.

Chở đầy lễ vật cầu hôn,

Trẩy theo sạn đạo qua vùng Mạch-tam<sup>a</sup>.

<sup>11</sup> Trăng non rồi lại trăng rằm, 1201

Đoàn người hạ trại nghỉ gần giếng trong.

Mỗi ngày qua xế, hoàng hôn,

Từng đàn phụ nữ dập dòn tới đây,

Đua nhau gánh nước về xài, 1205

<sup>12</sup> Lão-bộc thắm nguyện “bàn tay nhiệm màu”

<sup>13</sup> Giúp cho biết thiếu nữ nào,

Mà Trời duyên định, làm dâu chủ nhà.

<sup>14</sup> Gặp nàng tôi sẽ thốt ra,

Cho tôi nước uống, lạc đà, gia nhân.

Nàng nào vui vẻ sẵn sàng, 1211

Đó là dấu hiệu Trời ban, -tôi tưởng.

<sup>15</sup> Tới lui mấy lượt má hường,

<sup>16</sup> Có người con gái khiêm nhường nét na.

Cũng đang gánh nước về nhà. 1215

<sup>17</sup> Lão bộc đón lại, nói qua mấy lời:

<sup>a</sup> Mạch-tam, là ngữ Mesopotamia, vùng đất rộng phi nhiều, châu thổ Tich-giang và Yeu-phách ngày nay gọi Lưỡng-hà, có thành phố giàu có đông dân, nơi Nă-khôi em ruột Bá-lâm cư ngụ.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>9</sup> Nghe qua lão bộc cúi đầu, 1195

Quyết theo lời chủ, trước sau chu toàn.

<sup>10</sup> Mấy ngày xếp đặt hành trang,

Lạc đà một chục, gia nhân tùy tùng,

Chở đầy lễ vật cầu hôn,

Trẩy theo sạn đạo<sup>a</sup> qua vùng Mạch-tam.<sup>b</sup>

<sup>11</sup> Trăng non rồi lại trăng rằm, 1201

Đoàn người **cắm** trại nghỉ gần giếng trong.

Mỗi ngày **vào lúc** hoàng hôn,

Từng **đoàn** phụ nữ dập dòn tới đây.

Đua nhau gánh nước về xài, 1205

<sup>12</sup> Lão bộc thắm nguyện bàn tay nhiệm màu:

<sup>13</sup> Giúp cho biết thiếu nữ nào,

Mà Trời duyên định làm dâu chủ nhà,

<sup>14</sup> Gặp nàng tôi sẽ thốt ra:

Cho tôi **uống nước**, lạc đà, gia nhân.

Nàng nào vui vẻ sẵn sàng, 1211

Đó là đặc điểm Trời ban, tôi tưởng.

<sup>15</sup> Tới lui mấy lượt má hường,

Có người con gái khiêm nhường nét na.

Cũng đang gánh nước về nhà, 1215

<sup>17</sup> Lão bộc đón lại, nói qua mấy lời:

<sup>a</sup> Sạn-đạo: đường đá xuyên qua các triền đồi.  
<sup>b</sup> Mạch-tam: Mésopotamia, vùng Lưỡng hà giữa Tich-giang (Tigris) và sông Uông-phát (Euphrate) nơi Nă-khôi (Nachor) em ruột Abraham lập nghiệp.

**Bản phục chế đề nghị**

Nghe qua, lão-bộc cúi đầu, 1195

Quyết theo lời chủ, trước sau chu toàn.

Mấy ngày xếp đặt hành trang,

Lạc đà một chục, gia nhân tùy tùng.

Chở đầy lễ vật cầu hôn,

Trẩy theo sạn đạo qua vùng Mạch-tam.

<sup>11</sup> Trăng non rồi lại trăng rằm, 1201

Đoàn người hạ trại nghỉ gần giếng trong.

Mỗi ngày qua xế, hoàng hôn,

Từng đàn phụ nữ dập dòn tới đây,

Đua nhau gánh nước về xài, 1205

<sup>12</sup> Lão-bộc thắm nguyện “bàn tay nhiệm màu”

Giúp cho biết thiếu nữ nào,

Mà Trời duyên định làm dâu chủ nhà.

Gặp nàng tôi sẽ thốt ra:

Cho tôi nước uống, lạc đà, gia nhân.

Nàng nào vui vẻ sẵn sàng, 1211

Đó là dấu hiệu Trời ban, tôi tưởng.

Tới lui mấy lượt má hường,

Có người con gái khiêm nhường nét na.

Cũng đang gánh nước về nhà. 1215

Lão bộc đón lại, nói qua mấy lời:



### Bản văn Kinh thánh

vò của cô.”<sup>18</sup> Cô thưa: “Thưa ngài, mời ngài uống”, rồi cô vội vã hạ vò xuống tay và mời ông uống.<sup>19</sup> Mời ông uống xong, cô nói: “Con cũng sẽ múc cho lạc đà của ngài nữa, cho đến khi chúng uống xong.”<sup>20</sup> Cô vội đổ hết vò vào máng, lại chạy đến giếng để múc, và múc cho tất cả lạc đà của ông.<sup>21</sup> Đang khi đó, ông già cứ lặng lẽ ngắm cô, tự hỏi xem Đức Chúa có cho chuyến đi của mình thành công hay không.<sup>22</sup> Vậy khi lạc đà uống xong, ông lấy một chiếc khuyên vàng hai chỉ và một đôi xuyên vàng ba lượng đeo vào tay cô.<sup>23</sup> Rồi ông hỏi: “Cô là con ai? Xin làm ơn cho biết. Nhà cha cô có chỗ cho chúng tôi trọ đêm không?”<sup>24</sup> Cô trả lời ông: “Con là con gái ông Bơ-thu-ên, ông Bơ-thu-ên là người con trai mà bà Min-ca đã sinh cho ông Na-kho.”<sup>25</sup> Cô tiếp: “Nhà con có nhiều rơm, nhiều cỏ, có cả chỗ trọ đêm nữa.”<sup>26</sup> Ông già phủ phục xuống thờ lạy Đức Chúa<sup>27</sup> và nói: “Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa của ông Áp-ra-ham, chủ tôi, đã không ngừng tỏ tình thương và lòng thành tín của Người đối với chủ tôi; còn tôi, Đức Chúa đã dẫn dắt tôi trên đường đến nhà anh em họ hàng của chủ tôi.”

<sup>28</sup> Cô gái chạy về nhà mẹ cô, báo cho biết những việc ấy.<sup>29</sup> Cô Rê-bê-ca có một người anh tên là La-ban. Ông La-ban chạy ra ngoài,

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

“Xin cô thí nước giúp tôi,

Lạc đà và cả đoàn người của tôi”.

Nghe xong,<sup>18</sup> cô gái tươi cười,

Lẹ làng giúp đỡ như lời đã xin.

<sup>19</sup> Nhọc nhằn chẳng nệ công linh, 1221

<sup>20</sup> Giếng sâu múc nước xuống lên mấy lần.

<sup>21</sup> “Đây rồi, giai ngẫu thiên thành.”

<sup>22</sup> Thế là lão bợc tới gần hỏi thăm:

<sup>23</sup> “Dám nào cho biết quý danh, 1225

Đêm nay xin trọ, gia trang thế nào?”

Tiếng oanh đáp lại ngọt ngào:

<sup>24</sup> “Tôi là Lan-bạch<sup>a</sup>, tuổi đầu đôi mươi.

Bồ-tuân<sup>b</sup>, thân phụ của tôi,

Cũng là cháu nội Nã-khôi vùng này.

<sup>25</sup> Nhà tôi rơm cỏ dư đầy, 1231

Có nơi rộng rãi, vườn cây diềm dề”.

<sup>26</sup> Lão-bợc cẩn thận đưa ra,

Nữ-trang kim xuyên, gọi là đáp ân,

<sup>27</sup> Ơn Trời đãi ngộ Bá-lâm, 1235

Dắt tôi đến thẳng thân nhân chủ mình.

<sup>28</sup> Trở về, Lan-bạch thưa trình.

Cho cha mẹ biết sự tình xảy ra.

<sup>a</sup> Lan-bạch, là nữ Rebecca cháu nội của Nã-khôi (Nachor), ông này là em ruột Bá-lâm  
<sup>b</sup> Bồ-tuân, là nữ Bathuel, cha Lan-bạch, Lã-bàng, La nữ Laban, anh Lan-bạch.

### Bản Paulus Tọa

“Xin cô thí nước giúp tôi,

Lạc đà và cả đoàn người của tôi”.

Nghe xong<sup>18</sup> cô gái tươi cười,

Lẹ làng giúp đỡ như lời đã xin.

<sup>19</sup> Nhọc nhằn chẳng nệ công linh, 1221

<sup>20</sup> Giếng sâu múc nước xuống lên mấy lần.

<sup>21</sup> Đây rồi, giai ngẫu thiên thành<sup>a</sup>

<sup>22</sup> Thế là lão bợc đến gần hỏi thăm:

<sup>23</sup> “Dám nào cho biết quý danh, 1225

Đêm nay xin trọ, gia trang thế nào?”

Tiếng oanh đáp lại ngọt ngào:

<sup>24</sup> “Tôi là Lan-bạch tuổi đầu đôi mươi,

Bồ-tuân thân phụ của tôi,

Cũng là cháu nội Nã-khôi vùng này.<sup>b</sup>

<sup>25</sup> Nhà tôi rơm cỏ dư đầy, 1231

Có nơi rộng rãi vườn cây diềm dề”.

<sup>26</sup> Lão bợc cẩn thận đưa ra,

Nữ trang, kim xuyên, gọi là đáp ân.

<sup>27</sup> Ơn trời đãi ngộ Ra-ham, 1235

Dắt tôi đến thẳng thân nhân chủ mình.

<sup>28</sup> Về nhà, Lan-bạch thưa trình,

Cho cha mẹ biết sự tình xảy ra.

<sup>a</sup> Do câu nói: “... Giai ngẫu tự thiên thành, lương duyên do tức để...”

<sup>b</sup> Lan-bạch: Rebecca, Bồ-tuân: Bathuel, Nã khôi: Nachor.

### Bản phục chế đề nghị

“Xin cô thí nước giúp tôi,

Lạc đà và cả đoàn người của tôi”.

Nghe xong, cô gái tươi cười,

Lẹ làng giúp đỡ như lời đã xin.

<sup>19</sup> Nhọc nhằn chẳng nệ công linh, 1221

<sup>20</sup> Giếng sâu múc nước xuống lên mấy lần.

“Đây rồi, giai ngẫu thiên thành.”

Thế là lão bợc tới gần hỏi thăm:

<sup>23</sup> “Dám nào cho biết quý danh, 1225

Đêm nay xin trọ, gia trang thế nào?”

Tiếng oanh đáp lại ngọt ngào:

“Tôi là Lan-bạch, tuổi đầu đôi mươi.

Bồ-tuân, thân phụ của tôi,

Cũng là cháu nội Nã-khôi vùng này.

<sup>25</sup> Nhà tôi rơm cỏ dư đầy, 1231

Có nơi rộng rãi, vườn cây diềm dề”.

Lão-bợc cẩn thận đưa ra,

Nữ-trang kim xuyên, gọi là đáp ân,

<sup>27</sup> Ơn Trời đãi ngộ Bá-lâm, 1235

Dắt tôi đến thẳng thân nhân chủ mình.

Trở về, Lan-bạch thưa trình.

Cho cha mẹ biết sự tình xảy ra.

### Bản văn Kinh thánh

đến với ông già, ở bên suối.<sup>30</sup> Khi ông thấy chiếc khuyên và đôi xuyên ở tay em gái, và khi nghe những lời của cô Rê-bê-ca, em gái ông, nói rằng: “Người ấy đã nói với em như thế!”, thì ông đến gặp ông già, lúc đó đang đứng cạnh các con lạc đà, ở bên suối.<sup>31</sup> Ông nói: “Xin mời ông vào, hỡi người được Đức Chúa chúc phúc, sao lại đứng ở ngoài? Tôi đã dọn dẹp nhà cửa và cả chỗ cho lạc đà.”<sup>32</sup> Ông già vào nhà. Người ta tháo yên cho lạc đà, lấy rơm và cỏ cho lạc đà ăn, và đem nước cho ông già và những người cùng đi với ông rửa chân.<sup>33</sup> Người ta dọn cho ông ăn, nhưng ông nói: “Tôi sẽ không ăn gì trước khi nói những điều tôi cần phải nói.” Ông La-ban thưa: “Xin ông cứ nói.”<sup>34</sup> Ông nói: “Tôi là đầy tớ ông Áp-ra-ham.<sup>35</sup> Đức Chúa đã đổ muôn vàn phúc lộc xuống cho chủ tôi. Ông đã trở nên một phú hào; Đức Chúa đã ban cho ông chiên bò, bạc vàng, tôi trai tớ gái, lạc đà và lừa.<sup>36</sup> Bà Xa-ra, vợ của chủ tôi, lúc tuổi già đã sinh cho ông một con trai. Ông đã cho cậu mọi tài sản của ông.<sup>37</sup> Chủ tôi đã bắt tôi thề, ông nói: “Chú sẽ không cưới cho con trai tôi một người vợ trong số con gái xứ Ca-na-an, nơi tôi đang sống.<sup>38</sup> Nhưng chú sẽ đi về nhà cha tôi, về gia tộc tôi, cưới vợ cho con trai tôi.”<sup>39</sup> Tôi thưa với chủ tôi: “Có thể người đàn bà ấy sẽ không đi theo tôi.”<sup>40</sup> Ông nói:

### Bản Nguyễn Văn Nhận

<sup>29</sup> Lã-bàng anh ruột nghe qua,  
Thấy em vòng xuyên nhũm nha rở ràng.  
  
<sup>30</sup> Liền đi ra giếng vội vàng, 1241  
Gặp ngay lão-bộc, hỏi han, thỉnh về:  
<sup>31</sup> “Bác, người Thượng-đế chờ che,  
Ghé qua nhà cháu, mọi bề khỏi lo.  
  
Sách trời tiền định ai ngờ, 1245  
Bao năm xa cách, bây giờ gặp nhau.  
  
<sup>32</sup> Lão-bộc cảm tạ, theo sau,  
Tới nơi, gia chủ tiếp vào gia trang.  
  
Lạc đà và các tủng nhân,  
Nơi ăn chỗ ở sẵn sàng nghỉ ngơi.  
  
<sup>33</sup> Hàn huyền trao đổi rộn lời, 1251  
Cỗ bàn đã dọn chủ mời dần tâm.  
  
Lão-bộc từ tốn phân trần:  
“Trước khi cầm đuốc, tôi cần trình qua.”  
  
Bồ-tuân: “... Xin cứ nói ra”. 1255  
  
<sup>34</sup> Lão-bộc thuật lại việc nhà Bá-lâm.  
Kể từ dần bước phong trần,  
  
<sup>35</sup> Thiên thời, địa lợi, nhân tâm có thừa.  
Cuộc đời dầu gặp gió mưa,  
  
Bàn tay Thượng đế giúp chưa lâm nạn.

### Bản Paulus Tọa

<sup>29</sup> Lã bàng,<sup>a</sup> anh ruột nghe qua,  
Thấy em vòng xuyên nhũm nha rở ràng,  
  
<sup>30</sup> Liền đi ra giếng vội vàng, 1241  
Gặp ngay lão bộc, hỏi han, thỉnh về:  
<sup>31</sup> “Bác, người Thượng đế chờ che,  
Ghé qua nhà cháu, mọi bề khỏi lo.  
  
Sách trời<sup>b</sup> tiền định ai ngờ, 1245  
Bao năm xa cách, bây giờ gặp nhau.”  
  
<sup>32</sup> Lão bộc cảm tạ, theo sau,  
Đến nơi, gia chủ tiếp vào gia trang.  
Lạc đà và các tủng nhân  
Nơi ăn, chỗ ở, sẵn sàng nghỉ ngơi.  
  
<sup>33</sup> Hàn huyền trao đổi rộn lời, 1251  
Cỗ bàn đã dọn, chủ mời điểm tâm.  
Lão bộc từ tốn phân trần:  
Trước khi cầm đuốc, tôi cần trình qua.  
  
Bồ-tuân: xin cứ nói ra. 1255  
  
<sup>34</sup> Lão bộc thuật lại việc nhà Ra-ham.  
“Kể từ dần bước phong trần,<sup>c</sup>  
  
<sup>35</sup> Thiên thời, địa lợi, nhân tâm có thừa.<sup>d</sup>  
Cuộc đời dầu gặp gió mưa,  
Bàn tay Thượng đế giúp chưa lâm nạn.

<sup>a</sup> Lã-bàng: Laban, anh ruột của Lan-bạch.

<sup>b</sup> Sách trời: sự may mắn lạ lùng do chương trình Thiên Chúa đã qui định trong số bộ của trời đất.

<sup>c</sup> Ngày Abraham mở cuộc phiêu lưu mạo hiểm, theo tiếng Thiên Chúa hứa ban đất mới.

<sup>d</sup> Abraham đi đến đâu cũng có Thiên Chúa phù hộ (thiên thời), gặp đất phì nhiêu làm ăn phát đạt (địa

### Bản phục chế đề nghị

Lã-bàng anh ruột nghe qua,  
Thấy em vòng xuyên nhũm nha rở ràng.  
  
Liền đi ra giếng vội vàng, 1241  
Gặp ngay lão-bộc, hỏi han, thỉnh về:  
“Bác, người Thượng-đế chờ che,  
Ghé qua nhà cháu, mọi bề khỏi lo.  
  
Sách trời tiền định ai ngờ, 1245  
Bao năm xa cách, bây giờ gặp nhau.”  
  
Lão-bộc cảm tạ, theo sau,  
Tới nơi, gia chủ tiếp vào gia trang.  
  
Lạc đà và các tủng nhân,  
Nơi ăn chỗ ở sẵn sàng nghỉ ngơi.  
  
Hàn huyền trao đổi rộn lời, 1251  
Cỗ bàn đã dọn chủ mời dần tâm.  
  
Lão-bộc từ tốn phân trần:  
“Trước khi cầm đuốc, tôi cần trình qua.”  
  
Bồ-tuân: “... Xin cứ nói ra”. 1255  
  
Lão-bộc thuật lại việc nhà Bá-lâm.  
Kể từ dần bước phong trần,  
  
Thiên thời, địa lợi, nhân tâm có thừa.  
Cuộc đời dầu gặp gió mưa,  
  
Bàn tay Thượng đế giúp chưa lâm nạn.

### Bản văn Kinh thánh

“Tôi đã bước đi trước tôn nhan Đức Chúa, thì chính Người sẽ sai sứ thần của Người ở với chú và Người sẽ cho chuyển đi của chú thành công. Chú sẽ cưới cho con trai tôi một người vợ thuộc gia tộc tôi và nhà cha tôi.<sup>41</sup> Chú sẽ không còn buộc phải giữ lời tôi đã bắt chú thề, nếu chú đến với gia tộc tôi; nếu họ không chịu gả, thì chú sẽ không còn buộc phải giữ lời tôi đã bắt chú thề.”<sup>42</sup> Vậy hôm nay tôi đã đến tuổi và khẩn: “Lạy Đức Chúa, Thiên Chúa của ông Áp-ra-ham, chủ con, nếu Ngài thương cho chuyển đi con đang thực hiện được thành công,<sup>43</sup> thì này con đứng gần tuổi nước: hễ thiếu nữ nào ra múc nước và con nói với cô ấy: Cô làm ơn cho tôi uống chút nước,<sup>44</sup> mà cô ấy trả lời: Xin mời ông cứ uống, con sẽ múc cho cả lạc đà của ông nữa, thì đó là người vợ mà Đức Chúa đã xe duyên cho con trai chủ con.”<sup>45</sup> Tôi thăm khẩn chưa xong, thì này cô Rê-bê-ca vai mang vò đi ra. Cô xuống suối và múc nước. Tôi nói với cô: “Cô làm ơn cho tôi uống.”<sup>46</sup> Cô vội vã hạ vò xuống, và nói: “Xin mời ông, con sẽ cho cả lạc đà của ông uống nữa.” Tôi uống và cô cho cả lạc đà uống nữa.<sup>47</sup> Tôi hỏi cô rằng: “Cô là con ai?” Cô trả lời: “Con là con gái ông Bơ-thu-ên; ông Bơ-thu-ên là con trai ông Na-kho mà bà Min-kha đã sinh cho ông ấy.” Tôi đã xỏ khuyên vào mũi và đeo xuyên vào

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>36</sup> Về già, được phước khang an, 1261  
Vợ hiền sinh được một trang anh tài.  
Thật là đẹp mặt nở mày.  
Quý danh Y-giác, hôm nay trưởng thành  
<sup>37</sup> Vì không chọn gái Trà-nam, 1265  
<sup>38</sup> Phái tôi trách nhiệm tiến sang quê nhà.  
<sup>39</sup> Ra đi tôi nguyện thiết tha,  
<sup>40</sup> Mong Trời cho biết ai là đáng dâu.  
<sup>41</sup> Và đây, đặc điểm yêu cầu,  
<sup>42</sup> Gái nào thí nước, lại giàu từ tâm.  
<sup>43</sup> Biết bao thiếu nữ trong đàn, 1271  
<sup>44</sup> Nhưng chỉ có nàng Lan-bạch giúp tôi.  
<sup>45</sup> Quả nhiên nhận đúng ý Trời.  
<sup>46</sup> Tôi trao vòng xuyên vàng mười đáp ân.  
<sup>47</sup> Hỏi ra là cháu Bá-Lâm. 1275  
Lương duyên tiền định, xích thằng đã xe.  
<sup>48</sup> Máy điều gia chủ vừa nghe,  
<sup>49</sup> Tôi xin lĩnh ý phán phê lẽ nào?  
<sup>50</sup> Bò tuân nghe rõ đuôi đầu,  
Rằng: “... ai dám cưỡng ý cao thiên đình.”  
Lã-bàng cũng biểu đồng tình, 1281  
<sup>51</sup> Gả nàng Lan-bạch, tác thành lứa đôi.

### Bản Paulus Tọa

<sup>36</sup> Về già được phước khang an, 1261  
Sa-ra sinh được một trang anh tài,  
Thật là đẹp mặt nở mày,  
Quý danh I-giác, hôm nay trưởng thành.  
<sup>37</sup> Vì không chọn gái Trà-nam, 1265  
<sup>38</sup> Phái tôi trách nhiệm tiến sang quê nhà.  
<sup>39</sup> Ra đi, tôi nguyện thiết tha,  
<sup>40</sup> Mong Trời cho biết ai là đáng dâu.<sup>a</sup>  
<sup>41</sup> Và đây đặc điểm yêu cầu,  
<sup>42</sup> Gái nào thí nước lại giàu từ tâm.  
<sup>43</sup> Biết bao thiếu nữ trong đàn, 1271  
<sup>44</sup> Nhưng chỉ có nàng Lan-bạch giúp tôi.  
<sup>45</sup> Quả nhiên nhận đúng ý Trời,  
<sup>46</sup> Tôi trao vòng xuyên vàng mười đáp ân.  
<sup>47</sup> Biết ra là cháu Ra-ham, 1275  
Lương duyên tiền định, xích thằng đã xe.  
<sup>48</sup> Máy điều gia chủ vừa nghe,  
<sup>49</sup> Tôi xin lĩnh ý phán phê lẽ nào.”  
<sup>50</sup> Bò-tuân nghe rõ đuôi đầu,  
Rằng: “Ai dám cưỡng ý cao thiên đình.”<sup>b</sup>  
Lã-bàng cũng biểu đồng tình, 1281  
<sup>51</sup> Gả nàng Lan-bạch, tác thành lứa đôi.

lợi), thổ dân mỗi địa phương đều mến phục nể nang (nhân tâm).

<sup>a</sup> Xứng đáng làm vợ con trai độc nhất của chủ, đẹp lòng cha mẹ bên chồng.

<sup>b</sup> “Duyên ai nấy gặp, tráo chác thêm phiến”.

### Bản phục chế đề nghị

Về già, được phước khang an, 1261  
Vợ hiền sinh được một trang anh tài.  
Thật là đẹp mặt nở mày.  
Quý danh Y-giác, hôm nay trưởng thành  
Vì không chọn gái Trà-nam, 1265  
Phái tôi trách nhiệm tiến sang quê nhà.  
Ra đi tôi nguyện thiết tha,  
Mong Trời cho biết ai là đáng dâu.  
Và đây, đặc điểm yêu cầu,  
Gái nào thí nước, lại giàu từ tâm.  
Biết bao thiếu nữ trong đàn, 1271  
Nhưng chỉ có nàng Lan-bạch giúp tôi.  
Quả nhiên nhận đúng ý Trời.  
Tôi trao vòng xuyên vàng mười đáp ân.  
Hỏi ra là cháu Bá-Lâm. 1275  
Lương duyên tiền định, xích thằng đã xe.  
Máy điều gia chủ vừa nghe,  
Tôi xin lĩnh ý phán phê lẽ nào?  
Bò tuân nghe rõ đuôi đầu,  
Rằng: “... ai dám cưỡng ý cao thiên đình.”  
Lã-bàng cũng biểu đồng tình, 1281  
Gả nàng Lan-bạch, tác thành lứa đôi.

### **Bản văn Kinh thánh**

tay cô ấy.<sup>48</sup> Tôi đã phủ phục xuống thờ lạy Đức Chúa và đã chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa của ông Áp-ra-ham, chủ tôi, đã dẫn dắt tôi đi đúng đường, để cưới con gái người anh em họ hàng của chủ tôi cho con trai ông ấy.<sup>49</sup> Vậy bây giờ, nếu quý ông muốn tỏ ra có tình có nghĩa với chủ tôi, thì xin cho tôi biết. Bằng không, thì xin cũng cho tôi biết để tôi còn liệu cách này cách khác.”

<sup>50</sup> Ông La-ban và ông Bơ-thu-ên trả lời: “Việc này Đức Chúa đã xe định, chúng tôi không thể nói thuận hay nghịch nữa.<sup>51</sup> Rê-bê-ca đang ở trước mặt ông đây: Ông cứ đưa nó về. Nó sẽ thành vợ của con trai chủ ông, như Đức Chúa đã phán.”

<sup>52</sup> Khi người lão bộc của ông Áp-ra-ham nghe những lời họ nói, thì phủ phục xuống đất thờ lạy Đức Chúa.<sup>53</sup> Rồi người lão bộc đưa ra những đồ bạc, đồ vàng và quần áo tặng cô Rê-bê-ca, và biểu anh và mẹ cô những món quà quý giá.<sup>54</sup> Ông và những người đi với ông ăn uống rồi nghỉ đêm.

Sáng hôm sau họ thức dậy, và ông nói: “Xin cho tôi đi về với chủ tôi.”

<sup>55</sup> Anh và mẹ cô trả lời: “Xin cho con bé ở lại với chúng tôi ít bữa, khoảng mười ngày thôi, sau đó nó sẽ đi.”<sup>56</sup> Ông nói với họ: “Xin đừng giữ tôi lại. Đức Chúa đã cho chuyến đi của tôi thành công, xin cho tôi đi, để tôi trở về với chủ tôi.”

<sup>57</sup> Họ đáp: “Chúng ta hãy gọi con

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>52</sup> Lão-bộc qui gối tạ Trời,

Đã cho mọi sự xong xuôi, tốt lành.

<sup>53</sup> Đoạn trao gắm, lụa, vòng vàng, 1285

Để làm sinh lễ và phần tặng riêng,

Mẹ cha và các anh em.

<sup>54</sup> Mọi người vui vẻ, yến diên đậm đà.

<sup>55</sup> Hôm sau lão bộc trình qua:

Chúng tôi về gấp, bên nhà chủ trông.”

Đàng gái: “... Xin bác cảm thông, 1291

Nán lại vài bữa vui cùng thôn lân,

Để cho Lan-bạch rảnh rang.

Giã từ bè bạn rồi sang nhà chồng.”

<sup>56</sup> Trình rằng: “... hôn lễ đã xong, 1295

Dẫu cho lưu lại cũng không thêm gì.”

<sup>57</sup> Đàng gái: “... nếu gấp vu qui,

Xin hỏi Lan-bạch chịu đi hay là ...?”

<sup>58</sup> Cô dâu, sau đó mời ra.

Nàng thưa: “... phận gái mẹ cha định rồi.

Thì con cũng phải theo người, 1301

Tùy nghi định đoạt cho xuôi hành trình.”

<sup>59</sup> Thế là đàng gái thuận tình,

Cho theo bà vú giữ gìn cô dâu.

Kê đi, người ở nhìn nhau, 1305

<sup>60</sup> Dặn dò, gởi gắm vài câu chúc lành:

### **Bản Paulus Tạc**

<sup>52</sup> Lão bộc qui gối tạ Trời,

Đã cho mọi sự xong xuôi, tốt lành.

<sup>53</sup> Đoạn trao gắm lụa, vòng vàng, 1285

Để làm sinh lễ và phần tặng riêng,

Mẹ cha và các anh em,

<sup>54</sup> Mọi người vui vẻ, yến diên đậm đà.

<sup>55</sup> Hôm sau lão bộc thưa qua:

“Chúng tôi về gấp, bên nhà chủ trông.”

Đàng gái: “Xin bác cảm thông, 1291

Nán lại vài bữa vui cùng thôn lân.

Để cho Lan-bạch rảnh rang,

Giã từ bè bạn rồi sang nhà chồng.”

<sup>56</sup> Trình rằng: “Hôn lễ đã xong, 1295

Dẫu cho lưu lại cũng không thêm gì.”

<sup>57</sup> Đàng gái: “Nếu gấp vu qui,

Xin hỏi Lan-bạch chịu đi hay là ...?”

<sup>58</sup> Cô dâu, sau đó mời ra.

Nàng thưa: “Phận gái mẹ cha định rồi,

Thì con cũng phải theo người, 1301

Tùy nghi định đoạt cho xuôi hành trình.”

<sup>59</sup> Thế là đàng gái thuận tình,

Cho theo bà vú giữ gìn cô dâu.

Kê đi, người ở nhìn nhau, 1305

<sup>60</sup> Dặn dò, gởi gắm vài câu chúc lành,

### **Bản phục chế đề nghị**

Lão-bộc qui gối tạ Trời,

Đã cho mọi sự xong xuôi, tốt lành.

Đoạn trao gắm, lụa, vòng vàng, 1285

Để làm sinh lễ và phần tặng riêng,

Mẹ cha và các anh em.

Mọi người vui vẻ, yến diên đậm đà.

Hôm sau lão bộc trình qua:

Chúng tôi về gấp, bên nhà chủ trông.”

Đàng gái: “... Xin bác cảm thông, 1291

Nán lại vài bữa vui cùng thôn lân,

Để cho Lan-bạch rảnh rang.

Giã từ bè bạn rồi sang nhà chồng.”

Trình rằng: “... hôn lễ đã xong, 1295

Dẫu cho lưu lại cũng không thêm gì.”

Đàng gái: “... nếu gấp vu qui,

Xin hỏi Lan-bạch chịu đi hay là ...?”

Cô dâu, sau đó mời ra.

Nàng thưa: “... phận gái mẹ cha định rồi.

Thì con cũng phải theo người, 1301

Tùy nghi định đoạt cho xuôi hành trình.”

Thế là đàng gái thuận tình,

Cho theo bà vú giữ gìn cô dâu.

Kê đi, người ở nhìn nhau, 1305

Dặn dò, gởi gắm vài câu chúc lành:

### Bản văn Kinh thánh

bé ra và hỏi xem ý nó thế nào.”  
<sup>58</sup> Họ gọi cô Rê-bê-ca ra và hỏi: “Rê-bê-ca, có muốn đi với ông này không?” Cô trả lời: “Có.”<sup>59</sup> Thế rồi họ tiễn cô Rê-bê-ca, người em của họ, đi cùng với người vú nuôi của cô, người lão bộc của ông Áp-ra-ham và những người đi theo ông.  
<sup>60</sup> Họ chúc phúc cho cô Rê-bê-ca rằng: “Chúc em sinh vạn sinh ngàn. Giống dòng chiêm cứ cửa thành địch quân.”  
<sup>61</sup> Cô Rê-bê-ca cùng với các tớ gái đứng dậy, cỡi lên lạc đà mà đi theo người lão bộc. Ông nhận cô Rê-bê-ca và ra đi.  
<sup>62</sup> Khi ấy cậu I-xa-ác đã bỏ vùng giếng La-khai Rô-i, và đang ở trong miền Ne-ghép.<sup>63</sup> Cậu I-xa-ác ra ngoài đồng dạo mát lúc chiều tà.<sup>64</sup> Ngược mắt lên, cậu thấy một bầy lạc đà đang tiến đến. Ngược mắt lên, cô Rê-bê-ca thấy cậu I-xa-ác, cô bèn từ trên lưng lạc đà nhảy xuống<sup>65</sup> và hỏi người lão bộc: “Người đang đi ngoài đồng tiến về phía chúng ta là ai đó?” Người lão bộc trả lời: “Chủ tôi đấy!” Cô bèn lấy chiếc khăn che mặt.  
<sup>66</sup> Người lão bộc thưa lại với cậu I-xa-ác tất cả những gì ông đã làm.<sup>67</sup> Cậu I-xa-ác đưa cô Rê-bê-ca vào lều của bà Xa-ra mẹ cậu; cậu lấy cô làm vợ, cậu yêu thương cô và khuây khoả được nỗi buồn mất mẹ.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

“Chúc nàng thượng lộ bình an,  
 Tam đa, ngũ phúc,<sup>a</sup> rờ ràng tông môn.”  
<sup>61</sup> Lạc đà tuần tự rời chon,  
 Ngậm ngùi Lan-bạch, quê hương khuất dần.  
<sup>62</sup> Ngày qua, đêm lại, trăng tàn. 1311  
 Một hôm Y-giác rỏ rang việc nhà.  
<sup>63</sup> Xế chiều ngắm cảnh, đi ra,  
 Trời tây thấy bóng lạc đà rảo chon.  
 Chàng trai lẳng lẳng đứng trông, 1315  
<sup>64</sup> Từ xa, Lan bạch thấy lòng lằng lằng.  
<sup>65</sup> Đến khi đoàn vật dừng chân,  
 Vợ vàng xuống hỏi lão nhân: “... người nào?”  
 Rằng: “... người đứng đón cô dâu,  
 Ấy là chàng rể, con cầu Bá-lâm.”  
 Nàng bèn vội vả che khăn, 1321  
<sup>66</sup> Lão-bộc trình lại việc làm xảy ra.  
 Cả đoàn lục tục về nhà,  
<sup>67</sup> Chàng, nàng hạnh phúc, gắm hoa dệt đời.  
 Nỗi buồn mất mẹ qua rồi. 1325  
 Từ đây Y-giác một thời bình yên.

<sup>a</sup> Tam đa, là ba cái nhiều: Đa tử, đa tôn, đa phú quý. Ngũ phúc là năm điều hạnh phúc: Phước, lộc, thọ, khang, ninh. Ngày xưa thường chúc nhau: Ngũ phúc lâm môn phước thêm phước. Tam đa nhập trạch đa gia đa.

### Bản Paulus Tọa

Chúc nàng thượng lộ bình an,  
 Tam đa<sup>a</sup> ngũ phúc<sup>b</sup> rờ ràng tông môn.  
<sup>61</sup> Lạc đà tuần tự rời chon,  
 Ngậm ngùi Lan-bạch, quê hương khuất dần.  
<sup>62</sup> Ngày qua đêm lại, trăng tàn, 1311  
 Một hôm I-giác rỏ rang việc nhà.  
<sup>63</sup> Xế chiều ngắm cảnh đi ra,  
 Trời tây thấy bóng lạc đà rảo chon.<sup>c</sup>  
 Chàng trai lẳng lẳng đứng trông, 1315  
<sup>64</sup> Từ xa, Lan-bạch thấy lòng lằng lằng.  
<sup>65</sup> Đến khi đoàn vật dừng chân,  
 Vợ vàng xuống hỏi lão nhân: người nào?  
 Rằng: người đứng đón cô dâu,  
 Ấy là chàng rể, con cầu Ra-ham.<sup>d</sup>  
 Nàng liền vội vả che khăn. 1321  
<sup>66</sup> Lão bộc trình lại việc làm xảy ra.  
 Cả đoàn lục tục về nhà,  
<sup>67</sup> Chàng, nàng hạnh phúc, gắm hoa dệt đời.  
 Nỗi buồn mất mẹ qua rồi, 1325  
 Từ đây I-giác một thời bình yên.

<sup>a</sup> Tam đa: lời chúc của người xưa: đa tử, đa tôn, đa phú quý; tam đa nhập trạch đa gia đa.  
<sup>b</sup> Ngũ phúc: lời chúc của người xưa: “phước lộc thọ khang ninh”; Ngũ phúc lâm môn phước thêm phước.  
<sup>c</sup> Thấy bóng dáng đoàn lạc đà từ phía Mạch-tam (Mésopotamie) trở về.  
<sup>d</sup> Người con cầu con khăn của gia đình Abraham, đến trăm tuổi mới thấy kết quả.

### Bản phục chế đề nghị

“Chúc nàng thượng lộ bình an,  
 Tam đa, ngũ phúc, rờ ràng tông môn.”  
 Lạc đà tuần tự rời chon,  
 Ngậm ngùi Lan-bạch, quê hương khuất dần.  
 Ngày qua, đêm lại, trăng tàn. 1311  
 Một hôm Y-giác rỏ rang việc nhà.  
 Xế chiều ngắm cảnh, đi ra,  
 Trời tây thấy bóng lạc đà rảo chon.  
 Chàng trai lẳng lẳng đứng trông, 1315  
 Từ xa, Lan bạch thấy lòng lằng lằng.  
 Đến khi đoàn vật dừng chân,  
 Vợ vàng xuống hỏi lão nhân: “... người nào?”  
 Rằng: “... người đứng đón cô dâu,  
 Ấy là chàng rể, con cầu Bá-lâm.”  
 Nàng bèn vội vả che khăn, 1321  
 Lão-bộc trình lại việc làm xảy ra.  
 Cả đoàn lục tục về nhà,  
 Chàng, nàng hạnh phúc, gắm hoa dệt đời.  
 Nỗi buồn mất mẹ qua rồi. 1325  
 Từ đây Y-giác một thời bình yên.

<sup>1</sup> Ông Áp-ra-ham lấy thêm một bà vợ nữa, tên là Cơ-tu-ra. <sup>2</sup> Bà sinh cho ông: Dim-ran, Gióc-san, Mơ-đan, Ma-đi-an, Gít-bắc và Su-ác. <sup>3</sup> Ông Gióc-san sinh Sơ-va và Đơ-đan; các con của ông Đơ-đan là người Át-su-ri, Lơ-tu-sim và Lơ-um-mim. <sup>4</sup> Các con của ông Ma-đi-an là: Ê-pha, Ê-phe, Kha-nốc, A-vi-đa, En-đa-a. Tất cả những người ấy là con cháu bà Cơ-tu-ra. <sup>5</sup> Ông Áp-ra-ham đã cho ông I-xa-ác tất cả những gì ông có. <sup>6</sup> Còn những người con của các bà vợ lẽ ông, thì ông Áp-ra-ham đã tặng họ quà, và ngay khi còn sống, ông cho họ đi xa ông I-xa-ác, con ông, về hướng đông, về đất Phương Đông. <sup>7</sup> Ông Áp-ra-ham sống thọ một trăm bảy mươi lăm tuổi<sup>8</sup> rồi tắt thở. Ông qua đời khi đã cao niên, đã sống tuổi già hạnh phúc và được mãn nguyện; và ông được về sum họp với gia tiên. <sup>9</sup> Các con ông I-xa-ác và Ít-ma-ên chôn cất ông trong

<sup>1</sup> Bá-lâm sau đó tục huyền,  
Sa-thư<sup>a</sup> lần lượt sinh thêm sáu chàng:  
<sup>2</sup> Giang-lân, Việt-sở, Mạc-doanh,  
Mã-đăng, Dực-bảo, Xuân-ân<sup>b</sup> cuối lòng.  
<sup>3</sup> Người nào mưu lược cũng thông, 1331  
Xương minh tài nghệ, vun trồng nghiệp vương.  
<sup>4</sup> Mã-đăng<sup>c</sup> hùng cứ nhứt phương,  
Một dân tộc lớn, biên cương rộng dài.  
<sup>5</sup> Bá-lâm phân phối gia tài, 1335  
Y-giác sản nghiệp trong tay kế thừa.  
<sup>6</sup> Các con dòng thứ chẳng thua,  
Vàng thoi, bạc nén chia vừa lòng nhau.  
Đông-phương khai thác hoa màu,  
Nhờ đức tổ phụ sang giàu hơn ai,  
<sup>7</sup> Tuổi đời chất nặng lên vai, 1341  
Bá-lâm hạc thọ tới ngày tử qui.

<sup>a</sup> Sa-thư, là nữ Cethura, vợ thứ của Bá-lâm.

<sup>b</sup> Sáu con trai dòng thứ: Giang-Lân (Zamran), Việt-sở (Jeesan), Mạc-doanh (Madan), Mã-đăng (Madian), Dực-bảo (Jesboc), Xuân-ân (Sue)

<sup>c</sup> Mã-đăng thì tổ dân Maidianum. Có khi viết là Mã-điền

<sup>1</sup> Ra-ham sau đó tục huyền,<sup>a</sup>  
Sa-thư<sup>b</sup> lần lượt sinh thêm sáu chàng:<sup>c</sup>  
<sup>2</sup> Giang-lân, Việt-sở, Mạc-đăng,  
Mã-điền, Dực-bảo, Xuân-ân cuối lòng.  
<sup>3</sup> Người nào mưu lược cũng thông. 1331  
Phát minh lục nghệ, vun trồng bá vương.<sup>d</sup>  
<sup>4</sup> Mã-điền hùng cứ nhứt phương,<sup>e</sup>  
Một dân tộc lớn, biên cương rộng dài.  
<sup>5</sup> Ra-ham phân phối gia tài, 1335  
Y-giác sản nghiệp trong tay kế thừa,  
<sup>6</sup> Các con vợ thứ chẳng thua,  
Vàng thoi, bạc nén, chia vừa lòng nhau.  
Đông phương khai thác hoa màu,  
Nhờ đức tổ phụ, sang giàu hơn ai.  
<sup>7</sup> Tuổi già chất nặng lên vai 1341  
Ra-ham hạc thọ đến ngày tử qui.

<sup>a</sup> Sara qua đời, sau đó Ra-ham cưới một bà nữa.

<sup>b</sup> Sa-thư: Cethura.

<sup>c</sup> Tên những người con của Abraham: Giang-lân (Zanuran), Việt-sở (Jacsan), Mạc-đăng (Madan), Mã-điền (Madian), Dực-bảo (Jesboc) và Xuân-ân (Sue).

<sup>d</sup> Người nào cũng sinh con cháu đầy đàn và phát minh nhiều ngành nghệ, có người cũng theo chính trị tranh bá đồ vương.

<sup>e</sup> Những người con này, chỉ có Mã-điền nổi tiếng nhứt, lập thành một dân lớn chiếm một vùng, dân Madian-iste, ở phía đông Hồng hải (Biển đỏ). Chính vị anh hùng lập quốc của dân Giu-đeu là Mao-tôn (Mô-sê) đã tá túc với cha vợ là vương hầu xứ Madian. (Xem Lập-quốc kinh, Exodus).

## MỘT CẶP SONG THAI YẾN-GIAO, GIA-CƯỚC

Bá-lâm sau đó tục huyền,  
Sa-thư lần lượt sinh thêm sáu chàng:  
Giang-lân, Việt-sở, Mạc-doanh,  
Mã-đăng, Dực-bảo, Xuân-ân cuối lòng.  
Người nào mưu lược cũng thông, 1331  
Xương minh tài nghệ, vun trồng nghiệp vương.  
Mã-đăng hùng cứ nhứt phương,  
Một dân tộc lớn, biên cương rộng dài.  
Bá-lâm phân phối gia tài, 1335  
Y-giác sản nghiệp trong tay kế thừa.  
Vàng thoi, bạc nén chia vừa lòng nhau.  
Đông-phương khai thác hoa màu,  
Nhờ đức tổ phụ sang giàu hơn ai,  
Tuổi đời chất nặng lên vai, 1341  
Bá-lâm hạc thọ tới ngày tử qui.

**Bản văn Kinh thánh**

hang Mác-pê-la, trong cánh đồng của ông Ép-rôn, con ông Xô-kha, người Khét, đối diện với Mam-rê.

<sup>10</sup> Đó là cánh đồng ông Áp-ra-ham đã tậu của con cái ông Khét. Ông Áp-ra-ham được chôn ở đó, cũng như bà Xa-ra, vợ ông. <sup>11</sup> Sau khi ông Áp-ra-ham qua đời, Thiên Chúa chúc phúc cho ông I-xa-ác, con ông. Ông I-xa-ác ở gần giếng La-khai Rô-i.

<sup>12</sup> Đây là gia đình ông Ít-ma-ên, con ông Áp-ra-ham, mà bà Ha-ga, người Ai-cập, nữ tỳ của bà Xa-ra, đã sinh cho ông Áp-ra-ham. <sup>13</sup> Đây là tên các con trai ông Ít-ma-ên, tên xếp theo gia đình của họ: Nơ-va-giốt, con đầu lòng của ông Ít-ma-ên, rồi đến Kê-đã, Át-bơ-ên, Mít-xam, <sup>14</sup> Mít-ma, Đu-ma, Ma-xa, <sup>15</sup> Kha-đát, Tê-ma, Giơ-tua, Na-phít, Két-ma. <sup>16</sup> Đó là các con ông Ít-ma-ên, và đó là tên của họ, theo các làng và trại của họ: mười hai đầu mục cho bảy nhiều bộ lạc.

<sup>17</sup> Đây là số năm ông Ít-ma-ên đã sống: một trăm ba mươi bảy năm. Rồi ông tắt thở, qua đời và được về sum họp với gia tiên. <sup>18</sup> Ông đã ở từ Kha-vi-la đến Sua, đối diện

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>8</sup> Trăm bảy lăm tuổi sinh thì,

<sup>9</sup> Ích-manh, Y-giác lo bề phát tang.

Cháu con hành lễ động quan, 1345

<sup>10</sup> Đưa ra chôn kế mộ phần Xuân-hoa.

Cũng là phần đất chủ gia,

<sup>11</sup> Ngày xưa đã tậu của nhà Diệp-tôn.

<sup>12</sup> Đoạn này nhắc lại con dòng,

Ích-manh, càng lúc càng đồng thịnh hành.

<sup>13</sup> Mười hai nam tử trưởng thành, 1351

<sup>14</sup> Trở tài tế thế, mở mang cõi bờ.

<sup>15</sup> Người thì sản nghiệp ảm no.

<sup>16</sup> Kể thì quyền thế, cơ đồ khuếch trương.

Nhờ nơi phước đức tông đường, <sup>a</sup> 1355

Ông bà đạo nghĩa cháu con sang giàu.

<sup>17</sup> Ích-manh tuổi thọ đã cao,

Một trăm hăm bảy đi vào cõi âm.

<sup>18</sup> Đã từng khai thác giang san,

Giếp-tô tiếp giáp đến phần Án-xuyên <sup>b</sup>.

<sup>19</sup> Cuộc đời Y-giác kể thêm, 1361

<sup>20</sup> Bốn mươi cưới vợ ở miền Mạch-tam.

Từ khi kết nghĩa sắt cầm,

<sup>21</sup> Buồn thương Lan-bạch vì nàng muợn con.

<sup>a</sup> Trong xã hội An-Nam cũng có câu: "... Ông bà Kiếp trước khéo tu, cho nên con cháu vông dù hiển ngang".

<sup>b</sup> Án xuyên, là ngữ Assyria. Đoạn này tóm tắt dòng dõi của Ích-manh (Ismael) trở nên thi tổ nhiều sắc dân lập nghiệp từ biên giới Ai-cập đến vùng đất xứ Iran, Irak ngày nay.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>8</sup> Trăm bảy lăm tuổi sinh thì,

<sup>9</sup> Ích-manh, I-giác lo bề phát tang.

Cháu con hành lễ động quan, 1345

<sup>10</sup> Đưa về chôn kế mộ phần Sa-ra. <sup>a</sup>

Cũng là phần đất chủ gia,

<sup>11</sup> Ngày xưa đã tậu của nhà Hiệp-long.

<sup>12</sup> Đoạn này nhắc lại con dòng <sup>b</sup>

Ích-manh, càng lúc càng đồng thịnh hành.

<sup>13</sup> Mười hai nam tử trưởng thành, 1351

<sup>14</sup> Trở tài tế thế mở mang cõi bờ.

<sup>15</sup> Người thì sản nghiệp ảm no,

<sup>16</sup> Kể thì quyền thế cơ đồ khuếch trương.

Nhờ nơi phước đức tông đường, 1355

Ông bà đạo nghĩa, cháu con sang giàu.

<sup>17</sup> Ích-manh tuổi thọ đã cao,

Một trăm hăm bảy đi vào cõi âm.

<sup>18</sup> Đã từng khai thác giang san

Giếp-tô tiếp giáp đến phần Á-xuyên. <sup>c</sup>

<sup>19</sup> Cuộc đời I-giác kể thêm, 1361

<sup>20</sup> Bốn mươi cưới vợ ở miền Mạch-tam.

Từ khi kết nghĩa sắt cầm,

<sup>21</sup> Buồn thương Lan-bạch, vì nàng muợn con.

<sup>a</sup> Xem lại đoạn 23 (St,10-19)

<sup>b</sup> Đoạn này từ câu 12 đến 16, thấy cả Lữ Y Đuan ghi tổng quát những đại ý về dòng dõi Ismael.

<sup>c</sup> Vùng đất của dòng dõi Ismael rộng lớn từ biên giới Ai-cập tới Assyrie.

**Bản phục chế đề nghị**

Trăm bảy lăm tuổi sinh thì,

Ức-miên, Y-giác lo bề phát tang.

Cháu con hành lễ động quan, 1345

Đưa ra chôn kế mộ phần Xuân-hoa.

Cũng là phần đất chủ gia,

Ngày xưa đã tậu của nhà Diệp-tôn.

Đoạn này nhắc lại con dòng

Ức-miên, càng lúc càng đồng thịnh hành.

<sup>13</sup> Mười hai nam tử trưởng thành, 1351

<sup>14</sup> Trở tài tế thế, mở mang cõi bờ.

<sup>15</sup> Người thì sản nghiệp ảm no.

<sup>16</sup> Kể thì quyền thế, cơ đồ khuếch trương.

Nhờ nơi phước đức tông đường, 1355

Ông bà đạo nghĩa, cháu con sang giàu.

Ức-miên tuổi thọ đã cao,

Một trăm hăm bảy đi vào cõi âm.

Đã từng khai thác giang san,

Giếp-tô tiếp giáp đến phần Án-xuyên.

<sup>19</sup> Cuộc đời Y-giác kể thêm, 1361

<sup>20</sup> Bốn mươi cưới vợ ở miền Mạch-tam.

Từ khi kết nghĩa sắt cầm,

<sup>21</sup> Buồn thương Lan-bạch vì nàng muợn con.

**Bản văn Kinh thánh**

với Ai-cập, về phía Át-sua. Ông định cư đối diện với tất cả anh em của ông.

<sup>19</sup> Đây là gia đình ông I-xa-ác, con ông Áp-ra-ham. Ông Áp-ra-ham sinh ra ông I-xa-ác. <sup>20</sup> Ông I-xa-ác được bốn mươi tuổi, khi ông lấy bà Rê-bê-ca làm vợ; bà này là con ông Bơ-thu-ên, người A-ram ở Pát-đan A-ram, và là em ông La-ban, người A-ram. <sup>21</sup> Ông I-xa-ác khấn cầu Đức Chúa cho vợ ông, vì bà hiếm hoi. Đức Chúa nhậm lời ông, và bà Rê-bê-ca vợ ông có thai. <sup>22</sup> Các đứa con đặng nhau trong lòng bà, nên bà kêu lên: “Nếu vậy thì tại sao tôi thế này?” Bà thỉnh ý Đức Chúa. <sup>23</sup> Đức Chúa phán với bà:

“Có hai dân tộc trong lòng người, hai dân từ dạ người sinh ra và sẽ chia rẽ nhau.

Dân này sẽ mạnh hơn dân kia, đứa lớn sẽ làm tôi đứa bé.”

<sup>24</sup> Khi đến ngày sinh nở thì quả là bà đã mang hai đứa con trong lòng. <sup>25</sup> Đứa ra trước đỏ hoe, toàn thân như một chiếc áo choàng bằng lông: người ta đặt tên cho nó là Ê-xau. <sup>26</sup> Sau đó, đứa em ra, tay

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

*Đêm cầu Thượng-đế ban ơn, 1365*

Cho cây sinh quả, cho vườn đơm hoa.

Trăng non, mấy lượt trăng già,

Niềm vui Lan-bạch phúc đã dựng thai.

<sup>22</sup> Nhưng rồi cảm thấy châu mày,

Vì thai trong dạ nhiều ngày tông nhau.

Than rằng nếu phải đón đau. 1371

Thà cho son sẻ bề nào cũng hơn,

<sup>23</sup> Nàng cầu Thượng-đế khoan nhon,

Bỗng nghe cảm ứng<sup>a</sup> khuyên lon mấy lời:

“Có hai dân tộc đồng thời, 1375

Từ trong dạ mẹ mở ngôi tranh nhau.

Tháng ngày ráo riết đương đầu,

Anh trước xếp giáp, em sau thắng đài.”

<sup>24</sup> Đến ngày sinh nở song thai,

<sup>25</sup> Đứa trước vạm vỡ lông dày đỏ au.

Cho nên danh gọi Yến-giao.<sup>b</sup> 1381

Đứa sau nắm cằm đứa đầu kéo lui.

Đặt tên Gia-cước<sup>c</sup> kịp thời,

<sup>26</sup> Có con, Y-giác tuổi đời sáu mươi.

<sup>a</sup> Cảm ứng, tác giả dùng chữ của Lão-Tử, có huyền đồng mới có cảm ứng. Nếu không tin tưởng ở Trời thì làm sao thấu hiểu lẽ huyền vi.

<sup>b</sup> Yến giao, là ngữ Esau, linh mục Phao-lô Qui đổi ra chữ Ê-giao.

<sup>c</sup> Gia-cước, là ngữ Jacob, có nghĩa là kẻ nắm cằm. Linh mục Phao-lô Qui đổi lại Gia-cốp.

**Bản Paulus Tọa**

*Đêm cầu Thượng đế ban ơn, 1365*

Cho cây sinh quả, cho vườn lên hoa.

Trăng non mấy lượt trăng già,

Niềm vui Lan-bạch phúc đã dựng thai.

<sup>22</sup> Nhưng rồi cảm thấy châu mày,

Vì thai trong dạ nhiều ngày tông nhau.

Than rằng: nếu phải đón đau, 1371

Thà cho son sẻ bề nào cũng hơn.

<sup>23</sup> Nàng cầu Thượng đế khoan nhon,

Bỗng nghe cảm ứng<sup>a</sup> khuyên lon mấy lời.

Có hai dân tộc đồng thời, 1375

Từ trong dạ mẹ mở ngôi tranh nhau.

Thời gian ráo riết đương đầu,

Anh trước xếp giáp, em sau thắng đài.

<sup>24</sup> Đến ngày sinh nở song thai,

<sup>25</sup> Đứa trước vạm vỡ, lông dày đỏ au,

Cho nên danh gọi **Án-giao**,<sup>b</sup> 1381

Đứa sau nắm cằm đứa đầu kéo lui.

Đặt tên Gia-cước<sup>c</sup> kịp thời,

<sup>26</sup> Có con, I-giác tuổi đời sáu mươi.

<sup>a</sup> Cảm ứng: từ của Lão giáo, cầu nguyện có linh thì được thần đối ứng lập tức. Ở đây, Rebecca được Thiên Chúa soi sáng cho hiểu biết về tình trạng bào thai mình đang mang gặp nhiều đau đớn.

<sup>b</sup> Án-giao: Esau.

<sup>c</sup> Gia-cước: Jacob. Bản của Phan Văn Cận viết Da-cước; sau Trần Hồn Xuyên ghi lại Gia-cước. Cước cũng có nghĩa là chơn (cẳng).

**Bản phục chế đề nghị**

*Đêm cầu Thượng-đế ban ơn, 1365*

Cho cây sinh quả, cho vườn đơm hoa.

Trăng non mấy lượt trăng già,

Niềm vui Lan-bạch phúc đã dựng thai.

Nhưng rồi cảm thấy châu mày.

Vì thai trong dạ nhiều ngày tông nhau.

Than rằng nếu phải đón đau. 1371

Thà cho son sẻ bề nào cũng hơn,

Nàng cầu Thượng-đế khoan nhon,

Bỗng nghe cảm ứng khuyên lon mấy lời:

“Có hai dân tộc đồng thời, 1375

Từ trong dạ mẹ mở ngôi tranh nhau.

Tháng ngày ráo riết đương đầu,

Anh trước xếp giáp, em sau thắng đài.”

Đến ngày sinh nở song thai,

Đứa trước vạm vỡ, lông dày đỏ au.

Cho nên danh gọi Yến-giao. 1381

Đứa sau nắm cằm đứa đầu kéo lui.

Đặt tên Gia-cước kịp thời,

Có con, Y-giác tuổi đời sáu mươi.



**Bản văn Kinh thánh**

nắm gót chân của Ê-xau: người ta đặt tên cho nó là Gia-cóp. Ông I-xa-ác được sáu mươi tuổi khi chúng sinh ra.

<sup>27</sup> Hai đứa trẻ lớn lên. Ê-xau là người thạo nghề săn bắn, chuyên rong ruổi ngoài đồng; còn Gia-cóp thì trầm tĩnh, chỉ sống ở lều. <sup>28</sup> Ông I-xa-ác thương Ê-xau vì ông thích ăn thịt rừng, còn bà Rê-bê-ca thì thương Gia-cóp.

<sup>29</sup> Lần kia, Gia-cóp đang nấu cháo, thì Ê-xau từ ngoài đồng về, mệt lả.

<sup>30</sup> Ê-xau nói với Gia-cóp: “Cho anh ăn món đồ đồ kia với, vì anh đang mệt lả.” Vì thế người ta đặt tên cho nó là Ê-đôm. <sup>31</sup> Gia-cóp nói: “Anh hãy bán quyền trưởng nam của anh cho em trước đã!” <sup>32</sup> Ê-xau nói: “Anh đang sắp chết, thì quyền trưởng nam có ích gì cho anh?”

<sup>33</sup> Gia-cóp nói: “Vậy anh thề ngay với em đi.” Ê-xau liền thề và bán quyền trưởng nam của mình cho Gia-cóp. <sup>34</sup> Bấy giờ Gia-cóp cho Ê-xau bánh và cháo đậu. Ê-xau ăn uống, rồi đứng dậy đi. Ê-xau đã coi thường quyền trưởng nam.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>27</sup> *Mấy mùa xuân đã dần trôi, 1385*

*Yến-giao, Gia cước qua thời ấu nhi.*

*Yến-giao trong tuổi đang thì,*

*Rành tay săn bắn, giỏi nghề ruộng nương.*

*Gia-cước vui cảnh gia đường,*

*Chăm nom chuồng trại, đảm đương việc nhà.*

<sup>28</sup> *Yến-giao vốn được lòng cha, 1391*

*Gia-cước được mẹ thiết tha đỡ đàn,*

<sup>29</sup> *Một hôm Gia-cước rảnh rang,*

*Nấu cháo đậu đỗ toan ăn một mình.*

<sup>30</sup> *Đi săn về tới thình linh, 1395*

*Yến-giao đói mệt bèn xin em rằng:*

*“Múc cho tô cháo, anh ăn.”*

*Đáp: “...<sup>31</sup> Anh nhường chức trưởng nam được nào?”*

<sup>32</sup> *Yến-giao quá đói, cầu nhàu:*

*“Cho ăn cái đã, đổi trao hề gì.”*

<sup>33</sup> *“Vậy anh nếu muốn, thề đi.” 1401*

*Yến-giao phát thề, sá chi trưởng quyền.*

<sup>34</sup> *Ở đời dĩ thực vi tiên,*

*Không cần phải quấy, chẳng phiền thiệt hơn.*

*Chuyện này sau đó tiếng đồn, 1405*

*Yến-giao bị gọi Y-đông<sup>a</sup> khắp vùng.*

<sup>a</sup> Y-Đông, là ngữ Edom, có nghĩa đậu đỏ. Linh mục Phao-lô Qui đổi lại Êđôm. Ông này thì tổ dân Idumei.

**Bản Paulus Tạc**

<sup>27</sup> *Mấy mùa xuân đã dần trôi, 1385*

**Án-giao**, *Gia-cước qua thời ấu nhi.*

**Án-giao** trong tuổi đang thì,

*Rành tay săn bắn, giỏi nghề ruộng nương.*

*Gia-cước vui cảnh gia đường,*

*Chăm nom chuồng trại, đảm đương việc nhà.*

<sup>28</sup> **Án-giao** vốn được lòng cha, 1391

*Gia-cước được mẹ thiết tha đỡ đàn.*

<sup>29</sup> *Một hôm Gia-cước rảnh rang,*

*Nấu cháo đậu đỗ toan ăn một mình.*

<sup>30</sup> *Đi săn về đến thình linh, 1395*

**Án-giao** đói mệt bèn xin em rằng:

*“Múc cho tô cháo, anh ăn.”*

<sup>31</sup> *Đáp: “Anh nhường chức trưởng nam được nào?”*

**Án-giao** quá đói cầu nhàu:

<sup>32</sup> *Cho ăn cái đã, đổi trao hề gì!*

<sup>33</sup> *Vậy, anh nếu muốn, thề đi, 1401*

**Án-giao** phát thề, sá chi trưởng quyền.

<sup>34</sup> *Ở đời dĩ thực vi tiên*

*Không cần phải quấy, chẳng phiền thiệt hơn.*

*Chuyện này sau đó tiếng đồn, 1405*

**Án-giao** bị gọi Đố-công<sup>a</sup> khắp vùng.

<sup>a</sup> Đố-công: Edom, Chữ edom có nghĩa “đậu đỏ”, người thời đó dùng mìa mai Án-giao vì tham ăn chén cháo đậu đỏ mà phải đóng vai làm em. Có lẽ thấy cả Lữ Y Doan dùng chữ “Đố-công”, có nghĩa là Ông đậu, ông ăn cháo đậu đỏ ...

**Bản phục chế đề nghị**

*Mấy mùa xuân đã dần trôi, 1385*

*Yến-giao, Gia cước qua thời ấu nhi.*

*Yến-giao trong tuổi đang thì,*

*Rành tay săn bắn, giỏi nghề ruộng nương.*

*Gia-cước<sup>a</sup> vui cảnh gia đường,*

*Chăm nom chuồng trại, đảm đương việc nhà.*

*Yến-giao vốn được lòng cha, 1391*

*Gia-cước được mẹ thiết tha đỡ đàn,*

*Một hôm Gia-cước rảnh rang,*

*Nấu cháo đậu đỗ toan ăn một mình.*

*Đi săn về tới thình linh, 1395*

*Yến-giao đói mệt bèn xin em rằng:*

*“Múc cho tô cháo, anh ăn”.*

*Đáp: “...Anh nhường chức trưởng nam được nào?”*

*Yến-giao quá đói, cầu nhàu:*

*“Cho ăn cái đã, đổi trao hề gì.”*

*“Vậy anh nếu muốn, thề đi.” 1401*

*Yến-giao phát thề, sá chi trưởng quyền.*

*Ở đời dĩ thực vi tiên,*

*Không cần phải quấy, chẳng phiền thiệt hơn.*

*Chuyện này sau đó tiếng đồn, 1405*

*Yến-giao bị gọi Đố-công<sup>a</sup> khắp vùng.*

<sup>a</sup> Xem cước chú C 1406.

<sup>1</sup> Bấy giờ trong xứ xảy ra một nạn đói, không phải nạn đói đã xảy ra trước kia thời ông Áp-ra-ham. Ông I-xa-ác đi Gơ-ra, đến với A-vi-me-léc, vua người Phi-li-tinh. <sup>2</sup> Đức Chúa hiện ra với ông và phán: “Đừng xuống Ai-cập, hãy ở trong đất Ta sẽ chỉ cho. <sup>3</sup> Hãy trú ngụ trong đất này; Ta sẽ ở với ngươi và sẽ chúc phúc cho ngươi, vì Ta sẽ ban tất cả những miền đất này cho ngươi và dòng dõi ngươi, và Ta sẽ giữ lời Ta đã thề với Áp-ra-ham, cha ngươi. <sup>4</sup> Ta sẽ làm cho dòng dõi ngươi ra nhiều như sao trên trời, sẽ ban cho dòng dõi ngươi tất cả những miền đất này; và nhờ dòng dõi ngươi, mọi dân tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc, <sup>5</sup> bởi vì Áp-ra-ham đã vâng lời Ta, đã giữ điều Ta truyền, cũng như các mệnh lệnh, thánh chỉ và luật điều của Ta.” <sup>6</sup> Vậy ông I-xa-ác sống ở Gơ-ra.

<sup>7</sup> Người địa phương hỏi về vợ ông, thì ông trả lời: “Nàng là em tôi.” Ông không dám nói: “Nàng là vợ tôi”, sợ người địa phương giết ông vì bà Rê-bê-ca, bởi lẽ bà có nhan sắc. <sup>8</sup> Khi ông đã ở đó lâu ngày, thì A-vi-me-léc, vua người Phi-li-tinh, nhìn xuống qua cửa sổ thì thấy ông I-xa-ác đang cười giống với bà

<sup>1</sup> Xảy ra đại nạn bạch đồng,  
Muôn dân lâm cảnh bần cùng đói ăn.  
Gia đình Y-giác bèn sang,  
Đất vua Bành-lạc, đồng bằng Diên-la.  
<sup>2</sup> Có lần, Thượng-đế hiện ra: 1411  
“Giếp-tô chớ khá đi qua lúc này.  
<sup>3</sup> Dầu sao cũng ở lại đây,  
Vì là đất hứa dựng gầy tương lai.  
Ơn trời phù trợ đủ đầy, 1415  
Cho ngươi hiện tại, sau này cháu con.  
<sup>4</sup> Gia tăng như cát biển đông,  
Trọn quyền chiếm hữu khắp vùng phì nhiêu.  
Các dân thiên hạ nhờ nhiều,  
Vào ngươi, mà được đủ điều ơn ban.  
<sup>5</sup> Vì xưa, thân phụ Bá-lâm, 1421  
Tín trung thiên lệnh, theo đảng nghĩa nhân.”  
<sup>6</sup> Nghe qua, Y-giác dưng chân,  
Diên-la cư ngụ làm ăn tùy thời.

<sup>1</sup> Xảy ra đại nạn bạch đồng,  
Muôn dân lâm cảnh bần cùng đói ăn.  
Gia đình I-giác liền sang  
Đất vua Mã-liệt, đồng bằng Diên-la. <sup>a</sup>  
<sup>2</sup> Có lần Thượng đế hiện ra: 1411  
Giếp-tô chớ khá đi qua lúc này.  
<sup>3</sup> Dầu sao cũng ở lại đây,  
Vì là đất hứa dựng gầy tương lai.  
Ơn trời phù trợ đủ đầy, 1415  
Cho ngươi hiện tại, sau này cháu con.  
<sup>4</sup> Gia tăng như cát biển đông,  
Trọn quyền chiếm hữu khắp vùng phì nhiêu,  
Các dân thiên hạ nhờ nhiều  
Vào ngươi, mà được đủ điều ơn ban.  
<sup>5</sup> Vì xưa thân phụ Ra-ham, 1421  
Tín trung thiên lệnh, <sup>b</sup> theo đảng nghĩa nhân.  
<sup>6</sup> Nghe qua I-giác dưng chân,  
Diên-la cư ngụ làm ăn tùy thời,

<sup>a</sup> Miến Gérare do Abimélech làm vua cai trị dân Phiên-lich (Philistins).

<sup>b</sup> Hết lòng vâng lời Thiên Chúa phán dạy một cách trung thành.

## TRỜI CAO GIAO ƯỚC BÀNH-LẠC TƯƠNG THÂN

Xảy ra đại nạn bạch đồng,  
Muôn dân lâm cảnh bần cùng đói ăn.  
Gia đình Y-giác bèn sang,  
Đất vua Bành-lạc, đồng bằng Diên-la.  
Có lần Thượng-đế hiện ra: 1411  
“Giếp-tô chớ khá đi qua lúc này.  
Dầu sao cũng ở lại đây,  
Vì là đất hứa dựng gầy tương lai.  
Ơn trời phù trợ đủ đầy, 1415  
Cho ngươi hiện tại, sau này cháu con.  
Gia tăng như cát biển đông,  
Trọn quyền chiếm hữu khắp vùng phì nhiêu.  
Các dân thiên hạ nhờ nhiều  
Vào ngươi, mà được đủ điều ơn ban.  
Vì xưa, thân phụ Bá-lâm, 1421  
Tín trung thiên lệnh, theo đảng nghĩa nhân.”  
Nghe qua, Y-giác dưng chân,  
Diên-la cư ngụ làm ăn tùy thời.

### Bản văn Kinh thánh

Rê-bê-ca, vợ ông.<sup>9</sup> Vua A-vi-me-léc cho gọi ông I-xa-ác đến và nói: “Đúng là vợ ông! Sao ông lại nói: Nàng là em tôi?” Ông I-xa-ác trả lời vua: “Tôi đã nói như thế vì sợ phải chết vì nàng.”<sup>10</sup> Vua A-vi-me-léc nói: “Ông đã làm gì chúng tôi thế? Thiếu chút nữa là một người trong dân sẽ nằm với vợ ông, và ông làm cho chúng tôi phải vương vào một tội!”<sup>11</sup> Vua A-vi-me-léc truyền cho toàn dân rằng: “Ai mà động đến ông này và vợ ông, sẽ bị xử tử.”

<sup>12</sup> Ông I-xa-ác đã gieo vãi trong đất ấy, và năm đó ông thu hoạch gấp trăm lần. Đức Chúa chúc phúc cho ông<sup>13</sup> và ông trở nên giàu có, mỗi ngày một giàu thêm, giàu vô kể.<sup>14</sup> Ông có những đàn chiên, đàn bò, có nhiều đầy tớ, khiến người Phi-li-tinh phải ghen.

<sup>15</sup> Tất cả những giếng mà đầy tớ của cha ông đã đào dưới thời ông Áp-ra-ham, cha ông, thì người Phi-li-tinh đã bít lại và lấp đầy đất.

<sup>16</sup> Vua A-vi-me-léc nói với ông I-xa-ác: “Ông hãy đi khỏi xứ chúng tôi, vì ông đã trở nên quá mạnh so với chúng tôi.”<sup>17</sup> Ông I-xa-ác đi khỏi đó, cắm lều trong thung lũng Gơ-ra và ở lại đây.<sup>18</sup> Ông I-xa-ác đào lại những giếng nước mà người ta đã đào thời ông Áp-ra-ham, cha ông, và người Phi-li-tinh đã bít đi sau khi ông Áp-ra-ham qua đời. Ông lấy chính những tên cha ông

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>7</sup> Địa phương thấy xứ thêm người, 1425

Thấy nàng Lan-bạch, có lời hỏi thăm.

Dối rằng Y-giác vai anh,

Vi e tỏ thiệt mà sanh khó lòng.

<sup>8</sup> Ngày kia kể cả trong vùng,

Qua ngang nhận xét vợ chồng đúng hơn.

<sup>9</sup> Trách rằng: “Y-giác lòng vòng, 1431

<sup>10</sup> Nhờ ra có đũa đeo bông, hại thay ...!”

Rằng: “... tôi chưa rõ xứ này,

Phòng con cưỡng đoạt, vạ lây mạng mình.”

<sup>11</sup> Kể cả rao bảo dân tình: 1435

“Cưỡng hôn xử tử, nghiêm minh lệnh truyền:

<sup>12</sup> Tháng ngày Y-giác sống yên,

Chăn nuôi phát đạt, đồng điền thanh hưng.

<sup>13</sup> On trời vua giúp lạ lùng,

Trở nên đại phú khắp vùng không hai.

<sup>14</sup> Bồi giàu, dân sự tại đây, 1441

Đem lòng gan tị, hòa bầy hại nhân.

<sup>15</sup> Giếng xưa gốc của Bá-lâm,

Chúng đến lấp bằng, phong tỏa thức ăn.

Thượng lưu, kể cả trong làng. 1445

Lấy làm hà dạ, chẳng màng lễ công.

### Bản Paulus Tọa

<sup>7</sup> Địa phương thấy xứ thêm người, 1425

Thấy nàng Lan-bạch có lời hỏi thăm.

Dối rằng: I-giác vai anh,

Vi e tỏ thật mà sanh khó lòng.

<sup>8</sup> Ngày kia, kể cả trong vùng,

Qua ngang nhận xét vợ chồng đúng hơn.

<sup>9</sup> Trách rằng: “I-giác lòng vòng, 1431

<sup>10</sup> Nhờ ra có đũa đeo bông<sup>a</sup> hại thay!”

Rằng: “Tôi chưa rõ xứ này,

Phòng con cưỡng đoạt, vạ lây mạng mình.”

<sup>11</sup> Kể cả rao bảo dân tình: 1435

Cưỡng hôn<sup>b</sup>, xử tử, nghiêm minh lệnh truyền.

<sup>12</sup> Tháng ngày I-giác sống yên,

Chăn nuôi phát đạt, đồng điền thanh hưng.

<sup>13</sup> **Tay** Trời vua giúp lạ lùng,

Trở nên đại phú khắp vùng không hai.

<sup>14</sup> Bồi giàu, dân sự tại đây 1441

Đem lòng gan tị, hòa bầy hại nhân.

<sup>15</sup> Giếng xưa gốc của **Ra-ham**,

Chúng đến lấp bằng, phong tỏa thức ăn.

Thượng lưu, kể cả trong làng, 1445

Lấy làm hà dạ chẳng màng lễ công.

### Bản phục chế đề nghị

Địa phương thấy xứ thêm người, 1425

Thấy nàng Lan-bạch, có lời hỏi thăm.

Dối rằng Y-giác vai anh,

Vi e tỏ thiệt mà sanh khó lòng.

Ngày kia kể cả trong vùng,

Qua ngang nhận xét vợ chồng đúng hơn.

Trách rằng: “Y-giác lòng vòng, 1431

Nhờ ra có đũa đeo bông, hại thay ...!”

Rằng: “... tôi chưa rõ xứ này,

Phòng con cưỡng đoạt, vạ lây mạng mình.”

Kể cả rao bảo dân tình: 1435

“Cưỡng hôn xử tử, nghiêm minh lệnh truyền:

Tháng ngày Y-giác sống yên,

Chăn nuôi phát đạt, đồng điền thanh hưng.

On Trời vua giúp lạ lùng,

Trở nên đại phú khắp vùng không hai.

Bồi giàu, dân sự tại đây 1441

Đem lòng gan tị, hòa bầy hại nhân.

Giếng xưa gốc của Bá-lâm,

Chúng đến lấp bằng, phong tỏa thức ăn.

Thượng lưu, kể cả trong làng. 1445

Lấy làm hà dạ, chẳng màng lễ công.

<sup>a</sup> Ở đất Diên-la (Gerare) I-giác (Issaac) và Lan-bạch (Rebecca) gọi nhau là anh em, nhưng vua Mã-liệt khám phá ra là vợ chồng, nên trách móc I-giác.

<sup>b</sup> Cưỡng hôn: bắt ép đàn bà làm vợ mình.

<sup>a</sup> Vua giúp: phù giúp (TSNM)

### Bản văn Kinh thánh

đã đặt mà đặt cho các giếng ấy.

<sup>19</sup> Đầy tớ ông I-xa-ác đào trong thung lũng và tìm thấy ở đó một giếng nước mạch. <sup>20</sup> Những người chăn súc vật ở Gơ-ra tranh chấp với những người chăn súc vật của ông I-xa-ác, chúng nói: “Nước của chúng tôi!” Ông đã đặt tên giếng là Ê-xéc, bởi vì chúng đã gây gỗ với ông. <sup>21</sup> Họ đào một giếng khác và người ta lại tranh chấp về giếng đó; ông đặt tên giếng là Xít-na. <sup>22</sup> Ông bỏ chỗ ấy ra đi đào một giếng khác; người ta không tranh chấp về giếng này, và ông đặt tên giếng là Rơ-khô-vốt; ông nói: “Vi giờ đây Đức Chúa đã cho chúng ta được thanh thang, và chúng ta sẽ sinh sôi trong đất này.”

<sup>23</sup> Từ chỗ ấy, ông lên Bơ-e Se-va.

<sup>24</sup> Đêm ấy, Đức Chúa hiện ra với ông và phán:

“Ta là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, cha ngươi. Đừng sợ, vì Ta ở với ngươi. Vì Áp-ra-ham, tôi tớ của Ta, Ta sẽ chúc phúc cho ngươi, sẽ làm cho dòng dõi ngươi ra nhiều.”

<sup>25</sup> Tại đây ông dựng một bàn thờ và kêu cầu danh Đức Chúa. Cũng tại đây ông cắm lều, và các đầy tớ ông I-xa-ác đã khơi một cái giếng.

<sup>26</sup> Từ Gơ-ra, vua A-vi-me-léc cùng với ông A-khu-dát, bạn của vua, và ông Pi-khôn, người chỉ huy quân đội của vua, đến gặp ông I-xa-ác. <sup>27</sup> Ông I-xa-ác nói với họ: “Các ông ghét tôi và đã đuổi tôi đi

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>16</sup> Còn khuyên: ông hãy dời chôn,

<sup>17</sup> Lặng thinh, Y-giác bỏ vùng Diên-la.

<sup>18</sup> Tôi đâu, tôi tớ trong nhà,

<sup>19</sup> Cũng lo đào giếng, nước ra dư dúng.

<sup>20</sup> Thổ dân kéo tới tranh hùng, 1451

<sup>21</sup> Kẻ đào, người lấp, <sup>22</sup> khôn cùng khó khăn.

<sup>23</sup> Y-giác lần tới Biéc-sâm,

Đào trước giếng ngọt quanh năm tràn đầy,

<sup>24</sup> Nơi đây, Thượng-đế tỏ bày, 1455

Quyền năng phù trợ, không ai đoạt phần.

Những lời hứa với Bá-lâm,

Trước sau nhắc lại, cam đoan vững bền.

<sup>25</sup> Y-giác bái mạng, dựng lên,

Tế đàn cảm tạ thượng quyền, chớ che.

Cũng truyền tôi tớ liệu bề, 1461

Đào thêm giếng ngọt cho nghề chăn nuôi.

<sup>26</sup> Ôn trời dào dạt không vơi;

Ngày càng thịnh vượng hơn mười lần xưa.

Diên-la trăm họ ngấn ngơ, 1465

Người mình bạc đãi bây giờ vinh thân.

Nhà vua cùng với cận quan,

Ngựa xe kéo tới cầu thân giao hoà.

### Bản Paulus Tào

<sup>16</sup> Còn khuyên: ông hãy dời chôn,

<sup>17</sup> Lặng thinh, I-giác bỏ vùng Diên-la.

<sup>18</sup> **Đến** đâu tôi tớ trong nhà

<sup>19</sup> Cũng lo đào giếng, nước ra dư dúng.

<sup>20</sup> Thổ dân kéo tới tranh hùng, 1451

<sup>21</sup> Kẻ đào người lấp, <sup>22</sup> khôn cùng khó khăn.

<sup>23</sup> I-giác lần tới Biéc-sâm, <sup>a</sup>

Đào được giếng ngọt quanh năm tràn đầy.

<sup>24</sup> Nơi đây Thượng đế tỏ bày, 1455

Quyền năng phù trợ không ai đoạt phần.

Những lời hứa với **Ra-ham**,

Trước sau nhắc lại, cam đoan vững bền.

<sup>25</sup> I-giác bái mạng, dựng lên

Tế đàn cảm tạ thượng quyền chớ che.

Cũng truyền tôi tớ liệu bề 1461

Đào thêm giếng ngọt cho nghề chăn nuôi.

<sup>26</sup> Ôn trời dào dạt không vơi,

Ngày càng thịnh vượng hơn mười lần xưa.

Diên-la trăm họ ngấn ngơ, 1465

Người mình bạc đãi bây giờ vinh **quang**.

Nhà vua cùng với cận **thần**

Ngựa xe kéo đến cầu thân giao hoà.

### Bản phục chế đề nghị

Còn khuyên: ông hãy dời chôn,

Lặng thinh, Y-giác bỏ vùng Diên-la.

Tôi đâu tôi tớ trong nhà

Cũng lo đào giếng, nước ra dư dúng.

Thổ dân kéo tới tranh hùng, 1451

Kẻ đào, người lấp, khôn cùng khó khăn.

Y-giác lần tới Biéc-sâm,

Đào trước giếng ngọt quanh năm tràn đầy,

Nơi đây, Thượng-đế tỏ bày, 1455

Quyền năng phù trợ, không ai đoạt phần.

Những lời hứa với Bá-lâm,

Trước sau nhắc lại, cam đoan vững bền.

Y-giác bái mạng, dựng lên

Tế đàn cảm tạ thượng quyền, chớ che.

Cũng truyền tôi tớ liệu bề, 1461

Đào thêm giếng ngọt cho nghề chăn nuôi.

Ôn trời dào dạt không vơi;

Ngày càng thịnh vượng hơn mười lần xưa.

Diên-la trăm họ ngấn ngơ, 1465

Người mình bạc đãi bây giờ vinh thân.

Nhà vua cùng với cận quan

Ngựa xe kéo tới cầu thân giao hoà.

<sup>a</sup> Biéc-sâm: Bersabée (Xem St 21,31)

### **Bản văn Kinh thánh**

khỏi xứ các ông, thì các ông còn đến gặp tôi làm gì?”<sup>28</sup> Họ trả lời: “Chúng tôi đã thấy rõ là Đức Chúa ở với ông và chúng tôi nói: phải có một lời thề nguyện giữa chúng ta, giữa chúng tôi và ông. Chúng tôi muốn lập giao ước với ông:”<sup>29</sup> Ông sẽ không làm hại chúng tôi, cũng như chúng tôi đã không động đến ông, mà đã chỉ làm điều tốt cho ông và đã để cho ông đi bình an. Giờ đây ông là người được Đức Chúa chúc phúc.”<sup>30</sup> Ông làm tiệc đãi họ, và họ ăn uống.

<sup>31</sup> Sáng hôm sau, họ dậy sớm, hai bên thề với nhau, rồi ông I-xa-ác để họ đi và họ từ giã ông ra đi bình an.<sup>32</sup> Chính ngày hôm ấy, các đầy tớ ông I-xa-ác đến báo tin cho ông về cái giếng họ đã đào; họ nói với ông: “Chúng tôi đã tìm thấy nước.”<sup>33</sup> Ông gọi giếng ấy là Síp-a; vì thế tên thành ấy là Bơ-e Se-va; cho đến ngày nay.

<sup>34</sup> Khi Ê-xau được bốn mươi tuổi thì lấy hai người vợ là Giu-đi-tha, con gái ông Bơ-ê-ri người Khét, và Ba-xơ-mát, con gái ông Ê-lôn người Khét.<sup>35</sup> Hai người phụ nữ này làm cho ông I-xa-ác và bà Rê-bê-ca phải cay đắng trong lòng.

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>27</sup> Rằng: “... tôi đã bị đuổi xa,  
Rày vua tìm gặp, xét ra ích gì.”

Vua rằng: mưu sự nhân chi. 1471

<sup>28</sup> Sao bằng Thượng-đế phù trì là hơn.

Việc gì ông cũng thành công,

Triều đình bàn luận cùng ông kết nguyên.

Giữ gìn thế giá đôi bên, 1475

<sup>29</sup> Không ai xâm lấn lợi quyền của ai.

<sup>30</sup> Tán thành, Y-giác tiệc bày,

<sup>31</sup> Sáng ra toàn bộ bắt tay tuyên thề.

<sup>32</sup> Xong rồi, từ giã nhau đi.

Kế đó tôi tớ trở về báo tin:

“Vừa khai được giếng trong lành.” 1481

<sup>33</sup> Y-giác vui vẻ bảo rằng: thậm ға.

<sup>34</sup> Giờ đây, kể lại việc nhà,

Yến-giao bốn chục bước ra đường đời.

Phòng the hai ả xu thời, 1485

Tánh tình ngoại đạo gốc người địa phương.

<sup>35</sup> Làm dâu chẳng biết kính nhường,

Phụ mẫu bên chồng, ngày tháng khổ tâm.

### **Bản Paulus Tọa**

<sup>27</sup> Rằng: “Tôi đã bị đuổi xa,  
Rày vua tìm gặp, xét ra ích gì?”

Vua rằng: “Mưu sự nhân chi,

<sup>28</sup> Sao bằng Thượng đế phù trì là hơn.<sup>a</sup>

Việc gì ông cũng thành công,

Triều đình bàn luận cùng ông kết nguyên.

Giữ gìn thế giá đôi bên, 1475

<sup>29</sup> Không ai xâm lấn lợi quyền của ai.”

<sup>30</sup> Tán thành, I-giác tiệc bày,

<sup>31</sup> Sáng ra toàn bộ bắt tay tuyên thề.

<sup>32</sup> Xong rồi, từ giã nhau đi,

Kế đó, tôi tớ trở về báo tin:

Vừa khai được giếng trong lành. 1481

<sup>33</sup> I-giác vui vẻ bảo rằng: thậm ға.<sup>b</sup>

<sup>34</sup> Giờ đây kể lại việc nhà,

Án-giao bốn chục bước ra đường đời.

Phòng the hai ả xu thời, 1485

Tánh tình ngoại đạo gốc người địa phương.

<sup>35</sup> Làm dâu chẳng biết kính nhường,

Phụ mẫu bên chồng, ngày tháng khổ tâm.<sup>c</sup>

### **Bản phục chế đề nghị**

Rằng: “... tôi đã bị đuổi xa,  
Rày vua tìm gặp, xét ra ích gì.”

Vua rằng: mưu sự nhân chi. 1471

Sao bằng Thượng-đế phù trì là hơn.

Việc gì ông cũng thành công,

Triều đình bàn luận cùng ông kết nguyên.

Giữ gìn thế giá đôi bên, 1475

Không ai xâm lấn lợi quyền của ai.

Tán thành, Y-giác tiệc bày,

Sáng ra toàn bộ bắt tay tuyên thề.

Xong rồi, từ giã nhau đi.

Kế đó tôi tớ trở về báo tin:

“Vừa khai được giếng trong lành.” 1481

Y-giác vui vẻ bảo rằng: thậm ға.

Giờ đây, kể lại việc nhà,

Yến-giao bốn chục bước ra đường đời.

Phòng the hai ả xu thời, 1485

Tánh tình ngoại đạo gốc người địa phương.

Làm dâu chẳng biết kính nhường,

Phụ mẫu bên chồng, ngày tháng khổ tâm.

<sup>a</sup> Vua Mã-liệt nhìn nhận: “Người được Trời phù hộ thì con người dù ba đầu sáu tay cũng chẳng làm gì được.

<sup>b</sup> I-giác đặt tên giếng này là Abundantia, nghĩa là quá dư dật “thậm ға”.

<sup>c</sup> Án-giao cưới con gái địa phương Trà-nam (Chanaan) thuộc dân Phiên-lịch (Philistin) ngoại đạo, có nếp sống cứng cỏi vô nghi.

<sup>1</sup> Ông I-xa-ác đã già, mắt ông loà không trông thấy nữa. Ông bèn gọi Ê-xau, con trai lớn của ông, ông nói: “Con ơi!” Cậu thưa: “Dạ, con đây.” <sup>2</sup> Ông nói: “Con thấy không, cha già rồi, không biết chết ngày nào. <sup>3</sup> Bây giờ con hãy lấy khí giới của con, ống tên và cây cung của con, ra đồng săn thú cho cha. <sup>4</sup> Con hãy làm cho cha một món ăn ngon như cha thích, rồi đem đến cho cha ăn, để cha đích thân chúc phúc cho con trước khi chết.” <sup>5</sup> Đang khi ông I-xa-ác nói với Ê-xau, con trai ông, thì bà Rê-bê-ca nghe được. Ê-xau đi ra đồng để săn thú mang về. <sup>6</sup> Bà Rê-bê-ca nói với ông Gia-cóp, con trai bà: “Này, mẹ vừa nghe cha con nói với anh con rằng: <sup>7</sup> “Con hãy đem thịt rừng về cho cha và làm cho cha một món ăn ngon, để cha ăn và chúc phúc cho con trước mặt Đức Chúa, trước khi cha chết.” <sup>8</sup> Giờ đây, con ơi, hãy nghe lời mẹ mà làm như mẹ dạy con. <sup>9</sup> Con đến bày súc vật bắt cho mẹ hai con dê đực non và mập; mẹ sẽ làm thành một món ăn ngon cho cha con như cha con thích. <sup>10</sup> Con sẽ đem đến cho cha con và cha con sẽ ăn, để người chúc phúc cho con trước khi chết.” <sup>11</sup> Gia-cóp nói với mẹ: “Mẹ coi,

<sup>1</sup> Cõi đời nhựt nguyệt xây vắn,  
Y-giác cao tuổi, lại mang mù loà.  
Cho kêu trường tử vào nhà, 1491  
Yến-giao lên tiếng: “... thưa cha cần gì?”  
<sup>2</sup> Rằng: “... cha, cái chết gần kề,  
<sup>3</sup> Muốn con chịu khó ra đi vào rừng,  
Săn tìm giống thú thịt ngon, 1495  
<sup>4</sup> Đem về nấu nướng như con từng làm.  
Dọn cho cha một bữa ăn,  
Lòng cha thơ thối chúc lành cho con.  
Yến-giao cung nỏ lên đường.  
<sup>5</sup> Nào ngờ người mẹ đã tường trước sau.  
<sup>6</sup> Bà kêu Gia-cước: Phải mau, 1501  
<sup>7</sup> Bắt hai dê béo đem vào cạo lông.  
<sup>8</sup> Tự tay bà nấu món ngon,  
<sup>9</sup> Dặn riêng Gia-cước điều toan thực hành.  
<sup>10</sup> Ngại ngừng, Gia-cước hỏi rằng: 1505  
<sup>11</sup> “Nếu cha biết được, nói làm sao đây,  
<sup>12</sup> Anh con lông rậm cổ tay,  
<sup>13</sup> Còn con da láng, thế này khó xuôi?”

<sup>1</sup> Cõi đời nhựt nguyệt xây vắn,  
I-giác cao tuổi lại mang mù loà.  
Cho kêu trường tử vào nhà, 1491  
<sup>2</sup> **Án-giao** lên tiếng: “Thưa cha cần gì?”  
Rằng: “Cha cái chết gần kề,  
<sup>3</sup> Muốn con chịu khó ra đi ngoài rừng,  
Săn tìm giống thú thịt ngon, 1495  
<sup>4</sup> Đem về nấu nướng như con từng làm,  
Dọn cho cha một bữa ăn,  
Lòng cha thơ thối chúc lành cho con.”  
**Án-giao** cung nỏ lên đường,  
<sup>5</sup> Nào ngờ người mẹ đã tường trước sau.  
<sup>6</sup> Bà kêu: “Gia-cước phải mau 1501  
<sup>7</sup> Bắt hai dê béo đem vào cạo lông.”  
<sup>8</sup> Tự tay bà nấu món ngon,  
<sup>9</sup> Dặn riêng Gia-cước điều toan thực hành.  
<sup>10</sup> Ngại ngừng, Gia-cước hỏi rằng: 1505  
<sup>11</sup> “Nếu cha biết được, nói làm sao đây?”  
<sup>12</sup> Anh con lông rậm **chơn** tay,  
<sup>13</sup> Còn con da láng thế này khó xuôi.

MUỖ ĐOẠT LỜI LÀNH  
YẾN-GIAO CÔNG PHẦN

Cõi đời nhựt nguyệt xây vắn,  
Y-giác cao tuổi, lại mang mù loà.  
Cho kêu trường tử vào nhà, 1491  
Yến-giao lên tiếng: “... thưa cha cần gì?”  
Rằng: “... cha cái chết gần kề,  
Muốn con chịu khó ra đi vào rừng,  
Săn tìm giống thú thịt ngon, 1495  
Đem về nấu nướng như con từng làm.  
Dọn cho cha một bữa ăn,  
Lòng cha thơ thối chúc lành cho con.”  
Yến-giao cung nỏ lên đường.  
Nào ngờ người mẹ đã tường trước sau.  
Bà kêu Gia-cước: Phải mau 1501  
Bắt hai dê béo đem vào cạo lông.  
Tự tay bà nấu món ngon,  
Dặn riêng Gia-cước điều toan thực hành.  
Ngại ngừng, Gia-cước hỏi rằng: 1505  
“Nếu cha biết được, nói làm sao đây,  
Anh con lông rậm cổ tay,  
Còn con da láng thế này khó xuôi?”

### Bản văn Kinh thánh

anh Ê-xau con thì lông lá, còn con thì nhẵn nhụi. <sup>12</sup> Biết đâu cha con sẽ rờ con; con sẽ bị cha coi như một tên lừa gạt, và sẽ phải chuốc lấy lời nguyền rủa, thay vì được chúc phúc.” <sup>13</sup> Mẹ cậu bảo: “Con ơi, nếu con bị nguyền rủa, mẹ sẽ gánh cho; cứ nghe lời mẹ và đi bắt dê cho mẹ.” <sup>14</sup> Cậu đi bắt, đem lại cho mẹ, và mẹ cậu đã làm thành món ăn ngon như cha cậu thích. <sup>15</sup> Bà Rê-bê-ca lấy áo của Ê-xau, con trai lớn của bà, áo sang nhất mà bà có ở nhà, và mặc cho Gia-cóp, con trai nhỏ của bà. <sup>16</sup> Bà lấy da dê non mà bọc lấy tay và phần cổ nhẵn nhụi của cậu. <sup>17</sup> Rồi bà đặt món ăn ngon và bánh đã làm vào tay Gia-cóp, con bà. <sup>18</sup> Cậu vào với cha và thưa: “Cha ơi!” Ông đáp: “Cha đây! Con là đứa nào đấy con?” <sup>19</sup> Gia-cóp thưa với cha: “Con là Ê-xau, con trưởng của cha; con đã làm như cha bảo. Mời cha ngồi dậy xơi món thịt rừng của con, để cha đích thân chúc phúc cho con.” <sup>20</sup> Ông I-xa-ác hỏi con: “Con ơi! sao con tìm được mau thế?” Cậu thưa: “Đức Chúa, Thiên Chúa của cha, đã cho con gặp được may mắn.” <sup>21</sup> Ông I-xa-ác bảo Gia-cóp: “Con ơi, lại gần đây, để cha rờ con, xem con có đúng là Ê-xau, con cha, hay không.” <sup>22</sup> Gia-cóp lại gần ông I-xa-ác, cha ông; ông rờ cậu và nói: “Tiếng thì tiếng Gia-cóp, mà tay là tay Ê-xau.” <sup>23</sup> Ông không nhận ra cậu, vì tay cậu lông lá như tay Ê-xau, anh cậu; thế là ông chúc lành cho cậu. <sup>24</sup> Ông

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>14</sup> “Phản con, mẹ đã tính rồi.  
Cứ nghe lời mẹ, thiết thòi mẹ mang.  
<sup>15</sup> Khéo tay, bà đã hoá trang, 1511  
<sup>16</sup> Mặc cho Gia-cước áo quần Yén-giao.  
Lông dê, tay cổ đều bao,  
<sup>17</sup> Mâm cơm tiêm tất bung vào hầu cha.  
<sup>18</sup> Ngạc nhiên, Y-giác hỏi qua, 1515  
<sup>19</sup> Gia-cước lên tiếng: “con là Yén-giao.”  
<sup>20</sup> “Sao con săn bắn quá mau?”  
Thưa: “... là thiên ý ở đâu cũng thành,  
Mời cha cầm đũa lên ăn,  
Lòng cha thơ thới chúc lành cho con.”  
<sup>21</sup> “Này con hãy đến gần hơn.” 1521  
Gia-cước bước tới bên chơn cha già.  
<sup>22</sup> Y-giác rờ rậm cổ, da:  
<sup>23</sup> “Giọng thì con thứ, thân là trưởng nam.  
<sup>24</sup> Người bèn hỏi vặn nhiều lần, 1525  
Gia-cước tự nhận rõ ràng: Yén-giao.  
<sup>25</sup> Ăn xong, cảm thấy ngọt ngào:  
<sup>26</sup> “Con ơi, hãy đến dựa vào lòng cha.

### Bản Paulus Tọa

<sup>14</sup> Phản con mẹ đã liệu rồi.  
Cứ nghe lời mẹ, thiết thòi mẹ mang.  
<sup>15</sup> Khéo tay bà đã hóa trang,<sup>a</sup> 1511  
<sup>16</sup> Mặc cho Gia-cước áo quần **Án-giao**.  
Lông dê tay cổ đều bao,  
<sup>17</sup> Mâm cơm tiêm tất **mang** vào hầu cha.  
<sup>18</sup> Ngạc nhiên, I-giác hỏi qua, 1515  
<sup>19</sup> Gia-cước lên tiếng: con là **Án-giao**.  
<sup>20</sup> **Rằng**: con săn **thịt** quá mau?  
Thưa: Là thiên ý ở đâu cũng thành.  
Mời cha cầm đũa lên ăn,  
Lòng cha thơ thới chúc lành cho con.  
<sup>21</sup> Này con hãy đến gần hơn, 1521  
Gia-cước bước tới bên chơn cha già.  
<sup>22</sup> **I-giác** rờ rậm cổ, da:  
<sup>23</sup> Giọng thì con thứ, thân là trưởng nam.  
<sup>24</sup> Người bèn hỏi vặn nhiều lần, 1525  
Gia-cước tự nhận rõ ràng **Án-giao**.<sup>b</sup>  
<sup>25</sup> Ăn xong cảm thấy ngọt ngào:  
<sup>26</sup> “Con ơi hãy đến dựa vào lòng cha.

### Bản phục chế đề nghị

“Phản con, mẹ đã tính rồi.  
Cứ nghe lời mẹ, thiết thòi mẹ mang.  
Khéo tay, bà đã hoá trang, 1511  
Mặc cho Gia-cước áo quần Yén-giao.  
Lông dê, tay cổ đều bao,  
Mâm cơm tiêm tất bung vào hầu cha.  
Ngạc nhiên, Y-giác hỏi qua, 1515  
Gia-cước lên tiếng: “con là Yén-giao.”  
“Sao con săn bắn quá mau?”  
Thưa: “... là thiên ý ở đâu cũng thành,  
Mời cha cầm đũa lên ăn,  
Lòng cha thơ thới chúc lành cho con.”  
“Này con hãy đến gần hơn.” 1521  
Gia-cước bước tới bên chơn cha già.  
Y-giác rờ rậm cổ, da:  
“Giọng thì con thứ, thân là trưởng nam.  
Người bèn hỏi vặn nhiều lần, 1525  
Gia-cước tự nhận rõ ràng: Yén-giao.  
Ăn xong, cảm thấy ngọt ngào:  
“Con ơi, hãy đến dựa vào lòng cha.

<sup>a</sup> Lời chúc lành của người cha rất có ảnh hưởng đến đời sống con cái, Rebecca (Lan-bạch) muốn cho đứa con bà thương riêng được hưởng, nên cố gắng bắt Gia-cước làm Án-giao. Bà làm được các cái để lừa chống mù lòa, chỉ trừ giọng nói, bà không sao sửa được. Thế mà cũng xuôi việc.

<sup>b</sup> Phản muốn được lời chúc lành của cha, phản bị áp lực của mẹ bắt phải thi hành, nên đầu muốn đầu không Gia-cước cũng phải đi luôn một phe với mẹ.

### Bản văn Kinh thánh

hỏi: “Con có đúng là Ê-xau, con cha không?” Cậu thưa: “Vâng, chính con.”<sup>25</sup> Ông nói: “Con ơi, bùng lại cho cha ăn món thịt rừng, để cha đích thân chúc phúc cho con.” Cậu bùng lại cho ông, ông ăn; rồi cậu đem rượu đến, ông uống.<sup>26</sup> Ông I-xa-ác, cha cậu, bảo: “Con ơi, lại gần đây và hôn cha đi!”<sup>27</sup> Cậu lại gần và hôn ông. Ông hít mùi áo cậu và chúc phúc cho cậu rằng: “Kìa, mùi thơm con tôi như mùi thơm cánh đồng Đức Chúa đã chúc phúc.

<sup>28</sup> Xin Thiên Chúa ban cho con, sương trời với đất đai màu mỡ, và lúa mì rượu mới dồi dào.

<sup>29</sup> Các dân phải làm tôi con, các nước phải sụp xuống lạy con. Con hãy làm chủ các anh em con, và các con của mẹ con phải sụp xuống lạy con. Kẻ nguyên rủa con sẽ bị nguyên rủa, kẻ chúc phúc cho con sẽ được chúc phúc.”

<sup>30</sup> Khi ông I-xa-ác chúc phúc cho Gia-cóp xong, và Gia-cóp vừa từ chỗ cha cậu là ông I-xa-ác mà đi ra, thì Ê-xau, anh cậu, đi sẵn về.

<sup>31</sup> Ê-xau cũng làm một món ăn ngon, đem lại cho cha và thưa với cha: “Mời cha dậy xơi món thịt rừng của con cha, để cha đích thân chúc phúc cho con.”<sup>32</sup> Ông I-xa-ác, cha cậu, nói với cậu: “Con là đứa nào đây?” Cậu thưa: “Con là Ê-xau, con trai cha, con trưởng của cha!”<sup>33</sup> Ông I-xa-ác run lên, run bắn người lên và hỏi: “Vậy ai là người đã săn thịt rừng và đem lại cho cha? Cha đã ăn

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>27</sup> Ôn trời tưới xuống chan hoà,

Mùi thơm mùa lúa bay ra khắp cùng.

<sup>28</sup> Đòi con vạn kiết, bắt hung, 1531

Vườn cây oản trái, ruộng đồng nặng bông.

<sup>29</sup> Muôn đời thiên hạ suy tôn,

Chủ trì huynh đệ, ngoài trong phục tùng.

Chống con, họ bị diệt vong, 1535

Phò con, họ được toại lòng ân ban.

<sup>30</sup> Vừa xong, Gia-cước dòi chân,

Yến-giao bùng tới một mâm thịt rừng.

<sup>31</sup> “Mời cha ngồi dậy để dùng,

Con vừa nấu chín, đáp lòng phụ thân.”

<sup>32</sup> Ngẩn ngơ, Y-giác hỏi rằng: 1541

“Đứa nào lại đến?” – “Trưởng nam đây mà!”

<sup>33</sup> “Đứa nào hỏi này mời cha,

Ăn xong và đã chúc qua lời lành?”

<sup>34</sup> Yến-giao tức tối kêu van: 1545

“Nhờ cha cầu chúc con phần thanh hung.”

<sup>35</sup> “Em con, Gia-cước mạo xưng,

Thời cơ đã đạt oai hùng tương lai.”

<sup>36</sup> Yến-giao đỏ mặt tía tai:

“Đi sau lần trước, mỗi ngày lại thêm.

### Bản Paulus Tọa

<sup>27</sup> Ôn Trời tưới xuống chan hoà,

Mùi thơm lúa chín bay ra khắp cùng.

<sup>28</sup> Đòi con vạn **cát mạt** hung,<sup>a</sup> 1531

Vườn cây oản trái, ruộng đồng nặng bông.

<sup>29</sup> Muôn đời thiên hạ suy tôn,

Chủ trì huynh đệ,<sup>b</sup> ngoài trong phục tùng.

Chống con, họ bị diệt vong, 1535

Phò con, họ được toại lòng ân ban.”

<sup>30</sup> Vừa xong, Gia-cước dòi chân,

**Án-giao** bùng đến một mâm thịt rừng.

<sup>31</sup> Mời cha ngồi dậy để dùng,

<sup>32</sup> Con vừa nấu chín đáp lòng phụ thân.

Ngẩn ngơ, I-giác hỏi rằng: 1541

“Đứa nào lại đến?” – “Trưởng nam đây mà!”

<sup>33</sup> Đứa nào hỏi này mời cha

Ăn xong và đã chúc qua lời lành.”

<sup>34</sup> **Án-giao** tức tối kêu van: 1545

“Nhờ cha cầu chúc **cho** phần thanh hung.”

<sup>35</sup> Em con, Gia-cước mạo xưng,

Thời cơ đã đạt oai hùng tương lai.”

<sup>36</sup> **Án-giao** đỏ mặt tía tai:

“Đi sau lần trước mỗi ngày lại thêm.

### Bản phục chế đề nghị

Ôn trời tưới xuống chan hoà,

Mùi thơm mùa lúa bay ra khắp cùng.

Đòi con vạn kiết, bắt hung, 1531

Vườn cây oản trái, ruộng đồng nặng bông.

Muôn đời thiên hạ suy tôn,

Chủ trì huynh đệ, ngoài trong phục tùng.

Chống con, họ bị diệt vong, 1535

Phò con, họ được toại lòng ân ban.

Vừa xong, Gia-cước dòi chân,

Yến-giao bùng tới một mâm thịt rừng.

“Mời cha ngồi dậy để dùng,

Con vừa nấu chín đáp lòng phụ thân.”

Ngẩn ngơ, Y-giác hỏi rằng: 1541

“Đứa nào lại đến?” – “Trưởng nam đây mà!”

“Đứa nào hỏi này mời cha

Ăn xong và đã chúc qua lời lành?”

Yến-giao tức tối kêu van: 1545

“Nhờ cha cầu chúc con phần thanh hung.”

“Em con, Gia-cước mạo xưng,

Thời cơ đã đạt oai hùng tương lai.”

Yến-giao đỏ mặt tía tai:

“Đi sau lần trước, mỗi ngày lại thêm.

<sup>a</sup> Được muôn vàn cái tốt và chẳng bao giờ gặp phải sự hung dữ nào.

<sup>b</sup> Làm chủ anh em trong nhà.



**Bản văn Kinh thánh**

tất cả trước khi con vào. Cha đã chúc phúc cho nó, và dù sao nó vẫn được chúc phúc.”<sup>34</sup> Khi Ê-xau nghe những lời của cha, cậu kêu lên một tiếng lớn và cay đắng vô cùng. Cậu thưa với cha: “Cha ơi, xin cha chúc phúc cho cả con nữa.”<sup>35</sup> Ông nói: “Em con đã dùng mưu gian mà đến, và đoạt lời chúc của con.”<sup>36</sup> Cậu nói: “Có phải vì nó tên là Gia-cóp, mà nó đã hất cẳng con đến hai lần? Nó đã đoạt quyền trưởng nam của con, bây giờ đây nó lại đoạt lời chúc phúc của con!” Rồi cậu thêm: “Cha chẳng dành cho con một lời chúc phúc sao?”<sup>37</sup> Ông I-xa-ác đáp lại Ê-xau: “Con xem, cha đã đặt nó làm chủ con và đã khiến tất cả các anh em nó làm tôi nó. Cha đã liệu cho nó có lúa mì rượu mới. Vậy cha làm gì được cho con, con ơi!”<sup>38</sup> Ê-xau thưa với cha: “Cha chỉ có một lời chúc phúc ấy thôi sao? Xin cha cũng chúc phúc cho cả con nữa, cha ơi!” Rồi Ê-xau oà lên khóc.<sup>39</sup> Bấy giờ, ông I-xa-ác, cha cậu, lên tiếng nói: “Kìa, nơi ở của con sẽ cách xa đất đai màu mỡ và không được sương từ trời cao gieo xuống.”<sup>40</sup> Con sẽ sống nhờ thanh gươm của con, sẽ làm tôi em con. Nhưng khi còn nay đây mai đó, con sẽ giữ được ách em con ra khỏi cổ con.”<sup>41</sup> Ê-xau hận với Gia-cóp vì lời chúc phúc cậu này đã được cha ban cho. Ê-xau tự nhủ: “Sắp đến ngày lo đám tang cho cha ta rồi; bấy giờ ta sẽ giết Gia-cóp, em ta!”

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Đã quen tạt phông tay trên, 1551  
 Một lần chụp lấy cái quyền trưởng nam.  
 Bây giờ còn cướp lời lành,  
 Thưa cha, còn phước nào dành cho con?”  
<sup>37</sup> Rằng: “... cha chúc nó vương tròn, 1555  
 Công danh vương bá, ruộng vườn triển khai.  
 Hết rồi, cha đã phui tay,  
 Còn gì mà chúc con đây một lời.”  
<sup>38</sup> Yén-giao thăm thiết kêu Trời:  
 “Cha không tìm được cuộc đời nào hơn.  
 Để mà cầu chúc cho con, 1561  
 Thiệt là tủi nhục, oán hờn, đắng cay!”  
<sup>39</sup> Cha già cảm động: “... nghe đây:  
 Trời cao sương xuống, đất đai hoa màu.  
<sup>40</sup> Vẫy vùng nhờ sức gươm đao, 1565  
 Quyền em con lớn, nương nhau sống đời.  
 Thời gian nào đó thì thôi,  
 Không còn lệ thuộc, an vui trong ngoài.”  
<sup>41</sup> Yén-giao từ đó châu mày,  
 Coi như Gia-cước là tay địch thù

**Bản Paulus Tọa**

Đã quen tạt **phông** tay trên, 1551  
 Một lần chụp lấy cái quyền trưởng nam,  
 Bây giờ còn cướp lời lành,<sup>a</sup>  
 Thưa cha, còn phước nào dành cho con?”  
<sup>37</sup> Rằng: “Cha chúc nó vương tròn, 1555  
 Công danh vương bá ruộng vườn triển khai.  
 Hết rồi, cha đã phui tay,  
 Còn gì mà chúc con đây một lời.”  
<sup>38</sup> **Án-giao** thăm thiết kêu trời:  
 “Cha không tìm được cuộc đời nào hơn,  
 Để mà cầu chúc cho con. 1561  
 Thật là tủi nhục, oán hờn đắng cay.”  
<sup>39</sup> Cha già cảm động: “Nghe đây,  
 Trời cao sương xuống, đất đai hoa màu,  
<sup>40</sup> Vẫy vùng nhờ sức gươm đao, <sup>b</sup> 1565  
 Quyền em con lớn, nương nhau sống đời.  
 Thời gian nào đó thì thôi,  
 Không còn lệ thuộc, an vui trong ngoài.”  
<sup>41</sup> **Án-giao** từ đó châu mày,  
 Coi như Gia-cước là tay địch thù.

<sup>a</sup> Khi lọt lòng mẹ, Gia-cước đã nắm cẳng anh kéo lại. Một hiện tượng không mấy ai để ý, nhưng khi lớn lên, lần lần thấy rõ việc “em cướp thời cơ của anh”.

<sup>b</sup> Do câu chúc nầy mà dòng dõi Án-giao về sau mở mang sự nghiệp bằng gươm đao, bằng võ lực, bằng chiến tranh.

**Bản phục chế đề nghị**

Đã quen tạt phông tay trên, 1551  
 Một lần chụp lấy cái quyền trưởng nam.  
 Bây giờ còn cướp lời lành,  
 Thưa cha, còn phước nào dành cho con?”  
 Rằng: “... cha chúc nó vương tròn, 1555  
 Công danh vương bá, ruộng vườn triển khai.  
 Hết rồi, cha đã phui tay,  
 Còn gì mà chúc con đây một lời.”  
 Yén-giao thăm thiết kêu Trời:  
 “Cha không tìm được cuộc đời nào hơn.  
 Để mà cầu chúc cho con, 1561  
 Thiệt là tủi nhục, oán hờn, đắng cay!”  
 Cha già cảm động: “... nghe đây:  
 Trời cao sương xuống, đất đai hoa màu.  
 Vẫy vùng nhờ sức gươm đao, 1565  
 Quyền em con lớn, nương nhau sống đời.  
 Thời gian nào đó thì thôi,  
 Không còn lệ thuộc, an vui trong ngoài.”  
 Yén-giao từ đó châu mày,  
 Coi như Gia-cước là tay địch thù

### Bản văn Kinh thánh

<sup>42</sup> Người ta báo cho bà Rê-bê-ca biết những lời của Ê-xau, con trai lớn của bà. Bà liền cho gọi Gia-cóp, con trai nhỏ của bà đến và bảo: “Ê-xau, anh con, đang muốn giết con để trả thù.” <sup>43</sup> Giờ đây, con ơi, hãy nghe lời mẹ, đứng lên và trốn sang bên bác La-ban, anh của mẹ ở Kha-ran. <sup>44</sup> Con sẽ ở với bác một thời gian, cho đến khi anh con nguôi giận. <sup>45</sup> Chừng nào anh con không còn giận con nữa và quên đi điều con đã làm cho anh, thì mẹ sẽ sai người đưa con từ đó về. Lẽ nào trong một ngày mẹ phải mất cả hai con?”

<sup>46</sup> Bà Rê-bê-ca nói với ông I-xa-ác: “Tôi chán không muốn sống nữa, vì các con gái ông Khết. Nếu Gia-cóp cưới ai trong số con gái ông Khết như những cô này, đám con gái xứ này, thì tôi còn sống làm gì nữa?”

28

<sup>1</sup> Ông I-xa-ác gọi ông Gia-cóp đến, chúc phúc cho cậu và truyền rằng: “Con không được cưới ai trong số con gái Ca-na-an. <sup>2</sup> Đứng lên! Đi về Pát-đan A-ram, đến nhà ông

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Chờ khi thân phụ vân du, 1571

Ra tay thanh toán thân cừu cho xong.

<sup>42</sup> Mẹ già biết việc khó lòng,

Rỉ tai Gia-cước: “... anh con căm hờn.

Có ngày nó sẽ giết con, 1575

<sup>43</sup> Nên về quê ngoại qua con khốn nạn.

Cậu con danh gọi Lã-bàng,

<sup>44</sup> Náu nương ở đó, <sup>45</sup> bình an trở về.

Mẹ không muốn cảnh nào nề,

Một ngày phải mất trọn bề hai con.”<sup>a</sup>

<sup>46</sup> Đoạn bà than thở với chồng: 1581

“Mấy con dâu cả cực lòng xiết bao.

Chúng là dòng dõi Hạc-châu,

Cho nên Gia-cước tính sao việc này.

Nếu làm sui cũng ở đây, 1585

Thì là buồn chán, có ngày ra ma.

28

<sup>1</sup> Vài ngày say đó, cha già,

Gọi riêng Gia-cước thiết tha dặn dò:

<sup>a</sup> Yến-giao giết chết Gia-cước, thì pháp luật thời đó cũng xử tử Yến-giao.

### Bản Paulus Tào

Chờ khi thân phụ vân du,<sup>a</sup> 1571

Ra tay thanh toán thâm cừu cho xong.

<sup>42</sup> Mẹ già biết việc khó lòng,

Rỉ tai Gia-cước: “Anh con căm hờn,

Có ngày nó sẽ giết con, 1575

<sup>43</sup> Nên về quê ngoại qua con khốn nạn.

Cậu con danh gọi Lã-bàng,

<sup>44</sup> Náu nương ở đó <sup>45</sup> bình an trở về.

Mẹ không muốn cảnh nào nề,

Một ngày phải mất trọn bề hai con.”<sup>b</sup>

(Bản Paulus Tào chép sót 6 câu ở đây)

28

<sup>1</sup> Vài ngày sau đó, cha già

Gọi riêng Gia-cước thiết tha dặn dò:

<sup>a</sup> Án-giao định ý, khi cha qua đời sẽ giết Gia-cước.

<sup>b</sup> Bà mẹ sợ Gia-cước bị giết, mà rồi Án-giao bị kết án tử hình vì tội giết em. Thế là mất cả hai.

### Bản phục chế đề nghị

Chờ khi thân phụ vân du, 1571

Ra tay thanh toán thâm cừu cho xong.

Mẹ già biết việc khó lòng,

Rỉ tai Gia-cước: “... anh con căm hờn.

Có ngày nó sẽ giết con, 1575

Nên về quê ngoại qua con khốn nạn.

Cậu con danh gọi Lã-bàng,

Náu nương ở đó, bình an trở về.

Mẹ không muốn cảnh nào nề,

Một ngày phải mất trọn bề hai con.”

Đoạn bà than thở với chồng: 1581

“Mấy con dâu cả cực lòng xiết bao.

Chúng là dòng dõi Hạc-châu,

Cho nên Gia-cước tính sao việc này.

Nếu làm sui cũng ở đây, 1585

Thì là buồn chán, có ngày ra ma.

28

MẠCH-TAM ẮN LÁNH  
TRỜI BÁO MỘNG LÀNH

Vài ngày say đó, cha già,

Gọi riêng Gia-cước thiết tha dặn dò:

### **Bản văn Kinh thánh**

Bơ-thu-ên, ông ngoại con, và ở đó con lấy con gái ông La-ban, bác con, làm vợ. <sup>3</sup> Xin Thiên Chúa toàn năng chúc phúc cho con, xin Người làm cho con sinh sôi nảy nở thật nhiều, để con trở nên một cộng đồng nhiều dân nước. <sup>4</sup> Xin Người ban cho con và dòng dõi con phúc lành của ông Áp-ra-ham, để con chiếm hữu miền đất con đang trú ngụ, là miền đất Thiên Chúa đã ban cho ông Áp-ra-ham.” <sup>5</sup> Ông I-xa-ác sai ông Gia-cóp đi về Pát-đan A-ram, đến nhà ông La-ban là con trai ông Bơ-thu-ên, người A-ram, và là anh bà Rê-bê-ca, mẹ của Gia-cóp và Ê-xau.

<sup>6</sup> Ê-xau thấy rằng ông I-xa-ác đã chúc phúc cho Gia-cóp và sai về Pát-đan A-ram để lấy vợ ở đó, và thấy rằng khi Gia-cóp đi, thì ông đã truyền: “Con không được cưới ai trong số con gái Ca-na-an.” <sup>7</sup> Gia-cóp vâng lời cha mẹ mà đi Pát-đan A-ram. <sup>8</sup> Ê-xau thấy rằng những người con gái Ca-na-an không vừa ý ông I-xa-ác, cha cậu. <sup>9</sup> Vậy Ê-xau đến nhà ông Ít-ma-ên, và ngoài những người vợ đã có, cậu lại cưới thêm cô Ma-kha-lát là con

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

“Thế theo ý nhiệm thiên cơ,  
<sup>2</sup> Con về quê ngoại đổ nhờ làm ăn.  
Không nên cưới gái Trà-Nam, 1591  
Mà nên kén vợ trong hàng bà con.  
<sup>3</sup> Cầu xin Thượng đế ban ơn,  
Đường đời con được vuông tròn kinh doanh.  
<sup>4</sup> Như xưa, ông nội Bá-Lâm, 1595  
Trời cao đã hứa phát ban đất này.  
Và cho miêu duệ tương lai,  
Trở nên dân lớn đủ đầy giàu sang.  
<sup>5</sup> Vậy con hãy tới Mạch-tam,  
Bồ-Tuân ông ngoại, Lã-bàng cậu con.”  
<sup>6</sup> Gia-cước khăn gói lên đường, 1601  
Yến-giao nghe biết tỏ tường ý cha:  
<sup>7</sup> Vấn đề nghi thất nghi gia,  
Không ưa những gái con nhà địa phương.  
<sup>8</sup> Chọn trong dòng dõi tông đường, 1605  
Nên Gia-cước phải quê hương phản hồi.  
<sup>9</sup> Yến-giao dầu có vợ rồi,  
Cũng sang bên nội cưới người trong thân.

### **Bản Paulus Tạc**

“Thế theo ý nhiệm thiên cơ,<sup>a</sup>  
<sup>2</sup> Con về quê ngoại đổ nhờ làm ăn.  
Không nên cưới gái Trà-nam,<sup>b</sup> 1591  
Mà nên kén vợ trong hàng bà con.  
<sup>3</sup> Cầu xin Thượng đế ban ơn,  
Đường đời con được vuông tròn kinh doanh.  
<sup>4</sup> Như xưa ông nội Ra-ham, 1595  
Trời cao đã hứa phát ban đất này,  
Và cho miêu duệ tương lai,  
Trở nên dân lớn đủ đầy giàu sang.  
<sup>5</sup> Vậy con hãy đến Mạch-tam,<sup>c</sup>  
Bồ-tuân ông ngoại, Lã-bàng cậu con.  
<sup>6</sup> Gia-cước khăn gói lên đường, 1601  
Án-giao nghe biết tỏ tường ý cha:  
<sup>7</sup> Vấn đề nghi thất nghi gia,  
Không ưa những gái con nhà địa phương,  
<sup>8</sup> Chọn trong dòng dõi tông đường, 1605  
Nên Gia-cước phải quê hương tách rời.  
<sup>9</sup> Án-giao dầu có vợ rồi,  
Cũng sang bên nội cưới người trong thân,

<sup>a</sup> Theo ý Thiên Chúa, khi lập đôi bạn nên tìm người hiền lành, đạo hạnh.

<sup>b</sup> Ý của I-giác không muốn Gia-cước cưới vợ người địa phương Trà-nam (Chanaan) ngoại đạo, mà phải cực lòng như trường hợp Án-giao.

<sup>c</sup> Xứ Mésopotamia là quê ngoại của Gia-cước, vì Lan-bạch là con của Bồ-tuân, em ruột Lã-bàng.

### **Bản phục chế đề nghị**

“Thế theo ý nhiệm thiên cơ,  
Con về quê ngoại đổ nhờ làm ăn.  
Không nên cưới gái Trà-nam, 1591  
Mà nên kén vợ trong hàng bà con.  
Cầu xin Thượng đế ban ơn,  
Đường đời con được vuông tròn kinh doanh.  
Như xưa, ông nội Bá-lâm, 1595  
Trời cao đã hứa phát ban đất này.  
Và cho miêu duệ tương lai,  
Trở nên dân lớn đủ đầy giàu sang.  
Vậy con hãy tới Mạch-tam,  
Bồ-tuân ông ngoại, Lã-bàng cậu con.”  
Gia-cước khăn gói lên đường, 1601  
Yến-giao nghe biết tỏ tường ý cha:  
Vấn đề nghi thất nghi gia,  
Không ưa những gái con nhà địa phương.  
Chọn trong dòng dõi tông đường, 1605  
Nên Gia-cước phải quê hương phản hồi.  
Yến-giao dầu có vợ rồi,  
Cũng sang bên nội cưới người trong thân.

**Bản văn Kinh thánh**

gái ông Ít-ma-ên, con ông Áp-ra-ham, và là em gái ông Nơ-va-giốt.

<sup>10</sup> Gia-cóp ra khỏi Bơ-e Se-va và đi về Kha-ran. <sup>11</sup> Cậu đến một nơi kia và nghỉ đêm tại đó vì mặt trời đã lặn. Cậu lấy một hòn đá ở nơi đó để gối đầu và nằm ngủ ở đó. <sup>12</sup> Cậu chiêm bao thấy một chiếc thang dựng dưới đất, đầu thang chạm tới trời, trên đó có các sứ thần của Thiên Chúa lên lên xuống xuống. <sup>13</sup> Và kia Đức Chúa đứng bên trên thang mà phán: “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, tổ phụ ngươi, và là Thiên Chúa của I-xa-ác. Đất ngươi đang nằm, Ta sẽ ban cho ngươi và dòng dõi ngươi. <sup>14</sup> Dòng dõi ngươi sẽ nhiều như bụi trên đất; ngươi sẽ lan tràn ra khắp đông tây nam bắc. Nhờ ngươi và dòng dõi ngươi, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc. <sup>15</sup> Nay Ta ở với ngươi; ngươi đi bất cứ nơi nào, Ta sẽ giữ gìn ngươi, và Ta sẽ đưa ngươi về đất này, vì Ta sẽ không bỏ ngươi cho đến khi Ta hoàn thành điều Ta đã phán với ngươi.” <sup>16</sup> Gia-cóp tỉnh giấc và nói: “Quả thật, có Đức Chúa ở nơi này mà tôi không biết!” <sup>17</sup> Cậu

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Vốn là con ruột Ích-manh,

Nàng tên Mai-lê <sup>a</sup> xuân xanh đang thì.

<sup>10</sup> Biếc-sâm Gia cước ra đi, 1611

Hà-Lân <sup>b</sup> trực chỉ, đêm thì nghỉ ngơi.

<sup>11</sup> Một hôm chiều xuống rặng đồi,

Một tim hòn đá làm nơi gối đầu.

<sup>12</sup> Về khuya ngon giấc chiêm bao: 1615

Một thang từ đất bắc cao tới trời,

Chư tiên <sup>a</sup> lên xuống rặng ngời,

<sup>13</sup> Đầu thang ngự đó một Ngôi phán rằng:

“Đây là Chúa của Bá-lâm,

Cùng là Y-giác, định ban đất này,

Đất ngươi đang ngủ ở đây, 1621

Cho ngươi, miêu duệ tương lai chủ quyền.

<sup>14</sup> Tử tôn lan rộng khắp miền,

Nhờ đây thiên hạ cầu yên cuộc đời.

<sup>15</sup> Sinh thời công việc của ngươi, 1625

Tới đâu cũng có tay Trời chờ che.

Ngày sau sẽ được đưa về,

Đất này đã hứa, trọn bề thi chung.”

<sup>16</sup> Sáng ra khi tỉnh giấc nồng.

Ngạc nhiên, Gia-cước thấy lòng khiếp kinh.

<sup>a</sup> Chư tiên, các vị thần tiên. Linh mục Phao-lô Qui đổi lại “Thiên thần”.

**Bản Paulus Tạc**

Vốn là con ruột Ích-manh,

Nàng tên Mai-lê <sup>a</sup> xuân xanh đang thì.

<sup>10</sup> Biếc-sâm, Gia-cước ra đi, 1611

Hà-lâm <sup>b</sup> trực chỉ, đêm thì nghỉ ngơi.

<sup>11</sup> Một hôm chiều xuống rặng đồi,

Một tim hòn đá làm nơi gối đầu.

<sup>12</sup> Về khuya ngon giấc chiêm bao: 1615

Một thang từ đất bắc cao tới trời.

Thiên nhân <sup>c</sup> lên xuống rặng ngời,

<sup>13</sup> Đầu thang ngự đó một Ngôi phán rằng:

“Đây là Chúa của Ra-ham,

Cùng là I-giác định ban đất này,

Đất ngươi đang ngủ ở đây, 1621

Cho ngươi, miêu duệ tương lai chủ quyền.

<sup>14</sup> Tử tôn lan rộng khắp miền,

Nhờ đây thiên hạ cầu yên cuộc đời.

<sup>15</sup> Sinh thời công việc của ngươi, 1625

Đến đâu cũng có tay Trời chờ che.

Ngày sau sẽ được đưa về,

Đất này đã hứa trọn bề thi chung.”

<sup>16</sup> Sáng ra khi tỉnh giấc nồng,

Ngạc nhiên, Gia-cước thấy lòng khiếp kinh.

<sup>a</sup> Mai-lê: Maheleth, con gái Ismael.

<sup>b</sup> Hà-lâm: Haran.

<sup>c</sup> Thiên nhân: người của Trời, người trời. Bản cũ viết: Chư tiên lên xuống rặng ngời. Linh mục Phao-lô Qui sửa lại là thiên thần.

**Bản phục chế đề nghị**

Vốn là con ruột Úc-miên,

Nàng tên Mai-lê xuân xanh đang thì.

Biếc-sâm Gia cước ra đi, 1611

Hà-lân trực chỉ, đêm thì nghỉ ngơi.

Một hôm chiều xuống rặng đồi,

Một tim hòn đá làm nơi gối đầu.

Về khuya, ngon giấc chiêm bao: 1615

Một thang từ đất bắc cao tới trời,

Chư tiên lên xuống rặng ngời,

Đầu thang ngự đó một Ngôi phán rằng:

“Đây là Chúa của Bá-lâm,

Cùng là Y-giác, định ban đất này,

Đất ngươi đang ngủ ở đây, 1621

Cho ngươi, miêu duệ tương lai chủ quyền.

Tử tôn lan rộng khắp miền,

Nhờ đây thiên hạ cầu yên cuộc đời.

Sinh thời công việc của ngươi, 1625

Tới đâu cũng có tay Trời chờ che.

Ngày sau sẽ được đưa về,

Đất này đã hứa, trọn bề thi chung.”

Sáng ra khi tỉnh giấc nồng.

Ngạc nhiên, Gia-cước thấy lòng khiếp kinh.

**Bản văn Kinh thánh**

phát sợ và nói: “Nơi này đáng sợ thay! Đây là nhà của Thiên Chúa, là cửa trời, chứ không phải là gì khác.”<sup>18</sup> Sáng hôm sau, Gia-cóp dậy sớm, lấy hòn đá cựa đã gói đầu, dựng lên làm trụ và đổ dầu lên đầu trụ.<sup>19</sup> Cựa đặt tên cho nơi đó là Bết Ên; trước đó, tên thành ấy là Lút.

<sup>20</sup> Gia-cóp khẩn rằng: “Nếu Thiên Chúa ở với tôi và giữ gìn tôi trong chuyến đi tôi đang thực hiện, nếu Người ban cho tôi bánh ăn áo mặc,<sup>21</sup> nếu tôi được trở về nhà cha tôi bình an, thì Đức Chúa sẽ là Thiên Chúa của tôi,<sup>22</sup> hòn đá này là hòn đá tôi đã dựng lên làm trụ sẽ là nhà của Thiên Chúa, và lạy Chúa, mọi sự Ngài ban cho con, con sẽ dâng cho Ngài một phần mười.”

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

*Không ngờ lãnh địa thiên đình, 1631*

<sup>17</sup> *Nơi đây Thượng-đế oai linh trị vì;*

*Vững lòng chẳng chút hồ nghi,*

*Thiên môn khả kính, huyền vi chốn này.*

<sup>18</sup> *Hòn đá làm gối đêm nay, 1635*

*Chàng bèn chôn đứng thẳng ngay giữa trời.*

*Đổ dầu lên gọi là nơi:*

<sup>19</sup> *Bửu-tiên chi địa, xưa thời Lư-gia.<sup>a</sup>*

<sup>20</sup> *Chấp tay, chàng nguyện thiết tha:*

*“Nếu Ngài tế độ tôi qua con này,*

*Cơm ăn áo mặc đủ đầy, 1641*

<sup>21</sup> *Sau về nguyên quán sum vầy thân nhân.*

*Thì Ngài là Chúa thi ân,*

*Phần mười tài sản tôi dâng đáp đền.*

<sup>22</sup> *Và đây, hòn đá dựng lên, 1645*

*Làm nơi Thượng-đế, lời nguyện chứng minh.”*

<sup>a</sup> Lư-gia, la ngữ Luza, là địa danh xưa gọi vùng này, nay Gia-cước thấy hiện tượng kỳ lạ nên gọi là Bửu-Tiên (Bethel) là đền đài của Trời (domus Dei).

**Bản Paulus Tọa**

*Không ngờ lãnh địa<sup>a</sup> thiên đình, 1631*

<sup>17</sup> *Nơi đây Thượng đế oai linh trị vì.*

*Vững lòng chẳng chút hồ nghi,*

*Thiên môn<sup>b</sup> khả kính, huyền vi chốn này.*

<sup>18</sup> *Hòn đá làm gối đêm nay, 1635*

*Chàng bèn chôn đứng thẳng ngay giữa trời.*

*Đổ dầu lên, gọi là nơi*

<sup>19</sup> *Bửu-tiên<sup>c</sup> chi địa, xưa thời Lư-gia.<sup>d</sup>*

<sup>20</sup> *Chấp tay, chàng nguyện thiết tha:*

*Nếu ngài tế độ tôi qua con này,*

*Cơm ăn, áo mặc đủ đầy, 1641*

<sup>21</sup> *Sau về nguyên quán sum vầy thân nhân,*

*Thì ngài là Chúa thi ân,<sup>e</sup>*

*Phần mười tài sản tôi dâng đáp đền,*

<sup>22</sup> *Và đây, hòn đá dựng lên, 1645*

*Làm nơi Thượng đế, lời nguyện chứng minh.*

<sup>a</sup> Đất của Trời.

<sup>b</sup> Cửa Trời.

<sup>c</sup> Bửu-tiên: Béthel.

<sup>d</sup> Lư-gia: Luza.

<sup>e</sup> Lần thứ nhất, Gia-cước được Thiên Chúa hiện ra trong giấc mộng, tự giới thiệu là Chúa của ông nội mình (Abraham), của cha mình (Isaac), nên Gia-cước tin tưởng và cầu xin phù hộ trong cuộc sống.

**Bản phục chế đề nghị**

*Không ngờ lãnh địa thiên đình, 1631*

*Nơi đây Thượng-đế oai linh trị vì;*

*Vững lòng chẳng chút hồ nghi,*

*Thiên môn khả kính, huyền vi chốn này.*

*Hòn đá làm gối đêm nay, 1635*

*Chàng bèn chôn đứng thẳng ngay giữa trời.*

*Đổ dầu lên, gọi là nơi:*

*Bửu-tiên chi địa, xưa thời Lư-gia.*

*Chấp tay, chàng nguyện thiết tha:*

*“Nếu Ngài tế độ tôi qua con này,*

*Cơm ăn áo mặc đủ đầy, 1641*

*Sau về nguyên quán sum vầy thân nhân.*

*Thì Ngài là Chúa thi ân,*

*Phần mười tài sản tôi dâng đáp đền.*

*Và đây, hòn đá dựng lên, 1645*

*Làm nơi Thượng-đế, lời nguyện chứng minh.”*

<sup>1</sup> Gia-cóp cất bước đi về đất con cái Phương Đông. <sup>2</sup> Cậu nhìn và thấy một cái giếng ở ngoài đồng. Ở đó có ba đàn chiên đang nằm gần giếng, vì người ta cho các đàn vật uống nước giếng này. Trên miệng giếng, có một tảng đá lớn. <sup>3</sup> Khi các đàn vật đã tụ tập đông đủ, thì người ta lăn tảng đá ra khỏi miệng giếng và cho chiên uống, rồi lại đưa tảng đá về chỗ cũ trên miệng giếng. <sup>4</sup> Gia-cóp hỏi họ: “Anh em ở đâu đến?” Họ đáp: “Chúng tôi từ Kha-ran đến.” <sup>5</sup> Cậu hỏi: “Anh em có biết ông La-ban, con cháu ông Na-kho không?” Họ trả lời: “Chúng tôi biết.” <sup>6</sup> Cậu lại hỏi: “Ông ấy có được bình an không?” Họ trả lời: “Ông ấy được bình an; cô Ra-khen, con gái ông ấy, đang đến cùng với chiên dê kia kia.” <sup>7</sup> Cậu nói: “Trời còn sáng thế này, chưa phải là lúc tụ tập đàn vật, anh em cho chiên dê uống rồi đi chăn đi!” <sup>8</sup> Họ đáp: “Chúng tôi không được làm như vậy, trước

<sup>1</sup> Miền đông nói tiếp lộ trình,  
Đèo heo hút gió một mình xông pha.  
<sup>2</sup> Ngày kia vào lúc chiều tà.  
Thấy ngòi bên giếng vài ba mục đồng.  
Họ chờ súc vật tới đông, 1651  
<sup>3</sup> Xúm lẩn tảng đá đẩy chông bên trên.  
<sup>4</sup> Gia-cước bước tới làm quen:  
“Chẳng hay các hữu ở miền nào đây?”  
“Chúng tôi mục tử chăn bầy, 1655  
Quanh năm từng sống vùng này Hà-lâm”<sup>a</sup>  
<sup>5</sup> Nghe qua, Gia-cước mừng thầm:  
“Các hữu có biết Lã-bàng, Nã-khôi.  
<sup>6</sup> Gia tư nay thể nào rồi,  
Làm ăn có khá, còn người khoẻ chẳng?”  
Rằng: “... Người sung túc, Khang an, 1661  
Kìa xa, con gái người đang lừa bầy.  
La-cương, <sup>b</sup> nàng sẽ tới đây,  
Chính nàng có thể trình bày rõ hơn.”

<sup>a</sup> Nơi Thành-lê (Thale) đem cả gia đình sang đây lập nghiệp. Thành-lê là cha của Bá-lâm, Nã-khôi. Bá-lâm là ông nội của Gia-cước.

<sup>b</sup> La-cương, là nữ Rachel, con gái Lã-bàng cháu nội Nã-khôi.

<sup>1</sup> Miền đông nói tiếp lộ trình,  
Đèo heo hút gió một mình xông pha,  
<sup>2</sup> Ngày kia vào lúc chiều tà,  
Thấy ngòi bên giếng vài ba mục đồng,  
Họ chờ súc vật **hợp** đông, 1651  
<sup>3</sup> Xúm lẩn tảng đá đẩy chông bên trên.  
<sup>4</sup> Gia-cước bước đến làm quen:  
“Chẳng hay các hữu <sup>a</sup> ở miền nào đây?”  
“Chúng tôi mục tử chăn bầy, 1655  
Quanh năm từng sống vùng này **Hà-lâm**.”<sup>b</sup>  
<sup>5</sup> Nghe qua, Gia-cước mừng thầm:  
“Các hữu có biết Lã-bàng, Nã-khôi.  
<sup>6</sup> Gia tư nay thể nào rồi,  
Làm ăn có khá còn người khoẻ chẳng?”  
Rằng: “Người sung túc Khang an, 1661  
Kìa xa, con gái người đang lừa bầy.  
La-cương <sup>c</sup> nàng sẽ đến đây,  
Chính nàng có thể trình bày rõ hơn.”

<sup>a</sup> Các hữu: gọi tăng bốc như quý bạn thân mến.

<sup>b</sup> Hà-lâm: Haran (Xem Đoạn 22, câu 20-22)

<sup>c</sup> La-cương: Nàng Rachel, con gái Laban (Lã-bàng).

## GẶP CẬU LÃ-BÀNG TÌNH EM DUYÊN CHỊ

Miền đông nói tiếp lộ trình,  
Đèo heo hút gió một mình xông pha.  
Ngày kia vào lúc chiều tà.  
Thấy ngòi bên giếng vài ba mục đồng.  
Họ chờ súc vật tới đông, 1651  
Xúm lẩn tảng đá đẩy chông bên trên.  
Gia-cước bước tới làm quen:  
“Chẳng hay các hữu ở miền nào đây?”  
“Chúng tôi mục tử chăn bầy, 1655  
Quanh năm từng sống vùng này Hà-lâm”  
Nghe qua, Gia-cước mừng thầm:  
“Các hữu có biết Lã-bàng, Nã-khôi.  
Gia tư nay thể nào rồi,  
Làm ăn có khá, còn người khoẻ chẳng?”  
Rằng: “... Người sung túc, Khang an, 1661  
Kìa xa, con gái người đang lừa bầy.  
La-cương, nàng sẽ tới đây,  
Chính nàng có thể trình bày rõ hơn.”

**Bản văn Kinh thánh**

khi các đàn vật tụ tập đông đủ; bây giờ người ta mới lần tảng đá khỏi miệng giếng, và chúng tôi sẽ cho chiên dê uống.”

<sup>9</sup> Ông còn đang nói chuyện với họ, thì cô Ra-khen đến cùng với chiên dê của cha cô, vì cô là người chăn súc vật. <sup>10</sup> Gia-cóp vừa nhìn thấy cô Ra-khen, con gái ông La-ban, anh của mẹ cậu, và chiên dê của ông La-ban, anh của mẹ cậu, thì cậu lần tảng đá ra khỏi miệng giếng, và cho chiên dê của ông La-ban, anh của mẹ cậu, uống.

<sup>11</sup> Gia-cóp hôn cô Ra-khen rồi oà lên khóc. <sup>12</sup> Gia-cóp nói cho cô Ra-khen biết cậu là anh em họ hàng với cha cô và là con trai bà Rê-bê-ca; cô liền chạy về báo tin cho cha.

<sup>13</sup> Ông La-ban vừa nghe nói đến Gia-cóp, con của em gái ông, liền chạy ra đón, ôm cậu mà hôn, rồi đưa vào nhà. Cậu kể lại cho ông La-ban hết mọi việc. <sup>14</sup> Ông La-ban nói: “Cháu đúng là cốt nhục của bác.” Cậu ở lại với ông trọn một tháng. <sup>15</sup> Ông La-ban nói với Gia-cóp: “Vì cháu là anh em họ hàng với bác, mà cháu phục vụ

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>7</sup> Gia-cước thấy vật tụ đông, 1665

Khuyên mở giếng sớm để phòng chen nhau.

<sup>8</sup> Họ rằng: “... thói tục từ lâu,

Phải chờ đủ mặt đám nào khác hơn.”

<sup>9</sup> Rần rần bày của La-cương,

Cũng vừa lừa tới còn đương rộn ràng.

Gia-cước nhận rõ người thân, 1671

<sup>10</sup> Đá ngăn miệng giếng, tay chàng đẩy ra.

Cho bày uống trước người ta,

<sup>11</sup> Đoạn hun <sup>a</sup> thiếu nữ, lệ oà chứa chan.

Tỏ bày gia hệ với nàng, 1675

<sup>12</sup> Con cô, con cậu <sup>b</sup> họ hàng với nhau.

La-cương lừa vật về mau,

Nói cho cha biết trước sau sự tình.

Biết rằng Gia-cước cháu mình,

Lã-bàng nồng hậu dắt đem vào nhà.

Thung huyền, Gia-cước kể qua, 1681

<sup>14</sup> Lã-bàng cảm động: ruột rà cậu đây.

<sup>15</sup> Kể từ Gia-cước an bài,

Việc trong đã khéo, việc ngoài cũng xong.

<sup>a</sup> Hun là thói tục của dân sự thời đó. Dân An-nam thì cấm kỵ như câu: “... Nam nữ thọ bất thân, ôm nhau hun hít, thói gần chim muông.”

<sup>b</sup> Gia-cước con một Lan-bạch (Rebecca), La-cương (Rachel) con ruột Lã-bàng, mà Lã-bàng là anh ruột Lan-bạch. Nã-Khôi (Nachor) là ông ngoại Gia-cước, cũng là ông nội La-cương.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>7</sup> Gia-cước thấy vật tụ đông, 1665

Khuyên mở giếng sớm để phòng chen nhau.

<sup>8</sup> Họ rằng: “Thói tục từ lâu,

Phải chờ đủ mặt đám nào khác hơn.”

<sup>9</sup> Rần rần bày của La-cương,

Cũng vừa lừa đến còn đương rộn ràng.

Gia-cước nhận rõ người thân, 1671

<sup>10</sup> Đá ngăn miệng giếng tay chàng đẩy ra.<sup>a</sup>

Cho bày uống trước người ta,

<sup>11</sup> Đoạn chào <sup>b</sup> thiếu nữ, lệ oà chứa chan.

Tỏ bày tâm sự với nàng, 1675

<sup>12</sup> Con cô, con cậu <sup>c</sup> họ hàng với nhau.

La-cương lừa vật về mau,

Nói cho cha biết trước sau sự tình.

<sup>13</sup> Biết rằng Gia-cước cháu mình,

Lã-bàng nồng hậu dắt đem vào nhà.

Thung huyền, Gia-cước kể qua, 1681

<sup>14</sup> Lã-bàng cảm động: “Ruột rà cậu đây.”

<sup>15</sup> Kể từ Gia-cước an bài,

Việc trong đã khéo, việc ngoài cũng xong.

<sup>a</sup> Một thanh niên khỏe mạnh, một mình đẩy nổi tảng đá to; lại can đảm không sợ ai phản đối.

<sup>b</sup> Linh mục Phao-lô Qui (1885) đã sửa lại “Đoạn hôn thiếu nữ...” tuy sát nghĩa Kinh thánh, nhưng không hợp phong tục Người Việt, nên xin theo bản cũ, để nghe hơn.

<sup>c</sup> Gia-cước con của Lan-bạch (Rebecca) tức cô của nàng La-cương, còn La-cương là con gái Lã-bàng (La-ban) tức là cậu của Gia-cước.

**Bản phục chế đề nghị**

Gia-cước thấy vật tụ đông, 1665

Khuyên mở giếng sớm để phòng chen nhau.

Họ rằng: “... thói tục từ lâu,

Phải chờ đủ mặt đám nào khác hơn.”

Rần rần bày của La-cương,

Cũng vừa lừa tới còn đương rộn ràng.

Gia-cước nhận rõ người thân, 1671

Đá ngăn miệng giếng, tay chàng đẩy ra.

Cho bày uống trước người ta,

Đoạn hun thiếu nữ, lệ oà chứa chan.<sup>a</sup>

Tỏ bày gia hệ với nàng, 1675

Con cô, con cậu họ hàng với nhau.

La-cương lừa vật về mau,

Nói cho cha biết trước sau sự tình.

Biết rằng Gia-cước cháu mình,

Lã-bàng nồng hậu dắt <sup>b</sup> đem vào nhà.

Thung huyền, Gia-cước kể qua, 1681

Lã-bàng cảm động: ruột rà cậu đây.

Kể từ Gia-cước an bài,

Việc trong đã khéo, việc ngoài cũng xong

<sup>a</sup> **Dị bản:** Chào (xem cước chú C 1674).

<sup>b</sup> Dắt: vốn là phát âm chuẩn từ Nghệ Tĩnh trở vào, ở đây xin giữ nguyên.

### Bản văn Kinh thánh

bác không công hay sao? Cháu cứ cho bác biết công xá của cháu thế nào.”<sup>16</sup> Ông La-ban có hai con gái, cô chị tên là Lê-a, cô em tên là Ra-khen.<sup>17</sup> Cô Lê-a mắt lờ mờ, còn cô Ra-khen thì duyên dáng và có nhan sắc.<sup>18</sup> Gia-cóp yêu cô Ra-khen, nên cậu nói: “Cháu sẽ phục vụ bác bảy năm để được Ra-khen, con gái út của bác.”<sup>19</sup> Ông La-ban nói: “Bác gả nó cho cháu thì hơn là gả cho người khác. Cháu cứ ở lại với bác.”<sup>20</sup> Vì cô Ra-khen, Gia-cóp đã phục vụ bảy năm, nhưng đổi với cậu chỉ như vài ngày vì cậu quá yêu cô.<sup>21</sup> Gia-cóp nói với ông La-ban: “Xin bác giao vợ cháu cho cháu, vì cháu đã mãn hạn, và cháu muốn lui tới với nàng.”<sup>22</sup> Ông La-ban mời mọi người nơi ấy đến và làm tiệc.<sup>23</sup> Chiều tối, ông dẫn cô Lê-a, con gái ông, đến cho cậu, và cậu ăn nằm với cô.<sup>24</sup> Ông La-ban cho con gái ông là Lê-a, người nữ tỳ của ông là Din-pa, để làm nữ tỳ cho cô.<sup>25</sup> Sáng ngày ra, mới thấy là cô Lê-a! Cậu nói với ông La-ban: “Cha đã làm gì con thế? Con đã chẳng phục vụ cha để được Ra-khen sao? Sao cha lại đánh

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Lã-bàng: “... cháu giúp công không, 1685  
Xét ra sao phải, cậu mong đáp đền,  
Muốn gì, cháu cứ nói lên,  
Bà con nghĩa trọng, bạc tiền phân minh.”  
<sup>16</sup> Thấy trong gia thế cậu mình,  
Có hai cô gái: Lê-anh<sup>a</sup> đầu lòng.  
<sup>17</sup> Mắt thau<sup>b</sup> làm kém má hồng, 1691  
La-cương gái út, duyên hồng tuổi xanh.  
<sup>18</sup> Bảy lâu Gia-cước âm thầm,  
Mong chim chấp cánh, ước cảnh liền cây.  
Thưa rằng: “... cháu giúp cậu đây, 1695  
Bảy năm để được sum vầy La-cương.”  
<sup>19</sup> Lã-bàng: “... thà cháu phải hơn,  
Gả cho kẻ khác người dung sao bằng<sup>c</sup>.  
Ở đây với cậu làm ăn ...”  
Thoả lòng, Gia-cước nhọc nhằn sá chi.  
<sup>20</sup> Bảy năm, ngày tháng trôi đi, 1701  
Yêu nàng chàng thấy có gì là lâu.  
<sup>21</sup> Lần kia, nhắc cậu trước sau:  
“La-cương với cháu vui câu vợ chồng.”  
<sup>22</sup> Lã-bàng mở lễ thành hôn, 1705  
Sân ngoài rượu thịt, nhà trong kèn, đờn.

<sup>a</sup> Lê-anh, là nữ Lea, Chị La-cương, con Lã-bàng.  
<sup>b</sup> Lam ngữ gọi “Lippiseratoculic”, có nghĩa như mắt bù lạch, hay mắt loét, mắt đỏ ghen. Tác giả dùng chữ mắt thau, tiếng xưa, hiểu là mắt vàng chạch như thau đồng.  
<sup>c</sup> Thói tục các dân đời cổ, thường cưới gả nhau trong dòng họ, cô cậu, chú bác.

### Bản Paulus Tọa

Lã-bàng: “Cháu giúp công không, 1685  
Xét ra sao phải, cậu mong đáp đền.  
<sup>16</sup> Muốn gì cháu cứ nói lên,  
Bà con nghĩa trọng, bạc tiền phân minh.”  
Thấy rằng gia thế cậu mình,  
Có hai cô gái: Lê-anh<sup>a</sup> đầu lòng,  
<sup>17</sup> Mắt thau<sup>b</sup> làm kém má hồng, 1691  
La-cương gái út, duyên lộng tuổi xanh.  
<sup>18</sup> Bảy lâu Gia-cước âm thầm,  
Mong chim chấp cánh, ước cảnh liền cây.  
Rằng cháu xin giúp cậu đây, 1695  
Bảy năm để được sum vầy La-cương.  
<sup>19</sup> Lã-bàng: “Thà cháu phải hơn,  
Gả cho kẻ khác người dung sao bằng,  
Ở đây với cậu làm ăn.”  
Thoả lòng Gia-cước nhọc nhằn sá chi.  
<sup>20</sup> Bảy năm ngày tháng trôi đi, 1701  
Yêu nàng chàng thấy có gì là lâu.  
<sup>21</sup> Lần kia nhắc cậu trước sau:  
La-cương với cháu vui câu vợ chồng.  
<sup>22</sup> Lã-bàng mở lễ thành hôn, 1705  
Sân ngoài rượu thịt, nhà trong nhạc đờn.

<sup>a</sup> Lê-anh: Léa, con gái đầu lòng của Lã-bàng.  
<sup>b</sup> Đôi mắt không được sắc sảo, trông đen không đậm mà có màu vàng lợt.

### Bản phục chế đề nghị

Lã-bàng: “... cháu giúp công không, 1685  
Xét ra sao phải, cậu mong đáp đền,  
Muốn gì, cháu cứ nói lên,  
Bà con nghĩa trọng, bạc tiền phân minh.”  
Thấy trong gia thế cậu mình,  
Có hai cô gái: Lê-anh đầu lòng.  
Mắt thau làm kém má hồng, 1691  
La-cương gái út, duyên hồng tuổi xanh.  
Bảy lâu Gia-cước âm thầm,  
Mong chim chấp cánh, ước cảnh liền cây.  
Thưa rằng: “... cháu giúp cậu đây, 1695  
Bảy năm để được sum vầy La-cương.”  
Lã-bàng: “... thà cháu phải hơn,  
Gả cho kẻ khác người dung sao bằng.  
Ở đây với cậu làm ăn ...”  
Thoả lòng, Gia-cước nhọc nhằn sá chi.  
Bảy năm, ngày tháng trôi đi, 1701  
Yêu nàng chàng thấy có gì là lâu.  
Lần kia, nhắc cậu trước sau:  
“La-cương với cháu vui câu vợ chồng.”  
Lã-bàng mở lễ thành hôn, 1705  
Sân ngoài rượu thịt, nhà trong kèn, đờn.



**Bản văn Kinh thánh**

lừa con?”<sup>26</sup> Ông La-ban trả lời cậu: “Trong miền chúng tôi không có lệ gả em trước khi gả chị.<sup>27</sup> Con cứ qua trọn tuần lễ cưới với đứa này đã, rồi cha sẽ gả cho con cả đứa kia, để bù lại công con phục vụ ở nhà cha thêm bảy năm nữa.”<sup>28</sup> Gia-cóp đã làm như vậy: cậu đã qua trọn tuần lễ cưới với cô Lê-a, rồi ông gả cho cậu cô Ra-khen, con gái ông, làm vợ.<sup>29</sup> Ông La-ban cho con gái ông là Ra-khen, người nữ tỳ của ông là Bin-ha, để làm nữ tỳ cho cô.<sup>30</sup> Gia-cóp cũng ăn nằm với cô Ra-khen, cậu còn yêu cô Ra-khen hơn cô Lê-a, và cậu phục vụ ở nhà ông La-ban thêm bảy năm nữa.<sup>31</sup> Đức Chúa thấy rằng bà Lê-a không được yêu, nên Người cho bà sinh đẻ, còn bà Ra-khen thì hiếm hoi.<sup>32</sup> Bà Lê-a có thai, sinh con trai và đặt tên cho nó là Rưu-vên, vì bà nói: “Đức Chúa đã thấy cảnh khổ cực của tôi, bây giờ chồng tôi sẽ yêu tôi.”<sup>33</sup> Bà lại có thai và sinh con trai. Bà nói: “Đức Chúa đã nghe biết là tôi không được yêu, và Người đã cho tôi đứa

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>23</sup> *Lệ-anh trang phục tân nương,*  
<sup>24</sup> *Diên-phang<sup>a</sup> tớ gái bên chon theo hầu.*  
*Bạn bè mừng chúc rể dâu,*  
*Hoa xuân thắm nhụy, vườn đào mặn duyên.*  
*Sáng ra, Gia-cước ngạc nhiên, 1711*  
*Trớ trêu duyên chị tình em thế này,*  
<sup>25</sup> *Tráo hôn, tìm cậu tỏ bày,*  
<sup>26</sup> *Lã-bàng: “... Phong tục ở đây dăm nào*  
*Gả chồng em trước, chị sau, 1715*  
*Cháu đừng buồn trách cậu sao chơi lường.*  
<sup>27</sup> *Ít hôm cậu gả La-cương,*  
*Cháu nên làm rể, lệ thường bảy năm.*  
<sup>28</sup> *Vi thương chẳng chút phàn nàn,*  
*Tuần sau Gia-cước cưới nàng La-cương.*  
<sup>29</sup> *Trà-Liên,<sup>b</sup> tớ gái theo chon, 1721*  
*Sớm hôm hầu hạ ngoài trong giúp nàng.*  
<sup>30</sup> *Thương em hơn chị đã đành,*  
*Bảy năm lao nhọc trả phần nhạc gia.*  
<sup>31</sup> *Mưu đồ là thói người ta, 1725*  
*Xưa nay thành sự vốn là Trời cao.<sup>c</sup>*

<sup>a</sup> Diên-phang, là nữ Zelpha, tên đứa tớ gái theo hầu hạ Lệ-anh theo thói tiểu thơ con nhà sang trọng xưa. Có chỗ viết Diên-phương.  
<sup>b</sup> Trà-liên, là nữ Balam, tớ gái hầu hạ La-cương.  
<sup>c</sup> Theo câu: “... Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên.”

**Bản Paulus Tọa**

<sup>23</sup> *Lệ-anh trang phục tân nương,*  
<sup>24</sup> *Diên-phan<sup>a</sup> tớ gái bên chon theo hầu.*  
*Bạn bè mừng chúc rể dâu,*  
*Hoa xuân thắm nhụy, vườn đào mặn duyên.*  
*Sáng ra Gia-cước ngạc nhiên, 1711*  
*Trớ trêu duyên chị tình em<sup>b</sup> thế này.*  
<sup>25</sup> *Tráo hôn, tìm cậu tỏ bày,*  
<sup>26</sup> *Lã-bàng: “Phong tục ở đây dăm nào,*  
*Gả chồng em trước chị sau, 1715*  
*Cháu đừng buồn trách cậu sao chơi lường.*  
<sup>27</sup> *Ít hôm cậu gả La-cương,*  
*Cháu nên làm rể lệ thường bảy năm.”<sup>c</sup>*  
<sup>28</sup> *Vi thương chẳng chút phàn nàn,*  
*Tuần sau Gia-cước cưới nàng La-cương.*  
<sup>29</sup> *Trà-liên<sup>d</sup> tớ gái theo chon, 1721*  
*Sớm hôm hầu hạ ngoài trong giúp nàng.*  
<sup>30</sup> *Thương em hơn chị đã đành,*  
*Bảy năm lao nhọc trả phần nhạc gia.*  
<sup>31</sup> *Mưu đồ là thói người ta, 1725*  
*Xưa nay thành sự vốn là Trời cao.*

<sup>a</sup> Diên-phan: Zelpha, theo phong tục thời đó, con gái giàu thì có tớ gái theo hầu hạ.  
<sup>b</sup> Lã-bàng, người tham lam tráo trở, đối với cháu mà cũng không ngọt ngào. Phong tục xứ đó, cô dâu thường có khăn che mặt, vì đó khi nhập phòng mới biết rõ mặt.  
<sup>c</sup> Lợi dụng tình thương của Gia-cước đối với La-cương, nên Lã-bàng tráo trở bắt làm rể thêm bảy năm nữa, tính ra mười bốn năm lao nhọc chỉ vì hai cô vợ.  
<sup>d</sup> Trà-liên: Ba-la, nàng hầu La-cương.

**Bản phục chế đề nghị**

*Lệ-anh trang phục tân nương,*  
*Diên-phang tớ gái bên chon theo hầu.*  
*Bạn bè mừng chúc rể dâu,*  
*Hoa xuân thắm nhụy, vườn đào mặn duyên.*  
*Sáng ra, Gia-cước ngạc nhiên, 1711*  
*Trớ trêu duyên chị tình em thế này,*  
*Tráo hôn, tìm cậu tỏ bày,*  
*Lã-bàng: “... Phong tục ở đây dăm nào*  
*Gả chồng em trước, chị sau, 1715*  
*Cháu đừng buồn trách cậu sao chơi lường.*  
*Ít hôm cậu gả La-cương,*  
*Cháu nên làm rể, lệ thường bảy năm.*  
*Vi thương chẳng chút phàn nàn,*  
*Tuần sau Gia-cước cưới nàng La-cương.*  
*Trà-liên, tớ gái theo chon, 1721*  
*Sớm hôm hầu hạ ngoài trong giúp nàng.*  
*Thương em hơn chị đã đành,*  
*Bảy năm lao nhọc trả phần nhạc gia.*  
*Mưu đồ là thói người ta, 1725*  
*Xưa nay thành sự vốn là Trời cao.*

**Bản văn Kinh thánh**

này nữa”, và bà đặt tên cho nó là Si-mê-ôn.<sup>34</sup> Bà lại có thai và sinh con trai. Bà nói: “Phen này, chồng tôi sẽ gắn bó với tôi, vì tôi đã sinh cho ông ba đứa con trai”, vì thế bà đặt tên cho nó là Lê-vi.<sup>35</sup> Bà lại có thai và sinh con trai. Bà nói: “Phen này, tôi sẽ tạ ơn Đức Chúa”, vì thế bà đặt tên cho nó là Giu-đa. Rồi bà thôi không sinh đẻ nữa.

**30**

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Lệ-anh vui mỗi tình đầu,  
Nhưng về hào tử gặp sao thai thần.<sup>a</sup>  
La-cương cô quả chi thân,  
Buồn trông thấy chị vầy quanh quế hoè.  
<sup>32</sup> Lệ-anh, vườn hạnh khai huê, 1731  
Lữ-bình<sup>b</sup> trường tử,<sup>33</sup> đưa kẻ Sừ-mông,<sup>c</sup>  
<sup>34</sup> Lê-vị<sup>d</sup> tiếp nói ăm bông,  
Sau thì Dư-đạc,<sup>e</sup> phỉ lòng tào khương.

**30**

**Bản Paulus Tạc**

Lệ-anh vui mỗi tình đầu,  
Nhưng về hào tử gặp sao thai thần.<sup>a</sup>  
La-cương cô quả chi thân,<sup>b</sup>  
Buồn trông thấy chị vầy quanh quế hòe.  
<sup>32</sup> Lệ-anh vườn hạnh khai huê 1731  
Lữ-bình<sup>c</sup> trường tử,<sup>33</sup> đưa kẻ Sừ-mông.<sup>d</sup>  
<sup>34</sup> Lê-vị<sup>e</sup> tiếp nói ăm bông,  
<sup>35</sup> Sau thì Dư-đạc<sup>f</sup> phỉ lòng tào khương.

**30**

**Bản phục chế đề nghị**

Lệ-anh vui mỗi tình đầu,  
Nhưng về hào tử gặp sao thai thần.  
La-cương cô quả chi thân,  
Buồn trông thấy chị vầy quanh quế hoè.  
Lệ-anh, vườn hạnh khai huê, 1731  
Lữ-bình<sup>a</sup> trường tử, đưa kẻ Sừ-mông,  
Lê-vị tiếp nói ăm bông,  
Sau thì Dư-đạc, phỉ lòng tào khương.

**30**

**MỘT SÂN HÒE QUẾ  
SÂN NGHIỆP DƯ ĐÀ**

<sup>1</sup> Khi bà Ra-khen thấy mình không sinh con cho ông Gia-cóp, thì ghen với chị và nói với ông Gia-cóp: “Cho tôi có con đi, không thì tôi chết mất!”<sup>2</sup> Ông Gia-cóp nổi nóng với bà Ra-khen và nói: “Tôi đâu có thay quyền Thiên Chúa là Đấng đã không cho bà sinh đẻ!”<sup>3</sup> Bà nói: “Đây Bin-ha, nữ tỳ của tôi, ông hãy đi lại với nó, để nó sinh con trên đầu gối tôi, và nhờ nó mà cả tôi nữa, cũng có con.”<sup>4</sup> Bà hiến nữ tỳ của bà là Bin-ha cho ông, để nàng làm vợ ông, và ông Gia-cóp đi lại với nàng.<sup>5</sup> Bin-ha có thai và sinh cho ông Gia-cóp một đứa con trai.<sup>6</sup> Bà Ra-khen nói: “Thiên Chúa đã xét

<sup>1</sup> La-cương hận quá trách chồng: 1735  
“Mang danh gái độc<sup>f</sup> không con thế này,  
Dám đâu chường mặt với ai,  
Sao chàng không thấy đấng cay tui phiền!”  
<sup>2</sup> Rằng: “... điều con cái do Thiên,  
Xưa nay cầu tự ngoại quyền đờn ông.  
<sup>3</sup> Nàng đưa tở gái hầu chồng, 1741  
<sup>4</sup> Trà-liên, mong được có con thay nàng.

<sup>a</sup> Tác giả mượn danh từ của khoa tử-vi, chỉ người thanh về hào tử, do có kiết tinh phù hộ. Sách Phong thần của Trung-hoa gọi sao Thai thần vốn là tướng cơ thúc Lê. Vì cách dùng chữ theo văn học Á đông nên các linh mục ngoại quốc thời đó chống tác giả.  
<sup>b</sup> Lữ-bình, la ngữ Ruben.  
<sup>c</sup> Sừ-mông, la ngữ Simeon.  
<sup>d</sup> Lê-vị, la ngữ Levi.  
<sup>e</sup> Dư-đạc, la ngữ Judas.  
<sup>f</sup> Tục ngữ An-nam : cây độc không trái, gái độc không con.

<sup>1</sup> La-cương hận quá trách chồng 1735  
Mang danh gái độc không con<sup>g</sup> thế này.  
Dám đâu ra mặt với ai,  
Sao chàng không thấy đấng cay tui phiền?  
<sup>2</sup> Rằng: “Điều con cái do thiên,  
Xưa nay cầu tự ngoại quyền đờn ông.”  
<sup>3</sup> Nàng đưa tở gái hầu chồng, 1741  
<sup>4</sup> Trà-liên<sup>h</sup> mong được có con thay nàng.

<sup>a</sup> Theo khoa tử vi, sao thai thần chiếu vào cung tử thì hào con rất đông, mau con.  
<sup>b</sup> Son sê: muộn con.  
<sup>c</sup> Lữ-bình: Ruben.  
<sup>d</sup> Sừ-mông: Siméon.  
<sup>e</sup> Lê-vị: Lévi.  
<sup>f</sup> Dư-đạc: Judas.  
<sup>g</sup> *Cây độc không trái, gái độc không con ...* là câu miệng đời mỉa mai đàn bà hiếm muộn.  
<sup>h</sup> Trà-liên: Ba-la, tở gái được La-cương đem dâng cho chồng làm hầu thiếp.

**Bản văn Kinh thánh**

xử cho tôi; Người cũng đã nghe tiếng tôi và đã cho tôi một đứa con trai”; vì thế bà đặt tên cho nó là Đan. <sup>7</sup> Bin-ha, nữ tỳ của bà Ra-khen, lại có thai và sinh một người con trai thứ hai cho ông Gia-cóp. <sup>8</sup> Bà Ra-khen nói: “Tôi đã chiến đấu với chị tôi những cuộc chiến thần thánh, và tôi đã thắng”; và bà đặt tên cho nó là Náp-ta-li.

<sup>9</sup> Khi bà Lê-a thấy mình thôi không sinh nữa, thì bà đem nữ tỳ của bà là Din-pa hiến cho ông Gia-cóp, để nàng làm vợ ông. <sup>10</sup> Din-pa, nữ tỳ của bà Lê-a, sinh cho ông Gia-cóp một đứa con trai. <sup>11</sup> Bà Lê-a nói: “May quá!”; và bà đặt tên cho nó là Gát. <sup>12</sup> Din-pa, nữ tỳ của bà Lê-a, sinh một người con trai thứ hai cho ông Gia-cóp. <sup>13</sup> Bà Lê-a nói: “Tôi hạnh phúc biết bao! Vì các cô gái sẽ khen ngợi tôi có phúc”; và bà đặt tên cho nó là A-se.

<sup>14</sup> Vào mùa gặt lúa mì, Rưu-vên đi ra, tìm thấy ở ngoài đồng những quả ngải sâm, và mang về cho bà Lê-a, mẹ mình. Bà Ra-khen nói với bà Lê-a: “Xin chị cho em mấy quả ngải sâm của con chị.” <sup>15</sup> Bà Lê-a nói với em: “Đoạt chồng của tôi, đối với cô còn chưa đủ hay sao, mà cô lại muốn lấy cả quả ngải sâm của con tôi nữa?” Bà Ra-khen nói: “Thế thì ông ấy cứ nằm với chị đêm nay, để đổi lấy mấy quả ngải sâm của con chị.” <sup>16</sup> Đến chiều, khi ông Gia-cóp từ ngoài đồng về, bà Lê-a ra đón ông và bảo: “Ông phải đến với tôi, vì tôi đã bỏ ra mấy quả

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

*Ruộng gò mưa xuống ái ân,*

<sup>5</sup> Nàng hầu thai dựng, hỉ hoan mọi đàn.

<sup>6</sup> La-cương gọi trẻ: Co-đăng,<sup>a</sup>

*Cảm như Trời đã bớt phần đắng cay.*

<sup>7</sup> Nàng hầu sinh tiếp nụ trai,

<sup>8</sup> Niếp-tăng<sup>b</sup> tên đặt, vui ngoài lẫn trong.

<sup>9</sup> Lê-anh bắt chước La-cương,

*Diên-phang* <sup>c</sup> tở gái đem dung cho chồng.

<sup>10</sup> Sốt chia chăn gối tình nồng, 1751

*Nàng hầu sớm đã sở lòng con trai.*

<sup>11</sup> Đặt tên Cát-đại<sup>d</sup> vui vậy,

*Cho rằng ân lộc đủ đầy hơn ai.*

<sup>12</sup> Nàng hầu sinh nở lần hai, 1755

<sup>13</sup> Ái-san<sup>d</sup> tên gọi, vận may rờ ràng.

<sup>14</sup> Đến mùa lúa đã chín vàng,

*Vui say gặt hái, nông dân lên đường.*

*Lữ-bình<sup>e</sup> cũng chạy ra đồng,*

*Hái về cho mẹ nhãn lồng<sup>f</sup> chín thom.*

*La-cương* thấy trái ăn ngon, 1761

*Bèn xin với chị để nhường lại cho.*

<sup>a</sup> Co-đăng, la ngữ Dan.

<sup>b</sup> Niếp-tăng, la ngữ Nephtali.

<sup>c</sup> Cát-đại, la ngữ Gad.

<sup>d</sup> Ái-san, la ngữ Asher.

<sup>e</sup> Lữ-bình (Ruben) con đầu lòng của Gia-cước do Lê-anh sinh ra, lúc đó trên mười tuổi.

<sup>f</sup> Nhân-lồng, la ngữ Mandragor, thảo sản xưa của miền đó, không biết là thứ trái gì. Tác giả gọi nhãn lồng, vì thứ trái này làm cho người ta dễ ngủ và ngủ ngon, có dụng ý ám chỉ hai chị em Lê-anh và La-cương giành ngủ với chồng.

**Bản Paulus Tạc**

*Ruộng gò mưa xuống ái ân,*

<sup>5</sup> Nàng hầu thai dựng hỉ hoan mọi đàn.

<sup>6</sup> La-cương gọi trẻ Co-đăng,<sup>a</sup> 1745

*Cảm như Trời đã bớt phần đắng cay.*

<sup>7</sup> Nàng hầu sinh tiếp nụ trai,

<sup>8</sup> Niếp-tăng<sup>b</sup> tên đặt vui ngoài lẫn trong.

<sup>9</sup> Lê-anh bắt chước La-cương,

*Diên-phan<sup>c</sup> tở gái đem dung cho chồng.*

<sup>10</sup> Sốt chia chăn gối tình nồng, 1751

*Nàng hầu đã sớm sở lòng con trai.*

<sup>11</sup> Đặt tên Cát-đại<sup>d</sup> vui vậy,

*Cho rằng ân lộc đủ đầy hơn ai.*

<sup>12</sup> Nàng hầu sinh nở lần hai, 1755

<sup>13</sup> Ái-xang<sup>e</sup> tên gọi, vận may rờ ràng.

<sup>14</sup> Đến mùa lúa đã chín vàng,

*Vui say gặt hái, nông dân lên đường.*

*Lữ-bình cũng chạy ra đồng,*

*Hái về cho mẹ nhãn lồng<sup>f</sup> chín thom.*

*La-cương* thấy trái ăn ngon, 1761

*Bèn xin với chị để nhường lại cho.*

<sup>a</sup> Co-đăng: Dan.

<sup>b</sup> Niếp-tăng: Nephtali.

<sup>c</sup> Diên-phan: Zelpha, tở gái đưa cho chồng làm hầu thiếp.

<sup>d</sup> Cát-đại: Gad.

<sup>e</sup> Ái-xang: Aser

<sup>f</sup> Nhân lồng: Thấy cả Lữ-y Doan có dụng ý dùng chữ “nhân lồng” (một loại dây bò, trái ăn ngon có dược tính làm cho ngủ ngon và trợ tim ...) để gọi chữ mandragoras (một loại ngải mê làm bùa yêu) trong bản văn La ngữ.

**Bản phục chế đề nghị**

*Ruộng gò mưa xuống ái ân,*

*Nàng hầu thai dựng, hỉ hoan mọi đàn.*

*La-cương gọi trẻ: Co-đăng, 1745*

*Cảm như Trời đã bớt phần đắng cay.*

*Nàng hầu sinh tiếp nụ trai,*

*Niếp-tăng tên đặt, vui ngoài lẫn trong.*

*Lê-anh bắt chước La-cương,*

*Diên-phang* <sup>c</sup> tở gái đem dung cho chồng.

*Sốt chia chăn gối tình nồng, 1751*

*Nàng hầu sớm đã sở lòng con trai.*

*Đặt tên Cát-đại vui vậy,*

*Cho rằng ân lộc đủ đầy hơn ai.*

*Nàng hầu sinh nở lần hai, 1755*

*Ái-san tên gọi, vận may rờ ràng.*

*Đến mùa lúa đã chín vàng,*

*Vui say gặt hái, nông dân lên đường.*

*Lữ-bình cũng chạy ra đồng,*

*Hái về cho mẹ nhãn lồng chín thom.*

*La-cương* thấy trái ăn ngon, 1761

*Bèn xin với chị để nhường lại cho.*

### Bản văn Kinh thánh

ngái sấm của con tôi để đổi lấy ông.” Và ông đã nằm với bà đêm ấy. <sup>17</sup> Thiên Chúa đã nhận lời bà Lê-a. Bà có thai và sinh một người con trai thứ năm cho ông Gia-cóp. <sup>18</sup> Bà Lê-a nói: “Thiên Chúa đã trả công cho tôi, vì tôi đã hiến nữ tỳ của tôi cho chồng tôi”; và bà đặt tên cho nó là Ít-xa-kha. <sup>19</sup> Bà Lê-a lại có thai và sinh một người con trai thứ sáu cho ông Gia-cóp. <sup>20</sup> Bà Lê-a nói: “Thiên Chúa đã tặng tôi một món quà quý. Phen này, chồng tôi sẽ ở với tôi, vì tôi đã sinh cho ông sáu đứa con trai”; và bà đặt tên cho nó là Đơ-vu-lun. <sup>21</sup> Sau đó, bà sinh một đứa con gái và đặt tên cho nó là Đì-na. <sup>22</sup> Thiên Chúa đã nhớ đến bà Ra-khen, Thiên Chúa đã nhận lời bà và đã cho bà sinh đẻ được. <sup>23</sup> Bà có thai và sinh một đứa con trai. Bà nói: “Thiên Chúa đã cất nỗi hổ nhục của tôi”; <sup>24</sup> và bà đặt tên cho nó là Giu-se, bà nói: “Xin Đức Chúa thêm cho tôi một đứa con trai khác.” <sup>25</sup> Khi bà Ra-khen sinh được Giu-se, thì ông Gia-cóp nói với ông La-ban: “Xin cho con đi, để con về quê hương xứ sở của con. <sup>26</sup> Xin cho con vợ con của con; vì những người vợ ấy, con đã phục vụ cha. Xin để con đi. Cha biết con đã làm lụng thế nào để phục vụ cha. <sup>27</sup> Ông La-ban nói với ông: “Nếu cha được đẹp lòng con ... nhờ bói toán, cha biết được là Đức Chúa đã vì con mà chúc phúc

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>15</sup> Lê-anh: “... di nó đã no,  
Đèo bông chi nữa, đôi co thêm phiền:  
La-cương: “... đổi chị mấy đêm, 1765  
Cho chị mát dạ, cho em nhẵn lòng<sup>a</sup>.”  
<sup>16</sup> Lê-anh thuật lại với chồng,  
Gia-cước đêm ấy vui cùng Lê-anh.  
<sup>17</sup> Mối hay chim đậu đất lành,  
Nàng sinh thêm đứa thứ năm nỡ nà.  
<sup>18</sup> Lòng mừng, tên đặt Yết-kha<sup>b</sup>. 1771  
Đội ơn Thượng-đế tam đa vun trồng.  
<sup>19</sup> Sau sinh trẻ gọi Da-buông,<sup>c</sup>  
<sup>20</sup> Cối đời nói tiếp tông đường sáu trai.  
<sup>21</sup> Còn thêm một gái mảnh mai, 1775  
Thùy-ngà<sup>d</sup> tên gọi, nở mày Lê-anh.  
<sup>22</sup> La-cương cầu khẩn nhiệt thành,  
Trời cao ngó lại,<sup>23</sup> cho nàng thọ thai.  
Đầu lòng sinh một trẻ trai,  
<sup>24</sup> Đặt tên Du-tiếp,<sup>e</sup> lòng đầy hân hoan.  
Mối sầu son sẽ đã tan, 1781  
Từ đây khỏi thẹn họ hàng đôi bên.

<sup>a</sup> Hai chị em Lê-anh và La-cương vì ghen nhau nói móc nhau, tranh ngừ với Gia-cước.

<sup>b</sup> Yết-kha, la ngữ Issakhar.

<sup>c</sup> Da-buông, la ngữ Zabulon.

<sup>d</sup> Thùy-ngà, la ngữ Dinah.

<sup>e</sup> Du-tiếp, la ngữ Joseph., Bởi Gia-cước thương nàng La-cương hơn tất cả thế thiếp, nên trong lòng con cái, Du-tiếp được người cha ưu ái tất tình.

### Bản Paulus Tọa

<sup>15</sup> Lê-anh: “Di nó đã no,  
Đèo bông chi nữa đôi co thêm phiền.”<sup>a</sup>  
La-cương: “Đổi chị mấy đêm, 1765  
Cho chị mát dạ cho em nhẵn lòng.”<sup>b</sup>  
<sup>16</sup> Lê-anh thuật lại với chồng,  
Gia-cước đêm ấy vui cùng Lê-anh.  
<sup>17</sup> Mối hay chim đậu đất lành  
Nàng sinh thêm đứa thứ năm nỡ nà.  
<sup>18</sup> Lòng mừng tên đặt Yết-kha,<sup>c</sup> 1771  
Đội ơn Thượng-đế tam đa vun trồng.  
<sup>19</sup> Sau sinh trẻ gọi Da-buông,<sup>d</sup>  
<sup>20</sup> Cối đời nói nghiệp tông đường sáu trai.  
<sup>21</sup> Còn thêm một gái mảnh mai, 1775  
Thùy-ngà<sup>e</sup> tên gọi, nở mày Lê-anh.  
<sup>22</sup> La-cương cầu khẩn, nhiệt thành,  
Trời cao ngó lại,<sup>23</sup> cho nàng thọ thai.  
Đầu lòng sinh một trẻ trai,  
<sup>24</sup> Đặt tên Du-tiếp<sup>f</sup> lòng đầy hân hoan.  
Mối sầu son sẽ đã tan, 1781  
Từ đây khỏi thẹn họ hàng đôi bên.

<sup>a</sup> Nói cách mỉa mai do tánh ghen tương thường có của đàn bà.

<sup>b</sup> La-cương nói lấy đáp lại, nhưng cũng thông cảm cái cảnh kẻ đắp chân bóng kẻ lạnh lòng...

<sup>c</sup> Yết-kha: Issachar.

<sup>d</sup> Da-buông: Zabulon.

<sup>e</sup> Thùy-ngà: Dina.

<sup>f</sup> Du-tiếp: Joseph.

### Bản phục chế đề nghị

Lê-anh: “... di nó đã no,  
Đèo bông chi nữa, đôi co thêm phiền:  
La-cương: “... đổi chị mấy đêm, 1765  
Cho chị mát dạ, cho em nhẵn lòng.”  
Lê-anh thuật lại với chồng,  
Gia-cước đêm ấy vui cùng Lê-anh.  
Mối hay chim đậu đất lành,  
Nàng sinh thêm đứa thứ năm nỡ nà.  
Lòng mừng, tên đặt Yết-kha. 1771  
Đội ơn Thượng-đế tam đa vun trồng.  
Sau sinh trẻ gọi Da-buông,  
Cối đời nói tiếp tông đường sáu trai.  
Còn thêm một gái mảnh mai, 1775  
Thùy-ngà tên gọi, nở mày Lê-anh.  
La-cương cầu khẩn nhiệt thành,  
Trời cao ngó lại, cho nàng thọ thai.  
Đầu lòng sinh một trẻ trai,  
Đặt tên Du-tiếp, lòng đầy hân hoan.  
Mối sầu son sẽ đã tan, 1781  
Từ đây khỏi thẹn họ hàng đôi bên.

### Bản văn Kinh thánh

cho cha.”<sup>28</sup> Rồi ông nói: “Con hãy ấn định cho cha mức công xá của con, và cha sẽ trả.”<sup>29</sup> Ông Gia-cóp nói với ông: “Cha biết con đã phục vụ cha thế nào, và nhờ con mà đàn súc vật của cha đã ra sao.<sup>30</sup> Trước khi con đến, tài sản cha chẳng có bao nhiêu, mà nay đã tăng lên rất nhiều. Con bước đi tới đâu là Đức Chúa chúc phúc cho cha tới đó. Bây giờ, khi nào con mới được lo cho gia đình con?”<sup>31</sup> Ông nói: “Cha phải trả cho con cái gì đây?” Ông Gia-cóp thưa: “Cha không phải trả gì cho con cả. Nếu cha làm cho con điều sau đây, thì con sẽ lại chăn giữ đàn chiên dê của cha.<sup>32</sup> Hôm nay con sẽ đi qua tất cả đàn chiên dê của cha, cha hãy để riêng ra mọi chiên con lốm đốm và lấm chấm, mọi chiên con đen tuyền trong số chiên, và con nào lấm chấm và lốm đốm trong số dê cái: đó sẽ là công xá của con.<sup>33</sup> Mai ngày, khi cha đến kiểm soát công xá của con, thì sự lương thiện của con sẽ làm chứng cho con: Tất cả những con dê không lấm chấm và lốm đốm, những con chiên không đen tuyền trong đàn vật của con, sẽ là của ăn cấp.<sup>34</sup> Ông La-ban nói: “Được, thì cứ như con nói!”<sup>35</sup> Ngày hôm ấy, ông để riêng ra các dê đực vằn và lấm chấm, mọi con vật có vệt trắng, và mọi con chiên đen tuyền; và ông giao chúng cho các con trai

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Nàng còn khẩn vọng ơn trên,  
Vườn thêm sung túc, cây thêm diềm dề.

<sup>25</sup> Sau khi Du-tiếp sinh ra, 1785

Gia-cước tới gặp nhạc gia trình bày:  
“Bấy lâu tạm sống ở đây,  
Thương phần phụ mẫu, mong ngày hồi quê.

<sup>26</sup> Thê nhi cũng phải đưa về,  
Mấy năm giúp cậu trăm bề yên xuôi.

Công lao cậu đã biết rồi, 1791

Giờ đây nhứt quyết phản hồi quê cha.

<sup>27</sup> Lã-bàng: “... mười mấy năm qua,  
Nhờ bàn tay cháu cửa nhà cậu lên.

Đúng là Thượng-đế uy quyền, 1795

Luôn luôn giúp cháu lập nên cơ đồ.

<sup>28</sup> Công bằng há phải so đo,  
Vậy thì cháu định, cậu lo bồi hoàn.”

<sup>29</sup> Gia-cước: “... cậu hiểu cho rằng,  
<sup>30</sup> Trước khi cháu đến, gia trang thế nào.

Ngày nay cậu đã sang giàu, 1801

Tôi trai tứ gái ra vào chen chơn.  
Cháu còn bảo dưỡng vợ con,  
Manh quần tám áo, chén cơm hằng ngày.”

<sup>31</sup> Lã-bàng: “... cậu xử sau đây?” 1805

Gia-cước đề nghị: “... chia bầy theo lông,

### Bản Paulus Tạc

Nàng còn khẩn vọng ơn trên,  
Vườn thêm sung túc, cây thêm diềm dề.

<sup>25</sup> Sau khi Du-tiếp sinh ra, 1785

Gia-cước đến gặp nhạc gia trình bày:  
Bấy lâu tạm sống ở đây,  
Thương phần phụ mẫu, mong ngày hồi quê.

<sup>26</sup> Thê nhi cũng phải đưa về,  
Mấy năm giúp cậu trăm bề yên xuôi.

Công lao cậu đã biết rồi, 1791

Giờ đây nhứt quyết phản hồi quê cha.

<sup>27</sup> Lã-bàng: “Mười mấy năm qua,  
Nhờ bàn tay cháu cửa nhà cậu lên.

Đúng là Thượng-đế uy quyền, 1795

Luôn luôn giúp cháu lập nên cơ đồ.

<sup>28</sup> Công bằng há phải so đo,  
Vậy thì cháu định, cậu lo bồi hoàn.”

<sup>29</sup> Gia-cước: “Cậu hiểu cho rằng,  
<sup>30</sup> Trước khi cháu đến, gia trang thế nào.

Ngày nay cậu đã sang giàu, 1801

Tôi trai tứ gái ra vào chen chơn.  
Cháu còn bảo dưỡng vợ con,  
Manh quần tám áo, chén cơm **no đầy.**”<sup>a</sup>

<sup>31</sup> Lã-bàng: “Cậu xử sao đây?” 1805

Gia-cước đề nghị: “Chia bầy theo lông.

### Bản phục chế đề nghị

Nàng còn khẩn vọng ơn trên,  
Vườn thêm sung túc, cây thêm diềm dề.

Sau khi Du-tiếp sinh ra, 1785

Gia-cước tới gặp nhạc gia trình bày:  
“Bấy lâu tạm sống ở đây,  
Thương phần phụ mẫu, mong ngày hồi quê.

Thê nhi cũng phải đưa về,  
Mấy năm giúp cậu trăm bề yên xuôi.

Công lao cậu đã biết rồi, 1791

Giờ đây nhứt quyết phản hồi quê cha.

Lã-bàng: “... mười mấy năm qua,  
Nhờ bàn tay cháu cửa nhà cậu lên.

Đúng là Thượng-đế uy quyền, 1795

Luôn luôn giúp cháu lập nên cơ đồ.

Công bằng há phải so đo,  
Vậy thì cháu định, cậu lo bồi hoàn.”

Gia-cước: “... cậu hiểu cho rằng,  
Trước khi cháu đến, gia trang thế nào.

Ngày nay cậu đã sang giàu, 1801

Tôi trai tứ gái ra vào chen chơn.  
Cháu còn bảo dưỡng vợ con,  
Manh quần tám áo, chén cơm hằng ngày.”

Lã-bàng: “... cậu xử sau đây?” 1805

Gia-cước đề nghị: “... chia bầy theo lông,

<sup>a</sup> Gia-cước đặt vấn đề trở về xứ sở, đồng thời tính tiền công lao để nuôi vợ con.

### Bản văn Kinh thánh

ông. <sup>36</sup> Rồi ông để khoảng cách ba ngày đường giữa ông và ông Gia-cóp. Ông Gia-cóp thì chăn những chiên dê còn lại của ông La-ban. <sup>37</sup> Ông Gia-cóp kiếm những cành cây bạch dương, hạnh đào và tiêu huyền còn tươi. Ông bóc vỏ cho lộ ra phần lõi trắng trên cành, để làm thành những vệt trắng. <sup>38</sup> Rồi ông đặt các cành cây đã bóc vỏ vào các máng uống nước, nơi chiên dê đến uống, cho chúng thấy; chúng động đực khi đến uống. <sup>39</sup> Các con vật giao nhau trước các cành cây và đẻ ra những con vằn, lốm đốm và lấm chấm. <sup>40</sup> Còn những con chiên thì ông Gia-cóp tách riêng ra, và cho chúng quay về những con vằn và tất cả những con lốm đốm trong đàn vật của ông La-ban. Bằng cách đó, ông gây cho mình những đàn vật riêng và không đặt chung với đàn vật của ông La-ban. <sup>41</sup> Mỗi khi các con vật khoẻ giao nhau, thì ông Gia-cóp đặt các cành vào trong máng, trước mắt chúng, để chúng giao nhau trước các cành đó. <sup>42</sup> Nếu là các con vật yếu thì ông không đặt, thành ra các con yếu thuộc về ông La-ban, còn những con khoẻ thuộc về ông Gia-cóp. <sup>43</sup> Thế là ông trở nên giàu, thật giàu; ông có chiên dê đầy đàn, có tôi trai tớ gái, lạc đà và lừa.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>32</sup> Thứ nào đen, trắng, sắc rờng,  
Thì về phần cậu, phân vùng chăn riêng.  
Thứ nào sọc, vá, không tuyền,  
Thì về phần cháu chọn miền đảm đang.  
<sup>33</sup> Mai kia, một nợ bất thần, 1811  
Cậu đến kiểm soát cả đàn chiên đây,  
Có con toàn sắc trong bày,  
Dĩ nhiên tố cáo việc này cháu gian.  
<sup>34</sup> Lã-bàng chấp nhận thực hành, 1815  
<sup>35</sup> Lựa chiên toàn sắc cho mình thậm đơ.  
Giao cho con ruột trong nhà,  
<sup>36</sup> Lừa xa Gia-cước cách ba ngày đường.  
<sup>37</sup> Bảy giờ Gia-cước chủ trương,  
Dị hình bối cảnh mục trường canh tân.  
Chặt cây lột vỏ vẽ vằn <sup>a</sup>, 1821  
<sup>38</sup> Đọc theo máng nước ngổn ngang phô bày.  
Chiên, cừu tới uống nhìn đây,  
<sup>39</sup> Đều mang án tượng, cấu thai sọc rằn.  
<sup>40</sup> Các bày càng lúc, càng tăng, 1825  
Những con vằn vện chín phần có hơn.  
<sup>41</sup> Lã-bàng chẳng rõ nguồn con,  
<sup>42</sup> Cháu nhiều, cậu ít, lòng hờn càng thêm.  
<sup>43</sup> Cuộc đời Gia-cước tiến lên,  
Giàu sang phú quý, cừu chiên trật đồng.

<sup>a</sup> Mục trường, địa thế chăn nuôi súc vật, Gia-cước thay đổi lối cũ, đặt những hình nộm quái dị, dùng vỏ cây vẽ đủ thứ màu sắc đen đỏ, xanh trắng quần quện, vẽ vằn đen, sọc đỏ đủ cách làm cho súc vật thấy phải sợ.

### Bản Paulus Tọa

<sup>32</sup> Thứ nào đen, trắng sắc rờng,  
Thì về phần cậu, phân vùng chăn riêng.  
Thứ nào sọc, vá không tuyền,  
Thì về phần cháu chọn miền đảm đang.  
<sup>33</sup> Mai kia, một nợ bất thần, 1811  
Cậu đến kiểm soát cả đàn chiên đây.  
Có con toàn sắc trong bày,  
Dĩ nhiên tố cáo việc này cháu gian.” <sup>a</sup>  
<sup>34</sup> Lã-bàng chấp nhận thi hành, 1815  
<sup>35</sup> Lựa chiên toàn sắc cho mình thậm đơ.  
Giao cho con ruột trong nhà,  
<sup>36</sup> Lừa xa Gia-cước cách ba ngày đường.  
<sup>37</sup> Bảy giờ Gia-cước chủ trương,  
Dị hình bối cảnh <sup>b</sup> mục trường <sup>c</sup> canh tân.  
Chặt cây lột vỏ vẽ vằn 1821  
<sup>38</sup> Đọc theo máng nước ngổn ngang phô bày  
Chiên cừu đến uống nhìn đây,  
<sup>39</sup> Đều mang án tượng cấu thai sọc rằn.<sup>d</sup>  
<sup>40</sup> Các bày càng lúc, càng tăng, 1825  
Những con vằn vện chín phần có hơn.  
<sup>41</sup> Lã-bàng chẳng rõ nguồn con,  
<sup>42</sup> Cháu nhiều, cậu ít, lòng hờn càng thêm.  
Cuộc đời Gia-cước tiến lên,  
Giàu sang phú quý, cừu chiên trật đồng. <sup>e</sup>

<sup>a</sup> Gia-cước để nghị chia súc vật theo màu lông, trong một thời gian, nếu thú vật đẻ màu nào nhiều, thì tùy kẻ chọn được hưởng. Giải pháp này vừa công bằng và không mất lòng nhau.

<sup>b</sup> Làm nhiều hình ảnh kỳ dị xen vào cảnh sống thường ngày của súc vật.

<sup>c</sup> Mục trường: chỗ dành riêng để chăn nuôi chiên cừu.

<sup>d</sup> Chiên cừu đến uống nước thấy bối cảnh vằn vện kỳ dị nên đẻ con có vá, rằn ri, vằn vện.

<sup>e</sup> Trật đồng: đây ngập cánh đồng.

### Bản phục chế đề nghị

Thứ nào đen, trắng, sắc rờng,  
Thì về phần cậu, phân vùng chăn riêng.  
Thứ nào sọc, vá, không tuyền,  
Thì về phần cháu chọn miền đảm đang.  
Mai kia, một nợ bất thần, 1811  
Cậu đến kiểm soát cả đàn chiên đây,  
Có con toàn sắc trong bày,  
Dĩ nhiên tố cáo việc này cháu gian.  
Lã-bàng chấp nhận thực hành, 1815  
Lựa chiên toàn sắc cho mình thậm đơ.  
Giao cho con ruột trong nhà,  
Lừa xa Gia-cước cách ba ngày đường.  
Bảy giờ Gia-cước chủ trương,  
Dị hình bối cảnh mục trường canh tân.  
Chặt cây lột vỏ vẽ vằn, 1821  
Đọc theo máng nước ngổn ngang phô bày.  
Chiên, cừu tới uống nhìn đây,  
Đều mang án tượng, cấu thai sọc rằn.  
Các bày càng lúc, càng tăng, 1825  
Những con vằn vện chín phần có hơn.  
Lã-bàng chẳng rõ nguồn con,  
Cháu nhiều, cậu ít, lòng hờn càng thêm.  
Cuộc đời Gia-cước tiến lên,  
Giàu sang phú quý, cừu chiên trật đồng.

<sup>1</sup> Ông Gia-cóp nghe được những lời của các con trai ông La-ban nói rằng: “Gia-cóp đã lấy tất cả tài sản của cha chúng ta, và nhờ tài sản của cha chúng ta mà làm nên cơ đồ ấy.” <sup>2</sup> Ông Gia-cóp nhìn nét mặt ông La-ban và thấy rằng, đối với mình, cha không còn như xưa nữa. <sup>3</sup> Đức Chúa phán với ông Gia-cóp: “Hãy trở về quê cha đất tổ, về với họ hàng người: Ta sẽ ở với người.” <sup>4</sup> Ông Gia-cóp sai người đi gọi bà Ra-khen và bà Lê-a ra ngoài đồng, đến chỗ đàn chiên dê của ông. <sup>5</sup> Ông nói với họ: “Tôi thấy rằng nét mặt của cha các bà đối với tôi không còn như xưa nữa; nhưng Thiên Chúa của cha tôi đã ở với tôi. <sup>6</sup> Chính các bà biết rằng tôi đã phục vụ cha các bà bằng tất cả sức lực của tôi. <sup>7</sup> Cha các bà đã đánh lừa tôi, và đã đổi công xá của tôi mười lần, nhưng Thiên Chúa đã không để cho ông ấy làm hại tôi. <sup>8</sup> Mỗi khi ông nói: “Những con lổm đổm sẽ là công xá của con”, thì tất cả chiên dê để ra những con lổm đổm; mỗi khi ông nói: “Những con vẫn sẽ là công xá của con”,

<sup>1</sup> Ghe phen Gia-cước nghe đồn, 1831  
*Mấy người anh vợ phao ngôn đủ điều:*  
 “Gia-cước tài cán bao nhiêu,  
 Giàu nhờ của vợ, còn nhiều mưu mô.”  
<sup>2</sup> Lại xem nhạc phụ bấy giờ, 1835  
*Hằm hằm nét mặt, cạn khô cảm tình.*  
<sup>3</sup> Nhứt là có tiếng bảo mình,  
 Trở về đất tổ, Trời gìn giữ luôn.  
<sup>4</sup> Một hôm Gia-cước ngoài đồng,  
 Nhấn kêu hai vợ, nổi lòng thốt ra:  
<sup>5</sup> “Lúc này thái độ nhạc gia, 1841  
*Lạt như nước ốc, xét ra đáng buồn.*  
<sup>6</sup> Hai mươi năm biết bao công,  
 Tạo nên cơ nghiệp, làm ơn mắc nân.  
<sup>7</sup> Nhạc gia đối xử bạo tàn, 1845  
*Bao phen lạt lọng, mấy lần đảo điên.*  
 Nhưng nhờ Trời độ bình yên,  
 Tai qua nạn khỏi, ưu phiền cũng vơi.

<sup>1</sup> Ghe phen Gia-cước nghe đồn, 1831  
*Mấy người anh vợ phao ngôn đủ điều.*  
 “Gia-cước tài cán bao nhiêu,  
 Giàu nhờ của vợ, còn nhiều mưu mô.”  
<sup>2</sup> Lại xem nhạc phụ bấy giờ, 1835  
*Hằm hằm nét mặt cạn khô cảm tình.*  
<sup>3</sup> Nhứt là **thần khẩu**<sup>a</sup> bảo mình:  
 Trở về đất tổ, Trời gìn giữ luôn.  
<sup>4</sup> Một hôm Gia-cước ngoài đồng,  
 Nhấn kêu hai vợ, nổi lòng thốt ra:  
<sup>5</sup> “Lúc này **tu cách** nhạc gia, 1841  
**Không còn như trước**, xét ra đáng buồn.  
<sup>6</sup> Hai mươi năm biết bao công,<sup>b</sup>  
 Tạo nên cơ nghiệp, làm ơn mắc nân.  
<sup>7</sup> Nhạc gia đối xử bạo tàn, 1845  
*Bao phen lạt lọng, mấy lần đảo điên.*  
 Nhưng nhờ Trời độ bình yên,  
 Tai qua nạn khỏi, ưu phiền cũng vơi.

<sup>a</sup> Thần khẩu: Lời nói của thần linh, ở đây tiếng Thiên Chúa phán bảo trong lòng.

<sup>b</sup> Bỏ công để cưới vợ 14 năm với 6 năm nuôi chiên cừu để bắt phần theo màu lông, hầu làm sản nghiệp nuôi vợ con khi trở về cố hương.

LÁNH MẶT NHẠC GIA  
LẤY HÒA THAY HẬN

*Ghe phen Gia-cước nghe đồn, 1831*  
*Mấy người anh vợ phao ngôn đủ điều:*  
 “Gia-cước tài cán bao nhiêu,  
 Giàu nhờ của vợ, còn nhiều mưu mô.”  
 Lại xem nhạc phụ bấy giờ, 1835  
*Hằm hằm nét mặt, cạn khô cảm tình.*  
 Nhứt là có tiếng bảo mình,  
 Trở về đất tổ, Trời gìn giữ luôn.  
 Một hôm Gia-cước ngoài đồng,  
 Nhấn kêu hai vợ, nổi lòng thốt ra:  
 “Lúc này thái độ nhạc gia, 1841  
*Lạt như nước ốc, xét ra đáng buồn.*  
 Hai mươi năm biết bao công,  
 Tạo nên cơ nghiệp, làm ơn mắc nân.  
 Nhạc gia đối xử bạo tàn, 1845  
*Bao phen lạt lọng, mấy lần đảo điên.*  
 Nhưng nhờ Trời độ bình yên,  
 Tai qua nạn khỏi, ưu phiền cũng vơi.

**Bản văn Kinh thánh**

thì tất cả chiên dê để ra những con vắn.<sup>9</sup> Thiên Chúa đã lấy đàn vật của cha các bà mà cho tôi.<sup>10</sup> Vào thời chiên dê giao nhau, tôi ngược mắt lên và chiêm bao thấy rằng: những con dê đực phủ những con cái thì vắn, lốm đốm và khoang.<sup>11</sup> Sứ thần của Thiên Chúa nói với tôi trong giấc chiêm bao: “Gia-cóp!” Tôi thưa: “Dạ, con đây!”<sup>12</sup> Người phán: “Ngược mắt lên mà nhìn: mọi con dê đực phủ những con cái thì vắn, lốm đốm và khoang, vì La-ban đối xử với người thế nào, Ta đã thấy hết.<sup>13</sup> Ta là Thiên Chúa, Đấng đã hiện ra với người ở Bết Ên, nơi người đã xúc dầu một trụ đá, nơi người đã khấn hứa với Ta. Giờ đây, đứng lên! Ra khỏi đất này mà trở về quê hương người.”<sup>14</sup> Bà Ra-khen và Lê-a trả lời ông rằng: “Nào chúng tôi còn được chung phần và hưởng cơ nghiệp trong nhà cha chúng tôi nữa đâu?<sup>15</sup> Chúng tôi chẳng bị cha coi là người xa lạ đó sao? Vì cha đã bán chúng tôi đi, lại còn nuốt ngon tiền bạc của chúng tôi.<sup>16</sup> Vàng, tất cả tài sản Thiên Chúa đã lấy của cha chúng tôi thì thuộc về chúng ta và con cái chúng ta. Giờ đây mọi điều Thiên Chúa đã phán với ông, ông cứ làm.”

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Ngán thay cho cái tình đời,  
Mà rồi ai biết tay Trời bên trong.  
<sup>8</sup> Cũng như chuyện chọn màu lông, 1851  
Trước giành tuyền sắc, vật không để nhiều.  
Phần mình vẫn vẹn hẩm hiu,  
Đề sai không biết bao nhiêu mà lường.  
Nhạc gia thấy vậy cảm hờn, 1855  
Lại giành vẫn vẹn, ai buồn mặc ai.  
Nào ngờ súc vật cả bày,  
Đề ra tuyền sắc đầy đầy đồng xanh.  
<sup>9</sup> Thấy rằng Trời giúp thiện tâm,  
<sup>10</sup> Khiến cho bầy vật xây vắn sắc lông.  
<sup>11</sup> Ý quyền, bóc lột bất công, 1861  
<sup>12</sup> Trời chia sót của bồ đồng công lao.<sup>a</sup>  
<sup>13</sup> Có lằn trong giấc chiêm bao,  
Lịnh Trời thúc giục hãy mau phản hồi.  
Khi đi Trời hứa giúp tôi, 1865  
Bừu-tiên, giao kết những lời khấn xin.”  
<sup>14</sup> Hai nàng cũng nói tất tình:  
“Chúng em hiểu rõ gia đình lâu nay,  
<sup>15</sup> Biết cha mình thiếu lễ ngay,  
Nhưng vì chữ hiếu chê bai sao đành.

<sup>a</sup> Trong dân gian ở An-nam xưa có câu hát: “...Lường thăng tráo đấu, cướp công. Trước sau Trời cũng bỏ đồng phân mình.” Lại có câu: “...ai ơi chớ khá tranh giành, làm ác gặp rủi làm lành gặp may.”

**Bản Paulus Tạ**

Ngán thay cho cái tình đời,  
Mà rồi ai biết tay Trời bên trong.  
<sup>8</sup> Cũng như chuyện chọn màu lông, 1851  
Trước giành tuyền sắc vật không để nhiều.  
Phần mình vẫn vẹn hẩm hiu,  
Đề sai không biết bao nhiêu mà lường.  
Nhạc gia thấy vậy cảm hờn, 1855  
Lại giành vẫn vẹn, ai buồn mặc ai.  
Nào ngờ súc vật cả bày,  
Đề ra tuyền sắc đầy đầy đồng xanh.  
<sup>9</sup> Thấy rằng Trời giúp thiện tâm,  
<sup>10</sup> Khiến cho bầy vật xây vắn sắc lông.  
<sup>11</sup> Ý quyền, bóc lột bất công, 1861  
<sup>12</sup> Trời chia sót của bồ đồng công lao.  
<sup>13</sup> Có lằn trong giấc chiêm bao,  
Lịnh Trời thúc giục hãy mau phản hồi.  
Khi đi trời hứa giúp tôi 1865  
Bừu tiên giao kết những lời khấn xin”<sup>a</sup>  
<sup>14</sup> Hai nàng cũng nói tất tình,  
Chúng em hiểu rõ gia đình lâu nay  
<sup>15</sup> Biết cha mình thiếu lễ ngay,  
Nhưng vì chữ hiếu chê bai sao đành.

<sup>a</sup> Nhắc lại lời cầu nguyện khi ra đi, được thấy Thiên Chúa trong giấc mộng, trên đầu cái thang bắc lên tới trời. Việc này đã xảy ra tại Bừu-tiên (Bethel).

**Bản phục chế đề nghị**

Ngán thay cho cái tình đời,  
Mà rồi ai biết tay Trời bên trong.  
Cũng như chuyện chọn màu lông, 1851  
Trước giành tuyền sắc, vật không để nhiều.  
Phần mình vẫn vẹn hẩm hiu,  
Đề sai không biết bao nhiêu mà lường.  
Nhạc gia thấy vậy cảm hờn, 1855  
Lại giành vẫn vẹn, ai buồn mặc ai.  
Nào ngờ súc vật cả bày,  
Đề ra tuyền sắc đầy đầy đồng xanh.  
Thấy rằng Trời giúp thiện tâm,  
Khiến cho bầy vật xây vắn sắc lông.  
Ý quyền, bóc lột bất công, 1861  
Trời chia sót của bồ đồng công lao.  
Có lằn trong giấc chiêm bao,  
Lịnh Trời thúc giục hãy mau phản hồi.  
Khi đi Trời hứa giúp tôi, 1865  
Bừu-tiên, giao kết những lời khấn xin.”  
Hai nàng cũng nói tất tình:  
“Chúng em hiểu rõ gia đình lâu nay,  
Biết cha mình thiếu lễ ngay,  
Nhưng vì chữ hiếu chê bai sao đành.



**Bản văn Kinh thánh**

<sup>17</sup> Ông Gia-cóp đứng lên, đưa các con và các bà vợ lên lạc đà. <sup>18</sup> Ông đưa tất cả đàn vật và mọi tài sản ông đã gây được, đàn vật riêng của ông mà ông đã gây được ở Pát-đan A-ram, để đi về với ông I-xa-ác, cha ông, ở đất Ca-na-an. <sup>19</sup> Trong lúc ông La-ban đi xén lông chiên, thì bà Ra-khen lấy trộm các tượng thần của cha bà. <sup>20</sup> Ông Gia-cóp đánh lừa ông La-ban, người A-ram, không cho ông ấy biết mình đi trốn. <sup>21</sup> Ông trốn đi với tất cả những gì thuộc về ông; ông đứng lên, sang Sông Cả và hướng thẳng về núi Ga-la-át.

<sup>22</sup> Sang ngày thứ ba, người ta báo cho ông La-ban biết ông Gia-cóp đã trốn đi. <sup>23</sup> Ông đem anh em họ hàng đi với mình, rượt theo ông Gia-cóp bảy ngày đường, và đuổi kịp ông này ở núi Ga-la-át. <sup>24</sup> Ban đêm Thiên Chúa đến báo mộng cho ông La-ban, người A-ram, rằng: “Coi chừng, đừng nói bất cứ điều gì với Gia-cóp.” <sup>25</sup> Ông La-ban theo kịp ông Gia-cóp. Ông Gia-cóp đã cắm lều trên núi; ông La-ban với các anh em họ hàng cũng cắm lều trên núi Ga-la-át.

<sup>26</sup> Ông La-ban nói với ông Gia-cóp: “Con đã làm gì thế? Con đã đánh

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>16</sup>Thôi thì quyết định phân anh, 1871

Vung theo Thượng-đế, làm lành gặp may.”

<sup>17</sup> Gia-cước sau đó ít ngày,

Tóm thâu sản nghiệp xưa nay dựng gầy.

<sup>18</sup> Chiên, cừu, súc vật các bầy, 1875

Vợ con, tôi tớ gái trai lên đàn.

Đoàn người nhắm hướng Trà-nam

Thừa cơ nhạc phụ đi thăm thảo tràng <sup>a</sup>.

<sup>19</sup> Ra đi, Gia-cước âm thầm,

<sup>20</sup> La-cương ăn cắp tượng vàng của cha.

<sup>21</sup> Đường về mấy dặm quan hà, 1881

Vừa qua suối rộng, lại qua trường dài.

<sup>22</sup> Ba ngày nhạc phụ mới hay,

Rằng người con rể cao bay phương nào.

<sup>23</sup> Lã-bàng quyết bắt bôn đào, 1885

Gia nhon tấp nập, vó câu ồn ào.

Sơn Khê qua bảy ngày sau,

Gặp ngay Gia-cước, ải đầu nghỉ chơn.

<sup>24</sup> Lã-bàng nhớ mộng đêm hôm:

“Tiếng Trời khuyên chớ theo con lồi đĩnh.”

<sup>a</sup> Thảo tràng hay thảo trường, có nghĩa là đồng cỏ rộng lớn, thuận lợi cho nghề chăn nuôi thời xưa. Thảo tràng gồm có đồng cỏ xanh, suối tốt hoặc giếng ngọt. Có nước đầy đủ cả năm.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>16</sup>Thôi thì quyết định phân anh, 1871

Vung theo Thượng đế làm lành gặp may.

<sup>17</sup> Gia-cước sau đó ít ngày,

Tóm thâu sản nghiệp xưa nay dựng gầy.

<sup>18</sup> Chiên cừu, súc vật các bầy, 1875

Vợ con, tôi tớ, gái trai lên đàn.

Đoàn người nhắm hướng Trà-nam.

Thừa cơ nhạc phụ đi thăm thảo tràng <sup>a</sup>.

<sup>19</sup> Ra đi, Gia-cước âm thầm,

<sup>20</sup> La-cương ăn cắp tượng vàng <sup>b</sup> của cha.

<sup>21</sup> Đường về mấy dặm quan hà, 1881

Vừa qua sông lớn, lại qua trường dài.

<sup>22</sup> Ba ngày nhạc phụ mới hay,

Rằng người con rể cao bay phương nào.

<sup>23</sup> Lã-bàng quyết bắt bôn đào, 1885

Gia nhon tập họp, ồn ào vó câu.

Sơn Khê qua bảy ngày sau,

Gặp ngay Gia-cước ải đầu nghỉ chơn.

<sup>24</sup> Lã-bàng nhớ mộng đêm hôm:

Tiếng Trời khuyên chớ theo con lồi đĩnh <sup>c</sup>.

<sup>a</sup> Thảo tràng (thảo trường): đồng cỏ xanh, nơi thả chiên cừu ăn cỏ.

<sup>b</sup> Tượng hình người hoặc thú vật, đúc bằng vàng để làm cửa trong gia đình, hoặc để thờ cúng.

<sup>c</sup> Trong một đêm trước đó, thần linh đã báo Lã-bàng chớ gây hấn với Gia-cước mà mang họa. Phải biết để nên cơn giận dữ (lồi đĩnh), đối xử với nhau tốt đẹp.

**Bản phục chế đề nghị**

Thôi thì quyết định phân anh, 1871

Vung theo Thượng-đế, làm lành gặp may.”

Gia-cước sau đó ít ngày,

Tóm thâu sản nghiệp xưa nay dựng gầy.

Chiên, cừu, súc vật các bầy, 1875

Vợ con, tôi tớ gái trai lên đàn.

Đoàn người nhắm hướng Trà-nam

Thừa cơ nhạc phụ đi thăm thảo tràng.

Ra đi, Gia-cước âm thầm.

La-cương ăn cắp tượng vàng của cha.

Đường về mấy dặm quan hà, 1881

Vừa qua suối rộng, lại qua trường dài.

Ba ngày nhạc phụ mới hay,

Rằng người con rể cao bay phương nào.

Lã-bàng quyết bắt bôn đào, 1885

Gia nhon tấp nập, ồn ào vó câu <sup>a</sup>.

Sơn Khê qua bảy ngày sau,

Gặp ngay Gia-cước, ải đầu nghỉ chơn.

Lã-bàng nhớ mộng đêm hôm:

“Tiếng Trời khuyên chớ theo con lồi đĩnh.”

<sup>a</sup> Theo đối thì đúng là “vó câu ồn ào” nhưng để thuận vẫn có lẽ tác giả đã viết “ồn ào vó câu” (TSNM).

**Bản văn Kinh thánh**

lừa cha mà đem các con gái cha đi như thể tù chiến tranh.<sup>27</sup> Tại sao con đã lén lút trốn đi và đã lừa cha, không cho cha biết, để cha còn tiễn đưa con trong niềm vui tiếng hát, trong tiếng trống tiếng đàn?<sup>28</sup> Con đã không để cho cha hôn con hôn cháu cha. Thật con đã hành động ngu xuẩn!<sup>29</sup> Cha có đủ khả năng làm hại các con, nhưng đêm qua Thiên Chúa của cha các con đã phán với cha rằng: “Coi chừng, đừng nói bất cứ điều gì với Gia-cóp.”<sup>30</sup> Bây giờ thì con đi vì quá nhớ nhà cha con, nhưng tại sao con lại lấy trộm các thần của cha?”<sup>31</sup> Ông Gia-cóp đáp lại ông La-ban: “Vì con sợ, và con tự bảo: có khi cha sẽ dùng sức mạnh mà đoạt lại các con gái của cha.<sup>32</sup> Còn nếu cha tìm được các thần của cha nơi người nào, thì người ấy không được sống nữa. Có anh em họ hàng của cha con ta chứng kiến, xin cha nhận ra cái gì là của cha trong những thứ con có ở đây, và cứ lấy lại.” Ông Gia-cóp không biết rằng bà Ra-khen đã lấy trộm các tượng ấy.<sup>33</sup> Ông La-ban vào lều ông Gia-cóp, rồi vào lều bà Lê-a và lều hai người nữ tỳ, nhưng không tìm thấy gì. Ông ra khỏi lều bà Lê-a và vào lều bà Ra-khen.<sup>34</sup> Bà Ra-khen đã lấy các

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Gặp nhau xử sự phân minh, 1891  
 Nặng tay Gia-cước, vạ mình phải mang.”  
<sup>25</sup> Lã-bàng hạ trại bên đàng,  
<sup>26</sup> Đoạn kêu Gia-cước hỏi gần: “...tại sao?  
 Con tôi bắt bớ đem đâu, 1895  
 Cầm bằng quân giặc, khác nào hàng binh.  
<sup>27</sup> Muốn đi, đủ lý hợp tình,  
 Cũng cho tôi biết, tiệc trình tiễn chơn.  
<sup>28</sup> Để tôi từ giã cháu, con.  
 Nữ nào lủi trốn bắt nhơn thế này?  
<sup>29</sup> Rằng tôi đủ sức trong tay, 1901  
 Nhưng e Thượng-đế họa tai đồ đầu.  
<sup>30</sup> Về quê ai cấm, có sao,  
 Tượng vàng ăn cắp, tránh đâu khỏi phiền?  
<sup>31</sup> Ra đi, cháu phải ngang nhiên, 1905  
 Ngại lòng cậu ác, hậu tiền bắt phân.  
 Xúi con gái cậu làm xằng,  
 Rẽ đàn tan ghé, cấm ngăn theo chồng.  
<sup>32</sup> Cậu còn vu khống, bắt công,  
 Tượng vàng ai lấy, hữu ngôn vô bằng.  
 Không tin, lục soát rõ ràng, 1911  
 Gặp ai thủ phạm xin bằm nát thây.”

**Bản Paulus Tọa**

Gặp nhau xử sự phân minh, 1891  
 Nặng lời con rẻ, vạ mình phải mang.  
<sup>25</sup> Lã-bàng hạ trại bên đàng,  
<sup>26</sup> Đoạn kêu Gia-cước hỏi gần: “Tại sao?  
 Con tôi bắt bớ đem đâu, 1895  
 Cầm bằng quân giặc, khác nào hàng binh.  
<sup>27</sup> Muốn đi đủ lý hợp tình,  
 Cũng cho tôi biết, tiệc trình tiễn chơn.  
<sup>28</sup> Để tôi từ giã cháu con,  
 Nữ nào lủi trốn bắt nhơn thế này?  
<sup>29</sup> Rằng tôi đủ sức trong tay, 1901  
 Nhưng e Thượng đế, họa tai đồ đầu.  
<sup>30</sup> Về quê ai cấm, có sao,  
 Tượng vàng ăn cắp, tránh đâu khỏi phiền?”  
<sup>31</sup> “Ra đi cháu phải ngang nhiên, 1905  
 Ngại lòng cậu ác, hậu tiền bắt phân.  
 Xúi con gái cậu làm xằng,  
 Rẽ đàn tan ghé, cấm ngăn theo chồng.<sup>a</sup>  
<sup>32</sup> Cậu còn vu khống bắt công,  
 Tượng vàng ai lấy, hữu ngôn vô bằng.  
 Không tin, lục soát rõ ràng, 1911  
 Gặp ai thủ phạm xin bằm nát thây”

<sup>a</sup> Vì quá biết Lã-bàng hay lật lọng, tráo trở, xúi bảo con gái bỏ chồng, hoặc không theo chồng, thì thiệt hại bấy con.

**Bản phục chế đề nghị**

Gặp nhau xử sự phân minh, 1891  
 Nặng tay Gia-cước, vạ mình phải mang.”  
 Lã-bàng hạ trại bên đàng,  
 Đoạn kêu Gia-cước hỏi gần: “...tại sao?  
 Con tôi bắt bớ đem đâu, 1895  
 Cầm bằng quân giặc, khác nào hàng binh.  
 Muốn đi, đủ lý hợp tình,  
 Cũng cho tôi biết, tiệc trình tiễn chơn.  
 Để tôi từ giã cháu con.  
 Nữ nào lủi trốn bắt nhơn thế này?  
 Rằng tôi đủ sức trong tay, 1901  
 Nhưng e Thượng-đế họa tai đồ đầu.  
 Về quê ai cấm, có sao,  
 Tượng vàng ăn cắp, tránh đâu khỏi phiền?  
 Ra đi, cháu phải ngang nhiên, 1905  
 Ngại lòng cậu ác, hậu tiền bắt phân.  
 Xúi con gái cậu làm xằng,  
 Rẽ đàn tan ghé, cấm ngăn theo chồng.  
 Cậu còn vu khống, bắt công,  
 Tượng vàng ai lấy, hữu ngôn vô bằng.  
 Không tin, lục soát rõ ràng, 1911  
 Gặp ai thủ phạm xin bằm nát thây.”

### **Bản văn Kinh thánh**

tượng thần, để trong yên lạc đã rời ngòai lên trên. Ông La-ban lục lọi khắp cả lều mà không tìm thấy.

<sup>35</sup> Bà thưa với cha: “Xin ngài đừng nổi nóng nếu con không thể đứng lên trước mặt ngài, vì con đang có điều thường xảy đến cho đàn bà.” Ông tìm tòi nhưng không thấy các tượng thần.

<sup>36</sup> Bấy giờ ông Gia-cóp nổi nóng và trách móc ông La-ban; ông lên tiếng nói với ông La-ban: “Con có tội có lỗi gì mà cha cứ theo con gắt gao như vậy? <sup>37</sup> Lục lọi tất cả đồ đạc của con, cha có tìm được đồ đạc gì của nhà cha không? Cha cứ đưa ra đây trước mặt anh em họ hàng của con và anh em họ hàng của cha, để họ phân xử cho đôi bên. <sup>38</sup> Suốt hai mươi năm con đã ở với cha, chiên cái dê cái của cha không hề sẩy thai, con không hề ăn con chiên đực nào trong đàn vật của cha. <sup>39</sup> Con vật bị cắn xé, con không đưa về cho cha, chính con chịu đền; con bị mất trộm con nào ban ngày hay ban đêm, cha đều đòi con phải trả. <sup>40</sup> Ban ngày con bị nắng thiêu, ban đêm con bị lạnh buốt, không sao chợp mắt ngủ được. <sup>41</sup> Con ở nhà cha đã được hai mươi năm, con đã phục vụ cha được mười bốn năm để

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Gia-cước nhấn mạnh như vậy,

Bởi vì không biết tội nầy: La-cương!

<sup>33</sup> Lã-bàng mở gói, banh rương, 1915

Lều nào cũng ghé, tận tường móc moi.

La-cương sợ phải lòi thoi,

<sup>34</sup> Tượng vàng vùi kín lại ngòai ở trên:

<sup>35</sup> Thưa cha, con khó đứng lên,

Vì đang kinh nguyệt, cảm phiền cho con.”

Lã-bàng chẳng gặp gì hơn, 1921

<sup>36</sup> Gia-cước nổi giận trút con bực mình:

“Cậu bày chi việc bất bình,

<sup>37</sup> Ra chiều hần học có tìm được không?

Thấy chưa, lục soát ngoài trong, 1925

Vật gì của cậu, cháu mong phơi bày.

<sup>38</sup> Kể ra hai chục năm dài,

Giúp gia đình cậu, có sai lỗi gì?

<sup>39</sup> Chiên, cừu, sói chẳng làm chi,

Rủi ro thất lạc cháu đi tìm liền.

Những khi mất trộm ban đêm, 1931

Cậu đòi hoàn trả mới yên thân nầy.

<sup>40</sup> Tắm thân vất vả đêm ngày,

<sup>41</sup> Mười bốn năm chầy cưới vợ thí công,

### **Bản Paulus Tạc**

Gia-cước nhấn mạnh như vậy,

Bởi vì không biết tội nầy: La-cương.

<sup>33</sup> Lã-bàng mở gói, banh rương, 1915

Lều nào cũng ghé, tận tường móc moi.

La-cương sợ phải lòi thoi,

<sup>34</sup> Tượng vàng vùi kín lại ngòai ở trên.

<sup>35</sup> “Thưa cha, con khó đứng lên,

Vì đang kinh nguyệt, cảm phiền cho con.”

Lã-bàng chẳng gặp gì hơn, 1921

<sup>36</sup> Gia-cước nổi giận trút con bực mình:<sup>a</sup>

“Cậu bày chi việc bất bình,

<sup>37</sup> Ra chiều hần học có tìm được không?

Thấy chưa, lục soát ngoài trong, 1925

Vật gì của cậu, cháu mong phơi bày.

<sup>38</sup> Kể ra hai chục năm dài,

Giúp gia đình cậu có sai lỗi gì,

<sup>39</sup> Chiên cừu, sói chẳng làm chi,

Rủi ro thất lạc cháu đi tìm liền,

Những khi mất trộm ban đêm, 1931

Cậu đòi hoàn trả mới yên thân nầy.

<sup>40</sup> Tắm thân vất vả đêm ngày,

<sup>41</sup> Mười bốn năm chầy, cưới vợ thí công,

### **Bản phục chế đề nghị**

Gia-cước nhấn mạnh như vậy,

Bởi vì không biết tội nầy: La-cương!

Lã-bàng mở gói, banh rương, 1915

Lều nào cũng ghé, tận tường móc moi.

La-cương sợ phải lòi thoi,

Tượng vàng vùi kín lại ngòai ở trên:

Thưa cha, con khó đứng lên,

Vì đang kinh nguyệt, cảm phiền cho con.”

Lã-bàng chẳng gặp gì hơn, 1921

Gia-cước nổi giận trút con bực mình:

“Cậu bày chi việc bất bình,

Ra chiều hần học có tìm được không?

Thấy chưa, lục soát ngoài trong, 1925

Vật gì của cậu, cháu mong phơi bày.

Kể ra hai chục năm dài,

Giúp gia đình cậu, có sai lỗi gì?

Chiên, cừu, sói chẳng làm chi,

Rủi ro thất lạc cháu đi tìm liền.

Những khi mất trộm ban đêm, 1931

Cậu đòi hoàn trả mới yên thân nầy.

Tắm thân vất vả đêm ngày,

Mười bốn năm chầy cưới vợ thí công,

<sup>a</sup> Nói hết một lần những điều bực tức mà phải nhịn từ lâu.

### **Bản văn Kinh thánh**

được hai cô con gái của cha, sáu năm để được chiên của cha, cha đã đổi công xá của con mười lần.

<sup>42</sup> Giả như Thiên Chúa của cha con, là Thiên Chúa ông Áp-ra-ham thờ và là Đấng ông I-xa-ác khiếp sợ, đã không ở với con, thì bây giờ hẳn cha đã để con về tay không. Thiên Chúa đã thấy cảnh khổ cực và công lao vất vả của con, và đem qua Người đã phân xử.”

<sup>43</sup> Ông La-ban đáp lại ông Gia-cóp: “Các cô này là con gái của cha, các cháu này là cháu của cha, chiên dê này là chiên dê của cha, tất cả những gì con thấy đều là của cha. Hôm nay cha có thể làm gì cho các con gái của cha, hoặc cho những đứa con chúng đã sinh ra? <sup>44</sup> Bây giờ, nào cha con ta hãy lập giao ước, giao ước đó sẽ làm chúng giữa cha con ta.”

<sup>45</sup> Ông Gia-cóp lấy một tảng đá dựng lên làm trụ. <sup>46</sup> Ông Gia-cóp nói với anh em họ hàng mình: “Hãy nhặt đá.” Họ lấy đá làm thành một đồng. Họ ăn tại đó, trên đồng đá ấy. <sup>47</sup> Ông La-ban gọi chỗ đó là Giơ-ga Xa-ha-đu-tha, còn ông Gia-cóp thì gọi là Ga-lơ-ét. <sup>48</sup> Ông La-ban nói: “Đồng đá này hôm nay làm chúng giữa cha con ta.” Vì thế

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Sáu năm chăn vật ngoài đồng, 1935

Cậu còn tráo trở, lộn sòng trắng đen.

<sup>42</sup> Nếu không có Chúa tổ tiên,

Bá-lâm, Y-giác cách riêng phù trì,

Chắc là cậu chẳng kể gì,

Ra tay đuổi cháu ra về tay không.

Nguyện Trời chúng giám cho lòng, 1941

Người ngay vẫn có phép công bảo tồn”.

<sup>43</sup> Lã-bàng: “... cháu chẳng thấy hơn,

Đây là cháu ngoại, đây con trong nhà.

Chiên cừu cậu, cháu làm ra, 1945

Nỡ nào cậu giết ruột rà hay sao?

<sup>44</sup> Bỏ qua những việc trước sau,

Bây giờ cam kết cùng nhau dĩ hoà.”

<sup>45</sup> Gia-cước đồng ý bước ra,

Dựng lên trụ đá gọi là chứng minh.

Lại khuyên bên vợ của mình, 1951

<sup>46</sup> Đi gom giúp đá chất thành đồng cao.

Xong rồi, tất cả xúm nhau,

Ngồi lên ăn uống dưới bầu trời xanh.

<sup>47</sup> Hai bên cậu, cháu lựa danh,<sup>a</sup> 1955

Đặt cho đồng đá nơi làm chứng nhân.

<sup>a</sup> Thời thượng cổ, triển đổi minh mông, mỗi khi có bộ lạc tụ lại làm sự việc gì, thì thảo luận tìm một cái tên để đặt, gọi là chứng minh hành động. Cái tên đó nhiều khi trở thành địa danh tới bây giờ. Thì đây, Giao-lập (La ngữ Galaad), là cái tên hai cậu cháu Lã-bàng và Gia-cước hợp nhau, để đặt cho đồng đá chung thế của mình.

### **Bản Paulus Tọa**

Sáu năm chăn vật ngoài đồng, 1935

Cậu còn tráo trở, lộn sòng trắng đen.

<sup>42</sup> Nếu không có Chúa tổ tiên,

Áp-ram, Y-giác cách riêng phù trì.

Chắc là cậu chẳng kể gì,

Thẳng tay đuổi cháu ra về tay không.

Nguyện Trời chúng giám cho lòng, 1941

Người ngay vẫn có phép công bảo tồn.”<sup>a</sup>

<sup>43</sup> Lã-bàng: “Cháu chẳng thấy hơn,

Đây là cháu ngoại, đây con trong nhà.

Chiên cừu cậu, cháu gầy ra, 1945

Nỡ nào cậu giết ruột rà hay sao?

<sup>44</sup> Bỏ qua những việc trước sau,

Bây giờ cam kết cùng nhau dĩ hoà.”

<sup>45</sup> Gia-cước đồng ý bước ra,

Dựng lên trụ đá gọi là chứng minh.

Lại khuyên bên vợ của mình, 1951

<sup>46</sup> Đi gom góp đá chất thành đồng cao.

Xong rồi tất cả xúm nhau,

Ngồi lên ăn uống dưới bầu trời xanh.

<sup>47</sup> Hai bên cậu cháu lựa danh,<sup>b</sup> 1955

Đặt cho đồng đá nơi làm chứng nhân.

<sup>a</sup> Bị lật tẩy những tính tham lam, tráo trở, Lã-bàng không thể trả lời được, phải đấu đũa bằng cách nêu ra tình cảm gia đình.

<sup>b</sup> Lựa chọn những danh từ nào thích hợp cho công việc đang xảy ra đây.

### **Bản phục chế đề nghị**

Sáu năm chăn vật ngoài đồng, 1935

Cậu còn tráo trở, lộn sòng trắng đen.

Nếu không có Chúa tổ tiên,

Bá-lâm, Y-giác cách riêng phù trì,

Chắc là cậu chẳng kể gì,

Ra tay đuổi cháu ra về tay không.

Nguyện Trời chúng giám cho lòng, 1941

Người ngay vẫn có phép công bảo tồn”.

Lã-bàng: “... cháu chẳng thấy hơn,

Đây là cháu ngoại, đây con trong nhà.

Chiên cừu cậu, cháu làm ra, 1945

Nỡ nào cậu giết ruột rà hay sao?

Bỏ qua những việc trước sau,

Bây giờ cam kết cùng nhau dĩ hoà.”

Gia-cước đồng ý bước ra,

Dựng lên trụ đá gọi là chứng minh.

Lại khuyên bên vợ của mình, 1951

Đi gom giúp đá chất thành đồng cao.

Xong rồi, tất cả xúm nhau,

Ngồi lên ăn uống dưới bầu trời xanh.

Hai bên cậu cháu lựa danh, 1955

Đặt cho đồng đá nơi làm chứng nhân.

### Bản văn Kinh thánh

người ta gọi nó là Ga-lơ-ét<sup>49</sup> và cũng gọi là Mít-pa, vì ông nói: “Xin Đức Chúa canh giữ giữa cha con ta, khi chúng ta khuất mặt nhau.”<sup>50</sup> Nếu con hành hạ các con gái cha, và nếu ngoài các con gái cha, con còn lấy thêm vợ khác, thì dù không có ai ở với chúng ta, con hãy coi chừng: Thiên Chúa làm chứng giữa cha con ta.”<sup>51</sup> Ông La-ban nói với ông Gia-cóp: “Đây đồng đá này, và đây trụ đá cha đã đặt giữa cha và con.”<sup>52</sup> Đồng đá này làm chứng và trụ đá này cũng làm chứng rằng cha không được vượt qua đồng đá này sang bên con, và con cũng không được vượt qua đồng đá này và trụ đá này sang bên cha với ý đồ xấu.”<sup>53</sup> Xin Thiên Chúa của ông Áp-ra-ham và Thiên Chúa của ông Na-kho -Thiên Chúa của cha các ngài- xét xử giữa chúng ta.” Ông Gia-cóp đã thề nhân danh Đấng mà cha ông là I-xa-ác khiếp sợ.<sup>54</sup> Ông dâng lễ tế trên núi và mời anh em họ hàng đến dùng bữa. Họ dùng bữa và nghỉ đêm trên núi.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>48</sup> Sau thì mình thệ, Lã-bàng:  
“Đồng này Giao-lập lòng thành hai bên.  
<sup>49</sup> Cầu Trời giáng phước bình yên,  
Kẻ đi, người ở, hai miền ấm no.  
<sup>50</sup> Vợ cháu, con cậu gả cho, 1961  
Nếu cháu bạc đãi, con đồ sang ngang,  
Thì Trời đoán phạt công bằng.  
<sup>51</sup> Đồng này như thể cặm ranh giữa trời.  
<sup>52</sup> Phân chia cậu, cháu, hai nơi. 1965  
Không ai qua lại phá đời hại nhau.  
<sup>53</sup> Nhon danh Thượng-đế quyền cao,  
Bá-lâm thờ kính, cầu bầu, kêu xin.  
Nã-khôi<sup>a</sup> cũng một niềm tin,  
Luôn luôn xét xử tâm tình chúng ta.”  
Gia-cước chỉ Chúa của cha, 1971  
Là Chúa Y-giác, xưng ra để thề,  
<sup>54</sup> Rời lên triền núi dựa kê,  
Lập đàn hiến tế, để huê thân giao.  
Đoạn mời ai nấy giải lao, 1975  
Chén thù chén tạc biết bao ngọt bùi.  
Đêm ấy, lưu lại nghỉ ngơi,  
<sup>55</sup> Bình minh thức dậy mọi người chia bầu,  
Lã-bàng căn dặn giây lâu,  
Ôm bầy cháu ngoại, nguyện cầu khánh ân.  
Tạ từ, vó ngựa lên đàng, 1981  
Sương mai phủ kín dặm ngàn đôi bên.

<sup>a</sup>Thời đó rất nhiều bụt thần ngoại giáo, nên họ phải nêu vị thần của tổ tiên họ tôn thờ, vị thần của Bá-lâm, bụt của Nã-khôi, thần của Y-giác. Gia-cước nhận thần mình là Thượng đế, là Trời để chứng giám lời thề của mình

### Bản Paulus Tọa

<sup>48</sup> Sau đây mình thệ Lã-bàng:  
Đồng này “giao lập”<sup>a</sup> lòng thành hai bên.  
<sup>49</sup> Cầu Trời giáng phước bình yên,  
Kẻ đi người ở, hai miền ấm no.  
<sup>50</sup> Vợ cháu, con cậu gả cho, 1961  
Nếu cháu bạc đãi, con đồ sang ngang,  
Thì Trời đoán phạt công bằng,  
<sup>51</sup> Đồng này như thể cặm ranh giữa trời.  
<sup>52</sup> Phân chia cậu cháu hai nơi, 1965  
Không ai qua lại phá đời hại nhau.  
<sup>53</sup> Nhon danh Thượng đế quờn cao,  
Áp-ram thờ kính, cầu bầu, kêu xin,  
Nã-khôi<sup>b</sup> cũng một niềm tin,  
Luôn luôn xét xử tâm tình chúng ta.”  
Gia-cước chỉ Chúa của cha, 1971  
Là Chúa I-giác, xưng ra để thề.  
<sup>54</sup> Rời lên triền núi dựa kê,  
Lập đàn hiến tế, để huê thân giao.  
Đoạn mời ai nấy giải lao,<sup>c</sup> 1975  
Chén thù chén tạc biết bao ngọt bùi.  
Đêm ấy, ở lại nghỉ ngơi,  
<sup>55</sup> Bình minh thức dậy mọi người chia bầu.<sup>d</sup>  
Lã-bàng căn dặn giây lâu,  
Ôm bầy cháu ngoại, nguyện cầu khánh ân.  
Tạ từ vó ngựa lên đàng, 1981  
Sương mai phủ kín dặm ngàn đôi bên.

<sup>a</sup>Giao lập: danh từ của Lã-bàng chọn để gọi việc này là một cuộc lập lời giao ước cam kết. Giao lập trở thành địa danh Galaad, theo từ ngữ vùng đó.

<sup>b</sup>Nã-khôi: em ruột của Abraham cũng tin nơi Thiên Chúa.

<sup>c</sup>Ăn uống lần cuối cùng để rời chia tay.

<sup>d</sup>Lưu luyến nhìn nhau rồi ra đi mỗi người một ngã mà ngày trùng phùng không hẹn lại ở cõi đời này.

### Bản phục chế đề nghị

Sau thì mình thệ, Lã-bàng:  
“Đồng này Giao-lập lòng thành hai bên.  
Cầu Trời giáng phước bình yên,  
Kẻ đi, người ở, hai miền ấm no.  
Vợ cháu, con cậu gả cho, 1961  
Nếu cháu bạc đãi, con đồ sang ngang,  
Thì Trời đoán phạt công bằng.  
Đồng này như thể cặm ranh giữa trời.  
Phân chia cậu, cháu, hai nơi. 1965  
Không ai qua lại phá đời hại nhau.  
Nhon danh Thượng-đế quyền cao,  
Bá-lâm thờ kính, cầu bầu, kêu xin.  
Nã-khôi cũng một niềm tin,  
Luôn luôn xét xử tâm tình chúng ta.”  
Gia-cước chỉ Chúa của cha, 1971  
Là Chúa Y-giác, xưng ra để thề,  
Rời lên triền núi dựa kê,  
Lập đàn hiến tế, để huê thân giao.  
Đoạn mời ai nấy giải lao, 1975  
Chén thù chén tạc biết bao ngọt bùi.  
Đêm ấy, lưu lại nghỉ ngơi,  
Bình minh thức dậy mọi người chia bầu,  
Lã-bàng căn dặn giây lâu,  
Ôm bầy cháu ngoại, nguyện cầu khánh ân.  
Tạ từ, vó ngựa lên đàng, 1981  
Sương mai phủ kín dặm ngàn đôi bên.

<sup>1</sup> Sáng hôm sau, ông La-ban dậy sớm, hôn các con gái và các cháu ông, chúc phúc cho chúng, rồi lên đường về nhà. <sup>2</sup> Ông Gia-cóp đang đi đường thì có những sứ thần của Thiên Chúa gặp ông. <sup>3</sup> Vừa thấy các sứ thần, ông Gia-cóp nói: “Đây là trại của Thiên Chúa”, và ông đặt tên cho nơi ấy là Ma-kha-na-gim. <sup>4</sup> Ông Gia-cóp sai sứ giả đi trước ông đến với ông Ê-xau tại đất Xê-ia, trong lãnh thổ Ê-đôm. <sup>5</sup> Ông ra lệnh cho họ rằng: “Các anh sẽ nói với ông Ê-xau, chủ tôi, thế này: “Tôi tớ ngài là ông Gia-cóp nói như sau: Tôi đã trú ngụ tại nhà ông La-ban và đã ở lại mãi đến bây giờ. <sup>6</sup> Tôi có bò lừa, chiên dê, tôi trai tớ gái, và tôi sai người báo tin cho ngài để được đẹp lòng ngài.” <sup>7</sup> Sứ giả trở về với ông Gia-cóp và nói: “Chúng tôi đã đến với ông Ê-xau, anh ông. Ông ấy cũng đang tiến về phía ông, và có bốn trăm người đi cùng.” <sup>8</sup> Ông Gia-cóp sợ hãi kinh hoàng. Ông chia những người đi với ông, cũng như chiên dê, bò và lạc đà, đóng ở hai trại. <sup>9</sup> Ông tự nhủ: “Nếu ông Ê-xau đến đánh phá một trại,

<sup>1</sup> Đường về, Gia-cước tiến lên,  
 Chư thần<sup>a</sup> Thượng-đế giữ gìn trước sau.  
 Vừa thấy, Gia-cước cao rao: 1985  
 “Đây vùng quân trại<sup>a</sup> thiên trào chi danh”.  
<sup>2</sup> Đấng trình không ngại nhọc nhằn,  
 Ngại lòng anh cả còn chẳng tị hiềm?  
<sup>3</sup> Gia-nhơn chọn kẻ trung kiên,  
 Đóng vai liên lạc về miền Yên-đăng,<sup>b</sup>  
<sup>4</sup> Yên-giao tìm gặp, thưa rằng: 1991  
 “Gia-cước cư ngụ Lã-bàng tới nay,  
<sup>5</sup> Trời cho hào tử, hào tài,<sup>c</sup>  
 Lương hào đại phát, đã sai tôi về,  
 Trình cho anh cả mọi bề, 1995  
 Mong lòng chiếu cố, tràn trề tình thương”.  
<sup>6</sup> Gia-nhơn trở lại phân tường;  
 “Yên-giao, đỉnh tráng lên đường bốn trăm,  
 Gọi là đón tiếp bào thân”.  
<sup>7</sup> Nghe qua, Gia-cước tâm thần hoảng kinh.

<sup>a</sup> Đi dọc đường, Gia-cước thấy trên không trung chư thần bảo vệ, (nhiều thiên thần của Chúa) nên nghĩ chắc đây là Trại quân của Trời, nên la lên Mahanaïm. Tác giả gọi là quân trại thiên trào.

<sup>b</sup> Yên-Giao (Esau) anh ruột Gia-cước, còn một tên do quần chúng gọi là Y-đông (Edom), lâu ngày trở thành danh một bộ lạc, một vùng, một sắc dân Yên-đăng (Idumee).

<sup>c</sup> Tác giả dùng từ theo Kinh Dịch, vì thế nhà Nho xưa khâm phục, cho rằng tác giả dựa Kinh Thánh Cựu ước mà viết ra theo trình độ hiểu biết và hoà đồng tư tưởng hai bên.

<sup>1</sup> Đường về Gia-cước tiến lên,  
 Chư thần Thượng đế giữ gìn trước sau.  
 Vừa thấy, Gia-cước cao rao: 1985  
 “Đây vùng quân trại thiên trào chi danh.”<sup>a</sup>  
<sup>2</sup> Đấng trình không quản nhọc nhằn,  
 Ngại lòng anh cả còn chẳng tị hiềm?  
<sup>3</sup> Gia-nhơn chọn kẻ trung kiên,  
 Đóng vai liên lạc về miền Di-an.<sup>b</sup>  
<sup>4</sup> Ân-giao tìm gặp, thưa rằng: 1991  
 “Gia-cước cư ngụ Lã-bàng đến nay.”<sup>c</sup>  
<sup>5</sup> Trời cho hào tử hào tài,  
 Lương tài đại phát đã sai tôi về,  
 Trình cho anh cả mọi bề, 1995  
 Mong lòng chiếu cố, tràn trề tình thương.”  
<sup>6</sup> Gia-nhơn trở lại phân tường:  
 Ân-giao, đỉnh tráng lên đường bốn trăm.  
 Gọi là đón tiếp bào thân.

<sup>7</sup> Nghe qua, Gia-cước tâm thần hoảng kinh.

<sup>a</sup> Gia-cước nhìn thấy nhiều thiên thần theo ủng hộ, nên gọi đây là Mahanaim, tức trại quân của Trời.

<sup>b</sup> Di-an: Seir trong vùng Yên-đông (Edom, Idumée).  
 Có chỗ viết Di-yên.

<sup>c</sup> Cho anh cả biết từ ngày ra đi đến nay, chỉ ở quê ngoại, làm ăn, nhờ ơn Trời độ mạng, nay trở về với cha già, mong anh lượng thứ lúc thiếu thời.

DÒ LÒNG ANH CẢ  
 VẬT LỘN NGOÀI TRỜI

Đường về, Gia-cước tiến lên,  
 Chư thần Thượng-đế giữ gìn trước sau.  
 Vừa thấy, Gia-cước cao rao: 1985  
 “Đây vùng quân trại thiên trào chi danh”.  
 Đấng trình không ngại nhọc nhằn,  
 Ngại lòng anh cả còn chẳng tị hiềm?  
 Gia-nhơn chọn kẻ trung kiên,  
 Đóng vai liên lạc về miền Yên-đăng,  
 Yên-giao tìm gặp, thưa rằng: 1991  
 “Gia-cước cư ngụ Lã-bàng tới nay,  
 Trời cho hào tử, hào tài,  
 Lương hào đại phát, đã sai tôi về,  
 Trình cho anh cả mọi bề, 1995  
 Mong lòng chiếu cố, tràn trề tình thương”.  
 Gia-nhơn trở lại phân tường;  
 “Yên-giao, đỉnh tráng lên đường bốn trăm,  
 Gọi là đón tiếp bào thân”.  
 Nghe qua, Gia-cước tâm thần hoảng kinh.

**Bản văn Kinh thánh**

thì trại còn lại có thể thoát.”<sup>10</sup> Ông Gia-cóp cầu nguyện: “Lạy Thiên Chúa của tổ phụ con là ông Áp-ra-ham, Thiên Chúa của cha con là ông I-xa-ác, lạy Đức Chúa, Đấng đã phán bảo con: “Hãy trở về xứ sở, về với họ hàng người, và Ta sẽ đối xử nhân hậu với người”,<sup>11</sup> con bé nhỏ, đâu xứng với tất cả mọi ân huệ và tất cả lòng thành tín mà Ngài đã tỏ cho tôi tớ Ngài đây. Thật vậy, khi qua sông Gio-đan, con chỉ có cây gậy, thế mà giờ đây đã thành ra hai trại.<sup>12</sup> Xin giải thoát con khỏi tay anh con, khỏi tay anh Ê-xau, vì con sợ anh ấy, sợ anh ấy đến đánh chúng con, đánh cả mẹ lẫn con.<sup>13</sup> Chính Ngài đã phán với con: “Ta sẽ đối xử rất nhân hậu với người, và sẽ làm cho dòng dõi người nên nhiều như cát ngoài biển, không thể đếm được vì quá đông.”<sup>14</sup> Ông nghỉ đêm tại đó. Rồi ông lấy một phần của cải tay ông đã làm ra, để làm tặng phẩm biếu ông Ê-xau, anh ông: <sup>15</sup> hai trăm dê cái và hai mươi dê đực, hai trăm chiên cái và hai mươi chiên đực, <sup>16</sup> ba mươi lạc đà cái đang cho bú và con của chúng, bốn mươi bò cái và mười bò đực, hai mươi lừa cái và mười lừa con.<sup>17</sup> Ông giao từng đàn vật riêng rẽ cho các đầy tớ và bảo họ: “Các

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Bèn chia hai tốp lộ trình, 2001

<sup>8</sup> Nếu trước bị đánh, dễ gìn tốp sau.

<sup>9</sup> Đồng thời tha thiết nguyện cầu:

“Ơn trên che chở, việc đâu cũng lành.

Trời là Chúa của Bá-lâm, 2005

Chúa của Y-giac phụ thân tớ hèn.

Ngày nào Trời có lời khuyên,

Tớ về bồn quán được yên mọi bề.

<sup>10</sup> Nghĩ thân kém cỏi tài nghề,

Ra đi đơn độc, trở về thậm đông.

<sup>11</sup> Cúi xin khỏi họa diệt vong, 2011

Yến-giao sát phạt, vợ con điêu tàn.

<sup>12</sup> Nhớ xưa Trời đã hứa rằng,

Sẽ cho dòng dõi tớ ngang sao trời.”

<sup>13</sup> Đêm nằm nghĩ tới, nghĩ lui, 2015

Phải đem hiện vật tới nơi làm quà.

Tặng mừng ra mắt đại ca:

<sup>14</sup> Trước là hai chục lạc đà có con,

Bốn mươi bò cái no tròn,

Hai chục bò đực sức còn hung hăng.

**Bản Paulus Tọa**

Bèn chia hai tốp lộ trình, 2001

<sup>8</sup> Nếu trước bị đánh, dễ gìn tốp sau.

<sup>9</sup> Đồng thời tha thiết nguyện cầu,

Ơn trên che chở việc đâu cũng lành.<sup>a</sup>

Trời là Chúa của Áp-ram, 2005

Chúa của I-giac phụ thân tớ hèn.

Ngày nào Trời có lời khuyên,

Tớ về bồn quán được yên mọi bề.

<sup>10</sup> Nghĩ thân kém cỏi tài nghề,

Ra đi đơn độc, trở về thậm đông.

<sup>11</sup> Cúi xin khỏi họa diệt vong, 2011

Án-giao sát phạt, vợ con điêu tàn.

<sup>12</sup> Nhớ xưa Trời đã hứa rằng:

Sẽ cho dòng dõi tớ ngang sao trời.<sup>b</sup>

<sup>13</sup> Đêm nằm nghĩ tới nghĩ lui, 2015

Phải đem hiện vật đến nơi làm quà.

Tặng mừng ra mắt đại ca:

<sup>14</sup> Trước là hai chục lạc đà có con;

Bốn mươi bò cái no tròn,

Hai chục bò đực sức còn hung hăng;

**Bản phục chế đề nghị**

Bèn chia hai tốp lộ trình, 2001

Nếu trước bị đánh, dễ gìn tốp sau.

Đồng thời tha thiết nguyện cầu:

“Ơn trên che chở, việc đâu cũng lành.

Trời là Chúa của Bá-lâm, 2005

Chúa của Y-giac phụ thân tớ hèn.

Ngày nào Trời có lời khuyên,

Tớ về bồn quán được yên mọi bề.

<sup>10</sup> Nghĩ thân kém cỏi tài nghề,

Ra đi đơn độc, trở về thậm đông.

<sup>11</sup> Cúi xin khỏi họa diệt vong, 2011

Yến-giao sát phạt, vợ con điêu tàn.

<sup>12</sup> Nhớ xưa Trời đã hứa rằng,

Sẽ cho dòng dõi tớ ngang sao trời.”

<sup>13</sup> Đêm nằm nghĩ tới, nghĩ lui, 2015

Phải đem hiện vật tới nơi làm quà.

Tặng mừng ra mắt đại ca:

<sup>14</sup> Trước là hai chục lạc đà có con,

Bốn mươi bò cái no tròn,

Hai chục bò đực sức còn hung hăng.

<sup>a</sup> Gia-cốc vừa theo sự khôn ngoan, sắp xếp công việc của mình, vừa cầu xin Thiên Chúa phù hộ, không tự đắc hoặc đánh liều. Đúng như tinh thần người Á đông xưa có câu: phối thiên hành sự, như thử thành công. Cùng với trời làm việc, thế nào cũng thành công.

<sup>b</sup> Cây vì lời hứa bảo đảm của Thiên Chúa về dòng dõi tăng gia, thì xin Người giúp cho con cái mình khỏi bị thiệt hại.

**Bản văn Kinh thánh**

anh hãy đi trước tôi và để một khoảng cách giữa mỗi đàn vật.”<sup>18</sup> Ông truyền cho người đầy tớ thứ nhất rằng: “Khi ông Ê-xau, anh tôi, gặp anh và hỏi: “Anh là người của ai? Anh đi đâu? Đàn vật đi trước anh là của ai?”<sup>19</sup> thì anh trả lời: “Của tôi tớ ngài là ông Gia-cóp. Đây là tặng phẩm ông ấy gửi biếu ngài Ê-xau, còn chính ông thì đang đi đằng sau chúng tôi.”<sup>20</sup> Ông cũng truyền cho người thứ hai, người thứ ba, rồi cho tất cả những người đi sau các đàn vật, rằng: “Các anh hãy dùng những lời lẽ ấy mà thưa với ông Ê-xau, khi các anh gặp ông; <sup>21</sup> các anh hãy nói: “Tôi tớ ngài là ông Gia-cóp cũng đi đằng sau chúng tôi.” Thật vậy, ông tự nhủ: “Ta cho tặng phẩm này đi trước để làm cho anh ấy nguôi giận; sau đó ta sẽ giáp mặt anh ấy và may ra anh ấy sẽ nể ta.”<sup>22</sup> Tặng phẩm đi trước, còn chính ông nghỉ lại đêm ấy trong trại.  
<sup>23</sup> Đêm đó, ông Gia-cóp dậy, đem theo hai bà vợ, hai người nữ tỳ và mười một đứa con, và ông lội qua sông Giáp-bốc.<sup>24</sup> Ông đem họ theo, đưa họ qua sông, rồi đưa tài sản của ông qua.<sup>25</sup> Ông Gia-cóp ở lại một mình.  
Có một người vật lộn với ông cho đến lúc rạng đông.<sup>26</sup> Thấy không

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>15</sup> Chiên, dê, mỗi thứ hai trăm, 2021

Kèm hai chục đực thành phần đang tơ;

Cộng thêm ba chục con lừa,

<sup>16</sup> Giao cho đầy tớ dắt đưa từng bầy.

<sup>17</sup> Dặn rằng: “Ai hỏi? Cứ khai: 2025

<sup>18</sup> Món quà Gia-cước tặng ngài Yén-giao,

Người còn lục đục đi sau,

Với nhiều đoàn vật theo nhau dài dài.

<sup>19</sup> Trả lời như vậy chớ sai...”

Gia-cước tự nhủ như vậy sẽ xuôi,<sup>a</sup>

<sup>20</sup> Anh mình nhận lễ ất nguôi, 2031

<sup>21</sup> Cho nên vững dạ, nghỉ ngơi trong lều.

<sup>22</sup> Canh tư sương xuống lạnh nhiều,

Người đưa quyền thuộc,<sup>23</sup> chờ theo gia tài.

Qua khe Đá-bạc<sup>b</sup> nước đầy, 2035

<sup>24</sup> Còn người ở lại rạng ngày sẽ đi.

Bỗng đâu một tướng phương phi,<sup>c</sup>

Tới ôm cổ vật, níu ghì tay đôi,

Gia-cước vật mãi không thôi,

<sup>25</sup> Người kia muốn thoát vì trời rạng đông.

<sup>a</sup> An-nam có câu tục ngữ: “Cao lễ dễ thưa, nhiều dứa bánh bèo”.

<sup>b</sup> Đá-bạc, là ngữ Jaboc, tên một nhánh sông nhỏ do từ sông cái Giu-dong, chảy ngang qua vùng này.

<sup>c</sup> Một vị thiên thần Chúa sai đến thử nghị lực của Gia-cước.

**Bản Paulus Tạc**

<sup>15</sup> Chiên dê mỗi thứ hai trăm, 2021

Kèm hai chục đực thành phần đang tơ;

Cộng thêm ba chục con lừa,

<sup>16</sup> Giao cho đầy tớ dắt đưa từng bầy.<sup>a</sup>

<sup>17</sup> Dặn rằng: ai hỏi, cứ khai: 2025

<sup>18</sup> Món quà Gia-cước tặng ngài Án-giao.

Người còn lục đục đi sau,

Các đoàn người khác theo nhau dài dài.

<sup>19</sup> Trả lời như vậy chớ sai,

Gia-cước tự nhủ thế này sẽ xuôi.

<sup>20</sup> Án-giao nhậm lễ sẽ nguôi, 2031

<sup>21</sup> Cho nên vững dạ nghỉ ngơi trong lều.

<sup>22</sup> Canh tư sương xuống lạnh nhiều,

Người đưa gia quyến,<sup>23</sup> chờ theo gia tài.

Qua khe Đá-bạc<sup>b</sup> nước đầy, 2035

<sup>24</sup> Còn người ở lại rạng ngày sẽ đi.

Bỗng đâu một tướng phương phi,

Đến ôm cổ vật, níu ghì tay đôi.

Gia-cước vật mãi không thôi,

<sup>25</sup> Người kia muốn thoát vì trời rạng đông,

<sup>a</sup> Cách thức Gia-cước nghĩ ra không khác nào tâm lý chung của người đời. Ngày xưa ở Việt Nam có câu:

“Tị hiềm mặc kệ - Cao lễ dễ thưa.

Từ nhà dò đến triều vua,

Đa kim ngân phá luật lệ.”

(Nhà dò hay là dò làng, là trụ sở của hương chức làng họp nhau).

<sup>b</sup> Đá-bạc: Jaboc, một phụ lưu nhỏ của sông Giu-dong.

**Bản phục chế đề nghị**

Chiên dê mỗi thứ hai trăm, 2021

Kèm hai chục đực thành phần đang tơ.

Cộng thêm ba chục con lừa,

Giao cho đầy tớ dắt đưa từng bầy.

Dặn rằng: “Ai hỏi? Cứ khai: 2025

Món quà Gia-cước tặng ngài Yén-giao,

Người còn lục đục đi sau,

Với nhiều đoàn vật theo nhau dài dài.

Trả lời như vậy chớ sai...”

Gia-cước tự nhủ như vậy sẽ xuôi,

Anh mình nhận lễ ất nguôi, 2031

Cho nên vững dạ, nghỉ ngơi trong lều.

Canh tư sương xuống lạnh nhiều,

Người đưa quyền thuộc, chờ theo gia tài.

Qua khe Đá-bạc nước đầy, 2035

Còn người ở lại rạng ngày sẽ đi.

Bỗng đâu một tướng phương phi,

Tới ôm cổ vật, níu ghì tay đôi,

Gia-cước vật mãi không thôi,

Người kia muốn thoát vì trời rạng đông.



**Bản văn Kinh thánh**

thắng được ông, người đó bèn đánh vào khớp xương hông của ông, và khớp xương hông của ông Gia-cóp bị trật đang khi ông vật lộn với người đó. <sup>27</sup> Người đó nói: “Buông ta ra, vì đã rạn đông rồi.” Nhưng ông đáp: “Tôi sẽ không buông ngài ra, nếu ngài không chúc phúc cho tôi.” <sup>28</sup> Người đó hỏi ông: “Tên người là gì?” Ông đáp: “Tên tôi là Gia-cóp.” <sup>29</sup> Người đó nói: “Người ta sẽ không gọi tên người là Gia-cóp nữa, nhưng là Ít-ra-en, vì người đã đấu với Thiên Chúa và với người ta, và người đã thắng.” <sup>30</sup> Ông Gia-cóp hỏi: “Xin cho tôi biết tên ngài.” Người đó nói: “Sao người lại hỏi tên ta?” Và người đó chúc phúc cho ông tại đây.

<sup>31</sup> Ông Gia-cóp đặt tên cho nơi đó là Pơ-nu-ên, “vì -ông nói- tôi đã thấy Thiên Chúa mặt đối mặt, mà tôi đã được tha mạng.” <sup>32</sup> Khi mặt trời mọc, ông đi khập khiễng vì bị trật xương hông. <sup>33</sup> Bởi thế, con cái Ít-ra-en, cho đến nay, không ăn cái gân đùi ở khớp xương hông, vì người đó đã đánh vào khớp xương hông của ông Gia-cóp, vào gân đùi.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Lẹ làng điếm huyết <sup>a</sup> cho xong, 2041

Gia-cước té xuống nhưng không chịu hoà.

<sup>26</sup> Người kia bảo: “... hãy buông ra.”

Gia-cước bám chặt: “... chúc ta lờ lảnh.”

<sup>27</sup> Người rằng: “... cho biết tính danh?” 2045

“Tôi là Gia-cước bình sanh chẵn bầy.”

<sup>28</sup> Người rằng : “... phải kể từ nay,

Gia-cước đổi lại tên này: Yết-linh. <sup>b</sup>

Vì người quấy động thiên đình,

Để gì thiên hạ dám kinh với người.”

<sup>29</sup> Gia-cước xin biết: tên Người? 2051

Đáp-rằng: “... Sao lại chòi mòi chi danh.

Đoạn người cả tiếng chúc lành,

Gia-cước nhìn lại, vắng tanh bốn bề,

<sup>30</sup> Thâm nghiêm địa cảnh sơn khê, 2055

Gia-cước ứng khẩu danh đề: Phá-nguyên. <sup>c</sup>

Vì xem Thượng-đế nhãn tiền,

Thế mà sinh mạng vẫn yên như thường.

<sup>31</sup> Mặt trời mọc khỏi đầu non,

Gia-cước cả nhắc một chơn lên đàng,

<sup>32</sup> Tích này còn thấy trong dân, 2061

Giu-dêu kiêng cử ăn gân chiên cừ.

<sup>a</sup> Từ của bộ môn võ nghệ, đánh vào chỗ nghiệp đối thủ. Gia cước bị điếm huyết nên xeo đùi, đi cả nhắc.  
<sup>b</sup> Yết-linh, la ngữ Israel, có nghĩa là dám kinh chống với Trời, tác giả ngụ ý ám dịch Yết-linh có ý nói đã yết kiến thần linh.  
<sup>c</sup> Đặt tên cho chỗ vật lộn này, là Phá-nguyên, la ngữ phanuel, có nghĩa là đã tiếp xúc với Trời.

**Bản Paulus Tọa**

Lẹ làng điếm huyết cho xong, 2041

Gia-cước té xuống nhưng không chịu hòa.

<sup>26</sup> Người kia bảo: “Hãy buông ra!”

Gia-cước bám chặt: “Chúc ta lờ lảnh!”

<sup>27</sup> Người rằng: “Cho biết tính danh.” 2045

“Tôi là Gia-cước bình sanh chẵn bầy.”

<sup>28</sup> Người rằng: “Phải kể từ nay,

Gia-cước đổi lại tên này Yết-linh <sup>a</sup>

Vì người quấy động thiên đình,

Để gì thiên hạ dám kinh với người.”

<sup>29</sup> Gia-cước: Xin biết tên người? 2051

Đáp rằng: Sao lại chòi mòi <sup>b</sup> chi danh.

Đoạn người cả tiếng chúc lành,

Gia-cước nhìn lại vắng tanh bốn bề.

<sup>30</sup> Thâm nghiêm địa cảnh sơn khê, 2055

Gia-cước ứng khẩu danh đề “Phàn-nguyên.” <sup>c</sup>

Vì xem Thượng đế nhãn tiền,

Thế mà sinh mạng vẫn yên như thường.

<sup>31</sup> Mặt trời mọc khỏi đầu non,

Gia-cước cả nhắc <sup>d</sup> một chơn lên đàng.

<sup>32</sup> Tích này còn thấy trong dân, 2061

Giu-dêu kiêng cử ăn gân chiên cừ.

<sup>a</sup> Yết-linh: Israel, về sau gọi I-sa-ra-e (Do-thái)  
<sup>b</sup> Chòi mòi: tò mò, tọc mạch, muốn biết sự không đáng biết.  
<sup>c</sup> Phàn-nguyên: Phanuel, được thấy Thiên Chúa mà mạng vẫn còn.  
<sup>d</sup> Cả nhắc: đi như chân thấp chân cao, cả thọt.

**Bản phục chế đề nghị**

Lẹ làng điếm huyết cho xong, 2041

Gia-cước té xuống nhưng không chịu hoà.

Người kia bảo: “... hãy buông ra.”

Gia-cước bám chặt: “... chúc ta lờ lảnh.”

Người rằng: “... cho biết tính danh?” 2045

“Tôi là Gia-cước bình sanh chẵn bầy.”

Người rằng : “... phải kể từ nay,

Gia-cước đổi lại tên này: Yết-linh.

Vì người quấy động thiên đình,

Để gì thiên hạ dám kinh với người.”

Gia-cước xin biết: tên Người? 2051

Đáp-rằng: “... Sao lại chòi mòi chi danh.

Đoạn người cả tiếng chúc lành,

Gia-cước nhìn lại, vắng tanh bốn bề,

Thâm nghiêm địa cảnh sơn khê, 2055

Gia-cước ứng khẩu danh đề: Phá-nguyên.

Vì xem Thượng-đế nhãn tiền,

Thế mà sinh mạng vẫn yên như thường.

Mặt trời mọc khỏi đầu non,

Gia-cước cả nhắc một chơn lên đàng,

Tích này còn thấy trong dân, 2061

Giu-dêu kiêng cử ăn gân chiên cừ.

<sup>1</sup> Ông Gia-cóp ngược mắt lên, thấy ông Ê-xau đang tiến đến, có bốn trăm người đi cùng. Ông Gia-cóp bèn chia các con cho bà Lê-a, bà Ra-khen và hai người nữ tỳ. <sup>2</sup> Ông xếp các nữ tỳ với con của họ đi đầu, bà Lê-a với con bà đi sau, bà Ra-khen với Giu-se đi sau chót. <sup>3</sup> Còn ông thì vượt lên phía trước họ và sụp xuống đất lạy bảy lần trước khi đến gần anh mình. <sup>4</sup> Ông Ê-xau chạy lại đón em, ôm chầm lấy, bá cổ mà hôn, rồi cả hai cùng khóc. <sup>5</sup> Ngược mắt lên, ông Ê-xau thấy đám đàn bà con trẻ thì hỏi: “Những người kia là ai đối với chú?” Ông Gia-cóp trả lời: “Đó là những đứa con Thiên Chúa đã thương ban cho tôi tớ ngài.” <sup>6</sup> Bấy giờ hai người nữ tỳ cùng với các con của họ đến gần và sụp xuống lạy. <sup>7</sup> Đến lượt bà Lê-a cùng với các con của bà đến gần và sụp xuống lạy. Sau đó Giu-se và bà Ra-khen cũng đến gần và sụp xuống lạy.

<sup>1</sup> Xa xa cát bụi mịt mù,  
Yến-giao, đình tráng lù lù hiện ra.  
Gia-cước nhìn biết đại ca 2065  
Vội vàng xếp đặt vợ và các con:  
<sup>2</sup> Hai nàng hầu tiến tiên phuông,  
Lệ-anh đi giữa, La-cương sau cùng,  
Con ai thì nấy bé bỏng  
<sup>3</sup> Còn mình chậm chậm vừa trông anh mình.  
Thất bộ thất bát tận tình, 2071  
<sup>4</sup> Yến-giao xúc động “Đệ huynh nhứt bào”.<sup>a</sup>  
Lệ làng chạy đến ôm nhau,  
Nghẹn ngào lời nói, tuôn trào giọt châu.  
<sup>5</sup> Anh em siết chặt giây lâu, 2075  
Buông ra, anh hỏi: “... ai đâu đông vậy?”  
Thưa rằng: “... trình diện anh hay,  
Đây là thê tử, phước này Trời ban.”  
<sup>6</sup> Các con theo mẹ tới gần,  
Nàng hầu kính vái, Lệ-anh bái chào,  
<sup>7</sup> La-cương, Du-tiếp cúi đầu, 2081  
Thưa anh, lạy bác, Yến-giao lạng nhìn.

<sup>a</sup> Đệ huynh nhứt bào, là anh em cùng chung một bào thai, tức là anh em sinh đôi. Gia-cước đi, cứ một bước thì lạy một lạy, lạy bảy lần như vậy khiến người anh xúc động.

<sup>1</sup> Xa xa cát bụi mịt mù,  
**Án-giao**, đình tráng lù lù hiện ra.  
Gia-cước nhìn biết đại ca, 2065  
Vội vàng xếp đặt vợ và các con:  
<sup>2</sup> Hai nàng hầu tiến tiên phuông,  
Lệ-anh đi giữa, La-cương sau cùng.  
Con ai thì nấy bé bỏng;  
<sup>3</sup> Còn mình chậm chậm vừa trông anh mình.  
Thất bộ, thất bát<sup>a</sup> tận tình, 2071  
<sup>4</sup> **Án-giao** xúc động “Đệ huynh nhứt bào.”<sup>b</sup>  
Lệ làng chạy đến ôm nhau,  
Nghẹn ngào lời nói, tuôn trào giọt châu.  
<sup>5</sup> Anh em siết chặt giây lâu, 2075  
Buông ra, anh hỏi: “Ai đâu đông vậy?”  
Thưa rằng, trình diện **huynh** hay,  
Đây là thê tử, phước này Trời ban.  
<sup>6</sup> Các con theo mẹ đến gần,  
Nàng hầu kính vái, Lệ-anh bái chào.  
<sup>7</sup> La-cương, **Du-tiếp** cúi đầu, 2081  
Thưa anh<sup>c</sup>, lạy bác<sup>d</sup> **Án-giao** lạng nhìn.

<sup>a</sup> Mỗi bước một lạy ... đến bảy bước như thế, làm cho tượng đá cũng xiêu lòng.

<sup>b</sup> Anh em cùng một bào thai (anh em sinh đôi).

<sup>c</sup> Các em đâu thì lễ phép chào anh.

<sup>d</sup> Các cháu thì khúm núm lạy bác.

### GIA-CƯỚC HẾT LÒNG YẾN-GIAO VUI ĐẠ

Xa xa cát bụi mịt mù,  
Yến-giao, đình tráng lù lù hiện ra.  
Gia-cước nhìn biết đại ca 2065  
Vội vàng xếp đặt vợ và các con:  
Hai nàng hầu tiến tiên phuông,  
Lệ-anh đi giữa, La-cương sau cùng,  
Con ai thì nấy bé bỏng  
Còn mình chậm chậm vừa trông anh mình.  
Thất bộ thất bát tận tình, 2071  
Yến-giao xúc động “Đệ huynh nhứt bào”.  
Lệ làng chạy đến ôm nhau,  
Nghẹn ngào lời nói, tuôn trào giọt châu.  
Anh em siết chặt giây lâu, 2075  
Buông ra, anh hỏi: “... ai đâu đông vậy?”  
Thưa rằng: “... trình diện anh hay,  
Đây là thê tử, phước này Trời ban.”  
Các con theo mẹ tới gần,  
Nàng hầu kính vái, Lệ-anh bái chào,  
La-cương, Du-tiếp cúi đầu, 2081  
Thưa anh, lạy bác, Yến-giao lạng nhìn.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>8</sup> Ông Ê-xau hỏi: “Tất cả trại tôi vừa gặp kia, chú tính để làm gì đó?” Ông Gia-cóp trả lời: “Là để tôi được đẹp lòng ngài.”<sup>9</sup> Ông Ê-xau nói: “Tôi có nhiều rồi, chú ạ! Cái gì của chú, chú cứ giữ lấy.”<sup>10</sup> Ông Gia-cóp nói: “Không đâu! Nếu tôi được đẹp lòng ngài, thì xin ngài nhận tặng phẩm tỵ tay tôi biểu. Thật vậy, tôi đã nhìn thấy mặt ngài như nhìn thấy mặt Thiên Chúa, và ngài đã tỏ lòng thương đối với tôi.<sup>11</sup> Xin ngài nhận lấy món quà đưa đến để cầu phúc cho ngài, vì Thiên Chúa đã thương ban cho tôi và tôi có đủ mọi sự.” Ông nài ép, và ông Ê-xau đã nhận.

<sup>12</sup> Ông Ê-xau nói: “Nào chúng ta lên đường, tôi sẽ đi trước chú.”<sup>13</sup> Ông Gia-cóp trả lời: “Ngài biết là lũ trẻ thì yếu ớt, còn tôi phải lo cho đám chiên và bò đang cho con bú; nếu hối thúc chúng, dù một ngày thôi, thì chiên dê sẽ chết hết.”<sup>14</sup> Vậy xin ngài cứ vượt lên phía trước tôi tớ ngài; phần tôi, tôi sẽ đi chậm chậm, theo chân đàn vật đi trước

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>8</sup> Lại rằng: “... bày vật béo xinh,  
Tốp người đem đến đón anh thế nào?”  
“Đó là quà mọn đệ trao, 2085  
Mong anh khứng nhận buổi đầu gặp nhau.”  
<sup>9</sup> “Này em, anh quá dồi dào,  
Của em gọi lại, về sau cháu dùng.”  
<sup>10</sup> “Thưa anh, há dám bắt trung,  
Nếu anh thương đệ xin đừng từ nan,  
Đòi em còn thấy mặt anh, 2091  
Kể như phước lớn Trời ban lúc này.  
Xin anh chớ phụ lòng đây,  
Phước dư tổ phụ em gầy dựng lên.  
<sup>11</sup> Cửa này cũng bởi ơn trên, 2095  
Cho anh sung túc, cho em dư tràn.”  
Gia-cước nài nỉ nhiều lần,  
Yến-giao phải nhận, hân hoan mọi người.  
<sup>12</sup> Sau đó, anh cả kêu mời,  
Đoàn người Gia-cước đồng thời đi chung.  
<sup>13</sup> Thưa rằng: “... anh xét lại giùm, 2101  
Đoàn nhiều trẻ dại khó lòng mau chơn,  
Các bày còn lắm nghé non,  
Nếu đi nhanh chóng không trông an toàn.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>8</sup> Lại rằng: “bày vật béo xinh  
Đoàn người đem đến đón anh thế nào?”  
“Đó là quà mọn đệ trao, 2085  
Mong anh khấng nhậm buổi đầu gặp nhau.”  
<sup>9</sup> “Này em, anh quá dồi dào,  
Của em gọi lại, về sau cháu dùng.”  
<sup>10</sup> “Thưa anh, há dám bắt trung,  
Nếu anh thương đệ xin đừng từ nan.  
Đòi em còn thấy mặt anh, 2091  
Kể như phước lớn Trời ban lúc này.  
Xin anh chớ phụ lòng đây,  
Phước dư tổ phụ em gầy dựng nên.  
<sup>11</sup> Cửa này cũng bởi ơn trên, 2095  
Cho anh sung túc, cho em dư tràn.”<sup>a</sup>  
Gia-cước nài nỉ nhiều lần,  
Án-giao phải nhận, hân hoan mọi người.  
<sup>12</sup> Sau đó, anh cả kêu mời,  
Đoàn người Gia-cước đồng thời đi chung.  
<sup>13</sup> Thưa rằng: anh xét lại giùm, 2101  
Đoàn nhiều trẻ dại khó lòng mau chơn.  
Các bày còn lắm nghé non,<sup>b</sup>  
Nếu đi nhanh chóng không trông an toàn.

<sup>a</sup> Dâu cho của cải của anh, hay là sản nghiệp của em, thì đều do Thiên Chúa ban cho vì công đức của tổ phụ.  
<sup>b</sup> Gọi chung một số súc vật mới đẻ, đi đứng chưa vững, nếu đi lẹ quá sợ e hồng mắt.

**Bản phục chế đề nghị**

Lại rằng: “... bày vật béo xinh,  
Tốp người đem đến đón anh thế nào?”  
“Đó là quà mọn đệ trao, 2085  
Mong anh khứng nhận buổi đầu gặp nhau.”  
“Này em, anh quá dồi dào,  
Của em gọi lại, về sau cháu dùng.”  
“Thưa anh, há dám bắt trung,  
Nếu anh thương đệ xin đừng từ nan,  
Đòi em còn thấy mặt anh, 2091  
Kể như phước lớn Trời ban lúc này.  
Xin anh chớ phụ lòng đây,  
Phước dư tổ phụ em gầy dựng lên.  
Cửa này cũng bởi ơn trên, 2095  
Cho anh sung túc, cho em dư tràn.”  
Gia-cước nài nỉ nhiều lần,  
Yến-giao phải nhận, hân hoan mọi người.  
Sau đó, anh cả kêu mời,  
Đoàn người Gia-cước đồng thời đi chung.  
Thưa rằng: “... anh xét lại giùm, 2101  
Đoàn nhiều trẻ dại khó lòng mau chơn,  
Các bày còn lắm nghé non,  
Nếu đi nhanh chóng không trông an toàn.

**Bản văn Kinh thánh**

và theo chân lũ trẻ, cho tới khi đến với ngài tại Xê-ia.”<sup>15</sup> Ông Ê-xau nói: “Tôi muốn để ít người trong số người đi với tôi ở lại với chú.” Ông Gia-cóp trả lời: “Như thế để làm gì? Tôi chỉ mong được đẹp lòng ngài thôi!”<sup>16</sup> Ngày đó, ông Ê-xau trở về Xê-ia.<sup>17</sup> Phần ông Gia-cóp thì lên đường đi Xúc-cốt. Ở đó ông dựng nhà và làm những lều bằng cành cây cho súc vật, bởi thế, ông đặt tên cho nơi này là Xúc-cốt.

<sup>18</sup> Khi ở Pát-đan A-ram về, ông Gia-cóp đến thành Si-khem, trong đất Ca-na-an, bình an vô sự, và ông cắm trại đối diện với thành.<sup>19</sup> Ông tậu của con cái ông Kha-mo, cha của Si-khem, một thửa đất, nơi ông đã căng lều, với giá một trăm đồng bạc.<sup>20</sup> Tại đây, ông dựng một bàn thờ mà ông gọi là “En, Thiên Chúa của Ít-ra-en.”

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>14</sup> Xin anh về trước thẳng đàng, 2105  
Đề em ở lại cùng đoàn theo sau.

Đĩ-yên<sup>a</sup> hẹn một ngày nào,  
Cùng anh chung sống, nghèo giàu có nhau.”

<sup>15</sup> Rằng: “... em Gia-cước nghĩa sao,  
Anh cho đình tráng theo hầu giúp em?”

“Thưa anh, hãy để tự nhiên, 2111  
Miễn anh chiếu cố, em yên nổi lòng.”

<sup>16</sup> Yén-giao lẳng lẳng lên đường,  
Xót người máu mủ phong sương bấy chầy.

<sup>17</sup> Tuần trăng hết khuyết lại đầy, 2115  
Chuyển bầy súc vật bao ngày khó khăn.

<sup>18</sup> Từ khi rời bỏ Mạch-tam,  
Sĩ-kiên nay đến trước thành dừng chon.

<sup>19</sup> Đến cùng tộc trưởng Hà-môn,<sup>b</sup>  
Xin mua thửa đất tính hơn trăm đồng.

Dựng lên lều, bạt, trại, chuồng, 2121  
Gọi là Sở-cuộc,<sup>c</sup> cánh đồng tốt tươi.

<sup>20</sup> Khu này, Gia-cước chọn nơi,  
Lập đàn thượng tế Chúa Trời quyền vinh.

Vốn là Chúa của Yết-linh,<sup>d</sup> 2125  
Bốn mùa hiến tế, tỏ tình tri ân.

<sup>a</sup> Đĩ-yên là ngữ Seir  
<sup>b</sup> Hà-môn là ngữ Hamor  
<sup>c</sup> Sở-cuộc, là ngữ Socoth.  
<sup>d</sup> Chúa của Yết-linh, là ngữ Deus Israel.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>14</sup> Xin anh về trước thẳng đàng, 2105  
Đề em ở lại cùng đoàn theo sau.

Đĩ-yên<sup>a</sup> hẹn một ngày nào,  
Cùng anh chung sống, nghèo giàu có nhau.

<sup>15</sup> Rằng: “Em Gia-cước nghĩ sao  
Anh cho đình tráng theo hầu giúp em?”

“Thưa anh hãy để tự nhiên, 2111  
Miễn anh chiếu cố, em yên nổi lòng.”

<sup>16</sup> Án-giao lẳng lẳng lên đường,  
Xót người máu mủ phong sương bấy chầy!

<sup>17</sup> Tuần trăng hết khuyết lại đầy, 2115  
Chuyển bầy súc vật bao ngày khó khăn,

<sup>18</sup> Từ khi rời bỏ Mạch-tam  
Sĩ-kiên nay đến trước thành dừng chon.

<sup>19</sup> Đến cùng tộc trưởng Hà-môn,<sup>b</sup>  
Xin mua thửa đất tính hơn trăm đồng.<sup>c</sup>

Dựng lên lều bạt trại chuồng, 2121  
Gọi là Sở-cuộc<sup>d</sup> cánh đồng tốt tươi.

Khu này Gia-cước chọn nơi,  
<sup>20</sup> Lập đàn thượng tế Chúa Trời quyền vinh.

Vốn là Chúa của Yết-linh,<sup>e</sup> 2125  
Bốn mùa hiến tế tỏ tình tri ân.

<sup>a</sup> Đĩ-yên: Seir. Chữ yên có nơi viết là an (Đĩ-an) để ăn vận. Đĩ-yên là nơi Án-giao đang lập nghiệp.  
<sup>b</sup> Hà-môn: Hémor.  
<sup>c</sup> Nói đơn vị tiền bạc cho dễ hiểu, thời đó đổi một trăm con chiên.  
<sup>d</sup> Sở-cuộc: Socoth, có nghĩa như dinh trại.  
<sup>e</sup> Chúa của Yết-linh: Deus Israel, Thiên Chúa vạn năng, quyền phép vô cùng. Thiên Chúa của chúng tộc được lựa chọn: dân Israel.

**Bản phục chế đề nghị**

Xin anh về trước thẳng đàng, 2105  
Đề em ở lại cùng đoàn theo sau.

Đĩ-yên hẹn một ngày nào,  
Cùng anh chung sống, nghèo giàu có nhau.”

Rằng: “... em Gia-cước nghĩa sao,  
Anh cho đình tráng theo hầu giúp em?”

“Thưa anh, hãy để tự nhiên, 2111  
Miễn anh chiếu cố, em yên nổi lòng.”

Yén-giao lẳng lẳng lên đường,  
Xót người máu mủ phong sương bấy chầy.

Tuần trăng hết khuyết lại đầy, 2115  
Chuyển bầy súc vật bao ngày khó khăn.

Từ khi rời bỏ Mạch-tam,  
Sĩ-kiên nay đến trước thành dừng chon.

Đến cùng tộc trưởng Hà-môn,  
Xin mua thửa đất tính hơn trăm đồng.

Dựng lên lều, bạt, trại, chuồng, 2121  
Gọi là Sở-cuộc, cánh đồng tốt tươi.

Khu này, Gia-cước chọn nơi,  
Lập đàn thượng tế Chúa Trời quyền vinh.

Vốn là Chúa của Yết-linh. 2125  
Bốn mùa hiến tế, tỏ tình tri ân.

<sup>1</sup>Đi-na, người con gái bà Lê-a đã sinh cho ông Gia-cóp, đi ra xem các con gái xứ ấy. <sup>2</sup>Si-khem, con trai ông Kha-mo, người Khi-vi, đầu mục xứ ấy, trông thấy thì bắt cô, rồi cưỡng ép cô ăn nằm với mình. <sup>3</sup>Rồi lòng cậu quyến luyến Đi-na, con gái ông Gia-cóp; cậu yêu cô gái và âu yếm dỗ dành cô. <sup>4</sup>Si-khem thưa với ông Kha-mo, cha cậu, rằng: “Xin cha cưới cô bé ấy cho con.” <sup>5</sup>Ông Gia-cóp nghe biết Si-khem đã xâm phạm tiết hạnh của Đi-na, con gái ông, nhưng vì các con trai ông còn đang ở ngoài đồng với đàn vật của ông, nên ông làm thinh cho đến lúc họ về. <sup>6</sup>Ông Kha-mo, cha của Si-khem, ra gặp ông Gia-cóp để nói chuyện với ông. <sup>7</sup>Các con trai ông Gia-cóp ở ngoài đồng về. Vừa nghe biết chuyện, những người này bực tức và giận dữ lắm, vì Si-khem đã làm điều đồi bại trong Ít-ra-en, khi ăn nằm với con gái ông Gia-cóp, một

<sup>1</sup>Thùy-nga, con gái Lê-anh,  
 Thường hay ra phố trong thành Sĩ-kiên.  
 Một trang thực nữ hữu duyên,  
 Khiến bao con mắt thanh niên đổ dồn.  
<sup>2</sup>Con trai tộc trưởng Hà-môn, 2131  
 Hết lời quyến rũ, quyết lòng làm ngang.  
 Tung ra cường lực bắt nàng,  
 Đưa về tư thất bê bàng cưỡng hôn.  
<sup>3</sup>Cánh hoa sao khỏi ủ buồn, 2135  
 Con ong lạc lối ra tuồng nghĩa nhân.  
<sup>4</sup>Chàng bèn thưa với phụ thân,  
 Xin đem sính lễ cưới nàng Thùy-nga.<sup>a</sup>  
 Mỗi tình thắm thiết mặn mà,  
 Nếu không cưới được hoá ra lỗi lầm.  
<sup>5</sup>Gia-cước biết việc tồi tàn, 2141  
 Nhưng chờ con cái còn đang vắng nhà.  
 Làm thinh nhưng dạ xót xa,  
<sup>6</sup>Hà-môn tìm đến trình qua mấy lời  
 “Tiếc thay việc đã lỡ rồi 2145  
 Nay xin làm lại cuộc đời tốt hơn.”

<sup>a</sup>Thùy-nga (Dinah) em một mẹ với Lũ-binh, Sũ-mông, Lễ-vị, Dư đạc, Yết-kha và Da-buông.

<sup>1</sup>Thùy-nga<sup>a</sup> con gái Lê-anh,  
 Thường hay ra phố trong thành **Sĩ-kiên**.  
 Một trang thực nữ hữu duyên,  
 Khiến bao con mắt thanh niên đổ dồn.  
<sup>2</sup>Con trai tộc trưởng Hà-môn, 2131  
 Hết lời quyến rũ, quyết lòng làm ngang.  
 Tung ra cường lực bắt nàng,  
 Đưa về tư thất bê bàng cưỡng hôn.  
<sup>3</sup>Cánh hoa sao khỏi ủ buồn,  
 Con ong lạc lối ra tuồng nghĩa nhân.  
<sup>4</sup>Chàng bèn thưa với phụ thân,  
 Xin đem sính lễ cưới nàng Thùy-nga.  
 Mỗi tình thắm thiết mặn mà,  
 Nếu không cưới được hóa ra lỗi lầm.  
<sup>5</sup>Gia-cước biết việc tồi tàn, 2141  
 Nhưng chờ con cái còn đang vắng nhà.  
 Làm thinh nhưng dạ xót xa,  
<sup>6</sup>Hà-môn tìm đến trình qua mấy lời.  
 Tiếc thay việc đã lỡ rồi, 2145  
 Nay xin làm lại cuộc đời tốt hơn.

<sup>a</sup>Thùy-nga: nàng Dina.

THÙY-NGA LÂM HỌA  
TÀN SÁT SĨ-KIÊM

Thùy-nga, con gái Lê-anh,  
 Thường hay ra phố trong thành Sĩ-kiên.  
 Một trang thực nữ hữu duyên,  
 Khiến bao con mắt thanh niên đổ dồn.  
 Con trai tộc trưởng Hà-môn, 2131  
 Hết lời quyến rũ, quyết lòng làm ngang.  
 Tung ra cường lực bắt nàng,  
 Đưa về tư thất bê bàng cưỡng hôn.  
 Cánh hoa sao khỏi ủ buồn, 2135  
 Con ong lạc lối ra tuồng nghĩa nhân.  
 Chàng bèn thưa với phụ thân,  
 Xin đem sính lễ cưới nàng Thùy-nga.  
 Mỗi tình thắm thiết mặn mà,  
 Nếu không cưới được hoá ra lỗi lầm.  
 Gia-cước biết việc tồi tàn, 2141  
 Nhưng chờ con cái còn đang vắng nhà.  
 Làm thinh nhưng dạ xót xa,  
 Hà-môn tìm đến trình qua mấy lời  
 “Tiếc thay việc đã lỡ rồi 2145  
 Nay xin làm lại cuộc đời tốt hơn.”

### **Bản văn Kinh thánh**

điều không được phép làm.<sup>8</sup> Ông Kha-mo nói với họ rằng: “Si-khem, con trai tôi, phải lòng con gái các ông, xin các ông gả cô ấy cho nó.<sup>9</sup> Các ông hãy kết nghĩa thông gia với chúng tôi: các ông sẽ gả các con gái của các ông cho chúng tôi và sẽ cưới các con gái của chúng tôi về.<sup>10</sup> Các ông sẽ ở với chúng tôi, và xứ này sẽ mở ra trước mặt các ông: các ông cứ ở đây, đi lại buôn bán ở đây và tụ đất đai ở đây làm sở hữu.”<sup>11</sup> Si-khem nói với cha và anh em cô gái: “Cháu chỉ mong được đẹp lòng bác và các anh, rồi bác và các anh đòi gì, cháu cũng xin nộp.<sup>12</sup> Bác và các anh thách sính lễ quà cáp bao nhiêu, cháu cũng xin nộp như bác và các anh đòi, chỉ xin gả cô gái cho cháu.”<sup>13</sup> Khi trả lời cho Si-khem và ông Kha-mo, cha cậu, các con trai ông Gia-cóp đã dùng mưu mà nói, vì cậu đã xâm phạm tiết hạnh của Đina, em gái họ.<sup>14</sup> Họ nói với những người kia: “Chúng tôi không thể làm điều này là gả em gái chúng tôi cho một người không được cắt

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>7</sup> Các con Gia-cước ngoài đồng,  
Cũng vừa về tới, vào mừng chào cha.  
Được nghe câu chuyện xảy ra,  
Tuổi xanh máu nóng kêu la ồn ào.  
<sup>8</sup> Hà-môn lời lẽ ngọt ngào: 2151  
“Đạp dờ ai nở dao cầu chặt chơn,  
Con tôi trót dại gây hờn,  
<sup>9</sup> Giờ đây tính việc keo sơn với nàng,  
Trước là chuộc lỗi lằng loàn, 2155  
Sau làm lễ cưới rờ ràng đôi bên.  
<sup>10</sup> Ngoài ra, hai tộc kết liên,  
Chung nhau khai thác các miền phì nhiêu.  
Các cháu tài trí hơn nhiều,  
Ở đây lập nghiệp, dựng lều bán buôn.”  
<sup>11</sup> Chàng trai con của Hà-môn, 2161  
Bước ra tạ lỗi, ôn tồn lời xin:  
“Mong ơn bác với chư huynh,  
Lượng nhân che chở, niệm tình thứ tha,  
<sup>12</sup> Giúp cho sen, muống một nhà, 2165  
Cho dầu sính lễ đặt ra thế nào.  
Tớ không ngại việc thấp cao,  
Sẵn sàng gánh chịu, miễn sao đền bồi.”

### **Bản Paulus Tào**

<sup>7</sup> Các con Gia-cước ngoài đồng,  
Cũng vừa về đến vào mừng chào cha.  
Được nghe câu chuyện xảy ra,  
Tuổi xanh máu nóng kêu la ồn ào.<sup>a</sup>  
<sup>8</sup> Hà-môn lời lẽ ngọt ngào: 2151  
“Đạp dờ ai nở dao cầu chặt chơn.  
Con tôi trót dại gây hờn,  
<sup>9</sup> Giờ đây tính việc keo sơn với nàng.  
Trước là chuộc lỗi lằng loàn, 2155  
Sau làm lễ cưới rờ ràng đôi bên.  
<sup>10</sup> Ngoài ra, hai tộc kết liên,  
Chung nhau khai thác các miền phì nhiêu.  
Các cháu tài trí hơn nhiều,  
Ở đây lập nghiệp dựng lều bán buôn.”  
<sup>11</sup> Chàng trai con của Hà-môn, 2161  
Bước ra tạ lỗi, ôn tồn lời xin:  
“Mong ơn bác với chư huynh,  
Lượng nhân che chở, niệm tình thứ tha.  
<sup>12</sup> Giúp cho sen muống<sup>b</sup> một nhà, 2165  
Cho dầu sính lễ đặt ra thế nào,  
Tớ không ngại việc thấp cao,  
Sẵn sàng gánh chịu miễn sao đền bồi.”

### **Bản phục chế đề nghị**

Các con Gia-cước ngoài đồng,  
Cũng vừa về tới, vào mừng chào cha.  
Được nghe câu chuyện xảy ra,  
Tuổi xanh máu nóng kêu la ồn ào.  
Hà-môn lời lẽ ngọt ngào: 2151  
“Đạp dờ ai nở dao cầu chặt chơn,  
Con tôi trót dại gây hờn,  
Giờ đây tính việc keo sơn với nàng,  
Trước là chuộc lỗi lằng loàn, 2155  
Sau làm lễ cưới rờ ràng đôi bên.  
Ngoài ra, hai tộc kết liên,  
Chung nhau khai thác các miền phì nhiêu.  
Các cháu tài trí hơn nhiều,  
Ở đây lập nghiệp, dựng lều bán buôn.”  
Chàng trai con của Hà-môn, 2161  
Bước ra tạ lỗi, ôn tồn lời xin:  
“Mong ơn bác với chư huynh,  
Lượng nhân che chở, niệm tình thứ tha,  
Giúp cho sen, muống một nhà, 2165  
Cho dầu sính lễ đặt ra thế nào.  
Tớ không ngại việc thấp cao,  
Sẵn sàng gánh chịu, miễn sao đền bồi.”

<sup>a</sup> Các anh trai của Thủy-nga đều bực tức, lên án sự cưỡng hiếp là làm nhục cho em, mặc dầu xin cưới, nhưng việc tiến dâm hậu thú cũng là nhục nhã.

<sup>b</sup> Cha con Hà-môn đều nhận lỗi, tự xét dòng dõi mình hèn kém đã làm điều quấy.

### **Bản văn Kinh thánh**

bì, vì đối với chúng tôi, đó là một điều sỉ nhục. <sup>15</sup> Chúng tôi chỉ đồng ý với điều kiện là các ông trở nên như chúng tôi, nghĩa là cắt bì mọi đàn ông con trai. <sup>16</sup> Bây giờ chúng tôi sẽ gả các con gái của chúng tôi cho các ông và sẽ cưới các con gái của các ông về, chúng tôi sẽ ở với các ông và chúng ta sẽ thành một dân duy nhất. <sup>17</sup> Còn nếu các ông không nghe chúng tôi mà chịu cắt bì, thì chúng tôi sẽ bắt con gái chúng tôi về, và chúng tôi sẽ ra đi.” <sup>18</sup> Lời lẽ của họ vừa lòng ông Kha-mo và Si-khem, con ông Kha-mo. <sup>19</sup> Chàng trai làm ngay điều đó, không chậm trễ, vì cậu mê con gái ông Gia-cốc; cậu lại là người có uy tín nhất trong gia đình. <sup>20</sup> Ông Kha-mo và ông Si-khem, con ông, ra cửa thành nói với dân rằng: <sup>21</sup> “Những người ấy hiền hoà với chúng ta. Cứ để họ ở trong xứ, đi lại buôn bán ở đây; xứ này có đủ chỗ cho họ. Chúng ta sẽ cưới các con gái của họ về, và sẽ gả các con gái của chúng ta cho họ. <sup>22</sup> Nhưng những người ấy chỉ đồng ý ở với chúng ta để thành một dân

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>13</sup> Các con Gia-cước đáp lời:

Chúng tôi truyền thống lâu đời phải tuân.

<sup>14</sup> Cắt bì tất cả nam nhân, 2171

Nếu ai bắt phục, kể dân ngoại dòng.

<sup>15</sup> Còn ai chịu phép ấy xong,

Kể như thân tộc, sống chung bình thường.

<sup>16</sup> Quý ngài chống, hoặc bằng lòng, 2175

Ngoài ra, mọi việc là không cần bàn.

<sup>17</sup> Bằng không, hôn lễ bất thành,

Kể như nhà gái phải đành chia ly.”

<sup>18</sup> Nhà trai nghe chuyện cắt bì,

Ngắn gọn rồi lại khó gì cũng ưng.

<sup>19</sup> Bồi thương cô gái quá chừng, 2181

Bồi chàng vọng tộc, nhứt vùng hào hoa.

<sup>20</sup> Hôm sau, đại hội diễn ra,

Hà-môn tộc trưởng phát loa cửa thành:

<sup>21</sup> “Gia-cước, một tộc hiền lành, 2185

Tới đây mong được làm dân xứ này,

Nên cho quyền họ đủ đầy,

Mở mang canh tác, dựng gậy chắn nuôi.

Chớ phân kiêu ngụ hẹp hòi,

Con mình, con họ, làm sui như thường.

### **Bản Paulus Tạc**

<sup>13</sup> Các con Gia-cước đáp lời:

“Chúng tôi truyền thống lâu đời phải tuân,

<sup>14</sup> Cắt bì tất cả nam nhân, 2171

Nếu ai bắt phục kể dân ngoại dòng.

<sup>15</sup> Còn ai chịu phép ấy xong,

Kể như thân tộc sống chung bình thường.

<sup>16</sup> Quý ngài chống hoặc bằng lòng, 2175

Ngoài ra mọi việc là không cần bàn.

<sup>17</sup> Bằng không hôn lễ bất thành,

Kể như nhà gái phải đành chia ly.

<sup>18</sup> Nhà trai nghe chuyện cắt bì,

Ngắn gọn rồi lại khó gì cũng ưng. <sup>a</sup>

<sup>19</sup> Bồi thương cô gái quá chừng, 2181

Bồi chàng vọng tộc, nhứt vùng hào hoa.

<sup>20</sup> Hôm sau đại hội diễn ra

Hà-môn tộc trưởng phát loa cửa thành:

<sup>21</sup> “Gia-cước **chúng** tộc hiền lành, 2185

Đến đây mong được làm dân xứ này,

Nên cho quyền họ đủ đầy,

Mở mang canh tác, dựng gậy chắn nuôi.

Chớ phân kiêu ngụ hẹp hòi,

Con mình, con họ làm sui **bình** thường.

### **Bản phục chế đề nghị**

Các con Gia-cước đáp lời:

Chúng tôi truyền thống lâu đời phải tuân.

<sup>14</sup> Cắt bì tất cả nam nhân, 2171

Nếu ai bắt phục, kể dân ngoại dòng.

<sup>15</sup> Còn ai chịu phép ấy xong,

Kể như thân tộc, sống chung bình thường.

<sup>16</sup> Quý ngài chống, hoặc bằng lòng, 2175

Ngoài ra, mọi việc là không cần bàn.

<sup>17</sup> Bằng không, hôn lễ bất thành,

Kể như nhà gái phải đành chia ly.”

<sup>18</sup> Nhà trai nghe chuyện cắt bì,

Ngắn gọn rồi lại khó gì cũng ưng.

<sup>19</sup> Bồi thương cô gái quá chừng, 2181

Bồi chàng vọng tộc, nhứt vùng hào hoa.

<sup>20</sup> Hôm sau, đại hội diễn ra,

Hà-môn tộc trưởng phát loa cửa thành:

<sup>21</sup> “Gia-cước, một tộc hiền lành, 2185

Tới đây mong được làm dân xứ này,

Nên cho quyền họ đủ đầy,

Mở mang canh tác, dựng gậy chắn nuôi.

Chớ phân kiêu ngụ hẹp hòi,

Con mình, con họ, làm sui như thường.

<sup>a</sup> Nhận chịu một điều kiện quá sức xa lạ và khó khăn, nhưng họ bằng lòng, tỏ ra họ thành thực chịu lỗi.

**Bản văn Kinh thánh**

duy nhất, với điều kiện là mọi đàn ông con trai của chúng ta phải chịu cắt bì như họ.<sup>23</sup> Các đàn vật của họ, tài sản của họ, gia súc của họ sẽ chẳng thuộc về chúng ta sao? Chúng ta chỉ cần đồng ý với họ là họ sẽ ở với chúng ta.”<sup>24</sup> Tất cả những người ra họp ở cửa thành ông Kha-mô đều nghe lời ông và Si-khem, con trai ông; mọi đàn ông con trai, mọi người ra họp ở cửa thành đều chịu cắt bì.

<sup>25</sup> Sang ngày thứ ba, khi họ còn đang đau, thì hai con trai ông Gia-cóp là Si-mê-ôn và Lê-vi, anh của Đi-na, mỗi người xách một thanh gươm, vào thành lúc không ai ngờ, và giết mọi đàn ông con trai.

<sup>26</sup> Các cậu đã dùng gươm giết ông Kha-mô và Si-khem, con trai ông Kha-mô, đem Đi-na ra khỏi nhà Si-khem, rồi đi.<sup>27</sup> Các con trai ông Gia-cóp còn đập lên các xác chết và cướp phá thành, bởi vì người ta đã xâm phạm tiết hạnh em gái các cậu.<sup>28</sup> Chiên dê, bò lừa của họ, những gì ở trong thành và ngoài đồng, các cậu đều lấy đi.<sup>29</sup> Các cậu mang theo mọi tài sản cũng

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>22</sup> Họ còn tập tục khó lòng, 2191

Cắt bì tất cả đàn ông tộc đoàn.

Nếu theo nghi thức họ làm,

<sup>23</sup> Thì mình có lợi, giàu sang nhãn tiền.

Nào là tài sản, bò chiên, 2195

Nào là sự nghiệp của riêng họ gây.

Cũng đều nhập một về đây,

Chung nhau để sống đêm ngày thành thoi.

<sup>24</sup> Chúng dân thảo luận một hồi,

Rồi sau thực hiện như lời Hà-môn.

<sup>25</sup> Cắt-bì, thương tích ba hôm, 2201

Đàn ông đau nhức ngoài đồng không ai.

Sử-mông, Lê-vi ra tay,

Thừa cơ thành phố trong ngoài vắng canh.

Nhảy vào tàn sát nam nhân, 2205

<sup>26</sup> Hà-môn cũng giết, cả thằng con trai.

Thùy-nga cứu khỏi nơi này,

<sup>27</sup> Bầy con Gia-cước tiếp tay tràn vào,

Búa, đao chẳng biết đâu đâu,

Cửa nhà đập phá, phố lâu tan hoang.

<sup>28</sup> Tôm trâu súc vật, bạc vàng, 2211

<sup>29</sup> Đàn bà, con nít bắt làm tù nhân.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>22</sup> Họ còn tập tục khó lòng, 2191

Cắt bì tất cả đàn ông tộc đoàn.

Nếu theo nghi thức họ làm,

<sup>23</sup> Thì mình có lợi, giàu sang nhãn tiền.

Nào là tài sản, bò chiên, 2195

Nào là sự nghiệp của riêng họ gây.

Cũng đều nhập một về đây,

Chung nhau để sống, đêm ngày thành thoi.”<sup>a</sup>

<sup>24</sup> Chúng dân thảo luận một hồi,

Rồi sau thực hiện như lời Hà-môn.

<sup>25</sup> Cắt bì, thương tích ba hôm, 2201

Đàn ông đau nhức, ngoài đồng không ai.

Sử-mông, Lê-vi ra tay,<sup>b</sup>

Thừa cơ thành phố trong ngoài vắng canh,

Nhảy vào tàn sát nam nhân, 2205

<sup>26</sup> Hà-môn cũng giết, cả thằng con trai.

Thùy-nga cứu khỏi nơi này,

<sup>27</sup> Bầy con Gia-cước tiếp tay tràn vào.

Búa, đao chẳng biết đâu đâu,

Cửa nhà đập phá, phố lâu tan hoang.

<sup>28</sup> Tôm trâu súc vật, bạc vàng, 2211

<sup>29</sup> Đàn bà, con nít bắt làm tù nhân.

**Bản phục chế đề nghị**

Họ còn tập tục khó lòng, 2191

Cắt bì tất cả đàn ông tộc đoàn.

Nếu theo nghi thức họ làm,

Thì mình có lợi, giàu sang nhãn tiền.

Nào là tài sản, bò chiên, 2195

Nào là sự nghiệp của riêng họ gây.

Cũng đều nhập một về đây,

Chung nhau để sống đêm ngày thành thoi.

Chúng dân thảo luận một hồi,

Rồi sau thực hiện như lời Hà-môn.

Cắt-bì, thương tích ba hôm, 2201

Đàn ông đau nhức ngoài đồng không ai.

Sử-mông, Lê-vi ra tay,

Thừa cơ thành phố trong ngoài vắng canh.

Nhảy vào tàn sát nam nhân, 2205

Hà-môn cũng giết, cả thằng con trai.

Thùy-nga cứu khỏi nơi này,

Bầy con Gia-cước tiếp tay tràn vào,

Búa, đao chẳng biết đâu đâu,

Cửa nhà đập phá, phố lâu tan hoang.

Tôm trâu súc vật, bạc vàng, 2211

Đàn bà, con nít bắt làm tù nhân.

<sup>a</sup> Tộc trưởng phải thuyết phục dân thành Si-kiem (Si-chem) chịu cắt bì, thật là ráo nước miếng.

<sup>b</sup> Hai người này phản bội và sau đó lôi kéo các anh em khác gây ra nợ máu. Hành động tàn bạo dã man, phản bội lời hứa (cam kết với nhau) thất nhân tâm.



**Bản văn Kinh thánh**

như mọi đàn bà con trẻ của họ, và cướp phá mọi thứ trong nhà.

<sup>30</sup> Ông Gia-cóp nói với Si-mê-ôn và Lê-vi: “Các con đã mang hoạ đến cho cha, làm cho cha trở nên đáng ghét đối với dân cư xứ này, tức là người Ca-na-an và người Pơ-rít-di. Cha chỉ có một dúm người, chúng sẽ hợp nhau lại chống cha và sẽ đánh cha, cha và gia đình sẽ bị tiêu diệt.” <sup>31</sup> Họ đáp: “Chẳng lẽ nó được phép xử với em gái chúng con như với một gái điếm sao?”

**35**

<sup>1</sup> Thiên Chúa phán bảo ông Gia-cóp: “Đứng dậy! Hãy lên Bết Ên và ở đó. Hãy làm ở đó một bàn thờ để kính Thiên Chúa, Đấng đã hiện ra với ngươi khi ngươi đang trốn Ê-xau, anh ngươi.” <sup>2</sup> Ông Gia-cóp bảo gia đình ông và tất cả những

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Gọi là trị tội hiếp dâm,

Sĩ-kiên hoa lệ hoá thành tha ma.

<sup>30</sup> Vừa hay biến cố xảy ra, 2215

Gia-cước nổi giận quát la con mình:

“Tội bây một lũ ôn binh,

Cả gan dấy hoạ, bắt bình địa phương.

Minh là thiếu số mỏng giòn,

Rồi đây các xứ căm hờn hợp nhau.

Báo thù mở trận binh đao, 2221

Dòng mình không có chỗ nào dung thân.”

<sup>31</sup> Bầy con Gia-cước phàn nàn:

“Há ngòi để chúng làm ngang thế này.

Dâm căn chi ác là đây, 2225

Em con nào phải một tay điếm đàng.”

**35**

<sup>1</sup> Bấy giờ Thượng-đế phán rằng:  
“Gia-cước hãy trở qua làng Bửu-tiên.  
Là nơi Trời tỏ uy quyền,  
Khi người chạy trốn lửa phiền Yên-giao”

**Bản Paulus Tạ**

Gọi là trị tội hiếp dâm

Sĩ-kiên hoa-lệ hóa thành tha ma.

<sup>30</sup> Vừa hay biến cố xảy ra, 2215

Gia-cước nổi giận **quờ** la con mình:

“Tội bây một lũ ôn binh,<sup>a</sup>

Cả gan dấy hoạ, bắt bình địa phương.

Minh là thiếu số mỏng giòn,<sup>b</sup>

Rồi đây các xứ căm hờn hợp nhau.

Báo thù mở trận binh đao, 2221

Dòng mình không có chỗ nào dung thân!”

<sup>31</sup> Bầy con Gia-cước phàn nàn:

“Há ngòi để chúng làm ngang thế này.

Dâm căn chi ác<sup>c</sup> là đây, 2225

Em con nào phải một tay điếm đàng.”

**35**

<sup>1</sup> Bấy giờ Thượng đế phán rằng:  
“Gia-cước hãy trở qua làng Bửu-tiên,  
Là nơi Trời tỏ uy quyền  
Khi người chạy trốn lửa phiền **Án-giao**.”

<sup>a</sup> Một lũ ôn dịch ngang tàng chẳng biết phải quấy hơn thiệt gì cả...

<sup>b</sup> Một thiếu số, còn địa phương là cả một vùng to lớn, thành này bị tàn phá thì còn nhiều thành khác đồng dân...

<sup>c</sup> Nguồn gốc sự ác, sự dữ là dâm loạn. Xưa có câu: *Vạn thiện dĩ hiếu vi tiên, Vạn ác dĩ dâm chi thủ...*

**Bản phục chế đề nghị**

Gọi là trị tội hiếp dâm,

Sĩ-kiên hoa lệ hoá thành tha ma.

Vừa hay biến cố xảy ra, 2215

Gia-cước nổi giận quát la con mình:

“Tội bây một lũ ôn binh,

Cả gan dấy hoạ, bắt bình địa phương.

Minh là thiếu số mỏng giòn,

Rồi đây các xứ căm hờn hợp nhau.

Báo thù mở trận binh đao, 2221

Dòng mình không có chỗ nào dung thân.”

Bầy con Gia-cước phàn nàn:

“Há ngòi để chúng làm ngang thế này.

Dâm căn chi ác là đây, 2225

Em con nào phải một tay điếm đàng.”

**35**

**TẾ LỄ BỬU-TIÊN  
LA-CƯƠNG LÀ THẾ**

Bấy giờ Thượng-đế phán rằng:  
“Gia-cước hãy trở qua làng Bửu-tiên.  
Là nơi Trời tỏ uy quyền,  
Khi người chạy trốn lửa phiền Yên-giao”

### **Bản văn Kinh thánh**

người cùng đi với ông: “Hãy loại bỏ các thần ngoại bang ở giữa các người, hãy tẩy uế mình và thay áo.<sup>3</sup> Nào ta hãy đứng dậy và lên Bết Ên! Tại đó tôi sẽ làm một bàn thờ để kính Thiên Chúa, Đấng đã đáp lời tôi ngày tôi gặp bước gian truân, và đã ở với tôi trong chuyến đi tôi đã thực hiện.”<sup>4</sup> Họ nộp cho ông Gia-cóp hết các thần ngoại bang họ đang giữ và các khuyên họ đeo ở tai, và ông Gia-cóp chôn những thứ ấy dưới gốc cây vân hương ở gần Si-khem.<sup>5</sup> Họ lên đường, và Thiên Chúa gieo kinh hãi xuống các thành chung quanh, khiến người ta không đuổi theo con cái ông Gia-cóp.

<sup>6</sup> Ông Gia-cóp đến Lút, tức là Bết Ên, trong đất Ca-na-an, ông và những người cùng đi với ông.<sup>7</sup> Tại đây, ông dựng một bàn thờ và đặt tên cho nơi ấy là Ên Bết Ên, vì tại đây thần minh đã tỏ mình ra cho ông, đang khi ông trốn anh.<sup>8</sup> Bấy giờ bà Đơ-vô-ra, vú nuôi bà

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>2</sup> Gia-cước trách nhiệm cầm đầu, 2231

Truyền cho con cái phải mau thi hành:

“Huỷ đi các tượng bụt thần,

Phép bùa ngoại đạo, dị đoan người đời.

<sup>3</sup> Trại, lều, chuồng, bặt phải dòi, 2235

Cùng nhau tiến đến chỗ Trời giáng ân.

Khi ta dần bước phong trần,

Những ngày đau khổ, những lần truân chuyên.”

<sup>4</sup> Vợ con cùng kẻ chăn chiên,

Ngải bùa, thần tượng góp đem cho người,

Đào chôn bên phía triển đồi, 2241

Dưới tàng cổ thọ, xong rồi kéo đi.

<sup>5</sup> Trời cho dân sự tứ vi,

Vua thì kinh khủng, quân thì hoang mang.

Nhìn theo Gia-cước lên đàng, 2245

Không ai tính chuyện thủy tràn thổ đương.

<sup>6</sup> Trải qua biết mấy dặm trường,

Gió đông đã yếu, gió nồm thổi lên.

Đoàn người vừa tới Bưu-tiên,

Lư-gia tên cũ, thuộc miền Trà-nam.

### **Bản Paulus Tạc**

<sup>2</sup> Gia-cước trách nhiệm cầm đầu, 2231

Truyền cho con cái phải mau thi hành:

“Huỷ đi các tượng bụt thần,

Phép bùa ngoại đạo, dị đoan người đời.<sup>a</sup>

<sup>3</sup> Bặt, lều, chuồng, trại phải dòi, 2235

Cùng nhau tiến tới chỗ Trời giáng ân.

Khi ta dần bước phong trần,

Những ngày đau khổ, những lần truân chuyên.”

<sup>4</sup> Vợ con cùng kẻ chăn chiên,

Ngải bùa, thần tượng góp đem cho người,

Đào chôn bên phía triển đồi, 2241

Dưới tàng cổ thọ, xong rồi kéo đi.

<sup>5</sup> Trời cho dân sự tứ vi,

Vua thì kinh khủng, quân thì hoang mang.<sup>b</sup>

Nhìn theo Gia-cước lên đàng, 2245

Không ai tính chuyện thủy tràn thổ đương.<sup>c</sup>

<sup>6</sup> Trải qua biết mấy dặm trường,

Gió đông đã yếu, gió nồm **tiên** lên.

Đoàn người vừa tới Bưu-tiên,

Lư-gia tên cũ thuộc miền Trà-nam.

<sup>a</sup> Thiên Chúa dạy cả gia đình đi đến Bưu-tiên (Bethel) để cử hành việc tế lễ Thiên Chúa, trước khi đi phải thanh tẩy tất cả những gì có tính cách dị đoan ngoại giáo.

<sup>b</sup> Thiên Chúa phù hộ nhà Gia-cước cách đặc biệt, bằng không dân địa phương hợp lại chặn đánh không còn manh giáp.

<sup>c</sup> Nước tràn lên đập bờ cản lại, tức là chặn đánh nhà Gia-cước.

### **Bản phục chế đề nghị**

Gia-cước trách nhiệm cầm đầu, 2231

Truyền cho con cái phải mau thi hành:

“Huỷ đi các tượng bụt thần,

Phép bùa ngoại đạo, dị đoan người đời.

Trại, lều, chuồng, bặt phải dòi, 2235

Cùng nhau tiến đến chỗ Trời giáng ân.

Khi ta dần bước phong trần,

Những ngày đau khổ, những lần truân chuyên.”

Vợ con cùng kẻ chăn chiên,

Ngải bùa, thần tượng góp đem cho người,

Đào chôn bên phía triển đồi, 2241

Dưới tàng cổ thọ, xong rồi kéo đi.

Trời cho dân sự tứ vi,

Vua thì kinh khủng, quân thì hoang mang.

Nhìn theo Gia-cước lên đàng, 2245

Không ai tính chuyện thủy tràn thổ đương.

Trải qua biết mấy dặm trường,

Gió đông đã yếu, gió nồm thổi lên.

Đoàn người vừa tới Bưu-tiên,

Lư-gia tên cũ, thuộc miền Trà-nam.

**Bản văn Kinh thánh**

Rê-bê-ca, qua đời và được chôn ở phía dưới Bết Ên, dưới gốc cây sồi, và ông Gia-cóp đặt tên cho cây ấy là Cây Sồi Than Khóc.

<sup>9</sup> Thiên Chúa lại hiện ra với ông Gia-cóp khi ông từ Pát-đan A-ram về, và Người chúc phúc cho ông.

<sup>10</sup> Thiên Chúa phán với ông: “Tên người là Gia-cóp nhưng người ta sẽ không gọi người là Gia-cóp nữa, mà tên người sẽ là Ít-ra-en.” Và Người đặt tên cho ông là Ít-ra-en.

<sup>11</sup> Thiên Chúa phán với ông: “Ta là Thiên Chúa toàn năng. Người hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều. Một dân tộc và một cộng đồng nhiều dân tộc sẽ từ người mà ra, và vua chúa sẽ phát xuất từ lòng người.

<sup>12</sup> Đất Ta đã ban cho Áp-ra-ham và I-xa-ác, thì Ta sẽ ban cho người; Ta sẽ ban đất ấy cho dòng dõi người sau này.” <sup>13</sup> Rồi Thiên Chúa từ giã ông mà đi lên, từ chỗ Người đã phán với ông.

<sup>14</sup> Ông Gia-cóp dựng một cái trụ tại

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Các bày súc vật dùng chân, 2251

Chọn nơi suối ngọt, cỏ xanh, cặm lều.

<sup>7</sup> Gia-cước chất đá lại nhiều,

Lập đàn hiến tế Chúa-Dêu <sup>a</sup> trên trời.

Nhắc lại kỷ niệm thiếu thời, 2255

Đoạn đường gian khổ được Trời đỡ nâng.

<sup>8</sup> Vừa yên, thì lại gặp tang,

Vú già <sup>b</sup> xưa giúp nuôi nàng La-cương.

Ma chạy, chôn cất bên đường.

Dưới hàng cây cọ, tiếc thương ngậm ngùi.

<sup>9</sup> Một hôm Gia-cước đang ngồi, 2261

Trời cao nhắc lại những lời hứa ban:

“Chúc người phước lộc dư tràn,

<sup>10</sup> Tên người vạn đại gọi rằng: Yết-linh.

<sup>11</sup> Trời là chủ tế đại vinh, 2265

Chúc người miêu duệ tung hoành khắp nơi.

Đế vương thiên hạ do người,

<sup>12</sup> Đất đai rộng lớn, hưng thời tài nguyên.

Bá-lâm, Y-giác chủ quyền,

Giờ đây cũng hứa lưu truyền cho người,

Và cho dòng dõi muôn đời.” 2271

<sup>13</sup> Dứt lời, Gia-cước thấy Trời biến đi.

<sup>a</sup> Chúa-Dêu, là ngữ Deus Dominus, có nghĩa là Thiên-Chúa hay Đức Chúa Trời, ông Trời, Thiên công, thời xưa, lúc Công giáo sơ khai Đàng trong, các linh mục, thầy giảng quen dùng danh từ Chúa Dêu (âm dịch la ngữ) vào các giáo lý hoặc kinh đọc.

<sup>b</sup> Vú già. Có tên là Debora, nuôi giúp nàng La-cương từ thuở nhỏ.

**Bản Paulus Tọa**

Các bày súc vật dùng chân, 2251

Chọn nơi suối ngọt, cỏ xanh cặm lều.

<sup>7</sup> Gia-cước chất đá lại nhiều,

Lập đàn hiến tế Chúa Dêu <sup>a</sup> trên trời.

Nhắc lại kỷ niệm thiếu thời, 2255

Đoạn đường gian khổ được Trời đỡ nâng.

<sup>8</sup> Vừa yên thì lại gặp tang,

Vú già xưa giúp nuôi nàng La-cương.

Ma chạy chôn cất bên đường,

Dưới hàng cây cọ <sup>b</sup>, tiếc thương ngậm ngùi.

<sup>9</sup> Một hôm Gia-cước đang ngồi, 2261

Trời cao nhắc lại những lời đã ban:

“Chúc người phước lộc dư tràn,

<sup>10</sup> Tên người chính thức gọi rằng Yết-linh.<sup>c</sup>

“Trời là chủ tế đại vinh, 2265

Chúc người miêu duệ tung hoành khắp nơi.

Đế vương thiên hạ do người,

<sup>12</sup> Đất đai rộng lớn, tứ thời thuận yên.

Áp-ram, I-giác chủ quyền,

Giờ đây cũng hứa lưu truyền cho người,

Và cho dòng dõi muôn đời.” 2271

<sup>13</sup> Đến đây Gia-cước thấy Trời biến đi.

<sup>a</sup> Chúa Dêu: Deus, tức là Thiên Chúa.

<sup>b</sup> Một loại cây gần giống cây kê.

<sup>c</sup> Yết-linh: Israel.

**Bản phục chế đề nghị**

Các bày súc vật dùng chân, 2251

Chọn nơi suối ngọt, cỏ xanh, cặm lều.

Gia-cước chất đá lại nhiều,

Lập đàn hiến tế Chúa-Dêu trên trời.

Nhắc lại kỷ niệm thiếu thời, 2255

Đoạn đường gian khổ được Trời đỡ nâng.

Vừa yên, thì lại gặp tang,

Vú già xưa giúp nuôi nàng La-cương.<sup>a</sup>

Ma chạy, chôn cất bên đường.

Dưới hàng cây cọ, tiếc thương ngậm ngùi.

Một hôm Gia-cước đang ngồi, 2261

Trời cao nhắc lại những lời hứa ban:

“Chúc người phước lộc dư tràn,

Tên người vạn đại gọi rằng: Yết-linh.

Trời là chủ tế đại vinh, 2265

Chúc người miêu duệ tung hoành khắp nơi.

Đế vương thiên hạ do người,

Đất đai rộng lớn, hưng thời tài nguyên.

Bá-lâm, Y-giác chủ quyền,

Giờ đây cũng hứa lưu truyền cho người,

Và cho dòng dõi muôn đời.” 2271

Dứt lời, Gia-cước thấy Trời biến đi.

<sup>a</sup> Nguyên bản Kinh thánh ghi là bà Đơ-vô-ra, vú nuôi bà Rê-bê-ca (Lan-bạch), mẹ của Gia-cước. Làm sao bà sống lâu như thế? và cũng không chỗ nào nói bà đã theo Gia-cước đi Hà-lâm. Tác giả Lữ-y Doan đã đối lại cho hợp lý. (TSNM)

### **Bản văn Kinh thánh**

chỗ Thiên Chúa đã phán với ông, một trụ đá; ông rưới rượu và đổ dầu lên đó. <sup>15</sup> Ông Gia-cóp đặt tên cho nơi Thiên Chúa đã phán với ông là Bết Ên.

<sup>16</sup> Cả đoàn rời Bết Ên lên đường. Khi họ còn cách Ép-ra-tha một quãng đường, thì bà Ra-khen đến ngày sinh, nhưng lại gặp khó khăn.

<sup>17</sup> Trong lúc bà khó sinh, cô đỡ nói với bà: “Bà đừng sợ, bà lại được một con trai nữa!” <sup>18</sup> Khi bà thở hắt ra, vì đang hấp hối, thì đặt tên cho con là Ben Ô-ni, nhưng cha nó lại đặt tên là Ben-gia-min. <sup>19</sup> Bà Ra-khen qua đời và được chôn trên con đường đi Ép-ra-tha, tức là Bê-lem. <sup>20</sup> Ông Gia-cóp dựng một bia đá trên mộ bà, đó là bia mộ bà Ra-khen, vẫn còn cho đến ngày nay.

<sup>21</sup> Ông Ít-ra-en lên đường và cắm lều ở xa hơn Mích-đan Ê-đê. <sup>22</sup> Trong khi ông Ít-ra-en ở xứ ấy, thì Rưu-vên đến nằm với Bin-ha, vợ lẽ của cha cậu, và ông Ít-ra-en nghe biết chuyện này. Ông Gia-

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>14</sup> Khâm sùng Thượng-đế huyền vi,  
Khai đàn tế tửu, đền nghi thiên ân.

<sup>15</sup> Bửu-tiên để tiếng giữa trần, 2275  
Non mòn biển cạn thời danh vẫn còn.

<sup>16</sup> Bao giờ du mục dừng chơn,  
Từ đây lần tới thảo trường <sup>a</sup> phía đông  
Đến kỳ sinh nở, La-cương, <sup>b</sup>

<sup>17</sup> Khó khăn, bà mụ hết lòng lo toan.  
Sinh trai, sản phụ ly trần, 2281

<sup>18</sup> Hải-nhi sống sót, danh rằng: Biền-mân <sup>c</sup>.  
<sup>19</sup> La-cương an táng dọc đường,  
Lối về Ấp-trạch, tức làng Bảo-liêm. <sup>d</sup>

<sup>20</sup> Gia-cước xúc động nỗi niềm 2285  
Lập bia, cẩn mộ, còn truyền đến nay.

<sup>21</sup> Gia-cước bận việc đó đây,  
Kiểm tra súc vật, an bài gia nhân.

<sup>22</sup> Ngày kia hữu sự xa đường,  
Ở nhà trường tử lộng hành gia phong.

<sup>23</sup> Sau đây danh sách chính tông, 2291  
Của nhà Gia-cước, con dòng thế gia:

<sup>a</sup> Thảo trường, đồng cỏ rộng lớn.

<sup>b</sup> La-cương (Rachel) sinh người con trước là Du-tiếp (Joseph) bây giờ mới sinh lần nữa. Nhưng lần này về lớn tuổi nên sinh khó, các bà mụ hết sức lo giúp đỡ, nhưng sản phụ tắt thở.

<sup>c</sup> Biền-mân, la ngữ Benjamin, con trai út của Gia-cước, Ấp-trạch, la ngữ Ephrata.

<sup>d</sup> Bảo-liêm, la ngữ Bethlehem.

### **Bản Paulus Tọa**

<sup>14</sup> Khâm sùng Thượng đế huyền vi,  
Khai đàn tế tửu đền nghi thiên ân.

<sup>15</sup> Bửu-tiên để tiếng giữa trần, 2275  
Non mòn biển cạn thời danh vẫn còn.

<sup>16</sup> Bao giờ du mục dừng chơn,  
Từ đây lại tiến thảo trường <sup>a</sup> phía đông.  
Đến kỳ sinh nở, La-cương,

<sup>17</sup> Khó khăn bà mụ hết lòng lo toan.  
Sinh trai, sản phụ ly trần, 2281

<sup>18</sup> Hải nhi sống sót danh rằng: Biền-mân. <sup>b</sup>  
<sup>19</sup> La-cương an táng dọc đường,  
Lối về Ấp-trạch <sup>c</sup>, tức làng Bảo-liêm. <sup>d</sup>

<sup>20</sup> Gia-cước xúc động nỗi niềm, 2285  
Dựng bia, cẩn mộ còn truyền đến nay.

<sup>21</sup> Gia-cước bận việc đó đây,  
Kiểm tra súc vật an bài gia nhân.

<sup>22</sup> Ngày kia hữu sự xa đường,  
Ở nhà trường tử lộng hành gia phong. <sup>e</sup>

<sup>23</sup> Sau đây danh sách chính tông, 2291  
Của nhà Gia-cước con dòng thế gia:

<sup>a</sup> Thảo trường: đồng cỏ, đồng xanh dùng nuôi súc vật.

<sup>b</sup> Biền-mân: Benjamin.

<sup>c</sup> Ấp-trạch: Ephrata.

<sup>d</sup> Bảo-liêm: Bethlehem (Bê-lem).

<sup>e</sup> Lũ-binh (Ruben) làng nhằng ghẹo chọc nàng hầu Trà-liên (Bila) của thân phụ.

### **Bản phục chế đề nghị**

Khâm sùng Thượng-đế huyền vi,  
Khai đàn tế tửu, đền nghi thiên ân.

Bửu-tiên để tiếng giữa trần, 2275  
Non mòn biển cạn thời danh vẫn còn.

Bao giờ du mục dừng chơn,  
Từ đây lần tới thảo trường phía đông  
Đến kỳ sinh nở, La-cương,

Khó khăn, bà mụ hết lòng lo toan.  
Sinh trai, sản phụ ly trần, 2281

Hải-nhi sống sót, danh rằng: Biền-mân.  
La-cương an táng dọc đường,  
Lối về Ấp-trạch, tức làng Bảo-liêm.

Gia-cước xúc động nỗi niềm 2285  
Lập bia, cẩn mộ, còn truyền đến nay.

Gia-cước bận việc đó đây,  
Kiểm tra súc vật, an bài gia nhân.

Ngày kia hữu sự xa đường,  
Ở nhà trường tử lộng hành gia phong.

Sau đây danh sách chính tông, 2291  
Của nhà Gia-cước, con dòng thế gia:

**Bản văn Kinh thánh**

cóp có mười hai người con trai.  
<sup>23</sup> Con trai bà Lê-a: Rưu-vên, con đầu lòng của ông Gia-cóp, rồi đến Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Ít-xa-kha và Dơ-vu-lun. <sup>24</sup> Con trai bà Ra-khen: Giu-se và Ben-gia-min. <sup>25</sup> Con trai bà Bin-ha, nữ tỳ của bà Ra-khen: Đan và Náp-ta-li. <sup>26</sup> Con trai bà Din-pa, nữ tỳ của bà Lê-a: Gát và A-se. Đó là những con trai ông Gia-cóp sinh được tại Pát-đan A-ram.  
<sup>27</sup> Ông Gia-cóp về với ông I-xa-ác, cha ông, ở Mam-rê, tại Kia-giát Ác-ba, tức là Khép-rôn, nơi ông Áp-ra-ham và ông I-xa-ác đã từng trú ngụ. <sup>28</sup> Ông I-xa-ác sống được một trăm tám mươi năm. <sup>29</sup> Rồi ông I-xa-ác tắt thở. Ông qua đời và được về sum họp với gia tiên, khi đã cao niên và no đầy tuổi tác. Các con ông là Ê-xau và Gia-cóp chôn cất ông.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Lê-anh, vợ lớn sinh ra,  
 Lữ-bình anh cả, kế là Sừ-mông.  
 Lê-vi, Dư-đạc tinh thông **2295**  
 Yết-kha rồi tiếp Da-buông một nhà.  
<sup>24</sup> La-cương, vợ kế sinh ra.  
 Trước là Du-tiếp, sau là Biên-mân.  
<sup>25</sup> Trà-lê, hầu thiếp hai lần,  
 Cơ-đăng đưa trước, Niếp-tăng đưa kẻ.  
<sup>26</sup> Diên-phang, nữ tớ chính thê, **2301**  
 Tiền sinh Cát-đại, hậu thi Ái-san.  
 Mười hai nam tử hiên ngang,  
 Ra đời ở tại địa phần Mạch-tam.  
<sup>27</sup> Cha già xa cách bao năm, **2305**  
 Gia-cước vợ vả tới thành An-buông.  
 Cũng là vùng đất Hiệp-long,  
 Là nơi kiêu ngạo tổ tông mấy đời.  
 Thương cha gần đất xa trời,  
 Tủi thân hiếu tử toi bờ đón đau.  
<sup>28</sup> Sum vầy chẳng đặng bao lâu, **2311**  
 Y-giác trăm tuổi thêm vào tám mươi.  
<sup>29</sup> Sau khi thân phụ qua đời,  
 Yết-giao, Gia-cước ngậm ngùi cư tang.

**Bản Paulus Tạc**

Lê-anh vợ lớn sinh ra:  
 Lữ-bình anh cả, sau là Sừ-mông,  
 Lê-vi, Dư-đạc tinh thông, **2295**  
 Yết-kha rồi tiếp Da-buông một nhà.  
<sup>24</sup> La-cương vợ kế sinh ra:  
 Trước là **Dư-tiếp** sau là Biên-mân.  
<sup>25</sup> Trà-lê hầu thiếp hai lần,  
 Cơ-đăng đưa trước, Niếp-tăng đưa kẻ.  
<sup>26</sup> Diên-phan nữ tớ chính thê, **2301**  
 Tiền sinh Cát-đại, hậu thi **Ái-xang**.  
 Mười hai nam tử hiên ngang,  
 Ra đời ở tại địa phần Mạch-tam.  
<sup>27</sup> Cha già xa cách bao năm, **2305**  
 Gia-cước vợ vả đến thành An-buông.<sup>a</sup>  
 Cũng là vùng đất **Hữu-phong**,<sup>b</sup>  
 Là nơi kiêu ngạo tổ tông mấy đời.  
 Thương cha gần đất xa trời,  
 Tủi thân hiếu tử toi bờ đón đau.<sup>c</sup>  
<sup>28</sup> Sum vầy chẳng đặng bao lâu, **2311**  
I-giác trăm tuổi thêm vào tám mươi.  
<sup>29</sup> Sau khi thân phụ qua đời,  
**Án giao**, Gia-cước ngậm ngùi cư tang.

**Bản phục chế đề nghị**

Lê-anh, vợ lớn sinh ra,  
 Lữ-bình anh cả, kế là Sừ-mông.  
 Lê-vi, Dư-đạc tinh thông **2295**  
 Yết-kha rồi tiếp Da-buông một nhà.  
 La-cương, vợ kế sinh ra.  
 Trước là Du-tiếp, sau là Biên-mân.  
 Trà-lê, hầu thiếp hai lần,<sup>a</sup>  
 Cơ-đăng đưa trước, Niếp-tăng đưa kẻ.  
 Diên-phang, nữ tớ chính thê, **2301**  
 Tiền sinh Cát-đại, hậu thi Ái-san.  
 Mười hai nam tử hiên ngang,  
 Ra đời ở tại địa phần Mạch-tam.  
 Cha già xa cách bao năm, **2305**  
 Gia-cước vợ vả tới thành An-buông.  
 Cũng là vùng đất Hiệp-long,  
 Là nơi kiêu ngạo tổ tông mấy đời.  
 Thương cha gần đất xa trời,  
 Tủi thân hiếu tử toi bờ đón đau.  
 Sum vầy chẳng đặng bao lâu, **2311**  
 Y-giác trăm tuổi thêm vào tám mươi.  
 Sau khi thân phụ qua đời,  
 Yết-giao, Gia-cước ngậm ngùi cư tang.

<sup>a</sup> An-buông: Arbée.

<sup>b</sup> Hữu-phong: Hébron nơi thung lũng Mạc-linh (Mambré).

<sup>c</sup> Gia-cước xa cách cha già trên hai mươi năm, mẹ mất không thấy mặt.

<sup>a</sup> Câu 1742 phiên âm là Trà-liên (TSNM)

<sup>1</sup> Sau đây là gia đình ông Ê-xau, tức là ông Ê-đôm. <sup>2</sup> Ông Ê-xau cưới vợ trong số con gái Ca-na-an, đó là: A-đa, con gái ông Ê-lôn, người Khét; O-ho-li-va-ma, con gái ông A-na, ông này là con trai ông Xíp-ôn, người Khi-vi; <sup>3</sup> và Ba-xơ-mát, con gái ông Ít-ma-ên, em gái ông Nơ-va-giốt. <sup>4</sup> Bà A-đa sinh Ê-li-phát cho ông Ê-xau, bà Ba-xơ-mát sinh Rơ-u-ên. <sup>5</sup> Bà O-ho-li-va-ma sinh Giơ-út, Gia-lam và Cô-rắc. Đó là những con trai ông Ê-xau sinh được tại đất Ca-na-an. <sup>6</sup> Ông Ê-xau đem các bà vợ, các con trai con gái, mọi người nhà, tất cả đàn vật, gia súc và tất cả của cải ông đã gây được tại đất Ca-na-an, và đi đến một xứ, cách xa ông Gia-cóp, em ông. <sup>7</sup> Thật vậy, họ quá nhiều tài sản không ở chung được, và đất họ đang trú ngụ không thể đủ chỗ cho họ chăn những đàn vật của họ. <sup>8</sup> Ông Ê-xau sống ở vùng núi Xê-ia. Ông Ê-xau chính là ông Ê-đôm. <sup>9</sup> Sau đây là gia đình ông Ê-xau, cha dân Ê-đôm, ở vùng núi Xê-ia. <sup>10</sup> Đây là tên các con trai ông Ê-xau: Ê-li-phát, con trai bà A-đa, vợ ông Ê-xau, và Rơ-u-ên, con trai bà Ba-xơ-mát, vợ ông Ê-xau. <sup>11</sup> Các con trai ông Ê-li-phát là: Tê-man, Ô-ma, Xơ-phô, Ga-ơ-tam và Cơ-nát. <sup>12</sup> Bà Tim-na là vợ lẽ ông Ê-li-phát, con trai ông Ê-xau; bà sinh A-ma-lếch cho ông Ê-li-phát. Đó là các con cháu bà A-đa, vợ ông Ê-xau.

<sup>1</sup> Đoạn này chép chuyện gia đàng, 2315  
Sinh cơ lập nghiệp của chàng Yén-giao.  
<sup>2</sup> Sinh thời, ba vợ <sup>3</sup> trước sau,  
Nghiêng chiu nếp sống trên đầu không ai.  
<sup>4</sup> Vợ cả sinh được một trai,  
<sup>5</sup> Vợ nhì ba đứa râu mày cũng xong.  
Vợ ba một trẻ ẵm bồng, 2321  
Cùng nhau sinh trưởng ở vùng Trà-Nam.  
<sup>6</sup> Yén-giao phát đạt kinh doanh,  
Chăn nuôi thanh mậu, nông tang, hoa màu.  
Từ khi huynh đệ hoà nhau, 2325  
Cả hai càng bữa, càng giàu gia tăng.  
Anh em không thể sống gần,  
Vi đồng cỏ chật hàng ngàn bò chiên.  
<sup>7</sup> Yén-giao quyết định tách riêng,  
<sup>8</sup> Gia đình, súc vật tới miền Dĩ-yên.  
<sup>9</sup> Nhờ ơn tổ phụ nhơn hiền, 2331  
<sup>10</sup> Định cư đâu cũng ơn thiêng hộ phù.

<sup>1</sup> Đoạn này <sup>a</sup> chép chuyện gia đàng, <sup>b</sup> 2315  
Sinh cơ lập nghiệp của chàng **Án-giao**.  
<sup>2</sup> Sinh thời ba vợ trước sau,  
Nghiêng **chiều** nếp sống trên đầu không ai.  
<sup>4</sup> Vợ cả sinh được một trai,  
<sup>5</sup> Vợ nhì ba đứa râu mày cũng xong.  
Vợ ba một trẻ ẵm bồng, 2321  
Cùng nhau sinh trưởng ở vùng Trà-nam.  
<sup>6</sup> **Án-giao** phát đạt kinh doanh,  
Chăn nuôi thanh mậu, nông tang **dồi dào**.  
Từ khi huynh đệ hòa nhau, 2325  
Cả hai càng bữa **sang** giàu gia tăng.  
Anh em không thể sống gần,  
Vi đồng cỏ chật hàng ngàn bò chiên.  
<sup>7</sup> **Án-giao** quyết định tách riêng,  
<sup>8</sup> Gia đình súc vật **đến** miền **Di-yên**.  
<sup>9</sup> Nhờ ơn tổ phụ nhơn hiền, 2331  
<sup>10</sup> Định cư đâu cũng ơn thiêng hộ phù.

<sup>a</sup> Đoạn này tác giả không ghi danh sách con cháu Án-giao như Kinh thánh, mà chỉ viết những điểm chính và tổng quát việc lập thành một dân tộc.

<sup>b</sup> Những số câu, linh mục Phao-lô Qui (1885) ghi tượng trưng cho đủ như Kinh thánh.

## SINH CƠ LẬP NGHIỆP DỒNG DỐI YÉN-GIAO

Đoạn này chép chuyện gia đàng, 2315  
Sinh cơ lập nghiệp của chàng Yén-giao.  
Sinh thời, ba vợ trước sau,  
Nghiêng chiều nếp sống trên đầu không ai.  
Vợ cả sinh được một trai,  
Vợ nhì ba đứa râu mày cũng xong.  
Vợ ba một trẻ ẵm bồng, 2321  
Cùng nhau sinh trưởng ở vùng Trà-nam.  
Yén-giao phát đạt kinh doanh,  
Chăn nuôi thanh mậu, nông tang, hoa màu.  
Từ khi huynh đệ hoà nhau, 2325  
Cả hai càng bữa, càng giàu gia tăng.  
Anh em không thể sống gần,  
Vi đồng cỏ chật hàng ngàn bò chiên.  
Yén-giao quyết định tách riêng,  
Gia đình, súc vật tới miền Dĩ-yên.  
Nhờ ơn tổ phụ nhơn hiền, 2331  
Định cư đâu cũng ơn thiêng hộ phù.

### Bản văn Kinh thánh

<sup>13</sup> Sau đây là các con trai ông Rơ-u-ên: Na-khất, De-rác, Sam-ma và Mít-da. Đó là các con cháu bà Ba-xơ-mát, vợ ông Ê-xau.

<sup>14</sup> Còn đây là các con trai của vợ ông Ê-xau là bà O-ho-li-va-ma, con gái ông A-na; ông A-na là con trai ông Xíp-ôn: bà sinh Giơ-út, Gia-lam và Cô-rắc cho ông Ê-xau.

<sup>15</sup> Sau đây là các tộc trưởng của con cái Ê-xau. Các con trai ông Ê-li-phát, con đầu lòng của ông Ê-xau, là: tộc trưởng Tê-man, tộc trưởng Ô-ma, tộc trưởng Xơ-phô, tộc trưởng Cơ-nát, <sup>16</sup> tộc trưởng Cô-rắc, tộc trưởng Ga-ơ-tam, tộc trưởng A-ma-lếch. Đó là các tộc trưởng phát xuất từ ông Ê-li-phát ở đất Ê-đôm, đó là các con cháu bà A-đa.

<sup>17</sup> Sau đây là các con trai ông Rơ-u-ên, con trai ông Ê-xau: tộc trưởng Na-khất, tộc trưởng De-rác, tộc trưởng Sam-ma, tộc trưởng Mít-da. Đó là các tộc trưởng phát xuất từ ông Rơ-u-ên ở đất Ê-đôm, đó là các con cháu bà Ba-xơ-mát, vợ ông Ê-xau.

<sup>18</sup> Sau đây là các con trai bà O-ho-li-va-ma, vợ ông Ê-xau: tộc trưởng Giơ-út, tộc trưởng Gia-lam, tộc trưởng Cô-rắc. Đó là các tộc trưởng phát xuất từ bà O-ho-li-va-ma, con gái ông A-na, vợ ông Ê-xau.

<sup>19</sup> Đó là các con trai ông Ê-xau, đó là các tộc trưởng của họ. Đó là Ê-đôm.

<sup>20</sup> Sau đây là các con trai ông Xê-ia, người Khô-ri, là dân bản xứ: Lô-tan, Sô-van, Xíp-ôn, A-na, <sup>21</sup> Đi-sôn, Ê-xe, Đi-san. Đó là các tộc trưởng người Khô-ri, là các con trai ông Xê-ia, ở đất Ê-đôm.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>11</sup> Cửa đời, thế lực có dư,

<sup>12</sup> Nhưng điều đạo đức tâm tư xa dần.

<sup>13</sup> Đòi con chỉ biết trần gian, 2335

<sup>14</sup> Đòi cháu non nghĩa lại càng mờ lu.

<sup>15</sup> Ở đời theo luật giang hồ,

<sup>16</sup> Mạnh ăn yếu chết, cõi bờ tóm thâu.

<sup>17</sup> Địa phương bộ lạc đạp nhàu,

<sup>18</sup> Tộc nào sống sót, rừng sâu lánh nài.

<sup>19</sup> Yên-giao cháu chất đầy đàn, 2341

<sup>20</sup> Người nào võ nghệ cũng trang anh hùng

<sup>21</sup> Gươm đao cang lúc tung bùng,

<sup>22</sup> Mỗi người đều chiếm một vùng <sup>23</sup>phi nhiều.

<sup>24</sup> Cũng như sóng mạnh <sup>25</sup>thủy triều, 2345

<sup>26</sup> Trở nên lãnh chúa, <sup>27</sup>binh nhiều <sup>28</sup>dân đông

<sup>29</sup> Biên thủy <sup>30</sup>mở rộng tứ tung,

<sup>31</sup>Phân quyền <sup>32</sup>cai trị, <sup>33</sup>loạn trong, <sup>34</sup>giặc ngoài

<sup>35</sup>Trải qua lịch sử <sup>36</sup>văn xây,

<sup>37</sup>Thắng trăm chế độ <sup>38</sup>lại gầy bá vương.

<sup>39</sup>Đánh nhau <sup>40</sup>xương ngáp chiến trường, 2345

<sup>41</sup>Tập trung quyền lực <sup>42</sup>mở đường quốc gia.

<sup>43</sup>Về sau thống nhứt sơn hà,

Lập thành một nước gọi là Yên-đông. <sup>a</sup>

<sup>a</sup> Đoạn 36 này, Kinh thánh Cựu ước ghi gia phả của Yên-giao. Tác giả dựa vào đây diễn tả lịch sử từ thời bộ lạc, tranh sống chém giết, lần lần lập nên tiểu quốc chư hầu, tranh bá đồ vương tiến lên đế quốc quân chủ. Dòng dõi Yên-giao về sau lâu đời lập thành nước lớn dân đông gọi là Y-đông, hoặc Yên đàng hay Yên-đông (Idumée).

### Bản Paulus Tạc

<sup>11</sup> Cửa đời, thế lực có dư,

<sup>12</sup> Nhưng điều đạo đức tâm tư xa dần.

<sup>13</sup> Đòi con chỉ biết trần gian, 2335

<sup>14</sup> Đòi cháu **nhân** nghĩa lại càng mờ lu.

<sup>15</sup> **Sinh cư** theo luật giang hồ,

<sup>16</sup> Mạnh ăn yếu chết, cõi bờ tóm thâu.

<sup>17</sup> Địa phương bộ lạc đạp nhàu,

<sup>18</sup> Dân nào sống sót rừng sâu lánh nài.

<sup>19</sup> **Án-giao** cháu nội đầy đàn, 2341

<sup>20</sup> Người nào võ nghệ cũng trang anh hùng.

<sup>21</sup> Gươm đao cang lúc tung bùng.

<sup>22</sup> Mỗi người đều chiếm một vùng <sup>23</sup>phi nhiều.

<sup>24</sup> Cũng như **ngọn sóng** <sup>25</sup> thủy triều, 2345

<sup>26</sup> Trở nên lãnh chúa <sup>27</sup> binh nhiều <sup>28</sup> dân đông.

<sup>29</sup> Biên **cương** <sup>30</sup> mở rộng tứ tung,

<sup>31</sup> Phân quyền <sup>32</sup> cai trị, <sup>33</sup> loạn trong <sup>34</sup> giặc ngoài.

<sup>35</sup> Trải qua lịch sử <sup>36</sup> văn xây,

<sup>37</sup> Thắng trăm chế độ <sup>38</sup> lại gầy bá vương.

<sup>39</sup> Đánh nhau <sup>40</sup> xương ngáp chiến trường, 2351

<sup>41</sup> Tập trung quyền lực <sup>42</sup> mở đường quốc gia.

<sup>43</sup> Về sau thống nhứt san hà,

Lập thành một nước gọi là Yên-đông. <sup>a</sup>

<sup>a</sup> Yên-đông: dân Idumée (do biệt hiệu của Án-giao [Esau] là "Edom" [người thích ăn cháo đậu đỏ]).

### Bản phục chế đề nghị

Cửa đời, thế lực có dư,

Nhưng điều đạo đức, tâm tư xa dần.

Đòi con chỉ biết trần gian, 2335

Đòi cháu non nghĩa lại càng mờ lu.

Ở đời theo luật giang hồ,

Mạnh ăn yếu chết, cõi bờ tóm thâu.

Địa phương bộ lạc đạp nhàu,

Tộc nào sống sót, rừng sâu lánh nài.

Yên-giao cháu chất đầy đàn, 2341

Người nào võ nghệ cũng trang anh hùng

Gươm đao cang lúc tung bùng,

Mỗi người đều chiếm một vùng phi nhiều.

Cũng như sóng mạnh thủy triều, 2345

Trở nên lãnh chúa, binh nhiều dân đông

Biên thủy mở rộng tứ tung,

Phân quyền cai trị, loạn trong, giặc ngoài

Trải qua lịch sử văn xây,

Thắng trăm chế độ lại gầy bá vương.

Đánh nhau xương ngáp chiến trường, 2351

Tập trung quyền lực mở đường quốc gia.

Về sau thống nhứt sơn hà,

Lập thành một nước gọi là Yên-đông.

<sup>22</sup> Các con trai ông Lô-tan là: Khô-ri và Hê-mam; em gái ông Lô-tan là Tim-na. <sup>23</sup> Đây là các con trai ông Sô-van: An-van, Ma-na-khát, Ê-van, Sơ-phô và Ô-nam. <sup>24</sup> Đây là các con trai ông Xíp-ôn: Ai-gia và A-na. Ông A-na này là người đã tìm thấy suối nước nóng trong sa mạc khi chăn lừa cho cha mình là ông Xíp-ôn. <sup>25</sup> Đây là các con ông A-na: Đi-sôn và O-ho-li-va-ma, con gái ông A-na. <sup>26</sup> Đây là các con trai ông Đi-sôn: Khem-đan, Ét-ban, Gít-ran và Cơ-ran. <sup>27</sup> Đây là các con trai ông Ê-xe: Bin-han, Da-a-van và A-can. <sup>28</sup> Đây là các con trai ông Đi-san: Út và A-ran. <sup>29</sup> Sau đây là các tộc trưởng người Khô-ri: tộc trưởng Lô-tan, tộc trưởng Sô-van, tộc trưởng Xíp-ôn, tộc trưởng A-na, <sup>30</sup> tộc trưởng Đi-sôn, tộc trưởng Ê-xe, tộc trưởng Đi-san. Đó là các tộc trưởng người Khô-ri theo các thị tộc của họ, ở đất Xê-ia. <sup>31</sup> Sau đây là các vua đã trị vì đất Ê-đôm trước khi có một vua trị vì con cái Ít-ra-en. <sup>32</sup> Vua Be-la, con ông Bơ-o, trị vì Ê-đôm; thành của vua tên là Đin-ha-va. <sup>33</sup> Vua Be-la qua đời, ông Giô-váp, con ông De-rác, người thành Bót-ra, lên kế vị. <sup>34</sup> Vua Giô-váp qua đời, ông Khu-sam, người gốc xứ Tê-man, lên kế vị. <sup>35</sup> Vua Khu-sam qua đời, ông Ha-đát, con ông Bơ-đát, lên kế vị. Vua này đánh bại người Ma-đi-an trong cánh đồng Mô-áp; thành của vua tên là A-vít. <sup>36</sup> Vua Ha-đát qua đời, ông Xam-la, người thành Mát-rê-ca, lên kế vị. <sup>37</sup> Vua Xam-la qua đời, vua Sa-un, người thành Rơ-không-vốt Ha Na-ha lên kế vị. <sup>38</sup> Vua Sa-un qua đời, ông Ba-an Kha-

<sup>1</sup> Gia-cước đời sống khác hơn, 2355

Tin vào Thượng-đế nguồn ơn sinh tồn.

Luôn luôn nhắc nhở cháu con,

Thuận thiên vi bản, hoà nhơn vi cần.

<sup>2</sup> Nói qua Du-tiếp đang xuân,

Thường theo anh lớn đi chăn các bầy.

Thấy gì cũng mách cha hay, 2361

Ghe phen Gia-cước quở rầy các anh.

<sup>3</sup> Du-tiếp tánh nét hiền lành,

Cha sắm áo mới cùng tin cậy nhiều.

<sup>4</sup> Các anh thấy kẻ được yêu, 2365

Đem lòng ganh ghét ra chịu rẽ phân.

<sup>5</sup> Tị hiềm càng lúc càng tăng,

Nhút là những chuyện lằng nhằng chiêm bao:

<sup>6</sup> Rằng: "... Khi mùa gặt bắt đầu,

Chúng ta hết thầy kéo nhau ra đồng,

<sup>7</sup> Mỗi người bó lúa vừa xong, 2371

Bó chur huynh thầy bao vòng bó tôi,

<sup>1</sup> Gia-cước đời sống khác hơn 2355

Tin vào Thượng đế nguồn ơn sinh tồn. <sup>a</sup>

Lúc nào cũng nhắc cháu con,

Thuận thiên vi bản, hoà nhơn vi cần.

<sup>2</sup> Nói qua **Du-tiếp** <sup>b</sup> đang xuân,

Thường theo anh lớn đi chăn các bầy.

Thấy gì cũng mách cha hay, 2361

Ghe phen Gia-cước **la** rầy các anh. <sup>c</sup>

<sup>3</sup> **Du-tiếp** tánh nét hiền lành,

Cha sắm áo mới cùng tin cậy nhiều.

<sup>4</sup> Các anh thấy kẻ được yêu 2365

Đem lòng ghen ghét, ra chiều rẽ phân.

<sup>5</sup> Tị hiềm càng lúc càng tăng.

Nhút là mấy chuyện lằng nhằng chiêm bao. <sup>d</sup>

<sup>6</sup> Rằng: "Khi mùa gặt bắt đầu,

Chúng ta hết thầy kéo nhau ra đồng,

<sup>7</sup> Mỗi người bó lúa vừa xong, 2371

Bó chur huynh thầy bao vòng bó tôi.

<sup>a</sup> Hai lối sống của anh em song thai này khác xa nhau: Ân-giao theo đời, đem nhân lực ra lập nghiệp, còn Gia-cước theo đạo lấy thiên lực làm nền tảng để sinh tồn.

<sup>b</sup> Du-tiếp: Joseph, con Gia-cước do bà vợ La-cương (Rachel) sinh ra.

<sup>c</sup> Các anh Du-tiếp rất ghét cái tật hay mét thét, đã vậy mà cha già còn thương riêng.

<sup>d</sup> Cộng thêm mấy chuyện chiêm bao của Du-tiếp, làm có thúc đẩy việc huynh đệ bất hòa.

CÓT NHỤC TƯƠNG TÀN  
BẮT EM ĐEM BẮN

Gia-cước đời sống khác hơn, 2355

Tin vào Thượng-đế nguồn ơn sinh tồn.

Luôn luôn nhắc nhở cháu con,

Thuận thiên vi bản, hoà nhơn vi cần.

Nói qua Du-tiếp đang xuân,

Thường theo anh lớn đi chăn các bầy.

Thấy gì cũng mách cha hay, 2361

Ghe phen Gia-cước quở rầy các anh.

Du-tiếp tánh nét hiền lành,

Cha sắm áo mới cùng tin cậy nhiều.

Các anh thấy kẻ được yêu, 2365

Đem lòng ganh ghét ra chiều rẽ phân.

Tị hiềm càng lúc càng tăng,

Nhút là những chuyện lằng nhằng chiêm bao:

Rằng: "... Khi mùa gặt bắt đầu,

Chúng ta hết thầy kéo nhau ra đồng,

Mỗi người bó lúa vừa xong, 2371

Bó chur huynh thầy bao vòng bó tôi,



**Bản văn Kinh thánh**

nan, con ông Ác-bo, lên kế vị.<sup>39</sup> Vua Ba-an Kha-nan, con ông Ác-bo, qua đời, ông Ha-đa lên kế vị; thành của vua tên là Pa-u, vợ vua tên là Mơ-hê-táp-ên, con gái ông Mát-rét, người thành Mê Da-háp.<sup>40</sup> Sau đây là tên các tộc trưởng phát xuất từ ông Ê-xau, theo dòng họ và địa phương của họ, theo tên của họ: tộc trưởng Tim-ma, tộc trưởng An-va, tộc trưởng Giơ-thết,<sup>41</sup> tộc trưởng O-ho-li-va-ma, tộc trưởng Ê-la, tộc trưởng Pi-nôn,<sup>42</sup> tộc trưởng Cơ-nát, tộc trưởng Tê-man, tộc trưởng Míp-xa,<sup>43</sup> tộc trưởng Mác-đi-ên, tộc trưởng I-ram. Đó là các tộc trưởng Ê-đôm, theo nơi ở của họ trong đất thuộc quyền sở hữu của họ. Chính ông Ê-xau là cha của dân Ê-đôm.

**37**

<sup>1</sup> Ông Gia-cóp sống trong đất mà cha của ông đã trú ngụ, là đất Ca-an-an.  
<sup>2</sup> Sau đây là gia đình ông Gia-cóp. Giu-se được mười bảy tuổi thì đi chăn chiên dê với các anh. Khi ấy cậu còn trẻ, cậu đi với các con trai bà Bin-ha và các con trai bà Din-pa, là các bà vợ của cha cậu. Cậu mách cha tiếng đồn không hay về họ.  
<sup>3</sup> Ông Ít-ra-en yêu Giu-se hơn tất cả các con, vì ông đã già mới sinh được cậu, và ông may cho cậu một áo chùng dài tay.<sup>4</sup> Các anh cậu thấy cha yêu cậu hơn tất cả các anh, thì sinh lòng ghét cậu và không thể nói năng tử tế với cậu.  
<sup>5</sup> Giu-se chiêm bao, cậu thuật lại cho các anh, khiến họ càng ghét cậu thêm.<sup>6</sup> Cậu nói với họ: “Xin

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Sấp mình xuống lạy hẳn hoi,  
Bó tôi đứng thẳng giữa trời hiên ngang.”  
<sup>8</sup> “Chú mây bá láp bá xàm, 2375  
Các anh thần phục mây làm vua sao  
Coi chừng cái thứ chiêm bao,  
Có ngày phải biết thế nào trắng đen.”  
<sup>9</sup> Lần kia Du-tiếp lại thêm  
“Tôi còn thấy rõ một điểm chiêm bao:  
“Nhựt, nguyệt, mười một ngôi sao, 2381  
Vây quanh trước mặt khấu đầu lạy tôi.”  
<sup>10</sup> Gia-cước: “... vô lý quá rồi,  
Lẽ nào cha mẹ hoặc thời các anh,  
Sấp mình lạy đũa hậu sanh?” 2385  
<sup>11</sup> Việc này làm có đệ huynh bất hoà.  
Còn riêng ý kiến người cha,  
Tương lai không biết xảy ra thế nào.  
<sup>12</sup> Các anh chặn vật vắng lâu,  
Cha già nóng ruột lo âu nhiều điều.  
<sup>13</sup> Bèn kêu Du-tiếp thân yêu: 2391  
“Con tìm chúng nó cặm lều Sĩ-Kiên,  
<sup>14</sup> Tới thăm xem có bình yên,  
Các bầy súc vật có tuyền vẹn chẳng?”  
Đường xa Du-tiếp sẵn sàng, 2395  
Hiệp-long bỏ lại nhắm đàng Sĩ-kiên.

**Bản Paulus Tạc**

Sấp mình xuống lạy hẳn hoi,  
Bó tôi đứng thẳng giữa trời hiên ngang.”  
<sup>8</sup> “Chú mây bá láp bá xàm, 2375  
Các anh thần phục mây làm vua sao?  
Coi chừng cái thứ chiêm bao,  
Có ngày phải biết thế nào trắng đen.”  
<sup>9</sup> Lần kia, **Du-tiếp** lại thêm:  
“Tôi còn thấy rõ một điểm chiêm bao,  
Nhựt, nguyệt, mười một ngôi sao, 2381  
Vây quanh trước mặt khấu đầu lạy tôi.”  
<sup>10</sup> Gia-cước: “Vô lý quá rồi,  
Lẽ nào cha mẹ hoặc thời các anh,  
Sấp mình lạy đũa hậu sanh?” 2385  
<sup>11</sup> Việc này thêm có đệ huynh bất hòa.  
Còn riêng ý kiến người cha,  
Tương lai không biết xảy ra thế nào.  
<sup>12</sup> Các anh chặn vật vắng lâu,  
Cha già nóng ruột lo âu nhiều điều.  
<sup>13</sup> Bèn kêu **Du-tiếp** thân yêu: 2391  
“Con tìm chúng nó cặm lều **Sĩ-kiên**,  
<sup>14</sup> Đến thăm xem có bình yên,  
Các bầy súc vật có tuyền vẹn chẳng?”  
Đường xa **Du-tiếp** sẵn sàng, 2395  
Hiệp-long bỏ lại nhắm đàng **Sĩ-kiên**.

**Bản phục chế đề nghị**

Sấp mình xuống lạy hẳn hoi,  
Bó tôi đứng thẳng giữa trời hiên ngang.”  
“Chú mây bá láp bá xàm, 2375  
Các anh thần phục mây làm vua sao  
Coi chừng cái thứ chiêm bao,  
Có ngày phải biết thế nào trắng đen.”  
Lần kia Du-tiếp lại thêm  
“Tôi còn thấy rõ một điểm chiêm bao:  
“Nhựt, nguyệt, mười một ngôi sao, 2381  
Vây quanh trước mặt khấu đầu lạy tôi.”  
Gia-cước: “... vô lý quá rồi,  
Lẽ nào cha mẹ hoặc thời các anh,  
Sấp mình lạy đũa hậu sanh?” 2385  
Việc này làm có đệ huynh bất hoà.  
Còn riêng ý kiến người cha,  
Tương lai không biết xảy ra thế nào.  
Các anh chặn vật vắng lâu,  
Cha già nóng ruột lo âu nhiều điều.  
Bèn kêu Du-tiếp thân yêu: 2391  
“Con tìm chúng nó cặm lều Sĩ-kiên,  
Tới thăm xem có bình yên,  
Các bầy súc vật có tuyền vẹn chẳng?”  
Đường xa Du-tiếp sẵn sàng, 2395  
Hiệp-long bỏ lại nhắm đàng Sĩ-kiên.

### Bản văn Kinh thánh

nghe em kể giấc chiêm bao của em. <sup>7</sup> Em thấy chúng ta đang bó những bó lúa ở giữa đồng, thì bó lúa của em vươn dậy, đứng thẳng lên, còn những bó lúa của các anh bao quanh và sụp xuống lạy bó lúa của em.” <sup>8</sup> Các anh bảo cậu: “Mày muốn làm vua làm chúa thống trị chúng tao sao?” Và họ càng ghét cậu thêm vì những chiêm bao và những lời nói của cậu. <sup>9</sup> Một lần khác cậu lại chiêm bao và kể cho các anh. Cậu nói: “Em lại chiêm bao. Em thấy mặt trời, mặt trăng và mười một ngôi sao đang sụp xuống lạy em.” <sup>10</sup> Cậu kể lại cho cha và các anh, nhưng cha cậu mắng cậu và nói: “Giấc chiêm bao mày đã thấy là gì? Tao, mẹ mày và các anh mày lại phải đến sụp xuống đất lạy mày sao?” <sup>11</sup> Các anh ghen với cậu, còn cha cậu thì ghi nhớ điều ấy.

<sup>12</sup> Các anh cậu đã đi chặn chiên dê của cha họ ở Si-khem. <sup>13</sup> Ông Ít-ra-en bảo Giu-se: “Các anh con đang chặn chiên dê ở Si-khem phải không? Lại đây, cha sai con đến với các anh.” Cậu thưa: “Dạ, con đây!” <sup>14</sup> Ông bảo cậu: “Con hãy đi xem các anh con có được yên lành không, xem chiên dê có được yên lành không, rồi đem tin về cho cha.” Rồi ông sai cậu đi từ thung lũng Khép-rôn, và cậu đến Si-khem.

<sup>15</sup> Có người gặp thấy cậu đi lang thang ngoài đồng; người đó hỏi cậu rằng: “Anh tìm gì đấy?” <sup>16</sup> Cậu đáp: “Tôi đang tìm các anh tôi. Xin làm ơn chỉ cho tôi biết họ đang chặn ở đâu.” <sup>17</sup> Người đó nói: “Họ đã lên đường đi khỏi đây, vì tôi có nghe họ nói: ‘Chúng ta đi Đôn-than

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>15</sup> Tới nơi bốn phía im lìm,

Du-tiếp bối rối lợi tim đó đây.

<sup>16</sup> Gặp người hành lộ tỏ bày,

Họ rằng: “... có thấy sớm mai đoàn người,

<sup>17</sup> Lúa chiêm về phía cuối đồi, 2401

Tức vùng Đôn-thạnh <sup>a</sup> là nơi cỏ nhiều.”

Du-tiếp thẳng tới mục tiêu,

<sup>18</sup> Các anh trông thấy <sup>19</sup> bàn liều với nhau:

“Kìa thẳng mộng寐 tầm phào, 2405

<sup>20</sup> Tụi mình hạ sát ném vào hố sâu,

Đòn tin muông sói vật đầu,

Thế là hết chuyện chiêm bao bực mình”.

<sup>21</sup> Bấy giờ anh cả Lữ-bình,

Có lòng muốn cứu bèn lên tiếng rằng:

<sup>22</sup> “Không nên làm chuyện sát nhân, 2411

Kéo rồi làm họa máu oan khôn cùng,

Thà quăng xuống giếng cho xong.”

Lữ-bình nói vậy, dự phòng cứu em.

<sup>23</sup> Du-tiếp vừa tới gần bên, 2415

Các anh tóm cổ lột xiêm áo ngoài.

<sup>24</sup> Lôi đầu xô xuống giếng khơi,

Khóc la mặc khóc, họ ngồi ăn cơm.

<sup>a</sup> Đôn-thạnh, là ngữ Dothain, một đồng bằng cách xa Samaria lối mười hai dặm.

### Bản Paulus Tạc

<sup>15</sup> Đến nơi, bốn phía im lìm,

Du-tiếp bối rối, lợi tim đó đây.

<sup>16</sup> Gặp người hành lộ, tỏ bày,

Họ rằng có thấy sớm mai đoàn người,

<sup>17</sup> Lúa chiêm về phía cuối đồi, 2401

Tức vùng Đôn-thạnh là nơi cỏ nhiều,

Du-tiếp thẳng đến mục tiêu

<sup>18</sup> Các anh trông thấy, <sup>19</sup> bàn liều với nhau:

“Kìa thẳng mộng寐 tầm phào, 2405

<sup>20</sup> Tụi mình bóp cổ ném vào hố sâu,

Phao tin muông sói vật đầu,

Thế là hết chuyện chiêm bao bực mình.”

<sup>21</sup> Bấy giờ anh cả Lữ-bình,

Có lòng muốn cứu bèn lên tiếng rằng:

<sup>22</sup> “Không nên làm chuyện sát nhân, 2411

Kéo rồi làm họa máu oan khôn cùng.

Thà quăng xuống giếng cho xong.”

Lữ-bình nói vậy, dự phòng cứu em.

<sup>23</sup> Du-tiếp mới tới gần bên, 2415

Các anh tóm cổ lột xiêm áo ngoài.

<sup>24</sup> Lôi đầu xô xuống giếng khơi,

Khóc la mặc khóc, họ ngồi ăn cơm.

### Bản phục chế đề nghị

Tới nơi bốn phía im lìm,

Du-tiếp bối rối lợi tim đó đây.

Gặp người hành lộ tỏ bày.

Họ rằng: “... có thấy sớm mai đoàn người,

Lúa chiêm về phía cuối đồi, 2401

Tức vùng Đôn-thạnh là nơi cỏ nhiều.”

Du-tiếp thẳng tới mục tiêu,

Các anh trông thấy bàn liều với nhau:

“Kìa thẳng mộng寐 tầm phào, 2405

Tụi mình hạ sát ném vào hố sâu,

Đòn tin muông sói vật đầu,

Thế là hết chuyện chiêm bao bực mình”.

Bấy giờ anh cả Lữ-bình,

Có lòng muốn cứu bèn lên tiếng rằng:

“Không nên làm chuyện sát nhân, 2411

Kéo rồi làm họa máu oan khôn cùng,

Thà quăng xuống giếng cho xong.”

Lữ-bình nói vậy, dự phòng cứu em.

Du-tiếp vừa tới gần bên, 2415

Các anh tóm cổ lột xiêm áo ngoài.

Lôi đầu xô xuống giếng khơi,

Khóc la mặc khóc, họ ngồi ăn cơm.

**Bản văn Kinh thánh**

nào!” Giu-se theo các anh và tìm thấy họ ở Đô-than.

<sup>18</sup> Họ thấy cậu từ xa, và trước khi cậu tới gần họ thì họ lập mưu giết chết cậu. <sup>19</sup> Họ bảo nhau: “Thằng tướng chiêm bao đang đến kia! <sup>20</sup> Bây giờ, nào ta giết và ném nó xuống một cái giếng. Ta sẽ nói là một thú dữ đã ăn thịt nó. Rồi ta sẽ thấy các chiêm bao của nó đi tới đâu!”

<sup>21</sup> Nghe thấy thế, Rưu-vên tìm cách cứu em khỏi tay họ; cậu nói: “Ta đừng đụng tới mạng sống nó.”

<sup>22</sup> Rưu-vên bảo họ: “Đừng đổ máu! Cứ ném nó xuống cái giếng kia trong sa mạc, nhưng đừng giơ tay hại nó.” Cậu có ý cứu em khỏi tay họ và đưa về cho cha. <sup>23</sup> Vậy khi Giu-se đến chỗ các anh, thì họ lột áo chùng của cậu, chiếc áo chùng dài tay cậu đang mặc. <sup>24</sup> Họ túm lấy cậu và ném xuống cái giếng; giếng đó cạn, không có nước. <sup>25</sup> Rồi họ ngồi xuống dùng bữa.

Ngước mắt lên, họ thấy một đoàn người Ít-ma-ên đang từ Ga-la-át tới. Lạc đà của những người này chở nhựa thơm, nhũ hương và mộc dược để đưa xuống Ai-cập.

<sup>26</sup> Giu-đa nói với các anh em: “Ta giết em và phủ lấp máu nó, nào có ích lợi gì? <sup>27</sup> Thôi, ta hãy bán nó cho người Ít-ma-ên, nhưng đừng động tay tới nó, vì nó là em ta, là ruột thịt của ta.” Các anh em nghe cậu.

<sup>28</sup> Những lái buôn người Ma-đi-an đi qua đó kéo Giu-se lên khỏi giếng, rồi bán cậu cho người Ít-ma-ên hai mươi đồng bạc. Những người này đưa Giu-se sang Ai-cập. <sup>29</sup> Khi Rưu-vên trở lại giếng thì thấy Giu-se không còn ở dưới

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>25</sup> Đàng xa một bọn lái buôn,

Xuất từ Giao-lập nhắm đường Giép-tô,

Lạc-đà hàng chục chở đồ, 2421

Nhũ hương, mộc dược, vải sô, quế khô.

<sup>26</sup> Bấy giờ, Du-đạc bày đầu:

“Giết em bỏ đói, ác nào lớn hơn,

<sup>27</sup> Chi bằng bán quách cho xong, 2425

Lấy tiền ăn nhậu, sống còn mặc ai!”

Anh em đồng ý việc này,

Lái buôn đón lại, kèo nài giá mua.

<sup>28</sup> Tính tiền hai chục là vừa,

Tiền trao cháo múc, lái đưa lên đường.

Du-tiếp kêu khóc thảm thương, 2431

Đành sang nước Giép, quê hương dứt lia.

<sup>29</sup> Lữ-bình xong việc trở về,

Tim em không được, dầm dề khóc than.

<sup>30</sup> Mắng bầy em ác làm ngang, 2435

Tủi quyền anh cả, sống làm sao đây.

<sup>31</sup> Ghê thay, cái lũ ác này,

Lấy áo Du-tiếp bôi đầy máu dê,

<sup>32</sup> Sai người hỏi hỏi đem về,

Dối rằng họ gặp bên khe, áo này,

Nhưng mà không biết của ai, 2441

Gia-cước nhìn biết, lòng đầy xót xa:

**Bản Paulus Tạc**

<sup>25</sup> Đàng xa một bọn lái buôn,

Xuất từ Giao-lập nhắm đường Giép-tô.

Lạc-đà hàng chục tải đồ, 2421

Nhũ hương, mộc dược, vải sô, quế khô.

<sup>26</sup> Bấy giờ Du-đạc bày đầu:

Giết em bỏ đói, ác nào lớn hơn.

<sup>27</sup> Chi bằng bán quách cho xong, 2425

Lấy tiền ăn nhậu, sống còn mặc ai?”

Anh em đồng ý việc này,

Lái buôn đón lại, kèo nài giá mua.

<sup>28</sup> Tính tiền hai chục là vừa,

Tiền trao cháo múc, lái đưa lên đường.

Du-tiếp kêu khóc thảm thương, 2431

Đành sang nước Giép, quê hương dứt lia.

<sup>29</sup> Lữ-bình xong việc trở về,

Tim em không được, dầm dề khóc than.

<sup>30</sup> Mắng bầy em ác, làm ngang, 2435

Tủi quyền anh cả, sống làm sao đây!

<sup>31</sup> Ghê thay, cái lũ ác này,

Lấy áo Du-tiếp bôi đầy máu dê.

<sup>32</sup> Sai người hỏi hỏi mang về,

Dối rằng họ gặp bên khe áo này.

Nhưng mà không biết của ai? 2441

Gia-cước nhìn biết lòng đầy xót xa:

**Bản phục chế đề nghị**

Đàng xa một bọn lái buôn,

Xuất từ Giao-lập nhắm đường Giép-tô,

Lạc-đà hàng chục chở đồ, 2421

Nhũ hương, mộc dược, vải sô, quế khô.

Bấy giờ, Du-đạc bày đầu:

“Giết em bỏ đói, ác nào lớn hơn,

Chi bằng bán quách cho xong, 2425

Lấy tiền ăn nhậu, sống còn mặc ai!”

Anh em đồng ý việc này,

Lái buôn đón lại, kèo nài giá mua.

Tính tiền hai chục là vừa,

Tiền trao cháo múc, lái đưa lên đường.

Du-tiếp kêu khóc thảm thương, 2431

Đành sang nước Giép, quê hương dứt lia.

Lữ-bình xong việc trở về,

Tim em không được, dầm dề khóc than.

Mắng bầy em ác làm ngang, 2435

Tủi quyền anh cả, sống làm sao đây.

Ghê thay, cái lũ ác này,

Lấy áo Du-tiếp bôi đầy máu dê,

Sai người hỏi hỏi đem về,

Dối rằng họ gặp bên khe, áo này,

Nhưng mà không biết của ai, 2441

Gia-cước nhìn biết, lòng đầy xót xa:

**Bản văn Kinh thánh**

giếng nữa. Cậu liền xé áo mình ra.  
<sup>30</sup> Cậu đến nói với các em: “Thằng bé không còn nữa! Còn tôi, tôi biết đi đâu bây giờ!”  
<sup>31</sup> Họ lấy áo chùng của Giu-se, giết một con dê đực, rồi nhúng áo chùng vào máu. <sup>32</sup> Họ gửi người mang cái áo chùng dài tay về cho cha họ và nói: “Chúng con đã thấy cái này. Xin cha nhận ra xem có phải là áo của con cha hay không.”  
<sup>33</sup> Ông nhận ra cái áo và kêu lên: “Áo chùng của con tôi đây! Thú dữ đã ăn thịt nó! Giu-se đã bị xé xác rồi!” <sup>34</sup> Ông Gia-cóp xé áo mình ra, quần áo vải thô ngang lưng và để tang Giu-se lâu ngày. <sup>35</sup> Tất cả các con trai con gái ông đến an ủi ông, nhưng ông không chịu cho người ta an ủi; ông nói: “Cha sẽ để tang mà xuống với con cha ở âm phủ.” Và cha cậu khóc thương cậu.  
<sup>36</sup> Người Ma-đi-an đem bán cậu tại Ai-cập cho ông Pô-ti-pha là thái giám của Pha-ra-ô và là chỉ huy thị vệ.

**38**

<sup>1</sup> Thời ấy, ông Giu-đa rời bỏ anh em, xuống thăm một người thành A-đu-lam tên là Khi-ra. <sup>2</sup> Tại đó ông Giu-đa thấy con gái một người Ca-na-an, tên ông này là Su-a. Ông lấy nàng và ăn ở với nàng. <sup>3</sup> Nàng có thai, sinh con trai, và ông đặt

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**  
<sup>33</sup> “Đúng rồi, tằm áo con ta,  
 Bị con thú dữ đã tha phương nào!”  
<sup>34</sup> Cha già than khóc xiết bao, 2445  
 Lời khuyên tiếng dõ, chuối sầu không phai.  
<sup>35</sup> Cả nhà hết sức giải khuây,  
 Nhưng người vẫn nói “Kiếp này bỏ đi”  
 Mịt mờ tử biệt, sinh ly,  
 Tấm lòng phụ tử có gì nặng hơn.  
<sup>36</sup> Đồng thời thì bọn lái buôn, 2451  
 Du-tiếp đem bán thị trường Giép-tô.  
 Thấy chàng mặt mũi khô ngô,  
 Bằng-phan<sup>a</sup> đương chức trào đơ, mua về  
 Bất làm nô lệ hầu kẻ, 2455  
 Khi thì sai vặt, lúc thì tưới cây.

**38**

<sup>1</sup>Chuyện đời lảm cái lá lay,  
 Trưởng thành, Du-đạc tách bầy anh em.  
 Theo người bạn thiết Hiếu-liêm,<sup>b</sup>  
<sup>2</sup> Tại đây lui tới, được quen một nàng.  
 Gốc người cũng ở Trà-nam, 2461  
 Xuân-anh<sup>c</sup> tên gọi, sắt cầm sánh vai.

<sup>a</sup> Bằng-phan, là nữ Putiphar, một võ quan cao cấp của triều đình Phan-vương (Pharaon.)  
<sup>b</sup> Hiếu-liêm, là nữ Hiram.  
<sup>c</sup> Xuân-anh, là nữ Sue.

**Bản Paulus Tọa**  
<sup>33</sup> “Đúng rồi, tằm áo con ta,  
 Bị bầy thú dữ đã tha phương nào!”  
<sup>34</sup> Cha già than khóc xiết bao, 2445  
**Vật mình, xé áo, đón đau lâu ngày.**  
<sup>35</sup> Cả nhà hết sức giải khuây,  
 Nhưng người vẫn nói: “Kiếp này bỏ đi.”  
 Mịt mờ tử biệt, sinh ly,  
 Tấm lòng phụ tử có gì nặng hơn.  
<sup>36</sup> **Lúc ấy**, thì bọn lái buôn, 2451  
**Du-tiếp** đem bán thị trường Giép-tô.  
 Thấy chàng mặt mũi khô ngô,  
 Bằng-phan đương chức trào đơ, mua về.  
 Bất làm nô lệ hầu kẻ, 2455  
 Khi thì sai vặt, lúc thì tưới cây.

**38**

<sup>1</sup>Chuyện đời lảm cái lá lay,  
 Trưởng thành, Du-đạc tách bầy anh em.  
 Theo người bạn thiết Hiếu-liêm  
<sup>2</sup> Tại đây lui tới, được quen một nàng,  
 Gốc người cũng ở Trà-nam, 2461  
 Xuân-anh tên gọi, sắt cầm sánh vai.

**Bản phục chế đề nghị**  
 “Đúng rồi, tằm áo con ta,  
 Bị con thú dữ đã tha phương nào!”  
 Cha già than khóc xiết bao, 2445  
 Lời khuyên tiếng dõ, chuối sầu không phai.  
 Cả nhà hết sức giải khuây,  
 Nhưng người vẫn nói “Kiếp này bỏ đi”  
 Mịt mờ tử biệt, sinh ly,  
 Tấm lòng phụ tử có gì nặng hơn.  
 Đồng thời thì bọn lái buôn, 2451  
 Du-tiếp đem bán thị trường Giép-tô.  
 Thấy chàng mặt mũi khô ngô,  
 Bằng-phan đương chức trào đơ, mua về  
 Bất làm nô lệ hầu kẻ, 2455  
 Khi thì sai vặt, lúc thì tưới cây.

**38**

**THANH-MAI ĐÓT SÔNG  
 KỶ LẠ SONG THAI**  
 Chuyện đời lảm cái lá lay,  
 Trưởng thành, Du-đạc tách bầy anh em.  
 Theo người bạn thiết Hiếu-liêm,  
 Tại đây lui tới, được quen một nàng.  
 Gốc người cũng ở Trà-nam, 2461  
 Xuân-anh tên gọi, sắt cầm sánh vai.

**Bản văn Kinh thánh**

tên cho nó là E. <sup>4</sup> Nàng lại có thai, sinh con trai, và ông đặt tên cho nó là Ô-nan. <sup>5</sup> Một lần nữa, nàng lại sinh con trai, và ông đặt tên cho nó là Sê-la. Ông đang ở Cơ-díp khi nàng sinh nó.

<sup>6</sup> Ông Giu-đa cưới cho E, con trai đầu lòng của ông, một người vợ tên là Ta-ma. <sup>7</sup> E, con đầu lòng ông Giu-đa, làm mất lòng Đức Chúa, nên Đức Chúa khiến cậu chết. <sup>8</sup> Ông Giu-đa bảo Ô-nan: “Con hãy ăn ở với chị dâu con, hãy chu toàn nhiệm vụ của một người em chồng, và làm cho anh con có người nối dõi.” <sup>9</sup> Ô-nan biết rằng dòng dõi sinh ra sẽ không phải là của mình, nên khi ăn ở với chị dâu, thì cậu lại cho tinh rơi xuống đất, để không cho anh cậu có người nối dõi. <sup>10</sup> Hành động của cậu không đẹp lòng Đức Chúa, nên Người cũng khiến cậu chết. <sup>11</sup> Ông Giu-đa nói với Ta-ma, con dâu ông: “Con cứ ở goá bên nhà cha con, chờ khi Sê-la, con cha, lớn đã.” Thật vậy, ông tự nhủ: “Lỡ ra cả thằng này nữa cũng phải chết như các anh nó!” Vậy Ta-ma về ở bên nhà cha mình.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>3</sup> Thương nhau bao quản dậm dài,  
Năm sau sinh một con trai đầu lòng.

Đặt tên con trẻ: Hàn-long, <sup>a</sup> 2465

<sup>4</sup> Tiếp theo đũa nữa, tên thường: Hồ-năng. <sup>b</sup>

<sup>5</sup> Cuối lòng cũng một trẻ nam,

Sư-la <sup>c</sup> danh tộc, gia trang hưng thời.

<sup>6</sup> Bao năm trong khoảng đất trời,

Già đi âm cảnh, trẻ vui dương trần

Hàn-long đến tuổi trưởng thành, 2471

Dư-đạc lo vợ, cưới nàng Thanh-mai <sup>d</sup>

<sup>7</sup> Nhưng chàng cường loạn, bạc bìa,

Cho nên đoản mạng, không trai nối đời.

<sup>8</sup> Vì tuân thói tục giống nòi, 2475

Hồ-năng em kế tiếp đời chị dâu. <sup>e</sup>

Chàng buồn, san sẻ mặc dầu,

<sup>9</sup> Nghĩ mình vô hậu mà đau nỗi lòng.

Mấy phen chặn gối mặn nồng,

Nhưng đường hoà hợp vợ chồng thì ngăn.

<sup>10</sup> Luật Trời chống lại sao đang, 2481

Nên Trời dứt số Hồ-năng ở đời.

<sup>11</sup> Khuyên dâu, Dư-đạc có lời:

“Cung phu, cung tử, con thời chẳng may,

<sup>a</sup> Hàn-long, la ngữ Hero.

<sup>b</sup> Hồ-năng, la ngữ Onan.

<sup>c</sup> Sư-la, la ngữ Sela.

<sup>d</sup> Thanh-mai, la ngữ Thamar.

<sup>e</sup> Phong tục cổ dân này, nếu người anh có vợ mà không có con mà chết, thì em trai kế đó phải lấy chị dâu nối dòng cho anh.

**Bản Paulus Tạc**

<sup>3</sup> Thương nhau bao quản dậm dài,  
Năm sau sinh một con trai đầu lòng.

Đặt tên con trẻ Hàn-long, 2465

<sup>4</sup> Tiếp theo đũa nữa, tên thường Hồ-năng.

<sup>5</sup> Cuối lòng cũng một trẻ nam,

Sư-la danh tộc, gia trang hưng thời.

<sup>6</sup> Bao năm trong khoảng đất trời,

Già đi âm cảnh, trẻ vui dương trần.

Hàn-long đến tuổi trưởng thành, 2471

Dư-đạc lo vợ, cưới nàng Thanh-mai.

<sup>7</sup> Nhưng chàng cường loạn, bạc bìa,

Cho nên đoản mạng bởi tay ông Trời.

<sup>8</sup> Vì tuân thói tục giống nòi, 2475

Hồ-năng em kế, nối đời chị dâu.

Chàng buồn san sẻ mặc dầu,

<sup>9</sup> Nghĩ mình vô hậu mà đau nỗi lòng.

Mấy phen chặn gối mặn nồng.

Nhưng đường hòa hợp vợ chồng thì ngăn.

<sup>10</sup> Luật Trời chống lại sao đang, 2481

Nên Trời dứt số Hồ-năng ở đời.

<sup>11</sup> Khuyên dâu, Dư-đạc có lời:

“Cung phu, cung tử, con thời chẳng may.

**Bản phục chế đề nghị**

Thương nhau bao quản dậm dài,  
Năm sau sinh một con trai đầu lòng.

Đặt tên con trẻ: Hàn-long, 2465

Tiếp theo đũa nữa, tên thường: Hồ-năng.

Cuối lòng cũng một trẻ nam,

Sư-la danh tộc, gia trang hưng thời.

Bao năm trong khoảng đất trời,

Già đi âm cảnh, trẻ vui dương trần

Hàn-long đến tuổi trưởng thành, 2471

Dư-đạc lo vợ, cưới nàng Thanh-mai.

Nhưng chàng cường loạn, bạc bìa,

Cho nên đoản mạng, không trai nối đời.

Vì tuân thói tục giống nòi, 2475

Hồ-năng em kế tiếp đời chị dâu.

Chàng buồn, san sẻ mặc dầu,

Nghĩ mình vô hậu mà đau nỗi lòng.

Mấy phen chặn gối mặn nồng,

Nhưng đường hoà hợp vợ chồng thì ngăn.

Luật Trời chống lại sao đang, 2481

Nên Trời dứt số Hồ-năng ở đời.

Khuyên dâu, Dư-đạc có lời:

“Cung phu, cung tử, con thời chẳng may,

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>12</sup> Ngày tháng trôi qua, người con gái ông Su-a, là vợ ông Giu-đa, qua đời. Mãn tang vợ, ông Giu-đa, cùng với bạn là ông Khi-ra, người A-đu-lam, lên Tim-na gặp các thợ xén lông chiên của ông. <sup>13</sup> Người ta báo cho Ta-ma hay rằng: “Này, cha chồng của chị đang lên Tim-na xén lông chiên của ông ấy!” <sup>14</sup> Nàng liền bỏ áo bà goá, lấy khăn trùm lên, phủ kín mình, rồi ngồi ở lối vào Ê-na-gim, một thành nằm trên đường đi Tim-na. Nàng làm thế vì thấy rằng Sê-la đã lớn mà người ta không cho nàng làm vợ cậu. <sup>15</sup> Ông Giu-đa trông thấy nàng, tưởng là một gái điếm, vì nàng đã che mặt. <sup>16</sup> Ông rẽ qua phía nàng bên lề đường và nói: “Cho tôi đến với cô.” Ông không biết nàng là con dâu ông. Nàng hỏi: “Ông cho em gì để đến với em?” <sup>17</sup> Ông đáp: “Tôi sẽ bắt một con dê con trong đàn gửi đến cho cô.” Nàng lại nói: “Vậy xin ông cho em một vật làm tin, cho tới khi ông gửi đến.” <sup>18</sup> Ông hỏi: “Tôi phải cho cô vật gì làm tin?” Nàng đáp: “Chiếc ấn của ông, sợi

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Về cha mẹ ruột qua ngày, 2485  
Chờ Su-la lớn, sau này sẽ hay.”  
Dư-đạc chết mất hai trai,  
Nên e đứa út gập tay sát chồng.  
Thanh-mai goá bụa nâu sòng,  
Trở về cha mẹ, chờ mong cuộc đời.  
<sup>12</sup> Buồn trông vật đổi sao dời, 2491  
Dư-đạc vợ chết, lẻ loi tháng ngày.  
Hiếu-liêm bạn cũ vắng lai,  
Bên trong đùm đạo, việc ngoài chăn nuôi.  
<sup>13</sup> Đường làng kẻ tới người lui, 2495  
Họ đồn Dư-đạc hay chơi xóm này.  
<sup>14</sup> Thanh-mai trâm giắt, lược cài,  
Lấy khăn bao mặt, áo dài nhũm nha.  
Chiều chiều ra đứng ngã ba,  
<sup>15</sup> Một hôm Dư-đạc ngỡ là gái chơi,  
<sup>16</sup> Tôi gần trao đổi mấy lời: 2501  
“Đêm nay nàng đến với tôi được nào?”  
Xin ngài chút lộc cho đào?”  
<sup>17</sup> “Một con chiên béo sẽ trao cho nàng.”  
“Được rồi, nhưng vật làm bằng, 2505  
Khi đem chiên tới sẽ hoàn lại cho.”  
<sup>18</sup> “Vậy nàng hãy chọn món đồ?”  
“Thưa xin nhẫn, xuyên, gậy từ tay ông?”

**Bản Paulus Tọa**

Về **nuơng** cha mẹ qua ngày, 2485  
Chờ Su-la lớn, sau này sẽ hay.”  
Dư-đạc chết mất hai trai,  
Nên e đứa út **xuôi** tay, **tuyệt** dòng.  
Thanh-mai **từ** già nhà chồng,  
Trở về cha mẹ, chờ mong cuộc đời.  
<sup>12</sup> Buồn trông vật đổi sao dời, 2491  
Dư-đạc vợ chết, lẻ loi tháng ngày  
Hiếu-liêm bạn cũ vắng lai,  
Bên trong đùm đạo, việc ngoài chăn nuôi.  
<sup>13</sup> Đường làng kẻ tới người lui, 2495  
Họ đồn Dư-đạc hay chơi xóm này.  
<sup>14</sup> Thanh-mai trâm giắt, lược cài,  
Lấy khăn bao mặt, áo dài nhũm nha.  
Chiều chiều ra đứng ngã ba,  
<sup>15</sup> Một hôm Dư-đạc ngỡ là gái chơi.  
<sup>16</sup> Đến gần trao đổi mấy lời:  
Đêm nay nàng đến với tôi được nào?  
“Xin ngài chút lộc cho đào?”  
<sup>17</sup> “Một con chiên béo sẽ trao cho nàng.”  
“Được rồi, nhưng vật làm bằng, 2505  
Khi đem chiên **đến** sẽ hoàn lại cho?”  
<sup>18</sup> “Vậy nàng hãy chọn món đồ?”  
“Thưa xin nhẫn xuyên gậy từ tay ông.”

**Bản phục chế đề nghị**

Về cha mẹ ruột qua ngày, 2485  
Chờ Su-la lớn, sau này sẽ hay.”  
Dư-đạc chết mất hai trai,  
Nên e đứa út gập tay sát chồng.  
Thanh-mai goá bụa nâu sòng,  
Trở về cha mẹ, chờ mong cuộc đời.  
<sup>12</sup> Buồn trông vật đổi sao dời, 2491  
Dư-đạc vợ chết, lẻ loi tháng ngày.  
Hiếu-liêm bạn cũ vắng lai,  
Bên trong đùm đạo, việc ngoài chăn nuôi.  
<sup>13</sup> Đường làng kẻ tới người lui, 2495  
Họ đồn Dư-đạc hay chơi xóm này.  
<sup>14</sup> Thanh-mai trâm giắt, lược cài,  
Lấy khăn bao mặt, áo dài nhũm nha.  
Chiều chiều ra đứng ngã ba,  
<sup>15</sup> Một hôm Dư-đạc ngỡ là gái chơi,  
<sup>16</sup> Tôi gần trao đổi mấy lời: 2501  
“Đêm nay nàng đến với tôi được nào?”  
Xin ngài chút lộc cho đào?”  
<sup>17</sup> “Một con chiên béo sẽ trao cho nàng.”  
“Được rồi, nhưng vật làm bằng, 2505  
Khi đem chiên tới sẽ hoàn lại cho.”  
<sup>18</sup> “Vậy nàng hãy chọn món đồ?”  
“Thưa xin nhẫn, xuyên, gậy từ tay ông?”

**Bản văn Kinh thánh**

dây đeo ấn và cây gậy ông cầm ở tay.” Ông đưa cho nàng những thứ đó, rồi đến với nàng, và nàng có thai với ông.<sup>19</sup> Nàng đứng lên, đi khỏi, bỏ khăn trùm và mặc lại áo bà goá.

<sup>20</sup> Ông Giu-đa nhờ người bạn ở A-đu-lam mang dê con đến, để lấy lại vật làm tin từ tay người đàn bà, nhưng ông này không tìm thấy nàng.<sup>21</sup> Ông này hỏi người địa phương: “Cô điếm thần ở Ê-na-gim, vẫn ngồi trên đường, đâu rồi?” Họ đã trả lời: “Ở đây chẳng hề có điếm thần.”<sup>22</sup> Ông về nói với ông Giu-đa: “Tôi không tìm thấy cô ta. Người địa phương còn nói là ở đây chẳng hề có điếm thần.”<sup>23</sup> Ông Giu-đa nói: “Cô ta cứ việc giữ những thứ ấy! Miễn sao chúng ta đừng bị chê cười. Tôi quả đã gửi con dê con này, còn anh lại không tìm thấy cô ấy!”

<sup>24</sup> Khoảng ba tháng sau, người ta báo cho ông Giu-đa rằng: “Ta-ma, con dâu ông, đã đi làm điếm; nó còn có thai vì làm điếm nữa!” Ông Giu-đa nói: “Lôi nó ra mà thiêu sống!”<sup>25</sup> Khi bị lôi ra, nàng nhờ

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Của tin Du-đạc giao xong,  
Cùng nhau một giấc vu son đêm trường.  
Canh gà vừa gáy hùng đông, **2511**  
Nàng về sống cảnh góa chồng như xưa.  
Bồi cha chồng cứ dối lừa,  
Không cho trai út tới đưa nàng về.  
Một phen mưa gió nặng nề, **2515**  
Rồi ra ai biết lỗi bẽ duyên ai.  
<sup>20</sup> Nói qua Du-đạc rạng ngày,  
Sai đem chiên đến tận tay cho nàng.  
Của tin xin lại đàng hoàng,  
Nhưng người kia kiếm mấy lần không ra.  
<sup>21</sup> Đón người qua lại ngã ba, **2521**  
Hỏi thăm kỹ nữ hôm qua đâu rồi!  
<sup>22</sup> Rằng: “... đây không có gái chơi,  
Dân làng chất phác suốt đời làm ăn.”  
Trở về thuật lại rõ ràng, **2525**  
Du-đạc dứt khoát, có nàng hay chẳng.  
<sup>23</sup> Đem chiên bỏ lại giữa đàng,  
Kéo đòi mai mĩa “điếm đàng đờn ông”.  
Phản tôi sòng phẳng thiệt lòng,  
Dè đâu bắt trắc tìm không gặp nàng.  
<sup>24</sup> Thời gian sau đó ba trăng, **2531**  
Tiếng đồn trong xứ, chuyện nàng Thanh-Mai,

**Bản Paulus Tạ**

Của tin Du-đạc giao xong,  
Cùng nhau một giấc vu son đêm trường.  
<sup>19</sup> Canh gà vừa gáy hùng đông, **2511**  
Nàng về sống cảnh góa chồng như xưa.  
Bồi cha chồng cứ dối lừa,  
Không cho trai út đến đưa nàng về.  
Một phen mưa gió nặng nề, **2515**  
Rồi ra ai biết lỗi bẽ duyên ai!  
<sup>20</sup> Nói qua Du-đạc rạng ngày,  
Sai đem chiên đến tận tay cho nàng.  
Của tin xin lại đàng hoàng,  
Nhưng người kia kiếm mấy lần không ra.  
<sup>21</sup> Đón người qua lại ngã ba, **2521**  
Hỏi thăm kỹ nữ hôm qua đâu rồi?  
<sup>22</sup> Rằng đây không có gái chơi,  
Dân làng chất phác suốt đời làm ăn.  
Trở về thuật lại rõ ràng, **2525**  
Du-đạc dứt khoát có nàng hay chẳng.  
<sup>23</sup> Đem chiên bỏ lại giữa đàng,  
Kéo đòi mai mĩa “điếm đàng đờn ông.”  
Phản tôi sòng phẳng thật lòng,  
Ngờ đâu bắt trắc tìm không gặp nàng.  
<sup>24</sup> Thời gian sau đó ba trăng, **2531**  
Tiếng đồn trong xứ chuyện nàng Thanh-mai.

**Bản phục chế đề nghị**

Của tin Du-đạc giao xong,  
Cùng nhau một giấc vu son đêm trường.  
Canh gà vừa gáy hùng đông, **2511**  
Nàng về sống cảnh góa chồng như xưa.  
Bồi cha chồng cứ dối lừa,  
Không cho trai út tới đưa nàng về.  
Một phen mưa gió nặng nề, **2515**  
Rồi ra ai biết lỗi bẽ duyên ai.  
Nói qua Du-đạc rạng ngày,  
Sai đem chiên đến tận tay cho nàng.  
Của tin xin lại đàng hoàng,  
Nhưng người kia kiếm mấy lần không ra.  
Đón người qua lại ngã ba, **2521**  
Hỏi thăm kỹ nữ hôm qua đâu rồi!  
Rằng: “... đây không có gái chơi,  
Dân làng chất phác suốt đời làm ăn.”  
Trở về thuật lại rõ ràng, **2525**  
Du-đạc dứt khoát, có nàng hay chẳng.  
Đem chiên bỏ lại giữa đàng,  
Kéo đòi mai mĩa “điếm đàng đờn ông”.  
Phản tôi sòng phẳng thiệt lòng,  
Dè đâu bắt trắc tìm không gặp nàng.  
Thời gian sau đó ba trăng, **2531**  
Tiếng đồn trong xứ, chuyện nàng Thanh-mai,

**Bản văn Kinh thánh**

người nói với cha chồng rằng: “Chính chủ những vật này đã làm cho con có thai!” Nàng còn nói: “Xin cha nhận ra xem chiếc ấn, sợi dây đeo ấn và cây gậy này là của ai.”<sup>26</sup> Ông Giu-đa nhận ra và nói: “Nó công chính hơn tôi. Quả thực tôi đã không cho nó làm vợ Sê-la, con trai tôi.” Rồi ông không ăn ở với nàng nữa.

<sup>27</sup> Đến ngày sinh, nàng sinh đôi.<sup>28</sup> Khi nàng sinh thì một đứa thò tay ra, bà đỡ cầm lấy tay, buộc sợi chỉ đỏ vào và nói: “Đứa này ra trước.”<sup>29</sup> Rồi nó rút tay vào, và đứa kia ra. Bà đỡ nói: “Thật may đã xé rào!” Người ta bèn đặt tên cho nó là Pe-rét.<sup>30</sup> Sau đó, đứa trước mới ra, có sợi chỉ đỏ ở tay; người ta đặt tên cho nó là De-rác.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Goá chồng mà lại có thai,  
 Dâu ông Du-đạc, việc này khó coi.  
 Du-đạc cảm thấy hổ ngươi, **2535**  
 Bảo đem đốt sớ, sai người dẫn đi.  
<sup>25</sup> Nàng dâu bày tỏ thị phi:  
 “Nhấn, xuyên và gậy, vật ni làm bằng,  
 Đòn ông nào đã gió trắng,  
 Mà tôi thai nghén, ngay gian xét giùm.”  
<sup>26</sup> Du-đạc, bụng hỏi lại lòng, **2541**  
 Tại mình đã hứa mà không giữ lời,  
 Su-la cũng trưởng thành rồi,  
 Ngại rằng nó chết, buông trôi việc này.  
 Con dâu tức lý ra tay, **2545**  
 Công bằng đòi hỏi một bài học đau.  
<sup>27</sup> Bảo tồn nòi giống làm đầu,  
 Thanh-mai thắng nước cờ cao cùng tài.  
 Vừa khi mãn nguyệt song thai,  
 Một trong hai đứa ló tay ra ngoài.  
<sup>28</sup> Bà mụ liền cột sợi dây, **2551**  
 Nhưng rồi nó lại rút tay trở vào.  
<sup>29</sup> Đứa sau mà lại đi đầu,  
 Đặt tên Phả-liệt,<sup>a</sup> cơ màu ai hay.  
<sup>30</sup> Dã-lân<sup>b</sup> là đứa thứ hai, **2555**  
 Tức là đứa có sợi dây buộc vào.

<sup>a</sup> Phả-liệt (Phares).  
<sup>b</sup> Dã-lâm (Zarah).

**Bản Paulus Tạc**

Goá chồng mà lại có thai,  
 Dâu ông Du-đạc, **có ai mà tôi!**  
 Du-đạc cảm thấy hổ ngươi, **2535**  
 Bảo đem đốt sớ, sai người dẫn đi.  
<sup>25</sup> Nàng dâu bày tỏ thị phi:  
 Nhấn xuyên và gậy, vật ni làm bằng.  
 Đòn ông nào đã gió trắng,  
 Mà tôi thai nghén, ngay gian xét giùm!  
<sup>26</sup> Du-đạc **ắt phải rõ hơn**, **2541**  
 Tại mình đã hứa mà không giữ lời.  
 Su-la cũng trưởng thành rồi,  
 Ngại rằng nó chết, buông trôi việc này.  
 Con dâu tức lý ra tay, **2545**  
 Công bằng đòi hỏi, một bài học đau!  
<sup>27</sup> Bảo tồn nòi giống làm đầu,  
 Thanh-mai thắng nước cờ cao cũng tài.  
 Vừa khi mãn nguyệt, song thai,  
 Một trong hai đứa ló tay ra ngoài.  
<sup>28</sup> Bà mụ liền cột sợi dây, **2551**  
 Nhưng rồi nó lại rút tay trở vào.  
<sup>29</sup> Đứa sau mà lại đi đầu,  
 Đặt tên **Phan-liệt**, cơ màu ai hay.  
<sup>30</sup> Dã-lân là đứa thứ hai, **2555**  
 Tức là đứa có sợi dây buộc vào.

**Bản phục chế đề nghị**

Goá chồng mà lại có thai,  
 Dâu ông Du-đạc, việc này khó coi.  
 Du-đạc cảm thấy hổ ngươi, **2535**  
 Bảo đem đốt sớ, sai người dẫn đi.  
 Nàng dâu bày tỏ thị phi:  
 “Nhấn, xuyên và gậy, vật ni làm bằng,  
 Đòn ông nào đã gió trắng,  
 Mà tôi thai nghén, ngay gian xét giùm.”  
 Du-đạc, bụng hỏi lại lòng, **2541**  
 Tại mình đã hứa mà không giữ lời,  
 Su-la cũng trưởng thành rồi,  
 Ngại rằng nó chết, buông trôi việc này.  
 Con dâu tức lý ra tay, **2545**  
 Công bằng đòi hỏi một bài học đau.  
 Bảo tồn nòi giống làm đầu,  
 Thanh-mai thắng nước cờ cao cùng tài.  
 Vừa khi mãn nguyệt song thai,  
 Một trong hai đứa ló tay ra ngoài.  
 Bà mụ liền cột sợi dây, **2551**  
 Nhưng rồi nó lại rút tay trở vào.  
 Đứa sau mà lại đi đầu,  
 Đặt tên Phả-liệt, cơ màu ai hay.  
 Dã-lân là đứa thứ hai, **2555**  
 Tức là đứa có sợi dây buộc vào.



<sup>1</sup> Giu-se bị đưa xuống Ai-cập. Ông Pô-ti-pha thái giám của Pha-ra-ô và chỉ huy thị vệ, một người Ai-cập, đã mua cậu từ tay người Ít-ma-ên là những người đã đưa cậu xuống đó. <sup>2</sup> Đức Chúa ở với Giu-se và cậu là một con người thành công; cậu ở trong nhà chủ cậu, người Ai-cập. <sup>3</sup> Chủ cậu thấy rằng Đức Chúa ở với cậu và mọi việc cậu làm thì Đức Chúa cho thành công. <sup>4</sup> Giu-se được đẹp lòng chủ, cậu là người phụ tá cho ông. Ông đặt cậu làm quản gia và giao phó cho cậu mọi tài sản của ông. <sup>5</sup> Từ khi ông đặt cậu làm quản gia coi sóc mọi tài sản của ông, thì vì Giu-se, Đức Chúa chúc phúc cho nhà người Ai-cập; phúc lành của Đức Chúa xuống trên mọi tài sản của ông, trong nhà cũng như ngoài đồng. <sup>6</sup> Tài sản của ông, ông phó mặc tất cả trong tay Giu-se, và có Giu-se thì ông không còn lo gì cả, chỉ biết đến bữa là ăn. Giu-se lại

<sup>1</sup> Nhắc qua vương quốc Phan-trào, <sup>a</sup>  
 Chư hầu thần phục, của giàu dân đông,  
 Bằng-phan ngũ phẩm tướng công,  
 Đã mua Du-tiếp, coi trong lẫn ngoài.  
<sup>2</sup> Nhờ Trời độ mạng chàng trai, 2561  
 Được nhiều tin cậy với tài đảm đương.  
<sup>3</sup> Sống trong may mắn khác thường,  
 Các quan cũng thấy có ơn chư thần.  
<sup>4</sup> Vừa lòng vô tướng Bằng-phan, 2565  
 Giao cho Du-tiếp, gia đàng quản cai,  
 Hàng hàng tôi tớ gái trai,  
 Tuân theo chỉ dẫn, cắt sai việc làm.  
<sup>5</sup> Sống trên nhung lụa giàu sang,  
 Nhưng riêng Du-tiếp đạo tâm hẳn hoi,  
 Luôn luôn thờ kính Chúa Trời, 2571  
 Vưu nhân bất khả, giúp đời thí công.  
 Nhờ đây dân Giép được ơn,  
 Chăn nuôi phát đạt, ruộng đồng phì nhiêu  
<sup>6</sup> Xuân xanh một vẻ yêu kiều, 2575  
 Có thừa tài trí, được nhiều mến thương.

<sup>a</sup> Phan-trào hay Phan vương, vua cai trị Ê-giêp-tô. Linh mục Phao-lô Qui đổi lại Pha-rao.

<sup>1</sup> Nhắc qua triều đại Pha-rao,  
 Quờn cao nước Giép, của giàu dân đông,  
 Bằng-phan thái giám trào công,  
 Đã mua Du-tiếp trông nom trong ngoài.  
<sup>2</sup> Nhờ Trời độ mạng chàng trai, 2561  
 Được nhiều tin cậy với tài đảm đương  
<sup>3</sup> Sống trong may mắn khác thường.  
 Các quan cũng thấy có ơn chư thần.  
<sup>4</sup> Vừa lòng thái giám Bằng-phan, 2565  
 Trao cho Du-tiếp gia đàng quản cai  
 Hàng hàng tôi tớ gái trai,  
 Tuân theo chỉ dẫn cắt sai việc làm.  
<sup>5</sup> Sống trên nhung lụa giàu sang,  
 Nhưng riêng Du-tiếp đạo tâm hẳn hoi.  
 Luôn luôn thờ kính ông Trời, 2571  
 Vưu nhân bất khả, giúp đời thí công.  
 Nhờ đây dân Giép được ơn,  
 Chăn nuôi phát đạt, ruộng đồng phì nhiêu.  
<sup>6</sup> Xuân xanh một vẻ yêu kiều, 2575  
 Có thừa tài trí, được nhiều mến thương.

BỀ MẶT HỒ LY  
 TUỔI XANH LÂM NẠN

Nhắc qua vương quốc Phan-trào,  
 Chư hầu thần phục, của giàu dân đông,  
 Bằng-phan ngũ phẩm tướng công,  
 Đã mua Du-tiếp, coi trong lẫn ngoài.  
 Nhờ Trời độ mạng chàng trai, 2561  
 Được nhiều tin cậy với tài đảm đương.  
 Sống trong may mắn khác thường,  
 Các quan cũng thấy có ơn chư thần.  
 Vừa lòng vô tướng Bằng-phan, 2565  
 Giao cho Du-tiếp, gia đàng quản cai,  
 Hàng hàng tôi tớ gái trai,  
 Tuân theo chỉ dẫn, cắt sai việc làm.  
 Sống trên nhung lụa giàu sang,  
 Nhưng riêng Du-tiếp đạo tâm hẳn hoi,  
 Luôn luôn thờ kính Chúa Trời, 2571  
 Vưu nhân bất khả, giúp đời thí công.  
 Nhờ đây dân Giép được ơn,  
 Chăn nuôi phát đạt, ruộng đồng phì nhiêu  
 Xuân xanh một vẻ yêu kiều, 2575  
 Có thừa tài trí, được nhiều mến thương.

### **Bản văn Kinh thánh**

có duyên và đẹp trai.

<sup>7</sup> Sau các việc đó, bà vợ ông chủ để mắt tới Giu-se; bà nói với cậu: “Nằm với tôi đi!” <sup>8</sup> Nhưng cậu từ chối và nói với bà vợ ông chủ: “Bà coi, có tôi thì ông chủ tôi không còn phải lo gì đến việc nhà. Tài sản của ông, ông đã giao phó tất cả trong tay tôi. <sup>9</sup> Trong nhà này, chính ông cũng không lớn hơn tôi, và ông không giữ lại thứ gì mà không trao cho tôi, trừ bà ra, vì bà là vợ ông. Vậy sao tôi có thể làm điều ác tày đình như thế và phạm đến Thiên Chúa?” <sup>10</sup> Ngày ngày bà cứ nói với Giu-se, nhưng cậu không chịu nghe mà nằm cạnh bà để ngủ với bà.

<sup>11</sup> Một ngày kia, cậu vào trong nhà để làm phận sự và không có gia nhân nào trong nhà, <sup>12</sup> thì bà nấp áo cậu mà nói: “Nằm với tôi đi!” Cậu bỏ áo lại trong tay bà, chạy trốn và ra ngoài. <sup>13</sup> Khi bà thấy rằng cậu đã bỏ áo lại trong tay bà và chạy trốn ra ngoài, <sup>14</sup> thì bà gọi người nhà và nói với họ: “Các người xem đây: người ta đã đưa về cho chúng ta một tên Híp-ri để đú đờn với chúng

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Bằng-phan kính nể trăm đường,

Du-tiếp vẫn sống khiêm nhường, lễ nghi.

<sup>7</sup> Gian nan là lẽ huyền vi,

Đốt nung cuộc sống để tri đá vàng.

Nhà quan một bực phu nhân, 2581

Ăn ngon mặc ấm mở màn hò ly.

Ngắm xem Du-tiếp xuân thì,

Mày râu dính ngô, nét đi hào hùng.

Lẳng lơ xao động loan phòng, 2585

Nào ngờ sen chẳng hơi bùn vấn vương.

<sup>8</sup> Bẩm bà: “... thiên hạ ngũ thường,

Tôn ti đẳng cấp mới hơn thú cầm,

Chữ rằng vạn ác chi dân,

Hoàng thiên hữu nhãn, thiện tâm gặp lành.

<sup>9</sup> Vốn tôi được giúp nhà quan, 2591

Được lòng tin nhiệm đảm đang trong ngoài.

Lẽ nào bội chủ phản thầy,

Trời cao không để mạng này ngồi yên.”

<sup>10</sup> Hồ-ly ghét đạo thánh hiền, 2595

Phu nhân chỉ biết điều thuyền, tây thi.

Tỳ bà khảy khúc mê ly,

Chàng trai chống lại chẳng đi chung đường.

<sup>11</sup> Ngày kia dọn dẹp thư phòng,

Một mình Du-tiếp ngoài trong vắng người.

### **Bản Paulus Tào**

Bằng-phan kính nể trăm đường,

**Du-tiếp** vẫn sống khiêm nhường, lễ nghi.

<sup>7</sup> Gian nan là lẽ huyền vi,

Đốt nung cuộc sống để tri đá vàng.

Nhà quan một bực phu nhân, 2581

Ăn ngon mặc ấm mở màn hò ly.

Ngắm xem **Du-tiếp** xuân thì,

Mày râu dính ngô, **tướng** đi hào hùng.

Lẳng lơ xao động loan phòng, 2585

Nào ngờ sen chẳng hơi bùn vấn vương.

<sup>8</sup> Bẩm bà: “Thiên hạ ngũ thường,

Tôn ti đẳng cấp mới hơn thú cầm.

Chữ rằng vạn ác chi dân,

Hoàng thiên hữu nhãn, thiện tâm gặp lành.

<sup>9</sup> Vốn tôi được giúp nhà quan, 2591

Được lòng tin nhiệm, đảm đang trong ngoài.

Lẽ nào bội chủ phản thầy,

Trời cao không để mạng này ngồi yên.”

<sup>10</sup> Hồ ly ghét đạo thánh hiền, 2595

Phu nhân chỉ biết điều thuyền, tây thi.

Tỳ bà khảy khúc mê ly,

Chàng trai chống lại chẳng đi chung đường.

<sup>11</sup> Ngày kia dọn dẹp thư phòng,

Một mình **Du-tiếp** ngoài trong vắng người.

### **Bản phục chế đề nghị**

Bằng-phan kính nể trăm đường,

Du-tiếp vẫn sống khiêm nhường, lễ nghi.

Gian nan là lẽ huyền vi,

Đốt nung cuộc sống để tri đá vàng.

Nhà quan một bực phu nhân, 2581

Ăn ngon mặc ấm mở màn hò ly.

Ngắm xem Du-tiếp xuân thì,

Mày râu dính ngô, nét đi hào hùng.

Lẳng lơ xao động loan phòng, 2585

Nào ngờ sen chẳng hơi bùn vấn vương.

Bẩm bà: “... thiên hạ ngũ thường,

Tôn ti đẳng cấp mới hơn thú cầm,

Chữ rằng vạn ác chi dân,

Hoàng thiên hữu nhãn, thiện tâm gặp lành.

Vốn tôi được giúp nhà quan, 2591

Được lòng tin nhiệm đảm đang trong ngoài.

Lẽ nào bội chủ phản thầy,

Trời cao không để mạng này ngồi yên.”

<sup>10</sup> Hồ-ly ghét đạo thánh hiền, 2595

Phu nhân chỉ biết điều thuyền, tây thi.

Tỳ bà khảy khúc mê ly,

Chàng trai chống lại chẳng đi chung đường.

Ngày kia dọn dẹp thư phòng,

Một mình Du-tiếp ngoài trong vắng người.

**Bản văn Kinh thánh**

ta. Hấn đã đến với tôi để nằm với tôi, nhưng tôi đã lớn tiếng kêu. <sup>15</sup> Khi nghe tôi cất tiếng kêu, thì hấn bỏ áo lại bên cạnh tôi, chạy trốn và ra ngoài.”

<sup>16</sup> Bà để áo cậu bên cạnh mình cho đến khi ông chủ của cậu về nhà. <sup>17</sup> Bà cũng dùng những lời lẽ như trên và nói với ông: “Tên nô lệ Híp-ri ông đã đưa về cho chúng ta, đã đến với tôi để đú đờn với tôi. <sup>18</sup> Khi tôi cất tiếng kêu, thì hấn bỏ áo lại bên cạnh tôi và chạy trốn ra ngoài.” <sup>19</sup> Khi ông chủ của cậu nghe những lời bà vợ nói với ông: “Tên nô lệ của ông đối xử với tôi như thế đó!” thì ông dùng dùng nổi giận. <sup>20</sup> Ông chủ của Giu-se bắt cậu và tống vào nhà tù, nơi các tù nhân của nhà vua bị giam giữ. Bấy giờ Giu-se bị cầm tù, <sup>21</sup> nhưng có Đức Chúa ở với ông. Người tỏ lòng yêu thương ông và cho ông được cảm tình của viên quản đốc nhà tù. <sup>22</sup> Viên quản đốc nhà tù giao phó cho Giu-se hết mọi tù nhân trong nhà tù, và tất cả những gì họ làm, đều do cậu cho làm. <sup>23</sup> Viên quản đốc nhà tù chẳng ngó ngàng chi đến

**Bản Nguyễn Văn Nhận**

*Phu nhơn đột nhập tươi cười, 2601*

<sup>12</sup> *Mắt nhìn lưu luyến, buông lời trắng hoa.*

*Du-tiếp vội vả bước ra,*

<sup>13</sup> *Áo choàng bỏ lại, quan bà hổ ngươi.*

<sup>14</sup> *Kêu lên: “... tôi tớ đâu rồi. 2605*

*Tới đây chúng kiến thứ người oái ăm.*

*Nhà quan tin cậy bao năm,*

*Bây giờ nó phản đòi nằm giường loan.*

<sup>15</sup> *Tri hô, nó bỏ áo choàng,*

*Kinh tâm táng đờm thoát thân ra ngoài.”*

<sup>16</sup> *Quan bà ra mặt thẳng ngay, 2611*

*Chờ chồng về tới, tỏ bày khúc nôi:*

*“Áo này, ông rán mà coi,*

*Của tên Hy-bá<sup>a</sup> làm tôi nhà này.*

<sup>17</sup> *Bởi ông tin nó trí tài, 2615*

*Phú giao sự việc, quản cai cửa nhà.*

*Ai ngờ giờ thói trắng hoa,*

*Đũa leo cẳng hạc, xấu xa đường nào!*

<sup>18</sup> *Tôi la lên, nó bôn đào,*

*Áo này bỏ lại, xin giao làm bằng.”*

<sup>19</sup> *Quan ông nghe vợ phàn nàn, 2621*

*Nổi cơn giận dữ, chẳng cần xét suy.*

<sup>a</sup> Hy-bá, là ngữ Hebroeus, tên dùng gọi sắc tộc do thị tổ Hiên-bằng (Heber) cháu của Sâm (Sem) sinh ra dòng dõi Bá-lâm (Abraham).

**Bản Paulus Tạ**

*Phu nhân đột nhập tươi cười, 2601*

<sup>12</sup> *Mắt nhìn lưu luyến buông lời trắng hoa.*

**Du-tiếp** vội vả bước ra,

<sup>13</sup> *Áo choàng bỏ lại, quan bà hổ ngươi.*

<sup>14</sup> *Kêu lên: “Tôi tớ đâu rồi, 2605*

*Đến đây chúng kiến thứ người oái ăm.*

**Quan ông** tin cậy bao năm,

*Bây giờ nó phản, đòi nằm giường loan.*

<sup>15</sup> *Tri hô, nó bỏ áo choàng,*

*Kinh tâm táng đờm thoát thân ra ngoài.”*

<sup>16</sup> *Quan bà ra mặt thẳng ngay, 2611*

*Chờ chồng về tới tỏ bày khúc nôi.*

*“Áo này ông rán mà coi,*

*Của tên Hy-bá làm tôi nhà này.*

<sup>17</sup> *Bởi ông tin nó trí tài, 2615*

*Phú giao sự việc quản cai cửa nhà.*

*Ai ngờ giờ thói trắng hoa,*

*Đũa đeo cẳng hạc, xấu xa đường nào.*

<sup>18</sup> *Tôi la lên, nó bôn đào,*

*Áo này bỏ lại, xin giao làm bằng.”*

<sup>19</sup> *Quan ông nghe vợ phàn nàn, 2621*

*Nổi cơn giận dữ chẳng cần xét suy.*

**Bản phục chế đề nghị**

*Phu nhơn đột nhập tươi cười, 2601*

*Mắt nhìn lưu luyến, buông lời trắng hoa.*

*Du-tiếp vội vả bước ra,*

*Áo choàng bỏ lại, quan bà hổ ngươi.*

*Kêu lên: “... tôi tớ đâu rồi. 2605*

*Tới đây chúng kiến thứ người oái ăm.*

*Nhà quan tin cậy bao năm,*

*Bây giờ nó phản đòi nằm giường loan.*

*Tri hô, nó bỏ áo choàng,*

*Kinh tâm táng đờm thoát thân ra ngoài.”*

*Quan bà ra mặt thẳng ngay, 2611*

*Chờ chồng về tới, tỏ bày khúc nôi:*

*“Áo này, ông rán mà coi,*

*Của tên Hy-bá làm tôi nhà này.*

*Bởi ông tin nó trí tài, 2615*

*Phú giao sự việc, quản cai cửa nhà.*

*Ai ngờ giờ thói trắng hoa,*

*Đũa leo cẳng hạc, xấu xa đường nào!*

*Tôi la lên, nó bôn đào,*

*Áo này bỏ lại, xin giao làm bằng.”*

*Quan ông nghe vợ phàn nàn, 2621*

*Nổi cơn giận dữ, chẳng cần xét suy.*

**Bản văn Kinh thánh**

tất cả những việc đã giao phó cho Giu-se, vì Đức Chúa ở với cậu, và điều gì cậu làm, thì Đức Chúa cho thành công.

**40**

<sup>1</sup> Sau các việc đó, quan chức tửu và quan ngục thiện của vua Ai-cập lỗi phạm cùng chủ mình là vua Ai-cập. <sup>2</sup> Nhà vua nổi giận với hai viên thái giám của mình, là quan chánh chức tửu và quan chánh ngục thiện. <sup>3</sup> Vua cho giam họ trong nhà viên chỉ huy thị vệ, trong nhà tù nơi Giu-se đang bị giữ. <sup>4</sup> Viên chỉ huy thị vệ cất đặt Giu-se ở với họ và phục vụ họ. Họ bị giam giữ một thời gian. <sup>5</sup> Cả hai người, quan chức tửu và quan ngục thiện của vua Ai-cập đang bị giam giữ tại nhà tù, đều cùng chiêm bao trong một đêm; mỗi người có giấc chiêm bao riêng, và mỗi giấc chiêm bao có một ý nghĩa khác. <sup>6</sup> Sáng ngày

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>20</sup> *Bắt đem tống ngục tức thì,*

*Du-tiếp bình tĩnh bước đi vào tù.*

<sup>21</sup> *Người ngay, Thượng-đế hộ phù, 2625*

*Khiến quan giám ngục cậy nhờ, mến thương.*

<sup>22</sup> *Giao quyền coi sóc tù nhơn,*

*Giữ gìn trật tự, bảo tồn an ninh,*

<sup>23</sup> *Du-tiếp đối xử hiền lành,*

*Cấp trên cảm đức, phạm nhân mến tài.*

**40**

<sup>1</sup> *Một ngày vào tiết hoa khai, <sup>a</sup> 2631*  
*Phan-vương hạ lệnh giam hai cận thần.*  
<sup>2</sup> *Một người chức tửu chi quan,*  
*Người kia quản thiện, lỗi làm việc công.*  
*Đưa vào ngục thất nhốt chung, 2635*  
<sup>3</sup> *Với chàng Du-tiếp, oan ưng chưa tường.*  
<sup>4</sup> *Phản ông giám ngục tin dùng,*  
*Giao cho Du-tiếp lo lường hai quan.*  
<sup>5</sup> *Hè đi, thu lại, đồng tàn,*  
<sup>6</sup> *Có lần hai vị đêm nằm chiêm bao.*  
*Buồn vui không biết thế nào, 2641*  
*Mỗi người có vẻ phơ phào âu lo.*

<sup>a</sup> Tiết hoa khai, mùa trở hoa tức mùa xuân, do câu hát cổ: "... Hoa khai hể mãn địa. Tri xuân giả thế nhân (thấy bông hoa trở khắp nơi, người ta biết mùa xuân tới).

**Bản Paulus Tọa**

<sup>20</sup> *Bắt đem tống ngục tức thì,*

**Du-tiếp** *bình tĩnh bước đi vào tù.*

<sup>21</sup> *Người ngay, Thượng đế hộ phù, 2625*

*Khiến quan giám ngục cậy nhờ, mến thương.*

<sup>22</sup> *Giao quyền coi sóc tù nhơn,*

*Giữ gìn trật tự, bảo tồn an ninh.*

<sup>23</sup> **Du-tiếp** *đối xử hiền lành,*

*Cấp trên cảm đức, phạm nhơn mến tài.*

**40**

<sup>1</sup> *Một ngày vào tiết hoa khai 2631*  
*Pha-rao hạ lệnh giam hai cận thần.*  
<sup>2</sup> *Một người chức tửu chi quan,*  
*Người kia quản thiện, lỗi làm việc công.*  
*Đưa vào ngục thất nhốt chung, 2635*  
<sup>3</sup> *Với chàng **Du-tiếp**, oan ưng chưa tường.*  
<sup>4</sup> *Phản ông giám ngục tin dùng,*  
*Giao cho **Du-tiếp** lo lường **nhị** quan.*  
<sup>5</sup> *Hè đi, thu lại, đồng tàn,*  
<sup>6</sup> *Có lần hai vị đêm nằm chiêm bao.*  
*Buồn vui không biết thế nào, 2641*  
*Mỗi người có vẻ phơ phào, âu lo.*

**Bản phục chế đề nghị**

*Bắt đem tống ngục tức thì,*

*Du-tiếp bình tĩnh bước đi vào tù.*

*Người ngay, Thượng-đế hộ phù, 2625*

*Khiến quan giám ngục cậy nhờ, mến thương.*

*Giao quyền coi sóc tù nhơn,*

*Giữ gìn trật tự, bảo tồn an ninh,*

*Du-tiếp đối xử hiền lành,*

*Cấp trên cảm đức, phạm nhân mến tài.*

**40**

**THỬ TÀI ĐOÁN MỘNG  
ĐIỀM ƯNG NGỤC TRUNG**

*Một ngày vào tiết hoa khai, 2631*  
*Phan-vương hạ lệnh giam hai cận thần.*  
*Một người chức tửu chi quan,*  
*Người kia quản thiện, lỗi làm việc công.*  
*Đưa vào ngục thất nhốt chung, 2635*  
*Với chàng Du-tiếp, oan ưng chưa tường.*  
*Phản ông giám ngục tin dùng,*  
*Giao cho Du-tiếp lo lường hai quan.*  
*Hè đi, thu lại, đồng tàn,*  
*Có lần hai vị đêm nằm chiêm bao.*  
*Buồn vui không biết thế nào, 2641*  
*Mỗi người có vẻ phơ phào âu lo.*

### **Bản văn Kinh thánh**

ra, Giu-se đến với họ và thấy họ ủ rũ.<sup>7</sup> Cậu hỏi hai viên thái giám của Pha-ra-ô đang bị giam giữ tại nhà của chủ cậu rằng: “Tại sao hôm nay mặt mày các ông buồn bã thế?”<sup>8</sup> Họ trả lời cậu: “Chúng tôi đã chiêm bao, mà không có ai giải thích cả!” Giu-se nói với họ: “Giải thích chẳng phải là việc của Thiên Chúa sao? Nhưng xin hai ông cứ kể lại cho tôi.”<sup>9</sup> Quan chánh chức tửu kể lại giấc chiêm bao của mình cho Giu-se, ông nói: “Trong giấc chiêm bao, tôi thấy trước mặt tôi có một cây nho,<sup>10</sup> trên cây nho có ba ngành. Khi cây đâm chồi thì hoa nở ra và các chùm nho chín.<sup>11</sup> Trong tay tôi có chén của Pha-ra-ô. Tôi hái nho, ép nước đổ vào chén của Pha-ra-ô, rồi đặt chén vào lòng bàn tay Pha-ra-ô.”<sup>12</sup> Giu-se nói với ông ấy: “Đây là lời giải thích giấc chiêm bao. Ba ngành là ba ngày.<sup>13</sup> Còn ba ngày nữa, Pha-ra-ô sẽ nâng đầu ông lên. Vua sẽ phục hồi chức vụ cho ông, và ông sẽ đặt chén của Pha-ra-ô vào tay vua, như ông quen làm trước đây, khi còn là quan chức tửu của vua.<sup>14</sup> Nhưng nếu ông nhớ tôi đã ở với ông, thì khi người ta xử tốt với ông, xin ông tỏ tình thương đối với tôi và tâu với Pha-ra-ô về tôi, để vua đưa tôi ra khỏi nhà này.<sup>15</sup> Thật vậy, tôi đã bị bắt cóc đưa ra khỏi đất người Híp-ri, và ngay ở đây,

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>7</sup> Sáng ra, thấy họ bơ thờ,

*Du-tiếp* gạn hỏi căn do gây phiền?

<sup>8</sup> Rằng chiêm bao thấy một điềm, 2645

*Nhưng không đoán được dữ hiển ra sao!*

*Du-tiếp*: “... Thượng-đế nhiệm màu,

Nếu không soi sáng ai hầu giải ra.

Quý ngài chịu khó kể qua,

Tôi hân hạnh biết để mà cảm thông.”

<sup>9</sup> Tửu-tào: “... tôi thấy giữa đồng, 2651

<sup>10</sup> Cây nho ba nhánh đơm bông trái nhiều.

<sup>11</sup> Tôi cầm tửu bát vương triều,

Hái nho ép rượu hồng điều dung vua”.

<sup>12</sup> *Du-tiếp* thắm nguyện thiên cơ, 2655

*Giúp mình đoán mộng cho vừa tương lai.*

<sup>13</sup> Rằng: “... đây mãn hạn ba ngày,

Vua cho phục chức đủ đầy bổng lương.

<sup>14</sup> Khi nào ngài được phục quyền,

Nhớ tâu hoàng thượng minh tường việc tôi.

<sup>15</sup> Góc người lưu lạc nổi trôi, 2661

Tới đây cư ngụ bị rơi ngục này.

Hàm oan chất nặng trên vai,

Bạo quyền áp đặt, lòng ngay mắc nài.”

<sup>16</sup> Thiện-tào nghe giải có căn, 2665

Nên nhờ *Du-tiếp* giúp bàn mộng cho:

### **Bản Paulus Tạc**

<sup>7</sup> Sáng ra, thấy họ bơ thờ,

**Du-tiếp** gạn hỏi căn do gây phiền?

<sup>8</sup> Rằng: “Chiêm bao thấy một điềm, 2645

*Nhưng không đoán được dữ hiển ra sao”.*

**Du-tiếp**: “Thượng đế nhiệm màu,

Nếu không soi sáng ai hầu giải ra.

Quý ngài chịu khó kể qua,

Tôi hân hạnh biết để mà cảm thông”.

<sup>9</sup> Tửu tào: “Tôi thấy giữa đồng, 2651

<sup>10</sup> Cây nho ba nhánh đơm bông trái nhiều.

<sup>11</sup> Tôi cầm tửu bát vương triều,

Hái nho ép rượu hồng điều dung vua”.

<sup>12</sup> **Du-tiếp** thắm nguyện thiên cơ, 2655

*Giúp mình đoán mộng cho vừa tương lai.*

<sup>13</sup> Rằng: “Đây mãn hạn ba ngày,

Vua cho phục chức đủ đầy bổng lương.”

<sup>14</sup> Khi nào **quan** được  **bình thường**,

Nhớ tâu hoàng thượng minh tường việc tôi.

<sup>15</sup> Góc người **Hy-bá** nổi trôi, 2661

Đến đây cư ngụ bị rơi ngục này.

**Lỗi lầm chưa có nhúng tay,**

Bạo quyền áp đặt, lòng ngay mắc nài”.

<sup>16</sup> Thiện-tào nghe **luận** có căn, 2665

Nên nhờ **Du-tiếp** giúp bàn mộng cho:

### **Bản phục chế đề nghị**

Sáng ra, thấy họ bơ thờ,

*Du-tiếp* gạn hỏi căn do gây phiền?

Rằng chiêm bao thấy một điềm, 2645

*Nhưng không đoán được dữ hiển ra sao!*

*Du-tiếp*: “... Thượng-đế nhiệm màu,

Nếu không soi sáng ai hầu giải ra.

Quý ngài chịu khó kể qua,

Tôi hân hạnh biết để mà cảm thông.”

<sup>9</sup> Tửu-tào: “... tôi thấy giữa đồng, 2651

<sup>10</sup> Cây nho ba nhánh đơm bông trái nhiều.

Tôi cầm tửu bát vương triều,

Hái nho ép rượu hồng điều dung vua”.

<sup>12</sup> *Du-tiếp* thắm nguyện thiên cơ, 2655

*Giúp mình đoán mộng cho vừa tương lai.*

Rằng: “... đây mãn hạn ba ngày,

Vua cho phục chức đủ đầy bổng lương.

Khi nào ngài được phục quyền,

Nhớ tâu hoàng thượng minh tường việc tôi.

<sup>15</sup> Góc người lưu lạc nổi trôi, 2661

Tới đây cư ngụ bị rơi ngục này.

Hàm oan chất nặng trên vai,

Bạo quyền áp đặt, lòng ngay mắc nài.”

<sup>16</sup> Thiện-tào nghe giải có căn, 2665

Nên nhờ *Du-tiếp* giúp bàn mộng cho:

**Bản văn Kinh thánh**

tôi cũng không làm gì để người ta giam tôi trong hầm.”

<sup>16</sup> Quan chánh ngự thiện thấy Giu-se đã giải thích theo chiều hướng thuận lợi, nên nói với ông: “Cả tôi nữa, trong giấc chiêm bao, tôi thấy ba giỏ bánh trên đầu tôi. <sup>17</sup> Trong giỏ trên cùng, có đủ thứ bánh ngọt để cho Pha-ra-ô ăn. Chim chóc rĩa những thứ đó trong cái giỏ trên đầu tôi.” <sup>18</sup> Giu-se trả lời rằng: “Đây là lời giải thích giấc chiêm bao. Ba giỏ là ba ngày. <sup>19</sup> Còn ba ngày nữa, Pha-ra-ô sẽ nâng đầu ông lên khỏi thân ông. Vua sẽ treo ông lên cây, và chim chóc sẽ rĩa thịt ông.”

<sup>20</sup> Sang ngày thứ ba, là ngày sinh nhật của Pha-ra-ô, vua mở tiệc thết đãi triều thần và nâng đầu quan chánh chức tể và quan chánh ngự thiện lên giữa triều thần. <sup>21</sup> Vua phục hồi chức vụ cho quan chánh chức tể, và ông đặt chén vào lòng bàn tay Pha-ra-ô.

<sup>22</sup> Còn quan chánh ngự thiện, thì vua treo lên, như Giu-se đã giải thích cho họ. <sup>23</sup> Nhưng quan chánh chức tể không nhớ đến Giu-se, ông đã quên mất cậu.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

“Đội đầu ba thúng bánh to,

<sup>17</sup> Thúng trên đủ món thơm tho ngon lành.

Chim trời đáp xuống cướp ăn,

Không còn gì cả, hiền chẳng điềm này?”

<sup>18</sup> Du-tiếp: “... Ý nghĩa như vậy, 2671

Còn ba ngày nữa vua hài tội quan,

<sup>19</sup> Ròi đưa ra chón pháp tràng,

Treo lên, điều quạ tới giành nhau ăn.”

Ba ngày căng thẳng tâm thần, 2675

Một bài định mạng, hai quan vui buồn.

<sup>20</sup> Đúng ngày vạn thọ quân vương,

Phan-vương mở yến, trào đường liên hoan.

<sup>21</sup> Lịnh ra phục chức tể quan,

<sup>22</sup> Thiện quan kết án treo thân ngoài đồng.

Y lời nói trước ba hôm, 2681

Chàng trai Du-tiếp ngồi mong tin lành.

<sup>23</sup> Buồn thay, thế thái nhơn tình,

Trách quan chức tể phồn vinh quên người.

**Bản Paulus Tào**

“Đội đầu ba thúng bánh to,

<sup>17</sup> Thúng trên đủ món thơm tho, ngon lành.

Chim trời đáp xuống cướp ăn,

Không còn gì cả, hiền chẳng điềm này?”

<sup>18</sup> Du-tiếp: “... Ý nghĩa như vậy, 2671

Còn ba ngày nữa vua hài tội quan,

<sup>19</sup> Ròi đưa ra chón pháp tràng,

Treo **thây**, điều quạ đến giành nhau ăn.

Ba ngày căng thẳng **tinh** thần, 2675

Một bài định mạng, hai quan vui buồn.

<sup>20</sup> Đúng ngày vạn thọ quân vương,

**Pha-rao** mở yến, trào đường liên hoan.

<sup>21</sup> Lịnh ra phục chức tể quan,

<sup>22</sup> Thiện quan kết án, treo thân ngoài đồng.

Y lời nói trước ba hôm, 2681

Chàng trai **Du-tiếp** ngồi mong tin lành.

<sup>23</sup> “Buồn thay, thế thái nhơn tình,

Trách quan chức tể phồn vinh quên người.

**Bản phục chế đề nghị**

“Đội đầu ba thúng bánh to,

Thúng trên đủ món thơm tho ngon lành.

Chim trời đáp xuống cướp ăn,

Không còn gì cả, hiền chẳng điềm này?”

Du-tiếp: “... Ý nghĩa như vậy, 2671

Còn ba ngày nữa vua hài tội quan,

Ròi đưa ra chón pháp tràng,

Treo lên, điều quạ tới giành nhau ăn.”

Ba ngày căng thẳng tâm thần, 2675

Một bài định mạng, hai quan vui buồn.

Đúng ngày vạn thọ quân vương,

Phan-vương mở yến, trào đường liên hoan.

Lịnh ra phục chức tể quan,

Thiện quan kết án treo thân ngoài đồng.

Y lời nói trước ba hôm, 2681

Chàng trai Du-tiếp ngồi mong tin lành.

Buồn thay, thế thái nhơn tình,

Trách quan chức tể phồn vinh quên người.

<sup>1</sup> Hai năm sau, Pha-ra-ô chiêm bao. Vua thấy mình đang đứng trên bờ sông Nin, <sup>2</sup> và từ sông Nin có bảy con bò cái đi lên, hình dáng đẹp đẽ và da thịt béo tốt; chúng gặm cỏ trong đám sậy. <sup>3</sup> Rồi sau những con ấy, có bảy con bò cái khác từ sông Nin đi lên, hình dáng xấu xí và da thịt gầy còm, chúng đứng bên cạnh những con bò kia, trên bờ sông Nin. <sup>4</sup> Bảy con bò cái hình dáng xấu xí và da thịt gầy còm ăn thịt bảy con bò cái hình dáng đẹp đẽ và béo tốt. Bảy giờ Pha-ra-ô tỉnh dậy.

<sup>5</sup> Vua ngủ lại và chiêm bao một lần thứ hai; vua thấy bảy bông lúa đâm lên trên cùng một cọng, mảy và tốt. <sup>6</sup> Rồi có bảy bông lúa lép và nám cháy vì gió đông, mọc lên sau chúng. <sup>7</sup> Bảy bông lúa lép nuốt chửng bảy bông lúa mảy và chắc. Bảy giờ Pha-ra-ô tỉnh dậy, thì thấy rằng đó là một giấc chiêm bao!

<sup>8</sup> Sáng ngày ra, tâm thần vua xao xuyến, vua vời tất cả các phù thủy và hiền sĩ Ai-cập đến: Pha-ra-ô kể lại cho họ các giấc chiêm bao của mình, nhưng không có ai giải

<sup>1</sup> Hai năm sau đó qua rồi, 2685

*Phan-vương nằm mộng: cảnh trời nắng trong*

*Nhà vua nhìn dưới giòng sông,*

<sup>2</sup> *Bảy con bò cái mập tròn lội lên.*

*Kéo nhau ăn đám cỏ mềm,*

<sup>3</sup> *Bỗng nhiên lại thấy trời thêm bảy bò,*

*Hình thù đói khát gầy gò, 2691*

<sup>4</sup> *Đuổi theo nuốt bảy bò to chẳng còn.*

*Phan-vương sực tỉnh giấc nồng,*

<sup>5</sup> *Rồi nằm ngủ lại, thấy đồng cỏ khô,*

*Mọc lên bảy gié lúa no, 2695*

*Lắc lư trong gió sồn sồn nặng oằn.*

<sup>6</sup> *Tiếp theo bảy gié lúa cần.*

*Mọc lên lép xẹp úa vàng héo khô.*

<sup>7</sup> *Nuốt luôn bảy gié chắc no.*

*Phan-vương thức dậy, âu lo trong lòng.*

*Nhìn ra trời đã hừng đông, 2701*

<sup>8</sup> *Vua bèn triệu tập hội đồng bói khoa.*

*Những nhà thuật số, huyền gia,*

*Chiêm tinh, đoán mộng cả và Giép-tô.*

<sup>1</sup> Hai năm sau đó qua rồi, 2685

**Pha-rao** nằm mộng: cảnh trời nắng trong.

*Nhà vua nhìn dưới giòng sông,*

<sup>2</sup> *Bảy con bò cái mập tròn lội lên.*

*Kéo nhau ăn đám cỏ mềm,*

<sup>3</sup> *Bỗng nhiên lại thấy trời lên bảy bò.*

*Hình thù đói khát gầy gò, 2691*

<sup>4</sup> *Đuổi theo nuốt bảy bò to chẳng còn.*

**Pha-rao** sực tỉnh giấc nồng,

<sup>5</sup> *Rồi nằm ngủ lại, thấy đồng cỏ khô.*

*Mọc lên bảy gié lúa no, 2695*

*Lắc lư trong gió sồn sồn nặng oằn.*

<sup>6</sup> *Tiếp theo bảy gié lúa cần,*

*Mọc lên lép xẹp, úa vàng héo khô.*

<sup>7</sup> *Nuốt luôn bảy gié chắc no,*

**Pha-rao** thức giấc, âu lo trong lòng.

*Nhìn ra trời đã hừng đông, 2701*

<sup>8</sup> *Vua bèn triệu tập hội đồng bói khoa.*

*Những nhà thuật số, huyền gia,*

*Chiêm tinh, đoán mộng cả và Giép-tô.*

**VƯƠNG MỘNG KHAI THÔNG  
ĐĂNG QUANG DU-TIỆP**

*Hai năm sau đó qua rồi, 2685*

*Phan-vương nằm mộng: cảnh trời nắng trong*

*Nhà vua nhìn dưới dòng sông,*

*Bảy con bò cái mập tròn lội lên.*

*Kéo nhau ăn đám cỏ mềm,*

*Bỗng nhiên lại thấy trời thêm bảy bò,*

*Hình thù đói khát gầy gò, 2691*

*Đuổi theo nuốt bảy bò to chẳng còn.*

*Phan-vương sực tỉnh giấc nồng,*

*Rồi nằm ngủ lại, thấy đồng cỏ khô,*

*Mọc lên bảy gié lúa no, 2695*

*Lắc lư trong gió sồn sồn nặng oằn.*

*Tiếp theo bảy gié lúa cần.*

*Mọc lên lép xẹp úa vàng héo khô.*

*Nuốt luôn bảy gié chắc no.*

*Phan-vương thức dậy, âu lo trong lòng.*

*Nhìn ra trời đã hừng đông, 2701*

*Vua bèn triệu tập hội đồng bói khoa.*

*Những nhà thuật số, huyền gia,*

*Chiêm tinh, đoán mộng cả và Giép-tô.*

**Bản văn Kinh thánh**

thích được cho vua. <sup>9</sup> Bấy giờ quan chánh chức tửu mới thưa Pha-ra-ô rằng: “Hôm nay tôi xin nhắc lại những lầm lỗi của tôi. <sup>10</sup> Pha-ra-ô đã nổi giận với bề tôi mình và cho giam tôi trong nhà viên chỉ huy thị vệ, tôi và quan chánh ngự thiện. <sup>11</sup> Tôi và ông ấy, chúng tôi chiêm bao trong cùng một đêm; chúng tôi chiêm bao, và mỗi giấc chiêm bao có một ý nghĩa khác. <sup>12</sup> Cùng ở với chúng tôi có một thanh niên Híp-ri, nô lệ của viên chỉ huy thị vệ. Chúng tôi đã kể lại cho anh ta, và anh ta đã giải thích cho chúng tôi các chiêm bao của chúng tôi; anh ta giải thích chiêm bao của mỗi người. <sup>13</sup> Sự việc đã xảy ra như anh ta đã giải thích cho chúng tôi: tôi thì được phục hồi chức vụ, còn ông kia thì bị treo cổ.”

<sup>14</sup> Pha-ra-ô vời ông Giu-se đến. Người ta vội đưa cậu ra khỏi hầm. Cậu cạo râu cắt tóc, thay quần áo và vào chầu Pha-ra-ô. <sup>15</sup> Pha-ra-ô nói với Giu-se: “Ta đã chiêm bao mà không ai có thể giải thích. Ta đã nghe nói rằng người chỉ cần nghe kể lại chiêm bao là giải thích được.” <sup>16</sup> Giu-se thưa Pha-ra-ô rằng: “Không phải tôi, mà là Thiên Chúa sẽ cho câu trả lời đem lại bình an cho Pha-ra-ô.”

<sup>17</sup> Pha-ra-ô nói với Giu-se: “Trong

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Nhà vua thuật lại mộng cơ, 2705

Yêu cầu đoán giải căn do tượng điềm.

Tung ra dịch-tượng, quẻ kiền,  
Cửa hào, thái átt, cửu huyền, đạo gia.

Người nào cũng chẳng đoán ra,

<sup>9</sup> Cuối cùng chước-tửu trào ca tấu trình:

<sup>10</sup> “Trước đây thần bị ngục hình. 2711

Một lần chiêm mộng, vận mình ra sao?

<sup>11</sup> Đồng thời quản-thiện chiêm bao,  
Cũng lo sốt ruột, lao đao nổi lòng.

<sup>12</sup> Có người Hy-bá nhốt chung, 2715

Nhờ Trời, giải được kết hung, đại tài.

<sup>13</sup> Mọi lời tiên đoán không sai,

Hôm nay vụt nhớ, trình bày long nhan.

<sup>14</sup> Phan-vương cấp tốc lệnh ban,

Cho vời Du-tiếp, trào dâng tường tri.

Du-tiếp thay đổi xiêm y, 2721

Tóc râu chải chuốt, triều nghi ứng hầu.

Chàng trai đứng giữa sân chầu

<sup>15</sup> Chung quanh vẫn võ, trên cao mở lời:

“Trẫm nghe tài trí của ngươi, 2725

Vì đây điềm mộng không người đoán ra”.

<sup>16</sup> Tâu rằng: “... thần chẳng tài ba,

Nhờ ơn Thượng-đế chính tà chiếu soi.”

**Bản Paulus Tạc**

Nhà vua thuật lại mộng cơ, 2705

Yêu cầu đoán giải căn do tượng điềm.

Tung ra dịch tượng, quẻ kiền,  
Lục hào, thái átt, cửu huyền, đạo gia.

Người nào cũng chẳng bàn ra,

<sup>9</sup> Cuối cùng chước tửu trào ca tấu trình:

<sup>10</sup> “Trước đây thần bị ngục hình, 2711

Một lần chiêm mộng, vận mình ra sao?

<sup>11</sup> Đồng thời quản thiện chiêm bao,  
Cũng lo sốt ruột, lao đao nổi lòng.

<sup>12</sup> Có người Hy-bá nhốt chung, 2715

Nhờ Trời, giải được kết hung, đại tài.

<sup>13</sup> Mọi lời tiên đoán không sai,

Hôm nay vụt nhớ, trình bày long nhan.”

<sup>14</sup> Pha-rao cấp tốc lệnh ban,

Cho vời Du-tiếp trào dâng tường tri.

Du-tiếp thay đổi xiêm y, 2721

Tóc râu chải chuốt, triều nghi ứng hầu.

Chàng trai đứng giữa sân chầu,

<sup>15</sup> Chung quanh vẫn võ, Pha-rao mở lời:

“Trẫm nghe tài trí nhà ngươi, 2725

Vì đây điềm mộng không người đoán ra.”

<sup>16</sup> Du-tiếp: “Thần chẳng tài ba,  
Nhờ ơn Thượng đế chính tà chiếu soi”.

**Bản phục chế đề nghị**

Nhà vua thuật lại mộng cơ, 2705

Yêu cầu đoán giải căn do tượng điềm.

Tung ra dịch-tượng, quẻ kiền,  
Cửa hào, thái átt, cửu huyền, đạo gia.

Người nào cũng chẳng đoán ra,

<sup>9</sup> Cuối cùng chước-tửu trào ca tấu trình:

<sup>10</sup> “Trước đây thần bị ngục hình. 2711

Một lần chiêm mộng, vận mình ra sao?

<sup>11</sup> Đồng thời quản-thiện chiêm bao,  
Cũng lo sốt ruột, lao đao nổi lòng.

<sup>12</sup> Có người Hy-bá nhốt chung, 2715

Nhờ Trời, giải được kết hung, đại tài.

<sup>13</sup> Mọi lời tiên đoán không sai,

Hôm nay vụt nhớ, trình bày long nhan.

Phan-vương cấp tốc lệnh ban,  
Cho vời Du-tiếp, trào dâng tường tri.

Du-tiếp thay đổi xiêm y, 2721

Tóc râu chải chuốt, triều nghi ứng hầu.

Chàng trai đứng giữa sân chầu

<sup>15</sup> Chung quanh vẫn võ, trên cao mở lời:

“Trẫm nghe tài trí của ngươi, 2725

Vì đây điềm mộng không người đoán ra”.

Tâu rằng: “... thần chẳng tài ba,  
Nhờ ơn Thượng-đế chính tà chiếu soi.”



### Bản văn Kinh thánh

chiêm bao của ta, ta thấy mình đang đứng trên bờ sông Nin. <sup>18</sup> Từ sông có bảy con bò cái đi lên, da thịt béo tốt, thân hình đẹp đẽ; chúng gặm cỏ trong đám sậy. <sup>19</sup> Rồi sau những con ấy, có bảy con bò cái khác đi lên, gầy guộc, thân hình rất xấu xí, da thịt ốm nhom; ta chưa thấy bò nào xấu như chúng trong toàn cõi Ai-cập. <sup>20</sup> Các con bò cái ốm nhom và xấu xí ăn thịt bảy con bò cái trước, những con béo tốt. <sup>21</sup> Các con béo tốt vào bụng các con ốm nhom, mà người ta không biết rằng chúng đã vào bụng các con ốm nhom, vì hình dáng các con này vẫn xấu xí như trước. Bảy giờ ta tỉnh dậy. <sup>22</sup> Ta lại thấy trong chiêm bao của ta có bảy bông lúa đâm lên trên cùng một cọng, chắc và tốt. <sup>23</sup> Rồi có bảy bông lúa đẹt, lép và nám cháy vì gió đông, mọc lên sau chúng. <sup>24</sup> Bảy bông lúa lép nuốt chửng bảy bông lúa tốt. Ta đã nói cho các phù thủy, nhưng không ai có thể cắt nghĩa cho ta.”

<sup>25</sup> Giu-se thưa Pha-ra-ô: “Giấc chiêm bao của Pha-ra-ô chỉ là một. Điều Thiên Chúa sắp làm thì Người đã báo cho Pha-ra-ô biết. <sup>26</sup> Bảy con bò cái tốt là bảy năm, bảy bông lúa tốt là bảy năm: đó là một chiêm bao duy nhất. <sup>27</sup> Bảy con bò cái ốm nhom và xấu xí đi lên sau

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>17</sup> Phan-vương thuật lại đầu đuôi:

<sup>18</sup> “Bò thời <sup>19</sup> gầy, béo, .... <sup>20</sup> Lúa thời <sup>21</sup> lép, no.

<sup>22</sup> Nằm trong số bảy <sup>23</sup> huyền đồ, 2731

<sup>24</sup> Cuối màn hung diệt cát cơ hoàn toàn,

Chưa ai giải nghĩa rõ ràng,

Nhờ khanh cảm ứng linh thần đoán ra.”

<sup>25</sup> Tàu rằng: “... lưỡng mộng đồng hoà 2735

Bàn tay tạo hoá trải qua miền này:

<sup>26</sup> Bảy no liên tiếp tới đây,

Bảy năm sung túc ruộng cày vung bông.

<sup>27</sup> Bảy lép tiếp nối sau cùng,

Bảy năm đói kém, cánh đồng khô khan.”

<sup>28</sup> Du-tiếp kết luận lời bàn: 2741

<sup>29</sup> “Thời kỳ nước Giép bảy năm được mùa.

Bảy năm tiếp đó không mưa,

<sup>30</sup> Đồng khô cỏ cháy, dân cư khốn cùng.

Cơ hàn, rách rưới lung tung, 2745

<sup>31</sup> Toàn dân quên thuở vàng son trước này.

<sup>32</sup> Hai điềm: bò, lúa kể đây,

Thiên cơ chắc chắn nay mai ứng hành.

<sup>33</sup> Thần dung một bản điều trần,

Bệ hạ cử một đại thần tài năng,

Mưu đồ tế thế kinh bang, 2751

<sup>34</sup> Thặng dư thu góp những năm trúng mùa.

### Bản Paulus Tạc

<sup>17</sup> Thượng hoàng thuật lại đầu đuôi

<sup>18</sup> Bò thời <sup>19</sup> gầy béo, <sup>20</sup> lúa thời <sup>21</sup> lép, no.

<sup>22</sup> Nằm trong số bảy, <sup>23</sup> huyền đồ, 2731

Cuối màn hung diệt cát cơ hoàn toàn.

<sup>24</sup> Chưa ai giải **đáp** rõ ràng,

Nhờ người cảm ứng; linh thần đoán ra”

<sup>25</sup> Tàu rằng: “Lưỡng mộng đồng hoà, 2735

Bàn tay **Thượng đế** trải qua miền này.

<sup>26</sup> Bảy no liên tiếp tới đây,

Bảy năm sung túc, ruộng cày **vun** bông.

<sup>27</sup> Bảy lép tiếp nối sau cùng,

Bảy năm đói kém, cánh đồng khô khan.”

<sup>28</sup> **Du-tiếp** kết luận lời bàn: 2741

<sup>29</sup> “Thời kỳ nước Giép bảy năm được mùa.

Bảy năm tiếp đó không mưa,

<sup>30</sup> Đồng khô cỏ cháy, dân cư khốn cùng.

Cơ hàn rách rưới lung tung 2745

<sup>31</sup> Toàn dân quên thuở vàng son trước này.

<sup>32</sup> Hai điềm bò, lúa kể đây,

Thiên cơ chắc chắn nay mai ứng hành.”

<sup>33</sup> Thần dung một bản điều trần:

“Bệ hạ cử một đại thần khả năng.

Mưu đồ tế thế kinh bang, 2751

<sup>34</sup> Thặng dư thu góp những năm trúng mùa.

### Bản phục chế đề nghị

Phan-vương thuật lại đầu đuôi:

“Bò thời gầy, béo, .... Lúa thời lép, no.

Nằm trong số bảy huyền đồ, 2731

Cuối màn hung diệt cát cơ hoàn toàn,

Chưa ai giải nghĩa rõ ràng,

Nhờ khanh cảm ứng linh thần đoán ra.”

Tàu rằng: “... lưỡng mộng đồng hoà, 2735

Bàn tay Tao hoá trải qua miền này:

Bảy no liên tiếp tới đây,

Bảy năm sung túc ruộng cày vung bông.

Bảy lép tiếp nối sau cùng,

Bảy năm đói kém, cánh đồng khô khan.”

Du-tiếp kết luận lời bàn: 2741

“Thời kỳ nước Giép bảy năm được mùa.

Bảy năm tiếp đó không mưa,

Đồng khô cỏ cháy, dân cư khốn cùng.

Cơ hàn, rách rưới lung tung, 2745

Toàn dân quên thuở vàng son trước này.

Hai điềm: bò, lúa kể đây,

Thiên cơ chắc chắn nay mai ứng hành.

Thần dung một bản điều trần,

Bệ hạ cử một đại thần tài năng,

Mưu đồ tế thế kinh bang, 2751

Thặng dư thu góp những năm trúng mùa.

### Bản văn Kinh thánh

chúng là bảy năm, và bảy bông lúa còi và nám cháy vì gió đông là bảy năm đói kém.<sup>28</sup> Đó là điều tôi đã thưa với Pha-ra-ô: “Điều Thiên Chúa sắp làm thì Người đã cho Pha-ra-ô thấy.”<sup>29</sup> Sắp tới là bảy năm rất sung túc trong toàn cõi Ai-cập.<sup>30</sup> Tiếp sau những năm đó là bảy năm đói kém; trong xứ Ai-cập người ta sẽ quên đi tất cả sự sung túc, và nạn đói sẽ làm cho xứ kiệt quệ.<sup>31</sup> Trong xứ người ta sẽ không còn biết sự sung túc là gì, do nạn đói tiếp theo đó, một nạn đói trầm trọng.<sup>32</sup> Giấc chiêm bao của Pha-ra-ô được lặp lại hai lần, nghĩa là sự việc đã được Thiên Chúa quyết định và Thiên Chúa sẽ mau thực hiện.

<sup>33</sup> Vậy bây giờ xin Pha-ra-ô xem có người nào thông minh và khôn ngoan, thì đặt người ấy cai quản xứ Ai-cập.<sup>34</sup> Xin Pha-ra-ô hành động và đặt những quản đốc lo việc trong xứ, và vua sẽ đánh thuế một phần năm trên thóc lúa xứ Ai-cập trong bảy năm sung túc.<sup>35</sup> Họ sẽ thu mọi lương thực của những năm được mùa sắp tới này. Họ sẽ chất chứa lúa mì làm lương thực trong các thành, và sẽ giữ lại, để Pha-ra-ô tùy quyền sử dụng.<sup>36</sup> Số lương thực ấy sẽ là dự trữ trong xứ, phòng bảy năm đói kém sẽ

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>35</sup> Thành nào cũng có lệnh vua,

Lập kho dự trữ dự thừa lương nông.

<sup>36</sup> Để nuôi dân lúc bạch đồng, 2755

Chén cơm bát cháo đỡ lòng con nguy.”

<sup>37</sup> Điều trần vạch rõ thị phi,

Phan-vương chấp thuận, thực thi kịp thời.

Bá quan không chọn được người,

Tài cao thì có, đức trời thì không.

<sup>38</sup> Các quan tề tựu sân rồng, 2761

Nhà vua tuyên phán: “... theo lòng chư khanh,

Khó tìm tam đạt<sup>a</sup> chi nhân,

Ngoại trừ Du-tiếp linh thần chớ che.

<sup>39</sup> Điều trần, trẫm đã châu phê, 2765

Khôn ngoan như thế, ai đề nghị hơn.

<sup>40</sup> Trẫm nay đặt mọi oai quòn,

Vào tay Du-tiếp bảo tồn lê dân.

<sup>41</sup> Sắc phong tể tướng trào dâng,

Toàn quyền định đoạt không cần trình tâu.

Các quan khắp nước đầu đầu, 2771

Hiệp cùng Tể tướng mưu cầu ích chung.”

<sup>42</sup> Đoạn ban ấn kiếm nguyên nhung,

Cân đai, triều phục, đèn rồng phó vương.

<sup>a</sup> Tam-đạt: tài cao, đức trọng, uy tín. Trên thuận đạo trời, dưới được lòng người và biết cách làm cho dân cơm no, nhà ở và khôn ngoan.

### Bản Paulus Tào

<sup>35</sup> Thành nào cũng có lệnh vua,

Lập kho dự trữ dự thừa lương nông.

<sup>36</sup> Để nuôi dân lúc bạch đồng, 2755

Chén cơm bát cháo đỡ lòng con nguy.”

<sup>37</sup> Điều trần vạch rõ thị phi,

Pha-rao chấp thuận, thực thi kịp thời.

Bá quan không chọn được người,

Tài cao thì có, đức trời thì không.

<sup>38</sup> Võ văn tề tựu sân rồng, 2761

Nhà vua tuyên phán: “Theo lòng chư khanh

Khó tìm tam đạt chi nhân,

Ngoại trừ **Du-tiếp** linh thần chớ che.

<sup>39</sup> Điều trần, trẫm đã châu phê, 2765

Khôn ngoan như thế, ai đề nghị hơn.

<sup>40</sup> Trẫm nay đặt mọi oai quòn,

Vào tay **Du-tiếp** bảo tồn lê dân.

<sup>41</sup> Sắc phong tể tướng trào dâng,

Toàn quyền định đoạt không cần trình tâu.

Các quan khắp nước đầu đầu, 2771

Hợp cùng tể tướng mưu cầu ích chung.”

<sup>42</sup> Đoạn ban ấn kiếm nguyên nhung,

Cân đai, triều phục, đèn rồng phó vương.

### Bản phục chế đề nghị

Thành nào cũng có lệnh vua,

Lập kho dự trữ dự thừa lương nông.

Để nuôi dân lúc bạch đồng, 2755

Chén cơm bát cháo đỡ lòng con nguy.”

Điều trần vạch rõ thị phi,

Phan-vương chấp thuận, thực thi kịp thời.

Bá quan không chọn được người,

Tài cao thì có, đức trời thì không.

Các quan tề tựu sân rồng, 2761

Nhà vua tuyên phán: “... theo lòng chư khanh,

Khó tìm tam đạt chi nhân,

Ngoại trừ Du-tiếp linh thần chớ che.

Điều trần, trẫm đã châu phê, 2765

Khôn ngoan như thế, ai đề nghị hơn.

Trẫm nay đặt mọi oai quòn,

Vào tay Du-tiếp bảo tồn lê dân.

Sắc phong tể tướng trào dâng,

Toàn quyền định đoạt không cần trình tâu.

Các quan khắp nước đầu đầu, 2771

Hiệp cùng Tể tướng mưu cầu ích chung.”

Đoạn ban ấn kiếm nguyên nhung,

Cân đai, triều phục, đèn rồng phó vương.

### Bản văn Kinh thánh

xây đến trong xứ Ai-cập, và xứ sẽ không bị huỷ diệt vì nạn đói.”

<sup>37</sup> Lời đó vừa lòng Pha-ra-ô và triều thần. <sup>38</sup> Vua nói với triều thần: “Chúng ta tìm đâu được một người như người này, một người có Thần Khí Thiên Chúa?” <sup>39</sup> Pha-ra-ô nói với ông Giu-se: “Sau khi Thiên Chúa đã cho ông biết tất cả những điều ấy, không ai thông minh và khôn ngoan như ông. <sup>40</sup> Ông sẽ là tể tướng triều đình của ta, toàn thể dân ta sẽ phục tùng mệnh lệnh của ông; ta lớn hơn ông chỉ vì ngai vua mà thôi.” <sup>41</sup> Pha-ra-ô nói với ông Giu-se: “Coi đây, ta đặt ông cai quản toàn cõi Ai-cập.” <sup>42</sup> Pha-ra-ô rút nhẫn ra khỏi tay mình và xỏ vào tay ông Giu-se, mặc cho ông y phục vải gai mịn, và đeo vào cổ ông chiếc vòng vàng. <sup>43</sup> Vua cho ông lên xa giá thứ hai của vua, và người ta hô trước mặt ông: “Quy vâng!” Như vậy, vua đặt ông cai quản toàn cõi Ai-cập.

<sup>44</sup> Pha-ra-ô nói với ông Giu-se: “Ta là Pha-ra-ô. Không có lệnh của ông, không ai được cử động tay chân trong toàn cõi Ai-cập.” <sup>45</sup> Pha-ra-ô đặt tên cho ông Giu-se là Xóp-nát Pa-nê-ác và gả cô Át-nát cho ông, cô là con gái ông Pô-ti Phê-ra, tư tế thành Ôn. Ông Giu-se đi kinh lý xứ Ai-cập.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>43</sup> Ngự xa qua các phố phường, 2775

Kế xe Tể tướng trên đường đăng quang.

Tiền hô hậu ủng nghiêm trang,

Kinh thành cờ quạt, tứ dân đón chào.

<sup>44</sup> Dân rằng trên có Phan-trào,

Dưới thời Du-tiếp ai nào dám hơn.

<sup>45</sup> Vua ban đại tự<sup>a</sup> vàng son: 2781

“Cứu nhân độ thế” danh thơm khắp vùng.

Nhà vua còn đứng chủ hôn,

Sâm-nương<sup>b</sup> quận chúa con dòng trăm anh.

Cùng quan Du-tiếp duyên lành, 2785

Chọn ngày hôn lễ cử hành lớn lao.

Bắt tay vào việc vua giao,

Con đường kinh lý nơi nào cũng qua,

<sup>46</sup> Com ăn, áo mặc, cửa nhà.

Là ba nền tảng vốn là của dân.

Dân đông đất ít thì phân 2791

Đất nhiều dân ít thì cần chiêu dân.

Du-tiếp ba chục cái xuân,

Trị bình thiên hạ, khôn ngoan đức trời.

<sup>a</sup> Tác giả theo thói triều đình An nam, khi vua ban tặng công đức vị quan nào hay bá hộ nào, thì người đó tùy tiện làm khuôn biển to chạm chữ vua ban đó sơn son thiếp vàng treo giữa nhà.

<sup>b</sup> Sâm-nương, là nữ Aseneth, con gái một vị quan lớn triều đình Phan-vương.

### Bản Paulus Tạc

<sup>43</sup> Ngự xa qua các phố phường, 2775

Kế xe tể tướng trên đường đăng quang.

Tiền hô hậu ủng nghiêm trang,

Kinh thành cờ quạt, tứ dân đón chào.

<sup>44</sup> Vua rằng: “Trên có Pha-rao,

Nếu không Du-tiếp, ai nào dám hơn”.

<sup>45</sup> Còn ban tôn hiệu vàng son: 2781

“Cứu nhân độ thế” danh thơm khắp vùng.

Nhà vua còn đứng chủ hôn,

Sa-nương quận chúa con dòng trăm anh.

Cùng quan Du-tiếp duyên lành, 2785

Chọn ngày hôn lễ cử hành lớn lao.

Bắt tay vào việc vua giao,

Con đường kinh lý nơi nào cũng qua,

<sup>46</sup> Com ăn, áo mặc, cửa nhà,

Là ba nền tảng vốn là của dân.

Dân đông, dân ít thì phân, 2791

Đất nhiều, dân ít thì cần chiêu dân.

Du-tiếp ba chục cái xuân,

Trị bình thiên hạ khôn ngoan đức trời.

### Bản phục chế đề nghị

Ngự xa qua các phố phường, 2775

Kế xe Tể tướng trên đường đăng quang.

Tiền hô hậu ủng nghiêm trang,

Kinh thành cờ quạt, tứ dân đón chào.

Dân rằng trên có Phan-trào,

Dưới thời Du-tiếp ai nào dám hơn.

Vua ban đại tự vàng son: 2781

“Cứu nhân độ thế” danh thơm khắp vùng.

Nhà vua còn đứng chủ hôn,

Sâm-nương quận chúa con dòng trăm anh.

Cùng quan Du-tiếp duyên lành, 2785

Chọn ngày hôn lễ cử hành lớn lao.

Bắt tay vào việc vua giao,

Con đường kinh lý nơi nào cũng qua,

Com ăn, áo mặc, cửa nhà.

Là ba nền tảng vốn là của dân.

Dân đông đất ít thì phân 2791

Đất nhiều dân ít thì cần chiêu dân.

Du-tiếp ba chục cái xuân,

Trị bình thiên hạ, khôn ngoan đức trời.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>46</sup> Ông Giu-se được ba mươi tuổi khi ra trình diện Pha-ra-ô, vua Ai-cập. Ông cáo biệt Pha-ra-ô và rảo qua khắp xứ Ai-cập. <sup>47</sup> Trong bảy năm sung túc, đất đã sinh ra mùa màng dư dật. <sup>48</sup> Ông thu tất cả lương thực của bảy năm liên tiếp trong xứ Ai-cập và chứa trong các thành; ông chứa trong mỗi thành lương thực sản xuất trong đồng ruộng chung quanh thành đó. <sup>49</sup> Ông Giu-se chất chứa lúa mì rất nhiều, như cát biển, đến mức ông thôi không đong lường nữa, vì không thể đong lường được.

<sup>50</sup> Ông Giu-se được hai con trai sinh ra trước năm đói; đó là hai người con mà bà Át-nát, con gái ông Pô-ti Phê-ra, tư tế thành Ôn, đã sinh cho ông. <sup>51</sup> Ông Giu-se đặt tên cho con đầu lòng là Mơ-na-se, ông nói: "Vì Thiên Chúa đã làm cho tôi quên đi mọi gian khổ của tôi và tất cả nhà cha tôi." <sup>52</sup> Ông đặt tên cho con thứ hai là Ép-ra-im, ông nói: "Vì Thiên Chúa đã cho tôi sinh sôi nảy nở trong xứ tôi phải chịu khổ cực."

<sup>53</sup> Khi bảy năm sung túc tại xứ Ai-cập chấm dứt, <sup>54</sup> thì bảy năm đói kém bắt đầu, như ông Giu-se đã nói. Mọi xứ khác đều bị đói kém, nhưng trong toàn xứ Ai-cập thì có bánh ăn. <sup>55</sup> Rồi toàn xứ Ai-cập bị

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>47</sup> Bảy năm thịnh vượng tới rồi, 2795

Nhà no người đủ khắp nơi vui mừng,

<sup>48</sup> Ban hành chính sách kiệm cần,

Phòng cơ tích cốc, phòng hàn giữ chắn.

Từu sắc tài khí cấm ngăn,

Nhờ đây của cải dư trăm, dư ngàn.

<sup>49</sup> Nông bô thu hoạch đầy tràn, 2801

Chăn nuôi phát đạt, xóm làng an ninh.

<sup>50</sup> Nói riêng Du-tiếp gia đình,

Nhà vua tác trợ, thần linh hộ trì.

Hào con: hai gã nam nhi, 2805

<sup>51</sup> Đầu lòng Mạnh-đạt <sup>a</sup>, thứ nhì Ấm-liêm <sup>b</sup>

<sup>52</sup> Tạ ơn Thượng-đế cho quên,

Những điều đau khổ, nỗi niềm cách phân,

Tạ ơn Thượng-đế ơn ban,

Trong cơn nguy hiểm, vinh quang chan hoà.

<sup>53</sup> Bảy năm thịnh vượng vừa qua, 2811

Bảy năm khôn cực đồ ra khắp vùng.

Trên trời vắng bóng mây hồng,

Mặt đất khô trắng, dưới sông cạn dòng.

<sup>54</sup> Y như kế hoạch dự phòng, 2815

Du-tiếp tiên liệu đỡ cơn ngặt nghèo.

<sup>a</sup> Mạnh-đạt, là ngu Manasse, con đầu lòng.

<sup>b</sup> Ấm-Liêm, là ngu Ephraim, con thứ của Du-tiếp.

**Bản Paulus Tạc**

<sup>47</sup> Bảy năm thịnh vượng tới rồi, 2795

Nhà no người đủ khắp nơi vui mừng.

<sup>48</sup> Ban hành chính sách kiệm cần,

Phòng cơ tích cốc, phòng hàn giữ chắn.

Từu sắc, tài khí cấm ngăn,

Nhờ đây của cải dư trăm dư ngàn.

<sup>49</sup> Nông bô thu hoạch đầy tràn, 2801

Chăn nuôi phát đạt, xóm làng an ninh.

<sup>50</sup> Nói riêng **Du-tiếp** gia đình:

Nhà vua tác trợ, thần linh hộ trì.

Hào con: hai gã nam nhi, 2805

<sup>51</sup> Đầu lòng Mạnh-đạt, thứ nhì Ấm-liêm.

<sup>52</sup> Tạ ơn Thượng-đế cho quên,

Những ngày đau khổ, nỗi niềm cách phân.

Tạ ơn Thượng-đế ơn ban

Trong cơn **hoạn nạn** vinh quang chan hòa.

<sup>53</sup> Bảy năm thịnh vượng vừa qua, 2811

Bảy năm khôn cực đồ ra khắp **cùng**.

Trên trời vắng bóng mây hồng,

Mặt đất khô trắng, dưới sông cạn dòng.

<sup>54</sup> Y như kế hoạch dự phòng, 2815

**Du-tiếp** tiên liệu đỡ cơn ngặt nghèo.

**Bản phục chế đề nghị**

<sup>47</sup> Bảy năm thịnh vượng tới rồi, 2795

Nhà no người đủ khắp nơi vui mừng,

Ban hành chính sách kiệm cần,

Phòng cơ tích cốc, phòng hàn giữ chắn.

Từu sắc tài khí cấm ngăn,

Nhờ đây của cải dư trăm, dư ngàn.

<sup>49</sup> Nông bô thu hoạch đầy tràn, 2801

Chăn nuôi phát đạt, xóm làng an ninh.

Nói riêng Du-tiếp gia đình,

Nhà vua tác trợ, thần linh hộ trì.

Hào con: hai gã nam nhi, 2805

<sup>51</sup> Đầu lòng Mạnh-đạt, thứ nhì Ấm-liêm.

<sup>52</sup> Tạ ơn Thượng-đế cho quên,

Những điều đau khổ, nỗi niềm cách phân,

Tạ ơn Thượng-đế ơn ban,

Trong cơn nguy hiểm, vinh quang chan hoà.

<sup>53</sup> Bảy năm thịnh vượng vừa qua, 2811

Bảy năm khôn cực đồ ra khắp vùng.

Trên trời vắng bóng mây hồng,

Mặt đất khô trắng, dưới sông cạn dòng.

<sup>54</sup> Y như kế hoạch dự phòng, 2815

Du-tiếp tiên liệu đỡ cơn ngặt nghèo.

### **Bản văn Kinh thánh**

đói và dân chúng kêu lên Pha-ra-ô xin bánh ăn. Pha-ra-ô nói với mọi người Ai-cập: “Cứ đến với ông Giu-se; ông bảo gì, các ngươi hãy làm theo.”<sup>56</sup> Khắp nơi trong xứ bị đói kém. Ông Giu-se mở hết các kho lúa mì và bán cho người Ai-cập. Nạn đói hoành hành trong đất Ai-cập.<sup>57</sup> Từ mọi xứ, người ta đến Ai-cập để mua lúa mì của ông Giu-se, vì nạn đói hoành hành trên khắp mặt đất.”

## **42**

<sup>1</sup> Ông Gia-cóp thấy bên Ai-cập có lúa bán, liền nói với các con trai: “Sao các con cứ ngồi nhìn nhau?”  
<sup>2</sup> Rồi ông nói: “Cha nghe nói bên Ai-cập có lúa bán; các con hãy xuống đó mua lúa về, để chúng ta sống chứ không phải chết.”<sup>3</sup> Mười người anh ông Giu-se bèn xuống mua lúa mì ở Ai-cập.<sup>4</sup> Nhưng Ben-gia-min, em của ông Giu-se, thì ông Gia-cóp không sai đi với các anh, vì ông nói: “Lỡ ra nó gặp

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>55</sup> Cơ hàn dân chúng tiêu điều,  
Đòi vua, đòi các quan triều: Cơm ăn.  
Phàn-vương kêu gọi toàn dân:  
“Đến cùng **Du-tiếp**” và tuân lệnh người.  
<sup>56</sup> Càng ngày nạn đói càng sôi, **2821**  
Các kho nhà nước lần hồi bán ra.  
Thất mùa lan rộng gần xa,  
Lân bang nước Giép, người ta cơ hàn.  
<sup>57</sup> Cho nên biên giới đạ càng, **2825**  
Tới đây mua lúa nuôi ăn qua ngày.

## **42**

<sup>1</sup> Nghe đồn nước Giép trước đây,  
Lập kho trữ gạo, lúc này bán ra.  
Gia-cước gọi đám con nhà:  
“Sao bây chậm chạp, người ta rần rần,  
<sup>2</sup> Mau mau sắp xếp lên đàng, **2831**  
Tới nơi đong lúa độ thân con nghèo,  
<sup>3</sup> Đề phòng đường sá cheo leo,  
Nhút là cẩn thận vượt đèo qua truông.”  
<sup>4</sup> Biên-mân ở lại sớm hôm, **2835**  
Cha già hủ hỉ, trông nom cửa nhà.

### **Bản Paulus Tọa**

<sup>55</sup> Cơ hàn, dân chúng tiêu điều,  
Đòi vua, đòi các quan triều: cơm ăn.  
**Pha-rao** kêu gọi toàn dân:  
“Đến cùng **Du-tiếp** và tuân lệnh người.”  
<sup>56</sup> Càng ngày nạn đói càng sôi, **2821**  
Các kho nhà nước lần hồi bán ra.  
Thất mùa lan rộng gần xa,  
Chung quanh nước Giép người ta cơ hàn.  
<sup>57</sup> Cho nên biên giới đạ càn, **2825**  
Đến đây mua lúa nuôi ăn qua ngày.

## **42**

<sup>1</sup> Nghe đồn nước Giép trước đây,  
Lập kho trữ gạo lúc này bán ra.  
Gia-cước gọi đám con nhà:  
“Sao bây chậm chạp, người ta rần rần,  
<sup>2</sup> Mau mau sắp xếp lên đàng, **2831**  
Đến nơi đong lúa độ thân con nghèo.  
<sup>3</sup> Đề phòng đường sá cheo leo,  
Nhút là cẩn thận vượt đèo qua truông.”  
<sup>4</sup> Biên-mân ở lại sớm hôm, **2835**  
Cha già hủ hỉ, trông nom cửa nhà.

### **Bản phục chế đề nghị**

Cơ hàn dân chúng tiêu điều,  
Đòi vua, đòi các quan triều: Cơm ăn.  
Phàn-vương kêu gọi toàn dân:  
“Đến cùng **Du-tiếp**” và tuân lệnh người.  
Càng ngày nạn đói càng sôi, **2821**  
Các kho nhà nước lần hồi bán ra.  
Thất mùa lan rộng gần xa,  
Lân bang nước Giép, người ta cơ hàn.  
Cho nên biên giới đạ càn, **2825**  
Tới đây mua lúa nuôi ăn qua ngày.

## **42**

### **THẤT MÙA ĐẠI NẠN CẦU THỰC GIÉP-TÔ**

Nghe đồn nước Giép trước đây,  
Lập kho trữ gạo, lúc này bán ra.  
Gia-cước gọi đám con nhà:  
“Sao bây chậm chạp, người ta rần rần,  
Mau mau sắp xếp lên đàng, **2831**  
Tới nơi đong lúa độ thân con nghèo,  
Đề phòng đường sá cheo leo,  
Nhút là cẩn thận vượt đèo qua truông.”  
Biên-mân ở lại sớm hôm, **2835**  
Cha già hủ hỉ, trông nom cửa nhà.

**Bản văn Kinh thánh**

tai hoạ.”

<sup>5</sup> Giữa đám người đến mua lúa, cũng có mặt các con ông Ít-ra-en, vì đất Ca-na-an bị đói kém. <sup>6</sup> Ông Giu-se bấy giờ có toàn quyền trong xứ, và ông bán lúa cho toàn dân trong xứ. Các anh ông Giu-se đến và cúi sấp mặt xuống đất lạy ông. <sup>7</sup> Vừa nhìn thấy các anh mình, ông Giu-se nhận ra họ, nhưng làm như người xa lạ đối với họ, và nói với họ cách cứng cỏi. Ông hỏi họ: “Các người từ đâu đến?” Họ đáp: “Thưa từ đất Ca-na-an, để mua lương thực.”

<sup>8</sup> Ông Giu-se nhận ra các anh, nhưng họ không nhận ra ông. <sup>9</sup> Ông Giu-se nhớ lại những giấc chiêm bao của ông liên quan đến họ, nên nói với họ: “Các người là bọn do thám. Các người đến để dò xét những chỗ sơ hở của xứ này.” <sup>10</sup> Họ nói: “Thưa ngài, không phải đâu! Các tôi tớ ngài đến để mua lương thực. <sup>11</sup> Chúng tôi đều là con cùng một cha, chúng tôi là người lương thiện; các tôi tớ ngài không phải là bọn do thám.” <sup>12</sup> Ông nói với họ: “Không! Các người đến để dò xét những chỗ sơ hở của xứ

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>5</sup> Canh năm còn rộn tiếng gà,

Mười anh bao bị xông pha đường dài.

<sup>6</sup> Người ta nườm nượp cả ngày,

Lạc đà, lừa ngựa, miền này xứ kia.

Giếp-tô bốn hướng đổ về, 2841

Phải qua tế-tướng định bễ xuất kho.

Bầy con Gia-cốc bước vô,

Vái chào lễ phép, đứng chờ tới phiên.

<sup>7</sup> Du-tiếp nhìn thấy biết liền, 2845

Nhưng làm mặt lạ, điềm nhiên hỏi rằng:

“Các người gốc gác hà phang?”

“Chúng tôi tất cả Trà-nam quê nhà,

Thất mùa, đói khát xót xa,

Tới đây mua lúa đỡ qua nạn trời.”

<sup>8</sup> Du-tiếp nhớ lại ấu thời, 2851

Chiêm bao đã ứng, nên người gặt gao

Anh em chẳng biết đàng nào.

<sup>9</sup> Mà quan bắt bẻ, gán vào “thám quân”

Dụng mưu quan sát kinh thành, 2855

Địa hình, địa vật, trại canh, quốc phòng.

<sup>10</sup> Họ rằng: “... bầm lạy chúa công,

Cốt đi mua lúa, ngoài không hai lòng.

<sup>11</sup> Làm ăn lương thiện nghề nông,

Anh em lớn nhỏ vốn đồng một cha.”

**Bản Paulus Tạ**

<sup>5</sup> Canh năm còn rộn tiếng gà,

Mười anh bao bị xông pha đường dài.

<sup>6</sup> Người ta nườm nượp cả ngày,

Lạc đà, lừa, ngựa, miền này xứ kia.

Giếp-tô bốn hướng đổ về, 2841

Phải qua tế tướng định bễ xuất kho.

Bầy con Gia-cốc bước vô,

Vái chào lễ phép, đứng chờ **đến** phiên.

<sup>7</sup> **Du-tiếp** nhìn thấy biết liền, 2845

Nhưng làm mặt lạ, điềm nhiên hỏi rằng:

“Các người gốc gác hà phang?”

“Chúng tôi tất cả Trà-nam quê nhà.

Thất mùa, đói khát xót xa,

Đến đây mua lúa đỡ qua **vạ** trời.”

<sup>8</sup> **Du-tiếp** nhớ lại ấu thời, 2851

Chiêm bao đã ứng nên người gặt gao.

Anh em chẳng biết đàng nào,

<sup>9</sup> Mà quan bắt bẻ, gán vào thám quân.

Dụng mưu quan sát kinh thành, 2855

Địa hình, địa vật, trại canh, **dân** phòng.

<sup>10</sup> Họ rằng: “Bầm lạy chúa công,

Cốt đi mua lúa, ngoài không hai lòng.

<sup>11</sup> Làm ăn lương thiện nghề nông,

Anh em lớn nhỏ vốn đồng một cha...”

**Bản phục chế đề nghị**

Canh năm còn rộn tiếng gà,

Mười anh bao bị xông pha đường dài.

Người ta nườm nượp cả ngày,

Lạc đà, lừa ngựa, miền này xứ kia.

Giếp-tô bốn hướng đổ về, 2841

Phải qua tế tướng định bễ xuất kho.

Bầy con Gia-cốc bước vô,

Vái chào lễ phép, đứng chờ tới phiên.

Du-tiếp nhìn thấy biết liền, 2845

Nhưng làm mặt lạ, điềm nhiên hỏi rằng:

“Các người gốc gác hà phang?”

“Chúng tôi tất cả Trà-nam quê nhà,

Thất mùa, đói khát xót xa,

Tới đây mua lúa đỡ qua nạn trời.”

Du-tiếp nhớ lại ấu thời, 2851

Chiêm bao đã ứng, nên người gặt gao

Anh em chẳng biết đàng nào.

Mà quan bắt bẻ, gán vào “thám quân”

Dụng mưu quan sát kinh thành, 2855

Địa hình, địa vật, trại canh, quốc phòng.

Họ rằng: “... bầm lạy chúa công,

Cốt đi mua lúa, ngoài không hai lòng.

Làm ăn lương thiện nghề nông,

Anh em lớn nhỏ vốn đồng một cha.”

**Bản văn Kinh thánh**

này.”<sup>13</sup> Họ nói: “Các tôi tớ ngài là mười hai anh em, chúng tôi là con cùng một cha, ở đất Ca-na-an. Đưa út hiện đang ở với cha chúng tôi, còn một đứa thì không còn nữa.”<sup>14</sup> Ông Giu-se bảo họ: “Đúng như ta đã nói với các người: các người là bọn do thám!”<sup>15</sup> Ta sẽ thử thách các người như thế này: Ta lấy mạng sống Pha-ra-ô mà thề rằng: các người sẽ không được ra khỏi đây, trước khi đưa em út của các người đến.<sup>16</sup> Hãy cho một anh em về tìm đứa em, còn các người thì phải ở tù. Ta sẽ thử xem lời các người nói có đúng sự thật hay không. Bằng không, ta lấy mạng sống Pha-ra-ô mà thề rằng: các người là bọn do thám.”<sup>17</sup> Rồi ông giam giữ họ ba ngày.<sup>18</sup> Đến ngày thứ ba, ông Giu-se bảo họ: “Các người muốn sống thì hãy làm thế này, vì ta kính sợ Thiên Chúa.<sup>19</sup> Nếu các người là những kẻ lương thiện, thì một anh em cứ phải chịu giam trong nhà tù này, còn các người khác thì hãy ra đi, đem lúa về cho gia đình khỏi đói.<sup>20</sup> Rồi các người hãy đem đứa em út đến cho ta. Bấy

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>12</sup> Quan rằng: “Đừng có van ca, 2855  
 Các người một lũ dò la tình hình.”  
<sup>13</sup> Thật oan cho kẻ cùng đinh,  
 Chúng tôi thành thật cúi xin trình bày,  
 Anh em tất cả mười hai, 2865  
 Một người mất tích trong ngày còn thơ.  
 Một em út nhỏ bây giờ,  
 Ở nhà hôm sớm giúp lo cha già.”  
<sup>14</sup> Quan rằng: “... càng nói, càng ngoa,  
 Chúng minh điều ấy, <sup>15</sup> thì ta định rằng,  
<sup>16</sup> Cho người dẫn đứa út sang, 2871  
 Các người ở lại phải giam vào tù,  
<sup>17</sup> Tôi khi biết rõ thực hư...”  
 Dứt lời hạ lệnh toả cư ba ngày.  
<sup>18</sup> Mười người cảm thấy đắng cay, 2875  
 Tại sao quan quá nặng tay với mình,  
 Người ta mua lúa kinh kinh,  
 Không bị hạch hỏi, bị tình nghi chi?  
 Ba ngày mở ngục dắc dĩ,  
 Hầu quan Tể-tướng, hồn phi phách rời.  
 Thông ngôn chuyển ngữ, hạ lời: 2881  
<sup>19</sup> “Quan trên hạ lệnh một người câu lưu,  
 Chín người trở lại gia cư,  
 Chở đầy lúa gạo dự trữ con nguy,

**Bản Paulus Tạc**

<sup>12</sup> Quan rằng: “Đừng có van ca, 2855  
 Các người một lũ dò la tình hình.”  
<sup>13</sup> “Thật oan cho kẻ cùng đinh,  
 Chúng tôi thành thật cúi xin trình bày.  
 Anh em tất cả mười hai, 2865  
 Một người mất tích trong ngày còn thơ.  
 Một em út nhỏ bây giờ,  
 Ở nhà hôm sớm giúp lo cha già.”  
<sup>14</sup> Quan rằng: “Càng nói càng ngoa,  
 Chúng minh điều ấy <sup>15</sup> thì ta định rằng,  
<sup>16</sup> Cho người dẫn đứa út sang, 2871  
 Các người ở lại phải giam vào tù.  
<sup>17</sup> Đến khi biết rõ thực hư...”  
 Dứt lời hạ lệnh toả cư ba ngày.  
<sup>18</sup> Mười người cảm thấy đắng cay, 2875  
 Tại sao quan quá nặng tay với mình.  
 Người ta mua lúa kinh kinh,  
 Không bị hạch hỏi, bị tình nghi chi.  
 Ba ngày mở ngục dắc dĩ,  
 Hầu quan Tể tướng, hồn phi phách rời.  
 Thông ngôn chuyển ngữ, hạ lời: 2881  
<sup>19</sup> “Quan trên ra lệnh một người câu lưu.  
 Chín người trở lại gia cư,  
 Chở về lúa gạo dự trữ con nguy,

**Bản phục chế đề nghị**

Quan rằng: “Đừng có van ca, 2861  
 Các người một lũ dò la tình hình.”  
 Thật oan cho kẻ cùng đinh,  
 Chúng tôi thành thật cúi xin trình bày,  
 Anh em tất cả mười hai, 2865  
 Một người mất tích trong ngày còn thơ.  
 Một em út nhỏ bây giờ,  
 Ở nhà hôm sớm giúp lo cha già.”  
 Quan rằng: “... càng nói, càng ngoa,  
 Chúng minh điều ấy, thì ta định rằng,  
 Cho người dẫn đứa út sang, 2871  
 Các người ở lại phải giam vào tù,  
 Tôi khi biết rõ thực hư...”  
 Dứt lời hạ lệnh toả cư ba ngày.  
 Mười người cảm thấy đắng cay, 2875  
 Tại sao quan quá nặng tay với mình,  
 Người ta mua lúa kinh kinh,  
 Không bị hạch hỏi, bị tình nghi chi?  
 Ba ngày mở ngục dắc dĩ,  
 Hầu quan Tể-tướng, hồn phi phách rời.  
 Thông ngôn chuyển ngữ, hạ lời: 2881  
 “Quan trên hạ lệnh một người câu lưu,  
 Chín người trở lại gia cư,  
 Chở đầy lúa gạo dự trữ con nguy,

**Bản văn Kinh thánh**

giờ sẽ rõ là các người nói đúng, và các người sẽ không phải chết.” Họ đã làm như vậy. <sup>21</sup> Họ bảo nhau: “Than ôi! Chúng ta có lỗi với em chúng ta: chúng ta đã thấy nó phải ngặt nghèo. Nó đã năn nỉ chúng ta, nhưng chúng ta chẳng nghe. Chính vì thế mà chúng ta gặp cảnh ngặt nghèo này.” <sup>22</sup> Ông Ru-vên trả lời họ rằng: “Tôi đã chẳng bảo các chú thế này sao: “Đừng phạm tội hại đến thằng bé!” nhưng các chú đã không chịu nghe. Bây giờ thì phải đền nợ máu nó!” <sup>23</sup> Họ không biết rằng ông Giu-se hiểu được, vì giữa ông và họ có người phiên dịch. <sup>24</sup> Bây giờ ông lánh ra chỗ khác mà khóc, sau đó mới trở lại nói chuyện với họ. Trong số họ, ông bắt ông Si-mê-ôn và cho trói trước mặt họ.

<sup>25</sup> Rồi ông Giu-se truyền đổ đầy lúa mì vào bao bị của họ, và truyền trả lại bạc: của ai thì để vào bao người ấy, đồng thời cho họ lương thực ăn đường. Ông đã xử sự với họ như thế. <sup>26</sup> Họ chất lúa của mình lên lưng lừa và đi khỏi đó. <sup>27</sup> Tại nơi họ dừng lại nghỉ đêm, một người trong bọn họ mở bao

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>20</sup> Chuyến sau, em út cùng đi, 2885

Thì quan xác nhận thị phi đủ rồi;

Nếu mà có sự lỗi thôi,

Dĩ nhiên cái chết các người phải mang.

Anh em đều nhận lệnh quan,

<sup>21</sup> Xong rồi, họ lại phàn nàn với nhau:

Tại mình mặt ngựa đầu trâu, 2891

Bất nhân tàn bạo, gây sầu cho cha.

Em mình bắt bán người ta,

Mặc dầu nó khóc, kêu la hết lời.

Mà ta một mực vui cười, 2895

Dữ lành quả báo, tay Trời công minh.

<sup>22</sup> Bây giờ có tiếng Lữ-bình:

“Trước kia tôi bảo chớ hành tội em,

Thế mà các chú ngang nhiên,

Hiện nay nợ máu phải đền, trách ai!”

<sup>23</sup> Họ dùng thổ ngữ ở đây, 2901

Nào ngờ Tể-tướng, để tai từ đầu.

<sup>24</sup> Tâm thần xúc động xôn xao,

Cổ cảm giọt lệ, giây lâu lịnh rằng:

<sup>25</sup> “Một người giữ lại làm bằng”. 2905

Sử-mông bị trói đem cầm phía sau.

Lịnh: “...đem bao đồ lúa vào,

Bạc tiền giấu kín trong bao mỗi người.”

**Bản Paulus Tạc**

<sup>20</sup> Chuyến sau em út cùng đi 2885

Thì quan xác nhận thị phi đủ rồi.

Nếu mà có sự lỗi thôi,

Dĩ nhiên cái chết các người phải mang.”

Anh em đều nhận lệnh quan,

<sup>21</sup> Xong rồi, họ lại phàn nàn với nhau.

Tại mình mặt ngựa đầu trâu, 2891

Bất nhân, tàn bạo, gây sầu cho cha.

Em mình bắt bán người ta,

Mặc dầu nó khóc, kêu la hết lời.

Mà ta một mực vui cười, 2895

Ác thì quả báo, tay Trời công minh.

<sup>22</sup> Bây giờ có tiếng Lữ-bình:

“Trước đây tôi bảo chớ hành tội em.

Thế mà các chú ngang nhiên,

Hiện nay nợ máu phải đền, trách ai.”

<sup>23</sup> Họ dùng thổ ngữ ở đây, 2901

Nào ngờ Tể tướng để tai từ đầu.

<sup>24</sup> Tâm thần xúc động xôn xao,

Cổ cảm giọt lệ, giây lâu lịnh rằng:

<sup>25</sup> “Một người giữ lại làm bằng” 2905

Sử-mông bị trói đem cầm phía sau.

Lịnh: “Đem bao đồ lúa vào,

Bạc tiền giấu kín trong bao mỗi người.”

**Bản phục chế đề nghị**

Chuyến sau, em út cùng đi, 2885

Thì quan xác nhận thị phi đủ rồi;

Nếu mà có sự lỗi thôi,

Dĩ nhiên cái chết các người phải mang”.

Anh em đều nhận lệnh quan,

Xong rồi, họ lại phàn nàn với nhau:

Tại mình mặt ngựa đầu trâu, 2891

Bất nhân tàn bạo, gây sầu cho cha.

Em mình bắt bán người ta,

Mặc dầu nó khóc, kêu la hết lời.

Mà ta một mực vui cười, 2895

Dữ lành quả báo, tay Trời công minh.

Bây giờ có tiếng Lữ-bình:

“Trước kia tôi bảo chớ hành tội em,

Thế mà các chú ngang nhiên,

Hiện nay nợ máu phải đền, trách ai!”

Họ dùng thổ ngữ ở đây, 2901

Nào ngờ Tể tướng để tai từ đầu.

Tâm thần xúc động xôn xao,

Cổ cảm giọt lệ, giây lâu lịnh rằng:

“Một người giữ lại làm bằng”. 2905

Sử-mông bị trói đem cầm phía sau.

Lịnh: “...đem bao đồ lúa vào,

Bạc tiền giấu kín trong bao mỗi người.”



**Bản văn Kinh thánh**

của mình để cho lửa ăn, thì thấy bạc của mình: bạc ấy ở miệng bao lúa mì. <sup>28</sup> Người ấy nói với anh em mình: “Người ta đã trả lại bạc của tôi! Nó ở trong bao lúa mì của tôi đây này!” Họ hết hồn hết vía, kinh hoàng nói với nhau: “Thiên Chúa làm gì cho chúng ta thế này!”

<sup>29</sup> Khi trở về với ông Gia-cóp, cha họ, ở đất Ca-na-an, họ thuật lại cho ông mọi việc đã xảy đến với họ; họ nói: <sup>30</sup> “Ông chúa xứ ấy đã ăn nói với chúng con cách cứng cỏi, và coi chúng con là bọn người đến do thám xứ ấy. <sup>31</sup> Chúng con nói với ông ta: “Chúng tôi là người lương thiện, không phải là bọn do thám.

<sup>32</sup> Chúng tôi là mười hai anh em, con cùng một cha. Một đứa không còn nữa, đứa út thì hiện đang ở với cha chúng tôi tại đất Ca-na-an.” <sup>33</sup> Nhưng ông chúa xứ ấy bảo chúng con: “Căn cứ vào điều này, ta sẽ biết các người là những kẻ lương thiện: các người hãy để một anh em ở lại với ta, hãy lãnh phần lương thực cứu đói cho gia đình và ra đi. <sup>34</sup> Các người hãy đem đứa em út đến cho ta; như vậy ta sẽ biết các người không phải là bọn do

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Quân gia tuân lệnh hẳn hoi,  
Còn thêm lương thực được dồi dào hơn.

<sup>26</sup> Anh em bái tạ lên đường, 2911

Xót xa như chờ đau buồn về đâu

<sup>27</sup> Dọc đường, dừng bước giải lao,

Một người lấy lúa, mở bao thấy tiền.

<sup>28</sup> Làm cho ai nấy ngạc nhiên, 2915

Càng thêm bối rối, càng thêm bồi hồi.

Cúi đầu, không biết tay Trời.

Rồi đây đưa đẩy cuộc đời ra sao!

<sup>29</sup> Cha già mòn mỏi ra vào,

Thấy con về tới, người nào cũng lo.

<sup>30</sup> Đầu đuôi thuật lại căn do: 2921

“Chuyến đi gặp lắm cam go, buồn phiền.

Quan trên nghị kỵ điệp viên,

Tội tù, dấn vật, không yên trí lòng.

<sup>31</sup> Rằng mình lương thiện nghề nông, 2925

<sup>32</sup> Mười hai tất cả, con chung một nhà.

Một người ở với cha già,

Một người mất tích, kể ra rõ ràng.

<sup>33</sup> Không tin, quan bắt làm bằng,

Một thì nhốt lại, chín mang lúa về.

<sup>34</sup> Chuyến sau, em út theo kẻ, 2931

Cho quan thấy mặt dễ bề tin nhau.

**Bản Paulus Tạc**

Quân gia tuân lệnh hẳn hoi,  
Còn thêm lương thực **lại** dồi dào hơn.

<sup>26</sup> Anh em bái tạ lên đường, 2911

Xót xa như chờ đau buồn về đâu!

<sup>27</sup> Dọc đường, dừng bước giải lao,

Một người lấy lúa, mở bao thấy tiền.

<sup>28</sup> Làm cho ai nấy ngạc nhiên, 2915

Càng thêm bối rối, càng thêm bồi hồi.

Cúi đầu không biết tay Trời,

Rồi đây đưa đẩy cuộc đời ra sao.

<sup>29</sup> Cha già mòn mỏi ra vào,

Thấy con về tới, người nào cũng lo.

<sup>30</sup> Đầu đuôi, thuật lại căn do: 2921

Chuyến đi gặp lắm cam go buồn phiền.

Quan trên nghị kỵ điệp viên,

Tội tù, dấn vật, không yên trí lòng.

<sup>31</sup> Rằng mình lương thiện nghề nông, 2925

<sup>32</sup> Mười hai tất cả, con chung một nhà.

Một người ở với cha già,

Một người biệt tích, kể ra rõ ràng.

<sup>33</sup> “Không tin, quan bắt làm bằng,

Một thì nhốt lại, chín mang lúa về.

<sup>34</sup> Chuyến sau em út theo kẻ, 2931

Cho quan thấy mặt dễ bề tin nhau.

**Bản phục chế đề nghị**

Quân gia tuân lệnh hẳn hoi,  
Còn thêm lương thực được dồi dào hơn.

Anh em bái tạ lên đường, 2911

Xót xa như chờ đau buồn về đâu

Dọc đường, dừng bước giải lao,

Một người lấy lúa, mở bao thấy tiền.

Làm cho ai nấy ngạc nhiên, 2915

Càng thêm bối rối, càng thêm bồi hồi.

Cúi đầu, không biết tay Trời.

Rồi đây đưa đẩy cuộc đời ra sao!

Cha già mòn mỏi ra vào,

Thấy con về tới, người nào cũng lo.

Đầu đuôi thuật lại căn do: 2921

“Chuyến đi gặp lắm cam go, buồn phiền.

Quan trên nghị kỵ điệp viên,

Tội tù, dấn vật, không yên trí lòng.

Rằng mình lương thiện nghề nông, 2925

Mười hai tất cả, con chung một nhà.

Một người ở với cha già,

Một người mất tích, kể ra rõ ràng.

Không tin, quan bắt làm bằng,

Một thì nhốt lại, chín mang lúa về.

Chuyến sau, em út theo kẻ, 2931

Cho quan thấy mặt dễ bề tin nhau.

**Bản văn Kinh thánh**

thám, nhưng là người lương thiện. Ta sẽ trả lại người anh em kia, và các người sẽ có thể đi lại mua bán trong xứ.”

<sup>35</sup> Khi họ đổ bao ra, thì mỗi người thấy trong bao có túi bạc của mình. Thấy những túi bạc, họ và cha họ phát sợ. <sup>36</sup> Ông Gia-cóp, cha họ, bảo: “Chúng mày cướp con tao! Giu-se không còn nữa, Si-mê-ôn không còn nữa, mà Ben-gia-min, chúng mày cũng muốn bắt đem đi! Mọi chuyện đổ lên đầu tao!” <sup>37</sup> Ông Rưu-vên nói với cha: “Cha cứ giết hai đứa con trai của con đi, nếu con không đưa em về cho cha! Cha cứ giao em cho con, và chính con sẽ đem nó về cho cha.”

<sup>38</sup> Nhưng ông đáp: “Con tao sẽ không xuống đó với chúng mày, vì anh nó đã chết, chỉ còn lại một mình nó thôi. Nó mà gặp tai hoạ trong chuyến đi chúng mày sắp thực hiện, thì chúng mày sẽ làm cho kẻ bạc đầu này phải buồn sầu mà xuống âm phủ.”

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Kẻ giam được thả ra mau,

Các người cũng được ra vào làm ăn.”

<sup>35</sup> Hôm sau đổ lúa ra sân, 2935

Mở bao thấy bạc, phân vân, ngại ngần.

<sup>36</sup> Cha-già: “... bầy quá lung tung.

Mắt con ta hết: Sừ-mông bị cầm.

Du-tiếp biệt tích lâu năm,

Bây giờ muốn dắc Biền-mân khỏi nhà.

Rủi ro đổ trút đầu già, 2941

Chúng con chớ trách sao cha phiền hà!”

<sup>37</sup> Lữ-bình quả quyết: “... thừa cha.

Biền-mân con lãnh, nếu mà có chi.

Con con, hai đứa đang thì, 2945

Xin cha giết quách chúng đi đền bồi.”

<sup>38</sup> Cha già: “... ta nhứt định rồi

Không hề con út được rời khỏi đây.

Du-tiếp, số nó không may,

Biền-mân sống sót, nếu mai thế nào...

Thì cha chết với âu sầu, 2951

Tủi thân này đã bạc đầu chưa yên.

**Bản Paulus Tạc**

Kẻ giam được thả ra mau,

Các người cũng được ra vào làm ăn.

<sup>35</sup> Hôm sau đổ lúa ra sân, 2935

Xổ bao thấy bạc, phân vân ngại ngần.

<sup>36</sup> Cha già: “Bầy quá lung tung,

Mắt con ta hết: Sừ-mông bị cầm.

Du-tiếp biệt tích lâu năm,

Bây giờ muốn dắc Biền-mân khỏi nhà.

Rủi ro đổ trút đầu già, 2941

Chúng con chớ trách sao cha phiền hà!”

<sup>37</sup> Lữ-bình quả quyết: “Thừa cha,

Biền-mân con lãnh, nếu mà có chi,

Con con hai đứa đang thì, 2945

Xin cha giết quách chúng đi đền bồi.”

<sup>38</sup> Cha già: “Ta nhứt định rồi,

Không hề con út được rời khỏi đây.

Du-tiếp số nó không may,

Biền-mân sống sót, nếu mai thế nào ...

Thì cha chết với âu sầu, 2951

Tủi thân này đã bạc đầu chưa yên!”

**Bản phục chế đề nghị**

Kẻ giam được thả ra mau,

Các người cũng được ra vào làm ăn.”

Hôm sau đổ lúa ra sân, 2935

Mở bao thấy bạc, phân vân, ngại ngần.

Cha-già: “... bầy quá lung tung.

Mắt con ta hết: Sừ-mông bị cầm.

Du-tiếp biệt tích lâu năm,

Bây giờ muốn dắc Biền-mân khỏi nhà.

Rủi ro đổ trút đầu già, 2941

Chúng con chớ trách sao cha phiền hà!”

Lữ-bình quả quyết: “... thừa cha.

Biền-mân con lãnh, nếu mà có chi.

Con con, hai đứa đang thì, 2945

Xin cha giết quách chúng đi đền bồi.”

Cha già: “... ta nhứt định rồi

Không hề con út được rời khỏi đây.

Du-tiếp, số nó không may,

Biền-mân sống sót, nếu mai thế nào...

Thì cha chết với âu sầu, 2951

Tủi thân này đã bạc đầu chưa yên.

<sup>1</sup> Nạn đói trong xứ trở nên trầm trọng. <sup>2</sup> Khi họ ăn hết lúa đưa từ Ai-cập về, thì cha họ bảo: “Hãy trở lại mua ít lương thực về.” <sup>3</sup> Ông Giu-đa thưa với cha: “Ông ấy đã tuyên bố rõ với chúng con: “Các người sẽ không được gặp mặt ta, nếu em các người không cùng đến với các người.” <sup>4</sup> Nếu cha sai em đi với chúng con, thì chúng con mới xuống mua lương thực cho cha được; <sup>5</sup> còn nếu cha không sai nó đi, thì chúng con sẽ không xuống, vì ông ấy đã bảo chúng con: “Các người sẽ không được gặp mặt ta, nếu em các người không cùng đến với các người.” <sup>6</sup> Ông Ít-ra-en nói: “Sao các con lại làm hại cha mà đi khai với ông ấy rằng các con còn một đũa em?” <sup>7</sup> Họ trả lời: “Ông ấy hỏi đi hỏi lại về chúng con và họ hàng chúng con; ông ấy nói: “Cha các người còn sống không? Các người có em không?” Chúng con cứ theo các câu hỏi ấy mà khai với ông ta. Có ngờ đâu là ông ấy sẽ bảo chúng con: “Đưa em các người xuống đây!” <sup>8</sup> Ông Giu-đa thưa với ông Ít-ra-en, cha mình: “Xin cha sai thằng bé đi với con; chúng con sẽ chỗi dậy lên đường, và chúng ta sẽ sống chứ không

<sup>1</sup> Cơ hàn lan rộng khắp miền.  
Mưa xa, nắng đỏ, đảo điên cuộc đời.  
<sup>2</sup> Bữa cơm bữa cháo cầm hơi, 2955  
Bao nhiêu lúa gạo cũng trôi phương nào.  
Gia-cuốc: “... cơn đói lên cao,  
Rán qua nước Giếp để cầu của ăn.”  
<sup>3</sup> Du-đạc: “... thà đói cho cam,  
Không đem em út cũng bằng bỏ thầy.  
<sup>4</sup> Nếu cha cho nó nhập bầy, 2961  
Qua đó chuyến này, may cứu Sừ-mông.  
<sup>5</sup> Bằng không, qua đó uống công,  
Vi quan xứ đó, khó lòng xảo ngôn.”  
<sup>6</sup> Cha già: “... rắc rối nào hơn, 2965  
Can chi phải nói bây còn một em?”  
<sup>7</sup> “Thưa cha, khó giấu quan trên,  
Hỏi tra, hăm dọa còn thêm giam cầm.  
Mình ngay nói hết ngọn ngành,  
Ai dè quan dạy dắc sang diện trình.”  
<sup>8</sup> Du-đạc: “... cha cứ linh xình, 2971  
Chắc là đám trẻ tổn sinh mạng rồi.

<sup>1</sup> **Thất mùa** lan rộng khắp miền,  
Mưa xa nắng đỏ, đảo điên cuộc đời.  
<sup>2</sup> Bữa cơm, bữa cháo cầm hơi, 2955  
Bao nhiêu lúa gạo cũng trôi phương nào.  
Gia-cuốc: “... Con đói lên cao,  
Rán qua nước Giếp để cầu của ăn.”  
<sup>3</sup> Du-đạc: “Thà đói cho cam,  
Không đem em út cũng bằng bỏ thầy.  
<sup>4</sup> Nếu cha cho nó nhập bầy, 2961  
Qua đó chuyến này, may cứu Sừ-mông.  
<sup>5</sup> Bằng không qua đó uống công,  
Vi quan xứ **Giếp** khó lòng xảo ngôn.”  
<sup>6</sup> Cha già: “Rắc rối nào hơn, 2965  
Can chi phải nói bây còn một em?”  
<sup>7</sup> “Thưa cha, khó giấu quan trên,  
Hỏi tra, hăm dọa còn thêm giam cầm.  
Mình ngay nói hết ngọn ngành,  
Ai dè quan dạy dắc sang diện trình.”  
<sup>8</sup> Du-đạc: “Cha cứ linh xình, 2971  
Chắc là đám trẻ tổn sinh mạng rồi!

HUYNH ĐỆ CẦU LƯƠNG  
BIỂN-MÂN CHUNG BƯỚC

Cơ hàn lan rộng khắp miền.  
Mưa xa, nắng đỏ, đảo điên cuộc đời.  
Bữa cơm bữa cháo cầm hơi, 2955  
Bao nhiêu lúa gạo cũng trôi phương nào.  
Gia-cuốc: “... cơn đói lên cao,  
Rán qua nước Giếp để cầu của ăn.”  
Du-đạc: “... thà đói cho cam,  
Không đem em út cũng bằng bỏ thầy.  
Nếu cha cho nó nhập bầy, 2961  
Qua đó chuyến này, may cứu Sừ-mông.  
Bằng không, qua đó uống công,  
Vi quan xứ đó, khó lòng xảo ngôn.”  
Cha già: “... rắc rối nào hơn, 2965  
Can chi phải nói bây còn một em?”  
“Thưa cha, khó giấu quan trên,  
Hỏi tra, hăm dọa còn thêm giam cầm.  
Mình ngay nói hết ngọn ngành,  
Ai dè quan dạy dắc sang diện trình.”  
Du-đạc: “... cha cứ linh xình, 2971  
Chắc là đám trẻ tổn sinh mạng rồi.

### **Bản văn Kinh thánh**

chết cả đám, cha cũng như chúng con và lũ trẻ. <sup>9</sup> Chính con xin bảo lãnh cho nó; cha cứ bắt con chịu trách nhiệm; nếu con không đưa nó về cho cha và đặt nó trước mặt cha, thì con sẽ đắc tội với cha suốt đời. <sup>10</sup> Giả như không chần chừ thế này, thì bây giờ chúng con đã đi được hai chuyến rồi!”

<sup>11</sup> Ông Ít-ra-en, cha họ, bảo: “Nếu vậy thì các con cứ làm thế này: hãy đem trong bao bị một số đặc sản địa phương và đưa xuống làm quà cho ông ấy: ít nhũ hương, ít mật ong, nhựa thơm và mộc dược, đào lặc và hạnh nhân. <sup>12</sup> Hãy đem theo số bạc gấp đôi, vì chúng con phải giao lại số bạc mà có khi vì lầm lẫn người ta đã đặt lại vào miệng bao. <sup>13</sup> Hãy đưa em các con đi theo và lên đường trở lại với ông ấy. <sup>14</sup> Xin Thiên Chúa toàn năng làm cho ông ấy chạnh lòng thương các con, mà để cho người anh em kia và Ben-gia-min cùng về với các con. Còn cha, nếu phải mất con, thì cha đành chịu mất vậy!”

<sup>15</sup> Những người này lấy những món quà đó, mang theo số bạc gấp đôi, và đem Ben-gia-min theo. Họ đứng lên, xuống Ai-cập và vào trình diện ông Giu-se. <sup>16</sup> Khi ông Giu-se thấy Ben-gia-min cùng đến với họ, thì nói với người quản gia của ông: “Anh đưa những người

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>9</sup> Bây giờ con quyết một lời,

Con lãnh em út khứ hồi bình an;

Nếu như bắt tắc giữa đàng, 2975

Con xin chịu tội gian nan suốt đời.

<sup>10</sup> Phải chi cha chẳng lần hồi,

Chúng con qua lại kỳ rồi mấy phen.”

<sup>11</sup> “Thôi bây đừng kéo dài thêm,

Tình hình cấp bách, đi liền mới xong.

Đem theo sản vật thơm ngon, 2981

Nhũ hương, hổ phách, mật ong làm quà.

<sup>12</sup> Bạc tiền đem gấp đôi, ba,

Phòng khi chuyển trước người ta tính lầm.

<sup>13</sup> Dắt theo em út Biền-mân. 2985

<sup>14</sup> Nguyễn xin Thượng-đế trên đàng vận hương,

Anh em chúng nó vuông tròn,

Già nầy ở lại cô đơn sớm chiều.”

<sup>15</sup> Đồng xanh nắng cháy tiêu điều,

Chuyến đi hi vọng được nhiều cái hên.

<sup>16</sup> Tôi nơi ra mắt quan trên. 2991

Ngài liền nhận thấy mặt em út mình.

Cổ dằn xúc động tâm tình,

Anh em thuật lại tình hình gia trang.

Quản gia, quan gọi dặn rằng: 2995

“Hãy mời lớn nhỏ một đoàn vào trong,

### **Bản Paulus Tạc**

<sup>9</sup> Bây giờ con quyết một lời,

Con lãnh em út khứ hồi bình an.

Nếu như bắt tắc giữa đàng, 2975

Con xin chịu tội, gian nan suốt đời.

<sup>10</sup> Phải chi cha chẳng lần hồi,

Chúng con qua lại **tháng** rồi mấy phen.”

<sup>11</sup> “Thôi bây đừng kéo dài thêm,

Tình hình cấp bách, đi liền mới xong.

Đem theo sản vật thơm ngon, 2981

Nhũ hương, hổ phách, mật ong làm quà.

<sup>12</sup> Bạc tiền đem gấp đôi, ba,

Phòng khi chuyển trước người ta tính lầm.

<sup>13</sup> Dắt theo em út Biền-mân, 2985

<sup>14</sup> Nguyễn xin Thượng-đế trên đàng vận lương.

Anh em chúng nó vuông tròn,

Già nầy ở lại cô đơn sớm chiều.”

<sup>15</sup> Đồng xanh nắng cháy tiêu điều,

Chuyến đi hi vọng được nhiều cái hên.

<sup>16</sup> **Đến** nơi ra mắt quan trên, 2991

Ngài liền nhận thấy mặt em út mình.

Cổ dằn xúc động tâm tình,

Anh em thuật lại tình hình gia trang.

Quản gia, quan gọi dặn rằng: 2995

“Hãy mời lớn nhỏ, một đoàn vào trong,

### **Bản phục chế đề nghị**

Bây giờ con quyết một lời,

Con lãnh em út khứ hồi bình an;

Nếu như bắt tắc giữa đàng, 2975

Con xin chịu tội gian nan suốt đời.

Phải chi cha chẳng lần hồi,

Chúng con qua lại kỳ rồi mấy phen.”

“Thôi bây đừng kéo dài thêm,

Tình hình cấp bách, đi liền mới xong.

Đem theo sản vật thơm ngon, 2981

Nhũ hương, hổ phách, mật ong làm quà.

Bạc tiền đem gấp đôi, ba,

Phòng khi chuyển trước người ta tính lầm.

Dắt theo em út Biền-mân. 2985

Nguyễn xin Thượng-đế trên đàng vận hương,

Anh em chúng nó vuông tròn,

Già nầy ở lại cô đơn sớm chiều.”

Đồng xanh nắng cháy tiêu điều,

Chuyến đi hi vọng được nhiều cái hên.

Tới nơi ra mắt quan trên. 2991

Ngài liền nhận thấy mặt em út mình.

Cổ dằn xúc động tâm tình,

Anh em thuật lại tình hình gia trang.

Quản gia, quan gọi dặn rằng: 2995

“Hãy mời lớn nhỏ một đoàn vào trong,

### **Bản văn Kinh thánh**

này về nhà, giết một con vật, và làm các món ăn, vì những người này sẽ dùng bữa với tôi trưa nay.”

<sup>17</sup> Người này làm như ông Giu-se truyền, ông ta đưa họ về nhà ông Giu-se.

<sup>18</sup> Họ sợ hãi khi bị đưa về nhà ông Giu-se, họ nói: “Chúng ta bị đưa đi vì chuyện số bạc đã được trả lại trong bao lúa của chúng ta lần trước. Người ta sắp xông tới, nhảy bổ vào chúng ta, bắt chúng ta làm nô lệ, và lấy lửa của chúng ta.”

<sup>19</sup> Họ lại gần người quản gia của ông Giu-se và nói với ông ở lối vào nhà: <sup>20</sup> “Thưa ngài, xin xá lỗi, lần trước chúng tôi đã xuống mua lương thực. <sup>21</sup> Nhưng khi chúng tôi tới nơi dừng lại nghỉ đêm và mở các bao lúa của chúng tôi, thì mỗi người thấy số bạc của mình ở miệng bao lúa của mình, chính số bạc chúng tôi đã cần; chúng tôi lại đem đến đây. <sup>22</sup> Chúng tôi cũng đem theo số bạc khác xuống để mua lương thực. Chúng tôi không biết ai đã để số bạc của chúng tôi vào bao lúa chúng tôi.” <sup>23</sup> Người quản gia nói: “Các ông cứ an tâm, đừng sợ. Chính Thiên Chúa của các ông, Thiên Chúa của cha các ông, đã đặt cho các ông một kho tàng trong các bao lúa của các ông. Số bạc của các ông đã đến tay tôi rồi.” Sau đó ông dẫn ông Si-mê-ôn ra cho họ.

### **Bản Nguyễn Văn Nạn**

Thức ăn, nấu những món ngon,  
Trưa nay họ sẽ dùng cơm nhà mình.”

<sup>17</sup> Quản gia chu đáo thi hành,

<sup>18</sup> Anh em sợ hãi, riêng bàn với nhau:

“Chắc là tiền nhét trong bao, 3001

Biết đâu chước quỷ để hầu hại ta.’

<sup>19</sup> Họ ra cửa gặp quản gia,

<sup>20</sup> Phân trần tiền lúa, <sup>21</sup> về nhà mới hay.

<sup>22</sup> Người nào cất giấu vào đây, 3005

Chúng tôi sòng phẳng, chuyến này mang theo.

<sup>23</sup> Quý ông chớ ngại chi nhiều,

Cầu Trời phù hộ mọi điều bình yên,

Chuyến rồi đã trả đủ tiền,

Xin đừng để bụng, sinh phiền, lo âu.”

Sử-mông được thả, hiệp nhau, 3011

<sup>24</sup> Đoạn mời tất cả đi vào tư dinh.

Những người giúp việc tận tình,

Máy khay trâu hảo, máy bình trà thom.

Bưng mời quý khách nhận dùng, 3015

Mọi điều tiêm tất, họ cùng giúp lo.

<sup>25</sup> Anh em soạn các món đồ.

Đem làm quà tặng, ngồi chờ quan trên.

<sup>26</sup> Đến trưa, quan trở về dinh,

Mọi người có mặt đứng lên bái chào.

### **Bản Paulus Tọa**

Thức ăn, nấu những món ngon,  
Trưa nay họ sẽ dùng cơm nhà mình.”

<sup>17</sup> Quản gia chu đáo thi hành,

<sup>18</sup> Anh em sợ hãi, riêng bàn với nhau:

“Chắc là tiền nhét trong bao, 3001

Biết đâu chước quỷ để hầu hại ta.”

<sup>19</sup> Họ ra cửa gặp quản gia,

<sup>20</sup> Phân trần: “Tiền lúa <sup>21</sup> về nhà mới hay.

<sup>22</sup> Người nào cất giấu vào đây, 3005

Chúng tôi sòng phẳng, chuyến này mang theo.”

<sup>23</sup> “Quý ông chớ ngại chi nhiều,

Cầu Trời phù hộ mọi điều bình yên.

Chuyến rồi đã trả đủ tiền,

Xin đừng để bụng, kéo phiền lo âu.”

Sử-mông được thả, **hợp** nhau, 3011

<sup>24</sup> Đoạn mời tất cả đi vào tư dinh.

Những người giúp việc tận tình,

Máy khay trâu hảo, máy bình trà thom.

Bưng mời quý khách **nhậm** dùng, 3015

Mọi điều **gì khác** họ cùng giúp lo.

<sup>25</sup> Anh em **sửa soạn** món đồ,

Đem làm quà tặng, ngồi chờ quan trên.

<sup>26</sup> Đến trưa quan trở về dinh,

Mọi người có mặt đứng lên bái chào.

### **Bản phục chế đề nghị**

Thức ăn, nấu những món ngon,  
Trưa nay họ sẽ dùng cơm nhà mình.”

Quản gia chu đáo thi hành,

Anh em sợ hãi, riêng bàn với nhau:

“Chắc là tiền nhét trong bao, 3001

Biết đâu chước quỷ để hầu hại ta.”

Họ ra cửa gặp quản gia,

Phân trần tiền lúa, về nhà mới hay.

Người nào cất giấu vào đây, 3005

Chúng tôi sòng phẳng, chuyến này mang theo.

Quý ông chớ ngại chi nhiều,

Cầu Trời phù hộ mọi điều bình yên,

Chuyến rồi đã trả đủ tiền,

Xin đừng để bụng, sinh phiền, lo âu.”

Sử-mông được thả, hiệp nhau, 3011

Đoạn mời tất cả đi vào tư dinh.

Những người giúp việc tận tình,

Máy khay trâu hảo, máy bình trà thom.

Bưng mời quý khách nhận dùng, 3015

Mọi điều tiêm tất, họ cùng giúp lo.

Anh em soạn các món đồ.

Đem làm quà tặng, ngồi chờ quan trên.

Đến trưa, quan trở về dinh,

Mọi người có mặt đứng lên bái chào.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>24</sup> Ông đưa họ vào nhà ông Giu-se, đem nước cho họ rửa chân và lấy cỏ cho lừa của họ ăn. <sup>25</sup> Họ bày quà ra, trong khi chờ ông Giu-se về vào buổi trưa, vì họ nghe rằng họ sẽ dùng bữa ở đó.

<sup>26</sup> Khi ông Giu-se vào nhà, họ dâng ông quà họ đã mang theo vào nhà đó, và sụp xuống đất lạy ông. <sup>27</sup> Ông vấn an họ và nói: “Các người đã nói đến cha già của các người, ông cụ có được bình an không? Ông cụ còn sống không?” <sup>28</sup> Họ đáp: “Tôi tớ ngài, là cha của chúng tôi, vẫn được bình an, người vẫn còn sống.” Rồi họ quỳ sụp xuống lạy. <sup>29</sup> Ngước mắt lên, ông thấy Ben-gia-min, người em cùng mẹ với ông, ông liền hỏi: “Đây là đứa em út mà các người đã nói với ta, có phải không?”, đoạn ông nói: “Con ơi, xin Thiên Chúa đoái thương con.” <sup>30</sup> Trông thấy em, ông xúc động nghẹn ngào, rồi đi vội vào phòng riêng mà khóc. <sup>31</sup> Sau đó, ông rửa mặt và đi ra; ông cầm lòng mà nói: “Dọn bữa lên!” <sup>32</sup> Người ta dọn riêng cho ông, riêng cho họ và riêng cho những người Ai-cập cùng ăn với ông, vì người Ai-cập không thể dùng bữa với người Híp-ri: đó là điều ghê tởm đối với người Ai-cập. <sup>33</sup> Các anh em ngồi đối diện với ông, anh cả ngồi vào chỗ anh cả, em út ngồi vào chỗ em út, và họ nhìn nhau kinh ngạc. <sup>34</sup> Ông truyền đem cho

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Lựa lời tốt đẹp mấy câu, 3021

Dung lên lễ vật, đổi trao lời lành.

<sup>27</sup> Quan trên đáp lễ, hỏi thăm:

“Cụ già, thân phụ các anh thế nào?”

Rằng: “... người tuy tuổi đã cao, 3025

Nhờ trời, sức khỏe dồi dào khang ninh.”

<sup>29</sup> Biền-mân<sup>a</sup>, em út quan nhìn:

“Em này chuyển trước đã trình phải chăng?”

Cầu Trời, em được bình an ...”

<sup>30</sup> Bỗng quan xúc động, vội vàng vào trong.

Hai hàng nước mắt rờn rờn, 3031

Quá thương em ruột, tủi lòng cách phân!

Một hồi cố gắng lệ ngăn,

<sup>31</sup> Bước ra bình tĩnh, gọi làm bữa ăn.

Quản gia xếp đặt hai hàng, 3035

Một bàn người Giép, một bàn anh em.

<sup>32</sup> Quan trên cũng một bàn riêng,

Xong rồi mời lại yến diên vui mừng.

<sup>33</sup> Ngồi theo thứ tự niên canh,

Anh em ngó ngán, bao lần ngạc nhiên.

<sup>34</sup> Họ ngồi trước mặt quan trên. 3041

Món ngon quan dạy, sót riêng chia phần.

<sup>a</sup> Biền-mân (Benjamin) là em Du-tiếp (Joseph) con một mẹ, La-cương (Rachel) chỉ sinh ra có hai người.

**Bản Paulus Tào**

Lựa lời tốt đẹp mấy câu, 3021

Dung lên lễ vật, đổi trao lời lành.

<sup>27</sup> Quan trên đáp lễ hỏi thăm:

“Cụ già, thân phụ các anh thế nào?”

Rằng: “Người tuy tuổi đã cao, 3025

Nhờ Trời, sức khỏe dồi dào khang ninh.”

<sup>29</sup> Biền-mân em út, quan nhìn:

“Em này chuyển trước đã trình phải chăng?”

Cầu Trời em được bình an...”

<sup>30</sup> Bỗng quan xúc động vội vàng vào trong.

Hai hàng nước mắt rờn rờn, 3031

Quá thương em ruột, tủi lòng cách phân!

Một hồi cố gắng lệ ngăn,

<sup>31</sup> Bước ra bình tĩnh: “... gọi làm bữa ăn.”

Quản gia xếp đặt hai hàng, 3035

Một bên người Giép, một bàn anh em.

<sup>32</sup> Quan trên cũng một bàn riêng,

Xong rồi, mời lại yến diên vui mừng.

<sup>33</sup> Ngồi theo thứ tự niên canh,

Anh em ngó ngán, bao lần ngạc nhiên.

<sup>34</sup> Họ ngồi trước mặt quan trên, 3041

Món ngon quan dạy sót riêng chia phần.

**Bản phục chế đề nghị**

Lựa lời tốt đẹp mấy câu, 3021

Dung lên lễ vật, đổi trao lời lành.

Quan trên đáp lễ, hỏi thăm:

“Cụ già, thân phụ các anh thế nào?”

Rằng: “... người tuy tuổi đã cao, 3025

Nhờ trời, sức khỏe dồi dào khang ninh.”

Biền-mân, em út quan nhìn:

“Em này chuyển trước đã trình phải chăng?”

Cầu Trời em được bình an ...”

Bỗng quan xúc động, vội vàng vào trong.

Hai hàng nước mắt rờn rờn, 3031

Quá thương em ruột, tủi lòng cách phân!

Một hồi cố gắng lệ ngăn,

Bước ra bình tĩnh, gọi làm bữa ăn.

Quản gia xếp đặt hai hàng, 3035

Một bàn người Giép, một bàn anh em.

Quan trên cũng một bàn riêng,

Xong rồi mời lại yến diên vui mừng.

Ngồi theo thứ tự niên canh,

Anh em ngó ngán, bao lần ngạc nhiên.

Họ ngồi trước mặt quan trên. 3041

Món ngon quan dạy, sót riêng chia phần.

**Bản văn Kinh thánh**

họ những phần thức ăn dọn trước mặt ông, nhưng phần của Ben-gia-min thì nhiều gấp năm phần của tất cả những người khác. Họ cùng với ông ăn uống say sưa.

**44**

<sup>1</sup> Ông Giu-se truyền cho người quản gia của ông: “Anh hãy đổ đầy bao lúa của mấy người này; họ mang được bao nhiêu thì đổ cho họ bấy nhiêu, rồi bạc của người nào thì đặt vào miệng bao của người ấy.” <sup>2</sup> Chén của tôi cái chén bạc, thì anh đặt vào miệng bao lúa của đũa út, cùng với số bạc mua lúa của nó.” Người quản gia làm như lời ông dặn.  
<sup>3</sup> Khi trời sáng, người ta để cho các anh em ra đi, cùng với lừa của họ.  
<sup>4</sup> Họ vừa ra khỏi thành, chưa được bao xa, thì ông Giu-se bảo người quản gia của ông: “Đứng lên! hãy rượt theo những người kia, và khi đuổi kịp thì bảo họ: “Sao các ông lại lấy oán đền ơn?” <sup>5</sup> Đó chẳng phải là đồ vật chủ tôi dùng để uống và để bói toán sao? Các ông làm như vậy là xấu!”  
<sup>6</sup> Người ấy đuổi kịp họ và nói với họ những lời trên. <sup>7</sup> Họ đáp: “Sao ngài lại nói những lời lẽ như vậy? Không đời nào các tôi tớ ngài lại làm một chuyện như thế!” <sup>8</sup> Ngài coi: số bạc chúng tôi đã tìm thấy ở miệng các bao lúa của chúng tôi,

**Bản Nguyễn Văn Nhận**

Nhút là mâm của Biên-mân,  
Thức ăn quan sót gấp năm mọi người,  
Bữa ăn ai nấy vui cười, 3045  
Rượu ngon xao lãng trò đời đổi thay.

**44**

<sup>1</sup> Kinh thành vừa sạch sương mai,  
Quan kêu thân tín tra tay việc làm.  
Mỗi bao đong lúa đầy tràn  
Bạc tiền gói lại kỹ càng nhét vô  
<sup>2</sup> Thêm bao em út món đồ, 3051  
Là đem chén bạc quan to quen dùng  
<sup>3</sup> Thi hành công việc đã xong,  
Quan cho tất cả lên đường về quê.  
<sup>4</sup> Một ngày chuyên chờ nặng nề, 3055  
Đàng sau vó ngựa kè kè đuổi theo.  
<sup>5</sup> Một người chặn lại, cả kêu:  
“Các anh bội nghĩa, làm điều phi-nhân.  
<sup>6</sup> Chén bạc quý giá của quan,  
Thừa cơ ăn cắp phải hoàn lại mau.”  
<sup>7</sup> Họ rằng: “... oan ức làm sao, 3061  
Ơn quan trọng hậu, lẽ nào xảy ra.

**Bản Paulus Tạc**

Nhút là mâm của Biên-mân,  
Thức ăn quan sót gấp năm mọi người.  
Bữa ăn ai nấy vui cười, 3045  
Rượu ngon xao lãng trò đời đổi thay.

**44**

<sup>1</sup> Kinh thành vừa sạch sương mai,  
Quan kêu thân tín tra tay việc làm:  
“Mỗi bao đong lúa đầy tràn,  
Bạc tiền gói lại kỹ càng nhét vô.  
<sup>2</sup> Thêm bao em út món đồ, 3051  
Là đem chén bạc quan to quen dùng.”  
<sup>3</sup> Thi hành công việc đã xong,  
Quan cho tất cả lên đường về quê.  
<sup>4</sup> Một ngày chuyên chờ nặng nề, 3055  
Đàng sau vó ngựa gằn kè đuổi theo.  
<sup>5</sup> Một người chặn lại cả kêu:  
“Các anh bội nghĩa, làm điều vô nhân.  
<sup>6</sup> Chén bạc quý giá của quan,  
Thừa cơ ăn cắp phải hoàn lại mau.”  
<sup>7</sup> Họ rằng: “Oan ức làm sao, 3061  
Ơn quan trọng hậu lẽ nào xảy ra!

**Bản phục chế đề nghị**

Nhút là mâm của Biên-mân,  
Thức ăn quan sót gấp năm mọi người,  
Bữa ăn ai nấy vui cười, 3045  
Rượu ngon xao lãng trò đời đổi thay.

**44**

**TÓC HÀNH TRUY NÃ  
XÉT BẮT BIÊN-MÂN**  
Kinh thành vừa sạch sương mai,  
Quan kêu thân tín tra tay việc làm.  
Mỗi bao đong lúa đầy tràn  
Bạc tiền gói lại kỹ càng nhét vô  
Thêm bao em út món đồ, 3051  
Là đem chén bạc quan to quen dùng  
Thi hành công việc đã xong,  
Quan cho tất cả lên đường về quê.  
Một ngày chuyên chờ nặng nề, 3055  
Đàng sau vó ngựa kè kè đuổi theo.  
Một người chặn lại, cả kêu:  
“Các anh bội nghĩa, làm điều phi-nhân.  
Chén bạc quý giá của quan,  
Thừa cơ ăn cắp phải hoàn lại mau.”  
Họ rằng: “... oan ức làm sao, 3061  
Ơn quan trọng hậu, lẽ nào xảy ra.

### Bản văn Kinh thánh

chúng tôi đã đem từ đất Ca-na-an đến trả lại cho ngài. Làm sao chúng tôi lại có thể lấy trộm bạc hay vàng trong nhà ông chủ ngài được? <sup>9</sup> Hễ tìm thấy đồ vật đó nơi ai, thì người ấy phải chết; còn chúng tôi sẽ làm nô lệ cho ngài.” <sup>10</sup> Người quản gia nói: “Thôi được, cứ như lời các ông. Hễ tìm thấy đồ vật đó nơi ai, thì người ấy phải làm nô lệ cho tôi còn các ông sẽ vô can.” <sup>11</sup> Ai nấy vội vàng hạ bao lúa của mình xuống đất, rồi mở bao ra. <sup>12</sup> Người quản gia lục soát, bắt đầu từ người anh cả và kết thúc nơi người em út. Cái chén được tìm thấy trong bao lúa của Ben-gia-min. <sup>13</sup> Họ xé áo mình ra, rồi mỗi người chất đồ lên lưng lừa của mình và trở về thành. <sup>14</sup> Khi ông Giu-đa và các anh em vào nhà ông Giu-se, thì ông còn đang ở đó, và họ cúi rạp xuống đất, trước mặt ông. <sup>15</sup> Ông Giu-se nói với họ: “Các người làm gì vậy? Các người không biết rằng một người như ta phải có tài bói toán sao?” <sup>16</sup> Ông Giu-đa nói: “Chúng tôi biết thưa gì với ngài, nói năng làm sao, tự biện hộ thế nào? Thiên Chúa đã phơi bày tội của các tôi tớ ngài ra. Chúng tôi xin làm nô lệ cho ngài, cả chúng tôi lẫn người bị tìm thấy đang giữ cái chén.” <sup>17</sup> Ông Giu-se nói: “Không đời nào ta làm điều ấy! Người bị tìm thấy đang giữ cái chén, thì sẽ phải làm nô lệ cho ta, còn các người thì cứ về bình an với cha các người.” <sup>18</sup> Bấy giờ, ông Giu-đa lại gần ông và nói: “Thưa ngài, xin xá lỗi. Xin cho tôi tớ ngài được nói một lời thấu đến tai ngài. Xin ngài đừng trút cơn thịnh nộ xuống tôi tớ ngài:

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>8</sup> Chúng tôi tiền bạc thật thà,  
Trước sau thanh toán, quản gia biết rành.  
Làm sao có sự chẳng lành, 3065  
Chúng tôi ăn cắp bạc vàng nhà quan?  
<sup>9</sup> Yêu cầu lục soát công bằng,  
Ai là thủ phạm xin phân thây liền.”  
<sup>10</sup> “Đó là tùy ý anh em,  
Nếu ai ăn cắp, bắt đem tôi đòi.  
Vô can thì thả đi xuôi.” 3071  
<sup>11</sup> Các bao lớn nhỏ tức thời phanh phui.  
Thế là khám xét từng người,  
<sup>12</sup> Tới bao em út thì lòi quả tang.  
<sup>13</sup> Tức mình giậm cẳng kêu van, 3075  
Anh em trở lại hầu quan cho tường.  
<sup>14</sup> Dư-đạc kéo hết vào trong,  
Sấp mình xuống lạy: “... chúa công xét giùm.”  
<sup>15</sup> Quan rằng: “... dầu có gan hùm,  
Cái tài nham độn ta còn cao hơn.”  
<sup>16</sup> Dư-đạc: “... bẩm lạy chúa công, 3081  
Vụ này chẳng biết khai thông cách nào.  
Chỉ còn có một Trời cao,  
Xin người giải toả trước sau rõ ràng,  
Tinh ngay mà cái lý gian, 3085  
Chúng tôi tất cả xin làm tôi quan.”

### Bản Paulus Tạc

<sup>8</sup> Chúng tôi tiền bạc thật thà,  
Trước sau thanh toán, quản gia biết rành.  
Làm sao có sự chẳng lành, 3065  
Lòng nào ăn cắp bạc vàng nhà quan?  
<sup>9</sup> Yêu cầu lục soát công bằng,  
Ai là thủ phạm, xin phân thây liền.”  
<sup>10</sup> “Đó là tùy ý anh em,  
Gặp ai ăn cắp, bắt đem tôi đòi.  
Vô can thì thả đi xuôi...” 3071  
<sup>11</sup> Các bao lớn nhỏ tức thời phanh phui.  
Thế là khám xét từng người,  
<sup>12</sup> Tới bao em út thì lòi quả tang,  
<sup>13</sup> Tức mình xé áo kêu van, 3075  
Anh em trở lại hầu quan cho tường.  
<sup>14</sup> Dư-đạc kéo hết vào trong,  
Sấp mình xuống lạy: “Chúa công xét giùm.”  
<sup>15</sup> Quan rằng: “Dầu có gan hùm,  
Cái tài nham độn ta còn cao hơn.”  
<sup>16</sup> Dư-đạc: “Bẩm lạy chúa công, 3081  
Vụ này chẳng biết khai thông cách nào.  
Chỉ còn có một Trời cao,  
Xin Người giải toả trước sau rõ ràng,  
Tinh ngay mà cái lý gian, 3085  
Chúng tôi tất cả xin làm tôi quan.”

### Bản phục chế đề nghị

Chúng tôi tiền bạc thật thà,  
Trước sau thanh toán, quản gia biết rành.  
Làm sao có sự chẳng lành, 3065  
Chúng tôi ăn cắp bạc vàng nhà quan?  
Yêu cầu lục soát công bằng,  
Ai là thủ phạm xin phân thây liền.”  
“Đó là tùy ý anh em,  
Nếu ai ăn cắp, bắt đem tôi đòi.  
Vô can thì thả đi xuôi.” 3071  
Các bao lớn nhỏ tức thời phanh phui.  
Thế là khám xét từng người,  
Tới bao em út thì lòi quả tang.  
Tức mình giậm cẳng kêu van, 3075  
Anh em trở lại hầu quan cho tường.  
Dư-đạc kéo hết vào trong,  
Sấp mình xuống lạy: “... chúa công xét giùm.”  
Quan rằng: “... dầu có gan hùm,  
Cái tài nham độn ta còn cao hơn.”  
Dư-đạc: “... bẩm lạy chúa công, 3081  
Vụ này chẳng biết khai thông cách nào.  
Chỉ còn có một Trời cao,  
Xin người giải toả trước sau rõ ràng,  
Tinh ngay mà cái lý gian, 3085  
Chúng tôi tất cả xin làm tôi quan.”



### Bản văn Kinh thánh

quả thật, ngài ngang hàng với Pha-ra-ô.<sup>19</sup> Ngài đã hỏi các tôi tớ ngài rằng: “Các người còn cha hay anh em nào không?”<sup>20</sup> Chúng tôi đã thưa với ngài: “Chúng tôi có cha già và một đứa em út, sinh ra lúc người đã già; thằng anh cùng mẹ với nó đã chết, chỉ còn lại mình nó, nên người thương nó.”<sup>21</sup> Ngài đã bảo các tôi tớ ngài: “Các người đưa nó xuống cho ta, để ta nhìn thấy nó tận mắt.”<sup>22</sup> Chúng tôi đã thưa với ngài: “Thằng bé không thể rời cha, nếu nó rời cha, thì người sẽ chết mất!”<sup>23</sup> Nhưng ngài đã bảo các tôi tớ ngài: “Nếu em út các người không cùng xuống với các người, thì các người sẽ không được gặp mặt ta nữa.”<sup>24</sup> Vậy khi chúng tôi về với tôi tớ ngài, là cha của tôi, thì chúng tôi đã nói lại với người những lời của ngài.<sup>25</sup> Cha chúng tôi bảo: “Hãy trở lại mua ít lương thực về.”<sup>26</sup> Chúng tôi trả lời: “Chúng con không thể xuống đó được. Nếu có em út cùng đi với chúng con, thì chúng con mới xuống; vì chúng con không thể gặp mặt ông ấy, nếu em út không cùng đi với chúng con.”<sup>27</sup> Tôi tớ ngài, là cha của tôi, nói với chúng tôi: “Các con biết rằng vợ của cha đã sinh cho cha hai đứa.”<sup>28</sup> Một đứa đã lia cha, và cha đã nói: Đúng là nó đã bị xé xác, và cho đến nay cha chẳng được nhìn lại nó.<sup>29</sup> Nếu các con đem cả đứa này đi xa cha, và nó gặp tai hoạ, thì các con sẽ làm cho kẻ bạc đầu này phải đau khổ mà xuống âm phủ.”<sup>30</sup> Vậy bây giờ nếu tôi về với tôi tớ ngài, là cha của tôi, mà không có thằng bé cùng về với chúng tôi, bởi vì người chỉ sống khi nó sống,<sup>31</sup> thì khi thấy

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>17</sup> “Các người là kẻ vô can,

Tội ai nấy chịu, công bằng là hay;

Em út ở lại xứ này.

Các anh tải lúa về ngay xứ mình.”

<sup>18</sup> Du-đạc: “... cho tớ phân minh.”<sup>a</sup> 3091

Chúng tôi con một gia đình bất phân.

<sup>19</sup> Trước đây tớ nói Biền-mân,

Là người em út phải gần bên cha.

<sup>20</sup> Quan đòi phải dắc nó qua, 3095

Cha già không muốn nó ra khỏi nhà.

<sup>21</sup> Bao lần năn nỉ thiết tha,

Mỗi lần như vậy, cha già đón đau.

<sup>22</sup> Nhưng mà nạn đói quá lâu,

<sup>23</sup> Quan: quờn sinh tử, <sup>24</sup> cha: sầu tử sinh.

<sup>25</sup> Giằng co, con đói hoành hoành, 3101

Sợ bầy con trẻ bỏ mình vì ai!

<sup>26</sup> Tớ bèn bảo lãnh chuyến này,

<sup>27</sup> Cha già đứt ruột buông tay cho rồi.

<sup>28</sup> Ra đi luống những bồi hồi, 3105

<sup>29</sup> Bây giờ như vậy, ôi trời thấu chăng!

<sup>30</sup> Gọng kềm ai đã mở toang,

Để em út kẹt khó khăn thế này.

<sup>a</sup> Từ câu 18 đến câu 33, tác giả diễn tả theo tâm trạng, người Á-đông. Một dung hoà giữa tư tưởng Kinh thánh và dân tộc An-nam.

### Bản Paulus Tạc

<sup>17</sup> “Các người là kẻ vô can,

Tội ai nấy chịu, công bằng là hay.

Em út ở lại xứ này,

Các anh tải lúa về ngay xứ mình.”

<sup>18</sup> Du-đạc: “Cho tớ phân minh, 3091

Chúng tôi con một gia đình bất phân.

<sup>19</sup> Trước đây tớ nói Biền-mân,

Là người em út phải gần bên cha.

<sup>20</sup> Quan đòi phải dắc nó qua, 3095

Cha già không muốn nó ra khỏi nhà.

<sup>21</sup> Bao lần năn nỉ thiết tha,

Mỗi lần như vậy, cha già đón đau.

<sup>22</sup> Nhưng mà nạn đói quá lâu,

<sup>23</sup> Quan: quờn sinh tử, <sup>24</sup> cha: sầu tử sinh.

<sup>25</sup> Giằng co, con đói hoành hoành, 3101

Sợ bầy con trẻ bỏ mình vì ai!

<sup>26</sup> Tớ bèn bảo lãnh chuyến này,

<sup>27</sup> Cha già đứt ruột buông tay cho rồi.

<sup>28</sup> Ra đi luống những bồi hồi, 3105

<sup>29</sup> Bây giờ như vậy, ôi Trời thấu chăng!

<sup>30</sup> Gọng kềm ai đã mở toang,

Để em út kẹt khó khăn thế này!

### Bản phục chế đề nghị

“Các người là kẻ vô can,

Tội ai nấy chịu, công bằng là hay;

Em út ở lại xứ này.

Các anh tải lúa về ngay xứ mình.”

Du-đạc: “... cho tớ phân minh. 3091

Chúng tôi con một gia đình bất phân.

Trước đây tớ nói Biền-mân

Là người em út phải gần bên cha.

Quan đòi phải dắc nó qua, 3095

Cha già không muốn nó ra khỏi nhà.

Bao lần năn nỉ thiết tha,

Mỗi lần như vậy, cha già đón đau.

Nhưng mà nạn đói quá lâu,

Quan: quờn sinh tử, cha: sầu tử sinh.

Giằng co, con đói hoành hoành, 3101

Sợ bầy con trẻ bỏ mình vì ai!

Tớ bèn bảo lãnh chuyến này,

Cha già đứt ruột buông tay cho rồi.

Ra đi luống những bồi hồi, 3105

Bây giờ như vậy, ôi Trời thấu chăng!

Gọng kềm ai đã mở toang,

Để em út kẹt khó khăn thế này.

### Bản văn Kinh thánh

là không có thằng bé, người sẽ chết mất. Các tôi tớ ngài sẽ làm cho kẻ bạc đầu, là tôi tớ ngài và là cha của chúng tôi, phải buồn sầu mà xuống âm phủ. <sup>32</sup> Trước mặt cha tôi, tôi tớ ngài đã bảo lãnh cho thằng bé và nói: “Nếu con không đưa nó về cho cha, thì con sẽ đắc tội với cha suốt đời.” <sup>33</sup> Vậy bây giờ, tôi tớ ngài xin ở lại làm nô lệ ngài thế cho thằng bé, còn thằng bé thì xin cho về với các anh nó. <sup>34</sup> Thật vậy, tôi về với cha tôi thế nào được, nếu thằng bé không cùng đi với tôi? Tôi không thể nào chứng kiến tai họa sẽ giáng xuống cha tôi!”

45

<sup>1</sup> Ông Giu-se không thể cầm lòng trước mặt tất cả những người đứng bên ông, nên ông kêu lên: “Bảo mọi người ra khỏi đây!” Khi không còn người nào ở với ông, ông Giu-se mới tỏ cho anh em nhận ra mình. <sup>2</sup> Ông oà lên khóc và người Ai-cập nghe được, triều đình Pha-ra-ô cũng nghe thấy. <sup>3</sup> Ông Giu-se nói với anh em: “Tôi là Giu-se đây! Cha tôi còn sống không?” Nhưng anh em không thể trả lời: thấy mình đối diện với ông, họ bàng hoàng. <sup>4</sup> Ông Giu-se nói với anh em: “Hãy lại gần tôi.” Họ lại gần. Ông nói: “Tôi là Giu-se,

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>31</sup> Thà rằng tớ chết ở đây,  
Xin cho nó trở về tay cha già,  
<sup>32</sup> Hơn là tớ trở về nhà, 3111  
Mà không có nó, nhìn cha xuống mồ!  
Trò đời là cái hư vô,  
Cũng vì ích kỷ làm dơ tình người.  
<sup>33</sup> Ngay gian xin có mấy lời, 3115  
Tớ vì chữ hiếu mong Trời chứng minh.”

45

<sup>1</sup> Nghe qua, rúng động tâm tình,  
Quan xua tả hữu của mình ra sân,  
<sup>2</sup> Then cài, cửa đóng, vách ngăn,  
Nhưng quan khóc lớn, kinh thành xôn xao.  
Anh em kinh ngạc nhìn nhau, 3121  
<sup>3</sup> Quan còn tấm tức, nghẹn ngào thốt lên:  
“Du-tiếp chính thật là em,  
Nghe cha còn sống, vui niềm nào hơn!”  
Anh em bỡ ngỡ, loạn tròn, 3125  
Ấy người xương thịt hay lòng chiêm bao?  
<sup>4</sup> Người bèn lên tiếng ngọt ngào:  
“Anh em đừng ngại bước vào cầm tay.

### Bản Paulus Tạc

<sup>31</sup> Thà rằng tớ chết ở đây,  
Xin cho nó trở về tay cha già.  
<sup>32</sup> Hơn là tớ trở về nhà, 3111  
Mà không có nó, nhìn cha xuống mồ.  
Trò đời là cái hư vô,  
Cũng vì ích kỷ làm nhơ tình người.  
<sup>33</sup> Ngay gian xin có mấy lời, 3115  
Tớ vì chữ hiếu, mong Trời chứng minh.”

45

<sup>1</sup> Nghe qua, rúng động tâm tình,  
Quan xua tả hữu của mình ra sân.  
<sup>2</sup> Then cài, cửa đóng, vách ngăn,  
Nhưng người khóc lớn, kinh thành xôn xao.  
Anh em kinh ngạc nhìn nhau, 3121  
<sup>3</sup> Quan còn tấm tức, nghẹn ngào thốt lên:  
“Du-tiếp chính thật là em,  
Nghe cha còn sống, vui niềm nào hơn!”  
Anh em bỡ ngỡ, loạn tròn, 3125  
Ấy người xương thịt hay lòng chiêm bao.  
<sup>4</sup> Người bèn lên tiếng ngọt ngào:  
“Anh em đừng ngại, bước vào cầm tay.

### Bản phục chế đề nghị

Thà rằng tớ chết ở đây,  
Xin cho nó trở về tay cha già,  
Hơn là tớ trở về nhà, 3111  
Mà không có nó, nhìn cha xuống mồ!  
Trò đời là cái hư vô,  
Cũng vì ích kỷ làm dơ tình người.  
Ngay gian xin có mấy lời, 3115  
Tớ vì chữ hiếu mong Trời chứng minh.”

45

**DƯ-TIỆP HÀI DANH  
TRÀ-NAM HỈ TÍN**  
Nghe qua, rúng động tâm tình,  
Quan xua tả hữu của mình ra sân,  
Then cài, cửa đóng, vách ngăn,  
Nhưng quan khóc lớn, kinh thành xôn xao.  
Anh em kinh ngạc nhìn nhau, 3121  
Quan còn tấm tức, nghẹn ngào thốt lên:  
“Du-tiếp chính thật là em,  
Nghe cha còn sống, vui niềm nào hơn.”  
Anh em bỡ ngỡ, loạn tròn, 3125  
Ấy người xương thịt hay lòng chiêm bao?  
Người bèn lên tiếng ngọt ngào:  
“Anh em đừng ngại bước vào cầm tay.

**Bản văn Kinh thánh**

đưa em mà các anh đã bán sang Ai-cập.<sup>5</sup> Nhưng bây giờ, các anh đừng buồn phiền, đừng hối hận vì đã bán tôi sang đây: chính là để duy trì sự sống mà Thiên Chúa đã gửi tôi đi trước anh em.<sup>6</sup> Thật vậy, đây là năm thứ hai có nạn đói trong xứ, và sẽ còn năm năm nữa không cày không gặt.<sup>7</sup> Thiên Chúa đã gửi tôi đi trước anh em, để giữ cho anh em một số người sống sót trong xứ, và để cứu sống anh em, nhằm thực hiện cuộc giải thoát vĩ đại.<sup>8</sup> Vậy không phải các anh đã gửi tôi đến đây, nhưng là Thiên Chúa. Người đã đặt tôi làm cha của Pha-ra-ô, làm chúa tất cả triều đình, và làm tể tướng trên khắp cõi Ai-cập.

<sup>9</sup> “Anh em hãy mau về với cha tôi và thưa người rằng: ‘Con trai cha là Giu-se nói thế này: Thiên Chúa đã đặt con làm chúa toàn cõi Ai-cập; xin cha xuống đây với con, đừng trì hoãn.<sup>10</sup> Cha sẽ ở đất Gô-sen và sẽ ở gần con, cha và các con cháu, chiên bò và tất cả những gì cha có.<sup>11</sup> Tại đó con sẽ cấp dưỡng cho cha, để cha khỏi bị thiếu thốn, cha, gia đình cha và mọi người thuộc về cha, vì còn năm năm đói kém nữa.’<sup>12</sup> Các

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Tôi là Du-tiếp còn đây,  
Các anh bắt bán một ngày năm xưa.  
<sup>5</sup> Bình tâm đừng có nghi ngờ, 3131  
Đó là định mạng, thiên cơ an bài.  
    *Khiến tôi tới trước xứ này,*  
Dọn đường bảo vệ tương lai giống nòi.  
<sup>6</sup> Cơ hàn không phải vậy thôi, 3135  
Còn nhiều năm nữa, tai trời khổ hơn.  
<sup>7</sup> Biết rằng mưu sự tại nhơn.  
Nhưng trong phân mục mới đơm tốt cành.  
<sup>8</sup> Nếu tôi không bị hi sanh,  
    *Làm sao rày được nổi danh xứ người.*  
    *Phan-vương trên hết, kể tôi. 3141*  
Chức thời tể tướng, quòn thời phó vương.  
<sup>9</sup> Các anh cấp tốc hồi hương,  
Trình cho cha biết tôi đương chủ quyền.  
    *Một tay nắm các mối giềng, 3145*  
    *Toàn dân no ấm, khắp miền yên vui.*  
<sup>10</sup> Mời cha di tản tạm thời,  
    *Vì con đói khổ cần còi còn lâu.*  
    *Diên-san,<sup>a</sup> vùng đất tươi màu,*  
Dành cho thân phụ, không đâu sánh bằng.  
<sup>11</sup> Chăn nuôi, trồng tía dễ dàng, 3151  
    *Cả con, cháu, chất vững vàng sinh cư.*

<sup>a</sup> Diên-san, la ngữ Gessen, vùng đất phì nhiêu nhứt ở Êgiếptô.

**Bản Paulus Tạ**

Tôi là Du-tiếp còn đây,  
Các anh bắt bán một ngày năm xưa.  
<sup>5</sup> Bình tâm đừng có nghi ngờ, 3131  
Đó là định mạng, thiên cơ an bài.  
    *Khiến tôi đến trước xứ này,*  
Dọn đường bảo vệ tương lai giống nòi.  
<sup>6</sup> Cơ hàn không phải vậy thôi, 3135  
Còn nhiều năm nữa, tai trời khổ hơn.  
<sup>7</sup> Biết rằng mưu sự tại nhơn,  
Nhưng trong phân mục mới đơm tốt cành.  
<sup>8</sup> Nếu tôi không bị hi sanh,  
    *Làm sao rày được nổi danh xứ người.*  
    *Pha-rao trên hết, dưới tôi, 3141*  
Chức thời tể tướng, quòn thời phó vương.  
<sup>9</sup> Các anh cấp tốc hồi hương,  
Trình cho cha biết tôi đương chủ quyền.  
    *Một tay nắm các mối giềng, 3145*  
    *Toàn dân no ấm, khắp miền yên vui.*  
<sup>10</sup> Mời cha di tản tạm thời,  
    *Vì con đói khổ cần còi còn lâu.*  
    *Diên-san vùng đất tươi màu,*  
Dành cho thân phụ không đâu sánh bằng.  
<sup>11</sup> Chăn nuôi, trồng tía dễ dàng, 3151  
    *Cả con, cháu, chất vững vàng sinh cư.*

**Bản phục chế đề nghị**

Tôi là Du-tiếp còn đây,  
Các anh bắt bán một ngày năm xưa.  
<sup>5</sup> Bình tâm đừng có nghi ngờ, 3131  
Đó là định mạng, thiên cơ an bài.  
    *Khiến tôi tới trước xứ này,*  
Dọn đường bảo vệ tương lai giống nòi.  
<sup>6</sup> Cơ hàn không phải vậy thôi, 3135  
Còn nhiều năm nữa, tai trời khổ hơn.  
<sup>7</sup> Biết rằng mưu sự tại nhơn.  
Nhưng trong phân mục mới đơm tốt cành.  
<sup>8</sup> Nếu tôi không bị hi sanh,  
    *Làm sao rày được nổi danh xứ người.*  
    *Phan-vương trên hết, kể tôi. 3141*  
Chức thời tể tướng, quòn thời phó vương.  
<sup>9</sup> Các anh cấp tốc hồi hương,  
Trình cho cha biết tôi đương chủ quyền.  
    *Một tay nắm các mối giềng, 3145*  
    *Toàn dân no ấm, khắp miền yên vui.*  
<sup>10</sup> Mời cha di tản tạm thời,  
    *Vì con đói khổ cần còi còn lâu.*  
    *Diên-san vùng đất tươi màu,*  
Dành cho thân phụ, không đâu sánh bằng.  
<sup>11</sup> Chăn nuôi, trồng tía dễ dàng, 3151  
    *Cả con, cháu, chất vững vàng sinh cư.*

**Bản văn Kinh thánh**

anh và em tôi là Ben-gia-min cũng thấy tận mắt là chính tôi đang mở miệng nói với anh em. <sup>13</sup> Các anh hãy kể lại cho cha tôi biết tất cả vinh hoa của tôi ở Ai-cập, và tất cả những gì các anh đã thấy; rồi mau đưa cha xuống đây.”

<sup>14</sup> Bấy giờ, ông bá cố Ben-gia-min, em ông, mà khóc; Ben-gia-min cũng gục vào cổ ông mà khóc. <sup>15</sup> Rồi ông hôn tất cả các anh và ôm họ mà khóc, sau đó anh em ông nói chuyện với ông.

<sup>16</sup> Tiếng đồn lan ra trong triều đình Pha-ra-ô rằng: “Anh em ông Giu-se đã đến!” Điều đó làm hài lòng Pha-ra-ô cũng như triều thần. <sup>17</sup> Pha-ra-ô nói với ông Giu-se: “Ông hãy nói với anh em ông: Các ông làm thế này: Hãy chất đồ lên lưng súc vật của các ông và đi về đất Ca-na-an. <sup>18</sup> Hãy đón cha các ông và gia đình các ông đến với ta. Ta sẽ cho các ông cái gì tốt nhất trong xứ Ai-cập, và các ông sẽ được hưởng màu mỡ của xứ này. <sup>19</sup> Còn ông, hãy chuyển lệnh này cho họ: Các ông làm thế này: Hãy đem xe từ Ai-cập về chở đàn bà con trẻ của các ông, rước cha các ông, và đến đây. <sup>20</sup> Các ông đừng luyến tiếc những đồ đạc các ông bỏ lại,

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>12</sup> Anh em thấy rõ thực hư,

Quyền hành tôi có đã như thế nào.

<sup>13</sup> Nói cho cha biết trước sau, **3155**

Mong người chấp thuận, tôi cầu ơn trên.”

<sup>14</sup> Nói xong, Du-tiếp ôm em

Biền-mân âu yếm, ưu phiền đã tan,

<sup>15</sup> Đồng thời siết chặt các anh,

Vui buồn kể lại bao năm xa lìa.

<sup>16</sup> Kinh thành nao động vấn đề: **3161**

“Anh em Tể-tướng hội về gặp nhau.”

Tin vui đồn tới Phan-trào,

Truyền nổi trống châu, vương lệnh đề ra:

<sup>17</sup> “Trẫm nghe Tể tướng, quê nhà, **3165**

Anh em vừa tới, quả là rỗng mây.

Đình thần cũng được vui lây,

Trẫm xin góp ý việc này với khanh:

Cho đoàn xe tới Trà-nam,

<sup>18</sup> Đón mời thân phụ tiến sang miền này.

<sup>19</sup> Nào là sản vật, gia tài, **3171**

Nào là bữa quuyến, các bầy chăn nuôi.

<sup>20</sup> Về đây vui sống thanh thoi,

Trẫm ban đất tốt, dựng đời ấm no.

Nhờ khanh giúp nước Giép-tô, **3175**

Lòng ưu ái trẫm đền bù ơn khanh.”

**Bản Paulus Tạ**

<sup>12</sup> Anh em thấy rõ thực hư,

Quyền hành tôi có **thật** như thế nào.

<sup>13</sup> Nói cho cha biết trước sau, **3155**

Mong người chấp thuận, tôi cầu ơn trên.”

<sup>14</sup> Nói xong, **Du-tiếp** ôm em,

Biền-mân âu yếm, ưu phiền đã tan.

<sup>15</sup> Đồng thời siết chặt các anh,

Vui buồn kể lại bao năm xa lìa.

<sup>16</sup> Kinh thành nao động vấn đề: **3161**

Anh em tể tướng hội về gặp nhau.

**Triều đình cả đến Pha-rao,**

**Lấy làm hoan hỉ, lâm trào đề ra:**

<sup>17</sup> “Trẫm nghe Tể tướng quê nhà, **3165**

Anh em vừa **đến** quả là rỗng mây.

Đình thần cũng được vui lây,

Trẫm xin góp ý việc này với khanh,

Cho đoàn xe **đến** Trà-nam,

<sup>18</sup> Đón mời thân phụ tiến sang miền này.

<sup>19</sup> Nào là sản vật gia tài, **3171**

Nào là bữa quuyến, các bầy chăn nuôi.

<sup>20</sup> Về đây vui sống thanh thoi,

Trẫm ban đất tốt dựng đời ấm no.

Nhờ khanh giúp nước Giép-tô, **3175**

Lòng ưu ái trẫm đền bù ơn khanh.”

**Bản phục chế đề nghị**

Anh em thấy rõ thực hư,

Quyền hành tôi có đã như thế nào.

<sup>13</sup> Nói cho cha biết trước sau, **3155**

Mong người chấp thuận, tôi cầu ơn trên.”

Nói xong, Du-tiếp ôm em

Biền-mân âu yếm, ưu phiền đã tan,

Đồng thời siết chặt các anh,

Vui buồn kể lại bao năm xa lìa.

<sup>16</sup> Kinh thành nao động vấn đề: **3161**

“Anh em Tể-tướng hội về gặp nhau.”

Tin vui đồn tới Phan-trào,

Truyền nổi trống châu, vương lệnh đề ra:

<sup>17</sup> “Trẫm nghe Tể tướng, quê nhà, **3165**

Anh em vừa tới, quả là rỗng mây.

Đình thần cũng được vui lây,

Trẫm xin góp ý việc này với khanh:

Cho đoàn xe tới Trà-nam,

<sup>18</sup> Đón mời thân phụ tiến sang miền này.

<sup>19</sup> Nào là sản vật, gia tài, **3171**

Nào là bữa quuyến, các bầy chăn nuôi.

Về đây vui sống thanh thoi,

Trẫm ban đất tốt, dựng đời ấm no.

Nhờ khanh giúp nước Giép-tô, **3175**

Lòng ưu ái trẫm đền bù ơn khanh.”

### **Bản văn Kinh thánh**

bởi vì những gì tốt nhất của toàn xứ Ai-cập sẽ thuộc về các ông.”

<sup>21</sup> Các con trai ông Ít-ra-en đã làm như thế. Theo lệnh Pha-ra-ô, ông Giu-se đã cấp cho họ những chiếc xe; ông cũng cho họ lương thực ăn đường. <sup>22</sup> Ông tặng mỗi người một bộ quần áo, còn Ben-gia-min thì ông tặng ba trăm đồng tiền bạc và năm bộ quần áo. <sup>23</sup> Cũng vậy, ông gửi cho cha ông mười con lừa chở những thứ tốt nhất của Ai-cập, và mười con lừa cái chở lúa mì, bánh và lương thực để cha dùng khi đi đường. <sup>24</sup> Rồi ông tiễn anh em đi và họ lên đường; ông bảo họ: “Đừng cãi cọ dọc đường.”

<sup>25</sup> Họ từ Ai-cập lên và về với ông Gia-cóp, cha họ, ở đất Ca-na-an.

<sup>26</sup> Họ báo cho ông: “Giu-se còn sống, và hiện làm tể tướng trên khắp cõi Ai-cập!” Nhưng lòng ông không hề xúc động, vì ông không tin họ. <sup>27</sup> Khi họ thưa lại với ông tất cả những lời ông Giu-se đã nói với họ, và ông thấy xe cộ ông Giu-se đã cho về rước ông, thì tâm thần ông Gia-cóp, cha họ, mới hồi sinh.

<sup>28</sup> Ông Ít-ra-en nói: “Thế là đủ! Giu-se, con cha, vẫn còn sống! Cha sẽ đi để nhìn thấy nó trước khi chết!”

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>21</sup> Y theo vương lệnh thực hành,

Quan trên cung cấp áo quần anh em.

<sup>22</sup> Dồi dào hương phạn, bạc tiền,

Tặng thêm lừa ngựa chở chuyên cần dùng.

<sup>23</sup> Cho đoàn hộ tống canh phòng, 3181

Cùng là phẩm vật biểu dung cha già.

<sup>24</sup> Khởi hành, vừa bật tiếng gà,

Quan khuyên hết thầy ôn hoà với nhau.

<sup>25</sup> Lúc buồn dầu lệ cũng lâu. 3185

Lúc vui dầu chậm cũng mau hơn thường.

<sup>26</sup> Cha già mừng đón các con,

Nghe tin Du-tiếp hãy còn sống an,

Làm quan nước Giép song toàn,

Đã từng diệt đói, phục hoàn ẩm no.

Vừa nghe, Gia-cước ngẩn ngơ, 3191

Nửa hư, nửa thực, giấc mơ bàng hoàng.

<sup>27</sup> Các con gỡ mối bản khoán,

Lại thêm lừa ngựa rần rần kéo sang.

Tung búng không khí hân hoan, 3195

Cha già cảm thấy tâm thần hứng lên:

<sup>28</sup> “Muôn vàn cám đội ơn trên,

Du-tiếp còn sống bình an ở đời.

Quyết đi tới gặp con tôi,

Nhìn cho thấy mặt trước hòi lâm chung.”

### **Bản Paulus Tạc**

<sup>21</sup> Y theo vương lệnh thực hành,

Quan trên cung cấp áo quần anh em.

<sup>22</sup> Dồi dào lương phạn, bạc tiền,

Tặng thêm lừa, ngựa, chở chuyên cần dùng.

<sup>23</sup> Cho đoàn hộ tống canh phòng, 3181

Cùng là phẩm vật biểu dung cha già.

<sup>24</sup> Khởi hành vừa bật tiếng gà,

Quan khuyên hết thầy ôn hoà với nhau.

<sup>25</sup> Lúc buồn dầu lệ cũng lâu, 3185

Khi vui dầu chậm cũng mau hơn thường.

<sup>26</sup> Cha già mừng đón các con,

Nghe tin **Du-tiếp** hãy còn sống an,

Làm quan **đất** Giép song toàn,

Đã từng diệt đói, phục hoàn ẩm no.

Vừa nghe Gia-cước ngẩn ngơ, 3191

Nửa hư nửa thực, giấc mơ bàng hoàng.

<sup>27</sup> Các con gỡ mối bản khoán,

Lại thêm lừa, ngựa, rần rần kéo sang.

Tung búng không khí hân hoan, 3195

Cha già cảm thấy tâm thần hứng lên:

<sup>28</sup> “Muôn vàn cám đội ơn trên,

**Du-tiếp** còn sống bình yên ở đời.

Quyết đi **đến** gặp con tôi,

Nhìn cho thấy mặt trước hòi lâm chung.”

### **Bản phục chế đề nghị**

Y theo vương lệnh thực hành,

Quan trên cung cấp áo quần anh em.

Dồi dào lương phạn, bạc tiền,

Tặng thêm lừa ngựa chở chuyên cần dùng.

Cho đoàn hộ tống canh phòng, 3181

Cùng là phẩm vật biểu dung cha già.

Khởi hành, vừa bật tiếng gà,

Quan khuyên hết thầy ôn hoà với nhau.

Lúc buồn dầu lệ cũng lâu. 3185

Lúc vui dầu chậm cũng mau hơn thường.

Cha già mừng đón các con,

Nghe tin Du-tiếp hãy còn sống an,

Làm quan nước Giép song toàn,

Đã từng diệt đói, phục hoàn ẩm no.

Vừa nghe, Gia-cước ngẩn ngơ, 3191

Nửa hư, nửa thực, giấc mơ bàng hoàng.

Các con gỡ mối bản khoán,

Lại thêm lừa ngựa rần rần kéo sang.

Tung búng không khí hân hoan, 3195

Cha già cảm thấy tâm thần hứng lên:

“Muôn vàn cám đội ơn trên,

Du-tiếp còn sống bình an ở đời.

Quyết đi tới gặp con tôi,

Nhìn cho thấy mặt trước hòi lâm chung.”

<sup>1</sup> Ông Ít-ra-en lên đường, đem theo tất cả những gì ông có. Ông đến Bơ-e Se-va và ông dâng những lễ tế lên Thiên Chúa của cha ông là I-xa-ác.<sup>2</sup> Thiên Chúa phán với ông Ít-ra-en trong thị kiến ban đêm, Người phán: “Gia-cóp! Gia-cóp!” Ông thưa: “Dạ, con đây!”<sup>3</sup> Người phán: “Ta là En, Thiên Chúa của cha ngươi. Đừng sợ xuống Ai-cập, vì ở đó Ta sẽ làm cho ngươi thành một dân lớn.<sup>4</sup> Chính Ta sẽ xuống Ai-cập với ngươi và chính Ta cũng sẽ đưa ngươi lên. Giu-se sẽ vượt mắt cho ngươi.”<sup>5</sup> Ông Gia-cóp rời Bơ-e Se-va. Các con trai ông Ít-ra-en đã chờ ông Gia-cóp, cha họ, và đàn bà con trẻ của họ trên những chiếc xe Pha-ra-ô đã gửi đến để rước ông đi.

<sup>6</sup> Họ đem theo các đàn vật của họ và các tài sản họ đã gây được ở đất Ca-na-an, và họ đến Ai-cập, ông Gia-cóp và tất cả dòng dõi ông cùng với ông:<sup>7</sup> các con trai, cháu nội trai, con gái, cháu nội gái của ông. Ông đưa tất cả dòng dõi ông vào Ai-cập với ông.

<sup>8</sup> Sau đây là tên con cái Ít-ra-en đã đến Ai-cập: Ông Gia-cóp và các con trai ông. Con đầu lòng của ông Gia-cóp: Rưu-vên.<sup>9</sup> Các con

<sup>1</sup> Chiên cừ, tài sản ngoài trong, 3201

Trại lều thu dọn đã xong vài ngày.

Gia-cước bảo các con trai:

Biết-sâm tựu lại lập đài hiến dung,

Cùng nhau tạ Chúa cừ trùng, 3205

Là Ngôi Thượng-đế, tổ tông kính thờ.

<sup>2</sup> Ban đêm, trong một giấc mơ,

Trời kêu Gia-cước dặn dò, khuyên răn:

<sup>3</sup> Đây là trời của Bá-lâm,

Trời nhà Y-giác, quyền năng muôn đời.

<sup>4</sup> Hãy đi nước Giép kịp thời, 3211

Không nên lo ngại có Trời theo luôn,

Sẽ nên dân tộc rất đông,

Sinh cơ lập nghiệp, bảo tồn tương lai.

Sau, Trời dắt trở về đây, 3215

Du-tiếp vượt mắt ngươi ngày lâm chung.”

<sup>5</sup> Hôm sau, vào lúc rạng đông,

<sup>6</sup> Gia-cước, tất cả cháu con, họ hàng,

Lên xe, vua đã gọi sang,

<sup>7</sup> Chờ theo sản nghiệp thẳng đàng Giép-tô.

<sup>1</sup> Chiên cừ tài sản ngoài trong, 3201

Trại lều thu **gọn** đã xong vài ngày.

Gia-cước bảo các con trai,

Biết-sâm tựu lại lập đài hiến dung.

Cùng nhau tế Chúa cừ trùng, 3205

Là ngôi Thượng đế tổ tông kính thờ.

<sup>2</sup> Ban đêm trong một giấc mơ,

Trời kêu Gia-cước dặn dò khuyên răn.

<sup>3</sup> “Đây là Trời của Bá-lâm,

Trời nhà I-giác quyền năng muôn đời.

<sup>4</sup> Hãy đi nước Giép kịp thời, 3211

Không nên lo ngại có Trời theo luôn,

Sẽ nên dân tộc rất đông,

Sinh cơ lập nghiệp, bảo tồn lương lai.

Sau, Trời dắt trở về đây, 3215

**Du-tiếp** vượt mắt ngươi ngày lâm chung.”

<sup>5</sup> Hôm sau vào lúc rạng đông,

<sup>6</sup> Gia-cước tất cả cháu con họ hàng,

Lên xe vua đã gọi sang,

<sup>7</sup> **Đem** theo sản nghiệp thẳng đàng Giép-tô.

GIA ĐÌNH DI TÀN  
DANH SÁCH CHÍNH TÔNG

Chiên cừ, tài sản ngoài trong, 3201

Trại lều thu dọn đã xong vài ngày.

Gia-cước bảo các con trai:

Biết-sâm tựu lại lập đài hiến dung,

Cùng nhau tạ Chúa cừ trùng, 3205

Là Ngôi Thượng-đế, tổ tông kính thờ.

Ban đêm, trong một giấc mơ,

Trời kêu Gia-cước dặn dò, khuyên răn:

Đây là Trời của Bá-lâm,

Trời nhà Y-giác, quyền năng muôn đời.

Hãy đi nước Giép kịp thời, 3211

Không nên lo ngại, có Trời theo luôn,

Sẽ nên dân tộc rất đông,

Sinh cơ lập nghiệp, bảo tồn tương lai.

Sau, Trời dắt trở về đây, 3215

Du-tiếp vượt mắt ngươi ngày lâm chung.”

Hôm sau, vào lúc rạng đông,

Gia-cước, tất cả cháu con, họ hàng,

Lên xe vua đã gọi sang,

Chờ theo sản nghiệp thẳng đàng Giép-tô.

**Bản văn Kinh thánh**

trai ông Rư-u-vên: Kha-nốc, Pa-lu, Khét-rôn, Các-mi. <sup>10</sup> Các con trai ông Si-mê-ôn: Giơ-mu-ên, Gia-min, Ô-hát, Gia-khin, Xô-pha, Sa-un, con của người đàn bà Ca-na-an. <sup>11</sup> Các con trai ông Lê-vi: Ghéc-sôn, Cơ-hát, Mơ-ra-ri. <sup>12</sup> Các con trai ông Giu-đa: E, Ô-nan, Sê-la, Pe-rét, De-rác. E và Ô-nan đã chết ở đất Ca-na-an. Các con trai ông Pe-rét là Khét-rôn và Kha-mun. <sup>13</sup> Các con trai ông Ít-xa-kha: Tô-la, Pu-va, Gióp, Sim-rôn. <sup>14</sup> Các con trai ông Dơ-vu-lun: Xe-rét, Ê-lôn, Giác-lơ-ên. <sup>15</sup> Đó là các con trai mà bà Lê-a đã sinh ra cho ông Gia-cóp tại Pát-đan A-ram, cộng thêm cô Đì-na, con gái ông. Con trai con gái ông, tổng cộng là ba mươi ba người.

<sup>16</sup> Các con trai ông Gát: Xíp-giôn, Khác-ghi, Su-ni, Êt-bôn, Ê-ri, A-rô-đi, Ác-ê-li. <sup>17</sup> Các con trai ông A-se: Gim-na, Gít-va, Gít-vi, Bơ-ri-a, và em gái họ là Xe-rác. Các con trai ông Bơ-ri-a: Khe-ve, Man-ki-ên. <sup>18</sup> Đó là các con trai bà Din-pa, người mà ông La-ban đã cho bà Lê-a, con gái ông. Bà đã sinh cho ông Gia-cóp những người ấy: mười sáu người.

<sup>19</sup> Các con trai bà Ra-khen, vợ ông Gia-cóp: Giu-se và Ben-gia-min. <sup>20</sup> Ở xứ Ai-cập, ông Giu-se có thêm Mơ-na-se và Êp-ra-im, mà bà Át-nát, con gái ông Pô-ti Phê-ra, tự tế thành Ôn, đã sinh cho ông. <sup>21</sup>

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>8</sup> Bao năm gầy dựng cơ đồ, 3221

Trà-nam đất hứa, bây giờ tân cư.

<sup>9</sup> Làm ăn phát đạt có dư,

Các con Gia-cước kể như sang giàu,

<sup>10</sup> Tôi trai, tứ gái ra vào, 3225

Chăn nuôi tăng số, hoa màu thêm tươi.

<sup>11</sup> Các con, ai cũng lập đời,

Thê nhi sung túc, chỗ nơi thanh nhàn.

<sup>12</sup> Mấy năm gặp nạn cơ hàn,

Buồn trông sản nghiệp mười phần còn ba.

<sup>13</sup> Ôn trời đúng lúc mở ra, 3231

Cánh tay Du-tiếp cả nhà đỡ nâng.

<sup>14</sup> Đoàn người rời bỏ Trà-nam,

Chính tông Gia-cước theo danh sách này:

<sup>15</sup> Lê-anh sinh sáu gã trai 3235

<sup>16</sup> Bây giờ thê tử <sup>17</sup> không ngoài ba mươi

<sup>18</sup> Diên phan hầu thiếp <sup>19</sup> hai người

<sup>20</sup> Bây giờ thê tử <sup>21</sup> kể mười sáu tên.

<sup>22</sup> La-cương hai gã trai hiền,

Du-tiếp sinh trước và Biên-mân sau,

<sup>23</sup> Bây giờ thê tử đếm đầu, 3241

<sup>24</sup> Là mười bốn mạng anh hào xứng danh.

<sup>25</sup> Trà-liên hầu thiếp hai chàng,

Bây giờ thê tử một đàn bảy tên.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>8</sup> Bao năm gầy dựng cơ đồ, 3221

Trà-nam đất hứa, bây giờ tân cư.

<sup>9</sup> Làm ăn phát đạt có dư,

Các con Gia-cước kể như sang giàu.

<sup>10</sup> Tôi trai, tứ gái ra vào, 3225

Chăn nuôi tăng số, hoa màu thêm tươi.

<sup>11</sup> Các con ai cũng lập đời,

Vợ con sung túc, chỗ nơi thanh nhàn.

<sup>12</sup> Mấy năm gặp nạn, cơ hàn,

Buồn trông **sự sản** mười phần còn ba.

<sup>13</sup> Ôn Trời đúng lúc mở ra, 3231

Cánh tay **Du-tiếp** cả nhà đỡ nâng.

<sup>14</sup> Đoàn người rời bỏ Trà-nam,

Chính tông Gia-cước theo danh sách này:

<sup>15</sup> Lê-anh sinh sáu gã trai, 3235

<sup>16</sup> Bây giờ thê tử <sup>17</sup> không ngoài ba mươi.

<sup>18</sup> Diên-phần hầu thiếp <sup>13</sup> hai người,

<sup>20</sup> Bây giờ thê tử <sup>21</sup> kể mười sáu tên.

<sup>22</sup> La-cương hai gã trai hiền,

Du-tiếp sinh trước và Biên-mân sau.

<sup>23</sup> Bây giờ thê tử đếm đầu, 3241

<sup>24</sup> Là mười bốn mạng anh hào xứng danh.

<sup>25</sup> Trà-liên hầu thiếp, hai chàng,

Bây giờ thê tử một đàn bảy tên.

**Bản phục chế đề nghị**

Bao năm gầy dựng cơ đồ, 3221

Trà-nam đất hứa, bây giờ tân cư.

Làm ăn phát đạt có dư,

Các con Gia-cước kể như sang giàu,

Tôi trai, tứ gái ra vào, 3225

Chăn nuôi tăng số, hoa màu thêm tươi.

Các con, ai cũng lập đời,

Thê nhi sung túc, chỗ nơi thanh nhàn.

Mấy năm gặp nạn cơ hàn,

Buồn trông sản nghiệp mười phần còn ba.

Ôn trời đúng lúc mở ra, 3231

Cánh tay Du-tiếp cả nhà đỡ nâng.

Đoàn người rời bỏ Trà-nam,

Chính tông Gia-cước theo danh sách này:

Lê-anh sinh sáu gã trai 3235

Bây giờ thê tử không ngoài ba mươi

Diên-phần hầu thiếp hai người

Bây giờ thê tử kể mười sáu tên.

La-cương hai gã trai hiền,

Du-tiếp sinh trước và Biên-mân sau,

Bây giờ thê tử đếm đầu, 3241

Là mười bốn mạng anh hào xứng danh.

Trà-liên hầu thiếp, hai chàng,

Bây giờ thê tử một đàn bảy tên.

### Bản văn Kinh thánh

Các con trai ông Ben-gia-min: Be-la, Be-khe, Át-bên, Ghê-ra, Na-a-man, Ê-khi, Rốt, Múp-pim, Khúp-pim, Ác-đơ.<sup>22</sup> Đó là các con trai mà bà Ra-khen đã sinh cho ông Gia-cóp, tổng cộng là mười bốn người.

<sup>23</sup> Con trai ông Đan: Khu-sim.<sup>24</sup> Các con trai ông Náp-ta-li: Giác-xơ-ên, Gu-ni, Giê-xe, Si-lêm.<sup>25</sup> Đó là các con trai bà Bin-ha, người mà ông La-ban đã cho bà Ra-khen, con gái ông. Bà đã sinh cho ông Gia-cóp những người ấy: tổng cộng là bảy người.

<sup>26</sup> Tất cả những người thuộc về ông Gia-cóp, tức là dòng giống của ông, đã đến Ai-cập, không kể các con dâu ông Gia-cóp, tổng cộng là sáu mươi sáu người.<sup>27</sup> Con trai ông Giu-se sinh được tại Ai-cập: hai người. Những người thuộc gia đình ông Gia-cóp đã đến Ai-cập: tổng cộng là bảy mươi người.

<sup>28</sup> Ông Gia-cóp đã sai ông Giu-đa đi trước, đến với ông Giu-se, để ông Giu-se tới Gô-sen gặp ông. Khi họ đến đất Gô-sen,<sup>29</sup> thì ông Giu-se cho thặng xe riêng và lên Gô-sen đón ông Ít-ra-en, cha ông. Khi hai cha con vừa thấy nhau, thì ông Giu-se bá cổ cha và gục đầu vào cổ cha mà khóc hồi lâu.

<sup>30</sup> Ông Ít-ra-en nói với ông Giu-se: “Phen này, cha chết cũng được, sau khi đã thấy mặt con, và thấy con còn sống.”

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>26</sup> *Cộng chung con, cháu, dâu hiền, 3245*

<sup>27</sup> *Bảy mươi tất cả sang miền Giép-tô.*

*Số này, Du-tiếp kể vô,*

*Thật người đã ở trào đô thuở giờ.*

*Ngoài ra, không kể gia nô,*

*Những người giúp việc nông bô, chăn bầy.*

*Đoàn người đồng đảo gái trai, 3251*

*Diên-san vừa tới, ngừng đây cặm lều.*

<sup>28</sup> *Du-đạc đi trước về triều,*

*Báo cho Du-tiếp mọi điều thể nao.*

<sup>29</sup> *Du-tiếp mặc áo đại trào; 3255*

*Ngồi xe tứ mã, quân hầu hai bên.*

*Trải qua làng mạc, điền viên,*

*Diên-san ngừng lại, người bèn đi chân.*

*Anh em, con cháu chào mừng,*

*Người vào trong trại, phụ thân đang chờ.*

*Ôm cha già tóc bạc phơ, 3261*

*Từ ngày ly biệt đến giờ bao năm.*

*Nhớ nhau phụ tử tình thâm,*

*Gặp nhau, nước mắt đã đầm dề tuôn.*

<sup>30</sup> *Cha già cất tiếng run run: 3265*

*“Thấy con còn sống, cha mừng xiết bao.*

*Bây giờ có chết chẳng sao,*

*Đội ơn Thượng đế đã lau lệ già.”*

### Bản Paulus Tọa

<sup>26</sup> *Cộng chung con cháu, dâu hiền, 3245*

<sup>27</sup> *Bảy mươi tất cả sang miền Giép-tô.*

*Số này Du-tiếp kể vô,*

*Thật người đã ở trào đô thuở giờ.*

*Ngoài ra không kể gia nô*

*Những người giúp việc, nông bô chăn bầy.*

*Đoàn người đồng đảo gái trai, 3251*

*Diên-san vừa đến, ngừng đây cặm lều.*

<sup>28</sup> *Du-đạc đi trước về triều,*

*Báo cho Du-tiếp mọi điều thể nao.*

<sup>29</sup> *Du-tiếp mặc áo đại trào, 3255*

*Ngồi xe tứ mã, quân hầu hai bên.*

*Trải qua làng mạc, điền viên,*

*Diên-san ngừng lại, người bèn đi chân.*

*Anh em, con cháu chào mừng,*

*Người vào trong trại, phụ thân đang chờ.*

*Ôm cha già, tóc bạc phơ, 3261*

*Từ ngày ly biệt đến giờ bao năm.*

*Nhớ nhau phụ tử tình thâm,*

*Gặp nhau, nước mắt đã đầm dề tuôn.*

<sup>30</sup> *Cha già cất tiếng run run: 3265*

*“Thấy con còn sống cha mừng xiết bao.*

*Bây giờ có chết chẳng sao,*

*Đội ơn Thượng đế đã lau lệ già.”*

### Bản phục chế đề nghị

*Cộng chung con, cháu, dâu hiền, 3245*

*Bảy mươi tất cả sang miền Giép-tô.*

*Số này, Du-tiếp kể vô,*

*Thật người đã ở trào đô thuở giờ.*

*Ngoài ra, không kể gia nô,*

*Những người giúp việc nông bô, chăn bầy.*

*Đoàn người đồng đảo gái trai, 3251*

*Diên-san vừa tới, ngừng đây cặm lều.*

*Du-đạc đi trước về triều,*

*Báo cho Du-tiếp mọi điều thể nao.*

*Du-tiếp mặc áo đại trào; 3255*

*Ngồi xe tứ mã, quân hầu hai bên.*

*Trải qua làng mạc, điền viên,*

*Diên-san ngừng lại, người bèn đi chân.*

*Anh em, con cháu chào mừng,*

*Người vào trong trại, phụ thân đang chờ.*

*Ôm cha già tóc bạc phơ, 3261*

*Từ ngày ly biệt đến giờ bao năm.*

*Nhớ nhau phụ tử tình thâm,*

*Gặp nhau, nước mắt đã đầm dề tuôn.*

*Cha già cất tiếng run run: 3265*

*“Thấy con còn sống, cha mừng xiết bao.*

*Bây giờ có chết chẳng sao,*

*Đội ơn Thượng đế đã lau lệ già.”*



**Bản văn Kinh thánh**

<sup>31</sup> Ông Giu-se nói với anh em ông và gia đình cha ông: “Tôi sẽ lên báo tin cho Pha-ra-ô và tâu vua rằng: “Anh em tôi và gia đình cha tôi ở đất Ca-na-an đã đến với tôi. <sup>32</sup> Những người này làm nghề chăn chiên, vì họ chuyên nuôi súc vật; họ đã đem chiên bò và tất cả những gì họ có đến đây.” <sup>33</sup> Vậy khi Pha-ra-ô triệu anh em đến và hỏi: “Các ông làm nghề gì?”, <sup>34</sup> anh em sẽ thưa: “Từ thuở bé đến giờ, các tôi tớ ngài chuyên nuôi súc vật, chúng tôi cũng như cha ông chúng tôi.” Như vậy anh em sẽ có thể ở đất Gô-sen; bởi vì người Ai-cập ghê tởm mọi người làm nghề chăn chiên.”

**47**

<sup>1</sup> Ông Giu-se vào báo tin cho Pha-ra-ô, ông nói: “Cha tôi, anh em tôi, cùng với chiên bò và tất cả những gì họ có, đã từ đất Ca-na-an đến, và họ đang ở đất Gô-sen.” <sup>2</sup> Ông chọn năm người trong số các anh em và dẫn vào yết kiến Pha-ra-ô. <sup>3</sup> Pha-ra-ô hỏi anh em ông: “Các ông làm nghề gì?” Họ thưa với Pha-ra-ô: “Các tôi tớ ngài làm nghề chăn chiên, chúng tôi cũng

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>31</sup> Du-tiếp, đề nghị đưa ra:  
 “Tôi về triều trước, tâu qua thánh hoàng,  
 Gia đình tất cả đã sang, **3271**  
<sup>32</sup> Có nghề căn bản là chăn nuôi bầy.  
 Đã lùa súc vật đến đây,  
 Xin vua cho ở vùng này phì nhiêu.  
<sup>33</sup> Khi nào bệ kiến vương triều, **3275**  
 Anh em, thân phụ nhớ điều bàn đây,  
 Tâu lên hoàng đế được hay,  
 Dĩ nhiên mình được lâu dài Diên-san.  
<sup>34</sup> Vốn người Ê-giêp kiêu căng,  
 Có lòng kỳ thị nghề chăn chiên, bò.”

**47**

<sup>1</sup> Bệ tiền văn võ tung hô: **3281**  
 Phan-vương vạn tuế, Giêp-tô đại cường.  
 Bá quan từ các địa phương,  
 Theo phiên ngự duyệt, nông thương tình hình.  
 Sau thì Tể tướng phúc trình: **3285**  
 “Anh em thân phụ, gia đình đã sang,  
 Hiện thời tạm ở Diên-san,  
<sup>2</sup> Năm người đại diện còn đang đứng ngoài.”

**Bản Paulus Tọa**

<sup>31</sup> Du-tiếp đề nghị đưa ra:  
 “Tôi về triều trước, trình qua thánh hoàng.  
 Gia đình tất cả đã sang, **3271**  
<sup>32</sup> Có nghề căn bản là chăn nuôi bầy.  
 Đã lùa súc vật đến đây,  
 Xin vua cư ngụ vùng này phì nhiêu.  
<sup>33</sup> Khi vào bệ kiến vương triều, **3275**  
 Anh em, thân phụ nhớ điều bàn đây,  
 Tâu lên hoàng đế được hay,  
 Dĩ nhiên mình được lâu dài Diên-san.  
<sup>34</sup> Vì người Ê-giêp kiêu căng,  
 Có lòng kỳ thị nghề chăn chiên bò.”

**47**

<sup>1</sup> Bệ tiền văn võ tung hô: **3281**  
 “Pha-rao vạn tuế, Giêp-tô đại cường.”  
 Bá quan từ các địa phương,  
 Theo phiên ngự duyệt nông thương tình hình.  
 Sau thì Tể tướng tấu trình: **3285**  
 “Anh em, thân phụ, gia đình đã sang.  
 Hiện thời tạm trú Diên-san,  
<sup>2</sup> Năm người đại diện còn đang đứng ngoài.”

**Bản phục chế đề nghị**

Du-tiếp, đề nghị đưa ra:  
 “Tôi về triều trước, tâu qua thánh hoàng,  
 Gia đình tất cả đã sang, **3271**  
 Có nghề căn bản là chăn nuôi bầy.  
 Đã lùa súc vật đến đây,  
 Xin vua cho ở vùng này phì nhiêu.  
 Khi nào bệ kiến vương triều, **3275**  
 Anh em, thân phụ nhớ điều bàn đây,  
 Tâu lên hoàng đế được hay,  
 Dĩ nhiên mình được lâu dài Diên-san.  
 Vốn người Ê-giêp kiêu căng,  
 Có lòng kỳ thị nghề chăn chiên, bò.”

**47**

**BỆ KIẾN PHAN-VƯƠNG  
 KINH TÀI CẢI THIỆN**  
 Bệ tiền văn võ tung hô: **3281**  
 Phan-vương vạn tuế, Giêp-tô đại cường.  
 Bá quan từ các địa phương,  
 Theo phiên ngự duyệt, nông thương tình hình.  
 Sau thì Tể tướng phúc trình: **3285**  
 “Anh em thân phụ, gia đình đã sang,  
 Hiện thời tạm ở Diên-san,  
 Năm người đại diện còn đang đứng ngoài.”

**Bản văn Kinh thánh**

như cha ông chúng tôi.”<sup>4</sup> Họ thưa với Pha-ra-ô: “Chúng tôi đến trú ngụ trong đất này, vì ở đất Ca-na-an không còn cỏ ngoài đồng cho chiên dê của các tôi tớ ngài ăn, và nạn đói trở nên trầm trọng. Vậy bây giờ, xin cho các tôi tớ ngài được ở đất Gô-sen.”

<sup>5</sup> Pha-ra-ô nói với ông Giu-se rằng: “Cha và anh em ông đã đến với ông. <sup>6</sup> Đất Ai-cập mở ra trước mặt ông, ông hãy cho cha và anh em ông ở chỗ tốt nhất trong xứ. Họ cứ việc ở đất Gô-sen. Nếu ông biết trong số những người ấy có ai tài giỏi, thì ông hãy đặt họ làm người trông coi những đàn vật của ta.”

<sup>7</sup> Ông Giu-se đưa ông Gia-cóp, cha ông, vào trình diện Pha-ra-ô. Ông Gia-cóp chúc phúc cho Pha-ra-ô.

<sup>8</sup> Pha-ra-ô hỏi ông Gia-cóp: “Cụ được bao nhiêu tuổi rồi?” <sup>9</sup> Ông Gia-cóp trả lời Pha-ra-ô: “Cuộc đời phiêu bạt của tôi mới được một trăm ba mươi năm, đó là những năm tháng ngắn ngủi và khổ cực, không được như cuộc đời của cha ông tôi, những người cũng sống phiêu bạt.” <sup>10</sup> Ông Gia-cóp chúc phúc cho Pha-ra-ô và cáo biệt Pha-ra-ô. <sup>11</sup> Ông Giu-se cho cha và anh em ông định cư, cấp cho

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

*Phan-vương ra lệnh cho đòi,*

*Bước vào bệ kiến, năm người qui tâu:*

<sup>3</sup> “Tệ thần dòng dõi từ lâu, **3291**

*Sống nghề chăn vật, mưu cầu miếng ăn*

*Nhiều đời ở xứ Trà-nam,*

*Ngày nay nạn đói cư dân phải dòi.*

<sup>4</sup> Nhờ ơn bệ hạ biển khơi, **3295**

*Cho thần tá túc miền ngoài: Diên-san”*

<sup>5</sup> Day qua Tể tướng, vua rằng:

“Anh em ruột thịt của khanh tỏ bày,

<sup>6</sup> Nắm quyền định đoạt trong tay,

*Vậy khanh tùy tiện an bài cho xong.*

*Diên-san hoặc một cánh đồng, **3301***

*Cỏ xanh tươi tốt để dùng chăn nuôi.*

*Lựa trong dòng họ mấy người,*

*Đảm đang gia súc, tài bồi ngựa voi.*

*Về đây giúp trăm trông coi. **3305***

*Những đoàn cầm thú nhiều nơi kinh thành.”*

<sup>7</sup> Tiếp theo, Tể tướng đỡ nâng,

*Cha già bước tới bệ chân Phan-trào:*

*Cúi đầu “chúc thọ ngôi cao,*

*Phước dư đông hải, lộc giàu nam san.”*

<sup>8</sup> Vua rằng: “... Tuổi lão bao lắm?” **3311**

<sup>9</sup> “Trăm ba mươi tuổi không bằng tổ tiên,

**Bản Paulus Tạc**

**Pha-rao** ra lệnh cho **đòi,**

Bước vào **triều bái**, năm người qui tâu:

<sup>3</sup> “Tệ thần, dòng dõi từ lâu, **3291**

Sống nghề chăn vật, mưu cầu miếng ăn.

Nhiều đời ở xứ Trà-nam,

Ngày nay nạn đói, cư dân phải dòi.

<sup>4</sup> Nhờ ơn bệ hạ biển khơi, **3295**

Cho thần tá túc miền ngoài: Diên-san.”

<sup>5</sup> Day qua Tể tướng, vua rằng:

“Anh em ruột thịt của khanh tỏ bày,

<sup>6</sup> Nắm quyền định đoạt trong tay,

Vậy khanh tùy tiện an bài cho xong.

*Diên-san hoặc một cánh đồng, **3301***

*Cỏ xanh tươi tốt để dùng chăn nuôi.*

*Lựa trong dòng họ mấy người,*

*Đảm đang gia súc, tài bồi ngựa voi.*

*Về đây giúp trăm trông coi, **3305***

*Những đoàn cầm thú nhiều nơi kinh thành.”*

<sup>7</sup> Tiếp theo, Tể tướng đỡ nâng,

Cha già **lần bước đến gần Pha-rao.**

Cúi đầu chúc thọ ngôi cao;

Phước dư đông hải, lộc giàu nam san.

<sup>8</sup> Vua rằng: “Tuổi lão bao lắm?” **3311**

<sup>9</sup> Trăm ba mươi tuổi không bằng tổ tiên.

**Bản phục chế đề nghị**

*Phan-vương ra lệnh cho đòi,*

*Bước vào bệ kiến, năm người qui tâu:*

“Tệ thần dòng dõi từ lâu, **3291**

*Sống nghề chăn vật, mưu cầu miếng ăn*

*Nhiều đời ở xứ Trà-nam,*

*Ngày nay nạn đói cư dân phải dòi.*

<sup>4</sup> Nhờ ơn bệ hạ biển khơi, **3295**

*Cho thần tá túc miền ngoài: Diên-san”*

<sup>5</sup> Day qua Tể tướng, vua rằng:

“Anh em ruột thịt của khanh tỏ bày,

<sup>6</sup> Nắm quyền định đoạt trong tay,

*Vậy khanh tùy tiện an bài cho xong.*

*Diên-san hoặc một cánh đồng, **3301***

*Cỏ xanh tươi tốt để dùng chăn nuôi.*

*Lựa trong dòng họ mấy người,*

*Đảm đang gia súc, tài bồi ngựa voi.*

*Về đây giúp trăm trông coi. **3305***

*Những đoàn cầm thú nhiều nơi kinh thành.”*

<sup>7</sup> Tiếp theo, Tể tướng đỡ nâng,

Cha già bước tới bệ chân Phan-trào:

Cúi đầu “chúc thọ ngôi cao,

*Phước dư đông hải, lộc giàu nam san.”*

<sup>8</sup> Vua rằng: “... Tuổi lão bao lắm?” **3311**

<sup>9</sup> “Trăm ba mươi tuổi không bằng tổ tiên,

**Bản văn Kinh thánh**

họ đất đai làm sở hữu trong xứ Ai-cập, ở chỗ tốt nhất trong xứ, tại đất Ram-xết, như Pha-ra-ô đã truyền.

<sup>12</sup> Ông Giu-se cấp dưỡng cho cha ông, anh em ông và tất cả gia đình cha ông, ít nhiều tùy theo số con cái họ.

<sup>13</sup> Trong khắp xứ không còn bánh ăn, vì nạn đói trở nên rất trầm trọng. Xứ Ai-cập và xứ Ca-na-an bị nạn đói làm cho kiệt quệ. <sup>14</sup> Ông Giu-se thu tất cả bạc có ở xứ Ai-cập và xứ Ca-na-an, tức là bạc người ta dùng để mua lúa, và ông đưa vào triều đình Pha-ra-ô.

<sup>15</sup> Khi xứ Ai-cập và xứ Ca-na-an hết bạc, thì mọi người Ai-cập đến nói với ông Giu-se rằng: “Xin ngài cho chúng tôi bánh ăn! Sao chúng tôi lại phải chết trước mặt ngài vì không còn bạc?” <sup>16</sup> Ông Giu-se đáp: “Nếu không còn bạc, thì các người hãy nộp các đàn vật của các người, và ta sẽ cho các người bánh, đổi lấy đàn vật của các người.” <sup>17</sup> Vậy họ đưa các đàn vật của họ đến cho ông Giu-se, và ông đã cho họ bánh, đổi lấy ngựa, lấy đàn chiên dê, đàn bò và lấy lừa. Năm đó, ông cung cấp bánh cho họ, đổi lấy tất cả những đàn vật của họ.

**Bản Nguyễn Văn Nhận**

Bồi đời lưu lạc truân chuyên,

Mong ơn bệ hạ giúp yên tuổi già.”

<sup>10</sup> Xong rồi, bái tạ lui ra, 3315

Trống châu đã điểm, triều ca buông màn.

<sup>11</sup> Du-tiếp thừa lệnh vua ban,

Chọn vùng đất tốt làm phần thổ cư,

<sup>12</sup> Anh em ruộng đất cấp dư,

Tùy người, tùy nghiệp mục, ngư, canh, tiều.

Giống lành gặp đất phì nhiêu, 3321

Một dân tộc lớn đang kêu ngụ đây.

<sup>13</sup> Nói qua chính sách kinh tài,

Cửa quan Tể tướng trong ngày gian nan.

Giếp-tô cho đến Trà-nam, 3325

Muôn dân lâm nạn cơ hàn, âu lo.

<sup>14</sup> Trước kia vàng bạc xuất kho,

Thu mua lúa gạo dự trữ nhiều năm.

Đến khi nắng hạn hoành hành,

Trăm dân lần lượt bạc vàng xuất ra.

Để mua lúa gạo hoàng gia, 3331

Cháo com đắp đổi chờ qua tháng ngày.

<sup>15</sup> Nhưng mà nạn đói dằng dai,

Lần hồi vàng bạc dân cày tiêu ma.

Kéo nhau rần rộ kêu ca, 3335

<sup>16</sup> Bấy giờ Tể tướng lệnh ra thế này:

**Bản Paulus Tạ**

Bồi đời lưu lạc truân chuyên,

Mong ơn bệ hạ giúp yên tuổi già.”

<sup>10</sup> Xong rồi bái tạ lui ra, 3315

Trống châu rộn rã, triều ca buông màn.

<sup>11</sup> Du-tiếp thừa lệnh vua ban,

Chọn vùng đất tốt làm phần thổ cư.

<sup>12</sup> Anh em ruộng đất cấp dư,

Tùy người, tùy nghiệp, mục, ngư, canh, tiều.

Giống lành gặp đất phì nhiêu, 3321

Một dân tộc lớn đang kêu ngụ đây.

<sup>13</sup> Nói qua chính sách kinh tài,

Cửa quan Tể tướng trong ngày gian nan.

Giếp-tô cho đến Trà-nam, 3325

Muôn dân lâm nạn cơ hàn, âu lo.

<sup>14</sup> Trước kia vàng bạc xuất kho,

Thu mua lúa gạo dự trữ nhiều năm.

Đến khi nắng hạn hoành hành,

Trăm dân lần lượt bạc vàng xuất ra.

Để mua lúa gạo hoàng gia, 3331

Cháo com đắp đổi chờ qua tháng ngày.

<sup>15</sup> Nhưng mà nạn đói dằng dai,

Lần hồi vàng bạc dân cày tiêu ma.

Kéo nhau rần rộ kêu ca, 3335

<sup>16</sup> Bấy giờ Tể tướng lệnh ra thế này:

**Bản phục chế đề nghị**

Bồi đời lưu lạc truân chuyên,

Mong ơn bệ hạ giúp yên tuổi già.”

Xong rồi, bái tạ lui ra, 3315

Trống châu đã điểm, triều ca buông màn.

Du-tiếp thừa lệnh vua ban,

Chọn vùng đất tốt làm phần thổ cư,

Anh em ruộng đất cấp dư,

Tùy người, tùy nghiệp mục, ngư, canh, tiều.

Giống lành gặp đất phì nhiêu, 3321

Một dân tộc lớn đang kêu ngụ đây.

Nói qua chính sách kinh tài,

Cửa quan Tể tướng trong ngày gian nan.

Giếp-tô cho đến Trà-nam, 3325

Muôn dân lâm nạn cơ hàn, âu lo.

Trước kia vàng bạc xuất kho,

Thu mua lúa gạo dự trữ nhiều năm.

Đến khi nắng hạn hoành hành,

Trăm dân lần lượt bạc vàng xuất ra.

Để mua lúa gạo hoàng gia, 3331

Cháo com đắp đổi chờ qua tháng ngày.

Nhưng mà nạn đói dằng dai,

Lần hồi vàng bạc dân cày tiêu ma.

Kéo nhau rần rộ kêu ca, 3335

Bấy giờ Tể tướng lệnh ra thế này:

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>18</sup> Năm ấy qua đi, năm sau họ lại đến với ông và nói: “Thưa ngài, chúng tôi chẳng dám giấu gì ngài: bạc đã hết, và đàn gia súc đã thuộc về ngài. Trước mặt ngài chỉ còn thân xác chúng tôi và đất đai chúng tôi. <sup>19</sup> Lẽ nào chúng tôi phải chết trước mặt ngài, cả chúng tôi, cả đất đai chúng tôi? Xin ngài lấy bánh mà mua chúng tôi và đất đai chúng tôi; chúng tôi cùng với đất đai chúng tôi sẽ làm nô lệ cho Pha-ra-ô. Xin ngài cho chúng tôi hạt giống, để chúng tôi sống chứ không phải chết, và đất đai khỏi bị bỏ hoang.”

<sup>20</sup> Ông Giu-se đã mua cho Pha-ra-ô tất cả đất đai của Ai-cập: mọi người Ai-cập bán thửa đất của mình, vì bị nạn đói thúc bách. Và đất về tay Pha-ra-ô. <sup>21</sup> Còn dân thì ông đưa vào các thành, từ đầu đến cuối lãnh thổ Ai-cập. <sup>22</sup> Chỉ có đất của các tư tế là ông không mua, vì các tư tế được trợ cấp nhất định của Pha-ra-ô, và họ sống nhờ trợ cấp nhất định Pha-ra-ô ban; do đó họ không phải bán đất đai của họ.

<sup>23</sup> Ông Giu-se bảo dân: “Hôm nay tôi đã mua các người và đất các người cho Pha-ra-ô. Đây là hạt giống cho các người, để các người

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

“Hãy đem súc vật tới đây,  
Thay tiền đổi gạo, chờ ngày có mưa.”

<sup>17</sup> Trăm dân đổi hết bò, lừa,  
Nhưng thời hạn hán cũng chưa dứt nào.

<sup>18</sup> Họ bèn tập hợp kéo nhau, 3341

Tới xin Tể tướng làm sao phân giùm.

“Cuộc đời họ quá khốn cùng,  
Bạc tiền, súc vật cạn sòng phải tay.

<sup>19</sup> Thế mà cái đói còn hoài, 3345

Lẽ nào chờ chết, mong ngài liệu cho.”

Dân nghe Tể tướng phân phó:

“Ai còn ruộng đất bây giờ khai ra.

<sup>20</sup> Thay tiền đong lúa về nhà”

Trăm dân hưởng ứng dần dà đem giao.

Thế là trong một năm sau, 3351

<sup>21</sup> Đất đai toàn quốc đã vào tay vua.

<sup>22</sup> Ruộng vườn sư sãi thì chừa,  
Vi phần vua cấp để lo cúng thần.

<sup>23</sup> Tể tướng phổ cáo trăm dân: 3355

“Từ nay ruộng đất đều dâng Phan-trào.

Mỗi người phải góp công lao,  
Đất vua chia lại, đồng bào tùy gia,  
Súc vật, tiền bạc phát ra,

Kể cả lúa giống, mỗi nhà phải siêng,

**Bản Paulus Tạc**

“Hãy đem súc vật đến đây,  
Thay tiền đổi gạo chờ ngày có mưa.”

<sup>17</sup> Trăm dân đổi hết bò lừa,  
Nhưng thời hạn hán cũng chưa dứt nào.

<sup>18</sup> Họ bèn tập hợp kéo nhau, 3341

Đến xin Tể tướng làm sao phân giùm.

Cuộc đời họ quá khốn cùng,  
Bạc tiền, súc vật cạn sòng, phải tay.

<sup>19</sup> Thế mà cái đói còn hoài, 3345

Lẽ nào chờ chết mong ngài liệu cho.

Dân nghe Tể tướng phân phó:

“Ai còn ruộng đất bây giờ khai ra,

<sup>20</sup> Thay tiền đong lúa về nhà.”

Trăm dân hưởng ứng, dần dà đem giao.

Thế là trong một năm sau, 3351

<sup>21</sup> Đất đai toàn quốc đã vào tay vua.

<sup>22</sup> Ruộng vườn sư sãi thì chừa,  
Vi phần vua cấp để lo cúng thần.

<sup>23</sup> Tể tướng phổ cáo trăm dân: 3355

“Từ nay ruộng đất về phần Pha-rao.

Mỗi người phải góp công lao,  
Đất vua chia lại, đồng bào tùy gia,  
Súc vật, tiền bạc phát ra,

Kể cả lúa giống mỗi nhà phải siêng,

**Bản phục chế đề nghị**

“Hãy đem súc vật tới đây,  
Thay tiền đổi gạo, chờ ngày có mưa.”

<sup>17</sup> Trăm dân đổi hết bò, lừa,  
Nhưng thời hạn hán cũng chưa dứt nào.

<sup>18</sup> Họ bèn tập hợp kéo nhau, 3341

Tới xin Tể tướng làm sao phân giùm.

“Cuộc đời họ quá khốn cùng,  
Bạc tiền, súc vật cạn sòng phải tay.

<sup>19</sup> Thế mà cái đói còn hoài, 3345

Lẽ nào chờ chết, mong ngài liệu cho.”

Dân nghe Tể tướng phân phó:

“Ai còn ruộng đất bây giờ khai ra.

<sup>20</sup> Thay tiền đong lúa về nhà”

Trăm dân hưởng ứng dần dà đem giao.

Thế là trong một năm sau, 3351

<sup>21</sup> Đất đai toàn quốc đã vào tay vua.

<sup>22</sup> Ruộng vườn sư sãi thì chừa,  
Vi phần vua cấp để lo cúng thần.

<sup>23</sup> Tể tướng phổ cáo trăm dân: 3355

“Từ nay ruộng đất đều dâng Phan-trào.

Mỗi người phải góp công lao,  
Đất vua chia lại, đồng bào tùy gia,  
Súc vật, tiền bạc phát ra,

Kể cả lúa giống, mỗi nhà phải siêng,

**Bản văn Kinh thánh**

gieo xuống đất.<sup>24</sup> Nhưng đến mùa, các người sẽ nộp một phần năm cho Pha-ra-ô, còn bốn phần kia sẽ là của các người, để làm hạt giống gieo vào đồng ruộng, để làm lương thực cho các người, cho những người trong nhà và cho trẻ nhỏ.”<sup>25</sup> Họ nói: “Ngài đã cứu sống chúng tôi. Chúng tôi mong được đẹp lòng ngài, và sẽ làm nô lệ cho Pha-ra-ô.”<sup>26</sup> Ông Giu-se đặt điều ấy thành luật vẫn còn giá trị cho đến ngày nay đối với đất đai của Ai-cập, là phải nộp một phần năm cho Pha-ra-ô. Chỉ có đất đai của các tư tế là không thuộc về Pha-ra-ô.

<sup>27</sup> Ông Ít-ra-en ở xứ Ai-cập, trong đất Gô-sen. Con cháu ông tậu đất đai ở đó làm sở hữu, họ sinh sôi nảy nở thật nhiều.<sup>28</sup> Ông Gia-cóp sống ở xứ Ai-cập mười bảy năm. Tuổi đời của ông là một trăm bốn mươi bảy năm.<sup>29</sup> Khi gần đến ngày ông Ít-ra-en qua đời, ông gọi con là Giu-se đến và bảo: “Nếu cha được đẹp lòng con, thì con hãy đặt tay dưới đùi cha và hãy tỏ ra có tình có nghĩa với cha: đừng chôn cha tại Ai-cập.”<sup>30</sup> Khi cha đã nằm xuống với cha ông, con hãy đưa cha ra khỏi Ai-cập và chôn cha

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>24</sup> **Hiệp công dẫn thủy nhập điền, 3361**

Làm mùa, hoa lợi vương quyền định phân,

<sup>25</sup> Nhà vua ăn một phần năm,

Bốn phần còn lại về phần nông gia.

Để lo con, vợ, cửa nhà, 3365

Phục hồi sự nghiệp, quốc gia thịnh cường.”

<sup>26</sup> Kể ra cải cách canh nông,

Đã thành luật lệ phổ thông đến giờ.

Thi hành khắp đất Giép-tô,

Bảo tồn tổ quốc, ấm no dân cày.

<sup>27</sup> Từ khi lập nghiệp xứ này, 3371

Cháu con Gia-cước mỗi ngày thêm đông.

Trước nhờ Du-tiếp lương nông,

Sau nhờ chủng tộc đồng lòng làm ăn.

Một vùng hoang địa Diên-san. 3375

Mấy năm sau đó mùa màng xinh tươi.

<sup>28</sup> Cha già gần đất xa trời,

Trăm bốn bảy tuổi bèn đòi các con.

Gọi Du-tiếp tới bên giường,

<sup>29</sup> Cho người căn dặn lo lường việc riêng.

Du-tiếp tới gặp phụ hiền, 3381

Cha già chỗi dậy nỗi niềm thốt ra:

“Về đây mười bảy năm qua,

Nhờ con giúp đỡ cửa nhà anh em.

**Bản Paulus Tào**

<sup>24</sup> **Hợp công dẫn thủy nhập điền, 3361**

Làm mùa, hoa lợi vương quyền định phân.

<sup>25</sup> Nhà vua ăn một phần năm,

Bốn phần còn lại về phần nông gia.

Để lo con, vợ, cửa nhà, 3365

Phục hồi sự nghiệp, quốc gia **thạnh** cường.

<sup>26</sup> Kể ra cải cách canh nông,

Đã thành luật lệ phổ thông đến giờ.

Thi hành khắp đất Giép-tô,

Bảo tồn vương nghiệp, ấm no dân cày.

<sup>27</sup> Từ khi lập nghiệp ở đây, 3371

Cháu con Gia-cước mỗi ngày thêm đông.

Trước nhờ **Du-tiếp** lương nông,

Sau nhờ chủng tộc đồng lòng làm ăn.

Một vùng hoang địa Diên-san 3375

Mấy năm sau đó mùa màng **xanh** tươi.

<sup>28</sup> Cha già gần đất xa trời,

Trăm bốn bảy tuổi bèn đòi các con.

Gọi **Du-tiếp đến** bên giường,

<sup>29</sup> Cho người căn dặn lo lường việc riêng.

**Du-tiếp đến** gặp phụ hiền, 3381

Cha già chỗi dậy nỗi niềm thốt ra:

“Về đây mười bảy năm qua,

Nhờ con giúp đỡ cửa nhà anh em.

**Bản phục chế đề nghị**

**Hiệp công dẫn thủy nhập điền, 3361**

Làm mùa, hoa lợi vương quyền định phân,

Nhà vua ăn một phần năm,

Bốn phần còn lại về phần nông gia.

Để lo con, vợ, cửa nhà, 3365

Phục hồi sự nghiệp, quốc gia thịnh cường.”

Kể ra cải cách canh nông,

Đã thành luật lệ phổ thông đến giờ.

Thi hành khắp đất Giép-tô,

Bảo tồn tổ quốc, ấm no dân cày.

Từ khi lập nghiệp xứ này, 3371

Cháu con Gia-cước mỗi ngày thêm đông.

Trước nhờ Du-tiếp lương nông,

Sau nhờ chủng tộc đồng lòng làm ăn.

Một vùng hoang địa Diên-san. 3375

Mấy năm sau đó mùa màng xinh tươi.

Cha già gần đất xa trời,

Trăm bốn bảy tuổi bèn đòi các con.

Gọi Du-tiếp tới bên giường,

Cho người căn dặn lo lường việc riêng.

Du-tiếp tới gặp phụ hiền, 3381

Cha già chỗi dậy nỗi niềm thốt ra:

“Về đây mười bảy năm qua,

Nhờ con giúp đỡ cửa nhà anh em.

**Bản văn Kinh thánh**

trong phần mộ của các ngài.” Ông Giu-se thưa: “Con sẽ làm như lời cha dạy.”<sup>31</sup> Ông Ít-ra-en nói: “Con thề với cha đi!” Ông Giu-se thề với cha và ông Ít-ra-en sụp xuống lạy ở đầu giường.

**48**

<sup>1</sup> Sau các việc đó, người ta nói với ông Giu-se: “Cha ông bị bệnh.” Ông đưa hai con trai là Mơ-na-se và Ép-ra-im đến.<sup>2</sup> Người ta báo cho ông Gia-cóp rằng: “Có ông Giu-se, con cụ, đến thăm cụ.” Ông Ít-ra-en cố gượng dậy ngồi trên giường.<sup>3</sup> Ông Gia-cóp nói với ông Giu-se: “Thiên Chúa toàn năng đã hiện ra với cha ở Lút trong đất Ca-na-an và chúc phúc cho cha.<sup>4</sup> Người đã phán với cha: “Đây Ta làm cho người sinh sôi nảy nở thật nhiều. Ta sẽ làm cho người thành một cộng đồng nhiều dân nước, và sẽ ban đất này cho dòng dõi người về sau làm sở hữu vĩnh viễn.<sup>5</sup> Bây giờ hai đứa con trai con đã sinh được tại xứ Ai-cập trước khi cha đến Ai-cập với con, sẽ là của cha: Ép-ra-im và Mơ-na-se sẽ là của cha như Rưu-vên và Si-mê-ôn.<sup>6</sup> Còn những đứa con mà con sinh ra sau hai đứa ấy sẽ là của con; chúng sẽ được gọi bằng tên

**Bản Nguyễn Văn Nhận**<sup>30</sup> Khi cha về với tổ tiên, 3385

Xin đừng mai táng tại miền Giép đây.

<sup>31</sup> Hãy thề chắc chắn việc này,

Thì hài cha được chôn ngay quê nhà.”

Du-tiếp thề với cha già:

“Chúng con thỏa mãn tang ma như lời.”

**48**<sup>1</sup> Được tin cha đã yếu rồi, 3391

Du-tiếp đến viếng, đồng thời hai con,

Ấm-liên, Mạnh-đạt theo chon,

Để thăm ông nội nhờ ơn chúc lành.

<sup>2</sup> Cha già gượng dậy nói rằng: 3395<sup>3</sup> “Bừu-tiên thuở ấy, có lần hiện ra,

Thượng-đế, phán bảo với cha,

<sup>4</sup> Sẽ cho miêu duệ tăng gia phú cường.

Trà-nam hãy chọn quê hương,

Trời ban đất ấy miền trường cho ta.

<sup>5</sup> Hai thằng cháu nội của cha, 3401

Sinh tại nước Giép kể là tộc cha

Cũng như Đư-đạc, Yết-kha,

<sup>6</sup> Về sau em chúng kể là tộc con.**Bản Paulus Tọa**<sup>30</sup> Khi cha về với tổ tiên, 3385

Xin đừng mai táng tại miền Giép đây.

<sup>31</sup> Hãy thề chắc chắn việc này,

Thì hài cha được chôn ngay quê nhà.”

**Du-tiếp** thề với cha già,Chúng con thỏa mãn tang ma **hẳn hoi**.**48**<sup>1</sup> Được tin cha đã yếu rồi, 3391**Du-tiếp** đến viếng đồng thời hai con.

Ấm-liên, Mạnh-đạt theo chon,

Để thăm ông nội nhờ ơn chúc lành.

<sup>2</sup> Cha già gượng dậy nói rằng: 3395<sup>3</sup> “**Lư-gia** thuở ấy, có lần hiện ra.

Thượng đế phán bảo với cha:

<sup>4</sup> Sẽ cho miêu duệ tăng gia phú cường.

Trà-nam hãy chọn quê hương,

Trời ban đất ấy miền trường cho ta.

<sup>5</sup> Hai thằng cháu nội của cha, 3401

Sinh tại nước Giép kể là tộc cha.

Cũng như Đư-đạc, Yết-kha,

<sup>6</sup> Về sau em chúng kể là tộc con.**Bản phục chế đề nghị**

Khi cha về với tổ tiên, 3385

Xin đừng mai táng tại miền Giép đây.

Hãy thề chắc chắn việc này,

Thì hài cha được chôn ngay quê nhà.”

Du-tiếp thề với cha già:

“Chúng con thỏa mãn tang ma như lời.”

**48****ẤM-LIÊN, MẠNH-ĐẠT  
ÔNG NỘI CHÚC LÀNH**

Được tin cha đã yếu rồi, 3391

Du-tiếp đến viếng, đồng thời hai con,

Ấm-liên, Mạnh-đạt theo chon,

Để thăm ông nội nhờ ơn chúc lành.

Cha già gượng dậy nói rằng: 3395

“Bừu-tiên thuở ấy, có lần hiện ra,

Thượng đế, phán bảo với cha:

Sẽ cho miêu duệ tăng gia phú cường.

Trà-nam hãy chọn quê hương,

Trời ban đất ấy miền trường cho ta.

Hai thằng cháu nội của cha, 3401

Sinh tại nước Giép kể là tộc cha

Cũng như Đư-đạc, Yết-kha,

Về sau em chúng kể là tộc con.

### Bản văn Kinh thánh

hai anh chúng để được hưởng gia tài. <sup>7</sup> “Phần cha, khi từ Pát-đan về, cha đã mất bà Ra-khen, trong đất Ca-na-an, khi còn cách Ép-ra-tha một quãng đường; cha đã chôn người tại đó, trên đường đi Ép-ra-tha, tức là Bê-lem.”

<sup>8</sup> Khi ông Ít-ra-en thấy các con trai ông Giu-se, thì hỏi: “Những đứa này là ai?” <sup>9</sup> Ông Giu-se thưa cha: “Chúng là những con trai mà Thiên Chúa đã ban cho con ở đây.” Ông Ít-ra-en nói tiếp: “Dem chúng đến cho cha, để cha chúc phúc cho chúng.” <sup>10</sup> Mắt ông Ít-ra-en đã mờ vì tuổi già, ông không thể nhìn thấy nữa. Ông Giu-se đưa chúng lại gần ông, ông hôn và ôm chúng.

<sup>11</sup> Ông Ít-ra-en nói với ông Giu-se: “Cha không nghĩ rằng lại nhìn thấy mặt con, thế mà Thiên Chúa lại cho cha nhìn thấy cả dòng dõi con nữa!” <sup>12</sup> Ông Giu-se kéo chúng ra khỏi đầu gối ông Ít-ra-en và cúi sấp mặt xuống đất.

<sup>13</sup> Ông Giu-se nắm lấy cả hai đứa, Ép-ra-im ở tay phải ông, tức là tay trái ông Ít-ra-en, Mơ-na-se ở tay trái ông, tức là tay phải ông Ít-ra-en, và đưa chúng đến gần ông Ít-ra-en. <sup>14</sup> Ông Ít-ra-en đưa tay phải ra, đặt lên đầu Ép-ra-im là em, và đặt tay trái lên đầu Mơ-na-se; ông bắt chéo tay, vì Mơ-na-se là con cả. <sup>15</sup> Ông chúc phúc cho ông Giu-se rằng: “Xin Thiên Chúa là Đấng mà cha ông của cha là Áp-ra-ham và I-xa-ác đã bước đi trước tôn nhan, xin Thiên Chúa là mục tử chăn dắt cha từ khi cha chào đời

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>7</sup> Xưa kia đang lúc giữa đường, 3405

Mẹ con đã chết, cha chôn bên lề,

Bảo-liêm <sup>a</sup> trực chỉ nẻo về,

Nhắc con chớ khá quên quê hương nhà.

<sup>8</sup> Con con, cháu nội của cha,

Hãy đưa nó tới kẻ ta chúc lành.

<sup>9</sup> Ấm-liêm, Mạnh-đạt đứng gần, 3411

<sup>10</sup> Người rờ hai trẻ tay lần ôm hôn.

Khong khen Thượng-đế ban ơn.

<sup>11</sup> Gặp con, còn được gặp luôn cháu mình.”

<sup>12</sup> Du-tiếp cảm động lặng thinh, 3415

Cha con qui lạy thăm tình thiết tha.

<sup>13</sup> Ấm-liêm bên trái cha già,

Mạnh-đạt bên hữu, nõn nà cả hai.

<sup>14</sup> Giăng ra, Gia-cước chéo tay,

Ấm-liêm tay mặt thế này là anh.

<sup>15</sup> Người cầu Thượng-đế Bá-lâm, 3421

Là Chúa Y-giác thành tâm kính thờ.

<sup>16</sup> Giúp tôi từ bé đến giờ,

Chư thần hãy độ trẻ thơ, nhơn hiền.

Nổi danh tôi với tổ tiên, 3425

Chúng cầu Thượng-đế bình yên cuộc đời.

<sup>a</sup> Bảo-liêm (Bethlehem). Mộ La-cương (Rachel) mẹ ruột Du-tiếp (Joseph) chôn bên lề đường cái vào thành phố này.

### Bản Paulus Tạc

<sup>7</sup> Xưa kia đang lúc giữa đường, 3405

Mẹ con đã chết, cha chôn bên lề.

Bảo-liêm trực chỉ nẻo về,

Nhắc con chớ khá quên quê hương nhà.

<sup>8</sup> Con con, cháu nội của cha,

Hãy đưa nó đến gần ta chúc lành.

<sup>9</sup> Ấm-liêm, Mạnh-đạt đứng gần, 3411

<sup>10</sup> Người rờ hai trẻ tay lần ôm hôn.

Khong khen Thượng-đế ban ơn,

<sup>11</sup> Gặp con, lại được gặp luôn cháu mình.”

<sup>12</sup> Du-tiếp cảm động lặng thinh, 3415

Cha con qui lạy thăm tình thiết tha.

<sup>13</sup> Ấm-liêm bên trái cha già,

Mạnh-đạt bên hữu nõn nà cả hai.

<sup>14</sup> Giăng ra Gia-cước chéo tay,

Ấm-liêm tay mặt thế này là anh.

<sup>15</sup> Người cầu Thượng-đế Bá-lâm, 3421

Là Chúa I-giác thành tâm kính thờ.

<sup>16</sup> Giúp tôi từ bé đến giờ,

Chư thần hãy độ trẻ thơ, nhơn hiền.

Nổi danh tôi với tổ tiên, 3425

Chúng cầu Thượng-đế bình yên cuộc đời.

### Bản phục chế đề nghị

Xưa kia đang lúc giữa đường, 3405

Mẹ con đã chết, cha chôn bên lề,

Bảo-liêm trực chỉ nẻo về,

Nhắc con chớ khá quên quê hương nhà.

Con con, cháu nội của cha,

Hãy đưa nó tới kẻ ta chúc lành.

Ấm-liêm, Mạnh-đạt đứng gần, 3411

Người rờ hai trẻ tay lần ôm hôn.

Khong khen Thượng-đế ban ơn.

Gặp con, còn được gặp luôn cháu mình.”

Du-tiếp cảm động lặng thinh, 3415

Cha con qui lạy thăm tình thiết tha.

Ấm-liêm bên trái cha già,

Mạnh-đạt bên hữu, nõn nà cả hai.

Giăng ra, Gia-cước chéo tay,

Ấm-liêm tay mặt thế này là anh.

Người cầu Thượng-đế Bá-lâm, 3421

Là Chúa Y-giác thành tâm kính thờ.

Giúp tôi từ bé đến giờ,

Chư thần hãy độ trẻ thơ, nhơn hiền.

Nổi danh tôi với tổ tiên, 3425

Chúng cầu Thượng-đế bình yên cuộc đời.

### **Bản văn Kinh thánh**

cho đến ngày hôm nay, <sup>16</sup> xin Sứ thần là Đấng đã giải thoát cha khỏi mọi tai hoạ, chúc phúc cho những đứa trẻ này.

Ước gì nhờ chúng, tên tuổi của cha và của cha ông cha là Áp-ra-ham và I-xa-ác được nhắc tới, và ước gì chúng lan tràn khắp xứ!”

<sup>17</sup> Ông Giu-se thấy cha đặt tay phải lên đầu Ép-ra-im thì không bằng lòng, nên ông cầm tay cha kéo ra khỏi đầu Ép-ra-im mà đưa lên đầu Mơ-na-se. <sup>18</sup> Ông Giu-se nói với cha: “Thưa cha, xin đừng làm thế, vì thằng này mới là con đầu lòng, xin cha đặt tay phải lên đầu nó.” <sup>19</sup> Nhưng cha ông từ chối và nói: “Cha biết, con ơi, cha biết: nó cũng sẽ trở thành một dân, và nó cũng sẽ lớn. Nhưng em nó sẽ lớn hơn nó và dòng dõi của em nó sẽ thành rất nhiều dân tộc.”

<sup>20</sup> Ngày đó, ông chúc phúc cho chúng rằng: “Ước gì Ít-ra-en lấy tên con mà chúc phúc và nói: Xin Thiên Chúa làm cho bạn nên như Ép-ra-im và như Mơ-na-se!”

Ông đặt Ép-ra-im trước Mơ-na-se. <sup>21</sup> Rồi ông Ít-ra-en nói với ông Giu-se: “Này cha sắp chết, nhưng Thiên Chúa sẽ ở với các con và sẽ đưa các con về quê cha đất tổ.” <sup>22</sup> Còn cha, cha cho con thêm một phần hơn các anh em con, là thành Si-khem cha đã dùng gươm và cung của cha mà chiếm được từ tay người E-mô-ri.”

### **Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Giúp chúng lớn mạnh khắp nơi,  
Giúp cho xứ sở, giống nòi tăng gia,

<sup>17</sup> Du-tiếp bèn đổi tay cha,

<sup>18</sup> Bên này em nó, kia là thằng anh.

<sup>19</sup> Cha già không chịu nói rằng: **3431**

Đứa này mới thật trở thành dân đông,

Là em, nhưng nó lớn hơn,

<sup>20</sup> Rồi người chúc phúc cho dòng Âm-liêm.

Thế là người lập đứa em, **3435**

On lành phước hậu đứng trên anh mình.

<sup>21</sup> Nắm tay Du-tiếp, người nhìn:

Con ôi, cha đến giờ sinh thì rồi.

Cầu Trời phù hộ hưng thời,

Trở về đất tổ rạng ngời thi chung.

<sup>22</sup> Tặng con phần đất trời hơn, **3441**

Anh em tất cả, là vùng ngày xưa,

Cha dùng tiền bạc để mua,

Cũng dùng khí giới tranh đua miền này.

Tiến lên đoạt lấy trong tay, **3445**

A-muông chủng tộc đến ngày diệt vong.

### **Bản Paulus Tạc**

Giúp chúng lớn mạnh khắp nơi,  
Giúp cho xứ sở giống nòi tăng gia.

<sup>17</sup> Du-tiếp bèn đổi tay cha,

<sup>18</sup> Rằng đây em nó kia là thằng anh.

<sup>19</sup> Cha già không chịu nói rằng: **3431**

Đứa này mới thật trở thành dân đông.

Là em nhưng nó lớn hơn,

<sup>20</sup> Rồi người chúc **phước** cho dòng Âm-liêm.

Thế là người lập đứa em, **3435**

On lành phước hậu đứng trên anh mình.

<sup>21</sup> Nắm tay **Du-tiếp** người nhìn:

Con ôi cha đến giờ sinh thì rồi.

Cầu Trời phù hộ **đang** thời,

Và sau đất tổ rạng ngời thi chung.

<sup>22</sup> Tặng con phần đất trời hơn, **3441**

Anh em tất cả, là vùng ngày xưa,

Cha dùng tiền bạc để mua,

Cũng dùng **cung kiếm** tranh đua miền này.

Tiến lên đoạt lấy trong tay, **3445**

**Hà-môn** chủng tộc đến ngày diệt vong,

### **Bản phục chế đề nghị**

Giúp chúng lớn mạnh khắp nơi,  
Giúp cho xứ sở, giống nòi tăng gia,

Du-tiếp bèn đổi tay cha,

Bên này em nó, kia là thằng anh.

Cha già không chịu nói rằng: **3431**

Đứa này mới thật trở thành dân đông,

Là em, nhưng nó lớn hơn,

Rồi người chúc phúc cho dòng Âm-liêm.

Thế là người lập đứa em, **3435**

On lành phước hậu đứng trên anh mình.

Nắm tay Du-tiếp, người nhìn:

Con ôi, cha đến giờ sinh thì rồi.

Cầu Trời phù hộ hưng thời,

Trở về đất tổ rạng ngời thi chung.

Tặng con phần đất trời hơn, **3441**

Anh em tất cả, là vùng ngày xưa,

Cha dùng tiền bạc để mua,

Cũng dùng khí giới tranh đua miền này.

Tiến lên đoạt lấy trong tay, **3445**

A-muông chủng tộc đến ngày diệt vong.



<sup>1</sup> Ông Gia-cóp gọi các con trai lại và nói: “Hãy tập họp lại để cha báo cho các con điều sẽ xảy đến cho các con sau này.

<sup>2</sup> Hỡi các con của Gia-cóp, hãy tụ tập lại mà nghe, hãy nghe Ít-ra-en, cha các con.

<sup>3</sup> Rưu-vên, con là con đầu lòng của cha, là sức mạnh của cha, là tinh hoa của sinh lực cha, địa vị con trởi vượt, thế lực con trởi vượt.

<sup>4</sup> Dù mạnh như nước cuốn, con sẽ không trởi vượt, vì con đã trèo lên chỗ cha con nằm, khi ấy con đã xúc phạm đến nơi chần gối của cha con.

<sup>5</sup> Si-mê-ôn và Lê-vi là hai anh em; chúng đã dùng gươm mà bạo động.<sup>6</sup> Tôi sẽ không đồng lòng với phe nhóm chúng, không nhất trí với bè lũ chúng, vì trong cơn giận, chúng đã giết người, trong lúc hung hăng, chúng đã cắt gân bò mộng.

<sup>7</sup> Đáng nguyên rửa thay cơn giận dữ của chúng, vì nó vũ phu, đáng nguyên rửa thay cơn lôi đình của chúng, vì nó tàn bạo!

Tôi sẽ phân tán chúng trong nhà Gia-cóp, sẽ làm chúng tản mác trong dân Ít-ra-en.

<sup>8</sup> Giu-đa, con sẽ được anh em con ca tụng, tay con sẽ đặt trên ót các địch thù, anh em cùng cha với con sẽ sụp xuống lạy con.

<sup>9</sup> Giu-đa là sư tử con. Con ơi, sẵn mỗi xong con lại trở về.

Nó quỳ xuống, nằm phục như sư tử và như sư tử cái: ai sẽ làm

<sup>1</sup> Rồi người kêu hết các con,

Tụ nghe tiên báo nẻo đường vị lai:

<sup>2</sup> “Bầy con Gia-cước nghe đây,

Yết-linh thân phụ trình bày dự ngôn,

<sup>3</sup> Lữ-bình anh cả các con. 3451

Trỗi về may mắn lại hơn oai quyền,

<sup>4</sup> Ví như giòng nước tràn lên

Nhưng không phát triển, căn nguyên đau buồn.

Cả gan chà đạp gia phong, 3455

Có danh vang dội mà không được gì.

<sup>5</sup> Sừ-mông, Lê-vị vô nghị,

Làm thì bạo ngược, sống thì mưu mô.

<sup>6</sup> Không theo đường lối thuở giờ,

Mà cha thành kính phượng thờ Chúa trên.

<sup>7</sup> Làm như danh dự tổ tiên, 3461

Gây thù chuốc oán, đảo điên cuộc đời.

Bị nhiều phân tán rã rời,

Các dân nguyên rửa, hưng thời chóng tan.

<sup>8</sup> Về phần Du-đạc nổi danh, 3465

Anh em ái mộ, lời lành tán dương.

<sup>9</sup> Kẻ thù khiếp phục, khôn đương.

Sức dường sư tử, mạnh dường kim ngưu.

<sup>1</sup> Rồi người **tập họp** các con,

**Đến** nghe tiên báo nẻo đường vị lai.

<sup>2</sup> Bầy con Gia-cước nghe đây,

Yết-linh thân phụ trình bày dự ngôn.

<sup>3</sup> Lữ-bình anh cả các con, 3451

Trỗi về may mắn lại hơn **uy** quyền.

<sup>4</sup> Ví như dòng nước tràn lên,

Nhưng không phát triển, căn nguyên đau buồn.

Cả gan chà đạp gia phong, 3455

Có danh vang dội mà không được gì!

<sup>5</sup> Sừ-mông, Lê-vị vô nghị,

Làm thì bạo ngược, sống thì mưu mô.

<sup>6</sup> Không theo đường lối thuở giờ,

Mà cha thành kính phụng thờ Chúa trên.

<sup>7</sup> Làm như danh dự tổ tiên, 3461

Gây thù chuốc oán, đảo điên cuộc đời.

Bị nhiều phân tán rã rời,

Các dân nguyên rửa, hưng thời chóng tan.

<sup>8</sup> Về phần Du-đạc nổi danh, 3465

Anh em ái mộ, lời lành tán dương.

<sup>9</sup> Kẻ thù khiếp phục, khôn đương,

Sức dường sư tử, mạnh dường kim ngưu.

**GIA-CƯỚC DỰ NGÔN  
ĐẾN CẦU QUA KIẾP**

Rồi người kêu hết các con,

Tụ nghe tiên báo nẻo đường vị lai:

“Bầy con Gia-cước nghe đây,

Yết-linh thân phụ trình bày dự ngôn,

<sup>3</sup> Lữ-bình anh cả các con. 3451

Trỗi về may mắn lại hơn oai quyền,

Ví như dòng nước tràn lên

Nhưng không phát triển, căn nguyên đau buồn.

Cả gan chà đạp gia phong, 3455

Có danh vang dội mà không được gì.

<sup>5</sup> Sừ-mông, Lê-vị vô nghị,

Làm thì bạo ngược, sống thì mưu mô.

<sup>6</sup> Không theo đường lối thuở giờ,

Mà cha thành kính phượng thờ Chúa trên.

<sup>7</sup> Làm như danh dự tổ tiên, 3461

Gây thù chuốc oán, đảo điên cuộc đời.

Bị nhiều phân tán rã rời,

Các dân nguyên rửa, hưng thời chóng tan.

<sup>8</sup> Về phần Du-đạc nổi danh, 3465

Anh em ái mộ, lời lành tán dương.

<sup>9</sup> Kẻ thù khiếp phục, khôn đương.

Sức dường sư tử, mạnh dường kim ngưu.

**Bản văn Kinh thánh**

cho nó đứng dậy?

<sup>10</sup> Vương trượng sẽ không rời khỏi Giu-đa, gậy chỉ huy sẽ không lìa đầu gối nó, cho tới khi người làm chủ vương trượng đến, người mà muôn dân phải vâng phục.

<sup>11</sup> Người buộc con lừa của mình vào gốc nho, buộc lừa con của mình vào cây nho quý.

Người lấy rượu giết áo, lấy máu trái nho giết áo choàng.

<sup>12</sup> Mắt người sẫm hơn rượu, răng người trắng hơn sữa.

<sup>13</sup> Dơ-vu-lun ở trên bờ biển, nơi tàu bè ghé bến, sườn của nó dựng tới Xi-đôn.

<sup>14</sup> Ít-xa-kha là con lừa xuong cốt mạnh mẽ, nằm giữa chuồng súc vật:

<sup>15</sup> Nó thấy rằng nghỉ ngơi là tốt, và xứ sở tươi xinh. Nó khò lưng chờ nặng, nó phải làm việc khổ sai như tôi đòi.

<sup>16</sup> Đan xét xử dân nó, như một trong các chi tộc Ít-ra-en.

<sup>17</sup> Ước gì Đan là một con rắn trên đường, một con rắn lục ở lối đi, cắn gót chân ngựa, khiến người cưỡi phải ngã ngựa.

<sup>18</sup> Lạy Đức Chúa, con trông chờ ơn Ngài cứu độ!

<sup>19</sup> Gát bị một bọn cướp cướp nó, nhưng nó đuổi theo cướp lại.

<sup>20</sup> A-se làm bánh có nhiều chất béo, nó cung cấp cao lương mỹ vị cho vua.

<sup>21</sup> Náp-ta-li là nai cái thả rong, đẻ ra những nai con xinh đẹp.

<sup>22</sup> Giu-se là cây sai quả, cây sai quả bên suối; các cành nó vượt qua tường.

<sup>23</sup> Những người bán cung đã khiêu khích, đã bắn tên và tấn công nó.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Anh hùng cái thế, cừu như,

<sup>10</sup> Muôn đời phủ việt, phát cờ đại vương.

Đến khi một Đấng phi thường, 3471

Về trong thiên hạ, bốn phương đợi chờ.

<sup>11</sup> Tuyệt vời như một bài thơ,

Như đồng lúa chín vàng mơ khắp trời.

<sup>12</sup> Dưỡng nuôi tế độ loài người, 3475

Là nguồn ơn phước đời đời kính tin.

<sup>13</sup> Đa-buông mạch máu hồi sinh,

Con thuyền hàng hải hành trình đó đây.

Dựng đời với cánh tay gầy,

Bạc vàng chất lại, đồng tây hải hùng.

<sup>14</sup> Yết-kha nằm nghỉ giữa đồng, 3481

<sup>15</sup> Đợi mùa ngũ cốc lên bông tràn trề.

Kiên tâm chuyên chờ nặng nề,

Nuôi đời no ấm không hề buồn vui.

<sup>16</sup> Cơ-đăng luật lệ cho đời, 3485

Khẩu xà tâm phật cắn người hiểm nguy.

<sup>17</sup> Rườm rà ngôn ngữ, văn thi,

Biết đem lý luận đỡ khi lạc đường.

<sup>18</sup> Nguyện trời lúc gặp tang thương,

Vững vàng tin tưởng, tai ương đỡ dần.

<sup>19</sup> Về phần Cát-đại vững vàng, 3491

Có ma khuấy động, có thần hộ thân.

**Bản Paulus Tạc**

Anh hùng cái thế, cừu như,

<sup>10</sup> Muôn đời phủ việt phát cờ đại vương.

Đến khi một Đấng phi thường, 3471

Về trong thiên hạ, bốn phương đợi chờ.

<sup>11</sup> Tuyệt vời như một bài thơ,

Như đồng lúa chín vàng mơ khắp trời.

<sup>12</sup> Dưỡng nuôi, tế độ loài người, 3475

Là nguồn ơn phước đời đời kính tin.

<sup>13</sup> Đa-buông mạch máu hồi sinh,

Con thuyền hàng hải hành trình đó đây.

Dựng đời với cánh tay gầy,

Bạc vàng chất lại, đồng tây hải hùng.

<sup>14</sup> Yết-kha nằm nghỉ giữa đồng, 3481

<sup>15</sup> Đợi mùa ngũ cốc lên bông tràn trề.

Kiên tâm chuyên chờ nặng nề,

Nuôi đời no ấm không hề buồn vui.

<sup>16</sup> Cơ-đăng luật lệ cho đời, 3485

Khẩu xà tâm phật cắn người hiểm nguy.

<sup>17</sup> Rườm rà ngôn ngữ, văn thi,

Biết đem lý luận đỡ khi lạc đường.

<sup>18</sup> Nguyện Trời **gặp** lúc tang thương,

Vững vàng tin tưởng, tai ương đỡ dần.

<sup>19</sup> Về phần Cát-đại vững vàng, 3491

Có ma khuấy động, có thần hộ thân.

**Bản phục chế đề nghị**

Anh hùng cái thế, cừu như,

Muôn đời phủ việt, phát cờ đại vương.

Đến khi một Đấng phi thường, 3471

Về trong thiên hạ, bốn phương đợi chờ.

Tuyệt vời như một bài thơ,

Như đồng lúa chín vàng mơ khắp trời.

Dưỡng nuôi tế độ loài người, 3475

Là nguồn ơn phước đời đời kính tin.

Đa-buông mạch máu hồi sinh,

Con thuyền hàng hải hành trình đó đây.

Dựng đời với cánh tay gầy,

Bạc vàng chất lại, đồng tây hải hùng.

Yết-kha nằm nghỉ giữa đồng, 3481

Đợi mùa ngũ cốc lên bông tràn trề.

Kiên tâm chuyên chờ nặng nề,

Nuôi đời no ấm không hề buồn vui.

Cơ-đăng luật lệ cho đời, 3485

Khẩu xà tâm phật cắn người hiểm nguy.

Rườm rà ngôn ngữ, văn thi,

Biết đem lý luận đỡ khi lạc đường.

Nguyện trời lúc gặp tang thương,

Vững vàng tin tưởng, tai ương đỡ dần.

Về phần Cát-đại vững vàng, 3491

Có ma khuấy động, có thần hộ thân.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>24</sup> Nhưng cây cung của nó vẫn vững vàng, và những cánh tay của nó vẫn lạnh lẽo, nhờ tay Đấng Vạn Năng của Gia-cóp, nhờ danh Vị Mục Tử, Tảng đá của Ít-ra-en.

<sup>25</sup> Xin Thiên Chúa của cha con phù trợ con, Xin Thiên Chúa toàn năng chúc phúc cho con! Phúc lành của trời ở trên cao, phúc lành của vực thẳm ở phía dưới, phúc lành của nhũ hoa và tử cung!

<sup>26</sup> Phúc lành của cha con trỗi vượt, hơn cả phúc lành của núi non vạn đại, và ước nguyện của gò nổng thiên thu. Ước chi những phúc lành ấy xuống trên đầu Giu-se, trên đỉnh đầu người được thánh hiến giữa anh em mình.

<sup>27</sup> Ben-gia-min là chó sói hay cắn xé, buổi sáng nó ăn mồi, buổi chiều nó chia phần cướp được.”

<sup>28</sup> Đó là tất cả mười hai chi tộc Ít-ra-en, và đó là điều mà cha họ đã nói với họ; ông chúc phúc cho họ, chúc cho mỗi người một lời chúc phúc riêng.

<sup>29</sup> Ông truyền cho họ rằng: “Cha sắp được về sum họp với gia tiên. Hãy chôn cất cha bên cạnh cha ông của cha, trong cái hang ở cánh đồng của ông Ép-rôn, người Khét, <sup>30</sup> trong cái hang ở cánh đồng Mác-pê-la, đối diện với Mam-rê, tại đất Ca-na-an, cánh đồng ông Áp-ra-ham đã tậu của ông Ép-rôn, người Khét, làm miếng đất riêng dành cho phần mộ. <sup>31</sup> Ở đó đã chôn ông Áp-ra-ham và vợ ông là bà Xa-ra; ở đó đã chôn ông I-xa-ác và vợ ông là bà Rê-bê-ca; ở đó cha đã chôn bà Lê-a. <sup>32</sup> Cánh đồng và cái hang ở đó đã tậu của con cái ông Khét.”

<sup>33</sup> Khi truyền lệnh cho các con trai

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>20</sup> Ái-xang bánh trái thơm lành,

Cho hàng vương giả, thứ dân thích dùng.

<sup>21</sup> Niếp-tăng, bày lộc thung dung, 3495

Khá đem miệng lưỡi bông lông cọt đời.

<sup>22</sup> Về phần Du-tiếp, con ơi,

Hào hoa phong nhã <sup>23</sup> khiến người ghét ghen.

<sup>24</sup> Bao vây ném đá, bắn tên,

Nhờ Trời độ mạng bằng yên sinh tồn.

<sup>25</sup> Trời cao sa xuống muôn ơn, 3501

Biển sâu dựng cổng bao nguồn giàu sang.

<sup>26</sup> Anh em nhờ đó vững an,

Đau thương cũng dứt, cơ hàn cũng no.

<sup>27</sup> Biền-mân, đen tối ý đồ, 3505

Mộc-lang gây hấn cõi bờ bốn bên.

Sinh cư thường cậy cung tên,

Đi xa đạo nghĩa, bỏ quên cây cày.”

<sup>28</sup> Bầy con tất cả mười hai,

Được cha tiết lộ tương lai mỗi người.

<sup>29</sup> Sau cùng gắng gượng vài lời: 3511

“Khi cha nhắm mắt tổng nơi quê nhà,

<sup>30</sup> Đất này tổ phụ chúng ta,

Tậu làm mộ địa đã ba bốn đời,

<sup>31</sup> Bá-lâm yên giấc đây rồi, 3515

Xuân-hoa, Y-giác cũng thời nghỉ an.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>20</sup> Ái-xang bánh trái thơm lành,

Cho hàng vương giả, thứ dân thích dùng.

<sup>21</sup> Niếp-tăng bày lộc thung dung, 3495

Khá đem miệng lưỡi bông lông cọt đời.

<sup>22</sup> Về phần **Du-tiếp**, con ơi!

Hào hoa phong nhã <sup>23</sup> khiến người ghét ghen.

<sup>24</sup> Bao vây ném đá, bắn tên,

Nhờ Trời độ mạng bằng yên sinh tồn.

<sup>25</sup> Trời cao sa xuống muôn ơn, 3501

Biển sâu dựng **hiển** bao nguồn giàu sang.

<sup>26</sup> Anh em nhờ đó vững an,

Đau thương cũng dứt, cơ hàn cũng no.

<sup>27</sup> Biền-mân đen tối ý đồ, 3505

Mộc-lang gây hấn cõi bờ bốn bên.

Sinh cư thường cậy cung tên,

Đi xa đạo nghĩa, bỏ quên cây cày.”

<sup>28</sup> Bầy con tất cả mười hai,

Được cha tiết lộ tương lai mỗi người.

<sup>29</sup> Sau cùng **trối lại** vài lời: 3511

“Khi cha nhắm mắt **táng** nơi quê nhà,

<sup>30</sup> Đất này tổ phụ chúng ta,

Tậu làm mộ địa đã ba bốn đời.

<sup>31</sup> Bá-lâm yên giấc đây rồi, 3515

**Sa-lan**, I-giác đồng thời nghỉ an.

**Bản phục chế đề nghị**

Ái-xang bánh trái thơm lành,

Cho hàng vương giả, thứ dân thích dùng.

<sup>21</sup> Niếp-tăng, bày lộc thung dung, 3495

Khá đem miệng lưỡi bông lông cọt đời.

Về phần Du-tiếp, con ơi,

Hào hoa phong nhã khiến người ghét ghen.

Bao vây ném đá, bắn tên,

Nhờ Trời độ mạng bằng yên sinh tồn.

<sup>25</sup> Trời cao sa xuống muôn ơn, 3501

Biển sâu dựng cổng bao nguồn giàu sang.

Anh em nhờ đó vững an,

Đau thương cũng dứt, cơ hàn cũng no.

<sup>27</sup> Biền-mân, đen tối ý đồ, 3505

Mộc-lang gây hấn cõi bờ bốn bên.

Sinh cư thường cậy cung tên,

Đi xa đạo nghĩa, bỏ quên cây cày.”

<sup>28</sup> Bầy con tất cả mười hai,

Được cha tiết lộ tương lai mỗi người.

<sup>29</sup> Sau cùng gắng gượng vài lời: 3511

“Khi cha nhắm mắt tổng nơi quê nhà,

Đất này tổ phụ chúng ta,

Tậu làm mộ địa đã ba bốn đời,

<sup>31</sup> Bá-lâm yên giấc đây rồi, 3515

Xuân-hoa, Y-giác cũng thời nghỉ an.

**Bản văn Kinh thánh**

ông xong, thì ông Gia-cóp rút chân lên giường; ông tắt thở và được về sum họp với gia tiên.

**50**

<sup>1</sup> Ông Giu-se gục vào mặt cha mà khóc và hôn cha. <sup>2</sup> Rồi ông Giu-se truyền cho các thầy thuốc vẫn giúp việc ông, ướp xác cha ông. Các thầy thuốc ướp xác ông Ít-ra-en. <sup>3</sup> Việc đó kéo dài bốn mươi ngày, vì việc ướp xác phải kéo dài bấy nhiêu ngày.

Người Ai-cập khóc ông bảy mươi ngày. <sup>4</sup> Khi thời gian khóc ông đã qua, ông Giu-se nói với triều đình Pha-ra-ô rằng: “Nếu tôi được đẹp lòng các ông, thì xin các ông nói thâu tai Pha-ra-ô như sau: <sup>5</sup> “Cha tôi đã bắt tôi thề, người nói: Đây cha sắp chết. Trong ngôi mộ cha đã đào cho cha ở đất Ca-na-an, con hãy chôn cất cha ở đó.” Bây giờ tôi xin được lên đó chôn cất cha tôi, rồi tôi sẽ trở lại.” <sup>6</sup> Pha-ra-ô nói: “Cứ lên mà chôn cất cha ông, như cụ đã bắt ông thề.”

<sup>7</sup> Ông Giu-se lên chôn cất cha.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Lan-bạch kể đó Lệ-anh,

Mà cha cũng đã hạ quan đất này ...”

<sup>32</sup> Ngập ngừng rán nói tới đây,

Rồi nằm thim thíp xuôi tay một đời.

**50**

<sup>1</sup> Thấy cha già đã tắt hơi, 3521

Du-tiếp vuốt mắt, hôn nơi mặt người.

Các con than khóc sụt sùi,

Phát tang con cháu khắp nơi trong vùng.

<sup>2</sup> Du-tiếp vùi các chuyên môn 3525

Hiệp nhau ướp xác, thuốc xông thi hài.

<sup>3</sup> Ướp, xông, đủ bốn mươi ngày,

Rồi thì tẩn liệm quan tài mộc hương.

Giếp-tô, dân được tin buồn,

Dành hơn hai tháng khóc thương người hiền.

<sup>4</sup> Du-tiếp tâu dưới bệ tiên: 3531

“Hạ thân thân phụ qui thiên trời rằng,

<sup>5</sup> Hãy đưa về đất Trà-nam,

Cho người an nghỉ nằm gần tổ tiên.

Mong ơn hoàng thượng đặc quyền, 3535

Cho thần lo lắng việc riêng của mình.

**Bản Paulus Tạc**

Lan-bạch rồi đến Lệ-anh,

Mà cha cũng đã lập tang sau này ...”

<sup>32</sup> Ngập ngừng rán nói tới đây,

Rồi nằm thim thíp ... xuôi tay một đời.

**50**

<sup>1</sup> Thấy cha già đã tắt hơi, 3521

Du-tiếp vuốt mắt, hôn nơi mặt người.

Các con than khóc sụt sùi,

Phát tang con cháu khắp nơi trong vùng.

<sup>2</sup> Du-tiếp truyền các chuyên môn 3525

Hợp nhau ướp xác, thuốc xông thi hài.

<sup>3</sup> Ướp xông đủ bốn mươi ngày,

Rồi thì tẩn liệm quan tài mộc hương.

Giếp-tô, dân được tin buồn.

Dành hơn hai tháng khóc thương người hiền.

<sup>4</sup> Du-tiếp tâu dưới bệ tiên, 3531

Hạ thân thân phụ qui thiên trời rằng:

<sup>5</sup> Hãy đưa về đất Trà-nam,

Cho người an nghỉ nằm gần tổ tiên

Mong ơn hoàng thượng đặc quyền, 3535

Cho thần lo lắng việc riêng của mình.

**Bản phục chế đề nghị**

Lan-bạch kể đó Lệ-anh,

Mà cha cũng đã hạ quan đất này ...”

Ngập ngừng rán nói tới đây,

Rồi nằm thim thíp xuôi tay một đời.

**50**

**ĐỘNG QUAN GIA-CƯỞC  
DU-TIỆP QUA ĐỜI**

Thấy cha già đã tắt hơi, 3521

Du-tiếp vuốt mắt, hôn nơi mặt người.

Các con than khóc sụt sùi,

Phát tang con cháu khắp nơi trong vùng.

Du-tiếp vùi các chuyên môn 3525

Hiệp nhau ướp xác, thuốc xông thi hài.

Ướp, xông, đủ bốn mươi ngày,

Rồi thì tẩn liệm quan tài mộc hương.

Giếp-tô, dân được tin buồn,

Dành hơn hai tháng khóc thương người hiền.

Du-tiếp tâu dưới bệ tiên: 3531

“Hạ thân thân phụ qui thiên trời rằng,

Hãy đưa về đất Trà-nam,

Cho người an nghỉ nằm gần tổ tiên.

Mong ơn hoàng thượng đặc quyền, 3535

Cho thần lo lắng việc riêng của mình.

**Bản văn Kinh thánh**

Toàn thể triều thần Pha-ra-ô, các quan lớn trong triều đình, và toàn thể kỳ mục xứ Ai-cập cùng lên với ông,<sup>8</sup> cũng như gia đình ông Giu-se, các anh em ông và gia đình cha ông. Họ chỉ để lại ở đất Gô-sen trẻ con và chiên bò của họ.<sup>9</sup> Cùng lên với ông có cả chiến xa và kỵ binh: đó là một đoàn người đông đảo.

<sup>10</sup> Khi đến Gô-ren Ha-a-tát ở bên kia sông Gio-đan, họ cử hành tang lễ lớn và rất long trọng. Ông Giu-se làm lễ chôn cất cha trong bảy ngày.<sup>11</sup> Dân bản xứ, tức là người Ca-na-an, thấy đám ma ở Gô-ren Ha-a-tát thì nói: “Đó là một đám ma long trọng của người Ai-cập.” Vì vậy người ta đặt tên cho nơi ấy là A-vên Mít-ra-gim, một nơi ở bên kia sông Gio-đan.

<sup>12</sup> Các con trai ông Gia-cóp làm cho ông như ông đã truyền cho họ.

<sup>13</sup> Các con trai ông đưa ông về đất Ca-na-an và chôn cất ông trong cái hang ở cánh đồng Mác-pê-la, cánh đồng ông Áp-ra-ham đã tậu của ông Ép-rôn, người Khét, làm miếng đất riêng dành cho phần mộ, đối diện với Mam-rê.

<sup>14</sup> Sau khi chôn cất cha, ông Giu-se trở lại Ai-cập, ông, các anh em ông và tất cả những người đã cùng lên

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Khi xong trở lại để kính,

Hết lòng phục vụ triều đình như xưa.”

<sup>6</sup> Bảy giờ được lệnh nhà vua,

Du-tiếp định lễ<sup>7</sup> tống đưa cha già.

Giếp-dân góp mặt tham gia, 3541

Có đoàn trưởng lão tang ma dự tòng.

<sup>8</sup> Họ, hàng, thân tộc theo cùng,

Diên-san vắng bóng chỉ còn trẻ con.

<sup>9</sup> Có quân hộ tống lên đường, 3545

Đám tang long trọng, địa phương chưa từng.

<sup>10</sup> Tang đoàn sau đó qua sông,

Tới nơi mộ địa, tế vong bảy ngày.

<sup>11</sup> Người dân bản xứ đó đây,

Rủ nhau coi đám ma chay khác thường.

<sup>12</sup> Anh em hoàn tất mọi đường, 3551

Như lời cha trời<sup>13</sup> hết lòng hiếu tang.

<sup>14</sup> Cùng nhau về đất Diên-san,

Du-tiếp trở lại việc quan triều đình,

<sup>15</sup> Anh em lo ngại phận mình, 3555

Cha già đã mất, đệ huynh cũng mờ.

Du-tiếp sẽ nhắc chuyện xưa,

Đem ra rửa hận, nguy to phen này.

**Bản Paulus Tạc**

Khi xong trở lại để kính

Hết lòng phục vụ triều đình như xưa.”

<sup>6</sup> Bảy giờ được lệnh nhà vua,

Du-tiếp định lễ<sup>7</sup> tống đưa cha già.

Giếp dân góp mặt tham gia, 3541

Có đoàn trưởng lão **triều ca** dự tòng.

<sup>8</sup> Họ hàng, thân tộc theo cùng,

Diên-san vắng bóng, chỉ còn trẻ con.

<sup>9</sup> Có quân hộ tống lên đường, 3545

Đám tang long trọng, địa phương chưa từng.

<sup>10</sup> Tang đoàn sau đó qua sông,

Đến nơi mộ địa tế vong bảy ngày.

<sup>11</sup> Người dân bản xứ đó đây,

**Tới coi đông đảo**, ma chay<sup>a</sup> khác thường.

<sup>12</sup> Anh em hoàn tất mọi đường, 3551

Như lời cha trời<sup>13</sup> hết lòng hiếu **thân**.

<sup>14</sup> Cùng nhau về đất Diên-san,

Du-tiếp trở lại việc quan triều đình.

<sup>15</sup> Anh em lo ngại phận mình, 3555

Cha già đã mất, đệ huynh cũng mờ.

Du-tiếp sẽ nhắc **tội** xưa,

Đem ra rửa hận, nguy to phen này.

<sup>a</sup> Ma chay: Người xưa mượn danh từ này để chỉ việc cúng tế linh đình theo phong tục người An-nam đối với kẻ chết. Thật ra đám táng của Gia-cốc (Jacob) có thể theo tang lễ long trọng của dân Ai-cập xưa.

**Bản phục chế đề nghị**

Khi xong trở lại để kính,

Hết lòng phục vụ triều đình như xưa.”

Bảy giờ được lệnh nhà vua,

Du-tiếp định lễ tống đưa cha già.

Giếp-dân góp mặt tham gia, 3541

Có đoàn trưởng lão tang ma dự tòng.

Họ, hàng, thân tộc theo cùng,

Diên-san vắng bóng, chỉ còn trẻ con.

<sup>9</sup> Có quân hộ tống lên đường, 3545

Đám tang long trọng, địa phương chưa từng.

Tang đoàn sau đó qua sông,

Tới nơi mộ địa, tế vong bảy ngày.

Người dân bản xứ đó đây,

Rủ nhau coi đám ma chay khác thường.

<sup>12</sup> Anh em hoàn tất mọi đường, 3551

Như lời cha trời hết lòng hiếu tang.

Cùng nhau về đất Diên-san,

Du-tiếp trở lại việc quan triều đình,

<sup>15</sup> Anh em lo ngại phận mình, 3555

Cha già đã mất, đệ huynh cũng mờ.

Du-tiếp sẽ nhắc chuyện xưa,

Đem ra rửa hận, nguy to phen này.

### Bản văn Kinh thánh

với ông để chôn cất cha ông.

<sup>15</sup> Các anh ông Giu-se thấy cha mình đã chết thì bảo nhau: “Không khéo Giu-se còn hận chúng ta và trả lại cho chúng ta tất cả điều ác chúng ta đã gây ra cho nó!” <sup>16</sup> Họ sai người đến nói với ông: “Cha của chú trước khi chết đã truyền rằng: <sup>17</sup> Các con hãy nói thế này với Giu-se: “Thôi! Xin con tha tội tha lỗi cho các anh con, vì họ đã gây ra điều ác cho con.” Bây giờ xin chú tha tội cho các kẻ làm tội Thiên Chúa của cha chú!” Ông Giu-se khóc, khi họ nói với ông như thế.

<sup>18</sup> Các anh ông đích thân đến cúi rạp xuống trước mặt ông và nói: “Này chúng tôi là nô lệ của chú.”

<sup>19</sup> Ông Giu-se nói với họ: “Đừng sợ! Tôi đâu có thay quyền Thiên Chúa! <sup>20</sup> Các anh đã định làm điều ác cho tôi, nhưng Thiên Chúa lại định cho nó thành điều tốt, để thực hiện điều xảy ra hôm nay, là cứu sống một dân đông đảo. <sup>21</sup> Bây giờ các anh đừng sợ, tôi sẽ cấp dưỡng cho các anh và con cái các anh.” Ông an ủi và chuyện trò thân mật với họ.

<sup>22</sup> Ông Giu-se, ông và gia đình cha ông ở bên Ai-cập. Ông Giu-se sống được một trăm mười tuổi. <sup>23</sup>

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>16</sup> Anh em bèn đến trình bày:

“Xin tha việc ác những ngày còn thơ,

<sup>17</sup> Nghĩ cha già mới xuống mồ, 3561

Anh em chém giết, Giép-tô xầm xì.

Lạy quan, hỉ xả, quên đi,

Anh em nô lệ, đền nghi ơn tha.”

Mấy lời, Du-tiếp nghe qua, 3565

Người liền kêu trách, lệ òa chứa chan.

<sup>18</sup> Anh em lập tức vẫy quanh,

Sấp mình xuống lạy, xin làm tôi quan.

<sup>19</sup> Du-tiếp liền đỡ các anh:

“Đừng làm như vậy đã đành khó coi.

<sup>20</sup> Lẽ nào em cãi ý Trời, 3571

Thiên định như thử, người đời phải theo.

<sup>21</sup> Các anh chớ sợ hiểm nghèo,

Phản em cấp dưỡng mọi điều luôn luôn.

<sup>22</sup> Ngược xuôi trên biển âm dương, 3575

Kẻ đi người tới trên đường tử sinh.

Du-tiếp sống cảnh thanh bình,

Nam-kha một giấc thấy mình già nua.

Một trăm tuổi thọ có thừa,

Được nhiều cháu chất nô đùa bên chân.

### Bản Paulus Tạc

<sup>16</sup> Anh em bèn đến trình bày,

Xin tha việc ác những ngày còn thơ.

<sup>17</sup> Nghĩ cha già mới xuống mồ, 3561

Anh em chém giết, Giép-tô xầm xì.

Lạy quan hỉ xả, quên đi,

Chúng tôi nô lệ đền nghi ơn tha.

Mấy lời **Du-tiếp** nghe qua, 3565

Người liền kêu trách, lệ òa chứa chan.

<sup>18</sup> Anh em lập tức vẫy quanh,

Sấp mình xuống lạy, xin làm tôi quan.

<sup>19</sup> **Du-tiếp** liền đỡ các anh:

Đừng làm như vậy, đã đành khó coi.

<sup>20</sup> Lẽ nào em cãi ý Trời, 3571

Thiên **hành** như thử, <sup>a</sup> người đời phải theo.

<sup>21</sup> Các anh chớ sợ hiểm nghèo,

Phản em cấp dưỡng mọi điều luôn luôn.

<sup>22</sup> “Ngược xuôi trên biển âm dương,<sup>b</sup> 3575

Kẻ đi người tới **theo** đường tử sinh.

**Du-tiếp** sống cảnh thanh bình,

Nam kha một giấc thấy mình già nua.

Trăm một tuổi thọ có thừa,

Được nhiều cháu chất nô đùa bên chân.

### Bản phục chế đề nghị

Anh em bèn đến trình bày:

“Xin tha việc ác những ngày còn thơ,

<sup>17</sup> Nghĩ cha già mới xuống mồ, 3561

Anh em chém giết, Giép-tô xầm xì.

Lạy quan, hỉ xả, quên đi,

Anh em nô lệ, đền nghi ơn tha.”

Mấy lời, Du-tiếp nghe qua, 3565

Người liền kêu trách, lệ òa chứa chan.

<sup>18</sup> Anh em lập tức vẫy quanh,

Sấp mình xuống lạy, xin làm tôi quan.

<sup>19</sup> Du-tiếp liền đỡ các anh:

“Đừng làm như vậy đã đành khó coi.

<sup>20</sup> Lẽ nào em cãi ý Trời, 3571

Thiên định như thử, người đời phải theo.

Các anh chớ sợ hiểm nghèo,

Phản em cấp dưỡng mọi điều luôn luôn.

<sup>22</sup> Ngược xuôi trên biển âm dương, 3575

Kẻ đi người tới trên đường tử sinh.

Du-tiếp sống cảnh thanh bình,

Nam-kha một giấc thấy mình già nua.

Một trăm tuổi thọ có thừa,

Được nhiều cháu chất nô đùa bên chân.

<sup>a</sup> Trời làm như vậy, người cãi được nào, thiên số nan đảo, phải tri thiên mạng, đừng đem lòng oán, mà phải khổ thân...(Bài về cố)

<sup>b</sup> Cõi đời này. Cuộc sống trần gian.

**Bản văn Kinh thánh**

Ông được thấy con cháu của Ép-ra-im đến ba đời. Cả các con của Ma-khia -ông này là con của Mơ-na-se-, cũng sinh ra trên đầu gối ông Giu-se. <sup>24</sup> Ông Giu-se nói với các anh em: “Tôi sắp chết, nhưng thế nào Thiên Chúa cũng sẽ viếng thăm anh em và đưa anh em từ đất này lên đất mà Người đã thề hứa với ông Áp-ra-ham, ông I-xa-ác và ông Gia-cóp.” <sup>25</sup> Ông Giu-se bắt con cái Ít-ra-en thề, ông nói: “Thế nào Thiên Chúa cũng sẽ viếng thăm anh em, bấy giờ anh em sẽ đưa hài cốt tôi lên khỏi đây.”

<sup>26</sup> Ông Giu-se qua đời, thọ một trăm mười tuổi. Người ta ướp xác ông và đặt ông vào một quan tài ở Ai-cập.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>23</sup> Một hôm mời hết mấy anh, 3581

Du-tiếp nhắc lại on lành Trời ban,

Kể từ tổ phụ Bá-lâm,

Đến đời Y-giác và thân phụ mình,

Hứa cho vùng đất cư sinh, 3585

Trà-nam muôn thuở trở thành cỏ hương.

Dầu nay xa cách đôi đường.

Có ngày Trời sẽ ban on trở về.

<sup>24</sup> Các anh hãy giữ lời thề,

Khi em nhắm mắt giữ di hài này,

Khi nào Trời dạy bỏ đây, 3591

Đem về đất tổ ngày này biết ân.

Đòi người trong kiếp trăm năm,

Làm sao sánh được thời gian của Trời,

<sup>25</sup> Du-tiếp sau đó qua đời, 3595

Một trăm mười tuổi, theo lời trời trăng.

Cháu con ướp xác tạm quàn,

Chờ ngày Thượng đế dắt dân trở về.

**Bản Paulus Tọa**

<sup>23</sup> Một hôm mời hết mấy anh, 3581

Du-tiếp nhắc lại on lành Trời ban.

Kể từ tổ phụ Bá-lâm,

Đến đời I-giác và thân phụ mình<sup>a</sup>

Hứa cho vùng đất cư sinh, 3585

Trà-nam muôn thuở trở thành cỏ hương.

Dầu nay xa cách đôi đường,

Ngày sau Trời sẽ ban on trở về.<sup>b</sup>

<sup>24</sup> Các anh hãy giữ lời thề,

Khi em nhắm mắt, **nhớ** di hài này,

Khi nào Trời dạy bỏ đây,<sup>c</sup> 3591

Đem về đất tổ, ngày rày biết ân.

Đòi người trong kiếp trăm năm,

Làm sao sánh được thời gian của Trời.

<sup>25</sup> Du-tiếp sau đó qua đời, 3595

Một trăm mười tuổi, theo lời trời trăng.

Cháu con ướp xác tạm quàn,

Chờ ngày Thượng đế **gọi** dân trở về.

**Bản phục chế đề nghị**

Một hôm mời hết mấy anh, 3581

Du-tiếp nhắc lại on lành Trời ban,

Kể từ tổ phụ Bá-lâm,

Đến đời Y-giác và thân phụ mình,

Hứa cho vùng đất cư sinh, 3585

Trà-nam muôn thuở trở thành cỏ hương.

Dầu nay xa cách đôi đường.

Có ngày Trời sẽ ban on trở về.

Các anh hãy giữ lời thề,

Khi em nhắm mắt, giữ di hài này,

Khi nào Trời dạy bỏ đây, 3591

Đem về đất tổ ngày này biết ân.

Đòi người trong kiếp trăm năm,

Làm sao sánh được thời gian của Trời,

Du-tiếp sau đó qua đời, 3595

Một trăm mười tuổi, theo lời trời trăng.

Cháu con ướp xác tạm quàn,

Chờ ngày Thượng đế dắt dân trở về.

<sup>a</sup> Nhắc lại lời Thiên Chúa đã hứa từ đời Abraham, đời Isaac và đến đời Jacob nhiều lần.

<sup>b</sup> Việc trở về này đã ghi trong Kinh thánh, quyển Exodus, ngày xưa thấy cả Lũ-y Doan soạn sách Truyền ca, gọi là Lập quốc kinh (quyển II).

<sup>c</sup> Đọc lại đoạn 46 câu số 4 (St 45,4), Thiên Chúa dạy Gia-cước (Jacob) di tản qua E-giêp-tô (Ai-cập) và đã hứa sẽ đem trở lại. Đọc lại đoạn XV câu 13-14 (St 15,13-14) Thiên Chúa cho Bá-lâm (Abraham) thấy trước con cháu ông sẽ di tản ra ngoại quốc và hứa sẽ đem trở về.

## LỜI KẾT

Tích xưa cho thấy vấn đề:  
 Sự đời, sự đạo đi kề bên nhau,  
 Đời thì danh lợi xôn xao,  
 Đạo thì trầm lặng để cầu ý ngay.  
 Thế gian phải có một ngày,  
 Hầu coi thắng lợi về tay ông Trời.<sup>a</sup>

Lữ Y Đoan

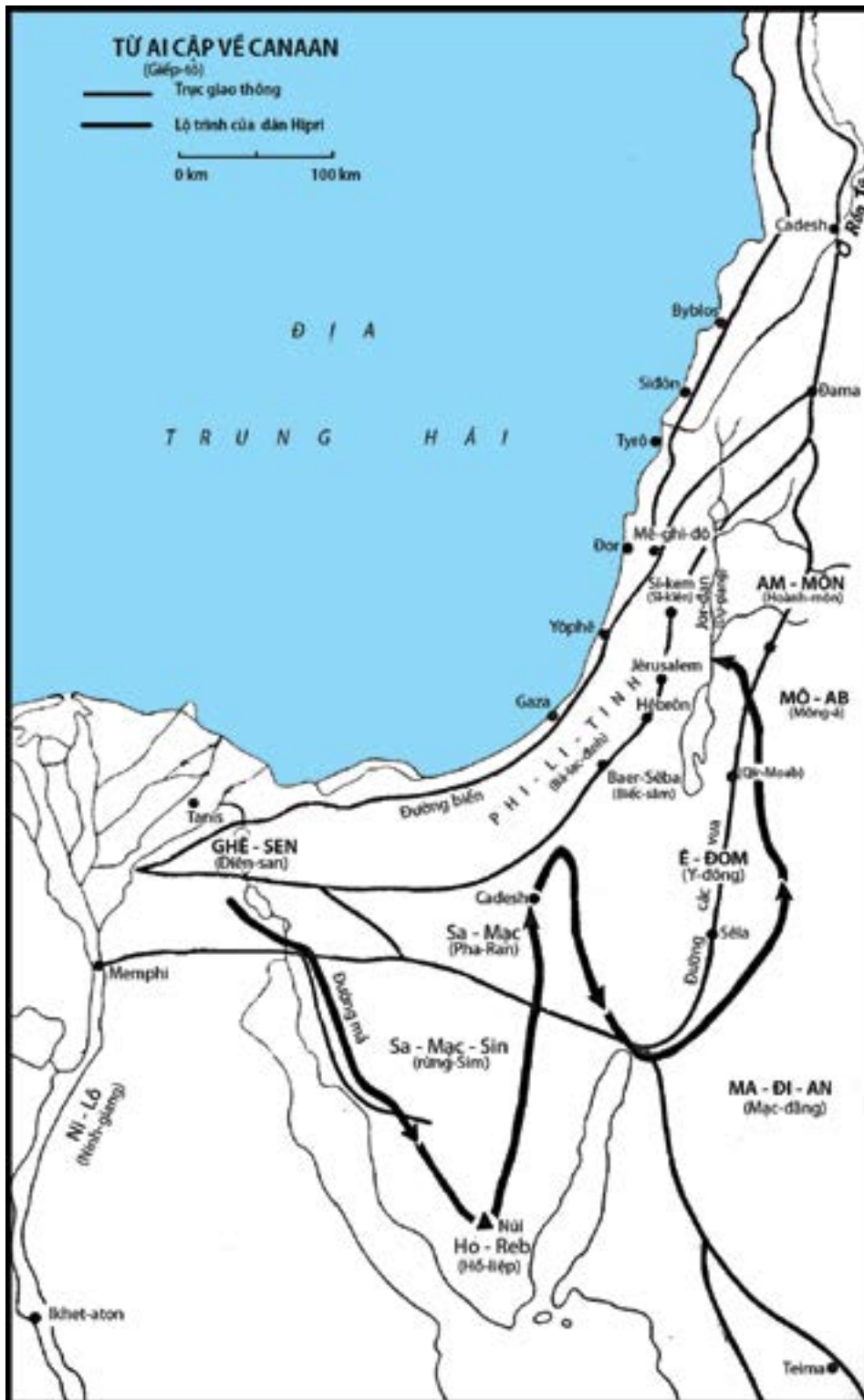
## TIẾT MỤC

- Đoạn 1: Khai sáng càn khôn, tác thành vũ trụ
- Đoạn 2: Phát đoan phu phụ, lập cảnh Ê-đen
- Đoạn 3: Tội nhập thế gian, gây nên cơ cực
- Đoạn 4: Mở màn cuộc sống, huynh đệ tương tàn
- Đoạn 5: Nòi giống A-dong tràn lan mặt đất
- Đoạn 6: Đạo tâm đã mất, nhân dục nào thiên
- Đoạn 7: Hồng thủy thao thiên, muôn loài hủy diệt
- Đoạn 8: No-e khỏi chết, thành lập tế đàn
- Đoạn 9: Thượng đế giao hòa - Cam, Kha bắt hiểu
- Đoạn 10: Ba dòng nhân loại - tâm, trí, dục, khai
- Đoạn 11: Ba-bên tháp cao, bất đồng ngôn ngữ
- Đoạn 12: Áp-ram thiên triều, Giêp-địa tạm cư
- Đoạn 13: Địa lợi bất hòa, Lộc-công tách bước
- Đoạn 14: Áp-ram cứu cháu, Minh-điệp chúc lành
- Đoạn 15: Dân trong các dân, tay Trời thành lập
- Đoạn 16: Bôn chôn hào tử, xuất hiện Úc-miên
- Đoạn 17: Lập phép cắt bì, cây khô mọc mầm
- Đoạn 18: Thiên cơ tiết lộ, hỏa diệt Sô-đông
- Đoạn 19: Lửa cháy dân thành, gốc hai dân tộc
- Đoạn 20: Bạo quyền Mã-liệt, lòng đạo Ra-ham
- Đoạn 21: Xua đuổi Úc-miên, tiệc mừng I-giác
- Đoạn 22: Dem con hiến tế, dòng dõi Nã-khôi

<sup>a</sup>Người xưa nhìn vào Kinh thánh, theo quan niệm mùu sự tại nhân và thành sự tại thiên, nên đã hạ bút kết luận quyền Tào đoan kinh (Genesis) một câu như thế.



- Đoạn 23: Sa-ra qua đời, Ra-ham dựng mộ  
Đoạn 24: Nhờ tay lão bộc Lan-bạch hợp duyên  
Đoạn 25: Một cặp song thai: Án-giao, Gia-cước  
Đoạn 26: Trời cao giao ước, Mã-liệt tương thân  
Đoạn 27: Mưu đoạt lời lành, Án-giao công phần  
Đoạn 28: Mạch-tam ẩn lánh, Trời báo mộng lành  
Đoạn 29: Gặp cậu Lã-bàng, tình em duyên chị  
Đoạn 30: Một sân hòe quế, sản nghiệp dư đầy  
Đoạn 31: Lánh mặt nhạc gia, lấy hòa thay hận  
Đoạn 32: Dò lòng anh cả, vật lộn ngoài trời  
Đoạn 33: Gia-cước hết lòng, Án-giao vui dạ  
Đoạn 34: Thủy-nga lâm họa, tàn sát Sĩ-kiêm  
Đoạn 35: Tế lễ Bửu-tiên, La-cương lia thế  
Đoạn 36: Sinh cơ lập nghiệp, dòng dõi Án-giao  
Đoạn 37: Cốt nhục tương tàn, bắt em đem bán  
Đoạn 38: Thanh-mai đốt sóng, kỳ lạ song thai  
Đoạn 39: Bể mặt hồ ly, tuổi xanh lâm nạn  
Đoạn 40: Thử tài đoán mộng, điểm ứng ngục trung  
Đoạn 41: Vương mộng khai thông, đăng quang Du-tiếp  
Đoạn 42: Thát mùa đại nạn, cầu thực Giép-tô  
Đoạn 43: Huỳnh đệ cầu lương, Biên-mân chung bước  
Đoạn 44: Tốc hành truy nã, xét bắt Biên-mân  
Đoạn 45: Du-tiếp hài danh, Trà-nam hỉ tín  
Đoạn 46: Gia-đình di tán, danh sách chính tông  
Đoạn 47: Bệ kiến Pha-rao, kinh tài cải thiện  
Đoạn 48: Ấm-liêm, Mạnh Đạt: ông nội chúc lành  
Đoạn 49: Gia-cước dự ngôn, đến cầu qua kiếp  
Đoạn 50: Động quan Gia-cước, Du-tiếp qua đời



## QUYỂN II LẬP QUỐC KINH

# SẤM TRUYỀN CA CỦA THẦY CẢ LỮ-Y ĐOAN, ĐỊA PHẬN ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVII QUYỂN II LẬP QUỐC KINH

## VÀO ĐỀ

Xưa nay diễn biến trò đời, 001  
Đồ vương tranh bá, bao người máu xương.  
Một dân dựng nước khác thường,  
Bàn tay Thượng-đế lo lường trước sau,  
Giếp-tô quyền lực Phan-trào, 005  
Muôn binh hùng dũng, đất giàu dân đông.  
Yết-ling<sup>a</sup> đứng dậy tay không,  
Phá xiềng nô lệ về cùng Trà-nam<sup>b</sup>

1

1

<sup>1</sup> Sau đây là tên những con cái Ít-ra-en đã đến Ai-cập với ông Gia-cóp, mỗi người đem theo gia đình mình: <sup>2</sup> Rư-u-vên, Si-mê-ôn, Lê-vi và Giu-đa, <sup>3</sup> Ít-xa-kha, Dơ-vu-lun và Ben-gia-min, <sup>4</sup> Đan và Náp-ta-li, Gát và A-se. <sup>5</sup> Dòng giống ông Gia-cóp tính tất cả là bảy mươi người; ông Giu-se thì đang ở bên Ai-cập. <sup>6</sup> Rồi ông Giu-se qua đời, cũng như anh em ông và tất cả thế hệ

<sup>1</sup> Cách đây độ bốn trăm năm<sup>c</sup>  
Cả nhà Gia-cước bởi lâm cơ hàn,  
Tha phương cầu thực Diên-San,<sup>d</sup> 011  
Địa đầu nước Giếp, một đàn bảy mươi.<sup>e</sup>  
<sup>2</sup> Vợ con, đầy tớ mỗi người,  
Các bầy súc vật đồng thời dắc sang.

<sup>a</sup> Yết Ling (Israel).

<sup>b</sup> Trà Nam (Chanaan).

<sup>c</sup> Coi lại Tào đoan kinh, đoạn 45, câu 13-17.

<sup>d</sup> Diên San: Gessen.

<sup>e</sup> Coi lại Tào đoạn kinh, đoạn 47.

đó. <sup>7</sup> Con cái Ít-ra-en sinh sôi nảy nở, nên đông đúc và ngày càng hùng mạnh: họ lan tràn khắp xứ. <sup>8</sup> Thời ấy có một vua mới lên trị vì nước Ai-cập, vua này không biết ông Giu-se. <sup>9</sup> Vua nói với dân mình: “Này đám dân con cái Ít-ra-en đông đúc và hùng mạnh hơn chúng ta. <sup>10</sup> Chúng ta hãy dùng những biện pháp khôn ngoan đối với dân đó, đừng để chúng nên đông đúc, kẻo khi có chiến tranh, chúng hòa với địch mà đánh lại chúng ta, rồi ra khỏi xứ.” <sup>11</sup> Người ta bèn đặt lên đầu lên cổ họ những viên đóc công, để hành hạ họ bằng những việc khổ sai; họ phải xây cho Pha-ra-ô các thành làm kho lương thực là Pi-thôm và Ram-xết. <sup>12</sup> Nhưng chúng càng hành hạ họ, thì họ càng nên đông đúc và lan tràn, khiến chúng đâm ra sợ con cái Ít-ra-en. <sup>13</sup> Người Ai-cập cưỡng bách con cái Ít-ra-en lao động cực nhọc. <sup>14</sup> Chúng làm cho đời sống họ ra cay đắng vì phải lao động cực nhọc: phải trộn hồ làm gạch, phải làm đủ thứ công việc đồng áng; tóm lại, tất cả những việc lao động cực nhọc, chúng đều cưỡng bách họ làm. <sup>15</sup> Vua Ai-cập nói với những bà đỡ đi giúp sản phụ Híp-ri, một bà tên là Síp-ra, một bà tên là Pu-a: <sup>16</sup> “Khi đỡ cho sản phụ Híp-ri, các người hãy xem đứa trẻ là trai hay gái. Nếu là trai thì giết đi, nếu là gái thì để cho sống.” <sup>17</sup> Nhưng các

<sup>3</sup> Lữ-bình, Dư-đạc, Niếp-tăng, 015  
<sup>4</sup> Yết-kha, Cát-đại, Cơ-đăng, Sừ-mông.<sup>a</sup>  
<sup>5</sup> Ái-xang, Lê-vị, Da-buông,  
Biền-mân tập hậu đỡ nâng cha già.  
<sup>6</sup> Dần dần tháng lại ngày qua,  
Cháu con, sản nghiệp trên đà sinh sôi,  
<sup>7</sup> Yết-ling dân trí xây đời, 021  
Bá ban cơ xảo hơn người gần xa.  
Luật Trời mắng thế tre già,  
Trăm năm như nước chảy qua dưới cầu.  
Ngai vàng lên xuống mấy trào, 025  
Phan-vương lớp cũ thay nhau xuống mồ.  
<sup>8</sup> Phan-vương kế nghiệp bây giờ,  
Công lao Du-tiếp như tờ giấy ma.  
<sup>9</sup> Một hôm nội các bàn qua,  
Yết-ling chủng tộc tăng gia đủ ngành  
<sup>10</sup> Sợ e khi có chiến tranh, 031  
Chúng theo phe địch đập càng biên cương.  
<sup>11</sup> Triều đình xuống lệnh khẩn trương,  
Đặt thêm công việc đắp đường, khai kinh.  
Cát kho, dựng lẫm, xây thành, 035  
Binh-thôn<sup>b</sup>, Lâm-mạch<sup>c</sup>, kinh doanh vương triều.  
<sup>12</sup> Càng tăng lao nhọc bao nhiêu,  
Yết-ling chủng tộc càng nhiều thịnh hưng.  
<sup>13</sup> Giếp dân càng ghét quá chừng,  
Bao nhiêu hà khắc tập trung đổ dầu.  
<sup>14</sup> Thẳng tay cưỡng bách công khâu, 041  
Đêm ngày nung gạch, dãi dầu nắng mưa.

<sup>a</sup> Tên các con trai Gia-cước.

<sup>b</sup> Binh-thôn, là ngữ Pithom,

<sup>c</sup> Lâm-mạch, là ngữ Ramesses, hai thành phố lớn nước Giếp, nhà vua bắt dân Yết đem hết sức lực xây dựng ngày đêm theo kế hoạch độc ác dã man.

### Bản văn Kinh thánh

bà đỡ có lòng kính sợ Thiên Chúa, nên không làm như vua Ai-cập đã truyền, và cứ để cho con trai sống.<sup>18</sup> Vua Ai-cập bèn gọi các bà đỡ đến và hỏi: “Tại sao các người làm thế và cứ để cho con trai sống?”<sup>19</sup> Các bà đỡ thưa với Pha-ra-ô: “Đàn bà Híp-ri không như đàn bà Ai-cập, họ khoẻ lắm: bà đỡ chưa kịp đến thì họ đã sinh rồi.”<sup>20</sup> Thiên Chúa ban ơn lành cho các bà đỡ; còn dân thì trở nên đông đúc và rất hùng mạnh.<sup>21</sup> Vậy, vì các bà đỡ có lòng kính sợ Thiên Chúa, nên Người đã cho họ có con để nối dòng.<sup>22</sup> Pha-ra-ô ra lệnh cho toàn dân của mình: “Mọi con trai Híp-ri sinh ra, hãy ném xuống sông Nin; mọi con gái thì để cho sống.”

## 2

<sup>1</sup> Có một người thuộc dòng họ Lê-vi đi lấy một người con gái cũng thuộc họ Lê-vi.<sup>2</sup> Người đàn bà ấy thụ thai và sinh một con trai. Thấy đứa bé khác khĩnh, nàng giấu nó ba tháng trời.<sup>3</sup> Khi không thể giấu lâu hơn được nữa, nàng lấy một cái thúng cói, trét hắc ín và nhựa chai, bỏ đứa bé vào, rồi đặt thúng trong đám sậy ở bờ sông Nin.<sup>4</sup> Chị

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>15</sup> Mẹ bà được lệnh nhà vua,  
<sup>16</sup> Sinh trai bốp mũi, chỉ chừa gái thôi.  
<sup>17</sup> Tuy nhiên mẹ sợ phép Trời, **045**  
Không thi hành lệnh, <sup>18</sup> vua vờ phán tra:  
“Tại sao chẳng cứ lệnh ra,  
Gặp trai chẳng giết buông tha thế này?”  
<sup>19</sup> Tàu rằng: “Phụ nữ họ tài,  
Đề không cần mẹ, tự tay bảo toàn.”  
<sup>20</sup> Thường công mẹ chẳng sát sanh, **051**  
Trời ban lộc, thọ, phúc lành thậm đa.  
Yết dân khang kiện tăng gia,  
<sup>21</sup> Các mẹ sức khoẻ cửa nhà vững an.<sup>a</sup>  
Phan-vương nghiêm lệnh ban hành: **055**  
“Con trai dân Yết sơ sanh khắp vùng,  
Nhứt tề đem ném xuống sông,  
Cho quân khám xét ngoài trong kỹ càng.”

## 2

<sup>1</sup> Nơi nơi tử khí đằng đằng  
Giếp-tô bọn lính dã man xét ruộng.  
Bấy giờ có cặp vợ chồng **061**  
Thuộc dòng Lê-vi, sinh con cuối lòng.  
<sup>2</sup> Ấu nhi tuần tú hình dong,  
Ấn nương ba tháng, ẵm bồng dưỡng nuôi.  
<sup>3</sup> Nhắm không thể giữ nổi rồi, **065**  
Đặt trong thúng nhỏ thả trôi bên bờ.  
<sup>4</sup> Dẫn con chị đứng thăm dò,  
<sup>5</sup> Đàng kia công chúa bất ngờ tắm sông,

<sup>a</sup> Các bà mẹ vì sợ Thiên Chúa không dám làm hại trẻ sơ sinh, nên được phần thưởng khi ở đời này.

### Bản văn Kinh thánh

đưa bé đứng đàng xa để xem cho biết cái gì sẽ xảy ra cho em nó.<sup>5</sup> Có nàng công chúa của Pha-ra-ô xuống tắm dưới sông, trong khi các thị nữ đi đi lại lại trên bờ. Nàng thấy chiếc thúng ở giữa đám sậy, thì sai con hầu đi lấy.<sup>6</sup> Mở thúng ra, nàng thấy đứa trẻ: thì ra là một bé trai đang khóc. Nàng động lòng thương nó và nói: “Thằng này là một trong những đứa trẻ Híp-ri.”<sup>7</sup> Chị đưa bé thừa với công chúa của Pha-ra-ô: “Bà có muốn con đi gọi cho bà một vú nuôi người Híp-ri, để nuôi đứa bé cho bà không?”<sup>8</sup> Công chúa của Pha-ra-ô trả lời: “Cứ đi đi!” Người con gái liền đi gọi mẹ đứa bé.<sup>9</sup> Công chúa của Pha-ra-ô bảo bà ấy: “Chị đem đứa bé này về nuôi cho tôi. Chính tôi sẽ trả công cho chị. “Người đàn bà mang ngay đứa bé về nuôi.<sup>10</sup> Khi đứa bé lớn lên, bà đưa nó đến cho công chúa của Pha-ra-ô. Nàng coi nó như con và đặt tên là Mô-sê; nàng nói: “Đó là vì ta đã vớt nó lên khỏi nước.”<sup>11</sup> Hồi đó, ông Mô-sê đã lớn, ông ra ngoài thăm anh em đồng bào

### Bản Nguyễn Văn Nạn

Nữ hầu bảo vệ giáp vòng,  
Bỗng nghe đứa trẻ khóc trong bụi gòn.  
Nữ hầu tìm gặp thúng nan, **071**  
<sup>6</sup> Vớt lên thấy một trẻ nam tốt lành.  
Biết là con nít Yết-linh,  
Công nương thương hại... tội tình chi đây!  
Bấy giờ con chị tỏ bày: **075**  
“Cháu tìm một kẻ có tài nuôi con.  
Nếu cô muốn trẻ sống còn...”  
<sup>8</sup> Công nương đồng ý, là xong vấn đề.  
Có người thiếu phụ đến kể,  
<sup>9</sup> Công nương giao trẻ ẵm về dưỡng nuôi.  
Tiền nong cung cấp kịp thời, **081**  
Lớn khôn gọi trả về nơi trào dâng.  
<sup>10</sup> Thế là mẹ ruột mừng thầm,  
Đóng vai nhũ mẫu ân cần chăm nom.  
Đặt tên cho trẻ Mao-tôn<sup>a</sup> **085**  
Nghĩa là “được vớt khỏi dòng sông xanh”.  
<sup>11</sup> Lớn khôn về với triều đình.  
Công nương lo lắng học hành đủ khoa.  
Ấu thời nhờ núp mẹ cha.  
Hiểu nguồn dân tộc, xót xa đồng bào.  
Trưởng thành thấy kiếp ngựa trâu, **091**  
Yết dân phải chịu mà đau nỗi lòng.  
Ngày kia quan sát công trường.  
Thấy thằng Giếp tộc đã thương đồng bào.  
<sup>12</sup> Mao-tôn nhẩy tới vịn hầu, **095**  
Vùi thây dưới cát, ai nào dám ngăn!  
<sup>13</sup> Có lần bách bộ ngoài đàng,  
Thấy hai người Yết hằm hằm đánh nhau.

<sup>a</sup> Mao-tôn là ngữ Moyses, có nghĩa là kẻ được vớt khỏi chết đuối.

**Bản văn Kinh thánh**

và thấy những việc khổ sai họ phải làm. Ông thấy một người Ai-cập đang đánh một người Híp-ri, anh em đồng bào của ông. <sup>12</sup> Nhìn trước nhìn sau không thấy có ai, ông liền giết người Ai-cập, rồi vùi dưới cát. <sup>13</sup> Hôm sau, ông lại đi ra, gặp hai người Híp-ri đang xô xát nhau, ông nói với người có lỗi: “Tại sao anh lại đánh người đồng chủng?” <sup>14</sup> Người đó trả lời: “Ai đã đặt ông lên làm người lãnh đạo và xét xử chúng tôi? Hay là ông tính giết tôi như đã giết tên Ai-cập?” Ông Mô-sê phát sợ và tự bảo: “Vậy ra người ta đã biết chuyện rồi!” <sup>15</sup> Nghe biết chuyện này, Pha-ra-ô tìm cách giết ông Mô-sê. Ông Mô-sê liền đi trốn Pha-ra-ô và ở lại miền Ma-đi-an. Ông ngồi bên bờ giếng.

<sup>16</sup> Thầy tư tế Ma-đi-an có bảy người con gái. Các cô đến múc nước và đổ đầy máng cho chiên của cha mình uống. <sup>17</sup> Bấy giờ, có những người chăn chiên đến và đuổi các cô đi. Ông Mô-sê liền đứng lên bênh vực các cô và cho chiên uống. <sup>18</sup> Các cô về với cha là ông Rơ-u-ên. Ông hỏi: “Sao

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Mao-tôn khuyên giải trước sau,  
 Miễn ưu chi nhĩn, <sup>a</sup> nêu cao chữ hoà.  
 Họ rằng: “ai dám dạy ta, **101**  
 Chú là võ tướng hay là văn quan?  
 Giúp dân bẻ cổ một thằng,  
 Bữa nay kiếm chuyện để hành hung ai?  
 Mao-tôn nghe nói, thờ dài, **105**  
 Thế là đổ bể, việc này ắt nguy.  
 Nhà vua kể đó cáo tri,  
 Mao-tôn tâm nã bởi vì sát nhân.  
 Chàng trai vợ vã lánh thân.  
 Đang đêm nhắm hướng, Mã-dăng <sup>b</sup> bằng đương.  
 Bóng chiều đã xế, nghỉ chon, **111**  
 Gần bên giếng nước lòng đương tư vò.  
<sup>16</sup> Một đoàn thiếu nữ, bầy cô,  
 Xúm nhau múc nước đổ vô máng đầy.  
 Đoạn lùa súc vật tới đây, **115**  
 Để cho uống nước mỗi ngày đã quen.  
<sup>17</sup> Bất ngờ một lũ chăn chiên,  
 Côn đồ ra mặt, giành quyền ưu tiên.  
 Các cô phận gái yếu mềm,  
 Chúng bèn xua đuổi lại thêm hỗn hào.  
 Mao-tôn bênh vực, xen vào. **121**  
 Bọn kia vỡ mặt, cầm đầu rút lui.  
 Các bầy uống nước xong xuôi.  
 Bầy cô lùa vật nói đuôi về nhà.  
<sup>18</sup> Ngạc nhiên, thân phụ hỏi qua: **125**  
 “Sao nay về sớm cho cha biết nào?”

<sup>a</sup> Do câu nói: ... nhĩn nhĩn nhất thời chi nộ, miễn miễn bá nhựt chi ưu.  
<sup>b</sup> Mã-dăng, là ngữ Madium, một miễn trừ phú do một người con của Bá-lâm, sinh bởi vợ sau là Cethura chiếm cư và lần lần lập thành một dân đông. Có khi gọi Mã-diễn.

**Bản văn Kinh thánh**

hôm nay các con về sớm thế?”  
<sup>19</sup> Các cô thưa: “Có một người Ai-cập đã cứu chúng con khỏi tay bọn chăn chiên, lại còn múc nước giùm chúng con và cho chiên uống nữa.” <sup>20</sup> Người cha hỏi các con: “Thế người đó đâu rồi? Sao lại bỏ người ta ở đấy? Mời người ta đến dùng bữa đi!” <sup>21</sup> Ông Mô-sê bằng lòng ở lại với thầy tư tế, và ông này gả con gái là Xíp-pô-ra cho ông. <sup>22</sup> Nàng sinh một con trai và ông đặt tên cho nó là Ghéc-sôm, vì ông nói: “Tôi là ngoại kiều nơi đất khách quê người.”  
<sup>23</sup> Sau những năm dài ấy, vua Ai-cập qua đời. Con cái Ít-ra-en rên siết trong cảnh nô lệ. Họ ta thán, và tiếng họ kêu từ cảnh nô lệ đã thấu tới Thiên Chúa. <sup>24</sup> Thiên Chúa đã nghe tiếng họ than van và Thiên Chúa nhớ lại giao ước của Người với các tổ phụ Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp. <sup>25</sup> Thiên Chúa đã nhìn thấy con cái Ít-ra-en và Thiên Chúa đã biết ...

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>19</sup> Có người dân Giép <sup>a</sup> anh hào.  
 Giúp con xách nước, đập nhào du côn.”  
<sup>20</sup> Các con sao chẳng biết ơn,  
 Để người nghĩa hiệp đi luôn, vô tình.  
 Hãy mời người đến nhà mình, **131**  
 Dùng cơm một bữa, hành trình để mai.  
 Chủ nhà, thủ lãnh vùng này,  
 Quý danh Diên-trọng, <sup>b</sup> là thầy lễ nghi.  
 Mã-diễn dân chúng yêu vì, **135**  
 Kính thờ Thượng đế, sinh chi hiếu hoà  
<sup>21</sup> Mao-tôn được thỉnh vào nhà,  
 Bữa cơm thân mật, kể qua cuộc đời.  
 Diên-trọng sau đó, khuyên mời  
 Chàng trai lưu lại, đồng thời gả con.  
 Túc là trường nữ Sa-phương <sup>c</sup> **141**  
 Nhạc gia giúp đỡ, lo lường, tương lai.  
 Mao-tôn theo nghiệp chăn bầy  
 Trong ngoài xếp đặt, không nài công lao.  
<sup>22</sup> Cản cù qua mấy năm sau. **145**  
 Được hai nam tử bảnh bao hình hài.  
 Đưa em tên gọi Lu-tài <sup>d</sup>  
 Nghĩa như “Chúa cứu khỏi tay bạo quyền”.  
 Đầu lòng, Giám-trạch, <sup>e</sup> gọi tên,  
 Nghĩa như “Kiều ngụ tạm yên xứ người”.  
<sup>23</sup> Mao-tôn chất nặng tuổi đời, **151**  
 Đường như quên lãng vùng trời Giép-tô.  
 Vua sau, hà chính qui mô,  
 Yết-linh rên tiếc bên mồ chưa chôn.  
<sup>24</sup> Kêu van Thượng đế chí tôn, **155**  
 Nhân danh tổ phụ đủ lòng cứu nguy.

<sup>a</sup> Các cô gái làm tường Mao-tôn là dân Ê-giép-tô, một chàng trai hào hiệp qua đường thấy chuyện bất bình, ra tay tế độ, không ngờ người đó là dân tộc Yết-linh.  
<sup>b</sup> Diên trọng, là ngữ Jethro, tiểu vương đồng thời cũng là giáo chủ dân Mã-diễn( Madian, Mã-dăng).  
<sup>c</sup> Sa-phương, là ngữ Sephora, con gái đầu lòng của Diên-trọng.  
<sup>d</sup> Lu-tài, là ngữ Elieser, con út của Mao-tôn.  
<sup>e</sup> Giám trạch, là ngữ Gersam, con đầu lòng của Mao-tôn.

3

<sup>1</sup> Bấy giờ ông Mô-sê đang chặn chiến cho bố vợ là Gít-rô, tư tế Ma-đi-an. Ông dẫn đàn chiến qua bên kia sa mạc, đến núi của Thiên Chúa, là núi Khô-rép. <sup>2</sup> Thiên sứ của Đức Chúa hiện ra với ông trong đám lửa từ giữa bụi cây. Ông Mô-sê nhìn thì thấy bụi cây cháy bừng, nhưng bụi cây không bị thiêu rụi. <sup>3</sup> Ông tự bảo: “Mình phải lại xem cảnh tượng kỳ lạ này mới được: vì sao bụi cây lại không cháy rụi?” <sup>4</sup> Đức Chúa thấy ông lại xem, thì từ giữa bụi cây Thiên Chúa gọi ông: “Mô-sê! Mô-sê!” Ông thưa: “Dạ, tôi đây!” <sup>5</sup> Người phán: “Chớ lại gần! Cởi dép ở chân ra, vì nơi ngươi đang đứng là đất thánh.” <sup>6</sup> Người lại phán: “Ta là Thiên Chúa của cha ngươi, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp.” Ông Mô-sê che mặt đi, vì sợ nhìn phải Thiên Chúa. <sup>7</sup> Đức Chúa phán: “Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai-cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết các nỗi đau khổ của chúng. <sup>8</sup> Ta xuống giải thoát chúng khỏi tay người Ai-cập, và đưa chúng từ đất ấy lên một miền đất tốt tươi, rộng lớn, miền đất tràn trề sữa và mật, xứ sở của người Ca-na-an, Khét, E-mô-ri, Pơ-rít-di, Khi-vi và

Mở màn giải phóng, dân qui đất lành.

3

<sup>1</sup> Mao-tôn thường bữa đi chăn,  
 Quang vùng Hồ-liệp<sup>a</sup> thiên san trùng trùng.  
<sup>2</sup> Một hôm thấy lửa bùng bùng, 161  
 Ngọn to bốc cháy bao trùm bụi gai.  
 Lá xanh chẳng chút tàn phai,  
<sup>3</sup> Ngạc nhiên kỳ lạ, thế này phải xem.  
<sup>4</sup> “Mao-tôn, ngươi hãy đứng yên” 165  
 Tiếng trong giữa lửa oai nghiêm phi thường.  
<sup>5</sup> “Lột giày ra khỏi hai chơn,  
 Vì đây thánh địa, nhớ đừng bước qua”.  
 Mao-tôn bèn cất hài ra,  
 Gối qui đối diện lửa loà ánh quang.  
<sup>6</sup> “Trời là Thiên Chúa Bá-lâm, 171  
 Y-giác, Gia-cước, quyền năng đời đời”.  
 Mao-tôn nghe tiếng rưng rờ,  
 Láy khăn che mặt đồng thời lắng nghe:  
<sup>7</sup> “Yết-ling dân khổ nặng nề, 175  
 Tiếng kêu dậy đất nhiều bề gian truân,  
<sup>8</sup> Giép-tô đàn áp bất nhân,  
 Đến giờ quyết định mở màn cứu dân.  
 Dem ra khỏi xứ bạo tàn,  
 Đưa vào Đất hứa, đầy tràn lúa xanh.  
 Đó là đất nước Trà-nam,<sup>b</sup> 181  
 A-muông,<sup>a</sup> Hy-thái,<sup>a</sup> Dạ-bân,<sup>a</sup> ... sang giàu.

<sup>a</sup> Hồ-liệp, là núi Horeb, một dãy núi lớn xứ Mã-điễn.  
<sup>b</sup> Trà-nam (Chanaan), A-muông (Ammorrhée), Hy-thái (Hethée), Dạ-bân (Jebusee), Hà-quí (Hevee), Phú-lợi (Pheregee)... là những giống dân, những sắc tộc đang lập quốc trên phần đất mà Thượng đế đã hứa ban cho dòng dõi Bá-lâm (Abraham). Nay tới giờ thực hiện.

Giơ-vút. <sup>9</sup> Giờ đây, tiếng rên siết của con cái Ít-ra-en đã thấu tới Ta; Ta cũng đã thấy cảnh áp bức chúng phải chịu vì người Ai-cập. <sup>10</sup> Bấy giờ, ngươi hãy đi! Ta sai ngươi đến với Pha-ra-ô để đưa dân Ta là con cái Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập.” <sup>11</sup> Ông Mô-sê thưa với Thiên Chúa: “Con là ai mà dám đến với Pha-ra-ô và đưa con cái Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập?” <sup>12</sup> Người phán: “Ta sẽ ở với ngươi. Và đây là dấu cho ngươi biết là Ta đã sai ngươi: khi ngươi đưa dân ra khỏi Ai-cập, các ngươi sẽ thờ phượng Thiên Chúa trên núi này.” <sup>13</sup> Ông Mô-sê thưa với Thiên Chúa: “Bấy giờ, con đến gặp con cái Ít-ra-en và nói với họ: Thiên Chúa của cha ông anh em sai tôi đến với anh em. Vậy nếu họ hỏi con: Tên Đấng ấy là gì? Thì con sẽ nói với họ làm sao?” <sup>14</sup> Thiên Chúa phán với ông Mô-sê: “Ta là Đấng Hiện Hữu.” Người phán: “Ngươi nói với con cái Ít-ra-en thế này: “Đấng Hiện Hữu sai tôi đến với anh em.” <sup>15</sup> Thiên Chúa lại phán với ông Mô-sê: “Ngươi sẽ nói với con cái Ít-ra-en thế này: Đức Chúa, Thiên Chúa của cha ông anh em, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp, sai tôi đến với anh em. Đó là danh Ta cho đến muôn thuở, đó là danh hiệu các ngươi sẽ dùng mà kêu cầu Ta từ đời nọ đến đời kia.” <sup>16</sup> “Ngươi hãy đi triệu tập các kỳ mục Ít-ra-en và nói với họ: Đức

Hà-quí,<sup>a</sup> Phú-lợi<sup>a</sup> hoa màu,  
<sup>9</sup> Thiên-thư đã định thay trao đổi ngôi.  
<sup>10</sup> Vậy Trời quyết trạch cử ngươi, 185  
 Đứng lên lãnh đạo, tới nơi Phan-trào.  
 Xin cho Yết-tộc đồng bào,  
 Trở về đất tổ bắt đầu hồi sinh.”  
<sup>11</sup> “Lạy Trời, tôi hạng cùng đing,  
 Làm sao dám đến kêu xin Phan-trào.”  
<sup>12</sup> “Tay Trời có đủ phép màu, 191  
 Hãy thêm tin tưởng để hầu đựt xong.  
 Và đây, một dấu ghi lòng,  
 Để ngươi nhận biết tỏ tường Trời sai.  
 Khi đưa dân Yết khỏi đây, 195  
 Thì người trở lại núi này lễ dựng.”  
<sup>13</sup> “Lạy Trời, khi tới Yết-dân,  
 Rằng Trời tỏ phụ đặt phần việc tôi;  
 Nếu mà họ hỏi “tên Trời”.  
 Thì làm sao biết trả lời cho xuôi.”  
<sup>14</sup> “TỰ HỮU HẰNG HỮU, danh Trời, 201  
 Nói cho Yết-tộc biết ngươi thay lời.  
 Trình bày ý định của Trời,  
 Là đưa dân Yết về nơi đất lành.  
<sup>15</sup> Nói: Trời là Chúa Bá-lâm, 205  
 Y-giác, Gia-cước thành tâm kính thờ.  
 Nhắc cho miêu duệ hiện giờ,  
 Thiên danh vạn đại đã từ ngàn xưa.”  
<sup>16</sup> “Ngươi về đất nước Giép-tô,  
 Hội các trưởng tộc:... Thời cơ đến rồi.  
<sup>17</sup> Khai lòng ái quốc bùng sôi, 211  
 Nếu cao đại cuộc do Trời chủ trương.

Chúa, Thiên Chúa của cha ông anh em, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, của I-xa-ác, của Gia-cóp, đã hiện ra với tôi và phán: Ta đã thật sự quan tâm đến các người và cách người ta đối xử với các người bên Ai-cập. <sup>17</sup> Ta đã phán: Ta sẽ cho các người thoát cảnh khổ cực bên Ai-cập mà lên miền đất người Ca-na-an, Khét, E-mô-ri, Pơ-rít-di, Khi-vi và Giơ-vút, lên miền đất tràn trề sữa và mật. <sup>18</sup> Họ sẽ nghe tiếng người, rồi người sẽ đi với các kỳ mục Ít-ra-en đến cùng vua Ai-cập, các người sẽ nói với vua ấy rằng: Đức Chúa, Thiên Chúa của người Híp-ri, đã cho chúng tôi được gặp Người. Giờ đây, xin cho chúng tôi đi ba ngày đường vào sa mạc để tế lễ Đức Chúa, Thiên Chúa chúng tôi. <sup>19</sup> Ta thừa biết rằng vua Ai-cập sẽ không cho các người đi, trừ phi là có một bàn tay mạnh mẽ can thiệp. <sup>20</sup> Ta sẽ ra tay, sẽ làm mọi thứ phép lạ giữa dân Ai-cập để đánh nó, và sau đó vua ấy sẽ cho các người đi.

<sup>21</sup> “Ta sẽ cho dân này được lòng người Ai-cập; nên khi ra đi, các người sẽ chẳng ra đi tay không. <sup>22</sup> Mỗi người đàn bà sẽ xin đàn bà láng giềng và người ở chung một nhà những đồ bạc, đồ vàng, và áo xống. Các người sẽ cho con trai con gái các người mang những thứ đó. Như vậy là các người tước đoạt của cải người Ai-cập.”

Thoát vòng nô lệ nhiều nhưong,  
Trở về đất hứa muôn thương lòng Trời.<sup>a</sup>  
Mà mô tỏ phụ giống nòi, **221**  
Nào nào con cháu chôn vùi lãng quên.  
<sup>18</sup> Dân tâm khi hiểu Ý Trên,  
Thì vào triều nội dựng lên thỉnh cầu:  
Yết-linh Thượng-đế<sup>b</sup> tối cao,  
Dạy dân tập hợp kéo nhau lên rừng.  
Ba ngày lễ Đấng Cứu trùng, **221**  
Xin vua chấp thuận, dân con khởi hành.  
<sup>19</sup> Tuy nhiên, cuộc diện không nhanh,  
Dầu cho bạo động, triều đình chẳng nghe;  
<sup>20</sup> Nhưng Trời dùng nước phá đê, **225**  
Lấy yếu trừ mạnh, đem dê chống hùm.  
Rời ra đến phút cuối cùng,  
Nhu cang ai thắng, nhược cường ai hơn.<sup>c</sup>  
Không cần thế lực đao gươm,  
Chỉ cần nhẫn nại, tay không cũng thành.<sup>d</sup>  
<sup>22</sup> Ra đi dân chẳng cơ hàn, **231**  
Giếp-tô sẽ hiến bạc vàng vào tay.  
Áo quần cung cấp gái, trai,  
Đó là cái thế vẫn xây luật Trời”.<sup>e</sup>

<sup>a</sup> Từ câu 16 đến 22, tác giả dựa theo ý chính Cựu ước, viết theo cảm nghĩ của mình, tránh lối hành văn lặp đi lặp lại của Kinh thánh.

<sup>b</sup> Thượng-đế của dân Yết-linh, hay Thiên chúa của dân tộc dòng dõi Bá-lâm, Deus Israel.

<sup>c</sup> *Nhu thắng cang, nhược thắng cường, xưa nay thiên hạ là đường Hóa công.*

<sup>d</sup> Theo quan niệm Á đông: Hữu chí kinh quyền nhẫn, bất chiến tự nhiên thành.

<sup>e</sup> Sách Đạo đức kinh của Lão-tử có câu: Cao tất hạ, đa tất thiếu.

4

<sup>1</sup> Ông Mô-sê đáp: “Họ sẽ không tin con đâu, họ sẽ không nghe lời con, vì họ sẽ nói: Đức Chúa chẳng có hiện ra với ông.” <sup>2</sup> Đức Chúa phán với ông: “Tay người cầm cái gì đó?” Ông đáp: “Thừa một cây gậy.” <sup>3</sup> Người phán: “Vắt nó xuống đất đi!” Ông Mô-sê vắt nó xuống đất, và nó hoá ra con rắn. Ông Mô-sê liền chạy trốn. <sup>4</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy giơ tay nắm lấy đuôi nó!” -Ông giơ tay bắt lấy nó và nó lại hoá thành cây gậy trong tay ông.- <sup>5</sup> “Ấy là để họ tin rằng Đức Chúa, Thiên Chúa của cha ông họ, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp, đã hiện ra với người.”

<sup>6</sup> Đức Chúa còn phán với ông: “Hãy luồn tay vào ngực người!” Ông luồn tay vào ngực, rồi rút tay ra. Và này tay ông bị phong cùi, trắng như tuyết. <sup>7</sup> Người phán: “Hãy lại cho tay vào ngực người!” -Ông lại cho tay vào ngực, rồi rút ra khỏi ngực. Thì này tay ông trở lại như da thịt của ông.- <sup>8</sup> “Như thế, nếu họ không tin người và không hiểu ý nghĩa của dấu thứ nhất, thì họ sẽ tin dấu thứ hai. <sup>9</sup> Mà nếu họ cũng không tin cả hai dấu ấy và không nghe tiếng người, thì người sẽ lấy nước sông Nin mà đổ trên đất khô. Nước người đã lấy dưới sông Nin sẽ hoá thành máu trên đất khô.”

<sup>10</sup> Ông Mô-sê thưa với Đức Chúa: “Lạy Chúa, xin xá lỗi cho con, từ hồi nào đến giờ, ngay cả từ lúc

4

<sup>1</sup> Mao-tôn còn có đôi lời: **235**  
“Nếu dân chống lại việc “Trời hiện ra”.  
Rằng tôi tưởng tượng bùa ma,  
Lấy gì bảo chứng để mà dân tin?”  
“Gậy đang cầm ở tay mình,  
Ném ra trước mặt, coi tình hình sao?”  
<sup>3</sup> Mao-tôn lấy gậy ném mau, **241**  
Biến thành con rắn cất cao cổ cò.  
Mao-tôn lại thấy nó bò,  
Hoảng kinh tháo chạy, chui vô trong lùm.  
<sup>4</sup> Trời kêu: “ ... Người hãy dừng chon, **245**  
Chụp ngay đuôi rắn” - Mao-tôn vung lời.  
Rắn hoàn hình gậy tức thời,  
<sup>5</sup> “Đó là thực chứng việc Trời hiện thân”.  
<sup>6</sup> “Thọc tay trong áo cho nhanh?”  
Mao-tôn y lệnh - Tay sanh lở cùi.  
<sup>7</sup> Thọc tay lần nữa thử coi? **251**  
Mao-tôn y lệnh. - Tay thời lành da.  
<sup>8</sup> Gậy rắn, dân bảo là ngoa,  
Tay cùi thể hiện, xem ra dân tình.  
<sup>9</sup> Nếu mà hai dấu, chẳng tin, **255**  
Thì người cho nước sông lên ngập tràn.  
Rồi sau cho nước hoá thành,  
Những dòng máu đỏ hôi tanh khắp cùng.”  
<sup>10</sup> Mao-tôn: “ ... Lạy Chúa cứu trùng,  
Nghĩ tài ăn nói, tôi không được rành.  
Đối phương miệng lưỡi tỏ tằn, **261**  
Còn tôi ngọng nghịu biết làm sao đây!”  
<sup>11</sup> “Người xem trong cõi nhân loài,  
Ai làm cam điếc, ai khai miệng mồm.

**Bản văn Kinh thánh**

Chúa ban lời cho tôi tớ Ngài, con không phải là kẻ có tài ăn nói, vì con cứng miệng cứng lưỡi.”<sup>11</sup> Đức Chúa phán: “Ai cho con người có mồm có miệng? Ai làm cho nó phải câm phải điếc, cho mắt nó sáng hay phải mù loà? Há chẳng phải là Ta, Đức Chúa, đó sao?<sup>12</sup> Vậy bây giờ người hãy đi, chính Ta sẽ ngự nơi miệng người, và Ta sẽ chỉ cho người phải nói những gì.”

<sup>13</sup> Ông thưa: “Lạy Chúa, xin xá lỗi cho con, xin Chúa sai ai làm môi giới thì sai.”<sup>14</sup> Đức Chúa nổi giận với ông Mô-sê; Người phán: “Nào chẳng có A-ha-ron, anh người, là người Lê-vi đó sao? Ta biết: nó ăn nói được lắm; hơn nữa, kìa nó ra đón người, và khi thấy người, lòng nó sẽ hoan hỷ.<sup>15</sup> Người sẽ nói với anh người và đặt lời lẽ vào miệng nó. Chính Ta sẽ ngự nơi miệng người và nơi miệng nó. Ta sẽ chỉ cho các người những gì các người phải làm.<sup>16</sup> Chính anh người sẽ thay người mà nói với dân. Chính nó sẽ là miệng của người; còn người, người sẽ là một vị thần đối với nó.<sup>17</sup> Cây gậy này, người hãy cầm lấy trong tay; người sẽ dùng nó mà làm các dấu lạ.”

<sup>18</sup> Ông Mô-sê ra đi, trở về với bố vợ là ông Gít-rô và nói: “Xin để con đi về với anh em con bên Ai-cập xem họ còn sống hay không.” Ông Gít-rô trả lời ông Mô-sê: “Anh đi bình an!”

<sup>19</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê ở Ma-đi-an: “Đi đi, hãy trở về Ai-cập, bởi vì mọi kẻ tìm cách làm hại mạng sống người đã chết cả rồi.”

<sup>20</sup> Ông Mô-sê đem vợ và con cái đi

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Ngoài Trời ra, có ai hơn. 265

<sup>12</sup> Vậy người xúc tiến có ơn phù trì.”

<sup>13</sup> “Lạy Trời, sai kẻ khác đi ...?”

<sup>14</sup> Trong con thịnh nộ, Trời ghi thêm lời:

“Ấn-long,<sup>a</sup> anh cả của người,

Thuộc dòng Lê-vi, miệng đời khôn lanh,

Có khoa ngôn ngữ đành rành, 271

Đang tìm người đó, ấy phần giúp người.

<sup>15</sup> “Gặp nhau, người phải trao lời,

Chương trình giải phóng như Trời đã ban.

<sup>16</sup> Cả hai: Lời nói, việc làm, 275

Luôn luôn Trời giúp hoàn thành thì chung.

<sup>17</sup> “Gậy thì người giữ theo cùng,

Tùy cơ ứng biến để phòng chứng minh.

<sup>18</sup> Mao-tôn trở lại gia đình

Bàn cùng cha vợ việc mình ra đi.

Trở qua nước Giép biên thủy, 281

Viếng thăm dòng họ, lo bề tương lai.

Nhạc gia chúc rể được may,

Bình yên thượng lộ, an bài gia trang.

<sup>19</sup> Ý Trời cũng đã một lần, 285

Cho Mao-tôn biết lệnh tâm nã xưa,

Lãng quên chôn lấp hồ sơ,

Còn người chết hết, bây giờ chẳng ai.

<sup>20</sup> Mao-tôn cầm gậy nơi tay,

Thê nhi, hành lý nhờ hai cặp lừa.

Đường trường nắng dội, gió đưa, 291

Tuần trăng mấy lượt cũng vừa tới nơi.

<sup>21</sup> Đỉnh ninh vẫn nhớ lời Trời,

Phản cho dân sự, phần thời Phan-vương.

<sup>a</sup> Ấn-long, la ngữ: Aaron, anh cả của Mao-tôn (Moyses).

**Bản văn Kinh thánh**

theo, cho họ cỡi lừa và trở về đất Ai-cập. Ông Mô-sê cầm cây gậy của Thiên Chúa trong tay.<sup>21</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Khi người ra đi để trở về Ai-cập, người hãy nhìn xem: mọi điều lạ lùng Ta đã ban cho người có quyền làm, thì người sẽ làm trước mặt Pha-ra-ô. Nhưng Ta, Ta sẽ làm cho nó cứng lòng và nó sẽ không thả cho dân đi!”<sup>22</sup> Bây giờ, người sẽ nói với Pha-ra-ô: “Đức Chúa phán thế này: Con đầu lòng của Ta là Ít-ra-en.<sup>23</sup> Ta đã phán với người: Hãy thả con Ta ra để nó đi thờ phượng Ta. Nhưng người đã từ chối không thả nó đi, thì này chính Ta sẽ giết chết con đầu lòng của người.”

<sup>24</sup> Vậy dọc đường, tại nơi ông dừng lại nghỉ đêm, Đức Chúa bắt gặp ông và tìm cách giết ông.<sup>25</sup> Bây giờ, bà Xíp-pô-ra lấy mảnh đá sắc cắt bì cho con, đung vào chân ông, rồi nói: “Nhờ máu, ông đã kết nghĩa vợ chồng với tôi.”<sup>26</sup> Và Đức Chúa tha cho ông. Bà nói: “Nhờ máu, ông đã kết nghĩa vợ chồng với tôi” là vì phép cắt bì.

<sup>27</sup> Đức Chúa phán với ông A-ha-ron: “Người hãy đi vào sa mạc đón Mô-sê.” Ông đi và gặp ông Mô-sê trên núi của Thiên Chúa; ông đã ôm hôn ông Mô-sê.<sup>28</sup> Ông Mô-sê cho ông A-ha-ron biết mọi lời Đức Chúa đã sai ông nói, và mọi dấu lạ Người đã truyền cho ông làm.<sup>29</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron đi triệu tập mọi kỳ mục của con cái Ít-ra-en.<sup>30</sup> Ông A-ha-ron nói tất cả những lời Đức Chúa đã ngỏ cùng ông Mô-sê và làm những dấu lạ trước mắt dân.<sup>31</sup> Và dân đã tin.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Tuỳ nghi xử sự khéo khôn, 295

Nhưng Trời tiết lộ đoạn đường éo le.

Phan-vương ngoan cố chẳng nghe,

Mao-tôn phải gặp nhiều bề đắng cay.

<sup>22</sup> Bảo vua phải nhận điều này,

Yết-linh được kể con trai của Trời.

<sup>23</sup> Phải cho tế lễ kịp thời, 301

Bằng vua cưỡng lại, cuộc đời mang tai.

Là Trời huỷ diệt con trai,

Đầu lòng đất Giép ghe ngày xót xa.

<sup>24</sup> Đến đây nhắc lại chuyện qua, 305

Có lần Thượng-đế hiện ra thành linh.

Mao-tôn bị xử tử hình

Vì chưa có đủ chứng minh cắt bì.

<sup>25</sup> Sa-phương vội vã tuý nghi,

Lấy dao đá bén, thực thi con mình.

Đoạn dùng một chút huyết thanh, 311

Bôi vào cho đỡ ngón chân của chồng.

<sup>26</sup> Cầu xin Thượng đế đủ lòng,

Mao-tôn nhờ đó khỏi cơn lửa nóng.

<sup>27</sup> Ngày kia, Trời khiến Ấn-long, 315

Hãy lên đường đón Mao-tôn trở về.

Ra đi mấy dặm sơn khê,

Anh em gặp mặt trần trề niềm vui.

<sup>28</sup> Mao-tôn thuật lại mọi lời,

Cùng bao kế hoạch mà Trời định phân.

<sup>29</sup> Hai người góp ý nhiều lần, 321

Sau mời kỳ lão trong dân, thuyết trình:

“Đến giờ Thượng đế Yết-linh,

Ra tay giải cứu dân sinh khôn cùng ...”

<sup>30</sup> Loan truyền dân sự hợp đồng, 325

Để nghe tình thế, cảm thông ý Trời.



**Bản văn Kinh thánh**

Họ đã hiểu là Đức Chúa đến viếng thăm con cái Ít-ra-en và nhìn thấy cảnh khổ cực của họ. Và họ đã phủ phục mà thờ lạy.

**5**

<sup>1</sup> Sau đó, ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến nói với Pha-ra-ô: “Đức Chúa, Thiên Chúa của Ít-ra-en, phán thế này: Hãy thả cho dân Ta đi, để chúng mở lễ kính Ta trong sa mạc.” <sup>2</sup> Pha-ra-ô đáp: “Đức Chúa là ai, khiến ta phải nghe lời mà thả cho Ít-ra-en đi? Ta chẳng biết Đức Chúa, cũng sẽ không thả cho Ít-ra-en đi.” <sup>3</sup> Hai ông nói: “Thiên Chúa của người Híp-ri đã hiện ra với chúng tôi. Xin cho chúng tôi đi ba ngày đường vào sa mạc để tế lễ Đức Chúa, Thiên Chúa chúng tôi; nếu không, Người sẽ dùng dịch hạch hay gươm giáo mà giết chết chúng tôi.” <sup>4</sup> Vua Ai-cập nói với các ông: “Mô-sê và A-ha-ron, sao các người lại muốn xúi dân bỏ việc? Đi lao động đi!” <sup>5</sup> Pha-ra-ô nói: “Bây giờ dân trong nước thì đông, mà các người lại muốn cho chúng nghỉ lao động!” <sup>6</sup> Ngày hôm đó, Pha-ra-ô ra lệnh cho các ông cai và ký lục: <sup>7</sup> “Đừng cung cấp rơm cho dân để làm gạch như trước nữa. Chúng phải tự mình đi lượm rơm mà làm.” <sup>8</sup> Cứ bắt chúng phải nộp đủ số gạch như chúng vẫn làm trước đây,

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Đưa ra dẫu lạ,<sup>a</sup> đồng thời,  
Trăm dân hưởng ứng, mọi người hoan nghinh.  
Vững tin Chúa cứu dân mình,  
Yết-dân thờ lạy tỏ tình hiếu trung.

**5**

<sup>1</sup> Ân-long soạn kế hoạch chung, 331  
Mao-tôn hợp lực tới dung Phan-trào.  
Vừa khi vẫn võ hội trào,  
Ân-long bệ kiến, bắt đầu tâu lên:  
<sup>2</sup> “Tối cao Thượng đế phán truyền, 335  
Toàn dân Yết tộc lên miền rừng xa,  
Bất phân nam phụ, trẻ già,  
Hiệp nhau thượng tế trong ba ngày liền.  
Xin vua chấp thuận thỉnh nguyện,  
Cho dân Yết-tộc được quyền ra đi.”  
Phan-vương: “...Chúa ấy là gì? 341  
Mà đòi trăm phải chuẩn y lệnh truyền?  
Chúa nào mà dám lạm quyền,  
Dân nào mà dám bẻ xiềng Giép-tô?”  
<sup>3</sup> Tâu vua: “...hiểu rõ căn do, 345  
Yết-dân Thượng-đế truyền cho lệnh này.  
Bất tuân, vua gặp nạn tai,  
Gươm đao, ôn dịch giáng ngay lên đầu...”  
<sup>4</sup> “Các người bày chuyện đầu đầu,  
Xúi dân bãi việc công xâu nước nhà.  
<sup>5</sup> Dân đông, trật tự rầy rà, 351  
Còn thêm tế lễ miền xa rộn ràng.

<sup>a</sup> Gậy hóa rắn rồi trở lại nguyên hình. Bàn tay bị cùi lờ và sau đó lành mạnh.

**Bản văn Kinh thánh**

đừng giảm bớt chi cả. Chúng là quân lười biếng, vì thế mà chúng hô lên: Nào chúng ta đi tế lễ Thiên Chúa chúng ta! <sup>9</sup> Phải giao cho bọn người ấy những công việc thật nặng nhọc để chúng lo làm, mà khỏi chú ý vào những lời dối trá.”

<sup>10</sup> Các ông cai và ký lục ra ngoài nói với dân: “Pha-ra-ô phán thế này: Ta không cung cấp rơm cho các người nữa. <sup>11</sup> Các người thấy rơm ở đâu thì phải tự mình đi kiếm lấy. Nhưng công việc thì không được giảm bớt chút nào.” <sup>12</sup> Dân liền đi tản mác khắp nước Ai-cập, để lượm rạ thay rơm. <sup>13</sup> Các ông cai thúc họ: “Làm cho xong việc đi! Mỗi ngày phải đủ số, y như khi có rơm!” <sup>14</sup> Người ta đánh đập và hạch sách các ký lục của con cái Ít-ra-en, mà các ông cai của Pha-ra-ô đã đặt lên trông coi dân: “Tại sao hôm qua và hôm nay, các anh đã không làm đủ số gạch ấn định như trước kia?”

<sup>15</sup> Các ký lục của con cái Ít-ra-en đến kêu với Pha-ra-ô: “Tại sao bệ hạ lại xử với các bề tôi như thế? <sup>16</sup> Rơm thì người ta không cung cấp cho bề tôi nữa, mà lại bảo: Sản xuất gạch đi! Bệ hạ coi: người ta đánh bề tôi, như thể dân của bệ hạ đây có lỗi.” <sup>17</sup> Vua đáp: “Các người là quân lười biếng, quân lười biếng! Vì thế, các người mới nói: chúng ta hãy đi tế lễ Đức Chúa. <sup>18</sup> Bây giờ đi làm việc đi!

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Coi chừng hỗn loạn khó khăn,  
Lấy ai bảo đảm công ăn việc làm.”  
<sup>6</sup> Triều đình sau đó họp bàn, 355  
Bắt dân Yết-tộc gia tăng sưu đồ.  
<sup>7</sup> Chính quyền không cấp rơm khô,  
Bắt dân tự kiếm bỏ vô lò hầm,  
Gạch nung đủ số hằng năm,  
Nếu ai làm thiếu, đóng trắng, phạt tù.  
Một ban cai việc phải cử, 61  
Luôn luôn đập đánh, tảo trừ lãng công.  
<sup>9</sup> Đừng cho lũ nó ở không,  
Đặt điều thần thánh để hồng dưỡng thân.  
Bày ra chửa nợ, thần này, 365  
Gây ra xáo trộn đêm ngày trong dân.  
<sup>10</sup> “Lệnh vua cấp tốc ban hành,  
Yết dân khốn cực trăm phần hơn xưa.  
<sup>11</sup> “Đốc công nước Giép không vừa,  
Khảo tra, hành sát những thừa hành viên.  
<sup>12</sup> “Bọn này cũng nổi tiết lên, 371  
Chười dân luôn miệng, xích xiềng luôn tay.  
<sup>13</sup> Yết dân lặn lội đó đây,  
Moi rơm, mót rạ, tối ngày sáng đêm.  
<sup>14</sup> Gạch không đủ số khảo liên, 375  
Một lời năn nỉ, giáng thêm chực hèn.  
<sup>15</sup> Yết dân quá sức ngặt nghèo,  
Thừa hành viên phải đánh liều tâu vua:  
“Ban ra cái lệnh trái mùa,  
Không cung nguyên liệu, đòi vừa gạch nung.  
Yết dân bươi móc khắp cùng. 381  
Cũng không đủ số, đốc công hoành hành.  
<sup>16</sup> Dùi đánh đục, đục đánh sàng,  
Ông quan bị quở, thẳng dân lỗ đầu.”

Sẽ không cung cấp rơm cho các người nữa, nhưng gạch thì các người vẫn phải nộp cho đủ số.”

<sup>19</sup> Các ký lục của con cái Ít-ra-en thấy mình ở trong hoàn cảnh khó xử, khi người ta bảo họ: “Không được bớt số gạch phải làm. Ngày nào phải đủ số ngày đó!” <sup>20</sup> Ra khỏi đền Pha-ra-ô, họ gặp ngay ông Mô-sê và ông A-ha-ron đang đứng chờ họ. <sup>21</sup> Họ nói với hai ông: “Xin Đức Chúa chứng giám và xét xử cho: các ông đã làm cho chúng tôi trở nên đáng ghét trước mắt Pha-ra-ô và bề tôi của vua; thật các ông đã trao gươm vào tay họ để giết chúng tôi.” <sup>22</sup> Ông Mô-sê hướng về Đức Chúa và thưa: “Lạy Chúa, tại sao Ngài đã làm khổ dân này? Tại sao Ngài đã sai con đi? <sup>23</sup> Từ khi con đến với Pha-ra-ô để nhân danh Ngài mà nói, thì vua ấy làm khổ dân này, và Ngài chẳng giải thoát dân Ngài gì cả!”

6

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Giờ đây người sắp thấy điều Ta làm cho Pha-ra-ô: Bị áp lực của một bàn tay mạnh mẽ, vua ấy sẽ phải thả cho họ đi; bị áp lực của một bàn tay mạnh mẽ, vua ấy sẽ đuổi họ ra khỏi nước.”

<sup>2</sup> Thiên Chúa phán với ông Mô-sê: “Ta là Đức Chúa. <sup>3</sup> Ta đã hiện ra với Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp với tư cách là Thiên Chúa Toàn

<sup>17</sup> Trùng trùng cặp mắt, Phan-trào: 385

“Lũ bầy Yết-tộc, ngựa trâu biếng lười.

Còn bầy ba bữa tế Trời,

<sup>18</sup> Về lo đủ gạch, rơm thời không cho.

<sup>19</sup> Thừa hành viên <sup>a</sup> quá âu lo,

Gặp vua bạo ngược bao giờ khoan nhơn.

<sup>20</sup> Họ bèn tìm đến Mao-tôn, 391

Đồng thời cũng gặp Án-long, trách rằng:

<sup>21</sup> Bày chi chuyện thất nhân tâm,

Khiến vua cùng với triều thần gớm ghê.

Làm cho chế độ nặng nề, 395

Yết dân, khôn cực trăm bề bội tăng.

Không ông, khổ cũng có ngần,

Tại ông, dân chịu mười lần khổ hơn.”

<sup>22</sup> Mao-tôn xúc động trong lòng,

Kêu lên Thượng đế khoan dung cách nào.

Sai tôi trình với Phan-trào, 401

Đã không chấp thuận còn đào hố sâu.

<sup>23</sup> Dân chưa nhẹ bớt phần nào,

Còn thêm chất nặng trên đầu gian nan.

6

<sup>1</sup> Bấy giờ Thượng đế phán rằng: 405

“Rồi người sẽ thấy quyền năng của Trời.

Bẻ cong thế lực của đời,

Binh đông tướng mạnh của loài kiêu căng.

Lòng tin, chí nhẫn là cần

Để nhìn họ phải cho dân lên đường.”

<sup>a</sup> Thừa hành viên là người dân Yết, được bọn đốc công là người dân Giép-tô chọn ra để trực tiếp thúc đẩy dân sự làm việc. Bọn đốc công tàn nhẫn, còn lũ thừa hành viên thì chười bới, đánh đập đồng bào.

Năng, nhưng Ta đã không cho họ biết danh của Ta là Đức Chúa. <sup>4</sup> Ta lại còn lập giao ước của Ta với họ để ban cho họ đất Ca-na-an, là đất khách quê người, nơi họ sống như những khách lạ. <sup>5</sup> Chính Ta đã nghe thấy tiếng rên siết của con cái Ít-ra-en đang bị người Ai-cập bắt làm nô lệ, và Ta đã nhớ lại giao ước của Ta. <sup>6</sup> Vì vậy, người hãy nói với con cái Ít-ra-en: Ta là Đức Chúa. Ta sẽ cứu các người khỏi phải làm việc khổ sai cho người Ai-cập, sẽ giải thoát các người khỏi làm nô lệ chúng. Ta sẽ giơ cánh tay, dùng uy quyền mà chuộc các người lại. <sup>7</sup> Ta sẽ nhận các người làm dân riêng của Ta, và đối với các người, Ta sẽ là Thiên Chúa. Các người sẽ biết rằng Ta, Đức Chúa, là Thiên Chúa các người, Đấng cứu các người khỏi phải làm việc khổ sai cho người Ai-cập. <sup>8</sup> Ta sẽ đưa các người vào miền đất mà Ta đã giơ tay thề sẽ ban cho Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp. Ta sẽ ban đất ấy cho các người làm sở hữu. Ta là Đức Chúa.” <sup>9</sup> Ông Mô-sê nói thể với con cái Ít-ra-en, nhưng họ không nghe ông Mô-sê, vì ách nô lệ quá nặng nề làm cho họ kiệt sức.

<sup>10</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê:

<sup>11</sup> “Hãy đi nói với Pha-ra-ô, vua Ai-cập, để vua ấy thả con cái Ít-ra-en ra khỏi nước.” <sup>12</sup> Nhưng ông Mô-sê thưa trước nhan Đức Chúa: “Chúa coi: con cái Ít-ra-en đã không nghe con; làm sao Pha-ra-ô lại nghe con, một người ăn nói không được dễ dàng?” <sup>13</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê và ông A-ha-ron, truyền cho hai ông đến gặp con cái Ít-ra-en và gặp Pha-

<sup>2</sup> Trời còn nhắc nhở Mao-tôn: 411

<sup>3</sup> Xưa ba tổ phụ Trời thường hiện ra.

Bao điều cam kết bàn qua,

Nhưng “TỰ HẰNG HỮU: tên TA chưa hề

Tỏ cho tổ phụ được nghe, 415

Còn người được phước biết về thiên danh.

<sup>4</sup> Ngày xưa giao ước hứa ban,

Một vùng đất rộng dư tràn gạo cơm.

<sup>5</sup> Ngày nay tổ phụ cháu con,

Giép-tô ước hiệp, đau thương tới Trời.

Vậy điều cam kết cổ thời. 421

Giờ này thực hiện; vậy người hãy truyền

<sup>6</sup> Yết-linh dân tộc đứng lên.

Nhìn vào Thượng đế trọn niềm cậy tin.

Là Trời cải tử hoàn sinh, 425

Dắt dân ra khỏi ngục hình Giép-tô.

Dem vào vùng đất hứa cho,

Bá-lâm, Gia-cước... sinh cơ chủ quyền.

<sup>7</sup> Yết-linh được chọn dân riêng,

Phản họ duy nhứt phụng thiên hết lòng.

<sup>8</sup> Chứng cho Nam, Bắc, Tây, Đông, 431

Trời làm lịch sử giống dòng Yết-linh”.

<sup>9</sup> Hội dân đủ mặt tường trình.

Mao-tôn khuyến khích niềm tin giống nòi.

<sup>10</sup> Xem ra dân sự bồi hồi. 435

Vì đang lao dịch đứng ngồi không yên

Dân chưa ý thức thần quyền.

Họ đang khôn cực, xích xiềng đốn đau.

<sup>11</sup> Mao-tôn hãy tới Phan-trào,

Đòi vua chấp nhận yêu cầu của dân.

**Bản văn Kinh thánh**

ra-ô, vua Ai-cập, để đưa con cái Ít-ra-en ra khỏi nước Ai-cập.

<sup>14</sup> Đây là những người làm đầu các gia tộc của họ: con cái ông Rưu-vên, trưởng nam của Ít-ra-en: Kha-nốc, Pa-lu, Khét-rôn, Các-mi. Đó là các thị tộc của ông Rưu-vên.

<sup>15</sup> Con cái ông Si-mê-ôn: Giơ-mu-ên, Gia-min, Ô-hát, Gia-khin, Xô-kha, Sa-un, con của người đàn bà Ca-na-an. Đó là các thị tộc của ông Si-mê-ôn.

<sup>16</sup> Đây là tên con cái ông Lê-vi, theo thứ tự trước sau: Ghéc-sôn, Cơ-hát, Mơ-ra-ri. Ông Lê-vi sống được một trăm ba mươi bảy tuổi.

<sup>17</sup> Con cái của Ghéc-sôn: Líp-ni và Sim-y, với các thị tộc của họ.

<sup>18</sup> Con cái ông Cơ-hát: Am-ram, Gít-ha, Khép-rôn và Út-di-ên. Ông Cơ-hát sống được một trăm ba mươi ba tuổi.

<sup>19</sup> Con cái ông Mơ-ra-ri: Mác-li và Mu-si. Đó là các thị tộc của ông Lê-vi theo thứ tự trước sau.

<sup>20</sup> Ông Am-ram lấy cô mình là bà Giô-khe-vét làm vợ. Bà đã sinh được cho ông hai người con là ông A-ha-ron và ông Mô-sê. Ông Am-ram sống được một trăm ba mươi bảy tuổi.

<sup>21</sup> Con cái ông Gít-ha: Cô-rắc, Ne-phéc và Dích-ri.

<sup>22</sup> Con cái ông Út-di-ên: Mi-sa-ên, En-xa-phan và Xít-ri.

<sup>23</sup> Ông A-ha-ron lấy bà Ê-li-se-va làm vợ. Bà là con gái ông Am-mi-na-đáp và là em gái của ông Nác-sôn. Bà đã sinh được cho ông mấy người con: Na-đáp, A-vi-hu, E-la-da và I-tha-ma.

<sup>24</sup> Con cái ông Cô-rắc: Át-xia, En-ca-na, A-vi-a-xáp. Đó là các thị tộc của dòng họ Cô-rắc.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>12</sup> *Lạy Trời, tan nát dân tâm, 441*

*Lời tôi họ đã hằm hằm đuổi xô.*

*Để gì vua chúa Giép-tô,*

*Chịu nghe tôi nói mà vô triều đình..."*

<sup>13</sup> *"Mao-tôn hãy vững niềm tin, 445*

*Ấn-long, cố gắng phân minh điều trần*

*Trước là nắm được lòng dân,*

*Sau là thuyết phục vua quan Phan-trào.*

<sup>14</sup> *Đến đây gia phả xen vào,*

*Chúng Mao-tôn thuộc đồng bào Yết-linh.*

*Trước ghi trưởng tộc Lữ-bình, 451*

*Bốn con chính thức, trở sinh bốn dòng.*

<sup>15</sup> *Tiếp theo trưởng tộc Sử-mông,*

*Sáu người tất cả, tử tôn đầy đàn.*

<sup>16</sup> *Về phần Lê-vi ba nam, 455*

*Dực-son, Cơ-hạc, Mộc-lam kỳ tài.*

<sup>17</sup> *Dực-son<sup>a</sup> nối dõi hai trai,*

<sup>18</sup> *Cơ-hạc<sup>b</sup> sinh bốn, Ứng-đài<sup>c</sup> trưởng nam.*

<sup>19</sup> *Mộc-lam<sup>d</sup> sinh được hai chàng,*

*Đạo đời lưỡng hợp, võ văn song toàn.*

<sup>20</sup> *Ứng-đài lớn lập gia đàng, 461*

*Ấn-long anh cả, em chàng Mao-tôn.<sup>e</sup>*

<sup>21</sup> *Các dòng khác cũng nhiều con,*

<sup>22</sup> *Trở thành bộ tộc khắp cùng đất đai.*

<sup>a</sup> Dực-son (Gerson), con của tộc trưởng Lê-vi.

<sup>b</sup> Cơ hạc (Caath), con Lê-vi.

<sup>c</sup> Ứng đài (Amram), cháu nội Lê-vi.

<sup>d</sup> Mộc-lam (Merari), con Lê-vi.

<sup>e</sup> Ấn-long (Aaron) và Mao-tôn (Moyses) là con của Ứng-đài.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>25</sup> Ông E-la-da, con ông A-ha-ron, lấy một trong những người con gái của ông Pu-ti-ên làm vợ. Bà đã sinh được cho ông một người con là Pin-khát. Đó là những người làm đầu các gia tộc Lê-vi, với các thị tộc của họ.

<sup>26</sup> Chính các ông A-ha-ron và Mô-sê đã được nghe Đức Chúa phán bảo: "Hãy đem con cái Ít-ra-en ra khỏi đất Ai-cập theo binh ngũ của chúng." <sup>27</sup> Chính các ông Mô-sê và A-ha-ron đã nói với Pha-ra-ô, vua Ai-cập, để đem con cái Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập.

<sup>28</sup> Vào ngày Đức Chúa phán với ông Mô-sê ở đất Ai-cập, <sup>29</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: "Ta là Đức Chúa. Người hãy nói lại với Pha-ra-ô, vua Ai-cập, tất cả những gì Ta nói với người." <sup>30</sup> Ông Mô-sê thưa trước nhan Đức Chúa: "Chúa coi: con là người ăn nói không được dễ dàng, làm sao vua Pha-ra-ô nghe con?"

**7**

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: "Coi này, Ta làm cho người nên một vị thần đối với Pha-ra-ô, còn A-ha-ron, anh người, sẽ là ngôn sứ của người. <sup>2</sup> Chính người sẽ nói tất cả những gì Ta truyền cho người, và A-ha-ron, anh người, sẽ nói lại với Pha-ra-ô để vua ấy thả con cái Ít-ra-en ra khỏi nước của vua. <sup>3</sup> Nhưng Ta, Ta sẽ làm cho Pha-ra-ô ra cứng lòng. Ta sẽ tăng thêm nhiều dấu lạ điềm thiêng tại nước Ai-cập. <sup>4</sup> Pha-ra-ô sẽ không nghe các người đâu. Ta sẽ ra tay giáng phạt Ai-cập và sẽ dùng uy quyền mà đưa các binh

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>23</sup> *Ấn-long sinh bốn cậu trai: 465*

*Ấp-hung,<sup>a</sup> Nhã-đạc,<sup>a</sup> Lạc-giai,<sup>a</sup> Ích-thành.<sup>a</sup>*

<sup>24</sup> *Trải bao thế hệ tha phang,*

<sup>25</sup> *Yết-linh dân tộc nổi danh xứ người.*

<sup>26</sup> *Và trong ngoài đoạn phục hồi,*

*Ấn,<sup>b</sup> Mao,<sup>b</sup> chính thức được Trời chọn lên*

*Đứng đầu nắm hết mối giềng, 471*

<sup>27</sup> *Bể xiềng nô lệ, xây nền tự do*

<sup>28</sup> *Nhiều lần đàm phán giằng co,*

*Phan-vương vẫn nắm ý đồ giữ dân.*

<sup>29</sup> *Mao-tôn nhiều lúc nhận chân, 475*

<sup>30</sup> *Tài mình kém khuyết, mong ân nơi Trời.*

**7**

<sup>1</sup> *Một hôm Thượng-đế ban lời:*

*"Mao-tôn địa vị trên ngôi vương quyền.*

*Ấn-long làm phát ngôn viên.<sup>c</sup>*

<sup>2</sup> *Chương trình dựng nước Trời truyền phải tuân.*

*Đó là cơ bản luận bàn, 481*

*Với vua nước Giép, khó khăn vững lòng.*

<sup>a</sup> Ấp-hung (Abin), Nhã-đạc (Nadab), Lạc-giai (Eleazar), Ích-thành (Ithamar), là bốn người con trai của Ấn-long (Aaron).

<sup>b</sup> Ấn-long và Mao-tôn, gọi tắt là Ấn, Mao.

<sup>c</sup> Câu này không rõ ai đã sửa lại. Ông Paulus Tào có ghi bút chỉ gạch theo như sau: "... Theo bản cũ viết: "... Ấn-long làm ông loa truyền, chương trình giải phóng khắp miền phải tuân" và Phan Văn Cận (xứ Cái Môn,

**Bản văn Kinh thánh**

ngũ của Ta, là dân Ta, con cái Ít-ra-en, ra khỏi nước Ai-cập. <sup>5</sup> Bấy giờ người Ai-cập sẽ biết rằng Ta là Đức Chúa, khi Ta giương cánh tay chống lại người Ai-cập và đưa con cái Ít-ra-en ra khỏi nước chúng.”

<sup>6</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron làm như Đức Chúa đã truyền cho các ông; các ông đã làm như vậy. <sup>7</sup> Ông Mô-sê được tám mươi tuổi, còn ông A-ha-ron tám mươi ba, khi các ông đến nói với Pha-ra-ô.

<sup>8</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê và ông A-ha-ron: <sup>9</sup> “Nếu Pha-ra-ô bảo các người: Hãy làm một phép lạ xem, thì người hãy nói với A-ha-ron: Anh cầm cây gậy của anh, ném xuống trước mặt Pha-ra-ô, và gậy sẽ hoá thành một con rắn to.” <sup>10</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron liền đến với Pha-ra-ô và làm như Đức Chúa đã truyền. Ông A-ha-ron ném cây gậy của mình xuống trước mặt Pha-ra-ô và bè tôi của vua: gậy hoá thành một con rắn to. <sup>11</sup> Pha-ra-ô cũng triệu các hiền sĩ và pháp sư đến; và các phù thuỷ Ai-cập cũng dùng phù phép của mình mà làm như vậy: <sup>12</sup> mỗi người ném cây gậy của mình và gậy hoá thành một con rắn to. Nhưng gậy của ông A-ha-ron nuốt gậy của họ. <sup>13</sup> Dù vậy, Pha-ra-ô vẫn cứng lòng, không nghe ông Mô-sê và ông A-ha-ron, như Đức Chúa đã nói trước.

<sup>14</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Lòng Pha-ra-ô nặng nề cứng cỏi, vua không chịu thả cho dân đi. <sup>15</sup> Người hãy đến nói với Pha-

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>3</sup> Phan-vương gan sắt mình đồng,  
Càng theo quyền lợi, càng ôm hoạ sầu.

<sup>4</sup> Thúc thời, giải quyết được mau, 485  
Thì điều tai hại, thế nào cũng tan.  
Thời cơ đến, lại chống ngăn,  
Thì điều tai nạn gia tăng thập phần.

<sup>5</sup> Xưa nay, vận mạng các dân,  
Sách trời qui định thẳng trâm, hợp tan.  
Phan-vương chính sách bạo tàn, 491  
Dĩ nhiên đón luật công bằng đến nơi.”

<sup>6</sup> Ân, Mao, lúc ấy tuổi đời  
Vào hàng thượng thọ, lệnh Trời phú giao.

<sup>7</sup> Cả hai, triều nội ra vào. 495  
Ghe phen thảo luận, đổi trao lập trường.<sup>a</sup>  
Vua đòi đấu lạ phi thường,  
Chứng minh Trời của Mao-tôn thế nào.

<sup>10</sup> Ân-long ném gậy sân châu,  
Hoá thành con rắn, cả trào xô xao.

<sup>11</sup> Vua đòi phù thuỷ đến mau, 501  
Thử tài đấu phép, đối đầu được chăng?

<sup>12</sup> Đạo gia thần chú đọc rân,  
Gậy tung ra cũng trở thành rắn to.

<sup>a</sup> Từ số 1 đến số 7, tác giả viết theo cách người Á-đông, tránh sự lặp đi lặp lại của Kinh thánh Cựu ước.

**Bản văn Kinh thánh**

ra-ô lúc sáng sớm, khi nhà vua ra mé nước. Hãy đứng chờ để đón vua ở bên bờ sông Nin. Hãy cầm trong tay cây gậy đã biến thành rắn. <sup>16</sup> Người sẽ nói với vua ấy: Đức Chúa, Thiên Chúa của người Híp-ri, đã sai tôi nói với bệ hạ: Hãy thả dân Ta ra, để chúng đi thờ phượng Ta trong sa mạc. Nhưng cho đến bây giờ bệ hạ đã không nghe. <sup>17</sup> Đức Chúa phán thế này: Cứ dẫu này các người sẽ biết Ta là Đức Chúa. Tôi sẽ dùng cây gậy đang cầm trong tay mà đập nước sông, và nước sẽ hoá thành máu. <sup>18</sup> Cá dưới sông sẽ chết, sông sẽ ra hôi thối, và người Ai-cập sẽ không thể uống nước sông được nữa.”

<sup>19</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy nói với A-ha-ron: Anh cầm lấy gậy của anh và giơ tay trên mặt nước của Ai-cập, trên các sông ngòi, kinh rạch, hồ ao của nó, trên tất cả những chỗ có nước, và nước sẽ hoá thành máu; trong cả nước Ai-cập chỗ nào cũng có máu, trong thùng gỗ cũng như vại đá.” <sup>20</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron làm như Đức Chúa đã truyền. Ông A-ha-ron giơ gậy lên và đập nước sông, trước mặt Pha-ra-ô và bè tôi của nhà vua. Tất cả nước sông liền biến thành máu. <sup>21</sup> Cá dưới sông bị chết, sông ra hôi thối, và người Ai-cập không thể uống nước sông được nữa; trong cả nước Ai-cập, chỗ nào cũng có máu.

<sup>22</sup> Nhưng các phù thuỷ Ai-cập cũng dùng phù phép của mình mà làm như vậy. Lòng Pha-ra-ô vẫn chai

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Ân-long khiến rắn mình bò 505  
Tới ngay rắn họ, nuốt vô bụng liền.

<sup>13</sup> Phan-vương cảm thấy bụng yên,  
Phe mình cũng ghép thần tiên thua gì.  
Cho nên vua chẳng thêm nghe.  
Ân, Mao, lủi thủi ra về lặng thinh.

<sup>14</sup> Phan-vương có ý hơi khinh, 511  
<sup>15</sup> Sáng nay đi tắm, thỉnh linh Mao-tôn  
Đón vua ở tại bờ sông,  
<sup>16</sup> Yêu cầu giải quyết cho xong vấn đề.  
<sup>17</sup> Phen này nếu chẳng phán phê, 515  
<sup>18</sup> Thì phần hậu quả nặng nề vua mang.  
Lệnh Trời đâu phải dễ ngăn,  
Nhưng vua và bọn đình thần bỏ đi.  
<sup>19</sup> Chiếu theo thiên lệnh, tức thì,  
<sup>20</sup> Ân-long cầm gậy nhìn về bốn phương.  
Đầm hồ, kênh rạch, ao chuôm, 521  
Những bình chứa nước, những mương trong vườn.  
Rồi đập gậy xuống nước sông,  
Vua quan bỗng thấy máu hồng khắp nơi.  
Tiếng dân la chạy tơi bời, 525  
Ở đâu cũng máu tanh hôi, kinh hoàng!

**Bản văn Kinh thánh**

đá, vua không nghe hai ông, như Đức Chúa đã nói trước. <sup>23</sup> Pha-ra-ô trở về cung điện và cả đến chuyện đó vua cũng không thêm bận tâm. <sup>24</sup> Tất cả người Ai-cập đào đất ở gần sông để tìm nước uống, vì không thể uống nước sông. <sup>25</sup> Bảy ngày đã trôi qua sau khi Đức Chúa giáng hoạ trên sông Nin. <sup>26</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy đến gặp Pha-ra-ô và nói với vua ấy: Đức Chúa phán thế này: Hãy thả dân Ta ra, để họ đi thờ phượng Ta. <sup>27</sup> Nếu người không chịu thả cho họ đi, thì này Ta sẽ dùng nạn ếch nhái mà đánh phạt toàn thể lãnh thổ người. <sup>28</sup> Sông Nin sẽ nhung nhúc ếch nhái; chúng sẽ ngoi lên, nhảy vào cung điện người, vào phòng ngủ của người, nhảy lên giường người, vào nhà bê tôi của người và nhà dân người, nhảy vào lò, vào cối nhồi bột của người. <sup>29</sup> Éch nhái sẽ leo lên thân thể người, thân thể dân người và mọi bề tôi của người.”

**8**

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy nói với A-ha-ron: Anh hãy cầm gậy giơ tay trên sông ngòi và hồ ao, làm cho ếch nhái ngoi lên trên đất Ai-cập.” <sup>2</sup> Ông A-ha-ron giơ tay trên mặt nước của Ai-cập và ếch nhái ngoi lên, lan tràn khắp đất Ai-cập. <sup>3</sup> Các phù thủy dùng phù phép của mình cũng làm được như thế: họ làm cho ếch nhái ngoi lên trên đất Ai-cập.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Trăm dân đất Giép khóc than,  
Khát không nước uống, đói càng khổ hơn.  
<sup>21</sup> Cá, tôm, lớn nhỏ dưới sông,  
Thầy đều chết hết, khắp vùng thúi tha.  
<sup>22</sup> Một bầy phù thủy tâu qua, **531**  
Họ làm cũng được nước ra đổ lòm.  
Phan-vương càng cứng dạ hơn,  
<sup>23</sup> Vội vàng trở lại hoàng cung, ngồi buồn.  
<sup>24</sup> Trong vùng dân Yết bình thường, **535**  
Giép dân tìm nước, thảm thương chau mày.

<sup>25</sup> Nước thành máu, một nạn tai.  
Lịnh Trời phạt đủ bảy ngày mới tha.  
<sup>1</sup> Một tuần tai nạn trôi qua,  
Mao-tôn lại đón long xa tâu rằng:  
“Xin cho dân Yết lên đàng, **541**  
<sup>2</sup> Phên nầy cưỡng lại hoạ càng góm ghê.”  
<sup>3</sup> Phan-vương tức giận tràn trề,  
Muốn dùng võ lực quét đi quấy rầy.  
<sup>4</sup> Nhưng còn sợ cảnh bút mây **545**  
Thì rừng sẽ động, cỏ cây rối núi.

**8**

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>4</sup> Pha-ra-ô mới triệu ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến và bảo: “Hãy cầu xin Đức Chúa đuổi ếch nhái đi xa ta và dân ta, rồi ta sẽ thả dân ra để chúng đi tế lễ Đức Chúa.” <sup>5</sup> Ông Mô-sê thưa với Pha-ra-ô: “Xin cho tôi được hân hạnh biết khi nào tôi phải cầu xin cho bệ hạ, cho bề tôi và dân của bệ hạ, để ếch nhái rời khỏi bệ hạ và cung điện, mà chỉ còn ở lại trong sông Nin.” <sup>6</sup> Vua trả lời: “Ngày mai.” Ông Mô-sê nói: “Sẽ xảy ra như lời bệ hạ xin, để bệ hạ biết là chẳng có ai bằng Đức Chúa, Thiên Chúa của chúng tôi. <sup>7</sup> Éch nhái sẽ đi xa bệ hạ và cung điện, xa bề tôi và dân của bệ hạ, và sẽ chỉ còn ở lại trong sông Nin.” <sup>8</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron ra khỏi cung điện vua Pha-ra-ô. Ông Mô-sê kêu lên Đức Chúa về nạn ếch nhái Người đã gây ra để hại Pha-ra-ô. <sup>9</sup> Đức Chúa đã làm như lời ông Mô-sê xin, và ếch nhái chết trong nhà, ngoài sân và ngoài đồng. <sup>10</sup> Người ta thu lại từng đống và cả xử nặc mùi hôi thối. <sup>11</sup> Thấy tạm yên, lòng Pha-ra-ô lại ra nặng nề cứng cỏi, vua không nghe lời các ông, như Đức Chúa đã nói trước. <sup>12</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy nói với A-ha-ron: Anh hãy giơ gậy lên, rồi đập xuống bụi dưới đất cho nó biến thành muỗi trong khắp đất Ai-cập.” <sup>13</sup> Hai ông đã làm như thế: ông A-ha-ron giơ tay cầm gậy lên, rồi đập xuống bụi dưới đất; liền có muỗi trên thân thể người ta và thú vật; tất cả bụi dưới đất biến

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>5</sup> Nhà vua khảng khái trả lời:  
“Các người đừng có vẽ vờ, mắt công...”  
<sup>6</sup> Ân-long đứng trước sân rồng,  
Đưa tay qua phía cánh đồng Giép-tô.  
Tức thì ếch nhái nhảy vô, **551**  
Tràn lên cung điện để đồ, phó phường.  
Tràn lên khắp cả ruộng vườn,  
Lắm kho, nhà cửa, chiếu giường dân gian.  
Làm cho cuộc sống khó khăn, **555**  
Giao thông đình trệ, xóm làng nhộp nhơ.  
<sup>7</sup> Bảy giờ phù thủy hét hò,  
Mấy câu thần chú cho vua mát lòng.  
<sup>8</sup> Rối ren không thể gỡ xong,  
Phan-vương mời gấp Mao-tôn luận bàn:  
“Người làm ếch nhái, tiêu tan, **561**  
Trẫm cho dân Yết lên đàng tế thiên.”  
<sup>9</sup> Mao-tôn: “... bệ hạ muốn yên,  
Định ngày mời đủ chính quyền, quân dân.  
Tới đây chúng kiến việc làm, **565**  
Tôi trừ ếch nhái, nhờ ơn trên trời.  
Đó là Thượng đế dân tôi,”  
<sup>10</sup> Vua rằng: Quyết định ngày mai thi hành.”  
Việc này đồn khắp huyện, làng,  
<sup>11</sup> Sáng ra, dân tới kinh thành để xem.  
<sup>12</sup> Mao-tôn đứng giữa điện tiền, **571**  
Cầu xin Thượng đế đại quyền, giải nguy.  
Từ nội địa tới biên thủy,  
<sup>13</sup> Các loài ếch nhái tức thì ngã lẩn.  
Nơi nơi phơi xác đầy đàng, **575**  
<sup>14</sup> Xông mùi hôi thúi, xóm làng hốt chôn.  
Nạn nầy giải quyết vừa xong,  
<sup>15</sup> Phan-vương phản lại tuyên ngôn của mình.  
<sup>16</sup> Hôm sau, vào lúc bình minh  
Mao-tôn cảm ứng thần linh lịnh truyền.

### Bản văn Kinh thánh

thành muối trong khắp đất Ai-cập.  
<sup>14</sup> Các phù thủy dùng phù phép của mình cũng làm như thế để bắt muối phải ra khỏi đất Ai-cập, nhưng không được. Muối cứ ở lại trên thân thể người ta và thú vật.  
<sup>15</sup> Các phù thủy thưa với Pha-ra-ô: “Đó là ngón tay của Thiên Chúa!” Nhưng lòng Pha-ra-ô vẫn chai đá và vua không nghe hai ông, như Đức Chúa đã nói trước.  
<sup>16</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Sáng mai, hãy dậy sớm và đến đứng trước mặt Pha-ra-ô; này vua ấy sẽ ra mé nước. Người sẽ nói với vua: Đức Chúa phán thế này: Hãy thả dân Ta ra, để chúng đi thờ phượng Ta. <sup>17</sup> Nếu người không thả cho dân Ta đi, thì này Ta sẽ thả ruồi nặng xuống trên người và bề tôi người, trên dân và cung điện của người. Nhà cửa Ai-cập sẽ đầy ruồi nặng, ngay cả đất đai nơi chúng ở cũng thế. <sup>18</sup> Nhưng trong ngày ấy, Ta sẽ chừa ra đất Gô-sen là nơi dân Ta đang ở, để nơi đó không có ruồi nặng, và để người biết rằng Ta là Đức Chúa, Ta ngự giữa đất này. <sup>19</sup> Ta sẽ phân biệt dân của Ta với dân của người, nội ngày mai sẽ có dấu lạ đó.” <sup>20</sup> Và Đức Chúa đã làm như thế: một đám ruồi nặng đen nghịt kéo vào cung điện Pha-ra-ô, vào nhà cửa bề tôi của vua và toàn cõi đất Ai-cập; cả đất ấy bị ruồi nặng tàn phá.  
<sup>21</sup> Pha-ra-ô liền triệu ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến và bảo: “Các người cứ việc đi tế lễ Thiên Chúa

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Phan-vương tâm địa chưa mềm, 581  
 Hãy cho những vật nhỏ hèn tấn công.  
<sup>17</sup> Ân-long cảm gậy ra đồng,  
 Đập trên bụi đất, gió lồng bay lên.  
 Từng bày mòng, muối xám đen, 585  
 Phủ bao nước Giép không kiêng nơi nào.  
 Triều đình, dân chúng nôn nao,  
 Đi đâu chẳng được, chui đâu bấy giờ.  
 Bám người, cắn vật ngát ngơ,  
 Các ngành sinh hoạt tựa hồ giậm chơn.  
<sup>18</sup> Các tay phù thủy gắng công, 591  
 Phèn này thất bại, vua buồn hết tin.  
<sup>19</sup> Họ rằng: “... Trời của Yết-linh,  
 Là Thần tuyệt đối, quyền trên bụt thần ...”  
 Phan-vương tự ái, kiêu căng, 95  
 Cho đi mất mặt, để càng gay go.  
 Ba ngày tất cả đối xo.  
 Trời cho gió mạnh đuổi xô muối mòng.  
<sup>20</sup> Nạn này vừa được tạm xong,  
 Phan-vương ra cửa, Mao-tôn râu rỗng:  
 “Chúng tôi khẩn khoản bao lần, 601  
 Xin cho dân Yết lên đàng lễ dung.  
<sup>21</sup> Tại vì bề hạ không ưng,  
 Khiến cho tai họa nào nùng xảy ra.  
<sup>22</sup> Làm cho dân Giép kêu ca, 605  
 Còn vùng dân Yết cửa nhà bình an.  
 Đó là bằng cứ rõ ràng,  
 Để vua nhận thấy “ai bằng Trời cao?”  
<sup>23</sup> Nếu còn chậm trễ cách nào,  
 Ngày mai tai nạn kéo vào Giép-tô.”  
 Phan-vương chưa bỏ ý đồ, 611  
 Yết-dân nô lệ là kho lợi quyền.

### Bản văn Kinh thánh

của các người ngay trong đất này!” <sup>22</sup> Ông Mô-sê trả lời: “Không nên làm như thế: những gì chúng tôi tế dâng Đức Chúa, Thiên Chúa chúng tôi, đều ghê tởm đối với người Ai-cập. Vậy nếu chúng tôi tế dâng trước mắt người Ai-cập những gì là ghê tởm trước mắt họ, thì làm sao họ lại không ném đá chúng tôi được? <sup>23</sup> Chúng tôi sẽ đi ba ngày đường để vào sa mạc tế lễ Đức Chúa là Thiên Chúa của chúng tôi, như Người phán với chúng tôi.” <sup>24</sup> Pha-ra-ô nói: “Ta, ta sẽ thả các người ra, để các người đi tế lễ Đức Chúa là Thiên Chúa của các người, trong sa mạc; chỉ có điều là không được đi xa quá. Các người hãy cầu cho ta.” <sup>25</sup> Ông Mô-sê thưa: “Khi ra khỏi nơi đây, tôi sẽ cầu Đức Chúa. Ngày mai, ruồi nặng sẽ rời khỏi bề hạ, khỏi bề tôi và dân của bề hạ. Có điều là xin bề hạ đừng phình gạt hoài, không chịu thả dân ra để họ đi tế lễ Đức Chúa.” <sup>26</sup> Ông Mô-sê ra khỏi cung điện Pha-ra-ô và khẩn cầu Đức Chúa. <sup>27</sup> Đức Chúa đã làm theo lời ông Mô-sê xin: Người khiến ruồi nặng rời khỏi Pha-ra-ô, khỏi bề tôi và dân của vua, không sót lại con nào. <sup>28</sup> Nhưng cả lần này nữa, lòng Pha-ra-ô vẫn nặng nề cứng cỏi; vua không thả cho dân đi.

## 9

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy đến với Pha-ra-ô và nói với vua: Đức Chúa, Thiên Chúa của

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>24</sup> Gió từ hướng bắc thổi lên,  
 Áo ào ruồi nặng bay lênh không gian,  
 Xông vào nhà cửa muôn dân, 615  
 Cao lầu, biệt điện, đền thần, hoàng cung.  
<sup>25</sup> Phan-vương trong cảnh cực lòng.  
 Lịnh mời Mao, Ân đến chung họp bàn:  
 “Cho dân tại chỗ cử hành,  
 Cần gì phải trở lên đàng miền xa ...?”  
<sup>26</sup> “Mao-tôn: “... để nghị vua ra, 621  
 Sẽ gây xung đột, bất hoà hai dân,  
 Bò, chiên ... dân Giép tôn thần,  
 Yết dân giết, đặt lên bàn hoả thiêu.  
 Kẻ thờ, người giết ... là điều 625  
 Thuộc về tôn giáo, bao nhiêu thù hận.  
<sup>27</sup> “Cho nên dân Yết lên đàng,  
 Càng xa càng tốt, càng gần càng nguy.”  
<sup>28</sup> Phan-vương: “... Này, trăm cho đi,  
 Nhưng đừng xa quá, ngại khi trở về ...”  
<sup>29</sup> “Cảm ơn bề hạ đã phê, 631  
 Ngày mai ruồi nặng, bốn bề biến tan,  
 Sau khi tai nạn đã tàn,  
 Đừng ai phản bội mà mang hoạ nhiều.”  
<sup>30</sup> Mao-tôn ra khỏi vương triều, 635  
 Cầu xin Thượng đế thủ tiêu ruồi lằng.  
<sup>31</sup> Khắp miền quấy nhiễu vừa tan,  
 Phan-vương lật lọng, cấm ngăn đủ điều.

## 9

<sup>1</sup> Mao-tôn, Trời dạy đến triều:  
 “Bảo nguy đại hoạ nặng nhiều gấp năm,

**Bản văn Kinh thánh**

người Híp-ri, phán thế này: Hãy thả dân Ta ra, để chúng đi thờ phượng Ta. <sup>2</sup> Nếu người không chịu thả cho chúng đi, mà cứ cầm giữ lại, <sup>3</sup> thì này tay của Đức Chúa sẽ giáng ôn dịch rất nặng xuống trên súc vật của người ở ngoài đồng, trên ngựa, lừa, lạc đà, bò bê và chiên cừu. <sup>4</sup> Đức Chúa sẽ đối xử với súc vật của Ít-ra-en khác súc vật của Ai-cập, và không có gì thuộc về con cái Ít-ra-en sẽ phải chết.” <sup>5</sup> Và Đức Chúa ấn định thời gian, Người phán: “Ngày mai, Đức Chúa sẽ làm điều ấy trong xứ.” <sup>6</sup> Ngay hôm sau, Đức Chúa làm điều ấy: tất cả súc vật của người Ai-cập đều chết, còn trong đàn súc vật của con cái Ít-ra-en, thì không con nào chết cả. <sup>7</sup> Pha-ra-ô sai người đi xem, thì này trong đàn súc vật của Ít-ra-en, không con nào chết cả. Nhưng lòng Pha-ra-ô đã ra nặng nề cứng cỏi; vua không thả cho dân đi. <sup>8</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê và ông A-ha-ron: “Hãy bốc hai nắm mồ hóng trong lò, rồi Mô-sê hãy tung lên trời trước mặt Pha-ra-ô. <sup>9</sup> Mồ hóng đó sẽ biến thành bụi trên khắp đất Ai-cập; trên khắp đất Ai-cập, nơi thân thể người ta và thú vật, sẽ có ung nhọt mọc lên và mưng mủ.” <sup>10</sup> Các ông lấy mồ hóng trong lò, rồi đến đứng trước mặt Pha-ra-ô. Ông Mô-sê tung lên trời và mồ hóng biến thành ung nhọt rồi mưng mủ nơi thân thể người ta và thú vật. <sup>11</sup> Các phù thủy không đứng nổi trước mặt

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>2</sup> *Đánh trên sản nghiệp nhơn dân, 641*  
*Đánh trên tiềm lực giàu sang nước nhà,*  
<sup>3</sup> *Nếu vua chẳng chịu buông tha*  
*Yết-dân trầy lể, ắt là nát tan.*  
<sup>4</sup> *Vấn đề hoạ đến hay chẳng, 645*  
*Là tùy bệ hạ biết tuân lệnh Trời.*  
*Hoạ về nước Giép khắp nơi,*  
*Trừ khu dân Yết, vật, người không sao.*  
<sup>5</sup> *Ngày mai tai nạn bắt đầu,*  
*Bệ hạ liệu trước, kẻo sau hận nhiều!”*  
<sup>6</sup> *Sáng ra có gió hiu hiu 651*  
*Các bầy súc vật chết queo đầy đồng.*  
*Giép-tô, ôn dịch hành hung.*  
*Còn bên đất Yết vẫn không có gì.*  
<sup>7</sup> *Phan-vương thấy rõ thị phi. 655*  
*Chống Trời, sự nghiệp suy vi lụn tàn.*  
*Cứng lòng bất kể tiếng dân.*  
*Lâm con phá sản, cơ hàn vì ai !*  
<sup>8</sup> *Trải qua ôn dịch ba ngày,*  
*Lệnh Trời tiếp gởi nạn tai lạ lùng.*  
<sup>9</sup> *Mao-tôn đứng trước sân rồng, 661*  
*Bốc tro lên vãi... gió tung ào ào.*  
<sup>10</sup> *Giép dân bất kể đầu đầu,*  
*Đều mang ghê nhọt, nhức đau cùng mình.*

**Bản văn Kinh thánh**

ông Mô-sê được, vì ung nhọt mọc đầy mình các phù thủy cũng như mọi người Ai-cập. <sup>12</sup> Nhưng Đức Chúa làm cho lòng Pha-ra-ô ra chai đá, nên vua ấy không nghe lời các ông như Đức Chúa đã nói trước với ông Mô-sê. <sup>13</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Sáng mai, người hãy dậy sớm, và đến đứng trước mặt Pha-ra-ô. Người sẽ nói với vua ấy: Đức Chúa, Thiên Chúa của người Híp-ri, phán thế này: Hãy thả dân Ta ra để chúng đi thờ phượng Ta. <sup>14</sup> Vì lần này chính Ta sẽ giáng mọi tai ương xuống trên người, trên bề tôi và dân người, để người biết rằng trên khắp mặt đất không có ai bằng Ta. <sup>15</sup> Nếu bây giờ Ta ra tay, dùng dịch hạch mà đánh phạt người và dân người, thì dân người sẽ biến khỏi mặt đất. <sup>16</sup> Nhưng sở dĩ Ta còn cho người sống, là để người nhìn thấy sức mạnh của Ta, và để thiên hạ loan truyền danh Ta trên khắp mặt đất. <sup>17</sup> Nếu người cứ chống lại dân Ta, không thả cho chúng đi, <sup>18</sup> thì đây, ngày mai, vào giờ này, Ta sẽ cho mưa đá rất nặng, như chưa từng có ở Ai-cập từ ngày dựng nước cho đến bây giờ. <sup>19</sup> Vậy ngay bây giờ, người hãy sai người dẫn vào nơi trú ẩn: súc vật của người và tất cả những gì thuộc về người đang ở ngoài đồng. Bất cứ người hay thú vật nào ở ngoài đồng mà không đem vào nhà, thì mưa đá rơi xuống, người ấy, vật ấy sẽ chết.” <sup>20</sup> Trong số các bề tôi của Pha-ra-ô, ai kính

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>11</sup> *Những tay phù thủy triều đình, 665*  
*Khấp thân cương mủ, kêu rên, buồn rầu.*  
<sup>12</sup> *Bá quan bút rút lo âu,*  
*Nhưng vì tham vọng, Phan-trào u mê.*  
<sup>13</sup> *Chính quyền nước Giép tái tê,*  
*Còn ai đứng vững lo bề tương lai.*  
*Mao-tôn hội kiến trình bày: 671*  
*“Đã qua sáu nạn, kéo dài hại dân.*  
*Thời Trời hết, mắt nhơn tâm,*  
*Dĩ nhiên địa lợi không cầm trong tay.*  
<sup>14</sup> *Xin vua dứt khoát phen này, 675*  
*Thời cơ bỏ lỡ, sa lầy nguy nan.*  
<sup>15</sup> *Nạn tai diễn biến mấy lần,*  
*Ắt vua nhận thấy quyền năng của Trời.*  
*Lẽ ra, bệ hạ chết rồi,*  
<sup>16</sup> *Nhưng Trời để sống mà coi đá vàng.*  
<sup>17</sup> *Nghịch thiên chuốc lấy tai nạn, 681*  
*Thuận thiên nắm được bình an sống còn.*  
<sup>18</sup> *Ngày mai, giờ tị, coi chừng,*  
*Một tai hoạ lớn chưa từng xảy ra.*  
<sup>19</sup> *Vua truyền bá tánh gần xa, 685*  
*Ai tin, gom vật, người ta ở nhà.*  
*Không tin cứ việc xông pha,*  
*Rồi sau biến cố, chính tà phân minh.”*

### Bản văn Kinh thánh

sợ lời Đức Chúa thì đưa tôi tớ và súc vật vào nhà để trú ẩn; <sup>21</sup> còn kẻ không quan tâm đến lời Đức Chúa, thì để tôi tớ và súc vật ở lại ngoài đồng.

<sup>22</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy giơ tay lên trời và làm cho mưa đá rơi xuống trên khắp đất Ai-cập, trên người ta, trên thú vật và mọi cỏ cây ngoài đồng tại đất Ai-cập.” <sup>23</sup> Ông Mô-sê giơ gậy lên trời, và Đức Chúa làm cho sấm vang lên và mưa đá rơi xuống; sét đánh xuống mặt đất, và Đức Chúa làm cho mưa đá rơi xuống trên đất Ai-cập. <sup>24</sup> Đã có mưa đá và lửa loé ra giữa mưa đá; mưa đá rất nặng, như chưa từng có trên khắp đất Ai-cập, kể từ khi chúng thành một dân. <sup>25</sup> Trên khắp đất Ai-cập, mưa đá đã tàn phá tất cả những gì đang ở ngoài đồng, từ người cho đến thú vật; mưa đá cũng tàn phá mọi cỏ cây ngoài đồng và bẻ gãy mọi cây cối ngoài đồng. <sup>26</sup> Chỉ có đất Gô-sen, nơi con cái Ít-ra-en ở, là không có mưa đá.

<sup>27</sup> Pha-ra-ô sai người triệu ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến và nói với các ông: “Lần này, chính ta có tội. Đức Chúa là Đấng công chính, còn ta và dân ta đều lầm lỗi. <sup>28</sup> Hãy khẩn cầu Đức Chúa đi! Sấm sét và mưa đá như thế đủ rồi! Ta sẽ thả các người ra và các người sẽ không còn phải ở lại lâu hơn nữa.”

<sup>29</sup> Ông Mô-sê nói với vua: “Khi ra khỏi thành, tôi sẽ giơ tay lên khẩn cầu Đức Chúa. Sấm sẽ ngưng và mưa đá sẽ tạnh, để bệ hạ biết là cõi

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>20</sup> Nghe qua, dân sự, triều đình

<sup>21</sup> Kẻ chê: xuất nhập, người tin: nằm nhà.

<sup>22</sup> Hôm sau giữa nắng chan hoà, 691

Mao-tôn cảm gậy đưa ra, nhìn trời.

<sup>23</sup> Bỗng nhiên gió lốc toi bời,

Mây đen cuộn cuộn, thiên lôi đùng đùng.

<sup>24</sup> Một cơn mưa đá khắp cùng, 695

Thêm luồng lửa cháy, hải hùng dân gian.

<sup>25</sup> Ngoài đồng, người, vật, nát tan,

Cỏ cây gãy đổ, mùa màng tiêu ma.

Đau thương, dân Giép khóc la,

<sup>26</sup> Diên-san dân Yết vào ra như thường.

<sup>27</sup> Phan-vương như đã thám dò, 701

Lịnh ra mời gấp Mao-tôn tới triều:

“Thật ra, trẫm đã lỗi nhiều,

Trời cao công thẳng, trẫm theo bạo tàn.

<sup>28</sup> Xin cho mưa đá được tan, 705

Và cho sấm sét nổ vang chẳng còn.

Trẫm cho dân Yết lên đường.”

<sup>29</sup> Mao-tôn: “... bệ hạ yên lòng chờ tôi,

Đi cầu Thượng đế trên trời,

Tại qua nạn khỏi, nơi nơi an lành.

Để vua được thấy ngũ hành 711

Trong tay Thượng-đế: vị Thần toàn năng.

### Bản văn Kinh thánh

đất thuộc về Đức Chúa. <sup>30</sup> Nhưng tôi biết rằng cả bệ hạ lẫn bề tôi của bệ hạ vẫn chưa kính sợ Đức Chúa là Thiên Chúa.” <sup>31</sup> Cây gai, lúa mạch bị tàn phá, vì lúa mạch đã lên gié, cây gai đã trở bông. <sup>32</sup> Còn lúa mì, lúa miến không bị tàn phá vì mọc muộn hơn.

<sup>33</sup> Ông Mô-sê ra khỏi cung điện Pha-ra-ô và rời bỏ thành. Ông giơ tay lên khẩn cầu Đức Chúa; sấm và mưa đá ngưng, còn mưa cũng đã tạnh trên mặt đất. <sup>34</sup> Pha-ra-ô thấy mưa đã tạnh và mưa đá cũng như sấm đã ngưng, thì lại phạm tội: lòng vua và lòng bề tôi của vua lại ra nặng nề cứng cõi.

<sup>35</sup> Lòng Pha-ra-ô vẫn chai đá và vua không thả cho con cái Ít-ra-en đi, như Đức Chúa đã dùng ông Mô-sê mà nói trước.

## 10

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy đến với Pha-ra-ô, vì chính Ta đã làm cho lòng vua ấy và lòng bề tôi của vua ấy ra nặng nề cứng cõi, để Ta thực hiện các dấu lạ này giữa dân, <sup>2</sup> và để người thuật lại cho con cháu người nghe Ta đã giáng hoạ xuống Ai-cập làm sao, và Ta đã thực hiện những dấu lạ nào giữa họ, khiến các người biết Ta đây là Đức Chúa.” <sup>3</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến với Pha-ra-ô và nói với vua: “Đức Chúa, Thiên Chúa của người Híp-ri, phán thế

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>30</sup> Tuy nhiên tôi cũng ngại rằng,

Vua quan chưa đủ nhận chân quyền Trời.

<sup>31</sup> Hôm nay, vua sớm thức thòi, 715

<sup>32</sup> Mùa-màng chưa hẳn thiệt thòi bao nhiêu.

Nếu vua chống lại, bỏ liều,

Giép-tô toàn diện tiêu điều, tan hoang!”

<sup>33</sup> Mao-tôn ra khỏi trào dâng,

Giăng tay cầu nguyện, sấm tan mưa ngưng.

<sup>34</sup> Toàn dân nước Giép vui mừng, 721

Phan-vương hết sợ, cứng lòng càng thêm.

Bất tuân mạnh lịnh Trời truyền,

Thế là tai hoạ trở nên dữ dần.

## 10

<sup>1</sup> Lịnh Trời dạy đến vua quan: 725

“Giép-tô càng chống thì càng nguy nan”.

<sup>2</sup> Cũng về để gặp Yết-dân,

Tường trình những việc họp bàn với vua,

Việc Trời giáng phạt Giép-tô,

Hầu dân biết Chúa hộ phù thế nao.

<sup>3</sup> Ân, Mao trở lại vương trào: 731

“Xin vua vưng lịnh Trời cao phán truyền,



**Bản văn Kinh thánh**

này: cho đến bao giờ người vẫn không chịu hạ mình xuống trước nhan Ta? Hãy thả dân Ta ra, để chúng đi thờ phượng Ta. <sup>4</sup> Nếu người không chịu thả cho dân Ta đi, thì đây ngày mai Ta sẽ cho châu chấu vào lãnh thổ người. <sup>5</sup> Chúng sẽ che kín cả mặt đất, khiến người ta không thể thấy mặt đất nữa. Chúng sẽ ăn sạch những gì còn lại sau khi thoát tai ương, những gì trận mưa đá còn để sót lại cho các người: chúng sẽ ăn sạch mọi cây cối của các người mọc ngoài đồng. <sup>6</sup> Cung điện của người, nhà của mọi bề tôi người, nhà của mọi người Ai-cập sẽ tràn ngập châu chấu; đó là điều mà cha ông người, cũng như cha ông của cha ông người chưa từng thấy từ ngày có họ trên mặt đất cho đến ngày hôm nay.” Rồi ông Mô-sê quay gót, ra khỏi cung điện Pha-ra-ô. <sup>7</sup> Bề tôi Pha-ra-ô thưa với vua: “Tên ấy còn gieo họa cho chúng ta đến bao giờ nữa đây? Xin bệ hạ thả bọn người ấy ra, để họ đi thờ phượng Đức Chúa, Thiên Chúa của họ. Bệ hạ chưa biết Ai-cập đang đi tới chỗ diệt vong hay sao?” <sup>8</sup> Người ta bảo ông Mô-sê và ông A-ha-ron trở lại với Pha-ra-ô, và vua nói với các ông: “Các người hãy đi thờ phượng Đức Chúa, Thiên Chúa của các người. Nhưng ai sẽ đi?” <sup>9</sup> Ông Mô-sê trả lời: “Chúng tôi sẽ cùng đi với người trẻ, người già, chúng tôi sẽ cùng đi với con trai, con gái chúng tôi, với chiên cừu, bò bê của chúng tôi,

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>4</sup> Bảy lần tai nạn đảo điên,  
Xin vua xác nhận oai quyền Chí tôn.  
<sup>5</sup> Phên này ất họa nặng hơn, 735  
Sẽ cho cắt đứt các nguồn dân sinh,  
<sup>6</sup> Ruộng vườn dân chúng, triều đình,  
Họa về tràn ngập điều linh, hoang tàn.  
Lần này già biệt trào dâng,  
Mỗi lần hội kiến, mỗi lần thương đau.  
<sup>7</sup> Các quan tâu với Phan-trào: 741  
“Cảnh này phải chịu đến bao giờ cùng...  
Bệ hạ giải quyết cho xong.  
Kéo dài bất lợi, há mong chống Trời.  
Phúc trình tổng kết khắp nơi. 745  
Giép-tô sản nghiệp - Thiệt thòi tối đa.  
Vườn cây kiệt quệ quả, hoa,  
Các bầy súc vật kể ra điều tàn.  
Nông tang mất bốn phần năm,  
Còn về nhân mạng hàng ngàn diệt vong.”  
<sup>8</sup> Triều đình hội lại Mao-tôn, 751  
Phan-vương đồng ý, nhưng còn đặt ra:  
“Trẻ con, phụ nữ ở nhà,  
Đàn ông vắng lễ hay là toàn dân?”  
<sup>9</sup> Mao-tôn: “... đủ các thành phần, 755  
Nam, phụ, lão, ấu, các ngành chăn nuôi.

**Bản văn Kinh thánh**

bởi vì đối với chúng tôi, đây là một lễ kính Đức Chúa.” <sup>10</sup> Vua nói với các ông: “Thì Đức Chúa cứ việc ở với các người, xem ta có thả các người và con cái các người đi không! Các người coi: các người có những ý định xấu xa! <sup>11</sup> Không như thế được đâu! Bọn đàn ông các người hãy đi mà thờ phượng Đức Chúa, vì đó chính là điều các người yêu cầu.” Rồi người ta đuổi các ông đi cho khuất mắt Pha-ra-ô. <sup>12</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy giơ tay lên trên đất Ai-cập cho châu chấu kéo đến: chúng sẽ bay lên trên đất Ai-cập mà ăn sạch cỏ cây trong xứ, tất cả những gì trận mưa đá còn để sót lại.” <sup>13</sup> Ông Mô-sê giơ tay lên trên đất Ai-cập, và Đức Chúa cho một luồng gió đông thổi vào đất này suốt ngày hôm đó và suốt đêm; đến sáng, thì gió đông đã đưa châu chấu vào rồi. <sup>14</sup> Châu chấu bay lên trên khắp đất Ai-cập; chúng đậu trên khắp cả lãnh thổ Ai-cập, đông vô kể. Trước kia chưa bao giờ có nhiều châu chấu như thế, và sau này cũng chẳng có như vậy. <sup>15</sup> Chúng che kín cả mặt đất, làm đen nghịt cả mặt đất. Châu chấu ăn sạch cỏ cây trong xứ và mọi trái cây mà mưa đá còn để sót lại; không còn một chút xanh tươi nào trên cây, trên cỏ ngoài đồng, trong khắp đất Ai-cập. <sup>16</sup> Pha-ra-ô vội triệu ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến và nói: “Ta đắc tội với Đức Chúa, Thiên Chúa của các người, và với các người.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Vì là đại lễ tế Trời ...”  
<sup>10</sup> Vua rằng: “... thâm ý các người mưu gì?  
<sup>11</sup> Trẫm cho đình tráng ra đi,  
Thê nhi ở lại, theo chi thêm phiền.  
Người xin tế lễ Cao-thiên, 761  
Trẫm nay y tấu, đừng thêm tiếng nào.”  
Đứt lời ra lệnh bãi châu,  
Ngọ môn đóng lại, Ân, Mao, ra ngoài.  
<sup>12</sup> Lệnh Trời cho giáng nạn tai, 765  
Càng toan tính lợi, càng ray rút buồn.  
<sup>13</sup> Mao-tôn chỉ gây giáp vòng,  
Khấp trên thành phố, cánh đồng Giép-tô.  
Gió đông nổi dậy ồ ồ.  
Ngày đêm chẳng dứt, khi vừa rạng đông.  
<sup>14</sup> Cào cào, châu chấu trùng trùng. 771  
Từ đâu kéo tới, ngập cùng đất đai.  
Cẩn ăn tất cả cỏ cây,  
Cỏ kim chỉ có lần này gớm ghê.  
Dân cư tổn thất nặng nề, 775  
<sup>16</sup> Phan-vương khôn cực, tới kẻ Mao-tôn:  
“Xét ra trẫm lỗi quá chừng,  
Ngang nhiên dám chống Thiên-công nhân lành.  
Đã gây tại hại cho dân,  
Xin cầu cho trẫm được an phen này.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>17</sup> Vậy giờ đây, xin xá tội cho ta lần này nữa thôi, và hãy khẩn nài Đức Chúa, Thiên Chúa của các ngươi, ít ra là đẩy xa ta cái tai hoạ chết người này.” <sup>18</sup> Ông Mô-sê ra khỏi cung điện Pha-ra-ô và khẩn nài Đức Chúa. <sup>19</sup> Đức Chúa cho gió biển nổi lên rất mạnh, cuốn châu chấu đi và đẩy xuống Biển Sậy; không còn sót một con châu chấu nào trên toàn lãnh thổ Ai-cập nữa. <sup>20</sup> Nhưng Đức Chúa làm cho lòng Pha-ra-ô ra chai đá, và vua không thả cho con cái Ít-ra-en đi. <sup>21</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy giơ tay lên trời, cho bóng tối bao trùm đất Ai-cập, bóng tối như sờ thấy được.” <sup>22</sup> Ông Mô-sê giơ tay lên trời, và bóng tối dày đặc bao trùm cả đất Ai-cập trong ba ngày. <sup>23</sup> Trong ba ngày, người ta không nhìn thấy nhau và không ai rời chỗ mình được. Nhưng tất cả con cái Ít-ra-en đều có ánh sáng tại nơi họ ở. <sup>24</sup> Pha-ra-ô triệu ông Mô-sê đến và bảo: “Các ngươi hãy đi thờ phượng Đức Chúa; chỉ có chiên cừu, bò dê của các ngươi phải ở lại, còn trẻ con có thể cùng đi với các ngươi.” <sup>25</sup> Ông Mô-sê nói: “Vậy xin bệ hạ cấp cho chúng tôi những tế phẩm và của lễ toàn thiêu để chúng tôi dâng lên Đức Chúa, Thiên Chúa chúng tôi. <sup>26</sup> Cả những đàn súc vật của chúng tôi cũng sẽ đi với chúng tôi, không để sót lại một móng chân nào, vì chúng tôi phải lấy một số trong những con vật đó mà dùng vào việc thờ phượng

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>18</sup> Mao-tôn lẳng lạng ra ngoài, 781  
 Kêu xin Thượng đế nương tay vương trào.  
<sup>19</sup> Gió tây trời khiến ào ào,  
 Cào cào, châu chấu, thổi nhào biển khơi.  
<sup>20</sup> Phan-vương thấy đã tốt trời, 785  
 Bỗng nhiên trở dạ quên lời ước giao.  
<sup>21</sup> Lịnh Trời chẳng lấy gươm đao,  
 Để trừng phạt kẻ cứng đầu kiêu căng.  
<sup>22</sup> Mao-tôn y lịnh thừa hành,  
 Đưa tay lên triệu bóng âm trở về.  
 Nơi nơi u tối nặng nề, 791  
 Người ta chẳng thấy dấu kẻ bên nhau.  
 Trăm dân nước Giép xô xao,  
<sup>23</sup> Làm gì chẳng đặng, đi đâu chẳng rời.  
 Ba hôm không có mặt trời, 795  
 Còn vùng dân Yết sáng tươi lệ thường.  
<sup>24</sup> Phan-vương mời gấp Mao-tôn:  
 Trăm cho tất cả lên đường lễ dung,  
 Bò, chiên, súc vật thì đừng ...'  
<sup>25</sup> Mao-tôn: “ ...như vậy, khó tuân được rồi,  
 Chiên, cừu, của lễ dân tôi, 801  
 Để dùng hoà tế, không thời lấy chi?  
<sup>26</sup> Người đi, mục súc cũng đi  
 Phòng khi trời dạy, có gì để dung...”

**Bản văn Kinh thánh**

Đức Chúa, Thiên Chúa chúng tôi. Chính chúng tôi cũng không biết phải dâng gì cho Đức Chúa, bao lâu chưa đến đó.” <sup>27</sup> Nhưng Đức Chúa làm cho lòng Pha-ra-ô ra chai đá và vua không chịu thả cho họ đi. <sup>28</sup> Pha-ra-ô nói với ông Mô-sê: “Ra khỏi đây! Liệu hồn, đừng có đến trước mặt ta nữa, vì ngày nào người đến trước mặt ta thì người sẽ phải chết!” <sup>29</sup> Ông Mô-sê đáp: “Đúng như bệ hạ nói! Tôi sẽ không bao giờ đến trước mặt bệ hạ nữa!”

**11**

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Ta sẽ giáng một tai ương nữa xuống Pha-ra-ô và Ai-cập. Sau đó, vua ấy sẽ thả các ngươi ra khỏi đây. Hơn nữa, thay vì thả các ngươi, vua ấy lại còn đuổi hẳn các ngươi đi là đằng khác. <sup>2</sup> Vậy ngươi hãy nói cho dân nghe: Đàn ông thì hỏi anh hàng xóm, đàn bà thì hỏi chị láng giềng, lấy những đồ bạc và đồ vàng.” <sup>3</sup> Đức Chúa cho dân được cảm tình của người Ai-cập. Hơn nữa, trong đất Ai-cập, chính ông Mô-sê là một nhân vật rất quan trọng đối với các bề tôi của Pha-ra-ô và đối với dân. <sup>4</sup> Ông Mô-sê nói: “Đức Chúa phán thế này: vào quãng nửa đêm, Ta sẽ rảo khắp Ai-cập. <sup>5</sup> Mọi con đầu lòng trong đất Ai-cập sẽ phải chết, từ con đầu lòng của vị Pha-ra-ô đang ngồi trên ngai báu, đến con

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>27</sup> Phan-vương tự ái, nổi xung: 805  
<sup>28</sup> “Không nghe lời trăm, đừng hòng gặp nhau.  
 Về đi, chớ khá tới trào!”  
<sup>29</sup> Mao-tôn: “ ... như định không bao giờ nhìn,  
 Từ đây bệ hạ chớ xin,  
 Chết thì chịu lấy một mình mà thôi!”

**11**

<sup>1</sup> Ân, Mao, nghe rõ lịnh Trời: 811  
 “Còn tai hoạ chót gởi người Giép-Tô  
 Phan-vương phải đổi thế cờ,  
 Đã không cấm cản còn nhờ ra đi.  
<sup>2</sup> Hai người loan báo kịp thì. 815  
 Yết-dân chuẩn bị những gì phải lo,  
 Đến cùng bè bạn Giép-tô.  
 Bạc vàng hỏi mượn, vải sò tạm vay.  
 Để đi hiến lễ ba ngày,  
<sup>3</sup> Trời xui ai cũng rộng tay giúp giùm.  
 Bây giờ thế giá Mao-tôn. 821  
 Tăng thêm uy tín trong lòng Giép-dân.  
 Phan-vương kể cả quần thần,  
 Thấy đều nể mặt, nổi danh người hùng.  
<sup>4</sup> Mao-tôn tiết lộ diêm hung: 825  
 “Đêm nay giờ tí Thiên-công tuân hành.  
<sup>5</sup> Giép-tô tất cả trường nam,  
 Số trời dứt mạng, không phân biệt nào.

**Bản văn Kinh thánh**

đầu lòng của đũa đầy tứ gái ngồi sau cối xay, đến mọi con đầu lòng của loài vật. <sup>6</sup> Trong khắp đất Ai-cập, sẽ vang lên tiếng kêu la như chưa từng có và không bao giờ có nữa. <sup>7</sup> Còn nơi mọi con cái Ít-ra-en, sẽ không có một con chó nào sữa, dù sữa người hay sữa thú vật; như thế, các người sẽ biết rằng Đức Chúa phân biệt Ít-ra-en với Ai-cập. <sup>8</sup> Bảy giờ tất cả các bề tôi của bệ hạ sẽ xuống tìm tôi, phục xuống lạy tôi và thưa: xin ông và toàn dân theo ông ra khỏi nước cho. Sau đó tôi sẽ đi ra.” Ông Mô-sê nổi giận bừng bừng, ra khỏi cung điện Pha-ra-ô. <sup>9</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Pha-ra-ô sẽ không nghe các người, là để Ta làm thêm nhiều phép lạ trong đất Ai-cập.” <sup>10</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron làm mọi phép lạ đó trước mặt Pha-ra-ô; nhưng Đức Chúa làm cho lòng Pha-ra-ô ra chai đá, và vua không thả con cái Ít-ra-en ra khỏi đất ấy.

**12**

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê và ông A-ha-ron trên đất Ai-cập: <sup>2</sup> “Tháng này, các người phải kể là tháng đứng đầu các tháng, tháng thứ nhất trong năm. <sup>3</sup> Hãy nói với toàn thể cộng đồng Ít-ra-en: Mùng mười tháng này, ai nấy phải bắt một con chiên cho gia đình mình, mỗi nhà một con. <sup>4</sup> Nếu nhà ít người, không ăn hết một con, thì

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Đông cung thái tử Phan-trào,  
Đến con vắn võ, thẳng hầu, cùng đình.  
Con so mục súc cũng đành, **831**  
Chịu chung án phạt. <sup>6</sup> Dân tình, khóc than!  
<sup>7</sup> Nhìn qua khu vực Yết-dân,  
Bình an vô sự, rõ ràng khác xa.  
Biết chẳng ai chính, ai tà, **835**  
Ai là Thượng đế, ai là dị đoan.”  
<sup>8</sup> Mao-tôn còn nhấn mạnh rằng:  
“Rồi đây quyền lực trào dâng”... lạy tôi.  
Van nài, khóc lóc sụt sùi,  
Xin đưa dân Yết tới nơi tế Trời.  
<sup>9</sup> Bảy giờ tôi sẽ nhận lời, **841**  
Nói cho hả giận, đoạn dời chơn đi.”  
Tuy nhiên cũng chẳng thấm gì,  
Xưa nay bạo chính chết vì lòng tham  
Phan-vương bị nạn mười lần, **845**  
Thiên cơ đã thấy, thực hành lại không.  
<sup>10</sup> Gây nên biến cố phi thường,  
Chết dân, hại nước, chính trường xôn xao.  
Đồ vương, tranh bá tự hào.  
Thời trời không có cũng nhào nát tan.

**12**

<sup>1</sup> Đây là kế hoạch Trời ban, **851**  
Cho con dân Yết muôn năm ghi lòng.  
<sup>2</sup> Hôm nay lập quốc khởi công,  
Tháng này niên lịch tâm đồng “đầu năm”.  
<sup>3</sup> Linh truyền tất cả con dân, **855**  
Mùng mười mỗi hộ sẵn sàng con chiên.  
<sup>4</sup> Hộ nào người ít thì nên,  
Hiệp nhau vài hộ gần bên đủ dùng.

**Bản văn Kinh thánh**

chung với người hàng xóm gần nhà mình nhất, tùy theo số người. Các người sẽ tùy theo sức mỗi người ăn được bao nhiêu mà chọn con chiên. <sup>5</sup> Con chiên đó phải toàn vẹn, phải là con đực, không quá một tuổi. Các người bắt chiên hay dê cũng được. <sup>6</sup> Phải nhốt nó cho tới ngày mười bốn tháng này, rồi toàn thể đại hội cộng đồng Ít-ra-en đem sát tế vào lúc xế chiều, <sup>7</sup> lấy máu bôi lên khung cửa những nhà có ăn thịt chiên. <sup>8</sup> Còn thịt, sẽ ăn ngay đêm ấy, nướng lên, ăn với bánh không men và rau đắng. <sup>9</sup> Các người không được ăn sống hay luộc, nhưng chỉ được ăn nướng, với cả đầu, chân và lòng. <sup>10</sup> Không được để lại gì đến sáng; cái gì còn lại đến sáng, phải đốt đi. <sup>11</sup> Các người phải ăn thế này: lưng thắt gọn, chân đi dép, tay cầm gậy. Các người phải ăn vội vã: đó là lễ Vượt Qua mừng Đức Chúa. <sup>12</sup> Đêm ấy Ta sẽ rảo khắp đất Ai-cập, sẽ sát hại các con đầu lòng trong đất Ai-cập, từ loài người cho đến loài thú vật, và sẽ trị tội chư thần Ai-cập: vì Ta là Đức Chúa. <sup>13</sup> Còn vết máu trên nhà các người sẽ là dấu hiệu cho biết có các người ở đó. Thấy máu, Ta sẽ vượt qua, và các người sẽ không bị tai ương tiêu diệt khi Ta giáng họa trên đất Ai-cập. <sup>14</sup> Các người phải lấy ngày đó làm ngày tưởng niệm, ngày đại lễ mừng Đức Chúa. Qua mọi thế hệ, các người phải mừng ngày lễ này: đó là luật quy định cho đến muôn đời.

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>5</sup> Chiên tơ đực, chẳng tì lông,  
<sup>6</sup> Đợi ngày mười bốn, hoàng hôn giết làm.  
<sup>7</sup> Máu bôi ngưỡng cửa tiền đàng, **861**  
<sup>8</sup> Thịt chiên phải nướng làm phần ăn đêm.  
Với rau diếp, bánh không men,  
<sup>9</sup> Không nên tái, luộc, hoặc thêm món nào.  
Ăn lòng, bốn cẳng, ăn đầu, **865**  
<sup>10</sup> Còn thừa đem đốt, chùi lau gọn gàng.  
<sup>11</sup> Khi ăn cầm gậy, giày mang,  
Thắt lưng, tư thế sẵn sàng trở đi.  
Phải ăn vội vã, kịp thì,  
Vì là “cuộc vượt biên thủy qui mô”.  
<sup>12</sup> Đêm nay Trời phạt Giép-tô. **871**  
Trường nam các hộ, con so các loài.  
Các thần tượng ở đất này,  
Đều bị xét đoán, vì “đây là Trời”.  
<sup>13</sup> Nhà nào cửa có máu bôi, **875**  
Họa tai chước miễn trong ngoài bình yên.  
<sup>14</sup> Ngày đó phải được lưu truyền,  
Qua bao thế hệ nhờ quyền thượng thiên.  
<sup>15</sup> Bảy ngày ăn bánh không men,  
Nếu ai vi phạm, giữ tên khai trừ.  
<sup>16</sup> Ngày đầu, ngày cuối đặc thù, **881**  
Phải mừng long trọng, kể như phước lành.  
<sup>17</sup> Trừ vài trường hợp tối cần,  
Trong hai ngày ấy việc làm phải kiêng.  
<sup>18</sup> Mỗi chiều mười bốn tháng giêng, **885**  
Đến chiều hăm mốt, cử men không dùng.  
<sup>19</sup> Chính đây quan điểm phải vững,  
Dầu người kiêu ngạo cũng đừng vi sơ.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>15</sup> “Trong bảy ngày, các người phải ăn Bánh Không Men. Ngay từ ngày thứ nhất, các người phải loại men ra khỏi nhà, vì phàm ai ăn bánh có men, từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy, người đó sẽ bị khai trừ khỏi Ít-ra-en. <sup>16</sup> Ngày thứ nhất, các người phải họp nhau thờ phượng Ta, ngày thứ bảy cũng họp nhau thờ phượng Ta. Những ngày đó không được làm công việc nào cả, chỉ được dọn bữa cho ai nấy ăn mà thôi. <sup>17</sup> Các người sẽ giữ tục lệ mừng lễ Bánh Không Men, vì vào chính ngày đó, Ta đã đưa các đạo binh của các người ra khỏi đất Ai-cập. Qua mọi thế hệ, các người phải giữ tục lệ mừng ngày lễ ấy: đó là điều luật vĩnh viễn. <sup>18</sup> Tháng Giêng, ngày mười bốn trong tháng, từ buổi chiều, các người sẽ ăn bánh không men, cho đến buổi chiều ngày hai mươi mốt. <sup>19</sup> Trong bảy ngày, không được giữ men trong nhà các người, vì phàm ai ăn bánh có men, người đó sẽ bị khai trừ khỏi cộng đoàn Ít-ra-en, bất luận là ngoại kiều hay người bản xứ. <sup>20</sup> Các người không được ăn các thứ bánh có men; dù ở đâu, các người cũng phải ăn bánh không men.”

<sup>21</sup> Ông Mô-sê triệu tập tất cả các kỳ mục Ít-ra-en và nói với họ: “Hãy đi bắt chiên cừu về cho gia đình anh em, và sát tế làm lễ Vượt Qua. <sup>22</sup> Anh em sẽ lấy một bó hương thảo, nhúng vào máu trong chậu và lấy máu từ trong chậu bôi lên khung cửa; và không ai trong

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>20</sup> *Mấy điều Trời đã dặn dò,  
Mọi người phải rõ cần do thực hành.”*

<sup>21</sup> *Ấn-Mao, triệu tập Yết-dân, 891*

*Chia từng khu xóm, ân cần truyền rao.*

<sup>22</sup> *Những điều Trời dạy làm sao,  
Hai người giải thích trước sau rõ ràng:*

<sup>23</sup> *“Trong đêm hệ trọng nghiêm trang, 895*

*Nhà ai nấy ở, chó mang ra đường.*

<sup>24</sup> *Là đêm giải phóng phi thường,*

<sup>25</sup> *Cổ kim lịch sử sẽ không nơi nào.*

<sup>26</sup> *Khi về Đất hứa, mai sau,  
Hàng năm chủng tộc truyền nhau cử hành.*

<sup>27</sup> *Nhắc cho miêu duệ hậu sanh. 901*

*Một ngày dựng nước quyền năng của Trời.”*

<sup>28</sup> *Toàn dân nghe rõ đầu đuôi.*

*Sáp mình lạy Đấng cứu đời muôn thương.*

*Về nhà y lệnh Mao-tôn, 905*

*Sẵn sàng chuẩn bị “quê hương trở về”.*

<sup>29</sup> *Nửa đêm gió lạnh ủ ê,  
Tay Trời sát phạt nặng nề đưa ra.*

*Tang thương bao phủ từng nhà,*

<sup>30</sup> *Giếp-tô dậy tiếng khóc la hãi hùng.*

*Khóc từ chòi lá, hoàng cung, 911*

*Nhà nào cũng bị chết con đầu lòng.*

**Bản văn Kinh thánh**

anh em sẽ ra khỏi cửa nhà mình cho đến sáng. <sup>23</sup> Đức Chúa sẽ rảo khắp Ai-cập để đánh phạt, và khi thấy máu trên khung cửa, Đức Chúa sẽ vượt qua trước cửa và không để cho Thần Tru Diệt vào nhà anh em mà đánh phạt. <sup>24</sup> Anh em phải giữ điều đó như điều luật vĩnh viễn cho mình và cho con cháu. <sup>25</sup> Khi được vào đất mà Đức Chúa ban cho anh em như Người đã phán, anh em sẽ giữ nghi lễ đó. <sup>26</sup> Khi con cháu anh em hỏi anh em: ‘Nghi lễ này có ý nghĩa gì đối với quý vị?’, <sup>27</sup> anh em sẽ trả lời: Đó là lễ tế Vượt Qua mừng Đức Chúa, Đấng đã vượt qua các nhà của con cái Ít-ra-en tại Ai-cập, khi Người đánh phạt Ai-cập và cho các nhà chúng ta thoát nạn.” Dân quỳ xuống và phủ phục. <sup>28</sup> Con cái Ít-ra-en ra đi và làm y như Đức Chúa đã truyền cho ông Mô-sê và ông A-ha-ron.

<sup>29</sup> Vào nửa đêm, Đức Chúa sát hại mọi con đầu lòng trong đất Ai-cập, từ con đầu lòng của vị Pha-ra-ô đang ngồi trên ngai báu, đến con đầu lòng của người tù đang ở trong ngục và mọi con đầu lòng của loài vật. <sup>30</sup> Đêm ấy, Pha-ra-ô thức dậy, cùng với tất cả bề tôi và mọi người Ai-cập, và tại Ai-cập vang lên tiếng kêu la, vì không có nhà nào mà không có người chết. <sup>31</sup> Đang đêm nhà vua triệu ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến và bảo: “Cả các người lẫn con cái Ít-ra-en, đứng lên, đi ra, không được ở giữa dân ta nữa! Đi mà thờ phượng Đức

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

*Loài người bị phạt cho ung,  
Đến loài mục súc cũng chung số phận.*

<sup>31</sup> *Nhà vua triệu tập quần thần, 915*

*Mời Mao, Ấn tới, cho dân lên đường.*

*Phan-vương nói cách thăm thương:*

*“Dắt dân tế lễ, làm ơn đi liền,  
Y như Thượng đế đã truyền,*

<sup>32</sup> *Đem đi tất cả bò, chiên, trại, lừa ...”*

<sup>33</sup> *Các quan văn võ trong triều, 921*

*Đến ngoài quần chúng cũng yêu cầu rằng:*

*“Quý ông gấp rút lên đường,  
Chúng tôi làm cảnh khó khăn, khốn cùng!”*

<sup>34</sup> *Họ còn tặng của cần dùng, 925*

<sup>35</sup> *Vòng vàng, xuyên bạc, áo quần, quý kim.*

<sup>36</sup> *Yết-dân từ mấy ngày liền,  
Thừa hành xếp đặt, khắp miền lừng xăng.*

*Sẵn sàng đâu đó hành trang,  
Phân công đình tráng, kết đàn thê nhi.*

*Mao-tôn ra lệnh kịp thì, 931*

*Toàn dân tất cả kéo đi rần rần ...*

<sup>37</sup> *Khởi hành từ đất Diên-san,  
Tiến qua Sô-cuộc, dọc ngang từng đoàn.*

*Đòn ông độ sáu trăm ngàn, 935*

*Số này không kể phụ nhân, nhi đồng,*

### Bản văn Kinh thánh

Chúa như các người đã nói! <sup>32</sup> Cả chiên cừu, bò bê của các người, cũng hãy đem đi như các người đã nói. Đi đi và cầu phúc cho cả ta nữa.” <sup>33</sup> Người Ai-cập hối thúc con cái Ít-ra-en và vội vàng thả cho họ ra khỏi nước, vì chúng nói: “Chúng ta chết cả lũ đến nơi rồi!” <sup>34</sup> Dân phải mang theo bột đã nhào chưa kịp dậy men; họ cuộn bột đã nhào trong thùng vào áo choàng, rồi vác lên vai.

<sup>35</sup> Con cái Ít-ra-en đã làm theo lời ông Mô-sê; họ đã xin người Ai-cập những đồ bạc, đồ vàng và áo xống. <sup>36</sup> Đức Chúa cho dân được cảm tình của người Ai-cập, chúng làm như lời họ xin, và họ đã tước đoạt của cải người Ai-cập.

<sup>37</sup> Con cái Ít-ra-en nhỏ trại rời Ram-xét đi Xúc-cốt, có khoảng sáu trăm ngàn bộ hành, chỉ kể đàn ông không kể trẻ con. <sup>38</sup> Cả một đám đông hỗn tạp cùng lên với họ, mang theo chiên cừu, bò dê, họp thành một đàn súc vật đông đảo. <sup>39</sup> Họ lấy bột đã nhào đưa từ Ai-cập ra mà nướng thành bánh không men, vì bột chưa dậy men; họ bị trục xuất khỏi Ai-cập, không được chậm trễ, nên ngay cả lương thực cũng không kịp chuẩn bị. <sup>40</sup> Thời gian con cái Ít-ra-en ở Ai-cập là bốn trăm ba mươi năm. <sup>41</sup> Vào đúng ngày chấm dứt bốn trăm ba mươi năm đó, toàn thể các đạo binh của Đức Chúa đã ra khỏi đất Ai-cập.

<sup>42</sup> Đó là đêm Đức Chúa canh thức để đưa họ ra khỏi đất Ai-cập; đêm đó thuộc về Đức Chúa, đêm canh

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>38</sup> Muôn ngàn tôi tớ, làm công,

Thuộc nhiều tộc khác thập tùng Yết-dân,

Chiên, bò, lừa, ngựa, vô vàn,

Lừa đi theo chủ đầy tràn dậm xa.

<sup>39</sup> Khi đi bánh hấp qua loa, 941

Về phần lương phạn chẳng là bao nhiêu.

<sup>40</sup> Thời gian lưu lạc cũng nhiều,

Bốn trăm ba chục năm kiêu ngạo đây.

<sup>41</sup> Tủi thân trong kiếp đọa đày, 945

Cảnh vô tổ quốc đêm ngày lo âu.

<sup>42</sup> Hôm nay quyền phép trời cao,

Đưa về Đất tổ chung nhau xây đời.

Một trang lịch sử tuyệt vời,

Trên trần có một, dưới trời không hai. <sup>a</sup>

<sup>43</sup> Ý Trời muốn kỷ niệm này, 951

Trở thành quốc giáo lâu dài trong dân.

<sup>44</sup> Lễ nghi cấm dục, ngoại nhân,

Cắt bì tôi tớ được phần tham gia.

“Quá quan đại lễ”,<sup>b</sup> đặt ra, 955

<sup>46</sup> Từng gia đình một vui ca ăn mừng.

Không đưa phân thịt ra đường,

Hoặc làm bê gãy một xương cốt nào.

<sup>a</sup> Đoạn 12 này, ngày xưa tác giả cố gắng tránh cách hành văn lặp đi lặp lại của Kinh thánh Cựu ước và đã trình bày có mạch lạc, dễ hiểu cho bốn đạo tìm biết đại ý về Kinh thánh.

<sup>b</sup> Quá quan đại lễ, la ngữ: Ritus Phase, lễ lớn của dân

### Bản văn Kinh thánh

thức của toàn thể con cái Ít-ra-en, qua mọi thế hệ.

<sup>43</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê và ông A-ha-ron: “Đây là quy định về chiên lễ Vượt Qua: không người dân ngoại nào được ăn. <sup>44</sup> Mọi nô lệ mua bằng tiền đã được người cắt bì, thì được ăn. <sup>45</sup> Khách vắng lai và người làm thuê không được ăn. <sup>46</sup> Chỉ được ăn chiên trong nhà mà thôi; không được mang thịt ra khỏi nhà. Các người không được làm gãy một chiếc xương nào của nó. <sup>47</sup> Toàn thể cộng đồng Ít-ra-en sẽ mừng lễ Vượt Qua. <sup>48</sup> Nếu có ngoại kiều ở với người mà muốn cử hành lễ Vượt Qua kính Đức Chúa, thì mọi đàn ông con trai nhà ấy phải chịu cắt bì. Bấy giờ nó mới được đến gần để mừng lễ, nó sẽ như người bản xứ; nhưng ai không cắt bì thì không được ăn. <sup>49</sup> Luật đó là luật chung cho người bản xứ và ngoại kiều sống giữa người.” <sup>50</sup> Mọi con cái Ít-ra-en đã làm y như Đức Chúa đã truyền cho ông Mô-sê và ông A-ha-ron. <sup>51</sup> Chính ngày ấy Đức Chúa đã đưa con cái Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập, theo binh ngũ của chúng.

## 13

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê:

<sup>2</sup> “Hãy thánh hiến cho Ta mọi con so, mọi con đầu lòng trong số con cái Ít-ra-en, dù là người hay là thú vật: nó thuộc về Ta.”

<sup>3</sup> Ông Mô-sê nói với dân: “Hãy ghi nhớ ngày hôm nay là ngày anh em ra khỏi Ai-cập, khỏi cảnh nô lệ, vì

### Bản Nguyễn Văn Nạn

<sup>47</sup> Nhắc con cháu mãi về sau,

Như ngày quốc khánh đượm màu huyền vi.

Nhắc câu chuyện vượt biên thủy, 961

Bước đầu lập quốc thuộc về Yết-dân.

<sup>48</sup> Về phần du khách quen thân,

Muốn tham dự phải nam nhân cắt bì.

Kể như bốn quốc khác chi, 965

Ai không hợp lệ, kể như chẳng mời.

<sup>49</sup> Cắt bì, lễ tục do Trời,

Là điều bắt buộc mọi người phải tuân.

Ấn, Mao, thừa lệnh dặc dân,

<sup>51</sup> Giếp-tô bỏ lại, Trà-nam tiến về.

## 13

<sup>1</sup> Mao-tôn trong một lần kia, 971

Ý Trời cho biết vấn đề “dung con”.

<sup>2</sup> Đặt ra luật lệ bảo tồn,

Giảng khuyên dân chúng luôn luôn thực hành.

tộc mừng ngày lịch sử trọng đại, toàn dân vượt qua biên giới Ê-giêp-tô, trở về tổ quốc.

**Bản văn Kinh thánh**

Đức Chúa đã dùng cánh tay mạnh mẽ của Người mà đưa anh em ra khỏi đó. Anh em không được ăn bánh có men. <sup>4</sup> Ngày anh em ra đi là một ngày trong tháng A-víp. <sup>5</sup> Khi nào Đức Chúa đưa người vào đất của người Ca-na-an, Khết, E-mô-ri, Khi-vi và Giơ-vút, đất tràn trề sữa và mật, mà Người đã thề với cha ông người là sẽ ban cho người, người sẽ cử hành nghi thức đó vào tháng này. <sup>6</sup> Trong vòng bảy ngày, người sẽ ăn bánh không men, và ngày thứ bảy là lễ kính Đức Chúa. <sup>7</sup> Phải ăn bánh không men trong vòng bảy ngày; không được thấy bánh có men trong nhà người và cũng không được thấy men trong nhà người, trên toàn lãnh thổ người. <sup>8</sup> Trong ngày ấy, người sẽ kể lại cho con của người rằng: Sở dĩ như vậy là vì những gì Đức Chúa đã làm cho cha khi cha ra khỏi Ai-cập. <sup>9</sup> Người sẽ coi đó như là dấu ở tay người, là kỷ vật đeo trên trán, để cho Luật của Đức Chúa ở trên môi miệng người, bởi vì Đức Chúa đã dùng cánh tay mạnh mẽ mà đưa người ra khỏi Ai-cập. <sup>10</sup> Từ năm này qua năm khác, người phải giữ thánh chỉ này vào đúng thời kỳ của nó. <sup>11</sup> “Vậy khi Đức Chúa đã đưa người vào đất Ca-na-an như Người đã thề với người và cha ông của người, và khi Người đã ban đất ấy cho người, <sup>12</sup> thì người phải nhượng lại cho Đức Chúa mọi con đầu lòng của loài người và mọi con đầu lòng của loài vật trong đàn

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>3</sup> Mao-tôn đã có nhiều lần, 975

Những đêm trăng sáng nhắc dân ghi lòng:

“Quá quan khánh nhựt, ăn mừng,

Bánh làm bằng bột nhớ đừng trộn men.

Ghi ơn Thượng-đế oai quyền,

<sup>4</sup> Lúc đi lúa khắp đồng điền trở bông.

<sup>5</sup> Khi vào đến đất A-muông. 981

Trà-nam, Hy-thái... cũng trong mùa này.

Cử hành đại lễ chớ sai,

<sup>6</sup> Bắt đầu thết nhựt bánh bầy không men.

Đến ngày thứ bảy, dành riêng 985

Kính dung Thượng đế, kỳ yên lễ đài.

<sup>7</sup> Toàn dân thực dụng bánh chay,

<sup>8</sup> Chính ngày đại lễ trình bày cháu con,

Rằng xưa nô lệ thoát vòng,

Trời truyền như vậy, nay dùng nhớ ơn.

<sup>9</sup> Việc này nằm trí, nằm lòng, 991

Ghi sâu thế hệ thành công nhờ Trời.

<sup>10</sup> Cho dầu dầu bể đổi đời,

Nhớ mùa lúa trở mọi nơi ăn mừng.

<sup>11</sup> Vậy khi vào đất Trà-nam, 995

Là miền Đất hứa việc làm trước tiên.

<sup>12</sup> Trường nam thì phải dựng lên,

Con so súc vật hiến riêng cho Trời.

<sup>13</sup> Còn lừa đầu lừa dung rôi.

Chiên con thế mạng, không, thời giết đi.

**Bản văn Kinh thánh**

vật của người: các con đực thuộc về Đức Chúa. <sup>13</sup> Mọi con đầu lòng của giống lừa, người sẽ lấy một con chiên mà chuộc lại; nếu người không chuộc lại, thì đánh gãy ót nó đi. Còn mọi con đầu lòng của loài người trong số con cái người, thì người sẽ chuộc lại. <sup>14</sup> Vậy mai ngày con của người có hỏi: ‘Điều đó nghĩa là gì?’ Thì người sẽ nói với nó: ‘Đức Chúa đã dùng cánh tay mạnh mẽ của Người mà đưa chúng ta ra khỏi Ai-cập, khỏi cảnh nô lệ. <sup>15</sup> Bởi vì Pha-ra-ô làm khó dễ khi phải thả chúng ta ra, nên Đức Chúa đã sát hại mọi con đầu lòng trong đất Ai-cập, từ con đầu lòng của loài người cho đến con đầu lòng của loài vật, vì thế mà cha tể dâng Đức Chúa mọi con so giống đực; còn con đầu lòng trong số con cái cha, thì cha chuộc lại.’ <sup>16</sup> Đó sẽ là dấu ở tay người, và là phù hiệu trên trán người, vì Đức Chúa đã dùng cánh tay mạnh mẽ mà đưa chúng ta ra khỏi Ai-cập.” <sup>17</sup> Khi Pha-ra-ô thả cho dân đi, Thiên Chúa không dẫn họ theo ngã đường xuyên qua xứ Phi-li-tinh, dù đường đó gần hơn, vì Thiên Chúa nói: “Khi thấy phải chiến đấu, dân có thể hối hận mà quay về Ai-cập.” <sup>18</sup> Vậy Thiên Chúa đưa dân đi vòng, qua ngã đường sa mạc Biển Sậy. Con cái Ít-ra-en võ trang đầy đủ từ đất Ai-cập đi lên. <sup>19</sup> Ông Mô-sê đem theo hài cốt ông Giu-se, vì ông Giu-se đã bắt con cái Ít-ra-en thề khi ông nói: “Thế nào Thiên Chúa cũng sẽ

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Trường nam dựng hiến, sau thì 1001

Phải đem tiền bạc tùy nghi chuộc về.

<sup>14</sup> Hậu lai ai đặt vấn đề:

Tại sao có chuyện hiến chi thế này?

Đáp rằng: Thượng đế ra tay, 1005

Cứu dân thoát cảnh đọa đầy ngoại bang.

<sup>15</sup> Bởi Phan-vương đã cấm ngăn,

Mặc dầu Trời gọi nhiều lần nạn tai.

Cuối cùng giết hết con trai,

Đầu lòng nước Giép, không ai thoát nạn.

Con so súc vật cũng mang ... 1011

Nên rày miêu duệ cử hành nhớ ơn.

<sup>16</sup> Thành tâm giữ nghĩa keo sơn;

Nhờ Trời khôi phục giang sơn giống nòi.

<sup>17</sup> Mao-tôn thừa lệnh trên trời, 1015

Đóng vai lãnh đạo, hợp thời, dân tâm.

Lộ trình về đất Trà-nam,

Có hai thông đạo: một gần, một xa.

Phiên-tinh <sup>a</sup> kẻ cận quê nhà,

Nhưng e thổ tộc gây ra chiến trường.

Yết-dân rùn chí lộn đường, 1021

Quay về đất Giép sẽ còn rôi ren.

<sup>a</sup> Phiên-tinh, la ngữ: Philistin, có chỗ viết Phiên-lịch, một giống dân háo chiến, tham tàn, Mao-tôn muốn dắt dân Yết đi bằng qua ngã này vì rất gần, nhưng sợ thổ dân chặn đánh làm cho dân Yết chạy tán lác hoặc thối về nước Giép, nên đành đi ngã Hồng hải (Biển đỏ).

**Bản văn Kinh thánh**

thăm viếng anh em; bây giờ anh em sẽ đưa hài cốt tôi từ đây lên với anh em.”

<sup>20</sup> Họ nhổ trại rời Xúc-cốt tới đóng trại ở Ê-tham, ven sa mạc.

<sup>21</sup> Đức Chúa đi đứng trước họ: ban ngày thì ở trong cột mây để dẫn đường, ban đêm thì ở trong cột lửa để soi sáng, nên họ có thể đi cả ban ngày lẫn ban đêm. <sup>22</sup> Ban ngày cột mây đi trước dân không rời, ban đêm cột lửa cũng vậy.

**14**

<sup>1</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê:

<sup>2</sup> “Người hãy bảo con cái Ít-ra-en quay lại đóng trại đối diện với Pi Ha-khi-rốt, giữa Mích-đôn và biển, đối diện với Ba-an Xơ-phôn; các người sẽ đóng trại ngay đằng trước đó, bên bờ biển. <sup>3</sup> Bây giờ Pha-ra-ô sẽ nói về con cái Ít-ra-en: ‘Chúng đi lẩn quẩn trong vùng, sa mạc nhốt chúng lại rồi.’ <sup>4</sup> Ta sẽ làm cho lòng Pha-ra-ô ra chai đá và vua ấy sẽ đuổi theo dân. Nhưng Ta sẽ được về vang hiển hách vì đã đánh bại Pha-ra-ô cùng toàn thể quân lực của vua ấy, và người Ai-cập sẽ biết Ta là Đức Chúa.” Con cái Ít-ra-en đã làm như vậy.

<sup>5</sup> Có tin báo cho vua Ai-cập là dân đã chạy trốn rồi. Pha-ra-ô và bề tôi liền thay lòng đổi dạ với dân. Chúng nói: “Ta đã làm gì vậy? Ta đã thả cho Ít-ra-en đi, thành ra

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

Mao-tôn mở lời tả biên,

Nhắm ngay Hồng-hải truân chuyên núi rừng.

<sup>19</sup> Giữ lời thề lúc lâm chung, 1025

Cốt hài Du-tiếp theo cùng toàn dân.

<sup>20</sup> Sau khi cắm trại nghỉ chân,

Họ rời Sờ-cuộc, <sup>a</sup> Ứng-đăng <sup>b</sup> lên đường.

<sup>21</sup> Ban ngày mây trụ <sup>c</sup> tiên phuông,

Ban đêm lửa trụ <sup>c</sup> luôn luôn dẫn đường.

<sup>22</sup> Tay Trời che chở quan san, 1031

Đường về tổ quốc, on càng thêm on.

**14**

<sup>1</sup> Lịnh Trời bèn dạy Mao-tôn:

<sup>2</sup> “Đắc dân lộn ngược về vùng Phi-hâm. <sup>d</sup>

Cho dân hạ trại nghỉ chân 1035

Đọc theo bờ biển đối ngang Mạc-đà. <sup>e</sup>

<sup>3</sup> Tục kêu “Bành-phổ <sup>f</sup> rừng chà”.

Giếp-tô theo dõi cho là “Tử môn”. <sup>g</sup>

<sup>4</sup> Ý Trời rộng quá trùng dương,

Trí người vô óc cũng vượn lên kinh.

<sup>5</sup> Phan-vương vừa được báo tin 1041

Yết-dân thượng lộ, triều đình họp ngay:

Chúng ta thất bại phen này,

Một nguồn nhân lực như vậy, bỏ sao?

<sup>a</sup> Sờ-cuộc, la ngữ: Socoth, địa danh giáp giới Giếp-tô, gần vùng Diên-san.

<sup>b</sup> Ứng-đăng, la ngữ: Etham.

<sup>c</sup> Bốn của Linh mục Phaolô Qui sửa lại: vân trụ, hỏa trụ.

<sup>d</sup> Phi-hâm, la ngữ: Phihahiroth.

<sup>e</sup> Mạc-đà, la ngữ: Magdala.

<sup>f</sup> Bành-phổ, la ngữ: Beelsephon, nơi có rất nhiều cây chà là.

<sup>g</sup> Tử môn: cửa chết.

**Bản văn Kinh thánh**

bọn chúng hết làm nô lệ cho ta!”

<sup>6</sup> Nhà vua cho thắng chiến xa và đem quân đi theo. <sup>7</sup> Vua lấy sáu trăm chiến xa tốt nhất, và tất cả các chiến xa của Ai-cập, chiếc nào cũng có chiến binh. <sup>8</sup> Đức Chúa làm cho lòng Pha-ra-ô vua Ai-cập ra chai đá, và vua ấy đuổi theo con cái Ít-ra-en, trong khi con cái Ít-ra-en đi ra, giơ tay đắc thắng. <sup>9</sup> Quân Ai-cập, gồm toàn thể chiến mã, chiến xa của Pha-ra-ô, kỵ binh và quân lực của vua ấy, đuổi theo và bắt kịp họ, khi họ đóng trại bên bờ biển, gần Pi Ha-khi-rốt, đối diện với Ba-an Xơ-phôn. <sup>10</sup> Khi Pha-ra-ô tới gần, con cái Ít-ra-en ngược mắt lên thì thấy người Ai-cập tiến đến sau lưng họ. Con cái Ít-ra-en kinh hãi, liền lớn tiếng kêu cầu Đức Chúa.

<sup>11</sup> Họ nói với ông Mô-sê: “Bên Ai-cập không có đủ mồ chôn hay sao, mà ông lại đưa chúng tôi vào chết trong sa mạc? Ông làm gì chúng tôi vậy, khi ông đưa chúng tôi ra khỏi Ai-cập? <sup>12</sup> Đó chẳng phải là điều chúng tôi từng nói với ông bên Ai-cập sao? Chúng tôi đã bảo: Cứ để mặc chúng tôi làm nô lệ Ai-cập! Thà làm nô lệ Ai-cập còn hơn chết trong sa mạc!” <sup>13</sup> Ông Mô-sê nói với dân: “Đừng sợ! Cứ đứng vững, rồi anh em sẽ thấy việc Đức Chúa làm hôm nay để cứu thoát anh em: những người Ai-cập anh em thấy hôm nay, không bao giờ anh em thấy lại nữa. <sup>14</sup> Đức Chúa sẽ chiến đấu cho anh em. Anh em chỉ có việc ngồi yên.”

<sup>15</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Có gì mà phải kêu cứu Ta?

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>6</sup> Nghe qua, tức trí Phan-trào, 1045

Lịnh truyền tướng lĩnh, binh đao tốc hành.

<sup>7</sup> Thiết xa, mã chiến, sáu trăm.

<sup>8</sup> Vạn xa, độc mã hằng ngàn đuổi theo.

Kỵ binh, lính bộ dập diu,

<sup>9</sup> Mò theo dấu cẳng, mục tiêu lộ dần.

Thiết xa, đóng tại Phi-hâm, 1051

Đọc theo Bành-phổ ngập tràn ba quân.

<sup>10</sup> Yết-dân náo loạn tâm thần,

Khi nghe quân đội tới gần bao vây.

Một phần binh tinh không lay, 1055

<sup>11</sup> Một phần kéo tới làm rầy Mao-tôn:

“Giếp-tô không thiếu đất chôn,

Đưa lên rừng vắng làm cơm tử thần.

<sup>12</sup> Đàng trước Biển đỏ chắn ngang,

Đàng sau khí giới chực phân thây người.

Ông rằng đi té lể Trời, 1061

Đắc vào chỗ chết, đứng ngồi sao yên;

Thà làm nô lệ ít phiền,

Bây giờ gan ruột đảo điên thế này!”

<sup>13</sup> Mao-tôn khuyên bảo ai ai: 1065

“Vững lòng trông cậy bàn tay linh thần,

<sup>14</sup> Hôm nay thấy họ hung hăng,

Đến mai thấy họ ngã lẩn chẳng còn.

<sup>15</sup> Lịnh Trời phán dạy Mao-tôn:

“Đưa dân ra biển là đường phải đi.

<sup>16</sup> Người cầm gậy để chỉ huy, 1071

<sup>17</sup> Vì là quân đội Giếp-tô xáp gần...

Họ càng tự đắc, bạo tàn.

Thì là hình phạt sẽ càng nặng hơn.

### Bản văn Kinh thánh

Hãy bảo con cái Ít-ra-en cứ nhỏ trại. <sup>16</sup> Phần người, cầm gậy lên, giơ tay trên mặt biển, rẽ nước ra cho có lối đi khô ráo ngay giữa lòng biển, để con cái Ít-ra-en đi vào. <sup>17</sup> Còn Ta, Ta sẽ làm cho lòng người Ai-cập ra chai đá. Chúng sẽ tiến vào theo sau các người. Bấy giờ Ta sẽ được vẻ vang hiển hách khi đánh bại Pha-ra-ô cùng toàn thể quân lực, chiến xa và kỵ binh của vua ấy. <sup>18</sup> Người Ai-cập sẽ biết rằng chính Ta là Đức Chúa, khi Ta được vẻ vang hiển hách vì đã đánh bại Pha-ra-ô cùng chiến xa và kỵ binh của vua ấy.”

<sup>19</sup> Thiên sứ của Thiên Chúa đang đi trước hàng ngũ Ít-ra-en, lại rời chỗ mà xuống đi đằng sau họ. Cột mây bỏ phía trước mà đứng về phía sau, <sup>20</sup> chen vào giữa hàng ngũ Ai-cập và hàng ngũ Ít-ra-en. Bên kia, mây toả mịn mù, bên này, mây lại sáng soi đêm tối, khiến cho hai bên suốt đêm không xấp lại gần nhau được. <sup>21</sup> Ông Mô-sê giơ tay trên mặt biển, Đức Chúa cho một cơn gió đông thổi mạnh suốt đêm, dòn biển lại, khiến biển hoá thành đất khô cạn. Nước rẽ ra, <sup>22</sup> và con cái Ít-ra-en đi vào giữa lòng biển khô cạn, nước sừng sững như tường thành hai bên tả hữu. <sup>23</sup> Quân Ai-cập đuổi theo; toàn thể chiến mã, chiến xa và kỵ binh của Pha-ra-ô tiến vào giữa lòng biển, đằng sau dân Ít-ra-en. <sup>24</sup> Vào lúc gần sáng, từ cột lửa và mây, Đức Chúa nhìn xuống hàng ngũ Ai-cập, Người gây rối loạn trong hàng ngũ

### Bản Nguyễn Văn Nhật

<sup>18</sup> Họ cho người dốt, lạc đường. 1075

Phen này họ biết oai quờn Trời cao.

<sup>19</sup> Hướng-thần liền bọc phía sau,

Trụ mây phía trước cùng bao hậu đoàn.

<sup>20</sup> Biển thành chướng ngại giăng giăng,

Ban đêm Yết sáng, Giép càng tối tăm.

Ra như ngăn cách hai đàng, 1081

Giép quân không thể tiến gần tấn công.

<sup>21</sup> Tới giờ, lãnh đạo Mao-tôn.

Giơ tay mặt biển, gió nồng suốt đêm.

Rẽ phân mặt nước hai bên, 1085

Phía dưới chảy cạn, phía trên xây thành.

<sup>22</sup> Yết-dân qua biển ráo chân.

Giép quân xa mã rần rần đuổi theo.

Tập trung bãi biển thật nhiều,

Tham mưu thảo luận: thủy triều thể nao ...

Bốc sự xử quẻ cửu hào, <sup>a</sup> 1091

Nhằm giờ sao Giác-mộc-giao chiếu trùng,

Giờ dần thì gặp giao long

Xua quân đuổi kịp Mao-tôn trận tiền.

<sup>22</sup> Phan-vương bèn xuống lệnh truyền, 1095

Ba quân, xa mã trọn quyền sát sinh.

<sup>24</sup> Linh thần, mây trụ xuất chinh.

Làm cho hàng ngũ Giép binh xà ngẫu.

<sup>a</sup> Câu 22, tác giả viết theo kiểu hành quân Á-đông, có bọn quân sư thông thạo Kinh Dịch, tìm hiểu hiện tượng nước biển rẽ hai: Một bên cao như vách thành và một bên chảy cạn, là nhằm giờ sao Giác mộc giao (là con sáu) chiếu thẳng gặp giao long (là con rồng) nên xuất quân. Tác giả muốn nói dị đoan chống với sự thật.

### Bản văn Kinh thánh

chúng. <sup>25</sup> Người làm cho chiến xa kẹt bánh, khiến chúng phải vất vả mới di chuyển nổi. Quân Ai-cập bảo nhau: “Ta phải trốn bọn Ít-ra-en, vì Đức Chúa chiến đấu chống lại người Ai-cập để giúp họ.” <sup>26</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy giơ tay trên mặt biển, nước sẽ ập xuống trên quân Ai-cập cùng với chiến xa và kỵ binh của chúng.” <sup>27</sup> Ông Mô-sê giơ tay trên mặt biển, và biển ập lại như cũ, vào lúc tảng sáng. Quân Ai-cập đang chạy trốn thì gặp nước biển, Đức Chúa xô ngã quân Ai-cập giữa lòng biển. <sup>28</sup> Nước ập xuống, vùi lấp chiến xa và kỵ binh, vùi lấp toàn thể quân lực của Pha-ra-ô đã theo dân Ít-ra-en đi vào lòng biển. Không một tên nào sống sót. <sup>29</sup> Còn con cái Ít-ra-en đã đi giữa lòng biển khô cạn, nước sừng sững như tường thành hai bên tả hữu. <sup>30</sup> Ngày đó, Đức Chúa đã cứu Ít-ra-en khỏi tay quân Ai-cập. Ít-ra-en thấy quân Ai-cập phơi thây trên bờ biển. <sup>31</sup> Ít-ra-en thấy Đức Chúa đã ra tay hùng mạnh đánh quân Ai-cập. Toàn dân kính sợ Đức Chúa, tin vào Đức Chúa, tin vào ông Mô-sê, tôi trung của Người.

## 15

<sup>1</sup> Bấy giờ, ông Mô-sê cùng với con cái Ít-ra-en hát mừng Đức Chúa bài ca sau đây. Họ ca rằng: “Tôi xin hát mừng CHÚA, Đấng cao cả uy hùng: Kỵ binh cùng chiến mã,

### Bản Nguyễn Văn Nhật

Thiết xa sút bánh lật nhào,

<sup>25</sup> Ba quân cả hải: “...bôn đào là hơn!

Chống Trời bao thuờ thành công, 1101

Mới hay nhân lực là phần hư không.

<sup>26</sup> Đang khi Giép bị cầm chun,

Yết dân: người, vật ung dung lên bờ.

<sup>27</sup> Mao-tôn tuân lệnh thiên cơ, 1105

Giơ tay lên biển, nước xô ầm ầm,

<sup>28</sup> Cuốn lỏi tất cả ba quân,

Chôn vào lòng biển, tan hoang khí hùng.

<sup>29</sup> Yết-dân trải bước khô chun,

Phép Trời làm sự lạ lừng cứu dân,

<sup>30</sup> Một ngày giải phóng hoàn toàn, 1111

Tay không bắt chiến, khải hoàn vang danh,

<sup>31</sup> Nhờ ơn Thượng-đế khoan nhân,

Muôn người thành kính, toàn dân vui mừng.

Hết lòng tín nhiệm Mao-tôn, 1115

Mở đầu trang sử oai hùng Yết-dân.

## 15

<sup>1</sup> Tô lòng cảm tạ thiên ân,  
Mao-tôn, dân chúng khây đàn hợp ca:  
“Tung hô Đấng ngự thiên toà,  
Chính là Thượng đế, chính là Trời cao.  
Đạo quân hùng hậu Phan-trào. 1121  
Thiết xa, chiến mã chôn vào biển sâu.



**Bản văn Kinh thánh**

Người xô xuống đại dương.  
2 CHÚA là sức mạnh tôi,  
là Đấng tôi ca ngợi,  
chính Người cứu độ tôi.  
Người là Chúa tôi thờ,  
xin dâng lời vinh chúc,  
Người là Chúa tổ tiên,  
xin mừng câu tán tụng.  
3 Người là trang chiến binh,  
danh Người là “Đức Chúa!”  
4 Xa mã Pha-ra-ô,  
Người xô xuống lòng biển,  
tướng dũng với binh hùng  
chết chìm trong Biển Sậy.  
5 Vực thẳm vui lấp chúng,  
chúng chìm xuống nước sâu  
chẳng khác nào hòn đá.  
6 Lạy CHÚA, tay hữu Ngài  
đã biểu dương sức mạnh.  
Tay hữu Ngài, lạy CHÚA,  
đã nghiền nát địch quân.  
7 Lấy dũng lực oai hùng,  
Chúa quật ngã đối phương;  
Ngài nổi cơn thịnh nộ,  
thieu chúng cháy như rơm.  
8 Nộ khí Ngài, lạy Chúa,  
đã khiến nước dâng lên,  
sóng trùng dương dồn lại  
dựng đứng như tường thành;  
giữa lòng biển thẳm sâu,  
nước bỗng đâu ngừng chảy.  
9 Địch quân tự nhủ rằng:  
“Ta đuổi theo bắt lấy,  
chiến lợi phẩm đem chia,  
mới no lòng thoả dạ;  
ta tuốt lưới gươm trần,  
cứ thẳng tay tiêu diệt.”  
10 Ngài hà hơi nổi gió,

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

2 Tung hô thần lực tối cao,  
Nghe dân khốn khổ, phép mầu cứu dân.  
Ngài là Thiên Chúa muôn ân. 1125  
Dưỡng nuôi tổ phụ, ban phần đất đai.  
3 Tung hô quyền phép thiên đài,  
Danh Ngài đại thắng, danh Ngài vinh quang.  
Bao nhiêu sức mạnh thế gian,  
Trước Ngài như thể một làn hơi không.  
4 Tung hô thể thống vô cùng, 1131  
Vừa nghe, binh mạnh tướng hùng vỡ gan.  
5 Ngàn muôn tài trí thế nhân.  
Khác nào bọt nước phù vân mỏng giòn.  
6 Danh ngài vạn đại kính tôn, 1135  
Trí ngài bảo vệ càn khôn vững vàng.  
Tay ngài đầy dẫy quyền năng,  
Chống Ngài thì phải điêu tàn thịt xương,  
7 Danh Ngài chiếu khắp muôn phương,  
Khiêm nhơn được cứu, kiêu nhơn bị nhào.  
Giàu sang vương bá hùng hào, 1141  
Cũng như rơm rác bay vào lửa thiêu.  
8 Trùng dương muôn ngọn thủy triều,  
Ngài dồn đứng lại, bao nhiêu lạ lùng.  
Trùng dương nước chảy minh mông. 1144  
Ngài làm khô cạn, kỳ công nhứt đời.

**Bản văn Kinh thánh**

biển vui lấp chúng đi,  
chìm lìm tựa như chì  
giữa nước sâu cuộn cuộn.  
11 Ai trong bậc thần minh  
được như Ngài, lạy CHÚA?  
Ai sánh được như Ngài,  
Đấng rạng ngời thánh thiện,  
lập chiến công hùng khiếp,  
làm nên việc diệu kỳ?  
12 Tay hữu Ngài giơ lên,  
đất rẽ ra nuốt chúng.  
13 Còn dân đã chuộc về,  
Ngài yêu thương diu dắt,  
lấy quyền lực dẫn đưa  
tới đất thiêng Ngài ngự.  
14 Khi vừa nghe tin đó,  
chư dân run lấy bầy;  
người xứ Phi-li-tinh  
phải đón đau quần quại.  
15 Bấy giờ tại Ê-đôm,  
các thủ lãnh kinh hoàng,  
và quan quyền Mô-áp  
đều sợ hãi khiếp run,  
người xứ Ca-na-an  
phải rụng rời hốt hoảng.  
16 Kinh hoàng và sợ hãi  
ập xuống trên đầu họ.  
Cánh tay hùng mạnh Ngài  
làm chúng đờ như đá,  
bao lâu dân của Ngài  
vẫn còn đang qua biển,  
lạy CHÚA chúng con thờ,  
bao lâu dân Ngài tậu  
vẫn còn đang qua biển.  
17 Ngài cho dân tiến vào,  
định cư họ trên núi,  
núi gia nghiệp của Ngài.  
Lạy CHÚA, chính nơi đây

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

9 Phan-vương đại đế hưng thời,  
Dám đem quân lực bắt người Yết-linh.  
10 Một con thú phép thiên đình,  
Vui sâu bá chủ, trảm mình nát tan.  
11 Ô hay, nào các tượng thần. 1151  
Ngưu đầu, mã diện, Giếp dân tôn thờ.  
Đốt hương, nhang khói mịt mờ,  
Quân vua chết đuối, bấy giờ ở đâu?  
12 Nực cười ba lược, sáu thao, 1155  
Nghìn năm Biển đỏ, ghi vào sử xanh.  
13 Quyền cao Thượng đế, ai bằng?  
Đáng ca, đáng trọng thánh danh Chúa Trời.  
14 Nghe tin, chư quốc rụng rời.  
Phiên-tinh dân sự bồi hồi run en.  
15 Nghe tin, nhiều tộc hờn ghen, 1161  
Kinh tâm Mô-áp, tức giận Yên-đông.  
16 Khong khen Tay Chúa uy hùng,  
Dân Ngài hãnh diện thung dung tiến hành,  
17 Đang khi địch thủ tan tành, 1165  
Đi vào Đất hứa sẵn dành từ xưa.  
Là nơi đồng lúa vàng mơ,  
Có dư sữa béo, có thừa mật ong.  
18 Nơi Ngài cao ngự cứu trùng,  
Muôn năm thế hệ ở cùng dân riêng.  
19 Đẹp tan các tộc thù hiềm 1171  
Và cho Dân Chúa khắp miền rạng danh.

Ngài chọn làm chỗ ở, đây cũng là đền thánh tự tay Ngài lập nên.

<sup>18</sup> CHÚA là vua hiển trị đến muôn thuở muôn đời.”

<sup>19</sup> Khi chiến mã của Pha-ra-ô cùng với chiến xa và kỵ binh tiến vào biển, Đức Chúa cho nước biển ập xuống trên họ, còn con cái Ít-ra-en thì đi giữa lòng biển khô cạn.

<sup>20</sup> Nữ ngôn sứ Mi-ri-am, em ông A-ha-ron, cầm lấy trống; mọi phụ nữ theo bà đi ra, đánh trống và nhảy múa. <sup>21</sup> Bà Mi-ri-am xướng lên rằng:

“Hãy hát mừng Đức Chúa, Đấng cao cả uy hùng, kỵ binh cùng chiến mã, Người xô xuống đại dương.”

<sup>22</sup> Ông Mô-sê cho dân Ít-ra-en nhổ trại rời Biển Sậy. Họ ra khỏi đó, tiến vào sa mạc Sua. Họ đi ba ngày trong sa mạc mà không tìm ra nước. <sup>23</sup> Nhưng khi tới Ma-ra, họ không thể uống được nước ở Ma-ra, vì nước đó đắng. Bởi thế, người ta gọi nơi ấy là Ma-ra. <sup>24</sup> Dân kêu trách ông Mô-sê, họ nói: “Chúng tôi sẽ lấy gì mà uống?”

<sup>25</sup> Ông kêu lên Đức Chúa, và Đức Chúa chỉ cho ông một khúc gỗ. Ông thả xuống nước và nước hoá ra ngọt.

Chính tại đó Đức Chúa đã ra thánh chỉ và quyết định cho dân; chính tại đó Người đã thử lòng họ.

<sup>26</sup> Người phán: “Nếu người thực sự nghe tiếng Đức Chúa, Thiên Chúa của người, nếu người làm

<sup>20</sup> *Bấy giờ có Mỹ-lị-anh<sup>a</sup>*

*Ấn-long em gái với đàn nữ xuân.*

*Trống com, chập choã, đờn cầm. 1175*

<sup>21</sup> *Vừa đi vừa múa rập ràng câu ca:*

*“Tung hô Đấng ngự thiên toà,*

*Chính là Thượng đế, chính là Trời cao”.*

<sup>22</sup> *Từ bỏ Biển đỏ, hôm sau.*

*Mao-tôn hướng dẫn đi vào Xuyên-sa.<sup>b</sup>*

*Ba ngày vất vả trải qua. 1181*

*Không tìm được nước thật là khó khăn.*

<sup>23</sup> *Nhắm vùng Ma-lạp<sup>c</sup> bằng ngang,*

*Gặp khe nước đắng, toàn dân ngã lòng.*

<sup>24</sup> *Họ gào thét hỏi Mao-tôn: 1185*

*“Lấy gì đỡ khát? Sóng còn làm sao?”*

<sup>25</sup> *Mao-tôn hết dạ nguyện cầu,*

*Trời chỉ khúc gỗ bỏ vào nước khe.*

*Tức thì nước ngọt mọi bề,*

*Toàn dân, súc vật ngoã nguê cần dùng.*

*Trời còn dạy nếp sống chung, 1191*

*Ái nơn, kính Chúa, ngữ thường, tam cang.*

<sup>26</sup> *Lại còn thử thách lòng dân:*

*Thành tâm thực hiện lời lành Trời ban,*

*Cuộc đời được khỏi tai nạn, 1195*

*Nếu như ngược lại phải mang khổ sầu.*

<sup>a</sup> Mỹ-lị-anh, la ngữ: Myriam, em gái Ấn-long.

<sup>b</sup> Xuyên-sa, la ngữ: Sur, vùng đất tiếp cận sa mạc. Tác giả vì ép vụn cho xuôi câu, có khi dùng Xuyên hoặc Xuyên-lê, ở đây Xuyên-sa có ý nói sa mạc Xuyên (désert de Sur).

<sup>c</sup> Ma-lạp, la ngữ Mara, vùng nước đắng đã thành địa danh trên bản đồ.

điều ngay chính trước mắt Người, nếu người lắng tai nghe các mệnh lệnh của Người, và giữ mọi thánh chỉ của Người, thì Ta sẽ không giáng xuống người bệnh hoạn nào như Ta đã giáng xuống Ai-cập. Vì Ta là Đức Chúa, Đấng chữa lành người.”

<sup>27</sup> Họ đã đến Ê-lim, nơi có mười hai suối nước và bảy mươi cây chà là. Và họ đóng trại ở đó, bên bờ nước.

## 16

<sup>1</sup> Họ nhổ trại rời Ê-lim lên đường, và toàn thể cộng đồng con cái Ít-ra-en tới sa mạc Xin, giữa Ê-lim và Xi-nai, vào ngày mười lăm tháng thứ hai kể từ khi họ ra khỏi đất Ai-cập. <sup>2</sup> Trong sa mạc, toàn thể cộng đồng con cái Ít-ra-en kêu trách ông Mô-sê và ông A-ha-ron. <sup>3</sup> Con cái Ít-ra-en nói với các ông: “Phải chi chúng tôi chết bởi tay Đức Chúa trên đất Ai-cập, khi còn ngồi bên nồi thịt và ăn bánh thoả thuê. Nhưng không, các ông lại đưa chúng tôi ra khỏi đó mà vào sa mạc này, để bắt chúng tôi phải chết đói cả lũ ở đây!”

<sup>4</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Này, Ta sẽ làm cho bánh từ trời mưa xuống cho các người ăn. Dân sẽ ra lượm lấy khẩu phần cho mình, ngày nào cho ngày đó; Ta muốn thử lòng chúng như vậy xem chúng có tuân theo Luật của Ta hay không. <sup>5</sup> Ngày thứ sáu, khi chúng dọn phần ăn đã đưa về, sẽ có gập đôi phần chúng lượm

*Như Trời giáng hoạ Phan-trào,*

*Khôn sống bỗng chết, liệu sao giữ mình.*

<sup>27</sup> *Toàn dân kéo đến Đồi-liêm<sup>a</sup>*

*Mười hai suối nước chảy đêm lẫn ngày.*

*Đám kê đếm bảy chục cây, 1201*

*Họ bèn hạ trại tại đây một thời.*

## 16

<sup>1</sup> *Sau khi đã tạm nghỉ ngơi,*

*Toàn dân nhổ trại, lại dời rừng Sim.<sup>b</sup>*

*Sơn-nam<sup>c</sup> sừng sững một bên, 1205*

*Bên kia địa thế Đồi-liêm trước này.*

*Khi lia đất Giép tới đây,*

*Khoảng rằm, mười sáu tháng hai vừa đây.<sup>d</sup>*

<sup>2</sup> *Trải qua sa mạc nhiều ngày,*

*Dân tình vất vả, lúc này thiếu ăn.*

*Họ tìm Mao, Ân, cần nhân: 1211*

*“Vi đâu lâm cảnh khó khăn đôi lòng.*

<sup>3</sup> *Ở Giép, Trời phạt cũng ung,*

*Chết bên mâm thịt, chén com no đầy.*

*Còn hơn kéo căng tới đây, 1215*

*Đồng không mông quạnh, tương lai thế nào ...?”*

<sup>a</sup> Đồi-liêm, la ngữ: Elim, là nơi có mười hai suối nước tư nhuận thường niên, có đến bảy chục cây kê tươi tốt.

<sup>b</sup> Rừng Sim, la ngữ: desertum Sin, vùng sa mạc, xưa gọi là rừng cát; rừng Sim, rừng cát Sim.

<sup>c</sup> Sơn-nam, la ngữ: Sinai, dãy núi lớn, cao độ 2000 thước tây.

<sup>d</sup> Từ ngày rời khỏi đất Giép tới đây là một tháng rưỡi.

**Bản văn Kinh thánh**

mỗi ngày.”

<sup>6</sup> Ông Mô-sê và ông A-ha-ron nói với toàn thể con cái Ít-ra-en: “Chiều nay, anh em sẽ biết là chính Đức Chúa đã đưa anh em ra khỏi đất Ai-cập; <sup>7</sup> vào buổi sáng, anh em sẽ thấy vinh quang của Đức Chúa, vì Đức Chúa đã nghe thấy những lời anh em kêu trách Người. Còn chúng tôi, chúng tôi là gì mà anh em kêu trách chúng tôi?” <sup>8</sup> Ông Mô-sê nói: “Đức Chúa cho anh em chiều có thịt để ăn, và sáng có bánh để được thoả thuê, vì Đức Chúa đã nghe thấy những lời anh em kêu trách Người. Còn chúng tôi, chúng tôi là gì? Không phải anh em đã kêu trách chúng tôi, mà là kêu trách Đức Chúa.”

<sup>9</sup> Ông Mô-sê nói với ông A-ha-ron: “Xin anh nói với toàn thể cộng đồng con cái Ít-ra-en thế này: Anh em hãy lại gần thánh nhan Đức Chúa, vì Người đã nghe thấy những lời anh em kêu trách.” <sup>10</sup> Trong khi ông A-ha-ron nói với toàn thể cộng đồng con cái Ít-ra-en, họ quay mặt về phía sa mạc, và kìa, vinh quang Đức Chúa xuất hiện trong đám mây. <sup>11</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: <sup>12</sup> “Ta đã nghe tiếng con cái Ít-ra-en kêu trách. Vậy, người hãy bảo chúng rằng: Vào buổi chiều, các người sẽ được ăn thịt, và ban sáng, các người sẽ được ăn bánh thoả thuê, và các người sẽ biết rằng Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của các người.” <sup>13</sup> Thật vậy, buổi chiều, chim cú bay đến rợp cả trại. Và buổi sáng thì có lớp sương

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

<sup>4</sup> Ôn Trời sắp xếp như sau,

Mao-tôn truyền lại đồng bào lắng nghe:

“Sẽ cho mưa bánh tràn trẻ,

Ngày nào cũng đủ no nê cả nhà.

Và đây, luật lệ Trời ra, **1221**

Đồng bào chớ khá sai ngoa lỗi lầm.

<sup>5</sup> Mỗi ngày phải lượm đủ ăn,

Còn ngày thứ sáu dự phần gấp đôi.

<sup>6</sup> Chiều nay nhìn biết rõ Trời, **1225**

Là Đấng giải thoát khỏi nơi tù đồ.

<sup>7</sup> Ngày mai sáng tỏ thiên cơ,

Vì Trời nghe tiếng hận thù anh em.

Hai tôi là kẻ phạm hèn,

Xin đừng oán trách gây phiền cho nhau.

Sống còn do lệnh Trời cao, **1231**

Hai tôi có biết gì đâu mà làm.

<sup>8</sup> Chiều nay có thịt dư tràn,

Sáng mai có bánh thơm lành để ăn.

Gặp tôi, dằn vặt, phàn nàn, **1235**

Khác nào kêu trách than van tới Trời.”

<sup>9</sup> Ân-long đã chọn một nơi,

Cho dân tụ lại đón Ngôi Cừu trùng.

<sup>10</sup> Đang khi tắt cả hạp đồng,

Hướng đông sa mạc mây hồng hiện ra.

Vinh quang Thượng đế chói loà, **1241**

Toàn dân sững sốt, chan hoà linh thiêng.

<sup>11</sup> Mao-tôn nghe có lệnh truyền

<sup>12</sup> “Trời đã rõ tiếng than phiền của dân.

Sẽ cho lương thực đủ ăn, **1245**

**Bản văn Kinh thánh**

phủ quanh trại. <sup>14</sup> Rồi khi sương tan đi thì trên mặt hoang địa, có một thứ gì nhỏ nhỏ mịn màng, nhỏ nhỏ như sương muối phủ mặt đất.

<sup>15</sup> Khi con cái Ít-ra-en thấy thế, họ liền hỏi nhau: “Man hu?” Nghĩa là: “Cái gì đây?” Vì họ không biết đó là cái gì. Ông Mô-sê bảo họ: “Đó là bánh Đức Chúa ban cho anh em làm của ăn! <sup>16</sup> Đây là điều Đức Chúa đã truyền: Mỗi người hãy tùy theo sức mình ăn được bao nhiêu mà lượm, mỗi người một đấu, tùy theo số người; mỗi người hãy lấy luôn cho những người ở cùng lều với mình.”

<sup>17</sup> Con cái Ít-ra-en đã làm như thế; họ lượm kẻ nhiều người ít. <sup>18</sup> Rồi họ lấy đấu đong: kẻ có nhiều thì không dư, người có ít thì không thiếu. Mỗi người đã lượm tùy theo sức mình ăn được bao nhiêu.

<sup>19</sup> Ông Mô-sê nói với họ: “Đừng có ai để dành cho đến sáng.” <sup>20</sup> Một số người đã không nghe lời ông Mô-sê: họ để dành cho đến sáng, nhưng trong đó có giò bọ và xông ra mùi hôi thối. Bấy giờ ông Mô-sê nổi giận với họ. <sup>21</sup> Sáng nào cũng vậy, mỗi người lượm tùy theo sức mình ăn được bao nhiêu. Và khi mặt trời toả sức nóng, thì nó tan ra.

<sup>22</sup> Ngày thứ sáu, họ lượm bánh gấp đôi, mỗi người hai đấu. Tất cả những người lãnh đạo cộng đồng đến báo tin cho ông Mô-sê. <sup>23</sup> Ông nói với họ: “Đây là điều Đức Chúa phán: mai là ngày nghỉ, ngày sa-bát thánh để kính Đức Chúa. Cái gì phải nấu, thì nấu; cái gì phải

**Bản Nguyễn Văn Nạn**

Để dân nhìn biết “ai bằng Thiên công.”

<sup>13</sup> Về chiều bỗng thấy tràn đồng,

Những bầy chim cú vào trong tại lều,

Tha hồ chẻ chén đủ điều ...

Hùng đông dân thấy sương nhiều chung quanh.

<sup>14</sup> Nắng lên sương bắt đầu tan, **1251**

Chừa lại mặt đất lênh khang hột tròn,

Giống như hột bắp thơm ngon,

<sup>15</sup> Yết dân kinh ngạc, xoe tròn mắt ra:

“Cái gì kỳ lạ? Mãn-hà? <sup>a</sup>” **1255**

“Bánh đây mỹ vị chính là Trời ban.”

<sup>16</sup> Nhà nhà đều lượm về ăn,

Một người số lượm gần bằng hai tô.

<sup>17</sup> Nhà đông gắng lượm đủ no,

Nhà ít cũng phải liệu cho đủ dùng,

<sup>19</sup> Hằng ngày dùng đủ là xong **1261**

Khuyên đừng tích trữ, mất công thêm phiền.

<sup>20</sup> Có người ham chừa cả đêm,

Sáng ra thiu nhót, lảng giềng kêu rêu.

<sup>21</sup> Ăn bao nhiêu, lượm bấy nhiêu. **1265**

Nắng cao, mặt đất vật tiêu không còn.

<sup>22</sup> Thứ sáu, nhớ lượm nhiều hơn,

Gấp đôi thường nhứt, Mao-tôn dạy rằng:

“Thứ bảy ngưng các việc làm,

Tôn thờ Thượng đế, tạ ân bảo tồn.

Việc làm thứ sáu cho xong, **1271**

Nghỉ ngơi thứ bảy, ngoài đồng chớ ra.”

<sup>24</sup> Toàn dân lượm chừa trong nhà,

<sup>a</sup> Mãn-hà, la ngữ: Manhu, có nghĩa cái gì vậy? Tác giả cố dịch âm chữ Manhu là mãn hà, có nghĩa là cái gì đây đây vậy?

### Bản văn Kinh thánh

luộc, thì luộc; tất cả những gì còn dư, thì hãy cất đi, để dành cho đến sáng hôm sau.”<sup>24</sup> Họ cất đi cho đến sáng hôm sau như ông Mô-sê đã truyền, mà không thấy hôi và cũng không thấy có giòi bọ.<sup>25</sup> Ông Mô-sê nói: “Hôm nay anh em ăn phần đó đi, vì hôm nay là ngày sa-bát kính Đức Chúa; hôm nay, anh em sẽ không tìm thấy gì ở ngoài đồng.”<sup>26</sup> Trong sáu ngày, anh em hãy lượm man-na; còn ngày thứ bảy là ngày sa-bát, thì sẽ không có.”<sup>27</sup> Dầu vậy, ngày thứ bảy cũng có người trong dân đi ra lượm mà không tìm thấy.<sup>28</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Cho đến bao giờ nữa các người từ chối không tuân giữ các mệnh lệnh và luật lệ của Ta?”<sup>29</sup> Các người xem: Đức Chúa đã ban ngày sa-bát cho các người; vì thế, ngày thứ sáu, Người ban cho các người bánh đủ ăn hai ngày. Ai nấy hãy ở yên một chỗ; ngày thứ bảy, đừng có ai ra khỏi chỗ ở của mình.”<sup>30</sup> Vậy dân nghĩ việc ngày thứ bảy.

<sup>31</sup> Nhà Ít-ra-en đặt tên cho vật ấy là man-na. Nó giống như hạt ngò, màu trắng và mùi vị tựa bánh trắng tằm mật ong.

<sup>32</sup> Ông Mô-sê nói: “Đây là điều Đức Chúa đã truyền: Hãy đóng cho đầy một đấu để giữ lại cho con cháu các người; như thế, chúng sẽ thấy bánh Ta đã cho các người ăn trong sa mạc, lúc Ta đem các người ra khỏi đất Ai-cập.”<sup>33</sup> Ông Mô-sê nói với ông A-ha-ron: “Hãy lấy một cái bình và đổ vào đó một đấu đầy

### Bản Nguyễn Văn Nạn

Sáng ra thứ bảy hãy là còn nguyên.

<sup>25</sup> Mao-tôn rằng: “... Luật Trời truyền, 1275

Ngoài đồng thứ bảy chẳng tìm được chi;

<sup>26</sup> Đồng bào đã rõ thị phi,

Nhớ ngày thứ bảy chớ đi ra đồng.”

<sup>27</sup> Thế mà có kẻ yếu lòng.

Sáng ngày thứ bảy kéo chơn đi tìm,

Chỉ có mặt đất khô nen. 1281

<sup>28</sup> Mao-tôn khiển trách kẻ hèn đức tin:

<sup>29</sup> “Trời cho sáu bữa phần mình,

Chỉ có một bữa chứng minh “thờ Trời”.

Của ăn Thứ Sáu gấp đôi, 1285

<sup>30</sup> Hầu cho thứ bảy nghỉ ngơi việc làm.

Ý Trời đâu đó cân phân,

Mà không nghiêm chỉnh, thi hành, khó tha.<sup>a</sup>”

<sup>31</sup> Từ đây dân Yết đồng hoà,

Của ăn Trời độ gọi là Man-na.<sup>b</sup>

<sup>32</sup> Muốn lưu truyền khắp người ta, 1291

Chứng minh vạn đại thiên toà quyền năng.

Mao-tôn được lệnh bảo toàn,

Trung bày trước mắt toàn dân đêm ngày.

Những khi hữu sự nhìn đây, 1295

Cầu xin Thượng đế xuống tay nhân lành.

<sup>33</sup> Ấn-long cấp tốc thực hành.

<sup>a</sup> Mao-tôn hết sức căn dặn dân chúng tin tưởng vào quyền phép Thiên Chúa, và thực hành đúng theo thể lệ đặt ra, là nghỉ việc lao lực phần xác trong sáu ngày và dành riêng ngày thứ bảy để thờ phượng, cảm tạ ơn lành Thiên Chúa đã ban.

<sup>b</sup> Manna, la ngữ: Mana, là tên dân Yết đặt ra để gọi thức ăn kỳ lạ như bột ngũ cốc ướp mùi vị mật ong, rất ngon bổ.

### Bản văn Kinh thánh

man-na, rồi đặt trước nhan Đức Chúa để giữ lại cho con cháu anh em.”<sup>34</sup> Theo như Đức Chúa đã truyền cho ông Mô-sê, ông A-ha-ron đã đặt cái bình ấy đằng trước Chứng Ước, để giữ lại.

<sup>35</sup> Con cái Ít-ra-en đã ăn man-na suốt bốn mươi năm, cho đến khi họ tới đất định cư; họ đã ăn man-na cho đến khi tới ranh giới đất Ca-na-an.<sup>36</sup> Một đấu tương đương bốn lít rưỡi.

## 17

<sup>1</sup> Toàn thể cộng đồng con cái Ít-ra-en nhỏ trại rời sa mạc Xin, đi từ chặng này đến chặng khác, theo lệnh của Đức Chúa. Họ đã đóng trại ở Rơ-phi-đim, nhưng tại đây không có nước cho dân uống.

<sup>2</sup> Dân gây sự với ông Mô-sê. Họ nói: “Cho chúng tôi nước uống đi!” Ông Mô-sê nói: “Tại sao anh em lại gây sự với tôi? Tại sao lại thử thách Đức Chúa?”<sup>3</sup> Ở đó, dân khát nước nên đã kêu trách ông Mô-sê rằng: “Ông đưa chúng tôi ra khỏi Ai-cập để làm gì? Có phải là để cho (chúng) tôi, con cái (chúng) tôi, và súc vật của (chúng) tôi bị chết khát hay không?”<sup>4</sup> Ông Mô-sê kêu lên cùng Đức Chúa: “Con phải làm gì cho dân này bây giờ? Chỉ một chút nữa là họ ném đá con!”<sup>5</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê:

“Người hãy đi lên phía trước dân, đem theo một số kỳ mục Ít-ra-en; cầm lấy cây gậy người đã dùng để đập xuống sông Nin, và đi đi.

### Bản Nguyễn Văn Nạn

Dùng một bình tốt chứa Man-na đầy.

<sup>34</sup> Đặt trong hộp chạm khéo tay,

Kiểu lâu long phượng thép ngoài vàng son.<sup>a</sup>

<sup>35</sup> Yết dân, bốn chục năm tròn, 1301

Man-na lương thực trên đường chuyển dân.

<sup>36</sup> Trải qua sa mạc, rừng hoang,

Tới khi vào đất Trà-nam quê nhà.

## 17

<sup>1</sup> Lệnh Trời vừa mới ban ra 1305

Rừng sim bỏ lại, kéo qua Rạch-điền.<sup>b</sup>

Vùng này đất đá khô nen,

Vấn đề nước uống gây nên khó lòng.

<sup>2</sup> Dân bèn kêu trách Mao-tôn;

Ông khuyên chớ vội quên ơn của Trời.

“Đồng bào giận dữ chi tôi, 1311

Đó là thử thách đến Ngôi chín từng.”

<sup>3</sup> Nhưng vì thiếu nước quá chừng,

Trẻ con, súc vật như hồng tắt hơi.

<sup>4</sup> Mao-tôn than thở cùng Trời: 1315

“Nhân cùng trí đoán, mạng tôi hiểm nghèo.”

<sup>5</sup> Trời rằng: “... hội trường lão nhiều,

Còn người cầm gậy dắc theo hướng đời.

<sup>6</sup> Hòn đá Hô-liệp<sup>c</sup> là nơi,

Người cầm gậy đập, nước xoi mạch liền”.

<sup>7</sup> Mao-tôn làm đúng lệnh truyền, 1321

Một nguồn nước tốt triển miên đồ ào.

<sup>a</sup> Một cái hộp lớn, chạm rồng phụng rất khéo, sơn son thếp vàng, trong để một bình chứa Manna, làm bảo chứng lòng lành Thiên Chúa.

<sup>b</sup> Rạch-điền, la ngữ: Riphidim.

<sup>c</sup> Hô-liệp, la ngữ: Horeb, một ngọn đồi nằm trong dãy núi lớn Sơn-nam (Sinai).

### Bản văn Kinh thánh

<sup>6</sup> Còn Ta, Ta sẽ đứng ở đằng kia trước mặt ngươi, trên tảng đá ở núi Khô-rép. Ngươi sẽ đập vào tảng đá. Từ tảng đá, nước sẽ chảy ra cho dân uống.” Ông Mô-sê đã làm như vậy trước mắt các kỳ mục Ít-ra-en. <sup>7</sup> Ông đặt tên cho nơi ấy là Ma-xa và Mơ-ri-va, nghĩa là thử thách và gây sự, vì con cái Ít-ra-en đã gây sự và thử thách Đức Chúa mà rằng: “Có Đức Chúa ở giữa chúng ta hay không?”

<sup>8</sup> A-ma-lếch đến đánh Ít-ra-en tại Rơ-phi-đim. <sup>9</sup> Ông Mô-sê bảo ông Giô-suê: “Anh hãy chọn một số người, và ngày mai ra đánh A-ma-lếch. Còn tôi, tôi sẽ đứng trên đỉnh đồi, tay cầm cây gậy của Thiên Chúa.” <sup>10</sup> Ông Giô-suê làm như ông Mô-sê đã bảo: ông đã giao chiến với A-ma-lếch, còn các ông Mô-sê, A-ha-ron và Khua thì lên đỉnh đồi. <sup>11</sup> Khi nào ông Mô-sê giơ tay lên, thì dân Ít-ra-en thắng thế; còn khi ông hạ tay xuống, thì A-ma-lếch thắng thế. <sup>12</sup> Nhưng ông Mô-sê mỏi tay, nên người ta lấy một hòn đá kê cho ông ngồi, còn ông A-ha-ron và ông Khua thì đỡ tay ông, mỗi người một bên.

Nhờ vậy, tay ông Mô-sê cứ giơ lên được mãi, cho đến khi mặt trời lặn. <sup>13</sup> Ông Giô-suê đã dùng lưỡi gươm đánh bại A-ma-lếch và dân của ông ta. <sup>14</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy chép lại việc này vào sách để lưu niệm và hãy nói vào tai Giô-suê rằng: Ta sẽ xoá hẳn tên tuổi A-ma-lếch, khiến cho thiên hạ không còn nhớ đến

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

*Ngạc nhiên trường tộc xiết bao!  
Chỉ coi còn phép Trời cao hay là ...?  
<sup>8</sup> Có tin báo động từ xa, 1321  
Quân dân Mã-liệt<sup>a</sup> kéo qua Rạch-điền,  
Quyết tranh sống chết một phen,  
Chận đường dân Yết đến biên thùy nhà  
<sup>9</sup> Mao-tôn chọn kẻ tài ba,  
Chàng tên Do-duê đứng ra tảo trừ.  
Tuyển ngàn đỉnh tráng có dư, 1331  
Kéo ra ứng chiến, tiến từ nhiều nơi.  
<sup>10</sup> Mao-tôn yểm trận trên đồi,  
Tay cầm gậy phép đứng coi quân hành.  
<sup>11</sup> Hai bên xáp chiến rất hăng, 1335  
Mao-tôn cầu khẩn, tay giăng lên trời.  
Yết dân giết địch toi bời,  
Lúc tay mỏi hạ, địch thời phản công.  
<sup>12</sup> Hữu-lập<sup>b</sup> lại với Ân-long  
Phải kê đá để Mao-tôn lên ngôi.  
Hai tay thì có hai người, 1341  
Nung lên cho đến lúc trời hoàng hôn.  
<sup>13</sup> Do-duê,<sup>c</sup> khi đó xung phong.  
Diệt quân Mã-liệt không còn giáp manh.  
Yết dân ca khúc khải hoàn, 1345  
<sup>14</sup> Trời truyền chép lại để dành hậu lai.  
Danh từ Mã-liệt từ đây,  
Bị bôi khỏi mặt đất này luôn luôn.*

<sup>a</sup> Mã-liệt, la ngữ: Amalec, một giống dân háo chiến, dù tợn, gốc con cháu Yến-giao (Esau), sống tiếp cận đất Trà-nam và gần Yên-đông (Idumee).

<sup>b</sup> Hữu-lập, la ngữ: Hur, có nơi viết Ben Hur, người giúp Mao-tôn đắc lực.

<sup>c</sup> Do-duê, la ngữ: Josue, một thanh niên dũng cảm có lòng kính sợ Thiên Chúa, được Mao-tôn tín nhiệm, cũng là người sau này tiếp nối Mao-tôn đưa dân về Đất hứa.

### Bản văn Kinh thánh

nó nữa.” <sup>15</sup> Ông Mô-sê dựng một bàn thờ và đặt tên là: “Đức Chúa, cờ trận của tôi.” <sup>16</sup> Ông nói: “Bởi vì một bàn tay đã giơ lên chống lại ngai của Đức Chúa, nên có chiến tranh giữa Đức Chúa và A-ma-lếch từ đời nọ đến đời kia.”

## 18

<sup>1</sup> Ông Gít-rô là tư tế Ma-đi-an và là nhạc phụ ông Mô-sê, nghe biết mọi điều Thiên Chúa đã làm cho ông Mô-sê và Ít-ra-en, dân của Người, khi Đức Chúa đem Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập. <sup>2</sup> Ông Gít-rô, nhạc phụ ông Mô-sê, trước kia đã đón nhận bà Xíp-pô-ra, người vợ mà ông Mô-sê đã gửi về, <sup>3</sup> cùng với hai người con trai của bà. Một người tên là Ghéc-sôm, vì ông nói: “Tôi là ngoại kiều nơi đất khách quê người”; <sup>4</sup> người kia tên là Ê-li-e-de, vì “Thiên Chúa của cha tôi đã cứu giúp tôi và đã giải thoát tôi khỏi gươm Pha-ra-ô.” <sup>5</sup> Ông Gít-rô, nhạc phụ ông Mô-sê, cùng với vợ con ông Mô-sê đến gặp ông Mô-sê ở sa mạc, nơi ông này dựng lều, gần núi của Thiên Chúa. <sup>6</sup> Ông cho người đến nói với ông Mô-sê: “Tôi là Gít-rô, nhạc phụ của anh, cùng với vợ con anh đến gặp anh.” <sup>7</sup> Ông Mô-sê ra đón tiếp nhạc phụ, phủ phục và ôm hôn ông. Rồi các ông vấn an nhau và bước vào lều. <sup>8</sup> Ông Mô-sê kể cho nhạc phụ nghe tất cả những gì Đức Chúa đã giáng xuống Pha-ra-ô và Ai-cập vì Ít-ra-en, mọi nỗi gian truân Ít-ra-en

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

<sup>15</sup> Toàn dân theo lệnh Mao-tôn,  
Dựng bàn tế lễ tạ ơn Chúa Trời.  
<sup>16</sup> Bởi dân Mã-liệt hết thời, 1351  
Dám chống Thượng đế mà đòi tiêu tan.

## 18

<sup>1</sup> Bấy giờ Diên-trọng đến thăm  
Ông là giáo chủ của dân Mã-điền.  
Nghe đồn Trời cứu dân riêng, 1355  
Mao-tôn là kẻ, khắp miền vang danh.  
Yết-dân bất chiến công thành,  
Phan vương quyền lực tan tành bể sâu,  
<sup>2</sup> Mao-tôn, đại sự lúc đầu,  
Dem vợ, con cái gởi vào nhạc gia,  
<sup>3</sup> Diên-trọng nay dắc trở qua, 1361  
<sup>4</sup> Âm-liêm, Mạnh-đạt đó là ngoại tôn,  
<sup>5</sup> Với mẹ chúng nó : Sa-phương  
<sup>6</sup> Bốn người vừa đến, Mao-tôn đón chào.  
<sup>7</sup> Cha vợ, chàng rể gặp nhau, 1365  
Tâm đầu ý hiệp đổi trao đậm đà.  
<sup>8</sup> Vào lều, thuật việc xảy ra,  
Con đường di chuyển rất là hiểm nguy.  
Tay Trời cứu vớt kịp thì,  
Bằng không, nhân lực lấy gì ầm no.  
<sup>9</sup> Diên-trọng nghe rõ căn do, 1371  
Vui mừng được thấy thời cơ ứng hành.  
<sup>10</sup> Tung hô Thượng đế quyền năng,  
Ra tay tế độ Yết dân lạ lừng,  
<sup>11</sup> Tượng thần đất Giép bạo hung, 1375  
Phen này ắt thấy Cửu trùng chi chân.

**Bản văn Kinh thánh**

gặp phải trên đường và cách Đức Chúa đã giải thoát họ. <sup>9</sup> Ông Gít-rô lấy làm vui sướng vì mọi sự lành Đức Chúa đã làm cho Ít-ra-en, khi Người giải thoát họ khỏi tay người Ai-cập. <sup>10</sup> Ông Gít-rô nói: “Chúc tụng Đức Chúa đã giải thoát các ông khỏi tay người Ai-cập và tay Pha-ra-ô, đã giải thoát dân khỏi tay người Ai-cập! <sup>11</sup> Giờ đây, tôi nhận biết rằng Đức Chúa cao cả hơn hết mọi thần minh, vì Người đã chứng tỏ điều đó khi người ta đối xử ngạo mạn với dân.”

<sup>12</sup> Ông Gít-rô, nhạc phụ ông Mô-sê, dâng lên Thiên Chúa lễ toàn thiêu và các hy lễ. Ông A-ha-ron và mọi kỳ mục của Ít-ra-en đã đến ăn bánh với nhạc phụ ông Mô-sê trước nhan Thiên Chúa.

<sup>13</sup> Hôm sau, ông Mô-sê ngồi xử kiện cho dân. Dân đứng bên ông Mô-sê từ sáng đến chiều. <sup>14</sup> Nhạc phụ của ông Mô-sê thấy tất cả những gì ông đã làm cho dân thì nói: “Anh đang làm gì cho dân vậy? Tại sao chỉ có một mình anh ngồi xử, trong khi cả dân đứng châu chực anh từ sáng đến chiều?” <sup>15</sup> Ông Mô-sê nói với nhạc phụ: “Ấy là vì dân đến với con để thỉnh ý Thiên Chúa. <sup>16</sup> Khi họ có việc gì, họ đến với con; con phân xử cho đôi bên và cho biết những thánh chỉ và lề luật của Thiên Chúa.” <sup>17</sup> Nhạc phụ ông Mô-sê nói với ông: “Anh làm như thế không tốt đâu! <sup>18</sup> Chắc chắn anh sẽ kiệt sức, và cả dân đang ở đây với anh cũng vậy; vì công việc quá nặng đối với anh, anh không thể

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>12</sup> Mao-tôn, Diên-trọng lập đàn,

Cử hành lễ tế tạ ân Chúa Trời,

Tế xong, trưởng tộc được mời,

Cùng chung ăn bánh, trao lời chúc nhau.

<sup>13</sup> Điều hành công việc, hôm sau, 1381

Xếp hàng dân chúng òn ào lấn chen.

Bừng tung cho tới đổ đên,

Mọi người châu chực, gây phiền xiết bao.

<sup>14</sup> Nhạc gia bèn hỏi: “...vì sao 1385

Dân tình tập hợp tranh nhau quá rầy?”

<sup>15</sup> Mao-tôn: “... dân chúng tới đây,

Một là kiện tụng, thứ hai, việc làm;

<sup>16</sup> Nhờ con minh bạch xử phân,

Hoặc là chỉ dẫn đường lành, lẽ ngay.”

<sup>17</sup> Diên-trọng: “... làm thế không hay, 1391

Ôm đồm nhiều việc, tối ngày phí công.

<sup>18</sup> Đã đành vất vả phần con,

Đồng bào châu chực lại còn khổ tâm.

Một mình không thể làm kham, 1395

<sup>19</sup> Mà nên tổ chức “cộng đoàn tác viên”.

Phần con trực tiếp Quyền trên,

Tấu trình dân nguyện, ban truyền thiên cơ.

<sup>20</sup> Dạy dân biết lễ phượng thờ,

Biết điều nhân ái, sống cho công bằng.

**Bản văn Kinh thánh**

làm nổi một mình. <sup>19</sup> Bây giờ anh hãy nghe lời tôi khuyên; cầu chúc Thiên Chúa ở với anh! Còn anh, anh hãy đứng ra thay mặt dân trước nhan Thiên Chúa: chính anh sẽ trình các việc lên Thiên Chúa, <sup>20</sup> sẽ dạy cho họ các thánh chỉ, các lề luật, và cho họ biết đường lối phải đi và cách phải xử sự. <sup>21</sup> Rồi anh hãy xem trong toàn dân những ai là người có tài, biết kính sợ Thiên Chúa, đáng tin cậy, không ham của bất chính, thì đặt họ làm người chỉ huy: điều khiển một ngàn hay một trăm, năm mươi hay mười người. <sup>22</sup> Họ sẽ thường trực xử kiện cho dân; việc nào lớn thì họ trình lên anh, còn việc nào nhỏ thì chính họ xử lý: hãy làm như vậy để nhẹ gánh cho anh. Họ phải gánh việc đỡ anh. <sup>23</sup> Nếu anh làm điều đó, thì Thiên Chúa sẽ chỉ bảo cho anh, anh sẽ có thể đứng vững, và hơn nữa cả đám dân này có thể về nhà bình an.”

<sup>24</sup> Ông Mô-sê nghe lời nhạc phụ và đã làm tất cả những điều ông ấy nói. <sup>25</sup> Ông Mô-sê chọn trong toàn dân Ít-ra-en những người có tài và đặt họ làm đầu dân, điều khiển một ngàn hay một trăm, năm mươi hay mười người. <sup>26</sup> Họ thường trực xử kiện cho dân: việc khó thì họ trình lên ông Mô-sê, mọi việc nhỏ thì chính họ xử lý. <sup>27</sup> Rồi ông Mô-sê tiễn chân nhạc phụ, và ông này trở về xứ mình.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>21</sup> Tuyên nhiều kẻ giỏi trong dân, 1401

Thờ Trời phải đạo, nói năng ôn hoà.

Mỗi người điều khiển trăm nhà,

Tùy vùng sinh hoạt, đặt ra mỗi giềng.

<sup>22</sup> Mỗi người trách nhiệm khu riêng, 1405

Hằng ngày phân xử hận phiền giữa dân.

Việc nào vượt mức khả năng,

Họ đưa lên, đó là phần của con.

Phân quyền mà cũng phân công,

Lập thành hệ thống ngoài trong vững vàng.

<sup>23</sup> Như vậy có thể đảm đang, 1411

Những lề luật Chúa ban hành cho dân.

Chọn người kiểm soát cân phân,

Thực thi đúng đắn các ban chấp hành.”

<sup>24</sup> Mao-tôn đồng ý lập thành. 1415

Cơ quan lãnh đạo tùy phần dân sinh,

<sup>25</sup> Phân công lo việc điều hành,

Hằng ngày thường trực, an ninh kiện toàn.

<sup>26</sup> Gặp điều ngoại lệ khó khăn,

Mao-tôn giải quyết công bằng đó đây.

<sup>27</sup> Diên-trọng lưu lại ít ngày, 1421

Giã từ con rể, về ngay quê nhà.

<sup>1</sup> Tháng thứ ba kể từ khi ra khỏi đất Ai-cập, chính ngày đó con cái Ít-ra-en tới sa mạc Xi-nai. <sup>2</sup> Họ đã nhổ trại rời Rơ-phi-đim tới sa mạc Xi-nai, và dựng trại trong sa mạc. Ít-ra-en đóng trại ở đó, đối diện với núi.

<sup>3</sup> Ông Mô-sê lên gặp Thiên Chúa. Từ trên núi, Đức Chúa gọi ông và phán: “Người sẽ nói với nhà Gia-cóp, sẽ thông báo cho con cái Ít-ra-en thế này: <sup>4</sup> Các người thấy Ta đã xử với Ai-cập thế nào, và đã mang các người như trên cánh chim bằng, mà đem đến với Ta. <sup>5</sup> Vậy giờ đây, nếu các người thực sự nghe tiếng Ta và giữ giao ước của Ta, thì giữa hết mọi dân, các người sẽ là sở hữu riêng của Ta. Vì toàn cõi đất đều là của Ta. <sup>6</sup> Ta sẽ coi các người là một vương quốc tư tế, một dân thánh. Đó là những lời người sẽ nói với con cái Ít-ra-en.” <sup>7</sup> Ông Mô-sê về triệu tập các kỳ mục trong dân, trình bày cho họ biết tất cả những lời Đức Chúa đã truyền cho ông. <sup>8</sup> Toàn dân nhất trí đáp lại: “Mọi điều Đức Chúa phán bảo, chúng tôi xin làm theo.” Ông Mô-sê thưa lại với Đức Chúa những lời dân nói.

<sup>9</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Này Ta sẽ đến với người trong đám mây dày đặc, để khi Ta nói với người thì dân nghe thấy và cũng tin vào người luôn mãi.” Ông Mô-sê thưa lại với Đức Chúa những lời dân nói.

<sup>1</sup> Đạp lên sa mạc bao la,  
Kể từ bỏ Giép nay đã ba tháng,

Hôm nay lệnh dạy dòi chân, 1425  
Rạch-điền nhỏ trại, tới gần Sơn-nam.

Nơi đây chướng khí sơn lam,  
Núi non trùng điệp, quanh năm cản còi.

<sup>2</sup> Yết dân dựng trại dưới dòi,

Mao-tôn tới núi cầu Trời giáng ân.

<sup>3</sup> Tiếng từ trên núi phán rằng: 1431  
“Nói cho con cháu Yết dân dựng tường.

Những điều Trời đã lo lường.

Trở về đất tổ thoát vòng làm tôi.

Một dân đặc biệt giữa đời, 1435

<sup>4</sup> Tay không đánh bạt núi dòi Giép-dân.

Đã không cày cấy, mùa màng,

Của ăn thường bữa đầy tràn, ấm no,

Đã không đào giếng, xây hồ,

Hằng ngày nước uống khỏi lo thiếu dùng.

Đã từng chứng kiến lạ lùng, 1441

Đó là Trời muốn hợp cùng dân riêng.

<sup>5</sup> Nếu trung thành luật Trời truyền,

Trời cho cao trở khắp miền thế gian,

<sup>6</sup> Trở thành dân tộc vinh sang, 1445

Chuyên lo tư tế bảo an hoàn cầu ...”

<sup>7</sup> Mao-tôn thuật lại trước sau,

Các chi trưởng tộc tâm đầu ý vung.

<sup>8</sup> Toàn dân tác dạ tôn sùng,

Mọi điều Trời đã phán cùng Mao-tôn.

<sup>10</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy đến với dân và bảo họ: hôm nay và ngày mai phải giữ mình cho khỏi nhiễm uế, phải giặt quần áo, <sup>11</sup> và đến ngày kia phải sẵn sàng, vì ngày kia Đức Chúa sẽ ngự xuống trên núi Xi-nai trước mắt toàn dân.

<sup>12</sup> Người sẽ định rõ cho dân một giới hạn chung quanh núi và bảo họ: Anh em phải coi chừng không được lên núi và chạm đến chân núi. Ai chạm đến núi thì sẽ bị giết.

<sup>13</sup> Không bàn tay nào được chạm đến người đó; nó sẽ bị ném đá cho chết hoặc bị bắn bằng cung tên, dù là thú vật hay là người, nó sẽ không được sống. Khi tù và rúc, dân sẽ lên núi.”

<sup>14</sup> Ông Mô-sê từ trên núi xuống với dân và bảo họ giữ mình cho khỏi nhiễm uế; họ giặt quần áo.

<sup>15</sup> Ông Mô-sê bảo dân: “Trong ba ngày, anh em phải chuẩn bị sẵn sàng. Đừng gần gũi đàn bà.” Cuộc thần hiện

<sup>16</sup> Đến ngày thứ ba, ngay từ sáng, có sấm chớp, mây mù dày đặc trên núi, và có tiếng tù và thổi rất mạnh. Toàn dân trong trại đều run sợ.

<sup>17</sup> Ông Mô-sê đưa dân ra khỏi trại để nghênh đón Thiên Chúa; họ đứng dưới chân núi. <sup>18</sup> Cả núi Xi-nai nghi ngút khói, vì Đức Chúa ngự trong đám lửa mà xuống; khói bốc lên như khói lò lửa và cả núi rung chuyển mạnh. <sup>19</sup> Tiếng tù và mỗi lúc một tăng lên rất mạnh. Ông Mô-sê nói, và Thiên Chúa trả lời trong tiếng sấm. <sup>20</sup> Đức Chúa ngự xuống trên núi Xi-nai,

<sup>9</sup> Trời còn hứa sẽ thi ơn. 1451

Cho dân nghe rõ tuyên ngôn của Trời.

Vừa phô quyền cả tuyệt vời,

Vừa tăng uy tín con người Mao-tôn.

<sup>10</sup> Sau khi trên dưới cảm thông, 1455

Mao-tôn chuẩn bị ngoài trong đón Trời:

“Hai ngày quét dọn các nơi,

Giặt quần áo sạch, trau dồi vẻ vang.

<sup>11</sup> Ngày ba, Trời sẽ giáng lâm,

Oai nghi trên núi Sơn-nam tỏ tường.

<sup>12</sup> Chung quanh chơn núi vạch đường, 1461

Đó là ranh giới, khinh thường chẳng nên.

<sup>13</sup> Ai mà xâm phạm chết liền,

Dầu cho súc vật cũng kiêng, chớ gần.

Khi nghe loa dậy vang rân, 1465

Hướng lên trên núi, toàn dân bái chào.”

<sup>14</sup> Mao-tôn còn dặn trước sau,

<sup>15</sup> Giữ mình thanh sạch, cùng nhau thuận hoà.

Lại khuyên kiêng cử đờn bà,

Cho lòng mình miễn hầu mà “Kính Thiên”.

<sup>16</sup> Toàn dân giữ đúng lệnh truyền, 1471

Ngày ba, buổi sáng đang yên khắp vùng.

Bỗng nhiên sấm dậy ùng ùng,

Mây bao phủ núi, hải hùng tâm can.

Nghe loa trở tiếng vang rân, 1475

<sup>17</sup> Dân ra khỏi trại nghiêm trang đón Trời.

Chẳng ai dám tới chơn dòi,

Vượt qua ranh cấm thiết thòi cho thân

<sup>18</sup> Sơn-nam bốc khói phằng phằng,

Vì Trời hiện xuống lửa tràn phủ bao.

### Bản văn Kinh thánh

trên đỉnh núi. Người gọi ông Mô-sê lên đỉnh núi, và ông đi lên. <sup>21</sup> Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Hãy xuống cảnh cáo dân đừng kéo nhau lên để xem Đức Chúa, kẻo nhiều người phải lăn ra chết. <sup>22</sup> Ngay các tư tế đến gần Đức Chúa cũng phải giữ mình cho khỏi nhiễm uế, kẻo bị Đức Chúa đánh phạt.” <sup>23</sup> Ông Mô-sê thưa với Đức Chúa: “Dân không thể lên núi Xi-nai được, vì chính Ngài đã cảnh cáo chúng con rằng: Hãy vạch rõ ranh giới của núi và tuyên bố đó là núi thánh.” <sup>24</sup> Đức Chúa phán với ông: “Hãy đi xuống, rồi lại trở lên, đem theo A-ha-ron với người. Còn tư tế và dân thì đừng có kéo nhau lên Đức Chúa, kẻo bị Đức Chúa đánh phạt.” <sup>25</sup> Ông Mô-sê xuống với dân và nói với họ ...

## 20

<sup>1</sup> Thiên Chúa phán tất cả những lời sau đây:  
<sup>2</sup> “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi đất Ai-cập, khỏi cảnh nô lệ.  
<sup>3</sup> Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.  
<sup>4</sup> Người không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao, cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Nhìn lên ngọn núi hoà hào, **1481**  
<sup>19</sup> Mao-tôn thờ lạy, trên cao có lời,  
<sup>20</sup> Truyền ông phải tiến lên đồi,  
 Vừa lên đến ngọn, lệnh Trời phán ra:  
<sup>21</sup> “Hãy quày xuống dặn dân Ta, **1485**  
 Không nên liêu lĩnh, tràn qua chơn đồi.  
<sup>22</sup> Dầu cho tư tế chơn rồi,  
 Nếu không thanh sạch cũng coi bị trừng.”  
<sup>23</sup> Mao-tôn: “...Lạy Đấng Cửu trùng,  
 Dân không ai dám đạp đường lằn ranh.  
 Lệnh truyền cả thầy tuân hành. **1491**  
 Áo quần tiêm tất, giữ mình sạch trong.”  
<sup>24</sup> Trời rằng: “... người hãy hạ sơn.  
 Rồi cùng lên với Ân-long, hai người.  
 Toàn dân ở lại chơn đồi, **1495**  
 Kẻ cả tư tế, đứng ngời nghiêm trang.”  
<sup>25</sup> Mao-tôn xuống núi, gặp dân,  
 Truyền lại tất cả lệnh ban bởi Trời.

## 20

<sup>1</sup> Ân, Mao, vừa tới chơn đồi,  
 Bỗng nghe tiếng Chúa từng lời phán ra:  
<sup>2</sup> “Cửu trùng Thượng đế, chính Ta. **1501**  
 Cứu dòng Yết tộc thoát xa Phan trào.  
<sup>3</sup> Các người chớ cậy thần nào  
 Chỉ Ta là Chúa thiên tào hằng sinh.  
<sup>4</sup> Không nên nắn, chạm những hình, **1505**  
 Giống như sinh vật, yêu tinh dị kỳ.  
<sup>5</sup> Xúm nhau cúng tế lễ nghi,  
 Là điều gớm ghiếc, khinh khi quyền Trời,

### Bản văn Kinh thánh

<sup>5</sup> Người không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ: vì Ta, Đức Chúa, Thiên Chúa của người, là một vị thần ghen tương. Đối với những kẻ ghét Ta, Ta phạt con cháu đến ba bốn đời vì tội lỗi của cha ông. <sup>6</sup> Còn với những ai yêu mến Ta và giữ các mệnh lệnh của Ta, thì Ta trọn niềm nhân nghĩa đến ngàn đời.  
<sup>7</sup> Người không được dùng danh Đức Chúa, Thiên Chúa của người, một cách bất xứng, vì Đức Chúa không dung tha kẻ dùng danh Người một cách bất xứng.  
<sup>8</sup> Người hãy nhớ ngày sa-bát, mà coi đó là ngày thánh. <sup>9</sup> Trong sáu ngày, người sẽ lao động và làm mọi công việc của người. <sup>10</sup> Còn ngày thứ bảy là ngày sa-bát kính Đức Chúa, Thiên Chúa của người. Ngày đó, người không được làm công việc nào, cả người cũng như con trai con gái, tôi tớ nam nữ, gia súc và ngoại kiều ở trong thành của người. <sup>11</sup> Vì trong sáu ngày, Đức Chúa đã dựng nên trời đất, biển khơi, và muôn loài trong đó, nhưng Người đã nghỉ ngày thứ bảy. Bởi vậy, Đức Chúa đã chúc phúc cho ngày sa-bát và coi đó là ngày thánh.  
<sup>12</sup> Người hãy thờ cha kính mẹ, để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người.  
<sup>13</sup> Người không được giết người.  
<sup>14</sup> Người không được ngoại tình.  
<sup>15</sup> Người không được trộm cắp.  
<sup>16</sup> Người không được làm chứng gian hại người.

### Bản Nguyễn Văn Nhạn

Thì ta giáng phạt ba đời,  
 Cháu con chúng nó cần còi khô khan.  
<sup>6</sup> Còn ai hết dạ trung thành, **1511**  
 Ơn Ta bồi đắp trăm ngàn lần hơn.  
<sup>7</sup> Danh Trời chớ khá coi thường,  
 Kêu lên vô cớ, ác ngôn trách phiền.  
<sup>8</sup> Sáu ngày việc xác cần chuyên, **1515**  
<sup>9</sup> Nhớ ngày thứ bảy dành riêng thờ Trời.  
<sup>10</sup> Là ngày tất cả xả hơi,  
 Ngoài thi đồng áng, trong thời gia trang.  
<sup>11</sup> Vì xưa đại cuộc tạo thành,  
 Sáu ngày Trời đã hoá sanh muôn loài.  
 Thứ bảy hoàn tất, nghỉ ngơi, **1521**  
 Trờ nên Kiệt nhục, phước trời riêng ban.  
<sup>12</sup> Mẹ cha hiếu thảo thành tâm,  
 Các người mới được nhiều năm ở đời.  
<sup>13</sup> Nhớ rằng không được giết người, **1525**  
<sup>14</sup> Gian dâm, ô uế phải rời bỏ xa.  
<sup>15</sup> Đừng tham đoạt của người ta,  
<sup>16</sup> Đừng làm chứng dối cùng là cáo gian.  
<sup>17</sup> Dứt dĩ dục vọng tham lam,  
 Của tiền, chồng vợ, gia cang nhà người.  
<sup>18</sup> Toàn dân nghe thấy tiếng Trời, **1531**  
 Rền vang sấm sét, chói ngời lửa diêm.



17 Người không được ham muốn nhà người ta, người không được ham muốn vợ người ta, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa, hay bất cứ vật gì của người ta.”

18 Khi nghe tiếng sấm sét, tiếng tù và, khi thấy ánh lửa và núi bốc khói, toàn dân sợ hãi run rẩy và đứng xa xa. 19 Họ nói với ông Mô-sê: “Xin chính ông nói với chúng tôi, chúng tôi mới dám nghe; nhưng xin Thiên Chúa đừng nói với chúng tôi, kẻo chúng tôi chết mất!” 20 Ông Mô-sê bảo dân: “Đừng sợ hãi, vì Thiên Chúa đến là để thử thách anh em và làm cho anh em luôn luôn kính sợ Người, ngõ hầu anh em đừng phạm tội.”

21 Dân đứng xa xa, còn ông Mô-sê thì tiến lại gần đám mây đen, nơi Thiên Chúa đang ngự.

22 Đức Chúa phán với ông Mô-sê: “Người sẽ bảo con cái Ít-ra-en như thế này: Chính các người đã thấy là tự trời Ta đã nói với các người.

23 Các người đừng tạc tượng thần bằng bạc mà đặt bên cạnh Ta, và cũng đừng tạc tượng thần bằng vàng để thờ.

24 Người sẽ dựng cho Ta một bàn thờ bằng đất, trên đó người sẽ dâng lễ toàn thiêu, lễ kỳ an, dâng chiên cừu bò bê. Ở bất cứ nơi nào Ta tỏ danh Ta cho người ghi nhớ, Ta sẽ đến với người và chúc phúc cho người. 25 Nếu người dựng cho Ta một bàn thờ bằng đá, thì đừng lấy đá đẽo mà dựng, bởi vì lấy đục mà đẽo, thì làm cho đá ra bất xứng. 26 Người sẽ không dùng bạc để bước lên bàn thờ của Ta, kẻo người hờ hang trước bàn thờ.

Mọi người kính sợ run en,

19 Mao-tôn phía trước, họ bèn van lơn:

“Chúng tôi, ông nói thì hơn, 1535

Tiếng Trời phán dạy, phách hồn nát tan.”

20 Đồng bào, xin hãy vững vàng.

Trời tuy đáng sợ, không làm hại chi.

Đồng bào đã thấy oai nghi,

Thì nên kính giữ những gì Trời khuyên.”

21 Đàng xa, dân Yết đứng yên, 1541

Mao-tôn lại tiến thẳng lên triển đồi.

22 Bỗng nghe lệnh xuống mây lời:

“Ấy dân đã rõ tiếng Trời phán ra,

23 Vậy đừng đúc tượng thần ma, 1545

Bằng đồng, vàng, bạc để mà kính dâng.

24 Hãy dùng đất đắp tế đàn,

Chiên, bò hoả tế, thành tâm thờ Trời.

Ở đâu thực hiện y lời,

Thì Trời giáng phước cuộc đời bình an.

25 Nếu dùng đá lập tế đàn. 1551

Thì đừng chạm trở kẻo thành nhóp nhơ.

26 Các người chớ khá hần hờ,

Bước qua các bực bàn thờ Kính Ta.

Sợ điều bất kính xảy ra, 1555

Viễn chi lễ bái đó là phần hơn ...”

21

1 Đây là những luật lệ người sẽ trình bày cho họ. 2 Nếu người mua một người nô lệ Híp-ri, người đó sẽ hầu hạ sáu năm; đến năm thứ bảy, người đó sẽ được tự do ra đi, mà không phải trả tiền. 3 Nếu người đó đến một mình, thì sẽ ra đi một mình; nếu người đó đã lấy vợ, thì vợ sẽ ra đi với người đó. 4 Nếu chủ cưới vợ cho người đó và nếu vợ sinh được con trai hoặc con gái, thì vợ con đều thuộc về chủ, còn người đó sẽ ra đi một mình. 5 Nhưng nếu người nô lệ nói: Tôi mến chủ tôi và thương vợ thương con, tôi không muốn được tự do ra đi, 6 thì chủ sẽ dẫn người đó đến trước mặt Thiên Chúa, dẫn đến sát cánh cửa hoặc khung cửa, và lấy dùi xỏ tai người đó. Như thế, người đó sẽ hầu hạ chủ suốt đời. 7 Nếu có ai bán con gái làm nàng hầu, người con gái đó sẽ không được ra đi như các nô lệ nam. 8 Nếu người con gái đó không vừa ý chủ, và chủ không muốn giữ lại cho mình, thì chủ phải cho chuộc, chứ không có quyền bán cho dân nước ngoài, vì như vậy là phản bội người con gái đó. 9 Nếu muốn dành người con gái đó cho con trai mình, thì chủ sẽ xử sự theo luật áp dụng cho con gái của mình. 10 Nếu chủ lấy một người khác, thì không được giảm bớt lương thực, quần áo và quyền làm vợ của người trước. 11 Nếu chủ không thi hành ba khoản đó, thì nàng được ra đi, khỏi cần trả tiền trả bạc.

21

1 Lịnh Trời còn dạy Mao-tôn,

Truyền cho dân chúng nằm lòng giới răn:

2 Mua đầy tớ gốc Yết dân,

Trọn quyền sai khiến việc làm sáu năm.

Đến năm thứ bảy phóng sanh, 1561

Nó đi thong thả khỏi hoàn tiền chi.

3 Lúc vào ăn mặc những gì,

Lúc thôi cũng vậy, vợ thì dắt theo.

4 Nếu vợ, chủ đứng cưới cheo, a 1565

Có sinh con cái chủ đều phải nuôi.

Khi đầy tớ đó đã thôi,

Vợ con ở lại làm tôi chủ nhà,

5 Nếu như nó chẳng muốn ra,

Bởi vì thương chủ cùng là vợ con.

6 Chủ đem nó tới cửa công, 1571

Dùi tai làm dấu tớ trung suốt đời.

7 Con gái đem bán cho người,

Dùng làm hầu thiếp, nó thời ở luôn.

8 Nếu chủ đã hết tình thương, 1575

Thì nên phóng thích, chớ buôn lấy tiền.

9 Nếu con trai chủ vậy duyên,

Thì thân phận nó được quyền như con.

10 Giả như chủ nó thêm phòng, b

Thì người vợ trước phải đồng ảm no.

a Chủ đứng ra lo vợ cho đầy tớ.

b Chủ nhà muốn cưới người vợ khác.

**Bản văn Kinh thánh**

<sup>12</sup> Ai đánh chết người, thì phải bị giết chết.<sup>13</sup> Nhưng nếu không có mưu tính trước, mà chỉ vì Thiên Chúa đã để lỡ tay, thì Ta sẽ chỉ cho người một nơi mà kẻ giết người có thể vào trú ẩn. <sup>14</sup> Nếu có ai cố tình hại người thân cận tới mức dùng mưu mà giết nó, thì người sẽ lôi kẻ ấy ra khỏi bàn thờ của Ta mà giết chết.

<sup>15</sup> Ai đánh cha hoặc mẹ, thì phải bị giết chết. <sup>16</sup> Ai bắt cóc người -dù đã bán đi hay còn giữ trong tay, thì phải bị giết chết. <sup>17</sup> Kẻ nào nguyện rửa cha hoặc mẹ, thì phải bị giết chết.

<sup>18</sup> Trong một cuộc cãi lộn, nếu người này ném đá hoặc đâm người kia mà không làm người kia chết, nhưng phải liệt giường, <sup>19</sup> và nếu người kia trở dậy, còn chống gậy ra ngoài đi lại được, thì kẻ đã đánh được tha; chỉ phải bồi thường cho người kia trong thời gian người ấy phải nghỉ việc, và lo chữa người ấy cho lành.

<sup>20</sup> Nếu có ai lấy gậy đánh tôi tớ nam nữ của mình, làm cho nó chết ngay dưới tay mình, thì nó phải được báo oán. <sup>21</sup> Nhưng nếu nạn nhân còn sống được một hai ngày, thì sẽ không được báo oán, vì chủ đã bỏ tiền ra mua nó.

<sup>22</sup> Nếu đàn ông đánh nhau mà xô phải một người đàn bà có thai, làm sảy thai nhưng không gây tổn thương nào khác, thì phải bồi thường theo đòi hỏi của người chồng, và phải trả trước mặt trọng tài. <sup>23</sup> Nếu có gây tổn thương, thì người phải lấy mạng đền mạng, <sup>24</sup>

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>11</sup> Nếu nàng bị phé không lo. 1581

Thì người vợ ấy tự do thoát rào. <sup>a</sup>

Chẳng cần hoàn trả công lao,

Ra đi tìm sống, ai nào dám ngăn.

<sup>12</sup> Những ai hành động sát nhân, 1585

Mạng thì đền mạng không cần xét tra.

<sup>13</sup> Rủi con ngộ sát xảy ra,

Số Trời định vậy, tạm tha lỗi lầm.

<sup>14</sup> Dự mưu sát hại mạng nhân,

Dầu cho nó trốn quanh bàn thờ Ta;

Cũng nên bắt giết không tha, 1591

<sup>15</sup> Còn ai dám đánh mẹ cha: ... tử hình.

<sup>16</sup> Bắt người đem bán mưu sinh,

Hoặc đem giam nhốt, tội đành phân thây.

<sup>17</sup> Cả gan mắng nhiếc, la rầy, 1595

Xúc phạm phụ mẫu, tội này giết luôn.

<sup>18</sup> Dùng tay hoặc đá đả thương,

<sup>19</sup> Phải đền kẻ bị liệt giường, thuốc thang.

<sup>20</sup> Về phần gia chủ bắt nhân,

Đánh tôi tớ chết, tội mang phải đền;

<sup>21</sup> Nếu mà nó chẳng chết liền, 1601

Chủ nhà cũng được sống yên thánng ngày.

<sup>22</sup> Đánh nhằm phụ nữ sảy thai,

Chồng đòi, tiền phạt nộp ngay trước toà.

<sup>a</sup> Người vợ ấy tự do sống, không còn lệ thuộc chồng nữa.

**Bản văn Kinh thánh**

mắt đền mắt, răng đền răng, tay đền tay, chân đền chân, <sup>25</sup> vết bồng đền vết bồng, vết thương đền vết thương, vết bầm đền vết bầm.

<sup>26</sup> Nếu có ai đánh vào mắt tôi tớ nam nữ của mình, và làm hư mắt đó, thì phải phóng thích nó để đền mắt. <sup>27</sup> Nếu có ai làm gãy răng tôi tớ nam nữ của mình, thì phải phóng thích nó để đền răng.

<sup>28</sup> Nếu bò húc chết một người đàn ông hay đàn bà, thì phải ném đá con bò ấy cho chết, và không được ăn thịt nó; còn người chủ sẽ được tha bổng. <sup>29</sup> Nếu trước đó con bò đã quen húc người, và chủ nó đã được cảnh cáo mà không canh giữ, để nó húc chết người, thì con bò sẽ bị ném đá cho chết và chủ nó cũng sẽ phải chết. <sup>30</sup> Nếu người ta đòi tiền chuộc, thì chủ phải trả để chuộc mạng sống mình, thế theo tất cả những đòi hỏi của người ta. <sup>31</sup> Nếu bò húc con trai hay con gái, thì người ta cũng sẽ xử trí theo luật đó. <sup>32</sup> Nếu bò húc tôi tớ nam nữ, thì người ta sẽ đưa cho chủ của nạn nhân ba mươi đồng bạc, còn bò thì sẽ bị ném đá cho chết.

<sup>33</sup> Khi có ai mở nắp hoặc đào một bể nước mà không đậy nắp lại, và nếu bò lừa sa vào đó, <sup>34</sup> thì chủ bể nước phải thường tiền cho chủ con vật, nhưng con vật chết được thuộc về chủ bể nước. <sup>35</sup> Nếu bò người này húc chết bò người kia, thì hai người chủ sẽ bán con bò sống và chia nhau tiền; họ cũng sẽ chia nhau con bò chết nữa. <sup>36</sup> Nếu đã rõ là bò quen húc, mà chủ nó

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>23</sup> Những điều thiệt hại gây ra, 1605

Lấy mạng đền mạng, cửa nhà mới an.

<sup>24</sup> Mắt thay mắt, răng thay răng,

<sup>25</sup> Hại gì thường nấy cho bằng lòng nhau.

<sup>26</sup> Chủ đánh tôi tớ giập đầu,

<sup>27</sup> Gãy răng, đui mắt, phải mau cho về.

<sup>28</sup> Trâu bò vô ý bỏ bê, 1611

Báng chết kẻ khác chủ thì vô can.

Con thú giết chết đem quăng,

Không được lấy thịt mà ăn miếng nào.

<sup>29</sup> Có người cảnh cáo bò trâu, 1615

Có tật hay báng, chủ nào không lo,

Để nó báng chết, tội to,

Chủ bị xử tử, trâu bò giết chôn.

<sup>30</sup> Nạn nhọn nếu có bắt thường,

Chủ trâu bò đó liệu phương bồi hoàn.

<sup>31</sup> Báng chết nam, nữ đang xuân, 1621

Chồng tiền chuộc mạng cho cân luật này.

<sup>32</sup> Báng chết tôi tớ của ai,

Đền chủ số bạc, giết ngay trâu bò.

<sup>33</sup> Giếng, hầm không đậy, rui ro, 1625

Lừa, bò, sụp chết, phải cho công bằng.

<sup>34</sup> Thường cho chủ nó phải chằng,

Còn thịt thú chết về phần mình xoi.

**Bản văn Kinh thánh**

không canh giữ, thì phải lấy bò đền bù; nhưng con vật chết thuộc về người ấy.

<sup>37</sup> Nếu có ai lấy trộm chiên bò, rồi làm thịt hoặc đem bán, thì sẽ lấy năm con bò đền một, và bốn con chiên đền một.

**Bản Nguyễn Văn Nhạn**

<sup>35</sup> Hai bò bán lộn, một tội.

Bán con còn sống, hai người chủ chia.

Thịt con bò bị chết kia. 1631

Sả đôi, hai chủ đem via mà ăn.

<sup>36</sup> .....

Rất tiếc, chép lại tới đây thì không còn thể nào mò ra được nữa, vì hơn phân nửa quyển Lập quốc kinh (Exodus) bị nằm dưới nước thấm ướt và mối đã gặm nát cùng số phận với ba quyển sau là Lévitique, Les Nombres và Le Deutéronome, mà tôi không mò ra tên bằng tiếng Việt thời xưa, mà thầy cả Lữ-y Đoan, địa phận Đàng trong đã đặt ra.

Còn bao nhiêu thì rán chép bấy nhiêu, để con cháu sau này nhớ lại công phu các linh mục thời sơ khai Công giáo Đàng trong, đã cố gắng xây đắp Hội thánh Việt Nam bằng trí óc với máu đào, trải qua biết bao giai đoạn khó khăn.

Nguyễn xin Chúa Giê-su Khi-tô, Đức mẹ Ma-ri-a, Thánh cả Giu-se và các Thánh Tu Tông-đồ, các thánh Tử đạo, các Thánh Tu hành phù hộ cách riêng hàng Giáo phẩm Việt Nam cũng như các linh mục toàn quốc.

Chép xong ngày 20-12-1956

**THADDOEUS NGUYỄN VĂN NHẠN**

Báo Tông-Đồ, Sài Gòn

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN NGƯỜI VÀ TÊN ĐẤT**

Để bộ Sám Truyền Ca (1670) có thể được cho phép ấn hành, năm 1885 cha Phao-lô Qui đã cập nhật những tên riêng quen thuộc, được cha Lữ Y Đoan Việt hóa (được dùng trong bản Nguyễn Văn Nhạn), sửa lại gần với dạng tiếng la-tinh. Sáng kiến này được dùng trong bản Paulus Tạo (những chữ in đậm). Một số từ khác với dạng dùng trong bản Nguyễn Văn Nhạn được in ở cước chú.

Phần Hán Nôm được nhà nghiên cứu Michel Nguyễn Hạnh cung cấp: chữ Hán lấy từ bản Kinh thánh Công giáo chính thức hiện dùng, chữ Nôm lấy từ Bộ sách tóm lại những truyện sấm truyền cũ, in lần 2 bằng chữ Nôm, năm 1910, Đức Giám mục Phê-rô Maria Đông truyền từ (imprimatur). Bảng đối chiếu cho thấy cha Lữ Y Đoan sáng tạo độc lập, không dựa vào bản dịch tiếng Trung.

Bảng đối chiếu ở đây được sắp theo thứ tự xuất hiện trong sách *Sáng thế*.

SỐ TRÍCH St	CÂU THƠ	LATIN / PHÁP	CGKPV	NGUYỄN VĂN NHẠN	PAULUS TẠO	HÁN	Phiên âm Hán	NÔM	Phiên âm Nôm
02,11	081	Hévilath	Kha-vi-la	Hào-lương	Hào-lương	哈威拉	Cáp-uy-lan		
02,11	081	Phison	Phi-sôn	Phi-sôn	Phi-sôn	丕雄	Phi-hùng		
02,13	083	Cousch	Cút	Cự-sơn	Cự-sơn	士全	Cố-sĩ		
02,13	083	Géhon	Ghi-khôn	Di-khang	Di-khang	基紅	Cơ-hồng		
02,14	084	Assyrios	Át-sua	Án-xuyên	Án-xuyên	亞述	Á-thuật		
02,14	085	Euphrate	Êu-phơ-rát	Yêu-phách <sup>1</sup>	<b>Ô-phách</b>	幼發拉	Âu-phát-lan		
02,14	084	Tigris	Tích-ra	Tích-giang	Tích-giang	底格里斯	Đề-cách-lý-tu		
02,15	086	Eden	Ê-đen	Lạc-viên	<b>Ê-đen</b>	樂園	Lạc-viên	園極尾	Vườn Vui Vẻ
02,19	005, 096	Adamus	Con người	A-dong/ A-dang/ A-duong	<b>A-đam/ A-dong</b>	亞當	Á-đương	亞容	A-dong
03,20	148	Heve, Eva	E-và	Y-ba	<b>E-và</b>	厄娃	Ách-oa	啞嘩	E-và

<sup>1</sup> Bản cũ: Uông-phát

03,24	155	Cherubim	Thần hộ giá	Cát biền <sup>1</sup>	Kê-ru-bim	革魯賓	Cách-lỗ-tần	計由兵	Kê-ro-binh
04,01	160	Cain	Ca-in	Cân-dinh <sup>2</sup>	<b>Ca-in</b>	加音	Gia-âm	歌印	Ca-in
04,04	164	Abel	A-ben	An-biên	<b>A-bên</b>	亞伯爾	Á-bá-nhĩ	亞悲黎	A-bi-lê
04,17	196	Enoch	Kha-nốc	Hải-lập <sup>3</sup>	<b>Ê-nóc</b>	哈諾客	Cáp-nặc-khách		
04,20	202	Jabal	Gia-van	Gia-bén	Gia-bén	雅巴耳	Nhã-bá-nhĩ		
04,21	203	Jubal	Giu-van	Dụ-bàng	Dụ-bàng	猶巴耳	Do-bá-nhĩ		
04,22	207	Noema	Na-a-ma	Nương-mai	Nương-mai	納阿瑪拉	Nạp-a-mã-lạp		
04,22	205	Tubalcain	Tu-van Ca-in	Từ-canh	Từ-canh	突巴耳加音	Đột-ba-nhĩ-gia-âm		
04,26	220	Enosh	Ê-nốt	Ý-nưu	Ý-nưu	厄諾士	Ách-nặc-sĩ		
05,25	218	Seth	Sết	Sĩ-thượng	<b>Sết</b>	舍特	Xã-đặc		
05,09	235	Kénan	Kê-nan	Kha-lám	<b>Cai-nan</b>	刻南	Khắc-nam		
05,13	239	Mahaleel	Ma-ha-lan-ên	Mạch-liên	Mạch-liên	瑪拉肋耳	Mã-lạp-lặc-nhĩ		
05,18	245	Hénoch	Kha-nốc	Hải-lập	<b>Hy-lộc</b>	哈諾客	Cáp-nặc-khách		
05,19	242	Jared	Gie-rét	Gia-liệt	Gia-liệt	耶勒得	Gia-lặc-đặc		
05,25	255	Lamech	La-méc	Lâm-mịch	<b>La-mạch</b>	拉默客	Lạp-mặc-khách		
05,27	249	Mathusalem	Mơ-thu-se-lac	Mã-thu-san	<b>Mã-thư-san</b>	默突舍拉	Mặc-đột-xá-lạp		
05,29	259	Noe	Nô-ê	Nhữ-y <sup>4</sup>	No-e	諾厄	Nặc-ách	嫩啞	No-e
05,30	263	Cham	Kham	Cang-mộc, Cang	<b>Cam</b>	舍	Hàm	甘	Cam
08,04	355	Armenia	A-ra-rát	Am-nha	Am-nha	阿辣辣特	A-lạt-lạt-đặc	亞移迷尼亞	A-di-mê-nê-a
09,18	264	Japhet	Gia-phết	Gia-phật	<b>Gia-phết</b>	耶斐特	Gia-phỉ-đặc	加發	Gia-phát

<sup>1</sup> Bản cũ: Cơ-biên. <sup>2</sup> Bản cũ: Khá-án. <sup>3</sup> Bản cũ: Hy=lộc. <sup>4</sup> Bản cũ: Nhữ-y. <sup>5</sup> Bản cũ: Càn-pha

09,18	263	Sem	Sêm	Sâm-mệnh	<b>Sem</b>	閃	Thiểm	社	Xem
10,08	441	Nemrod	Nim-rốt	Niên-lộc	<b>Nem-rốt</b>	尼默洛得	Ni-mặc-lạc-đặc		
10,10	445	Babilon	Ba-ben	Ba-tý-luân	Babilon	巴比倫	Ba-tý-luân	巴彼黎	Ba-bê-lê
10,12	448	Ninive	Ni-ni-vê	Ninh-vi	Ninh-vi	尼尼微	Ni-ni-vy	尼尼焉	Ni-ni-ve
11,09	489	Babel	Ba-ben	Hỗn-lầu <sup>1</sup>	Ba-bên	巴貝耳	Ba-bôi-nhĩ	巴彼黎	Ba-bê-lê
11,12	497	Saleg	Se-lác	Sa-lê	<b>Sa-liên</b>	舍拉	Xá-lạp		
11,13	494	Arpakhshad	Ắc-pắc-sát	A-phác	A-phác	阿帕革沙得	A-mạt-cách-sa-đặc		
11,16	499	Heber	Ê-ve	Hiển-bằng	Hi-bản	厄貝爾	Ách-bôi-nhĩ		
11,16	2554	Phaleg	Pe-lec	Phan-linh	<b>Phan-liệt</b>	培肋格	Bôi-lặc-cách		
11,18	503	Reu	Rơ-u	Lễ-ung	Lễ-ung	勒伍	Lặc-ngũ		
11,20	505	Sarug	Xơ-rúc	Sa-duật	Sa-duật	色魯格	Sắc-lỗ-cách		
11,22	507	Nachor	Na-kho	Nha-khôi	<b>Na-khôi</b>	納曷爾	Nạp-hạt-nhĩ		
11,24	509	Tharé	Te-ra	Thanh-lê	Thanh-lê	特辣黑	Đặc-lạt-hắc	他移	Tha-di
11,26	511,517	Abram	Áp-ram	Án-lâm <sup>2</sup>	<b>Áp-ram<sup>3</sup></b>	亞巴辣罕	Á-ba-lạt-hãn	亞巴霖	A-ba-râm
11,28	514	Ur	Ua	U-thành	U-thành	加色	Gia-sắc	幽移	U-di
11,29	516	Harar	Ha-ran	Hà-lân	<b>Hà-lâm</b>	哈郎	Cáp-lang	蝦隣	Hà-rân
11,31	517,574	Loth	Lót	Lộc, Lộc-công	<b>Lót, Lộc-công<sup>4</sup></b>	羅特	La-đặc	律	Lót
12,08	542	Béthel	Bết-ên	Bửu-tiên	Bửu-tiên	貝特耳	Bối-đặc-nhĩ	陂婁離	Bê-thê-li
12,08	542	Hai	Ái	Hải-thành	Hải-thành	哈依	Cáp-y		
12,11	551	Aegyptus	Ái-cập	Giép-tô Giép-địa	Giép-tô, Giép-địa	埃及	Ái-cập	衣支蘇	I-chi-tô

<sup>1</sup> Bản cũ: Bá-biên. <sup>2</sup> Bản cũ: Ấp-lâm (511). <sup>3</sup> 3209,3583; Bá-lâm. <sup>4</sup> Lộc; 517, 866, 946; Lót; 574, 640

12,15	558, 2557	Pharaon	Pha-ra-ô	Phan-vương, Phan-trào	<b>Pha-rao</b>	法郎	Pháp-lang	葩囉烏	Pha-ra-ô
13,11	595	Jordan	Gio-đan	Dự-giang	Giu-đong	約但	Ước-đơn		
13,13	596	Sodoma	Xơ-đôm	Sô-đông	Sô-đông	索多瑪	Tác-đa-mã	舅遊瑪	Sô-du-mã
14,03	616	Sivestrem	Xít-đim	Sinh-việt	Sinh-việt	息丁	Túc-đình		
14,07	623	Amalcécites	A-ma-léc	A-ma-lộc	A-ma-lộc	阿瑪肋克	A-mã-lặc-khắc		
14,10	628	Gomorrhes	Gô-mô-ra	Gô-mô	Gô-mô	哈摩辣	Cáp-ma-lạt		
14,14	635	Dan (dất)	Đan	Đan-thành	Đan-thành	丹	Đan		
14,18	645	Melchisédech	Men-ki-sê-đê	Minh-điệp	Minh-điệp	默基瑟德	Mặc-cơ-sắt-đức	迷黎基捷 的	Mê-lê-cơ-sê- đêch
15,16	701	Amorrhés	E-mô-ri	A-muong	<b>A-muôn</b>	阿摩黎	A-ma-lê		
16,01	716	Hagar	Ha-ga	Hàng-sa	<b>A-ga</b>	哈加爾	Cáp-gia-nhĩ	亞?移	A-ga-ri
16,07	948	Sur	Sua	Xuyên-lê, Xuyén	Su-rê,	叔爾	Thúc-nhĩ		
16,11	738	Ismael	ít-ma-ên	Ức-Miên	<b>ích-manh</b>	依市瑪耳	Y-thị-ma-nhĩ		
16,14	744	Cades	Ca-đê	Cam-đê	<b>Ca-đê</b>	卡德士	Tap-đức-sĩ		
16,14	744	Barad	Be-rét	Ba-rạch	<b>Ba-rách</b>	貝勒得	Bôi-lặc-đắc		
17,05	754	Abraham	Áp-ra-ham	Bá-lâm <sup>1</sup>	<b>Ra-ham</b>	亞巴郎	Á-ba-lang	亞巴囉歌	A-ba-ra-ham
17,08	760, 1591	Chanaan	Ca-na-an	Trà-nam	Trà-nam	客納罕	Khách-nạp-hãn	歌那安	Ca-na-an
17,15	772	Sara	Xa-ra	Xuân-hoa <sup>2</sup>	<b>Sa-ra</b>	撒辣	Tất-lạt	沙囉	Sa-ra
17,15	529,	Sharai	Xa-rai	Xuân-lài	<b>Sa-rai</b>	撒辣依	Tất-lạt-y	沙囉衣	Sa-ra-i
17,19	780	Isaac	I-xa-ac	I-giác	I-giác	依撒格	Y-tất-cách	衣加惡	Y-gia-ác

<sup>1</sup> Bản cũ: Ấp-bá=lâm. <sup>2</sup> Bản cũ: Sa-lâm (772), Sa-lan (3516)

19,37	940	Moab	Mô-áp	Mô-áp <sup>1</sup>	Mô-áp	摩阿布	Ma-a-bố		
19,38	942, 945	Ammon		Am-môn <sup>2</sup>	Am-môn	亞捫	A-môn		
20,02	949	Abimelech	A-vi-me-lec	Bành-lạc	<b>Mã-liệt</b>	阿彼默肋客	A-bi-mặc-lặc-khách	亞悲迷歷	A-bi-mê-liêch
21,21	1057	Pharan	Pa-ran	Pha-lãng	Pha-lãng	帕蘭	Mạt-lan		
21,22	1059	Phicol	Pi-khôn	Phan-cơ	Phan-cơ	非苛耳	Phi-hà-nhĩ		
21,31	1082	Bersabée	Bơ-e-Se-va	Biéc-sâm	Biéc-sâm	貝爾舍巴	Bôi-nhĩ-xá-ba		
21,34	1089	Palestine	Phi-lì-tinh	Bá-lạc-đỉnh	Bá-lạc-đỉnh	培肋舍特	Bôi-lặc-xá-đặc		
22,02	1094	Moriah	Mô-ri-gia	Thiên-san	Thiên-san	摩黎雅	Ma-lê-nhã		
22,21	1142	Araméen	A-ram	Xy-lang	<b>A-ram</b>	阿蘭	A-lan		
22,23	1139	Bathuel	Bơ-thu-ên	Bồ-tuần	Bồ-tuần	貝突耳	Bôi-đột-nhĩ	巴秋啞離	Ba-thu-ê-li
22,23	1136	Nakhor	Na-kho	Nã-khoi	Nã-khoi	納曷爾	Nạp-hạt-nhĩ	那姑移	Na-cô-ri
22,23	1140	Rebecca	Rê-bê-ca	Lan-bạch	Lan-bạch	黎貝加	Lê-bôi-gia	移碧歌	Dê-bích-ca
23,02	1144	Arbée	Ác-ba	An-buông	An-buông	阿爾巴	A-nhĩ-ba		
24,10	1200	Mésopotamia	Pát-dan A-ram	Mạch-tam	Mạch-tam	美索不達 米亞	Mỹ-tác-bất-đạt- mê-á	迷烏鋪些 眉亞	Mê-sô-phô- ta-mi-a
24,50	1281	Laban	La-ban	Lã-bàng	Lã-bàng	拉班	Lạp-ban	羅班	La-ban
25,01	1328	Cétura	Cơ-tu-ra	Sa-thư	Sa-thư	刻突辣	Khắc-đột-lạt		
25,02	1329	Madan	Mơ-đan	Mạc-doanh	<b>Mạc-đăng</b>	默丹	Mặc-đan		
25,02	1330	Madian	Ma-đi-an	Mạc-đăng	<b>Mã-điền</b>	米德楊	Mễ-đức-thương	瑪移安	Mã-di-an
25,02	1330	Sué	Su-ác	Xuân-ân	Xuân-ân	叔哈	Thúc-cáp		

<sup>1</sup> Bản cũ: Mông-á. <sup>2</sup> Bản cũ: Hoành-môn

25,02	1330	Jesboc	Ghít-bắc	Dục-bảo	Dục-bảo	依市巴克	Y-thi-ba-khắc		
25,02	1329	Jacsan	Gióc-san	Việt-sở	Việt-sở	約刻商	Ước-khắc-thương		
25,02	1329	Zamiran	Dim-ran	Giang-lân	Giang-lân	齊默郎	Tề-mặc-lang		
25,09	1348	Ephron	Ép-rôn	Diệp-tôn	<b>Hiệp-long</b>	厄斐龍	Ách-phi-long	啞鋪敦	Ê-phô-dôn
25,25	1381	Esau	Ê-xau	Yến-giao	<b>Án-giao</b>	厄撒烏	Ách-tát-ô	啞咬	Ê-giáo
25,30	1406	Edom	Ê-dôm	Y-dông <sup>1</sup>	<b>Đỗ-công</b>	厄東	Ách-dông		
26,01	948	Gerare	Gơ-ra	Diên-la	Diên-la	革辣爾	Cách-lạt-nhĩ		
26,33	1482	Abundantia	Síp-a	Thậm-đa	Thậm-đa	誓約	Thê-ước		
27,46	1583	Heth	Khết	Hạc-châu	Hạc-châu	赫特	Hách-đặc	嗽	Hét
28,09	1610	Maheleth	Ma-kha-lát	Mai-lệ	Mai-lệ	瑪哈拉特	Mã-cáp-lạp-đặc		
28,19	1638	Luzá	Lút	Lư-gia	Lư-gia	路次	Lộ-thứ		
29,06	1663	Rachel	Ra-khen	La-cương	La-cương	辣黑耳	Lạt-hắc-nhĩ		
29,16	1690	Lê-a	Lê-a	Lê-anh	Lê-anh	肋阿	Lặc-a		
29,24	1708	Zeipha	Din-pa	Diên-phang	Diên-phan	齊耳帕	Tề-nhĩ-mạt		
29,33	1732	Siméon	Si-mé-on	Sử-mông	<b>Sử-mông/ Sử-mông<sup>2</sup></b>	西默盎	Tây-mặc-áng	槎蒙	Xay-mong
29,34	1733	Lévi	Lê-vi	Lễ-vi	Lễ-vi	肋未	Lặ-vi	黎爲	Lê-vi
30,04	1721	Bíla	Bìn-ha	Trà-liên/Trà-lê <sup>3</sup>	Trà-liên	彼耳哈	Bỉ-nhĩ-cáp		
30,06	1745	Dan (người)	Đan	Cơ-đăng	Cơ-đăng	丹	Đan		
30,08	1748	Nephtali	Náp-ta-li	Niếp-tăng	Niếp-tăng	納斐塔里	Nạp-phi-tháp-lý		
30,11	1753	Gad	Gát	Cát-đại	Cát-đại	加得	Gia-đắc		
30,13	1756	Aser	A-se	Ái-san	<b>Ái-xang</b>	阿協爾	A-hiệp-nhĩ		

<sup>1</sup> Bản cũ: Đỗ-công. <sup>2</sup> Sử-mông/Sử-mông 2294. <sup>3</sup> Trà-lê: 2299.

30,21	1776	Dina	Đi-na	Thùy-nga	Thùy-nga	狄納	Địch-nạp	移那	Đi-na
31,47	1958	Galaad	Ga-lơ-ét	Giao-lập	Giao-lập	基肋阿得	Cơ-lặc-a-đắc		
32,04	1990	Seir	Ê-dôm	Yên-đăng <sup>1</sup>	<b>Đi-an</b>	厄東	Ách-dông		
32,23	2035	Jaboc	Giáp-bốc	Đá-bạc	Đá-bạc	雅波克	Nhã-ba-khắc		
32,29	2048	Israel	ít-ra-en	Yết-linh	Yết-linh	以色列	Đi-sắc-liệt	衣咄囉啞離	I-rút-ra-ê-li
32,31	2056	Phanuel	Pơ-nu-ên	Phá-nguyên	Phản-nguyên	培尼耳	Bồi-ni-nhĩ		
33,14	2107	Seir	Xê-ia	Di-yên	Di-yên	色依爾	Sắc-y-nhĩ	棲衣移	Sê-i-di
33,17	33,18	Socoth	Xúc-cốt	Sở-cuộc	Sở-cuộc	穌哥特	Tỗ-hà-đặc		
33,19	2119	Hémor	Kha-mô	Hà-môn	Hà-môn	哈摩爾	Cáp-ma-nhĩ	唏模移	Hi-mô-di
33,19	535	Sichem	Si-khem	Si-kiên	Si-kiêm	示劍	Ki-kiêm	吹兼	Xi-kem
35,07	2254	Deus	Ên Bết Ên	Chúa Đêu	Chúa Đêu	貝特耳	Bối-đặc-nhĩ		
35,19	2284	Bethléhem	Bê-lem	Bảo-liêm	Bảo-liêm	白冷	Bạch-lãnh		
35,19	2284	Ephrata	Ép-ra-tha	Áp-trạch	Áp-trạch	離厄弗辣大	Ly-ách-phất-lạt-đại		
35,23	2296	Issachar	ít-xa-kha	Yết-kha	Yết-kha	依撒加爾	Y-tát-gia-nhĩ		
35,23	1383	Jacob	Gia-cóp	Da-cước	Gia-cước	雅各伯	Nhã-các-bá	加給	Gia-cóp
35,23	2295	Judas	Giu-đa	Dư-đặc	Dư-đặc	猶大	Do-đại		
35,23	1732	Ruben	Rưu-vên	Lữ-bình	Lữ-bình	勒烏本	Lặ-ô-bản	咄邊	Ru-ben
35,23	1773	Zabulon	Dơ-vu-lun	Da-buông	Da-buông	則步隆	Tắc-bộ-long		

<sup>1</sup> Bản cũ: Yên-đông

35,24	1780	Joseph	Giu-se	Du-tiếp	Dur-tiếp	若瑟	Nhược-sắt	Su-xay (Giu-se)
35,27	2307	Hébron	Khép-rôn	Hiệp-long	Hữu-phong	希伯倫	Hy-bá-luân	樞樑
35,27	608	Mambré	Mam-rê	Mãm-khê	Mạc-linh	瑪默勒	Mã-mặc-lặc	
36,18	2282	Benjamin	Ben-gia-min	Biển-mãn	Biển-mãn	本雅明	Bản-nhã-minh	Ben-gia-min
37,36	2454	Putiphar	Pô-ti-pha	Bằng-phan	Bằng-phan	普提法爾	Phổ-đế-pháp-nhĩ	Bô-ti-pha-di
38,01	2459	Hirnan	Khi-ra	Hiếu-liêm	Hiếu-liêm	希辣	Hy-lạt	
38,02	2462	Sue	Su-a	Xuân-anh	Xuân-anh	叔亞	Thúc-á	
38,03	2465	Héro	E	Hàn-long	Hàn-long	厄爾	Ách-nhĩ	
38,04	2466	Onan	Ô-nan	Hồ-năng	Hồ-năng	敖難	Ngao-nan	
38,05	2468	Sela	Sê-la	Sư-la	Sư-la	舍拉	Xa-lan	
38,06	2472	Thamar	Ta-ma	Thanh-mai	Thanh-mai	塔瑪爾	Tháp-mã-nhĩ	
39,17	2614	Hebreux	Híp-ri	Hy-bá	Hy-bá	希伯來	Hy-bá-lai	
41,45	2784	Aseneth	Át-nát	Sám-nương	Sa-nương	阿斯納特	A-tư- nạp-đặc	
45,10	3149	Gessen	Gô-sen	Diên-san	Diên-san	哥瑟	Ca-sinh	Chi-rút-sen
48,01	3393	Ephraim	Ép-ra-im	Ấm-liêm	Ấm-liêm	厄弗辣因	Ách-phát-lạt-nhân	
48,01	3393	Manasse	Mô-na-se	Mạnh-đạt	Mạnh-đạt	默納舍	Mã-nạp-xá	

## THƯ MỤC SƠ KHỞI

LỮ Y ĐOAN, SẮM TRUYỀN CA, bản chép tay Paulus Tào, PDF, Văn thơ Công giáo - <https://www.vanthoconggiao.net/2023/02/ban-chep-tay-sam-truyen-ca.html>

LỮ Y ĐOAN, SẮM TRUYỀN CA, bản chép tay Nguyễn Văn Nhạn, PDF, <https://www.vanthoconggiao.net/2023/02/ban-chep-tay-sam-truyen-ca.html>

LỮ Y ĐOAN, SẮM TRUYỀN CA Quyển 1-Tào Đao Kinh, Nxb Tập San Y Sĩ, Canada, 2000

LỮ Y ĐOAN SẮM TRUYỀN CA, Tủ sách Nước Mặn, Nxb Hồng Đức, 2020

NGUYỄN VĂN TRUNG, Giới thiệu “SẮM TRUYỀN CA” của Lữ Y Đao, Về sách báo của tác giả Công giáo (thế kỷ XVII-XIX), Tài liệu tham khảo, Trường Đại Học Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh, Khoa Ngữ Văn, 1993, tr. 53-60

HÃN NGUYỄN NGUYỄN NHÃ, Một cảm tưởng... Sđd, tr. 61

TRẦN THÁI ĐÌNH, Vài cảm tưởng sơ khởi về SẮM TRUYỀN CA, Sđd, tr. 62

TRẦN THANH ĐẠM, Một vài cảm nhận và suy nghĩ đầu tiên nhân đọc di bản SẮM TRUYỀN CA của Thầy cả Lữ Y Đao, Sđd, tr. 61-71

TRẦN THANH ĐẠM, Tháp Babel, Sđd, tr. 73-74

LÊ PHỤNG, Đọc: Tào Đao Kinh, trong Hướng đến 400 năm văn học Công giáo Việt Nam, (1632 - 2032), (Lưu hành nội bộ), Tủ Sách Nước Mặn, Mùa Thu 2022, Quyển I tr. 452

LM ANTÔN NGUYỄN TRƯỜNG THĂNG SẮM TRUYỀN CA 1670 - Thơ Lục Bát 100 Năm Trước Thi Hào Nguyễn Du, facebook Nguyễn Trường Thăng

DŨNG LẠC, về SẮM TRUYỀN CA, <http://www.dunglac.info/index.php?m=module3&v=detail&ib=106>

PHẠM XUÂN NGUYỄN, Một truyện thơ cổ có giá trị văn hóa <https://danviet.vn/doc-sach-cung-ban-mot-truyen-tho-co-co-gia-tri-van-hoa-20210810175315947.htm>

VŨ ĐOÀN, SẮM TRUYỀN CA, tập thơ lục bát diễn nôm Kinh Thánh <https://baophapluat.vn/sam-truyen-ca-tap-tho-luc-bat-dien-nom-kinh-thanh-post408170.html>

TRĂNG THẬP TỰ - NGUYỄN THANH QUANG, SẮM TRUYỀN CA, diễn thơ Kinh thánh long đong từ thế kỷ XVII, Tạp chí Xưa & Nay số 549, tháng 3-2023 ( Tr. 39 )

TRĂNG THẬP TỰ - NGUYỄN THANH QUANG, *Tìm phục hồi bản Sấm Truyền Ca quốc ngữ năm 1870*, Tạp chí Xưa & Nay, số 550, tháng 4-2023 (Tr. 63)

Năm 1994, ở ngoài nước, Mục Sư Lưu Hồng Khanh đã nhắc tới Sấm truyền ca trong bài “Thần học trong mạch sống văn hóa xã hội Á Châu”.<sup>a</sup>

Năm 1997, Hai nhà biên khảo: Trần Đức Cường, Lê Phụng, trong Nẻo Mới Vào Văn Học: Cảo Luận vận dụng những lối tiếp cận mới của Tây Phương để tìm hiểu Văn học Việt Nam, phần cuối nói đến Sấm truyền ca cho thấy khả năng truyền thông của tiếng Việt như một ngôn ngữ phổ biến.<sup>b</sup>

Năm 1997, Nguyễn Vy Khanh nhắc tới *Sấm Truyền Ca* trong bài “Tiếng Việt và một số tác phẩm mới phát hiện”.<sup>c</sup>

Năm 2000, Ấn bản Canada: B4.

Năm 2002, “Đôi lời giới thiệu *Sấm Truyền Ca* Lữ Y Đoan”, bài viết chưa công bố của cố Gs. Nguyễn Văn Trung, mời gọi tìm kiếm bút tích *Sấm Truyền Ca*.<sup>d</sup>

**SẤM TRUYỀN CA**  
**CỦA THẦY CẢ LỮ-Y ĐOAN,**  
**ĐỊA PHẬN ĐÀNG TRONG**  
**THẾ KỶ XVII**

**MỤC LỤC**

**LỜI GIỚI THIỆU**

ĐGM Matthêô Nguyễn Văn Khôi ..... 05

**Bìa các bản chép tay** ..... 08

**SẤM TRUYỀN CA CỦA LỮ Y ĐOAN (1670)**

Nguyễn Văn Trung ..... 14

**TÌM PHỤC HỒI BẢN QUỐC NGỮ 1820 CỦA SẤM TRUYỀN CA**

Lm. Trăng Thập Tự.....36

**Bản đồ Trung Đông thời các Tổ phụ**..... 52

**QUYỂN I**

**TẠO ĐOAN KINH** .....42

**Bản đồ Từ Ai Cập về Đất Hứa**.....414

**QUYỂN II**

**LẬP QUỐC KINH** .....415

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN NGƯỜI VÀ TÊN ĐẤT** ..... 481

**THƯ MỤC SƠ KHỞI** ..... 489

<sup>a</sup> Tạp chí “Tin và Sống” Tập san Thần Học, số 4, xb ở Pháp năm 1994. Sdd.

<sup>b</sup> Tạp chí “Hợp Lưu” Hoa Kỳ số 36 tháng 8 và 9 1997. Sdd.

<sup>c</sup> Tập san Y Si Montreal, Canada (345 trang) 1997. Sdd.

<sup>d</sup> Nguyễn Văn Trung, “Sấm Truyền Ca Lữ Y Đoan, Đôi lời giới thiệu”, bài viết tháng 4-2002 chưa công bố.



